

**Những lá Thư từ Nhà tù và các Tiểu luận
khác**

Adam Michnik

University of California Press, 1987

Người dịch: Nguyễn Quang A

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	v
LỜI NÓI ĐẦU	viii
DẪN NHẬP	xvi
THƯ TỪ NHÀ TÙ	1
Vi sao anh không Ký . . . : Một Bức Thư từ Trại Giam Bialoleka 1982	3
Vi sao bạn không Di cư . . . : Thư từ Bialoleka 1982	16
Về Kháng cự: Thư từ Bialoleka 1982	41
Một bức Thư gửi Tướng Kiszczak 1983	64
Về các cuộc Bầu cử 1984	71
Lá thư từ Nhà tù Gdansk 1985	76
ĐOÀN KẾT	101
Một thời Hy vọng 1980	103
Hy vọng và sự Nguy hiểm 1980	111
Một Năm đã Trôi qua 1981	124
ĐỐI LẬP DÂN CHỦ	133
Một Chủ nghĩa Tiến hóa Mới 1976	135
Vài Nhận xét về phe Đối lập và Tình hình Chung ở Ba Lan 1979	149
Mùa Xuân Prague Mười Năm Nhìn lại 1978	155
Những con Giòi và những Thiên thần 1979	169
NHỮNG TIỂU LUẬN LỊCH SỬ	199
Những cái Bóng của Tổ tiên bị Quên 1973	201
Tranh cãi về Công việc Hữu cơ	223
1863: Ba Lan dưới Con mắt Nga	250
Cuộc Nói chuyện trong Thành	275
INDEX	335

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc cầm trên tay cuốn thứ hai mươi sáu* của tủ sách SOS², cuốn *Những lá Thư từ Nhà tù và các Tiểu luận khác* của Adam Michnik, một nhân vật quen biết trong cuốn thứ 24 và 25. Tuy vậy đây là một cuốn sách độc lập, có thể đọc mà không nhất thiết phải đọc 2 cuốn kia (nhưng tôi khuyến khích bạn đọc nên đọc cả hai cuốn đó nữa sau khi đã đọc cuốn này).

Adam Michnik sinh ngày 17-10-1946 và là Tổng biên tập của nhật báo lớn nhất Ba Lan, tờ *Gazeta Wyborcza*, tờ báo hợp pháp tư nhân đầu tiên của phong trào Công đoàn Đoàn kết, cho đến mùa thu 2004. Ông là một nhân vật quan trọng, nhà tư tưởng chính của phong trào này. Hai bài,

* Các quyển trước gồm:

1. J. Kornai: *Con đường dẫn tới nền kinh tế thị trường*, Hội Tin học Việt Nam 2001, Nhà Xuất bản Văn hoá Thông tin (NXB VH TT) 2002; *Con đường dẫn tới nền kinh tế tự do* (NXB Tri thức. 2007)
2. J. Kornai: *Hệ thống Xã hội chủ nghĩa*, NXB Văn hoá Thông tin 2002
3. J. Kornai- K. Eggleston: *Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng*, NXB VH TT 2002
4. G. Soros: *Giả kim thuật tài chính*
5. H. de Soto: *Sự bí ẩn của tư bản*, NXB Chính trị Quốc gia, 2006 [*Sự bí ẩn của Vốn*]
6. J. E. Stiglitz: *Chủ nghĩa xã hội đi về đâu?*
7. F.A. Hayek: *Con đường dẫn tới chế độ nông nô*
8. G. Soros: *Xã hội Mở*
9. K. Popper: *Sự Khốn cùng của Chủ nghĩa lịch sử*
10. K. Popper: *Xã hội mở và những kẻ thù của nó*, I, Plato
11. K. Popper: *Xã hội mở và những kẻ thù của nó*, II, Hegel và Marx
12. Thomas S. Kuhn: *Cấu trúc của các cuộc Cách mạng Khoa học*
13. Thomas L. Friedman: *Thế giới phẳng*, Nhà xuất bản Trẻ, 2006
14. *Một năm Hội nghị Diên Hồng Hungary* do Nguyễn Quang A tuyển, dịch, biên soạn
15. Kornai János: *Bằng Sức mạnh Tư duy, tiểu sử tự thuật đặc biệt*, NXB Thanh Hóa, 2008
16. Kornai János: *Lịch sử và những bài học*, NXB Tri thức, 2007
17. Peter Drucker: *Xã hội tri thức, Quản lý, Kinh doanh, Xã hội và Nhà nước*, tập tiểu luận
18. Murray Rothbard: *Luận lý của tự do*
19. Amartya Sen: *Tư tưởng về công bằng*, sắp xuất bản
20. Kornai János: *Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản, dân chủ và thay đổi hệ thống*, sắp xuất bản
21. Kornai János: *Các ý tưởng về chủ nghĩa tư bản*, NXB Thời Đại, 2012.
22. Robert Kagan: *Thế giới mà Mỹ tạo ra*, 2012
23. Daron Acemoglu, James A. Robinson: *Vi sao các Quốc gia Thất bại*, 2012 (NXB Trẻ có bản dịch khác được xuất bản năm 2013)
24. Kỷ yếu hội thảo Đại học Michigan: *Bàn tròn Ba Lan-Những bài học*, 2013
25. *Thương lượng những thay đổi cơ bản: Hiểu và mở rộng các bài học của các cuộc đàm phán Tròn Ba Lan*, 2013

Lời nói đầu của nhà thơ Czeslaw Milosz và Dẫn nhập của Jonathan Schell giới thiệu kỹ về Michnik và nội dung cuốn sách nên ở đây tôi chỉ muốn lưu ý bạn đọc Việt Nam đến những bài học mà chúng ta có thể học được từ những bài viết của ông cho Việt Nam.

Ba Lan và Việt Nam có nhiều khác biệt nhưng cũng có không ít nét tương đồng. Và nếu bạn đọc muốn rút ra những bài học cho mình, cho tổ chức của mình hay cho Việt Nam nói chung, thì phải luôn để ý đến những sự khác biệt chính cũng như những sự tương đồng quan trọng đó.

Những sự khác biệt chắc không cần phải nhắc đến về văn hóa, địa lý, chủng tộc, lịch sử, thậm chí cả trong sự tương đồng.

Tuy vậy, ở đây chỉ muốn nêu ra vài điểm tương đồng chính. (1) Ba Lan đã bị kẹp giữa 2 cường quốc luôn có tham vọng bành trướng trong lịch sử là nước Nga từ phía Đông và nước Đức từ phía Tây. Quan hệ của Ba Lan với Nga cũng có những nét hao hao như giữa Việt Nam và Trung Quốc (nhưng có một sự khác biệt quan trọng là nhiều sư đoàn quân Liên Xô đã có mặt tại Ba Lan suốt từ 1945 đến hết các năm 1980). (2) Ba Lan và Việt Nam đã chịu nhiều đau khổ của ách ngoại xâm. (3) Và có lẽ quan trọng nhất, hai nước đã đều từng là thành viên của phe xã hội chủ nghĩa. Những sự tương đồng lớn ấy buộc người ta liên tưởng đến tình hình Việt Nam hiện nay hay trong những năm vừa qua khi đọc bất kỳ tiểu luận nào của cuốn sách và sự liên tưởng như vậy là tốt, nó giúp ta rút ra những bài học. Nhưng phải cẩn trọng với những liên tưởng như vậy nếu muốn có những bài học hữu ích vì ngay trong sự tương đồng cũng chứa những dị biệt không nhỏ.

Khi đọc những bài viết của Michnik nếu chúng ta lưu ý đến những sự khác biệt và tương đồng giữa Ba Lan và Việt Nam chúng ta có thể học được rất nhiều bài học hữu ích trong quá trình chuyển đổi chế độ toàn trị sang chế độ dân chủ thực sự. Đó là những bài học về chiến lược bất bạo động; là sự nhìn nhận một cách khách quan, không thiên vị và khoan dung về lịch sử, về đóng góp (tích cực và tiêu cực nhìn từ quan điểm hiện nay) của các nhân vật khác nhau, các phe phái khác nhau thậm chí thù địch

nhau trong lịch sử; là bài học về những kinh nghiệm đấu tranh dân chủ; về chủ nghĩa tiến hóa mới, về đổi lập dân chủ; về phương pháp phân tích độc đáo; và vân vân. Đó là những bài học có tính phổ quát, nhưng muốn rút ra những bài học cụ thể hơn thì cần rất cần trọng.

Hy vọng cuốn sách được cả những người cộng sản, những người chống cộng, các nhà hoạt động dân sự theo những mục tiêu khác nhau, những người đương quyền và những người phấn đấu cho dân chủ, những người trong nước và ở nước ngoài đọc và suy ngẫm để hiểu nhau hơn và tìm ra cách đối thoại để phát triển đất nước.

Các chú thích đánh dấu sao (*) nếu không ghi rõ thêm của ai, thì là chú thích của người dịch và các chú thích khác là của bản tiếng Anh. Tuy đã cố gắng hết sức nhưng chắc chắn bản dịch còn nhiều thiếu sót mong được bạn đọc chỉ bảo và góp ý.

Bắc Ninh, 2-4-2014

Nguyễn Quang A

LỜI NÓI ĐẦU

Czeslaw Milosz*

Hãy để tôi bắt đầu bằng trích dẫn những lời của Mahatma Gandhi: “Nếu một chính phủ gây ra một sự bất công nghiêm trọng, dân phải rút lại sự hợp tác hoàn toàn hay một phần, đủ để làm cho kẻ thống trị bỏ tính độc ác. Trong mỗi trường hợp được tôi hình dung, có một yếu tố đau khổ dù tinh thần hay thể xác. Không có sự đau khổ như vậy không thể đạt được tự do.”

Ngày nay, hướng về cuối của thế kỷ mà đã thấy chiến thắng lớn của hành động của Gandhi trong nước ông, là hợp lý để hỏi liệu những lời này của nhà đề xướng bất bạo động có là hơi quá duy tâm hay không. Chúng ta thường nghe lý lẽ rằng bởi vì Đế chế Anh đã tôn trọng pháp luật, sự phản kháng thụ động đã có một cơ hội thành công, trong khi nhà nước toàn trị hiện đại hay nhà nước cảnh sát không thừa nhận bất kỳ giới hạn nào đối với việc sử dụng quyền lực của nó. Đương đầu với một nhà nước như vậy, bất bạo động, với tư cách một triết lý, và một chiến thuật của cá nhân, là có thể hay không? Đúng, bản thân Gandhi đã nhận ra những khó khăn của nó. Ông đã nói rằng “sự thực hành bất bạo động đòi hỏi sự không sợ hãi và sự dũng cảm bậc cao nhất. Tôi nhận thức thấy một cách đau đớn những sự thất bại của tôi.” Tuy vậy đối thủ của Gandhi đã không phải là một nhà nước mà điều các xe tăng của nó để chống lại các công đoàn.

Khuynh hướng rất tự nhiên của chúng ta để đặt cái có thể vào quá khứ thường dẫn chúng ta đến việc bỏ qua các hành động của những người đương thời của chúng ta những người thách thức trật tự được cho là cố định của các thứ, và đạt tới cái thoát nhìn đã có vẻ là không thể hoặc

* Czeslaw Milosz (1911-2004) nhà thơ nổi tiếng Ba Lan, giải Nobel Văn học năm 1980. Đây là bài “Thinker on the Barricades” của ông đăng trên *The New Republic*, ngày 11-11-1985.

không chắc có khả năng. Tuy nhiên nếu một người xuất hiện hôm nay người đại diện cho triết lý bất bạo động, người đó đáng được biết đến và được kính trọng. Tôi đã có thể đọc ở đây tên của Lech Walesa và của các nhà lãnh đạo Ba Lan khác của Đoàn kết. Lần này, tuy vậy, tôi muốn tập trung vào một người mà truyền bá sự bất bạo động trong các tác phẩm của mình, và khi làm như vậy đã cung cấp nền tảng lý thuyết cho hoạt động của chính ông. Tôi nghĩ đến Adam Michnik, người mà tôi có đặc ân để tính trong số những người bạn của tôi, và người đã bị tòa án Ba Lan kết án trong tháng Sáu 1985 ba năm tù. Tôi sẽ thử giới thiệu ông đầu tiên như tác giả của những cuốn sách mà ông đã viết trong những thời gian ngắn tự do của ông, nhưng hầu hết ở trong các nhà tù của ông.

Adam Michnik, sinh năm 1946 ở Warsaw, con trai của một chiến sĩ cộng sản tiền chiến, và bản thân ông một nhà Marxist nhiệt huyết lúc mới thanh niên, đã trải qua một sự tiến hóa, mà sự mô tả nó trong các tiểu luận của ông trở thành việc đọc hấp dẫn. Ông nói về ảnh hưởng của những cuốn sách, một số được tìm thấy ở nhà, một số được mượn không hoàn toàn hợp pháp từ các thư viện công cộng nơi chúng được đặt ở các phòng “sách cấm.” Ông đã phát hiện ra một sự sai lệch giữa lịch sử thực của thế kỷ hai mươi và lịch sử được giới thiệu trong các sách giáo khoa và sử học chính thức. Vì sự sai lệch đó đã là trung tâm của tư duy của ông, ông đã bắt đầu chỉ trích vai trò của các trí thức với tư cách những tô tử trung thành của đảng, như những người tạo ra màn khói để che giấu sự thật.

Sau khi quyết định trở thành một trí thức, tuy là một loại trí thức khác, ông đã học lịch sử ở đại học và đồng thời tiến hành các hoạt động đối lập. Từ 1965 ông đã thường bị bắt giữ. Bị đuổi khỏi đại học và bị kết án ba năm tù vào năm 1968, ông đã trở thành một công nhân nhà máy trong khi tiếp tục học lịch sử. Ông đã vạch ra lĩnh vực hoạt động của mình: (1) để hiểu rõ ràng, để kêu gọi các trí thức vượt qua nỗi sợ hãi, và không bao giờ nói dối; (2) để xác định lại các mối quan hệ giữa các trí thức và hai lực lượng chính có khả năng làm thay đổi Ba Lan là các công nhân và Giáo hội.

Cuốn sách *The Church, The Left, A Dialogue* (*Giáo hội, cánh Tả*,

một Đối thoại) của Michnik đã được gửi một cách bí mật sang Paris và được xuất bản năm 1977, đánh dấu một bước ngoặt quyết định trong không khí chính trị của nước ông. Các mối quan hệ giữa đa số trí thức Ba Lan và Giáo hội Công giáo đã không thân mật trong nửa đầu của thế kỷ 20; hai thế giới này đã có vẻ thậm chí thù địch với nhau. Tuy vậy, Giáo hội đã trải qua những sự thay đổi sâu sắc từ khi kết thúc chiến tranh. Nó đã thôi là Giáo hội của các nông dân, và đã thu hút ngày càng nhiều người trẻ có tầm cỡ trí tuệ cao vào hàng ngũ của mình như tăng lữ và các thành viên giáo xứ. Nhờ việc nó bảo vệ các cá nhân đối lại quyền lực nhà nước, và sự dũng cảm của nó dưới thời kỳ Stalinist, Giáo hội đã trở thành một đồng minh tự nhiên của tất cả những người đã muốn đưa quyền tự do vào đời sống công. Sự tiến hóa của các trí thức đã dẫn họ theo cùng hướng. Sự đối thoại do Michnik đề xuất chẳng liên quan gì đến các cuộc đối thoại giữa những người Marxist và những người thiên chúa giáo, mà đã luôn luôn kết thúc với việc bắt những người sau phục vụ cách mạng. Đúng hơn mục tiêu đã là để liên kết hai lực lượng được kêu gọi để hoạt động theo cách bất bạo động hướng tới biến đổi xã hội. Sự biến đổi này đã bắt đầu, theo Michnik, tại thời điểm khi xã hội đã học để xem mình là chủ thể, hơn là một đối tượng bị thao túng bởi những người cai trị.

Sau các cuộc biểu tình tự phát của công nhân ở Radom trong năm 1976, bị cảnh sát đè bẹp một cách tàn bạo, Michnik đã trở thành một trong các nhà sáng lập của KOR, Ủy ban Bảo vệ Công nhân, và bắt đầu cần cù thực hiện ý định của mình: một liên minh giữa các trí thức và các công nhân. Bị quấy rối liên miên bởi cảnh sát, những người đã bắt giữ và đã thử hăm dọa các thành viên của nó, Ủy ban đã vẫn trung thành với nguyên tắc hành động hợp pháp, công khai, và bất bạo động. Cuộc đình công Gdansk năm 1980, mà đã dẫn đến việc thành lập Đoàn kết, đã thực hiện trong thực tiễn cái Michnik đã hình dung trong lý thuyết: một liên minh của các trí thức, các công nhân, và Giáo hội, các nguyên tắc hợp pháp và bất bạo động. Và nếu Đoàn kết đã duy trì một thứ hiếm trong các trường hợp tương tự, đặc tính bất bạo động của nó, công trạng cho việc này là nhờ những nền tảng được đặt bởi Michnik và các bạn của ông. Bản thân ông đã chứng minh sự gắn bó của mình với các nguyên tắc vào thời gian của một

cuộc nổi loạn quần chúng gần Warsaw; khi một đám đông đã bao vây một đồn cảnh sát, Michnik đã can thiệp để bảo vệ những cảnh sát bị hiểm nguy và để làm cho đám đông trầm tĩnh lại.

Bị giam giữ cùng với hàng ngàn người khác sau tuyên bố thiết quân luật vào ngày 13 tháng Mười Hai, 1981, Michnik đã ở gần ba năm trong tù. Khi được đề nghị rời khỏi Ba Lan để đổi lấy tự do, ông đã từ chối. Kỳ luật đặc biệt của ông đã cho phép ông viết hai cuốn sách gồm các tiểu luận trong xà lim của ông (mặc dù ông đã không có sự cô đơn ở đó). Những cuốn sách này tiết lộ ông như một nhà phê bình văn học hàng đầu, và như một sử gia được phú cho một phong cách sinh động hơn phong cách của các học giả đại học rất nhiều.

Đã có một lúc trong sự nghiệp của mình khi Michnik là một nhà cộng sản xét lại. Ông vẫn là một người xét lại, nhưng theo một nghĩa khác. Cái τίit nào cho một tác giả từ cánh tả (và ông không từ bỏ lý tưởng xã hội chủ nghĩa) để cho cuốn sách của ông được xuất bản ở Paris năm 1985: *Từ Lịch sử Danh dự ở Ban Lan!* Vì ở đây những ý niệm bị quên hay bị bỏ rơi về đúng và sai, về tốt và xấu, giành được tầm quan trọng vô cùng, và lịch sử của Ba Lan hơn bốn mươi năm qua được diễn giải theo ứng xử đáng kính hay nhục nhã của các cá nhân đối với các nhà chức trách. Và cái có lẽ đáng ngạc nhiên trong một người lo âu đến các nghĩa vụ công dân, Michnik là một bạn đọc chăm chú của thi ca đương đại Ba Lan, tìm thấy trong đó tiếng nói điển đạt nhất về tự do. Trong việc này ông là một người con xứng đáng của một nước mà, chỉ ít về một trong những khía cạnh của nó, đáng để bị các nhà văn phương Tây ghen tị: thi ca được mọi người ở đây coi là một việc nghiêm túc. Tính ưu việt của Michnik trên những người thực hành phê bình văn học chuyên nghiệp, hết sức thành thạo những kiểu cách trí thức mới nhất, chính xác cốt ở việc ông sử dụng các tiêu chuẩn đơn giản về danh dự và lương tâm.

Thế nhưng thái độ của Michnik không phải là thái độ của một nhà đạo đức học bị xúc phạm. Đối mặt với sự hăng hái đạo đức mới kiếm được giữa các nhà hoạt động tự do chủ nghĩa (libertarian), ông gửi lời cảnh báo sau đây, mà tôi trích từ tiểu luận năm 1979 của ông, cho tính ngay thẳng

đạo đức thiên thần của họ:

Bất cứ thứ gì xảy ra ngày mai, ngay ngày hôm nay tôi đã cảm thấy rồi tôi phải chỉ ra rằng một thiên thần, người đòi hỏi chủ nghĩa anh hùng không chỉ từ bản thân mình mà cả từ những người khác nữa, người từ chối hoàn toàn để thừa nhận giá trị của những thỏa hiệp và nhận thức thế giới với một sự đơn giản Manichaeian (Mani giáo, Minh giáo), người trút sự khinh bỉ lên những người mà nhận thức các nghĩa vụ của họ một cách khác đi hướng về các công dân đồng bào của họ như một thiên thần như vậy, cho dù ông ta ngưỡng mộ thiên đường, thì ông ta đã bước vào con đường dẫn tới địa ngục rồi. Không quan trọng dù ông ta biện minh cho các hành động của mình bằng một cách diễn đạt về độc lập dân tộc hoặc bằng một sự không tương xã hội chủ nghĩa-chủ nghĩa phổ quát ông ta đã gieo những hạt của sự hận thù tương lai rồi.

Michnik đại diện cho truyền thống tốt nhất của trí thức Ba Lan, truyền thống của chủ nghĩa khai phóng (liberalism) và khoan dung. Ông đã luôn luôn làm việc chuyên cần chống lại những cám dỗ thù hận trong bản thân và đồng bào ông. Chương trình anh em quốc tế của ông gồm không chỉ các láng giềng trực tiếp của Ba Lan những người Czech, Slovak, Lithuania, Ukrain, và Đức, mà cả dân tộc Nga. Đối với lời phàn nàn, thường được những người Ba Lan nhắc đi nhắc lại, về bị phương Tây bỏ rơi, ông phản đối những lời biết ơn đối với phương Tây vì mối quan tâm của nó đến sự nghiệp được đại diện đầu tiên bởi Ủy ban Bảo vệ Công nhân và sau đó bởi Đoàn kết. Vì sự quan tâm tích cực đó, trước hết, đã được nhân dân và chính quyền Pháp lên tiếng, ông nói về món nợ các chiến sĩ Ba Lan hàm ơn nước của các Quyền con Người và Công dân.

Như một sử gia, Michnik bày tỏ trong các bài viết của mình cuộc đấu tranh vì độc lập của nước ông, mà lấp kín toàn bộ thế kỷ thứ mười chín và dẫn đến việc tạo ra một Ba Lan tự do được dự định, tuy vậy, lại lần nữa bị nhấn chìm trong Chiến tranh Thế giới II và đã trở thành một tù nhân trong hậu quả của nó. Song đề cũ lại xuất hiện, sự lựa chọn giữa cộng tác hay kháng cự. Còn xa mới là một người dân tộc chủ nghĩa, Michnik bám lấy ý tưởng của ông về nhân dân như một chủ thể của lịch sử của họ và không chỉ là một đối tượng, một điều không thể nơi những kẻ cai trị của một nước không được bầu chọn một cách dân chủ mà, ngược lại, được áp đặt từ nước ngoài. Ông trích dẫn Engels, người đã từng nói rằng “một phong

trào vô sản quốc tế là có thể chỉ giữa các dân tộc độc lập.”

Ý nghĩa của các ý niệm như vậy là gì ở châu Âu, mà giả bộ tồn tại trong khi không nhiều hơn một cái bóng của chính mình, bị chia cắt như một hệ quả của Yalta? Chọn một sự kháng cự bất bạo động, Michnik không hy vọng làm thay đổi bản đồ châu Âu. Ông đặt hy vọng của mình vào một áp lực liên tục của các công dân ý thức được các quyền của họ lên các nhà cai trị. Các nhà cai trị chẳng bao giờ có chiều hướng thừa nhận các đòi hỏi của dân cư trừ phi họ bị buộc phải. Đúng là Ba Lan thuộc về khối Soviet. Thế nhưng Cộng hòa Nhân dân Ba Lan đã ký hiệp ước Helsinki, và Hiệp ước các Quyền Dân sự và Chính trị, cũng như Hiệp định số 87 của Tổ chức Lao động Quốc tế về quyền tự do lập hội và Hiệp định số 98 và các quyền của công nhân để tổ chức và thương lượng. Sự thực này đủ để xác định tất cả các hành động được Michnik hình dung và đề xướng như hoàn toàn hợp pháp, trong khi các công cụ được cảnh sát và bộ máy tư pháp sử dụng ở Ba Lan là sự vi phạm trắng trợn các hiệp định quốc tế.

Về đường nét chung, chương trình của Michnik giống chương trình của Lech Walesa. Và chính bởi vì một hội nghị do Walesa triệu tập mà Michnik bị ba năm tù. Tội của ông là ở chỗ đã thảo luận với các bạn cùng bị tù của ông, Bogdan Lis và Wladyslaw Fransyniuk, về khả năng tuyên bố một cuộc tổng đình công mười lăm phút. Cuộc đình công chẳng bao giờ xảy ra, nhưng chính hành động cân nhắc nó đã là đủ cho chính quyền quy cho họ là các tội phạm.

Michnik là một động vật chính trị. Tất cả mọi thứ trong ông đều hướng hành động. Có thể rằng chúng ta có được các tác phẩm văn học của ông nhờ các tháng và năm ông đã ở trong tù, vì ở đó ông đã không thể hành động khác với việc cầm bút của mình. Tôi thú nhận rằng đối với tôi, vì tôi thiếu tính khí chính trị, ông là một hiện tượng lạ, chính xác bởi vì sự kết hợp của sinh lực trong chuyển động, của sự tinh khiết đạo đức và các phẩm chất trí tuệ cao, một sự kết hợp hầu như chống lại bản chất của những cam kết công. Chúng tôi gắn kết với nhau, vì ông đã dành riêng cho việc nghiên cứu sâu sắc thơ của tôi. Thế nhưng trước ý chí bất khuất của ông, mà đây ông trả giá bằng chính con người ông mỗi khi ông bắt gặp sự

bất công, tôi cảm thấy cái có lẽ được cảm thấy bởi một người Hindu trung bình đối diện với sự hiến dâng của Gandhi: sự khâm phục pha lẫn với sự hoài nghi và hy vọng.

Thế tính hiệu quả của bất bạo động được nâng lên mức nguyên tắc và được áp dụng vào hoàn cảnh của đời sống đương đại của chúng ta là gì? Chủ nghĩa khủng bố có vẻ tương ứng với một tầm nhìn hư vô mà trong đó chỉ một thứ duy nhất được tính đến là vũ lực trần trụi. Chủ nghĩa khủng bố của các nhà cách mạng và chủ nghĩa khủng bố của nhà nước có vẻ là hai mặt của cùng đồng xu. Các phong trào thuần túy hòa bình, Mùa xuân Prague năm 1968 và Đoàn kết năm 1980-81 đã bị đập tan, và khả năng của một cuộc đối thoại giữa dân cư và chính phủ, luôn luôn được Lech Walesa và Adam Michnik chủ trương, vấp phải sự từ chối vô liêm sỉ từ phía những người mà tìm thấy quyền lực của họ trên vũ lực. Thế thì, việc sử dụng bất bạo động là gì, và Mahatma Gandhi sẽ phải nói gì về chủ đề đó nếu giả như ông vẫn còn sống?

Có vẻ đối với tôi rằng những khái niệm quen thuộc đó về các mối liên kết giữa các nguyên nhân và các kết quả bao vây chúng ta trong các song đề đơn giản thái quá, cơ học, và tuyệt vọng. Lịch sử của thế kỷ cung cấp cho chúng ta một số bằng chứng để chứng minh vai trò của những hành động mà có vẻ không quan trọng và dễ có khả năng thất bại, thế nhưng màu mỡ về mặt tiềm năng. Đôi khi chúng ta đã có cơ hội để kinh ngạc trước cảnh tượng của một cây khổng lồ mà sự sinh trưởng của nó, từ dạng một chiếc hạt nhỏ ban đầu của nó, chúng ta đã chẳng bao giờ nghĩ đến. Các bài viết của Michnik là quan trọng cho lịch sử trí thức của Ba Lan, và đánh dấu một sự thay đổi mang tính quyết định về tâm tính. Chúng cũng có tầm quan trọng lớn cho thi ca Ba Lan thêm một lý do nữa vì sao tôi phải nhấn mạnh giá trị của chúng. Tất nhiên hoàn toàn có thể để nói rằng những thay đổi về định hướng giữa các trí thức là không có ý nghĩa, rằng văn học không có trọng lượng mấy khi đối mặt với các xe bọc thép. Đây chính xác là cái chính phủ Warsaw làm. Và cũng có thể, như người phát ngôn của chính phủ đã làm, để bác bỏ lời kêu gọi được gửi đến Tướng Jaruzelski bởi ba mươi người được giải Nobel, những người đã yêu

cầu phóng thích Michnik và các đồng nghiệp của ông. Thế nhưng sự khinh bỉ người ta thể hiện đối với dự luận quốc tế đôi khi tỏ ra là khá tai hại, như lịch sử của thế kỷ chứng minh. Nó mở ra vực thẳm tội lỗi mà đe dọa nuốt chửng những người được thúc đẩy bởi sự xấu xược.

Bằng các hành động, luôn luôn bất bạo động, của mình, Michnik đã thiết lập sự thống nhất của các tiền đề và các kết luận của ông. Tôi muốn thu hút sự chú ý của bạn đến một giả thuyết: có năng lực nhìn thấy sự vĩ đại trong quá khứ trong những người như Gandhi, chúng ta có thể không nhìn thấy cái xảy ra trong hiện tại. Nếu giả thuyết này đúng, Michnik là một trong những người mà mang lại danh dự cho hai thập niên vừa qua của thế kỷ thứ hai mươi, cho dù một bộ phim về cuộc đời ông sẽ không được sản xuất sớm.

DẪN NHẬP

Jonathan Schell*

Hiếm hơn tính độc đáo trong khoa học hay nghệ thuật rất nhiều là tính độc đáo trong hoạt động chính trị. Và còn hiếm hơn là hoạt động chính trị sáng tạo độc đáo mà mở rộng, hơn là làm tàn lụi hoặc hủy hoại những khả năng con người. Phong trào đối lập ở Ba Lan, mà vẫn tích cực bốn năm sau khi chính phủ quân sự của Tướng Wojciech Jaruzelski tuyên bố “tình trạng chiến tranh” và đã cấm liên đoàn công đoàn độc lập Đoàn kết, có vẻ đối với tôi, đã tạo ra một sự đóng góp như vậy cho thế giới. Cho đến nay, có lẽ sáng chế độc đáo nhất của thế kỷ chúng ta trong lĩnh vực chính trị, đáng tiếc, đã là sáng chế thảm họa về chủ nghĩa toàn trị, mà đã mở rộng hết sức năng lực con người cho cái ác có tổ chức. Bây giờ, chỉ ít, sau nhiều thập niên và hàng chục triệu sinh mạng, từ tinh thần con người đã sinh ra cái mà có mọi vẻ bề ngoài là sự đáp lại đầu tiên hoàn toàn thích hợp. Sự đáp lại này, đúng là có thể một phần bởi vì hệ thống toàn trị được nói đến, hệ thống cộng sản Soviet trong phiên bản Ba Lan của nó, đã ôn hòa nhiều kể từ khi nó đạt điểm cao nhất của nó về tính tàn bạo, trong những ngày của Joseph Stalin. Cũng đúng, tất nhiên, rằng các chính phủ toàn trị đã bị phản đối có hiệu quả từ bên ngoài vào, bởi các chính phủ khác nổi bật nhất bởi các Đồng Minh trong Chiến tranh Thế giới II, những người đã đánh bại chế độ Nazi về mặt quân sự và sau đó đã giải tán nó. Nhưng bây giờ một chính phủ toàn trị đã tìm đến một địch thủ hùng mạnh từ bên trong đoàn thể chính trị của chính nó. Cuộc cách mạng Ba Lan tự hạn chế, như nó đã được gọi là tự-hạn chế bởi vì, mặc dù nó đã nhận được sự ủng hộ ít hãnh của công chúng Ba Lan, nó đã cố ngăn mưu toan lật đổ chính phủ, đã có nhiều đặc tính mới. Có sự tham gia cốt yếu, có quy mô đầy đủ và được giữ vững của giai cấp công nhân. Có một liên minh của phe đối lập thế tục

* Jonathan Schell, bài “Reflections” đăng trên *The New Yorker Magazine*, ngày 3-2-1986

với Giáo hội Công giáo. Có sự hiến dâng cho tự do, và sự dân chủ nội bộ của phong trào. Nhưng, có lẽ, quan trọng hơn bất kỳ đặc tính nào của những đặc tính này đã là sự khám phá ra một kiểu hành động mới, kiểu mà đã đóng góp to lớn để làm cho tất cả chúng là có thể. Mặc dù được rèn luyện trong sự đối lập với quyền lực toàn trị, phong trào Ba Lan đã không lớn lên để giống đối thủ của nó; câu trả lời của nó cho bạo lực toàn trị và sự lừa gạt đã không là bạo lực và sự lừa gạt với sự xuyên tạc mới nào đó, màu sắc chính trị mới nào đó. Thay vào đó, trong một sự đoạn tuyệt triệt để, nó đã nhường các dụng cụ hoàn toàn cho kẻ thù chính phủ của nó, và đã tìm sức mạnh của nó trong các nguồn hoàn toàn khác, kể cả, trước hết, vô số hoạt động ôn hòa của đời sống công dân bình thường. Khi làm như vậy, nó đã rời khỏi không chỉ những thói quen toàn trị mà khỏi các thói quen bạo lực của hầu hết các cuộc cách mạng khác. Một số người đã nghi ngờ liệu phong trào đối lập Ba Lan có thực sự có nghĩa là một cuộc cách mạng. Vì nó đã không lật đổ, hay thậm chí tìm cách lật đổ, nhà nước, có thể nói nó đã không là. Thế nhưng, dường như để bù cho thiếu sót đó, nó đã hoàn toàn triệt để hơn trong các lĩnh vực khác của đời sống như xã hội, văn hóa, và thậm chí tinh thần. Trong không lĩnh vực nào, tuy vậy, nó đã triệt để hơn trong lĩnh vực về các tập quán của chính nó, mà tạo thành một chương mới trong lịch sử cách mạng. Trong khía cạnh đó, nó không chỉ là một cuộc cách mạng; nó là một cuộc cách mạng về cách mạng. Cách mạng đã bắt đầu, đột ngột và ngoạn mục, trong tháng Tám 1980; rồi, trong tháng Mười Hai 1981, Đoàn kết, lực lượng được tổ chức của nó, đã bị đặt ra ngoài vòng pháp luật và bị đẩy vào bí mật; kể từ đó, cách mạng đã nổi lên trong nhiều hình thức, đôi khi mãnh liệt hơn bao giờ, mặc dù đã lại không đạt được sự bày tỏ có tổ chức gây ấn tượng mạnh mẽ ở mức quốc gia. Thành tựu cuối cùng của cách mạng cho Ba Lan vẫn phải còn bộn bề,* nhưng đối với thế giới nói chung chương của lịch sử chính trị mà đã được viết rồi là hồ sơ của các phát minh và khám phá phong phú trong đời sống chính trị và đạo đức mà không sự kiện tiếp sau nào có thể xóa đi. Ba Lan vẫn bước từng bước lên và xuống trong nhà giam địa chính trị của nó,

* Nên nhớ Dẫn nhập này được viết vào năm 1986 và cách mạng Ba Lan thực sự thành công năm 1989!

nhưng xuyên qua các chấn song (nhà giam) nó đã chuyển rồi những quà tặng vô giá này cho chúng ta.

Trong những tiếng nói mà nói với chúng ta từ Ba Lan hôm nay, quan trọng nhất có thể là tiếng nói của Adam Michnik. Ông đưa ra một tiên đoán và lời khuyên nào đó:

Tôi . . . tin rằng chế độ độc tài toàn trị phải bị diệt vong. Bây giờ, không ai tin vào những lời hứa láo của họ. Họ vẫn còn sức mạnh để bỏ tù và giết, nhưng hầu như không có sức mạnh nào khác. Tôi nói “hầu như” bởi vì (chao ôi) họ vẫn còn khả năng tiêm nhiễm chúng ta với sự thù hận và khinh miệt riêng của họ. Sự lây nhiễm như vậy phải bị kháng cự với toàn bộ sức mạnh của chúng ta, vì trong tất cả các cuộc đấu tranh chúng ta đối mặt đây là cuộc khó khăn nhất.

Michnik bây giờ đang ở trong một nhà tù của chế độ toàn trị, thế nhưng mối quan tâm đầu tiên của ông và nằm ở đây là một trong những chìa khóa của tư duy của ông, và, ta phải nói thêm, của tính cách của ông với phẩm chất ưu tú của cách cư xử riêng của ông, mà, cùng với cách cư xử của các nạn nhân khác của tình hình hiện tại, ông chắc chắn, một ngày sẽ định giọng cho bất cứ hệ thống chính trị nào tiếp theo sự sụp đổ toàn trị. Các tiểu luận của ông là chỉ dẫn có giá trị nhất chúng ta có về những nguồn gốc của cách mạng, và, đặc biệt hơn, về những thực hành đổi mới sáng tạo của nó. Michnik sinh năm 1946, ở Warsaw. Bố mẹ ông được ông miêu tả như “Những người Cộng sản Ba Lan có gốc Do Thái.” Tại Ba Lan trước chiến tranh, cha ông đã ở trong tù vì những hoạt động chính trị. Từ ban đầu của thời thanh niên, Adam đã tỏ ra là một nhà hoạt động chính trị không thể kiềm chế được tuy thuộc một khuynh hướng khác nổi bật với xu hướng của bố mẹ ông. (Vào năm 1977, người cha đã trở thành một người ủng hộ các hoạt động chống cộng của con trai đủ để tham gia một cuộc tuyệt thực trong một nhà thờ để ủng hộ một lời kêu gọi thả Adam và những người khác khỏi nhà tù.) Vào tuổi mười lăm, ông đã lập ra một câu lạc bộ chính trị được gọi là Những người Tìm kiếm những sự Trái ngược nhưng được nhiều người Ba Lan biết đến một cách thân mật như Những Đứa trẻ Xét lại Mới biết đi. (Muộn hơn, chế độ, tìm cách cho Những Đứa trẻ Mới biết đi một vẻ đáng sợ hơn, đã bắt đầu nhắc đến câu lạc bộ như các Commando, các Biệt kích.) Vào tuổi mười tám, ông đã bị bắt lần đầu tiên, vì dính líu

đến việc viết và phát tán một bức thư được gọi là “Thư Ngỏ gửi Đảng,” mà đã phê phán chế độ và đã được ký bởi Jacek Kuron và Karol Modzelewski các đàn ông ở cuối tuổi hai mươi của họ những người đã nổi bật trong việc làm nảy nở phong trào đổi lập. Kuron đã bị án ba năm tù và Modzelewski bị ba năm rưỡi; Michnik đã bị giam trong tù hai tháng. Sau đó, đời ông đã trở thành một loạt các hoạt động chính trị xen kẽ với những kỳ hạn tù. Năm 1964, ông đăng ký vào học ở Bộ môn Lịch sử của Đại học Warsaw, và năm 1966 ông bị đình chỉ vì tham gia vào một cuộc thảo luận trong đó nhà triết học Leszek Kolakowski đã chỉ trích chế độ. Năm 1968, ông đã giúp tổ chức một cuộc biểu tình phản đối việc cấm diễn vở kịch “Tổ tiên – Dziady” của Adam Mickiewicz, nhà thơ Ba Lan thế kỷ thứ mười chín được sùng kính, và đã bị đuổi khỏi đại học theo lệnh của bộ trưởng Bộ Đại học. Các cuộc biểu tình chống lại việc đuổi ông đã bốc lên tại đại học; cũng thế đã là chiến dịch chính thống, đượm vẻ chống Do Thái, chống lại những người biểu tình. Tháng Hai năm 1969, ông đã bị kết án ba năm tù giam vì đã thuộc về một tổ chức ngầm mà đã thử lật đổ nhà nước, mặc dù thực ra đã không tồn tại tổ chức nào như vậy. Sau khi ngồi tù một năm rưỡi, ông được thả, và đã kiếm việc làm tại nhà máy sản xuất bóng đèn Rosa Luxemburg, ở Warsaw. Năm 1971, ông đã bỏ việc làm, và cuối cùng đã gia nhập Đại học Poznan như một sinh viên mở rộng (hàm thụ), và đã ở đó cho đến 1975, khi ông nhận được bằng Thạc sĩ về lịch sử. Tháng Năm 1977, ông lại bị bắt, nhưng lần này ông đã được thả, cùng với những người khác, chỉ sau hai tháng sau đó, theo sau các cuộc phản đối rộng rãi trong cộng đồng trí thức chống lại các vụ bắt giữ. Vào cuối các năm 1970, ông đã giúp để thành lập Nhà Xuất bản Độc lập, và ông cũng đã giúp thành lập cái gọi là Đại học Bay, mà đã cung cấp các bài giảng không bị kiểm duyệt tại các căn hộ của người dân, giữa những nơi khác. Vào tháng Tám 1980, ông và nhiều người khác đã lại bị bắt, và lần này các công nhân tại các xưởng đóng tàu ở Gdansk đã biến việc thả các tù nhân này thành điều kiện cuối cùng của một thỏa thuận lịch sử với chính phủ, thỏa thuận mà dưới nó Đoàn kết đã được hợp pháp hóa. Sau khi quân luật được áp đặt, ông đã bị bỏ tù một lần nữa (lần này không có xử án), và ông đã bị giữ hơn hai năm rưỡi. Sáu tháng sau khi ông được thả, ông đã bị bắt lại, bị xử án, bị kết án, và bị một bản án ba năm tù, mà bây giờ ông đang thụ án.

Michnik không phải là một triết gia chính trị và chắc chắn không phải là một “nhà khoa học chính trị” ông cũng chẳng là một người đề xướng bất cứ ý thức hệ hay hệ thống tư tưởng chính trị nào. Các bài viết của ông, giống các bài báo Liên bang của Madison và Hamilton, hoặc các bài báo và bức thư của Gandhi, không chỉ là những sự suy ngẫm về hành động mà bản thân chúng là một hình thức hành động. Với công lý bình đẳng, người ta đã có thể nói rằng các hành động của ông cùng với hành động của vô số người khác ở Ba Lan là một loại bài viết, cho hành động, khi nó là sáng tạo, có một sức mạnh để mở ra những khả năng mới mà to lớn như sức mạnh của bất cứ cuốn sách nào. Các tác phẩm của Michnik, vậy thì, cả phần ảnh hưởng giúp định hình những khả năng mới mà đã được và đang được nhân dân Ba Lan đưa vào cuộc sống. Một khả năng để viết về các sự kiện và để đồng thời tham gia vào chúng là hiếm. Việc viết, do bản chất của nó, cần đến nơi tĩnh mịch, trong khi hoạt động chính trị, do bản chất của nó, cần đến sự kết giao liên tục với những người khác. Song đề này đã được các nhà chức trách giải quyết rõ ràng cho Michnik khi họ lặp đi lặp lại tống ông vào tù. Trong tiểu luận “Thư từ nhà tù Gdansk,” được viết vào mùa xuân 1985, ông nhận thấy rằng trong sáu tháng tự do vừa qua của mình ông đã không có khả năng để viết, nhưng khi ông thấy mình lại ở trong tù việc viết văn đã phục hồi ngay lập tức và, với sự mỉa mai đặc trưng và sự hài hước hóm hỉnh, ông đã gửi cho vị tướng người đã nhốt ông “lòng biết ơn vì sự theo dõi kỹ lưỡng các bước đi của tôi và vì sự chỉ hướng thích hợp cho những suy tư của tôi.” (Một trong những điều thú vị của các tiểu luận của Michnik là, chúng kết hợp tính nghiêm túc của ý định với sự nhẹ nhàng của phong cách.) Nói chung, Michnik khuấy động nhiều rắc rối đến vậy cho chế độ đến nỗi nó thấy phải nhốt ông lại; nhưng một khi ông bị nhốt ông bắt đầu viết, và các bức thư của ông, được lén đưa ra ngoài, được đọc trên khắp Ba Lan, và ở nước ngoài, và gây ra, có lẽ, thậm chí nhiều rắc rối hơn cho chế độ. Thêm một trong những tình trạng sa lầy của nó và không phải là sự sa lầy cuối cùng, hoặc là chế độ lúng túng để làm cho rõ ràng.

Nhà văn Czech, Milan Kundera, đã nhận xét rằng các tiểu thuyết hay nhất không chỉ xác nhận cái chúng ta đã biết rồi mà khám phá ra những

khía cạnh mới của sự tồn tại. Có thể nói cũng thế về sự viết lách chính trị của Michnik. Ông chẳng bao giờ chỉ làm tăng thêm cường độ cho mặt này hoặc mặt kia của một lý lẽ hiện có, chẳng bao giờ chỉ nỗ lực từ ngữ từ một vị trí cố định. Có lẽ như một kết quả của điều này, các tiểu luận của ông, tuy được viết giữa cuộc đấu tranh chính trị, là những mẫu mực về sự cân xứng và tính ngay thẳng. Ông quan tâm đến việc làm sâu sắc sự hiểu biết của riêng mình và của những người khác, và vì thế ông không thể chịu được sự xa hoa vụn vẹo vì các lý do đảng phái. Xu hướng văn học của ông cũng chiến đấu chống lại những sự diễn tả có dụng ý. Về một nhà văn mà sự miêu tả của ông ta về cảnh tượng đương thời ông thấy bị chính trị hóa quá hẹp hòi, ông khẳng định rằng người ấy thiếu “toàn bộ khía cạnh đầy kịch tính của thực tế xã hội và chính trị . . . toàn cảnh quyền rũ của sự thất bại trộn lẫn với hy vọng, lý trí với sự ngây thơ, nỗi sợ hãi với sự làm ra vẻ can đảm.” Một lần, khi Đoàn kết hoạt động tại cao trào của nó, một đám đông diên tiết ở thành phố Otwock đã bao vây một cảnh sát người mà họ tin đã đánh đập nghiêm trọng hai kẻ say rượu. Michnik, giữa những người khác, đã được mời đến hiện trường, và, giới thiệu bản thân mình như một “phần tử chống xã hội chủ nghĩa,” ông đã giúp làm trầm tĩnh đám đông và cứu người cảnh sát khỏi bị làm hại. Cùng tinh thần về sự không muốn nhìn thấy sự bất công, ngay cả đối với những người đối xử bất công với ông, thắm vào các tiểu luận của ông. Không muốn cong lưng trước bất cứ chế độ nào, ngang thế ông không muốn tính độc lập về tâm trí hay lương tâm của ông bị bất cứ bè phái hay tính chính thống kinh địch nào chi phối. Trong hành động và trong lời nói như nhau, ông nhắc nhở chúng ta rằng mặc dù tự do có thể và có lẽ phải được bảo đảm bởi các định chế, quyền tự do rất cuộc luôn luôn là một thành tựu của tinh thần cá nhân.

Năm 1976, bốn năm trước khi Đoàn kết ra đời, Michnik đã viết một tiểu luận tiên tri được gọi là “Chủ nghĩa Tiến hóa Mới,” trong đó ông đã đề nghị một hướng mới cho phe đối lập chính trị, mà lúc đó đã nhỏ và tương đối yếu. Tiểu luận được viết đối diện với hậu cảnh “nghĩa vụ đối với các bạn” của Ba Lan một trong nhiều lời nói trại được dùng liên quan đến sự thực quan trọng nhất của đời sống chính trị ở Ba Lan, mà là sức mạnh áp đảo của Quân đội Soviet và quyết tâm thường được chứng tỏ của Liên

Xô để sử dụng nhằm giữ các nước chư hầu Xã hội chủ nghĩa dưới sự thống trị chính trị của nó. (Không trong phần nào của thế giới cách nói “các bạn của chúng ta” lại có tiếng ngân báo điềm gở hơn ở các quốc gia Đông Âu.) Nếu giả như mối đe dọa này bằng cách nào đó biến mất, có vẻ chắc chắn để nói, Chính phủ Cộng sản Ba Lan sẽ sụp đổ ngay tức khắc. (Trong thực tế, tất nhiên, sự biến mất của mối đe dọa cũng không chắc xảy ra như bất cứ sự kiện nào có thể trong thế giới của chúng ta.) Thực ra mà nói, sự thống trị bởi một cường quốc nước ngoài, và đặc biệt bởi láng giềng Nga, hầu như không là kinh nghiệm mới đối với Ba Lan: nó đã bị phân chia trong hơn một thế kỷ từ 1795 đến 1918 giữa Áo, Phổ, và nước Nga sa hoàng, và để chống lại các nước này đối lập quân sự đã gần như vô vọng như chống lại Liên Xô bây giờ. Trong thời chúng ta, một nhân tố mới siết chặt thiếu sót mà trong đó Ba Lan thấy mình hiện diện trong thế giới của vũ khí hạt nhân. Ba Lan ở chính giữa của cái lòng chảo đó của thế giới mà bị đông cứng trong sự bất động, về mặt quân sự và ngoại giao, bởi sự bế tắc hạt nhân. Trong quá khứ, cho dù sự nổi loạn đã là vô tác dụng, Ba Lan đã có thể mơ về sự cứu nguy bởi quân đội nước ngoài, hay bởi sự sắp xếp lại quyết liệt nào đó của trật tự quốc tế như một kết quả của chiến tranh; và, thực ra, trong thế kỷ của chúng ta Ba Lan đã hai lần được giải phóng khỏi những kẻ áp bức của nó bởi chiến tranh lần đầu tiên khi nó đạt được độc lập, trong hậu quả của Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất, và sau đó khi bọn Nazi bị đuổi khỏi Ba Lan, chỉ để chuẩn bị, đáng tiếc, cho sự cai trị Soviet ở nước này. Tuy vậy, ngày nay Ba Lan phải chấp nhận cái tất cả châu Âu chấp nhận: rằng trong thời đại hạt nhân bản đồ của châu Âu không chắc có bao giờ được vẽ lại bởi các quân đội hành quân. Các lựa chọn thay thế có khả năng được thời đại chúng ta đem lại là sự bế tắc hạt nhân và sự hủy diệt hạt nhân, và trong cả hai trường hợp không có hy vọng nào cho sự cứu Ba Lan. Nói tóm lại, những người Ba Lan bị giữ trong sự nô dịch bởi sức nặng ba phần: ở mức địa phương, chế độ toàn trị ở Warsaw; ở mức quốc gia, sự đe dọa về sự xâm lấn Soviet trực tiếp; và, ở mức quốc tế, ảnh hưởng gây tê liệt quân sự của vũ khí hạt nhân, mà giữ nguyên tại chỗ toàn bộ sự dàn xếp bất hạnh một cách vững chắc.

Đối với hầu hết những người quan sát sau chiến tranh, sự kết hợp này

của hoàn cảnh đã có nghĩa là sự vô vọng, và họ đã không do dự tuyên bố bất cứ sự cải thiện đột ngột nào về tình hình của Ba Lan là không thể có. Bởi vì Ba Lan đã không có cơ hội nào để đánh bại các lực lượng quân sự và cảnh sát át hẳn được bày binh bố trận chống lại nó, lý lẽ tuôn ra (khi bất cứ ai thậm chí đã lo lắng để giải thích cái gì đó hiển nhiên đến vậy), bất kỳ sự kháng cự nào đều đã chịu số phận thất bại. Chính sự thiên tài của Michnik đã là để tách rời hai nửa của lời xác nhận, và để chấp nhận nửa đầu tiên (tính không thể của sự đánh bại các quân đội và các lực lượng cảnh sát) và bác bỏ nửa thứ hai (tính vô vọng của tất cả sự kháng cự). Nếu có một lợi thế để có được từ sự đương đầu với tai ương át hẳn, đó là cái chết của những ảo tưởng: tâm trí và thân thể được cứu từ việc lãng phí bản thân trong theo đuổi cái không thể. Về mặt lịch sử, những người Ba Lan đã là những người lãng mạn nhất, phần nhiều có thói quen theo đuổi cơ hội dài và giấc mơ xa, nhưng ngay cả các giấc mơ nóng hổi nhất về sự phản kháng quân sự đã không có thể sống qua sự làm nản lòng của vũ khí hạt nhân được chất đống trên hai trăm sư đoàn quân đội Soviet được chất đống trên sự cai trị toàn trị. Sự chấp nhận cuối cùng của nhận định đó đã dọn đường cho những sự điều tra nghiên cứu mới, và một loại tư duy mới. Từ bỏ, trong lúc này, mọi hy vọng của một cuộc vượt ngục, các thành viên của phe đối lập Ba Lan đã bắt đầu xem xét kỹ lưỡng hơn cái xà lim mà trong đó, có vẻ, đã là số phận của đất nước để sống trong một thời kỳ không xác định; tức là, thừa nhận rằng đã không có sự cứu nào cho Ba Lan thời này bằng những việc chuyển quân, họ đã bắt đầu xem xét kỹ lưỡng những chi tiết vụn vặt của môi trường địa phương của họ. Các đội quân Soviet, đã dễ hiểu, không thể bị đẩy ra khỏi Ba Lan; nhưng nếu mười người tụ tập trong căn hộ của ai đó và nghe một bài giảng không bị kiểm duyệt về lịch sử Ba Lan thì sao? Đảng Cộng sản có lẽ đã không thể bị đánh bật khỏi “vai trò lãnh đạo” của nó trong công việc của nhà nước; nhưng nếu một nhóm công nhân bắt đầu xuất bản một bản tin mà trong đó hoàn cảnh nhà máy được mô tả một cách chân thật thì sao? Và nếu hàng triệu người, quăng đi sự sợ hãi, bắt đầu tiến hành hoạt động tại chỗ thuộc loại này trên khắp nước thì sao? Chết men mới, dùng những từ của Irena Grudzinska-Gross trong cuốn *The Art of Solidarity (Nghệ thuật của Đoàn kết)*, là “một nỗ lực để đi quá các giới hạn của chân trời chính trị trong khi

vẫn ở bên trong cùng các đường biên giới địa lý.”

Có lẽ trí óc sắc sảo nhất điều chỉnh các thấu kính của chiếc kính hiển vi chính trị về những vấn đề này đã là trí óc của Michnik. Trong “Chủ nghĩa Tiến hóa Mới” ông xem xét quang cảnh chính trị và kiến nghị một con đường hành động mới. Ông làm việc từ giả thiết rằng “để tin vào việc lật đổ chế độ độc tài của Đảng bằng cách mạng . . . là cả không thực tiễn lẫn nguy hiểm.” Ông khao khát sự độc lập hoàn toàn cho Ba Lan nhưng chấp nhận sự thực rằng bất cứ dự án nào để đạt điều đó trong tương lai có thể đoán trước được là vô vọng. Tuy nhiên, ông thấy rõ các cơ hội hoạt động thuộc loại mà ông tin có thể hết sức thành công. Giữa tảng đá của sức mạnh Soviet và nền cứng của đời sống Ba Lan đương thời, ông phát hiện ra một khoảng trống. Theo quan điểm quy ước, các lợi ích của Liên Xô và các lợi ích của xã hội Ba Lan đối lập nhau một cách không thể sửa đổi được trên mọi lĩnh vực. Michnik đi đến một kết luận khác gây sững sốt. “Các lợi ích của ban lãnh đạo chính trị Soviet, của ban lãnh đạo chính trị Ba Lan, và của phe đối lập dân chủ Ba Lan,” ông viết, “về cơ bản là trùng nhau.” Chúng nhất trí bởi vì đối với cả ba bên sự can thiệp quân sự Soviet sẽ là một thảm họa: đối với ban lãnh đạo Soviet bởi vì nó sẽ phải chịu những sự tổn thất khổng lồ và lâu dài về uy thế chính trị toàn cầu của nó; đối với ban lãnh đạo Ba Lan bởi vì nó sẽ mất chủ quyền hạn chế mà nó đang hưởng bây giờ và, hơn nữa, có thể bị “truất ngôi”; và đối với phe đối lập Ba Lan bởi vì sự đổ máu và những sự khắc nghiệt gia tăng của sự cai trị Soviet trực tiếp. Một cuộc xâm lấn như vậy sẽ thúc giục “một cuộc chiến tranh mà Ba Lan . . . không thể thắng trên chiến trường nhưng Liên Xô không thể thắng về mặt chính trị.” Những lợi ích trùng nhau của ba bên, ông kết luận, xác định “một khu vực của sự vận động chính trị chấp nhận được . . . lĩnh vực của thỏa hiệp có thể.”

Tiếp cận câu hỏi về có thể làm gì, Michnik thảo luận tỉ mỉ các nỗ lực quá khứ, và hoàn toàn đặc trưng cho tinh thần của bài viết của ông rằng ngay cả khi đánh giá cuối cùng của ông về nỗ lực này hay nỗ lực nọ là tiêu cực ông công nhận một cách hào phóng công trạng của chúng vì bất cứ điều tốt nào đã đạt được. Michnik là bất cứ gì trừ một nhà biện chứng

Hegelian, bất cứ gì trừ một người tin mù quáng vào các lực lượng lịch sử tác động đằng sau lưng con người, mà ông luôn luôn để mắt đến câu chuyện lịch sử lớn hơn mà bất cứ sáng kiến cá biệt nào đều là một phần của nó, và ông biết tinh tường rằng một chút (một ly, một inch) tiến bộ được tạo ra trong một thập niên, mặc dù bản thân nó không xứng đáng, và có lẽ đã dựa trên những tiền đề sai, có thể làm cho inch tiếp theo trong thập niên tới là có thể. Trong quá khứ gần của Ba Lan ông nhận diện ra hai trường phái cải cách: những người xét lại, mà đã tìm cách làm mềm và tự do hóa sự cai trị cộng sản bằng viện đến các khía cạnh nhân văn của lý thuyết Marxist và lý thuyết xã hội chủ nghĩa khác; và cái gọi là các nhà thực chứng mới, một nhóm Công giáo mà bác bỏ chủ nghĩa cộng sản trên nguyên tắc thế nhưng đã tìm cách như vấn đề của chính sách thực dụng để làm ôn hòa nó bằng cách hợp tác với nó, thậm chí đến mức tham gia vào quốc hội Ba Lan. Chủ nghĩa xét lại, Michnik viết, đã “trung thành với Kinh thánh [tức là, với Chủ nghĩa Marx], mặc dù đã diễn giải nó theo cách riêng của mình,” còn chủ nghĩa thực chứng mới “đã gia nhập Giáo hội [tức là, thực tế của chính phủ cộng sản], hi vọng rằng nó sẽ sớm hay muộn biến mất.” Cả hai đã là những kỹ thuật hoạt động bên trong hệ thống cầu khẩn “tư duy hợp lý của Hoàng tử Cộng sản” và trong một lát cả hai đã mang lại những kết quả tích cực hạn chế, thường dưới dạng của các cuốn sách và các bài báo và một bầu không khí trí tuệ hơi tự do hơn một chút. Thế nhưng cả hai trường phái đã phải trả giá mà đã luôn luôn phải trả bởi những người chọn làm việc bên trong hệ thống: nhằm duy trì ảnh hưởng của mình, họ đã cần phải từ bỏ các quan hệ với những người tận tâm với việc thay đổi hệ thống từ bên ngoài. Khủng hoảng chí tử của mỗi trường phái, vì thế, đã đến khi sự phản đối từ bên ngoài đã sôi trào ra: đối với những người xét lại là năm 1968, khi phong trào sinh viên ủng hộ sự tự do hóa đời sống trí tuệ đã nổi lên, và đã bị đè bẹp bởi việc đóng cửa một số bộ môn đại học, việc đuổi một số sinh viên, và những sự trả đũa các phụ huynh của họ; và đối với những người thực chứng chủ nghĩa mới là năm 1976, khi những công nhân đã biểu tình chống lại sự tăng giá thực phẩm được công bố, và chính phủ đã trả thù cực kỳ tàn nhẫn. Tại những thời điểm đó, bất cứ phe đối lập nào mà hy vọng giữ được thể đứng của nó trong xã hội nói chung đã phải tuyên bố nó ủng hộ phía nào “phía những

người đánh hay phía những người bị đánh” và bởi vì cả hai phong trào cải cách đã đều không có khả năng làm việc này nên cả hai đã mất lòng tin của công chúng.

Phân tích của Michnik về sự thất bại của các nỗ lực để thay đổi hệ thống từ bên trong dẫn ông đưa ra một kiến nghị then chốt: “tôi tin rằng cái làm cho phe đối lập của ngày hôm nay khác với những người chủ trương các ý tưởng cải cách đó trong quá khứ là niềm tin rằng một chương trình cho sự tiến hóa phải được nói với công luận độc lập, chứ không phải với chính quyền toàn trị. Một chương trình như vậy sẽ cung cấp lời khuyên cho nhân dân liên quan đến phải ứng xử thế nào, chứ không phải cho chính phủ liên quan đến phải cải cách bản thân nó ra sao.” Gợi ý đã đơn giản, nhưng hệ lụy của nó đã căn bản. Sự thay đổi về địa điểm hoạt động đã đưa đến sự thay đổi về thực chất. Những người đã đi con đường làm việc với Hoàng tử đã lệ thuộc vào các quyết định và tính thất thường đồng bóng của Hoàng tử để đạt được bất kỳ kết quả nào. Nhưng những người đã đi con đường làm việc trong và với xã hội đã có thể hành động một cách trực tiếp. Sau đó đã tùy để chính phủ phản ứng lại. Phương pháp đầu tiên, đã dựa trên lòng tin rằng chính phủ, do nắm độc quyền về các công cụ vũ lực, cũng đã độc quyền quyền lực chính trị, đã coi hợp tác với chính phủ như cách duy nhất để chia sẻ quyền lực. Phương pháp thứ hai, đã dựa trên lòng tin rằng có các nguồn quyền lực ở nơi khác, trong công luận, đã tìm cách để phát triển các nguồn đó. Thế nhưng, không giống nhiều người trong những thời kỳ và địa điểm khác những người đã bỏ chính phủ đang nắm quyền và đã quay về với công chúng cho sự chỉnh sửa, Michnik đã không tìm cách lật đổ chính phủ. Đúng hơn, ông đã muốn xã hội tiếp thu ngay lập tức và trực tiếp số phận của chính nó trong các lĩnh vực nào đó của đời sống, và chỉ sau đó mới quay sang chính phủ để đàm phán. Kết quả cuối cùng, ông hy vọng, sẽ là một kết quả “lai,” dựa trên một sự thỏa hiệp mà trong đó chính phủ, trong khi giữ chặt quyền lực nhà nước, sẽ thừa nhận và chấp nhận các định chế khác, độc lập trong xã hội. Michnik liệt kê các nhóm trong xã hội mà ông hy vọng sẽ thúc đẩy “một chủ nghĩa tiến hóa mới.” Đầu tiên, và quan trọng nhất, là các công nhân, mà sự tham gia của họ là “một điều kiện cần cho sự tiến hóa của đời sống công hướng tới nền

dân chủ.” Sự kiện then chốt, ông tiên đoán với sự chính xác kỳ lạ, sẽ là sự thành lập “các định chế độc lập đại diện cho các lợi ích của các công nhân.” Thứ hai là Giáo hội Công giáo, mà đã luôn luôn vẫn độc lập nhưng gần đây đã chứng tỏ một sự quan tâm ngày càng tăng đến việc bảo vệ tính độc lập và các quyền của những người khác, kể cả các công nhân. Trong Giáo hội, Michnik nhận thấy, “Những Jeremiad (lời than vãn của nhà tiên tri Jeremiah) chống lại ‘những kẻ vô Thần’ đã được thay bằng những tài liệu trích dẫn các nguyên tắc của Tuyên ngôn về các Quyền Con Người.” Thứ ba là giới trí thức, mà nghĩa vụ của nó là để nghĩ thấu đáo các chương trình thay thế khả dĩ trong khi bảo vệ các nguyên tắc đạo đức và chính trị cơ bản.

Michnik đã hành động theo lời khuyên của chính mình, và đã mau chóng bận rộn tổ chức và tham gia vào một loạt các nhóm độc lập. Một nhóm đáng được sự chú ý đặc biệt: Ủy ban Bảo vệ Công nhân thường được biết đến như KOR viết tắt của tên Ba Lan của nó. KOR đã không kích động chính trị, hay mặt khác nói chuyện với chính phủ. Thay vào đó, nó bắt đầu đưa ra sự trợ giúp cụ thể về tài chính, pháp lý, và y tế cho những công nhân và gia đình họ những người đã chịu sự đàn áp của chính phủ theo cách này hay cách khác. Quả thực, ủy ban đã tuyên bố một cách dứt khoát các mục đích của nó không là chính trị mà là xã hội, và nó đã hạn chế hoạt động của mình ở việc mà Jan Józef Lipski, một trong các nhà sáng lập, người đã viết một lịch sử tuyệt vời về tổ chức, nhắc tới như “công tác xã hội.” Nhưng cái trong con mắt của KOR đã có thể được coi là xã hội thì đã được chính phủ coi dứt khoát là chính trị, vì trong một hệ thống toàn trị mọi khía cạnh của sự tồn tại tập thể đã được cho là bắt nguồn từ chính phủ và dưới sự quản lý của nó. Trong tâm với sâu này của chính phủ toàn trị vào đời sống hàng ngày, mà thường được xem như một nguồn của sức mạnh của nó, KOR đã khám phá ra một điểm yếu: chính xác bởi vì các chính phủ toàn trị chính trị hóa cuộc sống hàng ngày, đời sống hàng ngày trở thành một địa thế mệnh mông mà chủ nghĩa toàn trị có thể bị phản đối. Chính ở đây mà KOR đã ngầm đưa mình ra đối chọi chống lại chế độ. Do hệ quả, các thành viên của KOR đã mau chóng phải chịu sự đàn áp mà để chống nó họ đã tìm cách bảo vệ các công nhân mất

việc làm, bị bắt giam, bị tù đầy, bị đánh, và trong vài trường hợp, bị mất mạng sống của họ. Một trong những phẩm chất phi thường của tổ chức này đã là, các thành viên của nó đã sẵn sàng chịu sự trả thù của chính phủ không phải nhân danh của cương lĩnh chính trị bao quát nào đó hay mục đích nhìn xa trông rộng mà nhằm để có được số tiền nào đó vào tay của gia đình mất cha hay để dàn xếp một sự làm chứng có lợi trong một phiên xử một công nhân. Chỉ có những mục đích vĩ đại mới đã có thể có vẻ bảo đảm những hy sinh lớn, nhưng các thành viên KOR đã sẵn sàng chịu hy sinh lớn lao cho các mục tiêu vừa phải. “Trong một số giới bất đồng chính kiến . . . các thành viên KOR đã bị chế nhạo như ‘những người làm công tác xã hội’,” Lipski viết, “nhưng bên trong KOR một sự gọi tên như vậy bởi các đồng nghiệp đã được coi là một vinh dự.”

Việc chấp nhận và thực hiện một chính sách tổng thể về hành động trực tiếp trong xã hội đã kéo theo việc chấp nhận và thực hiện một số chính sách khác mà đã là mới trong xã hội đóng của Ba Lan. Một chính sách đã là chính sách mở. Khi KOR được thành lập, vào tháng Chín năm 1976, các thành viên của nó đã viết một tuyên bố về ý định theo đó họ không chỉ ký tên của họ mà, cũng là một hành động chưa từng có tiền lệ đối với một nhóm đối lập ở Ba Lan, còn đã gắn cả địa chỉ và số điện thoại của họ. Về sau, ủy ban đã theo càng nhiều càng tốt một chính sách mở, hành động công khai. Liên quan mật thiết đến chính sách mở đã là chính sách về tính chân thật. Trong tất cả các tuyên bố và xuất bản phẩm của nó, KOR đã cố gắng một cách tỉ mỉ cho sự chính xác thực sự. Một cách đặc trưng, đã có cả một lý do lý tưởng hóa lẫn lý do thực dụng cho chính sách này. Các thành viên đã tin vào việc nói sự thật vì lợi ích của chính nó, và họ cũng đã tính rằng trong một xã hội đầy rẫy những sự dối trá thì một tổ chức mà tôn trọng nghiêm ngặt sự thật sẽ nhận được sự ủng hộ và có được sức mạnh. Một chính sách mới đã là “sự tự trị của hành động.” Tự trị đã là cái phe đối lập đã muốn cho Ba Lan như một tổng thể và cho mỗi người ở Ba Lan. Các thành viên của KOR đã mở đầu bằng biến nó thành một nguyên tắc của các hoạt động riêng của họ. “Đã không có vấn đề về ra lệnh cho ai đó bằng mệnh lệnh của tổ chức để làm cái gì đó mà người ấy không muốn làm,” Lipski viết, và ông nói thêm, “Đã có một nguyên tắc

rằng nếu cái họ muốn làm không ngược lại với các nguyên tắc của KOR họ phải được phép theo đuổi các ý tưởng riêng của họ. Và đây là vì sao mọi thứ được làm đã được làm bởi những người được thúc đẩy bởi sáng kiến và sự nhiệt tình riêng của họ, và như thế đã tạo ra những kết quả tốt nhất.” Thật đáng ngạc nhiên rằng các nhà hoạt động đối lập Ba Lan đã nói nhiều về sự tự trị, mà là năng lực của mỗi người để hành động một cách tự do, như họ nói về quyền tự do, mà là quyền của một người để làm vậy. (Ở phương Tây, bạn có thể nói, chúng ta với tư cách các cá nhân có quyền tự do lớn nhưng ít sự tự trị. Chúng ta có quyền để xác định hình thù của tương lai của chính chúng ta, nhưng chúng ta không lo lắng tận dụng nó rất nhiều.) Vẫn còn một chính sách khác đã là chính sách về sự tin cậy. Thông thường, chúng ta nghĩ về sự tin cậy chúng ta đặt vào ai đó ít nhiều như một sản phẩm phụ, được tạo ra một cách vô tình trong chúng ta bởi các hành động đáng tin cậy của những người khác, và không nghĩ về nó như kết quả của một chính sách, hay thậm chí của bất cứ ý định nào về phía chúng ta. Nhưng đối với KOR sự tin cậy đã quả thực là một chính sách. Một lý do cho việc này đã là mối nguy hiểm về sự xâm nhập của cảnh sát mật: một quyết định phải được đưa ra đối với các bước nào, nếu có, phải được tiến hành để đề phòng điều này. Quyết định của KOR đã là bác bỏ sự ngờ vực và mọi phương tiện và thủ tục mà đi cùng với nó, và “để tin cậy tất cả mọi người bên trong giới hạn của lẽ thường.”

Các chính sách về tính mở, tính chân thực, sự tự trị của hành động, và sự tin cậy, mà cùng nhau có thể được mô tả đơn giản như chính sách về tính đứng đắn chiến đấu, đã không là các phần tử của bất cứ kế hoạch tổng thể nào, nhưng chúng đã là cùng một loại. Chúng đã trang bị cho KOR không phải là để đấu tranh với chính phủ mà đúng hơn là để tránh né nó. Mặc dù KOR đã không có bất cứ ý định nào về quyền lực nhà nước, nó đã hy vọng rằng hoạt động độc lập với chính phủ sẽ mở rộng bởi sự lây lan mà sẽ xuất hiện một loại dịch tự do trong xã hội đóng. Lipski quan sát, “Mục tiêu dài hạn của KOR đã là để kích thích các trung tâm mới của hoạt động tự trị trong các lĩnh vực đa dạng khác nhau và giữa các nhóm xã hội đa dạng khác nhau độc lập với KOR. Không chỉ KOR đã đồng ý với sự độc lập của chúng mà nó cũng muốn chúng là độc lập.” Hy vọng của nó đã

được thực hiện nhiều trong các năm ngay phía trước.

Không gì làm sáng tỏ tinh thần bên trong của KOR, mà tôi cho là một tổ chức mẫu mực cho thời đại chúng ta, rõ ràng hơn hành động cuối cùng của nó. Vào tháng Chín năm 1981, các thành viên đã quyết định rằng vai trò của nó đã được Đoàn kết thực hiện, và đã bỏ phiếu giải tán KOR. Hoàn toàn không thấy từ KOR, hiển nhiên, hỗn hợp đó của lợi ích cá nhân, sự ganh đua bè phái, và đả quan liêu mà, hoạt động độc lập với mọi lý do và nguyên nhân bên ngoài, thường thế chỗ các mục đích mà vì chúng một tổ chức được thành lập, và biến nó thành gánh nặng lên thế giới. Khi lý do tồn tại của KOR biến đi, nó đã giải tán. Để diễn giải bình luận của George Orwell về Gandhi, “Đã tìm được cách để lại một mùi trong sạch đến thế nào!”

Vào tháng Tám 1980, dòng suối KOR đã chảy vào con sông lớn Đoàn kết, nhưng đã làm nhiều rối để xác định dòng chảy của sông. Các chính sách về sự mở, tính chân thực, sự tự trị của hành động, và sự tin cậy đã được duy trì. “Tinh chất” của phong trào, như Michnik sau này đã viết từ nhà tù, vẫn “để dành nỗ lực để xây dựng lại xã hội, để khôi phục các mối quan hệ bên ngoài các định chế chính thức.” Cái xảy ra sau đó đã là một sự phun trào khắp xã hội của hoạt động công dân với sự đa dạng vô cùng, trái từ bản thân các nghiệp đoàn đến các hội được hình thành để dừng sự ô nhiễm và để bảo vệ người tiêu dùng (những lĩnh vực mà đã bị chế độ hết sức sao lãng). Người ta nhớ đến mô tả của Tocqueville về Mỹ: “Những người Mỹ thuộc mọi lứa tuổi, mọi hoàn cảnh, và mọi khuynh hướng không ngớt lập ra các hội. Chúng đã không chỉ là các công ty thương mại và chế tác, mà trong đó mọi người đều tham gia, mà là các hội thuộc hàng ngàn loại khác, tôn giáo, đạo đức, nghiêm túc, phù phiếm, tổng quát hay hạn chế, khổng lồ hay bé tí. Những người Mỹ lập ra các hội để giải trí vui chơi, để xây dựng các trường dòng, để xây dựng các quán trọ, để xây dựng các nhà thờ, để truyền bá sách, để cử các hội truyền giáo đến vùng đất đói chân.” (Sự khác biệt đáng chú ý, tất nhiên, đã là trong khi các nhóm địa phương ở Mỹ của Tocqueville đã làm việc ít nhiều hài hòa với chính phủ quốc gia, còn những người đó ở Ba Lan đã làm việc đối lập với

chính phủ.) Trong sự bùng lên này của hoạt động, chính các phần hợp thành này của đời sống chính trị, sau khi đã bị nghiền ròi bởi bốn mươi năm của sự cai trị toàn trị, bây giờ lại đến với nhau theo các hình thức mới và đầy sức sống. Công thức cổ điển của cách mạng là đầu tiên nắm lấy quyền lực nhà nước và sau đó sử dụng quyền lực ấy để làm các việc tốt mà bạn tin vào. Trong cách mạng Ba Lan, thứ tự đã đảo ngược. Nó đã bắt đầu để làm những việc tốt ngay lập tức, và chỉ sau đó sự chú ý của nó mới quay sang nhà nước. Theo một loại phiên bản chính trị và đạo đức của cương lĩnh của người theo chủ nghĩa khoái lạc “Carpe diem – Tận hưởng lạc thú trước mắt,” thì phe đối lập đã tiến hành trực tiếp, và không trì hoãn, hướng tới các mục tiêu của nó. Nguyên tắc chỉ đạo đơn giản nhưng cấp tiến của nó đã là để bắt đầu làm những thứ bạn nghĩ phải làm, và để bắt đầu là cái bạn nghĩ xã hội phải trở thành. Bạn tin vào tự do ngôn luận? Thì hãy nói một cách tự do. Bạn yêu sự thật? Thì hãy nói sự thật. Bạn tin vào một xã hội mở? Thì hãy hành động công khai. Bạn tin vào một xã hội tử tế và nhân văn? Thì hãy ứng xử một cách tử tế và nhân văn. Theo lời của Michnik trong “Chủ nghĩa Tiến hóa Mới,” “mọi hành động bất chấp (act of defiance) cho phép chúng ta xây dựng ngay bây giờ khung khổ của chủ nghĩa xã hội dân chủ, mà phải không chỉ là một cấu trúc pháp luật và thể chế mà, cái thậm chí còn quan trọng hơn, là một cộng đồng thực, hàng ngày của những người tự do.” Và, như ông diễn đạt trong cùng tiểu luận, “trong cuộc đấu tranh của họ vì chân lý, hoặc để trích dẫn Leszek Kolakowski ‘bằng cách sống trong sự tôn trọng nhân phẩm,’ các trí thức đối lập đang phấn đấu không chỉ vì ngày mai tốt đẹp hơn đã trở thành tục ngữ mà cũng vì một ngày hôm nay tốt đẹp hơn.”

Timothy Garton Ash, tác giả của cuốn “*The Ba Lan Revolution: Solidarity - Cách mạng Ba Lan: Đoàn kết,*” đã lưu ý một cách thích đáng rằng phong cách của phe đối lập đã là để hành động “cứ như, giả như” Ba Lan đã là một nước tự do rồi. Và một khi những người đối lập đã bắt đầu hành động theo cách đó thì cái gì đó không ngờ đã xảy ra. Ngay khi họ bắt đầu hành động “cứ như,” thì cái “cứ như” bắt đầu tan biến đi. Sau đó họ thực sự đã bảo vệ công nhân (và thường thành công), hay giảng bài, hoặc xuất bản sách. Nó đã không “giả như” là một cuốn sách, mà đã là một

cuốn sách, và chẳng bao lâu người dân đã thực sự đọc nó. Tất nhiên, trong nước nói chung cái “giả như” ấy đã không tan biến đi. Điều đó đã trở nên rõ ràng khi sách bị tịch thu, hay bài giảng đã bị đứt quãng bởi một toán côn đồ được chính phủ thuê, hoặc công nhân vô tội bị tống vào tù bất chấp những cố gắng hết sức của phe đối lập để bảo vệ anh ta. Tuy nhiên, trong vùng lân cận trực tiếp của hành động và vùng lân cận đó đã mở rộng đều đặn khi phong trào gia tăng và cái “giả như” đã không còn là sự giả bộ nữa. Tại đó một vương quốc nhỏ của tự do đã được tạo ra. Và “tự do, khi những người đàn ông hành động trong các đoàn,” Burke đã viết, “là quyền lực.” Như thế một khám phá thứ hai gây ngạc nhiên đã được phe đối lập tạo ra là khám phá rằng đơn giản bằng việc tiến hành một cách không sợ hãi công việc của đời sống hàng ngày nó đã trở nên hùng mạnh. Nhưng quyền lực có được đã không phải là quyền lực mà đã được sử dụng bởi những người khác và bây giờ được giành giật từ họ; nó đã là quyền lực mới, mà đã được tạo ra nơi đã chưa từng có trước đó. Cương lĩnh, khi đó, đã không phải để chiếm lấy quyền lực chính trị từ nhà nước mà để xây dựng xã hội. Năm 1970, các công nhân biểu tình đã bị công an hành hung, ngay lúc đó một vài trong số họ đã diễu hành đến các tòa nhà Ủy ban Đảng được biết đến ở Ba Lan đơn giản như Ủy ban và đã thiêu trụi chúng. Muộn hơn, Jacek Kuron đã cho một lời khuyên mà đã có được tiếng tăm và đã báo trước diễn tiến tương lai của các sự kiện: “Đừng thiêu trụi các Ủy ban; hãy lập ra [ủy ban] của riêng bạn.”

Sự phân biệt giữa “xã hội,” mà đã được làm mới bởi phong trào, và “quyền lực,” mà đã để lại cho nhà nước, đã trở nên phổ biến chung bên trong phe đối lập, và đã là chủ đề của nhiều thảo luận. Trong khi đã chẳng ai thực sự kỳ vọng chính phủ “tiêu tan,” như trong ước mơ Leninist cổ lỗ, một sự thờ ơ coi thường nào đó đã có bộc lộ giữa các thành viên của phe đối lập. Sự thờ ơ này đã tự chứng tỏ một cách sáng ngời về lòng dũng cảm cá nhân đặc biệt được bày tỏ bởi người dân ở mọi mức của xã hội, những người đôi khi đã hành động cứ như đã không có chính phủ áp bức nào ở Ba Lan, và nó cũng đã tự cho thấy, ít may mắn hơn, về sự thất bại hoàn toàn của phong trào để đoán trước sự áp đặt quân luật: việc đó đã làm ban lãnh đạo Đoàn kết bất ngờ gần như cách Đoàn kết đã làm cho chính phủ

bắt ngờ mười sáu tháng trước. Hệt như xã hội đã tập trung hàng triệu người cho hành động mà không bị chính phủ để ý, cũng vậy chính phủ bây giờ đã tập trung lính và cảnh sát của nó cho hành động mà không bị xã hội để ý. Có thể là hai bên đã đánh giá thấp sức mạnh của nhau một cách trầm trọng đến vậy bởi vì họ đã có những *loại* sức mạnh khác nhau, và mỗi bên đã đánh giá bên kia trên cơ sở loại của chính mình: đối với chính phủ phe đối lập có vẻ yếu bởi vì nó đã thiếu sức mạnh quân sự và cảnh sát, trong khi đối với phe đối lập chính phủ trông có vẻ đã yếu bởi vì nó thiếu sự ủng hộ của công chúng. Theo các quy luật “thực tế” của sự tồn tại của chính phủ, phong trào Đoàn kết đã là một sự không thể có, nhưng, ngang thế, theo các quy luật “duy tâm” hơn của sự tồn tại của Đoàn kết, quân luật đã là không thể. Michnik đã mô tả sự khác biệt một cách đáng ghi nhớ:

Phong trào xã hội hùng mạnh và tự phát, thiếu các tấm gương, thay đổi từ một ngày sang ngày tiếp giữa những xung đột liên miên với các nhà chức trách, đã không có được một tầm nhìn rõ ràng về các mục tiêu từng phần một hoặc một quan niệm rõ ràng về sự cùng tồn tại với chế độ cộng sản. Nó đã để cho mình bị khiêu khích vào các cuộc chiến đấu về các vấn đề nhỏ, vào những xung đột không cần thiết; đã đầy rẫy sự lộn xộn, sự bất tài, sự không quen với các kẻ thù của nó và các phương pháp của các kẻ thù. Đoàn kết đã biết làm thế nào để đình công nhưng đã không biết làm sao để kiên nhẫn; nó đã biết làm thế nào để tấn công đối đầu nhưng đã không biết rút lui thế nào; nó đã có những ý tưởng tổng quát nhưng không có một chương trình cho các hành động ngắn hạn. Nó đã là một người không lỏ với chân bằng thép và tay bằng đất sét; nó đã hùng mạnh giữa các nhân viên nhà máy nhưng bắt lực tại bàn thương lượng. Ở bên kia bàn đã là đối tác của nó, mà đã không thể thật thà, vận hành một nền kinh tế, hay giữ lời của nó, mà đã chỉ có thể làm một việc: đập nát sự đoàn kết xã hội. Đối tác này đã nắm vững nghệ thuật này trong ba mươi bảy năm cai trị của nó. Đối tác này, *élite* quyền lực, đã là một người phá sản về đạo đức và tài chính và đã không có khả năng, do nhược điểm chính trị của nó, để thực hành bất kể loại chính trị nào... Hệ thống cộng sản Ba Lan đã là một gã không lỏ với chân đất sét và bàn tay thép.

Cái đã có lẽ gây ngạc nhiên nhất về việc áp đặt quân luật đã là bản thân sự ngạc nhiên. Trong chưa đầy một năm rưỡi, Đoàn kết đã làm cho “các lý tưởng” của nó có đủ “thực tế” đến mức cả một nước đã quên hoàn toàn tính hiệu quả của các trò gian trá được thời gian thử thách của sự cai trị áp bức như quân luật. Đoàn kết đã sống bằng sự tin cậy và đã chết bởi sự tin

cây. Chắc chắn sự không chú ý tai hại này đến mưu đồ này của chính phủ đã là một thất bại của phong trào, thế nhưng nó đã là một thất bại mà đã có một vẻ hùng vĩ rõ ràng nào đó.

Trong Một Nhật ký Warsaw, Ryszard Kapuscinski viết, “Ở đây tất cả mọi thứ dựa trên một nguyên tắc nào đó về sự xác minh bất đối xứng: hệ thống hứa để chứng minh mình muộn hơn (tuyên bố một sự hạnh phúc chung mà tồn tại chỉ trong tương lai), nhưng nó đòi hỏi rằng bạn chứng minh mình bây giờ, hôm nay, bằng việc chứng tỏ sự trung thành, sự tán thành và sự cần cù của bạn. Bạn cam kết mình đối với mọi thứ; hệ thống đối với chẳng gì cả.” Phe đối lập đã hoạt động theo cách chính xác ngược lại. Nó đã chứng minh mình hôm nay, và để lo cho mình muộn hơn. Khi làm như vậy, nó đã cung cấp một cách tiếp cận mới đến một trong những vấn đề hóc búa nhất của mọi đời sống chính trị: sự không nhất quán đặc thù giữa các phương tiện xấu và các mục đích tốt trong chính trị, giữa các phương pháp tàn bạo và xuyên tạc thường được chấp nhận như một sự cần thiết trong chính trị và các mục đích cao quý hay nhìn xa trông rộng mà hướng về chúng các phương tiện này được dùng. Trong hoạt động trực tiếp trong xã hội được thực hành bởi phong trào đối lập ở Ba Lan, các phương tiện và các mục đích đã cuộn vào thành một. Mỗi phương tiện là một mục đích, và ngược lại. Thí dụ, mỗi trong các “phương tiện” của KOR như tính mở, tính chân thật, sự tự trị, và sự tin cậy đã cũng là một mục đích. Một hành động dũng cảm hay một lời chân thật đã là một “mục đích” tốt tự thân, nó đã làm giàu cuộc sống, làm cho cuộc sống tốt hơn và một lời than phiền được đền bù hay một sự cải thiện trong sản xuất của nhà máy đã là một “phương tiện” tốt cho sự thực hiện thêm nữa. Để sửa đổi đối thủ có thể cần một số thời gian, nhưng trong lĩnh vực của các hoạt động riêng của một người, thì xã hội công bằng đã có thể được thiết lập ngay tức thì. Suy ra rằng các phương tiện xấu đã không còn có thể áp dụng được nữa để đạt các mục đích tốt. Nếu chuyển du hành và đích đến đã là như nhau, thì không có ý nghĩa để làm hư xe cộ mà trong đó người ta đi. Ở đây, tôi tin, là nguồn của tính bất bạo động của phong trào, mà đã đặc biệt gây ngạc nhiên vì được thực hành thậm chí còn nghiêm ngặt hơn nó được rao giảng, một sự không nhất quán hấp dẫn hơn nhiều và đặc sắc hơn sự không nhất

quán ngược lại. Việc sử dụng bạo lực, làm hư hỏng các phương tiện và các mục đích cùng một lúc, đã có thể làm ô ứ nguồn của cả đức hạnh lẫn sức mạnh của phong trào. Các yếu tố của phong cách hoạt động của phong trào, cách tiếp cận trực tiếp của nó đến xã hội và các vấn đề xã hội, sự nhấn mạnh địa phương của nó, việc nó bác bỏ bạo lực và sự dối trá, và các phương tiện cơ bản của sự phấn đấu cho các mục đích cao cả đã tạo thành một tổng thể nhất quán. Nếu bạn muốn hoạt động cục bộ, thì cái gì có thể mang tính địa phương hơn bản thân bạn? Và nếu bạn muốn tạo ra kết quả hôm nay, thì lĩnh vực nào của cuộc sống đã dễ với tới hơn, đã dễ hiểu thấu đáo hơn chính các hành động của bạn? Và, do đó, nếu bạn biến mình và các hành động của chính mình làm điểm xuất phát của bạn cho việc cải cách xã hội, thì làm thế nào bạn có thể cho phép các hoạt động đó bị thoái hóa bởi tính tàn bạo, sự dối trá, hay bất kỳ sự làm méo mó nào khác? Trong khi phong cách hoạt động này đã là bất bạo động, “bất bạo động” có vẻ là một thuật ngữ quá hạn chế lẫn quá tiêu cực để mô tả nó: quá hạn chế bởi vì, cùng với việc là không bạo động, phong trào đã là không dối trá, không giấu giếm, và không nhiều thứ đáng ghét khác nữa; và quá tiêu cực bởi vì nguồn sâu nhất của sức mạnh của nó đã không là bất cứ hình thức nào của sự kiêng khem mà, đúng hơn, là sự theo đuổi tích cực, năng động, công khai của một xã hội tự do và công bằng thông qua hoạt động công không ngớt thuộc loại được Michnik chủ trương. Thiên tài của phong trào nằm trong việc nó chộp lấy một phương pháp hoạt động mà đã không phụ thuộc vào bạo lực và sức mạnh của nó sẽ bị cắt xén bởi việc sử dụng bạo lực. Một chút bạo lực có lẽ đã có hại cho Đoàn kết như một chút chủ nghĩa hòa bình có hại cho một đoàn quân giữa một cuộc chiến tranh.

Tính bất bạo động của phong trào đối lập đã hầu như chắc chắn là một điều kiện trước hết cho sự ủng hộ mạnh mẽ mà phong trào đã nhận được từ Giáo hội Công giáo mà, theo đánh giá chung, đã là không thể thiếu được đối với nó. Hầu hết các nhà quan sát đồng ý rằng tinh thần dân tộc mà đã gây ra Đoàn kết đã được sinh ra hơn một năm trước đó, trong tháng Sáu 1979, khi Giáo hoàng John Paul II, giáo hoàng người Ba Lan đầu tiên, đã quay về Ba Lan lần đầu tiên. Không lâu sau cuộc viếng thăm, Michnik đã mô tả sự thay đổi nội tại cốt yếu trong tâm trạng công chúng

mà nó đã gây ra:

Cách nói của nhà văn Julian Strykowski “lễ rửa tội thứ hai của Ba Lan” cứ xảy ra trong đầu. Quả thực, có cái gì đó kỳ quặc đã xảy ra. Chính cùng những người mà thông thường nân chí và hung hăng trong các hàng xếp dài trước các cửa hiệu bỗng đã biến thành một tập thể tươi cười và hạnh phúc, một nhân dân đầy phẩm giá. Cảnh sát đã biến mất khỏi các phố chính của Warsaw và trật tự mẫu mực ngự trị ở mọi nơi. Những người mà đã bị tước mất quyền lực thực của họ lâu đến vậy bỗng nhiên đã lấy lại được khả năng của mình để quyết định số phận của họ. Đây là cách mà các hệ quả xã hội của cuộc viếng thăm hành hương của John Paul II có thể được phác họa.

Một phong trào được sinh ra trong một “lễ rửa tội thứ hai” phải vẫn trung thành với nguồn gốc tinh thần của nó hoặc mất sức mạnh của nó, và khả năng của phong trào này để vẫn trung thành đã được làm cho có thể bởi phong cách hoạt động mới mà nó đã chấp nhận và làm theo. Trong thời hiện đại, việc đưa các mục đích tinh thần, hoặc thậm chí đạo đức thuần túy, vào đời sống chính trị đã bị coi một cách chính đáng với sự ngờ vực sâu sắc. Thành phố của Chúa và Thành phố của Người, lý lẽ tuôn trào, về cơ bản được dựa trên các nguyên tắc hết sức khác nhau mà đối với mỗi bên để chấp nhận các nguyên tắc của bên kia sẽ tỏ ra là gây tai hại. Mỗi nguy hiểm cho Thành phố của Chúa là, bằng cách kết hợp mình với các phương tiện xấu mà được cho là bản chất và cần thiết đối với đời sống chính trị nó sẽ bị biến thành tàn bạo và mất sự thuần khiết tinh thần. Mỗi nguy hiểm cho Thành phố của Người là, bằng chấp nhận các nguyên tắc của chủ nghĩa hòa bình, hoặc thậm chí của sự ôn hòa, mà được biểu hiện trong các lời răn dạy như Bài thuyết giáo trên Núi, nó sẽ bị làm yếu đi, và sụp đổ, hoặc nếu không trong nỗ lực để kết hợp các phương tiện xấu của đời sống chính trị với các mục đích tinh khiết của đời sống tinh thần, thì các phương tiện xấu sẽ được cấp giấy phép thậm chí lớn hơn bình thường, và sự cuồng tín và bạo lực sẽ tăng lên. (Diễn tiến của các sự kiện tại Iran hiện nay, nơi sự trong sạch của thế giới kia được theo đuổi với sự tàn bạo của thế giới-này, chứng tỏ rằng mỗi nguy hiểm là thực tế trong thời đại chúng ta như đã từng là trong bất kỳ thời đại khác nào.) Vì những hiểm họa này, nhiều nhà quan sát thông minh đã gợi ý rằng hai Thành phố được để xa ra; thế nhưng sự tách ra cũng có một chi phí. Những lời giáo huấn

đạo đức của tôn giáo mất một nửa trường hoạt động của chúng nếu nó phải thừa nhận rằng ngay ở chính tâm của chuyện con người có một lĩnh vực, chính trị, mà đối với nó chúng không có ứng dụng nào. Đồng thời, đời sống chính trị bị thả trôi lênh bênh về mặt đạo đức nếu các tiêu chuẩn đạo đức mà áp dụng cho cuộc sống riêng tư bị tổng khởi nó. Luôn luôn có thể để thử định khung các tiêu chuẩn đạo đức mà áp dụng cho riêng thế giới chính trị, nhưng mỗi lần ai đó tiến hành một sự cố gắng thực sự triệt để, các tác phẩm của Machiavelli có lẽ là thí dụ nổi bật nhất chúng ta thấy rằng các tiêu chuẩn riêng tư của chúng ta bị vi phạm, và chúng ta bị cự tuyệt. Sự đối lập cổ xưa này giữa các vương quốc tinh thần và chính trị, ít nhất, được bứt đi nếu trong lĩnh vực chính trị một phương pháp hành động được chấp nhận và thực hiện mà không viện dẫn các mục đích cao cả như sự biện minh cho các phương tiện xấu xa, hoặc thậm chí không phân biệt giữa các phương tiện và các mục đích. Thì năng lượng tinh thần và đạo đức có thể chảy vào thế giới chính trị mà không nhất thiết bị đòi bại. Hai Thành phố khi đó dựa trên cùng nền tảng; cụ thể là, sự tôn trọng phẩm giá và giá trị của cá nhân, mà sự tha hóa của người đó “hôm nay” vì mục đích cao quý nào đó “trong tương lai” bị bác bỏ. Điều này không nói rằng đời sống chính trị từ nay về sau có thể tiếp tục đến hoàn hảo, rằng sự hoàn chỉnh được hứa bởi các nhà cách mạng không tưởng có thể được thực hiện ngay tức thì, mà chỉ nói rằng các tác nhân trong lĩnh vực chính trị mời sự đánh giá về các hoạt động của họ bằng cùng các tiêu chuẩn mà tất cả mọi người đều chấp nhận trong đời sống riêng tư. Đời sống chính trị, khi đó, sẽ không gần với hoàn hảo như đời sống riêng tư không là, nhưng nó sẽ không còn bị chọn ra như một lĩnh vực mà trong đó những cái xấu nào đó về nguyên tắc là cần thiết và vì thế được biện minh nữa.

Suốt từ khi Gandhi dẫn Ấn Độ đến độc lập qua hoạt động bất bạo động, đã trở nên hơi rập khuôn để nói rằng bất bạo động đã có thể thành công chỉ chống lại một nền dân chủ nghị viện như nước Anh, rằng nó sẽ thất bại chống lại một cường quốc toàn trị, như Liên Xô của Stalin hặc nước Đức của Hitler. Bởi vì Ba Lan đã chưa đạt được sự độc lập của nó hoặc, hơn nữa, thậm chí đã nhắm tới nó, thì giả thiết này vẫn giữ vững. Và nó có vẻ chỉ được củng cố khi người ta phản ánh rằng chế độ ở Ba Lan

ngày nay, mặc dù tàn bạo, ôn hòa hơn rất nhiều so với cả chế độ của Stalin hay Hitler. Tuy nhiên, bây giờ là sự thực rằng đến nay phong trào phản kháng hiệu quả nhất đã từng được phát động chống lại một chế độ toàn trị đã là hoàn toàn bất bạo động. Hoạt động bất bạo động, còn xa mới là vô vọng khi đối mặt với chủ nghĩa toàn trị, hóa ra là đặc biệt thích hợp để chiến đấu với nó. Vì thế sẽ là việc làm cho lạc lối để gợi ý rằng những người Ba Lan đã đưa ra một sự lựa chọn tự do về bất bạo động đối lại bạo động, cứ như họ đã được chào một cơ hội để lật đổ chế độ bằng bạo lực nhưng đã đã bác bỏ nó với lý do về nguyên tắc đạo đức ủng hộ sự bất bạo động. Đúng hơn, ngay từ đầu bạo lực đã được hầu như tất cả mọi người thừa nhận là vô dụng đối với phong trào. Đề cập vấn đề vì sao phong trào đã chấp nhận các phương tiện bất bạo động, Michnik viết, “Không ai ở Ba Lan có khả năng chứng minh ngày nay rằng bạo lực sẽ giúp chúng ta để đuổi các đội quân Soviet khỏi Lan và để đuổi những người cộng sản khỏi quyền lực. Liên Xô có sức mạnh quân sự khổng lồ mà việc đối đầu đơn giản là không thể nghĩ tới được. Nói cách khác: chúng ta không có súng.” Quyết định chống lại bạo lực, khi đó, đã được đưa ra không phải bởi bản thân những người Ba Lan mà bởi tình hình lịch sử của họ. Tính vĩ đại của phong trào Ba Lan nằm không ở quyết định từ bỏ bạo lực, mặc dù kỷ luật tự giác đã đòi hỏi duy trì hoàn hảo chính sách bất bạo động trong sự nóng nảy và giận dữ của cuộc đấu tranh xứng đáng được công trạng lớn, mà ở sự khám phá của nó về các phương tiện ôn hòa vẫn có hy vọng.

Về mặt lịch sử, bạo lực đã thường được coi như ultima ratio, trọng tài cuối cùng, mà người ta quay sang trong giờ phút tuyệt vọng, cuối cùng, khi tất cả các phương tiện hòa bình đã được thử và đã thất bại. “Linh thiêng là vũ khí nơi không hy vọng nào tồn tại trừ trong chúng,” Livy viết. Nhưng khi những vũ khí linh thiêng đó thất bại, người ta đã tin, tất cả cái còn lại là sự yên lặng hoặc của sự quy phục hay của cái chết. Ở Ba Lan, trình tự đó có vẻ đã được đảo ngược: Sự vô ích của bạo lực là một sự vô ích hiển nhiên đối với tất cả mọi người đến mức các phương tiện như vậy đã không cần được kiểm tra, và đã là cái dẫn đến việc nhờ vào các phương tiện bất bạo động. Dường như vượt xa hơn phương tiện truyền thống của phương sách cuối cùng, các phương tiện mới, ôn hòa đã được khám phá ra.

Chính phủ đã tuyên bố “tình trạng chiến tranh,” và, áp dụng độc quyền của nó về các phương tiện bạo lực chống lại một xã hội tay không, nó “đã thắng” cuộc chiến. (Theo tường thuật nhạo báng của Michnik, “Tướng Jaruzelski đã vinh danh các lực lượng vũ trang Ba Lan bằng việc điều động quân bọc sườn đánh chiếm các tòa nhà của Đài phát thanh và TV Ba Lan, không nhắc đến tổng đài điện thoại.”) Trong sơ đồ truyền thống về các thứ, đó sẽ là sự kết thúc của câu chuyện; phương sách cuối cùng đã cạn kiệt, con bài cuối cùng đã được chơi, và dân cư sẽ đành cam chịu thua. Nhưng điều này đã không xảy ra. Có vẻ, Michnik viết, rằng “dân tộc Ba Lan không nghĩ nó đã bị thua.” Không nghĩ đã bị thua, không hành động giả như đã bị thua, và không hành động như kẻ bị thua, nó không bị thua. “Cái tôi đã thấy sau việc thả tôi” vào ngày 4 tháng Tám năm 1984 “đã vượt quá không chỉ những kỳ vọng của tôi mà ngay cả các ước mơ của tôi,” Michnik tường thuật. “Tôi đã thấy rằng những người của Đoàn kết đã khôn ngoan, kiên quyết, sẵn sàng cho một cuộc chiến đấu lâu dài.” Sự đàn áp không nương tay của chính phủ đã tiêu diệt một phần lớn, nhưng tinh thần của phe đối lập vẫn còn. Sự đàn áp và chủ nghĩa tích cực tiếp tục cạnh nhau. Những cuộc bắt bớ được tiến hành, nhưng người dân đã không sợ. Họ sống bây giờ trong cái có thể là hoàn cảnh kỳ lạ nhất đã hình thành ở Ba Lan từ trước đến giờ: sự tự trị mà không có tự do, quyền tự do cùng với nhà tù.

Cuộc thử nghiệm chưa xong của Ba Lan về hoạt động bất bạo động là đặc biệt đáng quan tâm trong một thế giới mà trong đó bạo lực dưới dạng vũ khí hủy diệt hàng loạt đe dọa sự tự chuốc lấy thất bại cuối cùng của con người. Trong khi cách mạng Ba Lan có thể có vẻ không liên quan đến vấn đề hạt nhân, dường như đối với tôi có một sự tương tự lý thú để rút ra giữa cảnh tuyệt vọng của Ba Lan dưới sự cai trị Soviet và cảnh tuyệt vọng của thế giới trong thời đại hạt nhân. Vì cả Ba Lan lẫn thế giới, suy nghĩ lạnh mạnh phải bắt đầu với sự thừa nhận rằng việc sử dụng bạo lực là vô ích, là tự chuốc lấy thất bại, và như thế “không thể nghĩ tới được.” (Việc sử dụng từ này của Michnik có vẻ đầy ý nghĩa.) Cả Ba Lan lẫn thế giới vì thế được thúc đẩy để tìm các giải pháp bất bạo động cho các song đề của họ. Về điểm này, chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa duy tâm trùng

nhau, và bất bạo động, thường xuyên được coi như một sự lựa chọn chỉ dành riêng cho các nhà duy tâm chủ nghĩa, là vô cùng hiện thực. Và cả Ba Lan lẫn thế giới đã được khuyến bởi ý kiến chuyên gia rằng cảnh tuyệt vọng của họ là không thể tránh được, và họ nên chấp nhận hiện trạng; bất cứ thứ gì khác, cả hai được bảo, sẽ “làm mất ổn định” tình hình hiện tồn. Thế mà Ba Lan, chí ít, đã tìm ra một con đường để theo, và trong việc này cũng có hy vọng cho thế giới nữa. Chúng ta được dẫn tới đề tự hỏi liệu trong lĩnh vực công việc quốc tế và ngoại giao có thể không có một giải pháp ít có khả năng trong con mắt của các chuyên gia như Đoàn kết đã là ultima ratio - nhà trọng tài cuối cùng - nào đó vượt xa hơn bạo lực mà thế giới được thúc đẩy để áp dụng hay không, vì các lý do cả thực dụng lẫn duy tâm, chính xác bởi vì bạo lực, nhà trọng tài cũ, bây giờ là vô dụng và đã phá sản. Nếu một giải pháp như vậy được tìm thấy, và nếu nó sẽ được áp dụng để tái thống nhất một châu Âu bị chia cắt, thì nó sẽ không chỉ là một bản đối chiếu của phong trào Ba Lan mà là một phần bổ sung cho nó. Khi đó Ba Lan và thế giới sẽ thoát khỏi cảnh tuyệt vọng của họ theo cùng con đường.

Là cám dỗ để tóm tắt bằng cách nói rằng cách mạng Ba Lan đã thực hành một hoạt động chính trị dựa trên đời sống, mà trong đó sức mạnh chính trị, mang hình thức của sự tán thành và ủng hộ của công chúng, là sự mở rộng tự nhiên và tự phát của khả năng con người để hoạt động cùng nhau để xây dựng và sáng tạo, còn chính phủ đã thực hành một hoạt động chính trị của cái chết, mà trong đó sức mạnh chính trị, mang hình thức của sự sợ hãi, là một sự mở rộng của khả năng con người để giết đổ và phá hủy, cuối cùng để giết lẫn nhau. Nhưng Michnik, dường như đối với tôi, đã có thể kiểm chế với một mô tả như vậy, tìm thấy trong nó các hạt giống của cái, mà trong tiểu luận “Những con Giòi và các Thiên thần” của ông, ông gọi là tội lỗi chính trị của Mani giáo (Minh giáo), trong đó người ta gán tất cả sự xấu xa cho kẻ thù của mình và tất cả sự tốt lành cho chính mình. Michnik bác bỏ Mani giáo chính trị ở bất kỳ đâu ông thấy nó, nhưng ông thấy nó đặc biệt không thích hợp cho Ba Lan. Thừa nhận, như ông thừa nhận, rằng quyền lực Soviet là không thể chuyển đi khỏi khung cảnh Ba Lan trong tương lai có thể dự đoán trước, ông nhận ra rằng mọi người,

ngay cả người dũng cảm nhất, phải thích nghi với thực tế này theo cách này hay cách khác. Như thế, là không thể để chia Ba Lan dễ dàng thành hai phe thù địch, một phe xấu và phe kia tốt. Thay vào đó, xấu và tốt được phân bố rộng và tinh tế. Chúng sẽ được thấy trong một sự cân bằng trong quan chức chính phủ người phải quyết định liệu để là một chút tàn nhẫn và ý thức hệ hơn trong các quyết định của ông ta hoặc là một chút nhân văn và thực dụng hơn, trong một sự cân bằng khác trong một giáo sư người phải quyết định để là thật thà thế nào trong một sách chuyên khảo nào đó; và trong sự cân bằng khác nữa trong nhà hoạt động bị bỏ tù người phải quyết định có ký “lời thề trung thành” mà chính phủ đặt trước mặt anh ta như cái giá cho việc được thả hay không. Người đầu tiên có thể là một người phần lớn tham lam và tư lợi; người thứ hai có thể là người cơ bản tử tế nhưng hoảng sợ; người thứ ba có thể dũng cảm nhưng nao núng. Nhưng trong tất cả họ cái tốt và cái xấu đều hiện diện, và trong mỗi trường hợp Michnik muốn thấy cái tốt thắng thế hoặc, ít nhất, tiến bộ một chút. Trong cách nhìn này về sự cải thiện của xã hội, không ai có thể có thể hoàn toàn bị bỏ đi như một “con giòi” và không ai được cho miễn thân phận con người như một “thiên thần.”

Biệt danh “giòi” không phải là của riêng Michnik mà đã được dùng bởi nhà văn đương thời Piotr Wierzbicki, trong một tiểu luận châm biếm được gọi là “Một Chuyên luận về các con Giòi,” trong đó ông liệt kê những sự hợp lý hóa khác nhau mà những người ích kỷ hay đạo đức giả hay ý chí yếu đã sử dụng để tránh nghĩa vụ của họ để chống đối chế độ. Michnik phản ứng lại bằng việc làm một bài tập mới. Ông phân loại qua lịch sử Ba Lan, hỏi những người nào, theo các tiêu chuẩn của Wierzbicki, có thể đã được gọi là những con giòi, và kết luận rằng nhiều trong số các nhân vật được kính trọng nhất tại điểm nào đó của sự nghiệp của họ đã đủ tiêu chuẩn đó. Mục đích của Michnik không phải là để làm mất uy tín của các anh hùng của lịch sử Ba Lan mà, đúng hơn, để khuyến khích một sự hiểu khoan dung hơn về các thỏa hiệp của ngày nay. Lịch sử thường được tham vấn bởi những người tìm cách tập hợp một danh mục những lời phàn nàn hay để phác thảo một bản cáo trạng. Ý định của Michnik là hoàn toàn ngược lại: ông sử dụng lịch sử để tha thứ cho hiện tại. Trung tâm của lý lẽ

của ông là một sự nhận ra rằng nhu cầu đối với thỏa hiệp đã có nguồn gốc của nó trong các tình huống chính trị “nơi sự thống trị nước ngoài với dân tộc Ba Lan đã lặp đi lặp lại, trong khi mọi hy vọng cho việc bảo vệ các giá trị dân tộc bằng vũ trang đã là hoàn toàn viên vông; nơi sự thỏa hiệp với một cường quốc phân chia đã trở nên không thể tránh khỏi cho việc cứu chính sự tồn tại của dân tộc.” Trong hoàn cảnh như vậy mà, tất nhiên, cũng là hoàn cảnh hiện thời của Ba Lan, các lý lẽ cho sự thỏa hiệp với chế độ, hoặc thậm chí tham gia vào nó, có thể chẳng bao giờ được gạt bỏ ngay lập tức. Trong khi đúng rằng “sự chấp nhận hoàn toàn công thức thỏa hiệp sẽ dẫn đến thỏa hiệp đạo đức và sự đầu hàng tinh thần,” cũng đúng rằng “sự gạt bỏ hoàn toàn công thức này sẽ dẫn ít nhiều đến sự cô lập anh hùng.” Dùng các tấm gương lịch sử, Michnik chứng tỏ rằng các lập trường khác và thậm chí có vẻ ngược lại đã có thể đều có giá trị của riêng chúng. Những người ở bên trong đã thấy các định chế như một đường sắt, một đại học có tầm quan trọng thực tế và lâu dài cho đất nước; những người nổi loạn chống lại chế độ ở bên ngoài đã có thể bảo vệ danh dự của đất nước và bảo vệ nó chống lại sự chiếm đóng vào thời gian tương lai nào đó. Các nhân vật xuất chúng những người đã đưa ra những lựa chọn này đã tranh luận mãnh liệt, và thường gay gắt (Michnik cung cấp những tường thuật quây rũ về các cuộc tranh luận trong các tiểu luận lịch sử của ông), nhưng bây giờ Michnik tìm cái ông gọi, trích dẫn nhà văn Antoni Slonimski, là “sự khôn ngoan không giận dữ,” mà trong đó những đóng góp được đưa ra bởi những nhân vật mà những sự lựa chọn bất đồng của họ được thừa nhận, và đã có thể gây ra sự khoan dung và hợp tác nhiều hơn giữa những người mà đối mặt với cùng các lựa chọn ngày nay. Trong tầm nhìn này, sự hiểu biết, sự khoan dung, và sự tha thứ là các khẩu hiệu cho việc mỗi người đối xử với những người khác, thế nhưng vẫn có một lĩnh vực mà trong đó sự đánh giá khắt khe được đòi hỏi cho việc người ta ứng xử với chính mình. Michnik ngụ ý cũng nhiều trong một đoạn văn hùng hồn mà điểm trực tiếp của nó là, không ai có thể đưa ra một sự lựa chọn đạo đức cho người khác.

Aleksander Wat đã viết ở đâu đó rằng có chỉ một câu trả lời cho câu hỏi về các trí thức những người sống trong các nước do Stalin cai trị phải ứng xử thế nào. Đây là câu trả lời Shakespearean: họ phải chết.

Có lẽ đó là câu trả lời đúng. Nhưng tôi tin rằng đây là một câu trả lời mà người ta có thể cho chỉ chính mình, một thước đo mà người ta có thể áp dụng chỉ cho chính mình, một sự hy sinh mà người ta có thể yêu cầu chỉ chính mình. Bất kỳ ai người đòi hỏi một câu trả lời cho câu hỏi này từ những người khác là độc đoán cho mình quyền quyết định về cuộc sống của những người khác. Và việc này thường kết thúc một cách tồi tệ.

Michnik không nói rằng ông sẵn sàng chết, nhưng khi đó ông không cảm thấy cần để nói điều đó, vì ông không có lời khuyên nào để cho bất kỳ ai khác về chủ đề này. Trong mọi trường hợp, khi nói đến sự hy sinh, các hành động nói nhiều hơn các lời nói. Michnik khuyên chúng ta hãy kiểm chế đòi hỏi sự tự hy sinh từ những người khác, nhưng thường xuyên ông đưa ra lời khuyên đó từ nhà tù.

Một dòng suối không dứt của máu người chảy suốt lịch sử chính trị. Đôi khi nó dâng lên thành một dòng lũ, cuốn tất cả các thứ trước nó, và đôi khi nó chậm lại thành một dòng nhỏ, nhưng nó đã chẳng bao giờ khô hoàn toàn. Trong thời đại chúng ta, nó đe dọa tràn bờ một lần cho mãi mãi và cuốn bản thân lịch sử đi. Một số người có thể miễn cưỡng chấp nhận sự đổ máu như một tất yếu của đời sống chính trị, một số người có thể lấy làm tiếc về nó, và một số người có thể ôm lấy nó, nhưng tất cả những người bước vào thế giới chính trị phải bắt đầu chấp nhận và đối phó với nó theo cách này hay cách khác. Phong trào đối lập Ba Lan, mà Michnik viết cho nó và về nó, đã không cho thêm một giọt máu nào vào con suối này, trừ những giọt mà đã chảy từ tĩnh mạch của chính các thành viên của nó. Và, trong khi phong trào cho đến nay đã chưa có khả năng kiểm chế bạo lực và sự áp bức của các địch thủ của nó, các lập trường nó có đã cắm mốc trong cuộc đấu tranh không sợ hãi sẵn sàng hành động để ủng hộ những sự tin chắc của mình; không sẵn sàng hạ thấp các tiêu chuẩn của mình, nhân danh tính hiệu quả, xuống mức của các địch thủ của mình; sẵn sàng hy sinh vô hạn trong việc theo đuổi các mục tiêu hạn chế; tôn trọng, trong thực tiễn cũng như trong lý thuyết, phẩm giá của mỗi người; sẵn sàng chết nhưng không sẵn sàng giết; quyết tâm không nao núng để thực hiện các niềm tin của mình bây giờ, sao cho ngay cả trong sự được cho là thất bại vẫn để lại cái gì đó tươi đẹp và có giá trị trên thế giới, đã là những thứ

đáng kính trọng nhất, độc đáo nhất, và màu mỡ nhất mà thế giới có hồ sơ. Từ bên trong xà lim nhà tù của ông, coi thường những kẻ bắt ông, Adam Michnik viết, bằng những lời mà sẽ ngân vang hàng thập kỷ:

Đối với những người này, với những con mắt vô hồn nhưng liếc ngang liếc dọc, với đầu óc đần độn nhưng lạnh lùng tra tấn của họ, với tâm hồn bị ô uế của họ mà khao khát sự chấp thuận xã hội, bạn chỉ là nguyên liệu thô mà với nó để làm bất cứ thứ gì họ thích. Họ có tâm lý riêng cá biệt: họ tin rằng có thể bắt bất cứ ai nói bất cứ thứ gì (nói cách khác, bất cứ ai có thể hoặc bị mua hoặc bị hăm dọa). Đối với họ, chỉ là vấn đề giá cả để vùi hay sự đau đớn để giáng xuống. Mặc dù các hành động của họ là lệ thường, mọi lầm lỗi của bạn, mọi sự sa sút của bạn đều có ý nghĩa đối với cuộc sống của họ. Sự đầu hàng của bạn không chỉ là thành tích chuyên nghiệp đối với họ, nó là *raison d'être* (*lý do tồn tại*) của họ. Và như thế bạn thấy mình tiến hành một cuộc tranh luận triết lý với họ về ý nghĩa của đời bạn, về lấy mất ý nghĩa khỏi đời họ, về trao ý nghĩa cho mọi sự tồn tại con người. Bạn tiến hành tranh luận về Giordano Bruno với Quan tòa án Dị giáo, về những người khởi nghĩa tháng Mười hai (Decembrist) với sĩ quan cảnh sát sa hoàng, về Walerian Lukasinski với thiên thần sa hoàng hủy diệt, về Carl von Ossietzky với sĩ quan Gestapo tóc vàng, về Osip Mandelstam với một đảng viên của Đảng Bolshevik mặc đồng phục với dải viền cuộn xanh của N.K.V.D (Bộ Dân Ủy Nội Vụ); bạn tiến hành cuộc tranh luận chẳng bao giờ chấm dứt về điều mà Henryk Elzberg một lần đã nói rằng giá trị của thành tích của bạn không thể được đo bằng các cơ hội chiến thắng của ý tưởng của bạn, mà đúng hơn bằng giá trị của bản thân ý tưởng. Nói cách khác, bạn ghi điểm một chiến thắng không phải khi bạn thắng sức mạnh mà là khi bạn vẫn trung thành với chính mình.

THƯ TỪ NHÀ TÙ

LƯU Ý CỦA BIÊN TẬP VIÊN. Sau việc áp đặt quân luật, vào ngày 13-12-1981, khoảng mười ngàn lãnh đạo của Đoàn Kết đã bị bắt giữ, và Adam Michnik đã là một trong số đó. Ông đã bị giữ trong nhà tù hai năm rưỡi, và sau đó được thả trong một đợt ân xá để rồi lại bị bắt sáu tháng sau đó và bị kết án thêm ba năm tù. Tất cả, trừ Thư cuối cùng được viết trong đợt tù hiện nay, các bức thư trong phần này của cuốn sách được viết trong hai năm rưỡi giam giữ điều tra từ 13-12-1981 đến 21-7-1984.

Vì sao anh không Ký . . . : Một Bức Thư từ Trại Giam Bialoleka 1982

Bạn thân mến,

Tướng Jaruzelski đã thông báo rằng những người bị giam mà ngừng các hoạt động “trái luật pháp” thì sẽ được thả. Và như thế tự do là bên trong tầm tay. Vài nét bút trên tuyên bố trung thành sẽ là đủ. . . .

Bạn bè và bà con họ hàng hỏi, “Thế cái gì ngăn bạn không làm vài cử chỉ vật này?”

Quả thực rất dễ để đổi cửa sổ nhà tù có chấn song, với hình bóng rõ ràng của nó về một hàng rào dây thép gai ở đằng sau, lấy “tự do.” Các cánh cổng sắt của Bialoleka sẽ mở ra trước bạn, và thay cho sân nhà tù bạn sẽ thấy đường phố quê bạn, đầy các đội tuần tra lưu động và các xe tank lăn bánh. Bạn sẽ thấy người dân bị xét thể căn cước, xe bị chặn lại để khám xét thùng chứa đồ, đặc vụ an ninh, với con mắt tinh, lòì từ đám đông ra những cá nhân bị nghi “vi phạm tình trạng quân luật.” Bạn sẽ nghe các thuật ngữ Chiến tranh Thế giới II mà cho đến nay bạn chỉ biết từ các sách lịch sử: các từ “vây bắt,” “Volksliste^{*}” đã tẩy lớp gỉ đồng tôn về trang nhiệm của thời gian và có nhịp đập với sự đe dọa mới. Bạn sẽ nghe về những cuộc bắt bớ mới, về những người bị cảnh sát truy lùng hay phải ẩn nấp, về các án hà khắc.

Và nếu bạn có khả năng đưa ra những quyết định ích kỷ, thì lý do đầu tiên để không ký là: không bỏ. Ở đây, chẳng ai có thể “tạm giam” bạn; ở đây, bạn không cần phải sợ bất cứ gì. Thật nghịch lý, tôi biết, nhưng nếu một buổi sáng bạn thức dậy bởi tiếng đập cửa lớn bạn sẽ không sợ các vị khách mặc quân phục; chỉ là tay cai ngục vui tính mang cà phê sáng đến. Ở đây, bạn không hoảng sợ khi nhìn thấy kẻ vô liêm sỉ

* Danh sách nhân dân, chính quyền Nazi Đức sau khi xâm chiếm Ba Lan đã đưa ra định chế này bắt người dân kê khai lai lịch gốc gác Đức của họ vì mục đích phân biệt, sau Ba Lan chính sách này cũng được áp dụng ở các nước bị chiếm đóng khác.

với con mắt phi tiêu, một cò mồi không là một mối đe dọa. Bialoleka là một sự xa hoa đạo đức và một ốc đảo của phẩm giá. Nó cũng là một biểu tượng lồ lộ về sự bất đồng ý kiến của bạn và tầm quan trọng của bạn. Vì bạn là một người bị giam giữ, chính quyền coi bạn một cách nghiêm túc.

Đôi khi họ sẽ thử làm bạn sợ. Một người bạn của tôi, một công nhân nhà máy từ Warsaw, đã bị dọa mười lăm năm tù; một người bạn khác đã bị dọa xử vì tội gián điệp; người thứ ba đã bị hỏi cung bằng tiếng Nga; một người thứ tư bị đưa ra khỏi xà lim và bảo rằng anh ta sẽ phải đi đến chỗ tận cùng của nước Nga (khi thực ra anh ta được mang đi để chụp X-quang). Nhưng tất cả thứ này là có thể chịu đựng được. Tôi thực sự tin rằng là dễ để đối phó hơn tình trạng phức tạp về đạo đức và chính trị ở bên kia của hàng rào dây thép. (“Có lẽ ở trong tù là dễ hơn ở trong tình trạng tự do,” một bạn thân đã viết cho tôi. “Ồ ngoài, nước đã chảy đôn ra và đã biến thành bọt, và một lớp cặn đục lơ lửng ở bên trên.”)

Giáo trưởng của Ba Lan đã lên án việc ép người dân ký những tuyên bố trung thành. Giáo hoàng đã công khai gọi sự vi phạm lương tâm con người này là một tội ác. Người ta không thể không đồng ý với sự xác định này. Tất cả sự lên án phải hướng tới những người moi các bản tuyên bố được viết này, tới những người áp dụng biện pháp tàn ác này của sự hạ thấp nhân phẩm con người. Một phụ nữ trẻ, vợ của một nhà hoạt động Đoàn kết, đã bị tống giam sau khi bị lôi khỏi đứa con ốm yếu của cô đứa, người ta bảo cô, sẽ được chuyển vào một trại mồ côi. Cô đã ký tuyên bố. Mọi người bạn tôi bị lôi khỏi mẹ anh, bà sống một mình và đang chết dần vì ung thư, và được bảo rằng “không người nào sẽ thậm chí pha một tách trà cho mẹ gầy yếu của anh.” Anh ấy đã ký tuyên bố. Chẳng cần liệt kê bất cứ trường hợp nào thêm về sự tàn nhẫn của một số người, sự bất lực của những người khác, những tình trạng khó xử bi thảm và sự hăm dọa tống tiền đê tiện. Mọi người đều quen với những phản ứng khác nhau của những người chịu những áp lực này. Giáo trưởng của Ba Lan đã đề nghị vấn đề liệu có ký hay không, đặc biệt đối với các giáo viên. Theo ý ngài, đối với họ để giữ nhân phẩm của họ và để có khả năng tiếp tục dạy học là điều quan trọng. Sự lựa chọn là tùy vào cá nhân, vào tiếng nói lương tâm và lý trí của người đó: không ai có thể lên án sự lựa chọn của bất cứ ai khác. Sự khai trừ sẽ làm lợi cho những người nắm quyền, vì đây chính xác là cái họ muốn để phá vỡ sự kháng cự của xã hội và sự đoàn kết của người dân bằng việc tạo ra những sự chia rẽ. Để tha thứ và thông cảm, tuy vậy, là không quyết định rằng hành động ký tuyên bố bản thân nó là bình thường về mặt đạo đức. Không. Mỗi tuyên bố trung thành

là một cái xấu; và một tuyên bố mà đã được áp đặt lên bạn là một cái xấu mà bạn đã buộc phải phạm, mặc dù, đôi khi, là một cái xấu nhỏ hơn. Cho nên hành động này đôi khi đáng được thông cảm, luôn luôn là lòng thương, nhưng không bao giờ ca ngợi. Có chí ít vài lý do cho việc này. Trước hết, nhân phẩm không cho phép nó.

Sự bất lực đối diện với cái ác vũ lực có lẽ là sự làm nhục con người tồi tệ nhất. Khi sáu kẻ to lớn ghì chặt bạn xuống đất, bạn bất lực. Nhưng bạn không muốn từ bỏ quyền tự nhiên của mình đối với nhân phẩm: bạn sẽ không đi đến thỏa thuận nào với những kẻ côn đồ, bạn sẽ không đưa ra cam kết nào. Khi họ lôi bạn khỏi nhà mình, đánh bạn với toàn bộ sức mạnh của họ, làm bỏng mắt bạn với hơi cay, đập vỡ cửa chính nhà bạn với một gậy sắt và phá đồ gỗ của bạn ngay trước mắt gia đình bạn, khi nửa đêm họ còng tay chở bạn đến đồn cảnh sát và lệnh cho bạn ký các tuyên bố, thì bản năng tự bảo toàn bình thường của bạn và ý thức cơ bản của bạn về nhân phẩm con người sẽ khiến bạn nói KHÔNG.

Bởi vì cho dù những người này làm việc đó tất cả đều nhân danh sự nghiệp tốt đẹp nhất và cao quý nhất, họ sẽ hủy hoại sự nghiệp đó bằng những hành động xấu của họ. Tại thời điểm này bạn vẫn còn biết ít. Chỉ khi, vài giờ sau, họ chở bạn theo hướng Bialoleka (bạn sẽ nhìn xung quanh với sự tò mò, vì trước đây bạn đã biết đường này chỉ kỹ ở mức như nhà tù Mokotów cũ) bạn sẽ nghe trên radio của xe chở tù, khi rằng bạn va vào nhau lập cập vì lạnh (những hoàn cảnh này muộn hơn sẽ được gọi là “thân phận con người”), rằng chiến tranh đã được tuyên bố chống lại dân tộc bạn. Nó được công bố bởi những người mà nhân danh dân tộc này để cai trị, tuyên bố, ký kết các thỏa ước quốc tế, cùng những người mà công khai chìa bàn tay hòa giải trong khi bí mật ban các lệnh để sẵn chúng tôi vào đêm đó.

Và khi đó bạn thực sự biết chắc rằng bạn sẽ không trao một quà tặng, là tuyên bố trung thành của bạn, cho những người này, vì họ không đủ tư cách về bất cứ sự trung thành nào.

Và bạn vẫn chưa biết cuộc chiến tranh này có nghĩa là gì; bạn vẫn chưa biết họ tấn công các nhà máy và các xưởng luyện thép, các xưởng đóng tàu và các hầm mỏ bằng các phương pháp nào; bạn vẫn không biết về “ngày thứ Tư đẫm máu” ở mỏ Wujek;¹ nhưng bạn có biết một việc

¹ Vào ngày 16-12-1981, trong khi đập tan cuộc đình công ở mỏ Wujek (vùng Silesia), các đơn vị cảnh sát vũ trang (ZOMO) đã giết chín thợ mỏ. Đó đã là tình tiết bạo lực nhất của cuộc đảo chính.

rồi: ký bản tuyên bố này sẽ là tự phủ nhận mình, là xóa sạch ý nghĩa của đời bạn; là phản bội những người tin vào bạn; là phản bội bạn bè bạn những người đã biến mất trong các nhà tù khác nhau những người đã bị kết án và bị giam giữ; là phản bội các bạn bè những người bị cảnh sát săn đuổi và những người đang ẩn nấp; là phản bội tất cả những người mà sẽ đứng lên ủng hộ bạn với một tờ rơi ở Cracow hay Gdansk, ở một cuộc meeting lớn ở Paris hay New York. Những gương mặt của Zbyszek đang lẩn trốn, của Edek đã bị kết án, của Sewek đang vội vã xuống một đại lộ ở Paris vẫn chưa bắt đầu lóe lên trước con mắt bạn. Chưa có gì cố định cả, công vẫn ngổ trước bạn, bạn vẫn có một sự lựa chọn. Nhưng bạn đã biết rồi, bản năng của bạn bảo bạn rằng để từ bỏ nhân phẩm của bạn không phải là cái giá đáng trả để cho cửa nhà tù mở ra cho bạn. Và như thế ở đây là lý do thứ hai: đòi hỏi của lẽ thường, của lương tri.

Việc đi đến những thỏa thuận bất cứ loại nào với những người coi chính khái niệm “thỏa thuận” một cách tùy tiện, những người thường xuyên thất hứa, và những người mà sự dối trá là bánh mỳ hàng ngày của họ, là ngược với lẽ thường. Rất cuộc, bạn chưa bao giờ biết bất cứ người nào đã có bất cứ sự giao thiệp nào với lực lượng an ninh mà đã không cảm thấy bị lừa. Đối với những người này, với những con mắt vô hồn nhưng liếc ngang liếc dọc, với đầu óc đần độn nhưng lành nghề tra tấn của họ, với tâm hồn bị ô uế của họ mà khao khát sự chấp thuận xã hội, bạn chỉ là nguyên liệu thô mà với nó để làm bất cứ thứ gì họ thích. Họ có tâm lý riêng cá biệt: họ tin rằng có thể bắt bất cứ ai nói bất cứ thứ gì (nói cách khác, bất cứ ai có thể hoặc bị mua hoặc bị hăm dọa). Đối với họ, chỉ là vấn đề giá cả để vùi hay sự đau đớn để giáng xuống. Mặc dù các hành động của họ là lẽ thường, mọi lầm lỗi của bạn, mọi sự sa sút của bạn đều có ý nghĩa đối với cuộc sống của họ. Sự đầu hàng của bạn không chỉ là thành tích chuyên nghiệp đối với họ, nó là *raison d'être* (lý do tồn tại) của họ.

Và như thế bạn thấy mình tiến hành một cuộc tranh luận triết lý với họ về ý nghĩa của đời bạn, về lấy mất ý nghĩa khỏi đời họ, về trao ý nghĩa cho mọi sự tồn tại con người. Bạn tiến hành tranh luận về Giordano Bruno với Quan tòa án Dị giáo, về những người khởi nghĩa tháng Mười hai (Decembrist) với sĩ quan cảnh sát sa hoàng, về Walerian Lukasinski với thiên thần sa hoàng hủy diệt, về Carl von Ossietzky với sĩ quan Gestapo tóc vàng, về Osip Mandelstam với một đảng viên của

Đảng Bolshevik mặc đồng phục với dải viền cuộn xanh của N.K.V.D (Bộ Dân Ủy Nội Vụ).; bạn tiến hành cuộc tranh luận chẳng bao giờ chấm dứt về điều mà Henryk Elzberg² một lần đã nói rằng giá trị của thành tích của bạn không thể được đo bằng các cơ hội chiến thắng của ý tưởng của bạn, mà đúng hơn bằng giá trị của bản thân ý tưởng. Nói cách khác, bạn ghi điểm một chiến thắng không phải khi bạn thắng sức mạnh mà là khi bạn vẫn trung thành với chính mình.

Lương tri bạn cũng bảo bạn rằng với việc ký tuyên bố trung thành bạn đặt một chiếc roi da vào tay những cảnh sát. Họ sẽ vung nó và đe dọa bạn nhằm buộc bạn ký vào tuyên bố tiếp theo, sự thỏa thuận của bạn để cộng tác với họ. Với việc này, tuyên bố trung thành của bạn sẽ biến chính bạn thành hiệp ước với ma quỷ. Đây là vì sao bạn không được đưa cho những cảnh sát thẩm tra này ngay cả đầu ngón tay của bạn: bởi vì họ sẽ ngay lập tức chop lấy toàn bộ cánh tay của bạn. Chắc chắn bạn phải biết ai đó mà cuộc sống đã bị tan vỡ bởi một thời khắc của sự lơ đãng đạo đức hay sự yếu tinh thần, ai đó mà đã bị đeo đuổi bởi các cú gọi điện thoại, mà nhà ở và chỗ làm việc thường xuyên bị cảnh sát xâm nhập, và bị hăm dọa tống tiền mỗi khi đi ra nước ngoài. Những người như vậy phải trả giá cho một thời khắc thiếu sáng suốt bằng hàng năm của sự mất danh giá và sự sợ hãi. Nếu bạn không muốn bị sợ, nếu bạn muốn tôn trọng chính mình, lời nói bên trong mách bảo bạn, đừng đi vào bất cứ thỏa thuận nào với những cảnh sát.

Bạn không nuôi dưỡng sự hận thù đối với cảnh sát, chỉ lòng trắc ẩn. Bạn biết tỷ lệ mắc bệnh tâm thần cao giữa họ; bạn biết rằng mỗi trong số họ đều hô thẹn trước mặt con cái mình. Bạn biết rằng bản án quên lãng quốc gia sẽ được thông qua chống lại họ (ai có thể còn nhớ nữa những đao phủ và những kẻ chỉ điểm của những ngày đã qua?), rằng họ chỉ có thể giành được tiếng tăm của Herostrates, kẻ đốt đền, giống như chính ủy Kajdan trong *Trước mùa Xuân* của Stefan Zeromski hoặc đại tá Rozanski từ Cục An Ninh Ba Lan Stalinist. Và đây là lý do thứ ba lý lẽ của ký ức.

Lịch sử của dân tộc bạn được cố định trong ký ức của bạn. Bạn biết rằng trong lịch sử của nó một tuyên bố trung thành được ký trong nhà tù đã luôn luôn là một điều ô nhục, sự trung thành với chính mình và với truyền thống dân tộc là một đức hạnh. Bạn có thể nhớ những người bị tra tấn và bị tù nhiều năm dài nhưng không ký tuyên bố nào. Và bạn biết rằng bạn cũng sẽ không ký chúng, bởi vì bạn không có khả năng và

² Henryk Elzberg (1887-1967), triết gia và sử gia Ba Lan.

không muốn từ bỏ ký ức của những người khác, đặc biệt vì có những người nào đó mà cứ tiếp tục xuất hiện trong ký ức của bạn: những người đã bại trận vì nhân phẩm trong nhà tù. Với con mắt tâm linh bạn có thể thấy Andrzej M., nhà phê bình văn học xuất sắc, bạn của bạn, người trong lúc ở tù đã viết một tiểu luận lỗi lạc phản đối kịch liệt bằng chứng của nhân dân về cái chết đạo đức của ông ta; Heniek Sz., một người tham vọng và thông minh, người đã để mình bị thao túng vào vai của kẻ chỉ điểm chính về các bạn của ông ta; Zygmunt D., một người bạn quyền rũ và một thanh niên nhanh trí người một lần đã nhượng bộ và sau đó đã tố cáo các bạn ông trong nhiều năm. Như thế với sự kinh hãi và khiếp sợ bạn nhớ những mảnh xác người này, những người này mà đã bị bộ máy cảnh sát hành hạ, và bạn sẽ thấy rằng tương lai của chính bạn cũng là một vấn đề bỏ ngõ. Sự lựa chọn là của bạn, nhưng ký ức của bạn lặp đi lặp lại liên miên trong tai bạn: cả bạn nữa cũng có thể giống họ. Không ai được sinh ra làm kẻ chỉ điểm; bạn rèn số phận của bạn hàng ngày, với cái giá của sinh mệnh bạn. Vào lúc này bạn vẫn chưa nghe về các tuyên bố trung thành; các cuộc phỏng vấn tai tiếng, những công bố đáng hổ thẹn được đọc trên radio. Bạn vẫn chưa biết Marian K. từ Nowa Huta, một nhà hoạt động Đoàn kết nhanh trí và dũng cảm, đã bị lừa thế nào khi trong tuyên bố của mình anh đã muốn trả lại cho Caesar những gì là của Caesar và trả lại cho Chúa những gì là của Chúa, nhưng rồi cuộc đua mọi thứ cho cảnh sát, bởi vì anh đã không hình dung rằng có những tình huống khi sự mơ hồ lại hóa ra rõ ràng và nửa sự thật trở thành sự dối trá đầy đủ. Bạn vẫn chưa nghe phỏng vấn với Stanislaw Z., một công nhân và một nhà hoạt động tại Nowa Huta, một kẻ láu cá xảo quyệt mà mọi người đã luôn luôn ngờ vực và bây giờ đang sống đúng theo sự nghi ngờ của họ bằng việc lặp lại sự tuyên truyền của chính phủ. Bạn vẫn chưa đọc tuyên bố của Marek B., người phát ngôn của Ủy ban Quốc gia [Đoàn kết], người đã là một nhà vật lý từ Gdansk và người được che chở của Lech, vụ cáo những người Đoàn kết. Bạn cũng chưa đọc tuyên bố của Zygmunt L. từ Szczecin, cố vấn của Marian J., người đã đọc chính tả cho Marian tất cả những lời đại dốt đó về “những người Do Thái đang nắm quyền” và về “việc dựng lên các giá treo cổ cho các lãnh đạo đảng,” và người hôm nay đang lên án “những kẻ cực đoan.” Nói cách khác, bạn vẫn chưa biết rằng thời này, như luôn luôn, người dân sẽ lại bị lừa dối, bị lừa (nghĩ về Zdzislaw R. từ Poznan, người mà bạn đã nói chuyện với vào lúc tiết lộ về Poznan), bị dọa nạt nữa. Bạn vẫn chưa biết rằng cả thời này nữa lũ chuột sẽ là lũ đầu tiên chạy khỏi con tàu đang chìm. Nhưng bạn

có biết rồi rằng tất cả những thứ này chẳng có gì mới, rằng bạn sẽ không cảm thấy giống như đang giải thích cho những cảnh sát này, những người đang vẫy tay đón việc thả bạn ngay trước mũi bạn, trong đồn cảnh sát chật ních này, rằng chính họ là những nô lệ và rằng không việc thả nào sẽ giải thoát họ khỏi cảnh nô lệ của họ. Bạn không cảm thấy giống như đang giải thích rằng những người chen chúc trong những hành lang đầy khói thuốc này, và vừa bị giật khỏi nhà của họ, các nhà hoạt động công nhân, các giáo sư và các nhà văn, các sinh viên và nghệ sĩ, những bạn bè và những người lạ rằng họ chính là sự sống và nội dung của tự do và rằng đây là vì sao chiến tranh đã được tuyên bố chống lại họ. Bạn không cảm thấy giống như đang giải thích cho gã cảnh sát đã đánh vào mặt bạn với sự thích thú tàn ác (anh ta đã được phép để làm việc đó, ít nhất anh ta đã phải tốn mười sáu tháng kiểm chế mình) ý nghĩa của tiểu luận của Vassili Rozanov³, mà cho rằng cuộc tranh luận cơ bản nhất của văn hóa Âu châu là sự đối lập giữa người cầm roi da và người bị nó quất. Và bạn không cảm thấy giống như đang giải thích cho anh ta rằng cuộc đọ sức của bạn là hiện thân gần đây nhất của sự đối lập này. Bạn sẽ không nói gì với anh ta cả. Bạn sẽ mỉm cười một cách mỉa mai, bạn sẽ chọn không ký bất cứ thứ gì (không ngay cả lệnh bắt bạn), bạn sẽ xin lỗi, và bạn sẽ bỏ đi khỏi căn phòng.

Họ sẽ chở bạn đến Bialoleka cùng với những người tự hào về mỗi gia đình Ba Lan. Bạn sẽ được chở cùng một triết gia nổi tiếng và một sử gia xuất sắc, một giám đốc nhà hát và một giáo sư kinh tế, một nhà lãnh đạo Đoàn kết từ Ursus và một từ Đại học Warsaw, những sinh viên và công nhân. Tại chính Bialoleka họ sẽ không đánh bạn. Ngược lại! Bạn được dùng như bằng chứng của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa nhân văn của họ; vì chẳng bao lâu họ sẽ khoe khoang bạn cho đoàn đại biểu Chũ Thập Đỏ Quốc tế và cho các dân biểu của Sejm⁴, và thậm chí cho giáo trưởng của Ba Lan. Cho nên họ sẽ khá nhã nhặn, khá giúp ích, khá nhẹ nhàng. Nhưng thỉnh thoảng họ sẽ đưa bạn đi giữa hai hàng người đội mũ sắt, được trang bị dùi cui và khiên, nhằm để làm cho bạn sợ và để nhắc nhở bạn về quyền lực của họ. Điều duy nhất mà những thứ giá trị này sẽ nhắc nhở bạn về, là chế độ này giống như con chó hăn học thích cắn cho dù răng của nó đã rụng hết. Đặc tính của Pavel Korchagin đã biến

³ Triết gia Nga (1856-1919).

⁴ Quốc hội Ba lan.

mắt;⁵ ngày nay khi ai đó quát tháo một cảnh sát, một nỗi sợ hiện lên trong con người của anh ta. Bạn có thể phát hiện ra sự sợ hãi và bất trắc này dưới mũ sắt của anh ta, qua bộ đồng phục của anh ta, đằng sau chiếc khiên (một món nhập khẩu Nhật Bản) của anh ta. Và bạn sẽ nhận ra ngay rằng nỗi sợ của cảnh sát có nghĩa là vẫn còn hy vọng cho bạn. Hy vọng là quan trọng. Có lẽ quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác.

Rốt cuộc, đây chính xác là nội dung đấu tranh: cảnh sát đã muốn ép chúng ta ký một tuyên bố rằng chúng ta từ bỏ hy vọng. Họ biết rằng người cam kết sự trung thành của mình với hệ thống áp bức và dối trá này đang từ bỏ hy vọng về một Ba Lan mà trong đó sự dối trá và áp bức sẽ bị bác bỏ. Các tuyên bố này được cho là biến chúng ta thành những kẻ hèn mọn và nô lệ, những người sẽ không đứng lên để chiến đấu vì tự do và nhân phẩm. Như thế bằng việc từ chối nói chuyện với cảnh sát, từ chối cộng tác, bác bỏ địa vị chỉ điểm, và bằng việc chọn làm một tù nhân chính trị bạn đang bảo vệ hy vọng. Không chỉ hy vọng bên trong bản thân bạn và vì bản thân bạn mà cũng trong những người khác và vì những người khác. Bạn quảng tuyên bố về hy vọng của bạn từ xà lim nhà tù của bạn vào thế giới, giống như quảng một cái chai được nút chặt vào đại dương. Cho dù chỉ một người độc nhất tìm thấy nó, bạn sẽ được tính một điểm chiến thắng.

Tôi biết bạn đang nghĩ gì [về tôi]: hẳn đang kể về những lời vô vị và những chuyện tầm thường, đang đòi hỏi chủ nghĩa anh hùng; hẳn mơ mộng một cách vô vọng. Nhưng điều này không hoàn toàn đúng.

Tôi đồng ý với điểm đầu tiên. Những chân lý tầm thường, nếu chúng vẫn là tầm thường, phải được nghi nhớ, đặc biệt trong thời khi ứng xử tầm thường đòi hỏi sự dũng cảm nào đó, còn thuyết tương đối mà tình cờ có đáp ứng một mục đích trong hoạt động trí tuệ có thể dẫn người dân đến pha loãng các tiêu chuẩn đạo đức và nghi ngờ cái gì phải là hiển nhiên về mặt đạo đức. Nhưng tôi không tin rằng sự trung thành với các chân lý này là cùng như có các giá trị xa thực tế.

Bạn biết rằng bạn không là anh hùng và rằng bạn chẳng bao giờ đã muốn là một anh hùng. Bạn chẳng bao giờ đã muốn chết vì dân tộc bạn, hay vì tự do, hay vì bất cứ thứ gì khác, ngoài ra: số phận của Winkelried và Ordon [các anh hùng huyền thoại những người đã chết vì đất nước họ mà đã bị những kẻ thù mạnh hơn áp đảo] đã chẳng bao giờ cảm dỗ bạn.

⁵ Pavel Korchagin, nhân vật trong tiểu thuyết *Thép đã tôi thế đấy* (1934) của Nikolai Ostrovsky là một biểu tượng của sự hiến dâng toàn bộ cho sự nghiệp cộng sản.

Bạn đã luôn luôn muốn còn sống, để sống giống một người bình thường, để có sự tôn trọng chính mình và các bạn mình. Bạn đã luôn luôn tận hưởng sự thoải mái đạo đức mà cho phép bạn thích thú với sự tự do bên trong của bạn, với các phụ nữ xinh đẹp, và với rượu. Cuộc chiến tranh đã làm bạn ngạc nhiên khi đi cùng với một phụ nữ đẹp, chứ không phải trong khi bạn bày mưu một cuộc tấn công chống lại các trụ sở Ủy ban Trung ương.

Tuy nhiên, họ đã tuyên bố cuộc chiến này chống lại bạn và hơn ba mươi triệu người khác, và như thế bạn buộc phải nhận ra rằng giữa các cuộc bố ráp đường phố, các bản án ô nhục, các chương trình radio đáng khinh, và việc phân phát các tờ rơi bởi Đoàn kết ngầm, bạn sẽ không lấy lại được sự bình thường dựa trên sự tôn trọng chính bạn. Bây giờ bạn phải lựa chọn giữa sự ổn định đạo đức và sự ổn vật chất, bởi vì bạn biết rằng “sự bình thường” của hôm nay sẽ có vị cay đắng của sự tự thất bại. Và, vì sự thích thú của cuộc sống, bạn sẽ không nhượng bộ những lời mời chào tự do cám dỗ của cảnh sát, người tìm cách lừa dối bạn với những lời hứa hạnh phúc nhưng thay vào đó thực ra mang lại sự đau khổ và địa ngục nội tâm.

Không, đây không phải là chủ nghĩa anh hùng. Nó chỉ là lẽ thường. Bertold Brecht đã nói, “Khốn khổ cho các dân tộc phải có những anh hùng của mình.” Làm sao người ta có thể không đồng ý với điều này? Chủ nghĩa anh hùng giả định trước tính khác thường. Ngày nay, những người Ba Lan cần sự bình thường và tính thông thường nếu họ chống lại sự cai trị quân sự và cảnh sát.

Hãy hiểu tôi chính xác: đây không phải là một cương lĩnh về sự cương quyết lãng mạn mà đúng hơn là một chiến lược cho sự kháng cự xã hội. Nó không đáp ứng mục đích ngày nay để gọi lại xung đột cổ điển trong tư tưởng chính trị Ba Lan giữa chủ nghĩa khởi nghĩa lãng mạn và thuyết hữu cơ thực tiễn, như Daniel P. gọi lại trong tuần báo *Polityka*.⁶ Hãy xem xét kỹ hơn các lý lẽ của ông.

P. thấy tính hợp lệ của cả hai bên của cuộc tranh luận, nhưng ông dùng lý lẽ để biện hộ cho quan điểm của những người theo thuyết hữu

⁶ Nhà báo Daniel Passent là phó tổng biên tập của tuần báo *Polityka*. Được lập ra trong năm 1956, *Polityka* phục vụ cánh phóng khoáng của đảng. Nhà sáng lập và tổng biên tập đầu tiên của nó là Mieczyslaw Rakowski, phó thủ tướng của chính phủ Jaruzelski, đã là một trong những kiến trúc sư chính của cuộc đảo chính 13 tháng Mười Hai, 1981.

cơ, những người đã quyết định vẫn ở lại trong ban biên tập của *Polityka*, và chịu rủi ro bị chất vấn bởi con cái họ “Bố đã làm gì khi thay cho các lý lẽ là những người lính đến?” những người lựa chọn một thái độ có trách nhiệm thay cho sự rút lui tự nguyện khỏi đời sống công [mà] được gọi là sự đi đày trong nước. “Chẳng có lợi gì để theo đuổi sự trong trắng đã mất,” P. viết. “Chẳng có lợi gì để thay từ y phục của một người thực tế sang y phục của một người theo trào lưu chính thống. Đỉnh thúc ngựa và dép lê phòng ngủ không đi với nhau,” ông viết về các biên tập viên *Polityka* những người đã nổi loạn.

Theo ý ông, “Không phục vụ cho lợi ích công nếu các báo ngừng xuất bản ở Ba Lan, hoặc nếu sự đa dạng của chúng bị hạn chế thêm. Chúng ta phải hành động sao cho để quân đội quay về trại lính. . . . Ai khác sẽ làm việc đó nếu chúng ta nhận việc làm nhỏ thoai mái như người phát ngôn của các doanh nghiệp thương mại tư nhân Ba Lan Mỹ hay như các biên tập viên của những xuất bản phẩm phi chính trị?” Daniel P. dùng tất cả lý lẽ mà bạn biết rất kỹ từ, chẳng hạn, các cuộc thảo luận nổi lên sau “Tiểu luận về những con Giòi” của Piotr Wierzbicki⁷ được công bố. P. không rao giảng bằng tiếng Newspeak*, ông không nói điều vô nghĩa; ông dùng những lý lẽ nghiêm túc và diễn đạt rõ ràng các song đề cấp bách của những người Ba Lan hiện nay.

Lập luận của ông phải được tranh luận ở hai mức, mức cụ thể và phổ quát. Nếu cả những người theo thuyết khởi nghĩa và những người theo thuyết hữu cơ đều là cần thiết, thì chúng ta cần những người theo thuyết hữu cơ trong hình thức và theo thuyết khởi nghĩa trong thực chất. Chúng ta cần những người không nói dối công khai, những người chúng ta có thể tin cậy, những người bác bỏ sự thỏa hiệp với hệ thống chính quyền được áp đặt lên dân tộc này, nhưng là những người không đòi hỏi các hành động vội vã, sự kêu gọi khủng bố, hay việc tổ chức du kích đô thị hay nông thôn. Nói cách khác, song đề cổ điển có thể được mô tả như hoạt động cơ sở (grass-roots activity) *versus* (đối lại) sự cộng tác, không chỉ như hoạt động cơ sở *versus* khởi nghĩa.

Sự thỏa hiệp là cần thiết cho một đời sống công cộng lành mạnh, miễn nó là sự thỏa hiệp thực sự, cả trong thực chất lẫn trong con mắt

⁷ Xem cuốn này, trang 169.

* Newspeak là ngôn ngữ tưởng tượng trong tiểu thuyết *1984* của George Orwell (tác giả của *Trại súc vật*), một ngôn ngữ được kiểm soát do nhà nước toàn trị tạo ra nhằm ngăn chặn tự do tư duy.

công chúng. Khi một sự thỏa hiệp được công chúng nhìn thấy như sự từ bỏ niềm tin chắc hoặc như sự phản bội trắng trợn, nó không còn là một thỏa hiệp nữa. Nó trở thành một sự lừa dối hay một sự hiểu nhầm. Ứng hộ WRONA⁸ ngày nay là lấy một lập trường chống lại dân tộc mà cả hai chúng ta biết điều này quá kỹ. Tuyên bố trung thành mà cảnh sát đòi hỏi bạn và cái hơi khác một chút mà các đồng nghiệp của Daniel P. trong văn phòng biên tập của ông đã yêu cầu ký không phải là một sự thỏa hiệp; chúng là các hành động cộng tác, và đã được diễn đạt một cách riêng biệt là như vậy. Bất cứ ai thử cứu “sự đổi mới” tháng Tám (tôi không thích từ được đảng sử dụng này; tôi thích thành ngữ “một công thức cho dân chủ” hơn) với hành động này dẫn đến sự phá hủy của nó một cách không thể thay đổi được. Ngần ấy về vấn đề chung. Bây giờ sang những thí dụ cụ thể. Daniel P. có vẻ tin rằng *Polityka* sẽ trở thành, như nó đã là một số năm trước, một ốc đảo của những nửa sự thật trong đại dương của những lời dối trá, một tờ báo với một chút tử tế. Tôi có ý kiến khác. Tôi tin rằng thời của ý tưởng này đã qua không phải vào 13-12-1981, và thậm chí không vào 1-9-1980, với việc ký kết các hiệp ước Gdansk mà vào giữa thập niên của Gierek, khi *Polityka* đã biến đổi từ một tờ báo tương đối phóng khoáng và phê phán hệ thống một cách hạn chế thành người biện hộ linh lợi của nó. Trong tháng Sáu 1976, vào lúc các cuộc đình công của công nhân Radom và Ursus, *Polityka* đã trở thành một sản phẩm điển hình của sự suy đồi của nhóm Gierek và thành người phát ngôn của chiến lược làm tan rã của Gierek. Trong thời Đoàn kết, nó đã không còn là một tờ báo đáng tin đối với chính quyền và không đối với nhân dân. Nó đã thậm chí không là một tờ báo lý thú, chỉ là một tờ lỗi thời. Sự thắng tiến chính trị của tổng biên tập của nó trùng với cái chết chính trị của *Polityka*. Ngày nay nó chỉ là một tranh biếm họa về chính nó. Toàn bộ lịch sử của *Polityka* là câu chuyện về một ảo ảnh mà một phần khá lớn của giới trí thức Ba Lan đi đến tin một ảo tưởng rằng hệ thống có thể được cải cách từ trên xuống nếu các trí thức gia nhập vào cung điện vận động ngầm, nếu họ đi thông thạo trong các hành lang của Ủy ban Trung ương, và nếu họ dành đủ thời gian trong các phòng chờ của các bộ trưởng. Ý tưởng này đã bị giết, và chẳng gì sẽ làm

⁸ WRON là viết tắt của Hội đồng Quân sự Cứu Nước (Wojskowa Rada Ocalenia Narodowego), một chính phủ quân sự tạm thời mà đã cai trị Ba Lan trong Chiến tranh (13-12-1981 đến 22-7-1983). WRON chỉ thiếu một chữ *a* trong “wrona,” tức là “con quạ.” Phần lớn tuyên truyền chống chính phủ đã dựa trên sự trùng hợp đó.

nó sống lại. Xung đột xã hội và, thông qua nó, sự thỏa hiệp xã hội tiềm năng có thể xảy ra chỉ trên sàn nhà máy và trong giảng đường của trường đại học và không phải trong một phiên họp của Sejm hay hội nghị toàn thể của Ủy ban Trung ương. Dấu lịch sử các mối quan hệ giữa những người cai trị cộng sản và xã hội Ba Lan đã bện vào nhau và phức tạp đến thế nào, với cuộc “chiến tranh” cuối này đảng đã tự tước đoạt sự ủy thác của nó để cai trị, và chẳng ai có thể làm bất cứ thứ gì để làm thay đổi điều này, không ngay cả bằng việc kéo cái mũ quân sự bốn góc truyền thống bằng vũ lực lên mũ sắt cảnh sát.

Nếu chúng ta có bất cứ ảnh hưởng nào đến tương lai của Ba Lan, thì nó phải được rèn bởi một xã hội được tổ chức đưa ra áp lực không ngừng lên các nhà chức trách. Đi dựa vào ý tốt của các sếp WRONA là giống như chờ lộc thánh rơi từ trên trời xuống. Thế nhưng có lý để dựa vào sự yếu của họ: có lý để tin rằng có thể ép những người cầm quyền đến sự thỏa hiệp. Lòng tin này được biện minh bởi sự thực rằng có một khoảng chân không ý thức hệ và cương lĩnh hiển nhiên bên trong đảng. Bộ máy bệnh vực quyền lực và đặc ân, chứ không phải các tư tưởng hay giá trị. Sự biểu thị hiển nhiên nhất của điều này là sự tin cậy quen thuộc của chế độ vào lý lẽ của sức mạnh bạo lực như cái thay thế cho sức mạnh của lý lẽ. Hãy để chúng ta nhại Hegel: C.R.O.W. [CON QUẠ] của Minerva bay ra vào lúc tối*.

Bạn biết cảm giác cô đơn có thể sâu thẳm đến thế nào. Bạn nghĩ rằng bạn bắt lực đối lại bộ máy quân đội cảnh sát mà đã được huy động vào đêm tháng Mười hai đó. Bạn vẫn chưa biết cái gì sẽ xảy ra. Bạn vẫn còn chưa biết rằng người dân sẽ phục hồi từ cú sốc, rằng các tờ báo bí mật sẽ xuất hiện, rằng Zbyszek B. sẽ lãnh đạo khu vực Đoàn kết của ông từ dưới lòng đất, rằng ở Wrocław họ sẽ không tóm được Wladek F.; rằng Gdansk, Swidnik, và Poznan sẽ lại làm toàn bộ Ba Lan thức tỉnh; rằng các cấu trúc nghiệp đoàn bất hợp pháp sẽ được hình thành. Bạn vẫn còn chưa biết rằng xe của các tướng bị mắc kẹt trong cát, các bánh xe của nó quay tít tại chỗ, rằng trận lở tuyết đàn áp và lời vu khống không đạt mục đích của nó.

* Con cú biểu tượng gắn với nữ thần trí tuệ Minerva theo thần thoại Hy Lạp và La Mã. Hegel dùng như một ẩn dụ triết học “con cú của Minerva trải cánh của nó chỉ khi màn đêm buông xuống” với ẩn ý triết học chỉ hiểu điều kiện lịch sử khi nó đã qua đi. Con cú cũng có khi được hiểu là con quạ “crow” và C.R.O.W. “con quạ” là cách nói trại của Hội đồng Quân sự Cứu nước

Nhưng bạn có biết, khi bạn đứng một mình, tay bị còng, với các con mắt của bạn đầy hơi cay, trước mặt những cảnh sát chĩa súng của họ vào bạn, bạn có thể thấy nó rõ ràng trong đêm tối không có ánh sao, nhờ nhà thơ ưa thích của bạn rằng diễn tiến của trận lở tuyết phụ thuộc vào những hòn đá mà trên đó nó lăn.

[Czeslaw Milosz]

Và bạn muốn là hòn đá mà sẽ đảo ngược diễn biến của các sự kiện.

Ngày 25 tháng Ba năm 1982.

Vì sao bạn không Di cư . . . : Thư từ Bialoleka 1982⁺

Bạn thân mến,

Bạn hỏi tôi tôi nghĩ gì về lời chào mời di cư của Tướng Jaruzelski. Hành động thân thiện này áp dụng chỉ cho những người bị giam giữ; những người đã bị kết án rồi, những người hiện đang ở trong tù, và các công dân thường những người không tình cờ bị giam giữ không thể nộp đơn xin visa xuất cảnh.

Câu trả lời cho câu hỏi của bạn thực sự hoàn toàn đơn giản: tôi không dự tính di cư. Nhưng bản thân vấn đề di cư chẳng đơn giản, cũng không mới, cũng chẳng phải không liên quan đến tình thế hiện tại. Chỉ cần bạn có thể nhớ, thái độ Ba Lan đối với di cư đã là nước đôi, kết hợp sự ghen tị với sự thiếu tin cậy, một cảm giác về vị trí thấp kém với tính vĩ cuồng. Có lẽ từ thời niên thiếu của mình bạn còn nhớ những nhận xét gây nhức nhối về Tướng Anders,¹ người đã muốn trở về Ba Lan “cưỡi một con ngựa trắng”; những bình luận xấu xa về các nhà văn mà đã “chọn tự do” [đã quyết định ở lại phương Tây]; những chuyện đùa mỉa mai về các bộ trưởng trong chính phủ lưu vong ở London, những người đã định cư một cách dễ chịu trên đất Anh trong khi duy trì một cách kỳ cục các định chế của nhà nước trước chiến tranh của họ và đưa ra lời khuyên ngạo mạn cho đồng bào họ ở quê nhà.

Hãy thành thật thú nhận ngần này: bằng cách khuyến khích những ý kiến như vậy, bộ máy tuyên truyền chính thống đã đạt được thắng lợi lớn. Trong thời trẻ của chúng ta, trong các năm 1950 và 1960, cộng đồng những người lưu vong đã không có tiếng tốt. Họ đã bị coi là cái gì đó xa lạ. Đã tồn tại một khuôn mẫu định kiến về người lưu vong như ai đó người đã quay lưng lại với đất nước mình, đã đặt mình ra khỏi dân tộc, đã không chia sẻ thời thịnh và suy của nó, đã khao khát một cách vô vọng sự trở lại của thời xưa và các đặc ân cho chính mình, người lưu vong chọn tiền lương sung túc, sự an toàn, và sự thịnh vượng và người, vì tiền Mỹ, đã nói láo về Ba Lan trên Đài Châu Âu Tự do.

⁺ Thư này được ký dưới tên Andrzej Zagozda một trong những bút danh của Adam Michnik.

¹ Tướng quân đội Wladyslaw Anders (1892-1970) đã chỉ huy các đội quân Ba Lan trong Chiến tranh Thế giới II. Muộn hơn ông đã trở thành một lãnh tụ biểu tượng của cộng đồng Ba Lan lưu vong ở London.

Quan điểm áp đảo đã là, để nói về các vấn đề quan trọng nhất của Ba Lan người ta phải ở đây, ở bên bờ sông Vistula, nơi cuộc sống là khó khăn và không tiện nghi, chứ không phải trên sông Seine hay sông Thames, nơi cuộc sống thoải mái và có thể tiên đoán được.

Ít người đọc những xuất bản phẩm lưu vong khi đó, và hầu như không ai đã tìm cảm hứng cho hoạt động chính trị trong chúng. “Sự ổn định hóa nhỏ” của các năm sáu mươi đã nở hoa rực rỡ. Người dân đã muốn hưởng thụ sự thanh bình nào đó sau nhiều năm khủng bố Stalinist. Và sau những năm nghèo khó sau chiến tranh, họ đã ổn định cuộc sống và tìm kiếm sự thỏa mãn trong đời sống chuyên nghiệp và gia đình. Tình trạng này đã là không thể chấp nhận được đối với cách tư duy lưu vong. Đối với những người lưu vong, “sự ổn định hóa nhỏ” đã không đủ. Họ đã nghĩ chỉ về độc lập và dân chủ. Như thế, dù nội dung thực của thông điệp chính trị của những người lưu vong đã có thể là gì đi nữa và tôi không muốn lý tưởng hóa nó, người dân ở Ba Lan sẽ không chấp nhận chương trình nào dính líu đến bất kỳ thay đổi lớn nào trong đời sống của họ; những người lưu vong nhiều nhất đã có thể làm rối loạn sự ổn định tinh thần của họ, và đem lại cho họ một lương tâm tội lỗi vì không thử mở rộng các quyền dân tộc và con người của họ. Những người Ba Lan rải rác khắp thế giới đã được coi như những bà con giàu có từ nước ngoài và không như một bộ phận của lịch sử thế kỷ hai mươi của Ba Lan. Không thể tin được đến thế nào! Để nghĩ rằng những ý kiến như vậy là có thể trong một nước mà văn hóa của nó đã gắn kết một cách không thể hủy bỏ được với những người lưu vong; một nước mà trong rất nhiều năm sự tồn tại tinh thần của nó đã dựa vào cộng đồng lưu vong của nó về các tác phẩm lãng mạn, nhạc của Chopin, các hoạt động chính trị của Đại Di cư thế kỷ mười chín; một nước mà nhân dân của nó một cách công bằng phải hiểu các lý do và tầm quan trọng của sự lưu vong kỹ hơn bất kỳ ai khác! Trong khi Đại Di cư có được sự coi trọng và được dạy trong các trường học, sự ca tụng nó được kể lại tại các lễ kỷ niệm, thì sự lưu vong đương thời đã bị bỏ qua và coi thường.

Việc này đã tiếp tục chỉ cho đến một thời điểm nhất định. Khi sự tuyên truyền chính thống đã trở nên ngày càng gây khó chịu, khi tầm lưới kiểm duyệt tóm lấy những ám chỉ không trung thành trong các báo và các sách với tần suất ngày càng tăng, và khi ý chí để phản đối và để tự bảo vệ đã tăng lên, thì người dân quay sang di sản lưu vong thường xuyên hơn và hân hoan hơn. Các quan chức hải quan đã tịch thu các ấn bản Paris

*Kultura*² khỏi va li của khách du lịch; các đội cảnh sát, khi khám xét các căn hộ, đã lấy đi những cuốn sách của các tác giả lưu vong Milosz và Gombrowicz, Herling-Grudzinski và Mieroszewski, Wierzynski và Hlasko. Số đông người dân nghe Đài Châu Âu Tự do, tìm kiếm không chỉ thông tin về các phần khác của thế giới không được báo chí Ba Lan theo dõi mà cả tin tức trung thực về đất nước của chính họ, về những sự kiểm duyệt nực cười và về những sự phản đối của trí thức. Giới trí thức chống đối đã tìm cách liên lạc với xã hội Ba Lan qua London và Paris và họ đã thành công. Như thế, cả những người lưu vong nữa đã tìm thấy một ngôn ngữ họ có thể chia sẻ với đồng bào họ; họ cũng đã bắt đầu liên lạc với Ba Lan, lại trở nên hữu ích, lại trở thành một phần của dân tộc họ. Đây đã không phải như bạn sẽ nhớ một quá trình mà không có những phí tổn của nó.

Đã là rủi ro để hợp tác với những người lưu vong, và điều này đã được chứng tỏ bởi các bản án khắc nghiệt được đưa ra tại một loạt vụ xử. Nhưng cây cầu được tái dựng đã lại hoạt động, các xuất bản phẩm lưu vong đã đăng ngày càng nhiều nội dung từ Ba Lan, và nội dung này ngày càng trở nên lý thú. “Sự ổn định hóa nhỏ” đã chấm dứt; “sự hỗn loạn lớn” của 1968 đã đến.

Trong bài nói chuyện nổi tiếng của Bí thư Thứ nhất Wladyslaw Gomulka ngày 19 tháng Ba năm 1968, trong đó ông đã tấn công “những kẻ thù và những kẻ phá rối,” ông đã trích dẫn dư dả các bài viết của Juliusz Mieroszewski trong Paris *Kultura*, tìm trong chúng những nguyên nhân của các vấn đề chính trị Ba Lan. Đa số sinh viên (bạn đã là một ngoại lệ) đã không quen biết với các bài báo này, nhưng Gomulka, hay người viết diễn văn của ông, đã cho thấy một trực giác sắc sảo. Vì nhìn lại có thể dễ thấy rằng quả thực Mieroszewski đã là người tìm được cách xây một cây cầu trí tuệ giữa chủ nghĩa cực đại không thực tế của những người lưu vong và chủ nghĩa bi quan thực tế thái quá của người dân ở Ba Lan. Ông đã tạo ra một tầm nhìn cho sự thay đổi tiến hóa trong hệ thống, một tầm nhìn mà muôn hơn đã truyền cho thực tiễn của phe đối lập dân chủ Ba Lan.

Gomulka cũng đã nhận biết cái gì đó mà đã chưa rõ ràng đối với nhiều người: các tác động của giới lưu vong được cảm thấy ở Ba Lan.

² *Kultura*, xuất bản phẩm lưu vong có ảnh hưởng nhất, là một tạp chí chính trị và văn học ra hàng tháng. Được thành lập năm 1949 và có cơ sở ở Paris, nó được xuất bản bởi “Institut Littéraire” của Jerzy Giedroyc cùng với tạp chí lịch sử *Zeszyty historyczne* ra hàng quý. Gần bốn trăm sách bằng tiếng Ba Lan đã được Institut Littéraire xuất bản, với các tác giả như Arthur Koestler, Alexander Weissberg, Alexandr Solzenitsyn, Czeslaw Milosz, Witold Gombrowicz, và Boris Pasternak.

Sách được đưa lậu về dọc biên giới Ba Lan với số lượng lớn, được chuyển từ người này sang người khác, được giấu khỏi con mắt cảnh giác của cảnh sát. Những người lưu vong chuyển lại thông tin về thế giới và sự thật về lịch sử của dân tộc chúng ta, và họ gửi về nước các tuyệt tác văn học đương đại, và những suy ngẫm không bị kiểm duyệt về hy vọng và sự tuyệt vọng trong đời sống Ba Lan. Và bản thân cuộc sống lưu vong đã được giàu thêm bởi những người mới và trải qua một sự biến đổi nội bộ, những người lưu vong đã không còn là những người cùng thời vô danh của bố mẹ và ông bà chúng ta: họ đã là những người bạn của anh và của tôi.

Một hậu quả của các sự kiện tháng Ba 1968 đã là một sự đánh giá lại của giới trí thức Ba Lan về vấn đề di cư lưu vong. Chính quyền nhà nước đã cho phép di cư. Như thế giáo sư bị sa thải khỏi trường đại học của ông và sinh viên bị đuổi học đã buộc phải hỏi mình: làm gì bây giờ?

Câu hỏi Ba Lan muôn đời: ở đây hay ở đó, sự di cư thật hay sự di cư trong nước, sự thỏa hiệp và công tác cơ sở hay một lập trường vững chắc và sự im lặng, làm việc bên trong các cấu trúc chính thống hay xây dựng các tổ chức độc lập? Tôi chắc chắn bạn có thể nhớ số điểm của những thảo luận về chủ đề này, các câu trả lời đã thay đổi ra sao, những lý do ủng hộ và phản đối đã được bày tỏ một cách khác nhau. Nhưng chẳng phải bây giờ là rõ ràng tất cả mọi người đã góp phần vào sự đột phá tháng Tám 1980: những người đã thành lập các tổ chức độc lập, những người đã giúp đỡ những người bị ngược đãi, những người đã lập ra các nghiệp đoàn lao động tự do, những người đã lập ra các nhà xuất bản độc lập; những người trong các cấu trúc chính thống mà đã nói với ít sự vô tư, nhưng tiếng nói của họ đã có thể nghe thấy rõ hơn, và bằng cách đó đã tạo ra vùng trung gian có giá trị giữa bất hợp pháp và chính thống; và, cuối cùng, những người đã lưu vong và đã viết những sách uyên bác (Leszek Kolakowski, Maria Hirszowicz, vân vân), đã biên tập *Aneks* một tư liệu chính trị hàng quý tuyệt vời giúp cho những người ở Ba Lan, và thông báo cho thế giới về những gì xảy ra ở Ba Lan?

Tất cả việc này, tuy vậy, là rõ chỉ ngày nay. Trong năm 1968 các xung đột đã được phác họa sắc nét hơn, và những sự lựa chọn đã thường được xem như loại trừ lẫn nhau. Tôi chắc chắn rằng bạn có thể nhớ các lý lẽ nóng bỏng và những sự buộc tội, sự cay đắng của bạn bè và sự thỏa mãn của kẻ thù. Bạn cũng có thể nhớ làm thế nào chúng ta có thể quên sự tức giận của chúng ta đối với những người chọn để lưu vong . . .

Hôm nay, chúng ta lấy làm tiếc sự giận dữ của chúng ta nhưng không phải sự lựa chọn của chúng ta. Chúng ta đã ở lại Ba Lan khi đó, cho dù đã chẳng phải là một quyết định dễ cũng không phải một quyết định an toàn.

Các đặc vụ an ninh đã nhắc nhở chúng ta về nó đủ thường xuyên với sự ngược đãi không bị kiềm chế của họ. Hãy để tôi nhắc lại: tất cả mọi người đã đúng khi đó. Nhưng nếu bạn có thể nhớ vấn đề cơ bản của cuộc tranh luận của chúng ta, nó đã là làm sao để kháng cự tốt nhất các chính sách của chính quyền cộng sản, những người đã chia rẽ chúng ta thành “những người Do thái” và “những người Aryan,” và sau đó đã mời chào “những người Do thái” cơ hội để “chọn một nước mẹ cho chính họ.” Sự giận dữ đã hướng tới bộ trưởng nội vụ của Gomulka là Moczar, và các cộng sự của ông ta, những người đã đưa ra sự phân biệt chủng tộc vào nước chúng ta, nhưng một phần của sự giận dữ khi đó đã đổi hướng vào bạn bè của chúng ta những người đã nhượng bộ một cách thụ động sự phân biệt này.

Vì sao họ đã bỏ đi? Vì nhiều lý do: bởi vì sự tự hào dân tộc bị tổn thương và nhân phẩm cá nhân bị chà đạp, để kiếm sống và có hòa bình và sự yên tĩnh, sự ổn định và sự an toàn, để tiếp tục công việc trí tuệ của họ trong hoàn cảnh tự do, và cũng để phục vụ sự nghiệp Ba Lan. Cuối cùng, bởi vì họ đã muốn bỏ đi. Và một con người phải có quyền để làm cái anh ta muốn. Ngày nay, không người có tư duy nào có thể nói rằng những người này, bằng việc bỏ đi, đã đặt mình ra ngoài dân tộc.

Nhưng ta cũng phải tính đến những phản ứng của những người không suy nghĩ kỹ nữa. Rốt cuộc, đối với họ và cả đối với những người trẻ, không thông thạo thông tin, những người bị lừa, tất cả điều này đã không hiển nhiên như vậy. Họ đã nhìn việc di cư lưu vong như sự chạy trốn. Vì người trẻ và người đại dốt đã thấy rằng không phải mọi người đều bỏ đi. Những hoạt động và ý định của những người bỏ đi đã được làm cho đáng tin bởi những người ở lại: các học giả, các nhà văn, các nhà hoạt động sinh viên. Ở đây, tại Warsaw, Cracow, hay Gdansk, giữ lập trường của bạn, bạn thêm sự đáng tin và ý nghĩa cho những hoạt động của những người ở New York, Paris, London, và Stockholm; bạn chứng nhận tính chân thật của những hành động và sáng kiến của họ, của những cuốn sách và tuyên bố của họ. Nói cách khác, bằng từ chối đi lưu vong, bạn đã trao ý nghĩa cho những người chọn để lưu vong. Khi câu hỏi “sự gắn bó của những người lưu vong ngày nay với Ba Lan có chấm dứt khi họ bắt đầu bị ngược đãi?” được hỏi một cách công khai, bạn, bằng cách hiện diện ở đó và hành động như bạn đã làm, đã làm mất uy tín kẻ hay ba hoa như vậy. Những câu hỏi như vậy đã không chỉ được hỏi bởi những người được các đặc vụ huấn luyện. Đó là vì sao không được bỏ qua những lý lẽ này. Phải nhắc nhở người trẻ và người khờ dại về giá trị của sự di cư lưu vong, nhưng chúng ta cũng phải tính đến những xúc cảm thất vọng và sự gây hấn do sự di cư lưu vong gây ra. Trong các xã hội bị giam cầm và bị nguyên tử

hóa, những xúc cảm như vậy thường có sức lôi cuốn lớn với người dân. Chúng là sản phẩm của những sự thất vọng đã tích tụ nhiều năm. Một cuộc sống không thành công, một sự nghiệp thất bại, một liều quá mức của sự thỏa hiệp đạo đức, tất cả đều gây ra thất vọng. Việc này có thể gây ra kết quả dưới dạng sự gây hấn với những người đã thành công, những người tìm thấy chỗ của họ dưới mặt trời, những người không cùng chia sẻ sự khốn khó của chúng ta và không bị làm nhục như chúng ta. Khi chính quyền biết làm thế nào để thao túng những xúc cảm này, bạn có thể quan sát thấy hiện tượng của sự gây hấn bị đổi hướng: sự thù ghét giáng xuống không phải những người nắm quyền mà xuống những người cơ hội, và đặc biệt những người lưu vong.

Đây không phải là những quan sát mới hay lạc quan hoặc làm phẫn khởi, nhưng bạn sẽ đồng ý với tôi chúng có mô tả một cách thực tế những cơ chế giận dữ con người trong thế giới tốt nhất này của tất cả những thế giới khả dĩ.

Tất cả điều này là đáng nghĩ ngày nay khi lại lần nữa nhờ ơn huệ của chính quyền cộng sản bạn đối mặt với vấn đề di cư lưu vong.

Vấn đề này đã được thảo luận sôi nổi bởi những người bị giam giữ và người ta hầu như không ngạc nhiên bởi chuyện đó. Một lúc, một đội hành hình hay một thời hạn tù dài cho việc làm gián điệp đã đợi những người giống chúng ta. Ngày nay, chúng ta được bảo rằng chúng ta có một sự lựa chọn: hoặc bỏ đi hoặc ở lại trong tù vô hạn định.

Cho nên bạn có một sự lựa chọn: tù đầy hay lưu vong. Jaruzelski là một ông chủ nhân từ. Nhưng vì sao, trong một nước mà bình thường là không dễ để đi ra nước ngoài, chính quyền lại trao sự lựa chọn này cho những người họ coi là kẻ thù của họ?

Tính toán của chính phủ, có vẻ, là đơn giản. Việc di cư lưu vong được cho là để chia rẽ Đoàn kết từ bên trong và làm cho công chúng ghê tởm nghiệp đoàn; nó được cho là để chứng minh tính hèn hạ đạo đức của những người một thời to mồm đòi hỏi, “hãy để Ba Lan là Ba Lan,” và những người, sau vài tháng trong tù, đổi Ba Lan lấy Canada. Sẽ là dễ để đối sánh những người này với “cơ sở lành mạnh” những người lập ra nghiệp đoàn được chính phủ tài trợ mà sẽ thoát được “người làm chính trị,” thoát được “Đoàn kết cực đoan.”

Chính phủ muốn theo gương Liên Xô, mà, nhằm làm xói mòn phong trào dân chủ, trong mười năm vừa qua, đã cho một số nhà bất đồng chính kiến cơ hội để di cư. Đây là lập luận của chính phủ: một nhà hoạt động công nhân hay một trí thức đối lập di cư; thì sau khi có được ánh sáng đèn [quảng cáo] cho một thời kỳ ngắn ngủi, anh ta trở thành một người quen

rầy rà, một người gầy khó chịu thường xuyên trong các phòng chờ của các định chế khác nhau mà chỉ muốn thoát khỏi anh ta. Anh ta không còn là một uy quyền trong nước nữa, vì thế chẳng ai còn lắng nghe anh ta, và anh ta mất tầm quan trọng của mình ở phương Tây.

Bạn quen biết phương Tây, cho nên bạn biết rằng lập luận như vậy không ngớ ngẩn, những người lưu vong cãi cọ nhau, họ bị chê trách phụ thuộc vào nhau; họ bị quên bởi phần còn lại của thế giới.

Thường xuyên, sự di cư từ nhà tù sang lưu vong là một con đường từ địa ngục đến hư vô.

Nhưng đây không phải là cái tôi muốn nói về ngay bây giờ. Về mặt chính trị, mỗi quyết định để lưu vong là một món quà cho Jaruzelski mà với nó chúng ta từ bỏ uy quyền của chúng ta, cung cấp cho ông ta một lý lẽ thượng hạng để chống lại Đoàn kết, và tạo thuận lợi cho sự bình định xã hội.

Andrzej Z. đã viết một bức thư cho các bạn bị giam giữ, “. . . đối với xã hội chúng ta là một biểu tượng của sự phản kháng. Không bởi vì chúng ta cao quý đến vậy mà bởi vì, bằng cách tước đoạt sự tự do của chúng ta, chính quyền đã phân chúng ta đóng vai này trong vở kịch của họ mang tên Tình trạng Chiến tranh, và chúng ta đóng vai trong đó bất chấp ý muốn của chúng ta.” Cho nên hãy để tôi thêm vào nghĩa vụ quý phái. “Chúng ta được trao cho,” Andrzej Z. viết, “sự lựa chọn di cư không phải bởi vì mọi công dân của nước chúng ta có quyền đó mà bởi vì chúng ta được coi (đúng hay sai) là những người ‘được xã hội tin cậy,’ và chính quyền muốn chứng minh chúng ta không xứng đáng với sự tin cậy này. Một chuyện là có sự lựa chọn tự do về nước mà ta muốn cư trú và là chuyện khác để có được sự tự do bằng cách giúp bọn cướp mà đã tước mất quyền tự do đó của chúng ta và bằng cách làm hại những người sẽ không được chào mời giao dịch này.”

Bạn hiểu, tôi hy vọng, vì sao tôi chia sẻ quan điểm của Andrzej Z.. Sự chào mời di cư là một thách thức đối với phong trào Đoàn kết, một thách thức mà cả mang tính chính trị và đạo đức. Các nhà hoạt động Đoàn kết bị giam giữ mà chọn lưu vong là đang phạm vào việc, cả là một sự đầu hàng và một sự đào ngũ.

Tôi đã diễn đạt bằng từ ngữ nặng nề, tôi biết. Tôi có thể vừa nghe bạn nói rằng không phải là tính cách của tôi, rằng tôi đang bỏ nguyên tắc khoan dung của tôi, rằng quyết định để di cư là một quyết định hết sức cá nhân. Tất cả điều này đều đúng. Nhưng quyết định để là tích cực trong Đoàn kết, để tìm kiếm sự tin cậy của xã hội, cũng đã là quyết định cá nhân, và nó đã có ảnh hưởng cả đến những người khác nữa. Quan trọng để nghi

nhớ sự tồn tại của những người khác đó. Nhiều loại người khác nhau: những người bị kết án vì các cuộc đình công tháng Mười Hai mà đã được tổ chức để bảo vệ bạn, những người bị bỏ tù vì đã trưng những thông báo để bảo vệ bạn, những người đã bị cảnh sát săn đuổi vì đã tổ chức các hành động để bảo vệ bạn. Đáng dừng lại để suy nghĩ về tất cả những người này và phản ứng của họ đối với tin mà sẽ đến với họ ở nơi họ ẩn náu và trong các xà lim nhà tù rằng bạn đang rời Ba Lan.

Và tôi không nói về chiều kích chính trị của tình trạng này, số phận của phong trào Đoàn kết. Có lẽ bạn không còn muốn dính líu đến nó? Có lẽ bạn muốn ngừng đập đầu mình vào tường và thử thực hiện điều không thể? Tôi nhớ đến tính tử tế con người bình thường và sự trung thành sơ đẳng. Không chỉ đối với những người chiến đấu mà cả đối với những người mà bạn đã đốt ngọn lửa quyền mình, chân lý, và nhân phẩm trong đời sống công: những người mang thức ăn cho bạn khi bạn bị giam, những người cầu nguyện cho bạn trong các nhà thờ, nghĩ về bạn với niềm tin, hy vọng, và tình thương yêu, và đối với những người mà bạn cũng như toàn bộ Đoàn kết đã là một biểu tượng về một Ba Lan tốt đẹp hơn, Ba Lan của ngày mai.

Khi bạn nhớ họ, bạn sẽ hiểu dễ dàng rằng chính trị ở đây gắn một cách không thể tách rời với đạo đức và rằng một sự lựa chọn chính trị gắn một cách không thể tách rời với một sự lựa chọn đạo. Bạn phải nhớ điều này.

Quả thực, bạn không tin vào một thắng lợi mau chóng, vào sự tái xây dựng ngay lập tức Đoàn kết của trước tháng Mười hai. Bạn biết rằng một hành trình gian khổ đang ở phía trước bạn, rằng nó được đánh dấu với sự thất bại đau đớn và vị đắng của tính nhu nhược con người. Nhưng khi đó bạn đã không lý tưởng hóa Đoàn kết trước tháng Mười Hai. Bạn có thể nhớ rất kỹ sự liên quan của chính bạn với diễn biến các sự kiện xảy ra với sự thăng tiến của những người to mồm và những người lừng chùng, với sự say sưa và sự sùng sốt gây ra bởi những sự cất nhắc đột ngột, với sự lập ra một phiên tòa và những mưu đồ tòa án. Bạn theo dõi nó từ gần, cho nên bạn phải thấy các triệu chứng của một cuộc cách mạng bị phản bội và các hạt giống của sự sa đọa đã được gieo. Nhưng trong những tháng đó, mà bạn sẽ không đổi lấy những thứ khác trong đời bạn, và vì nó bạn đã luôn luôn sẵn sàng trả giá với hàng năm trong tù, bạn cũng đã thấy những người quỳ gối đã đứng dậy, những người khao khát tự do và những lời thật thà, những người nuốt những lời đó cứ như chúng là bánh thánh, những người với bộ mặt sáng ngời và những con mắt tin cậy và bạn biết rằng không ai

có khả năng tiêu diệt tất cả điều này bằng các xe tank. Và bạn biết rằng bạn sẽ không nhìn thấy các gương mặt giống thế trên một đại lộ Paris.

Tôi hy vọng tôi đã bày tỏ quan điểm của mình một cách rõ ràng. Từ những gì tôi đã viết phải là rõ ràng tôi không có nỗi ám ảnh sợ lưu vong nào. Không phải là nỗi ám ảnh sợ đã sai khiến những nhận xét này. Và đã không phải là sự yêu nước mù quáng. Và không phải là sự dũng cảm khiến tôi chọn nhà tù thay cho sự đi đày. Có thể, tôi đưa ra lựa chọn này vì sợ hãi. Vì sợ hãi rằng bằng cách cứu cái cổ của mình tôi có thể mất danh dự của mình.

Tháng Ba 1982

Chiến tranh Ba Lan: Thư từ Bialoleka 1982

Đây là một cuộc chiến tranh không được tuyên bố. Vào đêm thứ Bảy đó trong tháng Mười Hai [1981], các đặc vụ của Cục An Ninh đã đập cửa của chúng ta; sau khi đã phá chúng bằng những cái xà beng, đánh chúng ta một cách tàn nhẫn, và tấn công chúng ta bằng hơi cay, họ đã lừa chúng ta đến các nhà tù và gọi chúng ta là những người bị giam giữ. Chúng ta đã là các tù nhân chiến tranh đầu tiên trong cuộc chiến tranh này mà nhà cầm quyền cộng sản đã tuyên bố chống lại chính nhân dân của nó. Trận đánh ban đêm này đã là cuộc chiến đấu thắng lợi đầu tiên cho Tướng Jaruzelski, người đã thực hiện một cách khác thường nhất nghị quyết của Đại hội thứ Chín của Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan [PUWP] kêu gọi một sự tách biệt quyền lực: ông ta đã đồng thời trở thành bộ trưởng bộ quốc phòng, thủ tướng, và bí thư thứ nhất của đảng. Và bây giờ ông là người đứng đầu của chính phủ quân sự tạm thời, của WRONa [C.O.N Q.U.A]*, Ông sẽ vĩnh viễn được những người Ba Lan liên tưởng đến con chim ngu và xấu đó biếm họa con đại bàng tượng trưng cho nhà nước Ba Lan.

Chiến tranh đã được tuyên bố chống lại những người Ba Lan mà chẳng hề có báo trước. Trong tương lai, các sử gia sẽ đánh giá cao tính chính xác của cuộc tấn công, sự định giờ xuất sắc, tính hiệu quả của trận đánh. Sử gia sẽ đánh giá cao tính kiên định mà với nó sự kháng cự của kẻ thù đã bị dẹp, và thi sĩ chắc chắn sẽ ngợi ca những chiến thắng quân sự lỗi lạc đã xảy ra trên đường phố Gdansk và trong sân của các nhà máy Warsaw, trong các xưởng luyện thép, các hầm mỏ, và các xưởng đóng tàu. Tướng Jaruzelski đã vinh danh các lực lượng vũ trang Ba Lan bằng việc điều động quân bọc sườn đánh chiếm các tòa nhà của Đài phát thanh và TV Ba Lan, không nhắc đến tổng đài điện thoại. Quả thực, kể từ khi Jan Sobieski bao vây Vienna đến nay đã không có bất kỳ lãnh đạo quân sự nào của chúng ta đã có thể có được thành công như vậy. Bây giờ các nhạc sĩ sẽ soạn những bản giao hưởng, các nghệ sĩ sẽ thiết kế những vòng nguyệt quế, và các đạo diễn phim sẽ làm những phim yêu nước, tất cả để vinh danh các tướng của đêm tháng Mười Hai đó. Hội đồng Nhà nước chắc chắn sẽ bỏ phiếu thông qua một huân chương mới cho sự tham gia vào chiến dịch tháng Mười Hai 1981. . . .

* Wojskowa Rada Ocalenia Narodowego = WRON = Hội đồng Quân sự Cứu Quốc; dân Ba Lan thêm chữ a thành WRONa có nghĩa là con quạ.

Nhưng hãy ngừng đùa bỡn. Cho dù sự tuyên truyền chính phủ là một trò đùa, chúng ta hãy hỏi mình, dấu choáng váng như chúng ta vẫn có thể bị, các sự kiện Ba Lan đã có ý nghĩa gì.

Vào đêm 12 tháng Mười Hai, một elite cộng sản tuyệt vọng đã bắt đầu bảo vệ địa vị của nó với tư cách giai cấp lãnh đạo, để duy trì quyền lực của nó và các đặc ân gắn với nó. Địa vị của elite cầm quyền, và tôi sẽ không đi chi tiết vào điểm này, đã quả thực bị lâm nguy. Không chỉ ở Ba Lan mà trong toàn bộ khối cộng sản. Cuộc đảo chính quân sự xảy ra trong tháng Mười Hai đã không có ý định để tạo ra một sự không tưởng cộng sản; đúng hơn, nó đã là một cuộc phản cách mạng cổ điển chống lại giai cấp lao động được thực hiện để bảo vệ lợi ích bảo thủ của chế độ cũ. Bất chấp những luận điệu của bộ máy tuyên truyền chính thống, cuộc đảo chính đã không phải là một phản ứng đối với các mưu toan chiếm quyền lực chính trị. Đoàn kết đã không có một nội các bóng tối cũng đã chẳng có một kế hoạch đảo chính nào. Những nguồn gốc của cuộc đảo chính tháng Mười Hai phải được tìm trong cuộc xung đột về cơ bản không thể giải quyết được giữa phong trào xã hội mạnh gồm nhiều triệu người mà đã được tổ chức trong Đoàn kết và các cấu trúc toàn trị của nhà nước cộng sản. Nguyên nhân bất hòa đã là chính sự tồn tại của một định chế độc lập và tự quản được nhân dân ủng hộ. Như thế nó đã không phải là quyền lực bị đe dọa, mà là dải quyền lực (nói cách khác, các hạn chế của bộ máy cán bộ, nomenklatura, của đảng), là phong cách của quyền lực (của luật và trật tự), bản chất của sự thỏa hiệp phải đạt được bởi chính phủ và người bị trị (mức đa nguyên được cho phép trong đời sống công), và hình thức của các định chế của công nhân và sự tự quản địa phương. Việc thực hiện một chương trình cải cách bao gồm tất cả các lĩnh vực này của đời sống công đã phá vỡ nguyên tắc cơ bản của sự cai trị cộng sản. Đã khá rõ rằng bộ máy chính phủ sẽ không vui lòng từ bỏ dù chỉ một mảnh nhỏ quyền lực của nó; như thế các xung đột đã là không thể tránh khỏi. Nhưng chúng ta đã nghĩ rằng những sự đối đầu sẽ tiến hóa khác đi, rằng chính phủ sẽ không đi xa đến mức để giải quyết một xung đột xã hội bằng sức mạnh quân sự, thay thế lý lẽ của sức mạnh cho sức mạnh của lý lẽ.

Đây không phải là khủng hoảng đầu tiên trong lịch sử của các nhà nước cộng sản. Nhưng bất cứ ai so sánh các sự kiện 1956 với Mùa Xuân Prague và với mười lăm tháng Ba Lan cách nhau mười hai năm sẽ nhận ra những sự khác biệt giữa các phong trào này cũng như những sự giống nhau. Chúng đã có chung mục đích về mở rộng các quyền dân tộc và dân sự; chúng khác nhau về động học thay đổi xã hội của chúng. Trong năm 1956 xung lực cho cải cách đã đến từ Moscow, từ phòng họp của Đại hội

thứ Hai mươi của Đảng Cộng sản Liên Xô, nơi bộ máy quan liêu đảng đã thử xóa bỏ cái bóng vẫn hiện hữu của Stalin và dỡ bỏ cái rìu đặt trên đầu nó bởi các lực lượng an ninh. Cảm hứng đã đến từ đó cho hành động bên trong các đảng mà đã làm Ba Lan và Hungary thức tỉnh. Ở Ba Lan, uy quyền của Gomulka, người vừa mới được thả khỏi nhà tù, đã tạo ra sự đảm bảo đủ cho cả Kremlin lẫn nhân dân Ba Lan. Đối với Kremlin, Gomulka đã là một nhà cộng sản nổi loạn nhưng dù sao họ vẫn đã có thể nói chuyện với; đối với những người Ba Lan, ông đã là một người phát ngôn cho những khát vọng dân tộc và dân chủ của họ. Ở Hungary, sự kháng cự của cánh Stalinist của đảng đối với cái cách đã để sáng kiến cho những người nổi loạn trên đường phố, những người đã định đoạt nhịp độ thay đổi. Bộ máy đảng đã sụp đổ giống như một tòa nhà được xếp bằng những quân bài. Sự can thiệp Soviet đã là hệ quả đơn giản của sự sụp đổ này.

Ở Tiệp Khắc, xung lực cho thay đổi đã đến từ bên trong đảng, từ các giới đã nhận ra rằng không có cải cách sâu rộng thì hệ thống cộng sản sẽ trở nên ngày càng ít hiệu quả hơn về mặt kinh tế, rằng nó sẽ tạo ra lãng phí và lạc hậu. Tại tâm điểm của cuộc xung đột Tiệp Khắc là những nỗ lực của phe tự do và chiến thắng của Dubcek mà đã nhận được sự ủng hộ của toàn bộ dân cư để thực hiện những cải cách dân chủ từ trên xuống. Việc này đã đi cùng với sự bớt phụ thuộc vào chính quyền trung ương Soviet. “Chủ nghĩa xã hội với khuôn mặt người” của Tiệp Khắc thực ra đã có nhiều khuôn mặt, trái từ mong muốn của các apparatchik cho cải cách ôn hòa đến tầm nhìn của các nhà báo không theo lề thói về một xã hội đa nguyên. Nhưng nhân tố quyết định đã là sự từ chối của ban lãnh đạo Tiệp Khắc đối với sự áp đặt Soviet công khai, và việc họ thỉnh cầu chính nhân dân của họ chứ không phải Kremlin để được sự ủy thác cầm quyền.

Ba Lan đã khác. Người ta hầu như không thể nói về “chủ nghĩa xã hội với khuôn mặt người;” đúng hơn, người ta phải nói về “chủ nghĩa cộng sản mà những cái răng của nó đã bị gãy,” chủ nghĩa cộng sản mà đã không còn có thể cắn được nữa và đã không còn biết làm sao để tự bảo vệ mình khỏi sự tấn công từ xã hội được tổ chức. Nhưng sự tấn công này đã không sử dụng vũ lực. Bất chấp những luận điệu rằng đã có “phản cách mạng hoàn toàn” và “sự khủng bố phát xít trong các nhà máy,” đã không ai bị giết, và đã không có giọt máu nào đổ trong cách mạng Ba Lan. Nhiều nhà quan sát đã hỏi: làm sao việc này lại có thể? Nguồn gốc của phong trào cải cách Ba Lan, được biết khác đi như cách mạng Ba Lan tự hạn chế, phải được tìm ở bên ngoài các định chế chính thức. Trong nhiều năm, các nhóm đối lập dân chủ, được các tầng lớp dân cư đáng kể ủng hộ và được Giáo hội Công giáo bảo vệ, đã tồn tại và hoạt động có kết quả. Tận dụng các

chính sách tương đối khoan dung của nhóm Gierek, các chính sách khoan dung mà đã là kết quả từ các mối quan hệ của nó với phương Tây và điểm yếu chính trị của nó hơn là từ chủ nghĩa tự do của các nhóm này đã thúc đẩy sự tự-trợ giúp xã hội và sự tự-vệ, các hoạt động trí tuệ độc lập có tổ chức, và đã hoạt động ngoài sự kiểm duyệt để tạo thành các chương trình cho cuộc chiến đấu vì tự do. Bản chất của các chương trình này do các nhóm đối lập đề xướng (nhóm được biết đến rộng rãi nhất là Ủy ban Bảo vệ Công nhân [KOR] được thành lập sau các cuộc đình công tháng Sáu 1976) là sự cố gắng để xây dựng lại xã hội, để khôi phục các mối quan hệ xã hội bên ngoài các định chế chính thức. Vấn đề quan trọng nhất đã không phải là “hệ thống chính quyền phải thay đổi thế nào?” mà là “chúng ta phải bảo vệ mình thế nào chống lại hệ thống này?” Cách tư duy này đã để lại dấu ấn của nó trong các cuộc đình công tháng Tám, trong những đòi hỏi của những người đình công, và trong cương lĩnh, chiến lược, và các hành động của Đoàn kết.

Cuộc đấu tranh mạnh mẽ để cải cách những kết cấu toàn trị đã kéo dài mười lăm tháng. Kết quả của cuộc xung đột cũng đã không diễn hình như diễn tiến của nó. Sự tuyên chiến chính thức chống lại nhân dân đã cho những xung đột trước nó một ý nghĩa mới. Chiến tranh, Clausewitz viết, là sự tiếp tục của chính trị bằng các phương tiện khác. Lần này, nó đã là một cuộc chiến tranh với một xã hội được tổ chức, được khởi động bởi một nhà nước mà là công cụ của các lực lượng chính trị được tổ chức thành Hiệp ước Warsaw.

Những người Ba Lan sẽ tranh luận và phân tích những sai lầm của Đoàn kết trong thời gian dài sắp tới. Một quốc gia, giống như một người đàn bà, chúng ta hãy nhớ lại lời nói thích hợp của Karl Marx, không thể được tha thứ vì một khoảnh khắc lãng quên khi cô ta cho phép một kẻ côn đồ chiếm hữu mình.

Nghiệp đoàn lao động này, mà đã thực sự là một mặt trận đoàn kết dân tộc, đã có trong nó tất cả các đức hạnh và thói xấu của xã hội mà đã sinh ra nó: của một xã hội mà, trong bốn mươi năm, đã sống không có các định chế dân chủ, bên ngoài lĩnh vực chính trị văn minh; một xã hội mà đã liên tục bị lừa đảo, bị làm cho ngu đần, và bị làm nhục; một xã hội mà cả là bất tuân lẫn sáng suốt; một xã hội mà đánh giá cao danh dự, tự do và sự đoàn kết trên tất cả các thứ khác nhưng cũng quá thường xuyên liên kết thỏa hiệp với sự đầu hàng và phản bội.

Đoàn kết đã là một phong trào dân chủ của nhân dân lao động, hoạt động trong một môi trường phi dân chủ, giữa các cấu trúc toàn trị của một hệ thống mà trong con mắt của người dân nguồn duy nhất của nó về tính

chính đáng nằm trong các hiệp định Yalta. Không ai cần nhắc nhở những người Ba Lan về ý nghĩa của các hiệp định này, như gần đây đã được Henri Nannen [biên tập viên của tạp chí Stern] đưa ra, người có vẻ tin rằng dân tộc duy nhất sống ở phía tây sông Elbe đáng được các quyền con người, trong khi sự dã man ở phía đông có quyền riêng biệt đối với roi da và dây thép gai như các công cụ hoàn toàn thích hợp để điều tiết đời sống công của họ. Những người Ba Lan nhớ đến Yalta. . . . Vấn đề, tuy vậy, đã là việc dịch thực tế của Yalta thành từ vựng của ngày hôm nay. Việc này đã không dễ.

Phong trào xã hội hùng mạnh và tự phát này đã thiếu các tấm gương, thay đổi từ một ngày sang ngày tiếp theo giữa những xung đột liên miên với chính quyền, đã không có một tầm nhìn rõ ràng về các mục tiêu cụ thể hay về một quan niệm rõ ràng về sự cùng tồn tại với chế độ cộng sản. Nó đã để mình bị kích động vào những cuộc đấu tranh vì các vấn đề nhỏ nhặt, vào các cuộc xung đột không cần thiết; nó đã thường lộn xộn và bất tài; Nó đã thiếu sự hiểu biết về kẻ thù của nó và các phương pháp của kẻ thù. Đoàn kết đã biết đình công thế nào nhưng đã không biết phải kiên nhẫn ra sao; nó đã biết tấn công đối đầu thế nào nhưng đã không biết rút lui ra sao; nó đã có những ý tưởng chung nhưng không có một chương trình cho những hành động ngắn hạn. Nó đã là một người khổng lồ với các chân bằng thép và tay bằng đất sét: nó đã hùng mạnh giữa các đám ở nhà máy nhưng bất lực tại bàn đàm phán. Ở bên kia bàn đã là đối tác của nó, mà đã không thể thật thà, vận hành một nền kinh tế, hay giữ lời của nó, mà đã chỉ có thể làm một việc: đập nát sự đoàn kết xã hội. Đối tác ấy đã nắm vững nghệ thuật này trong ba mươi bảy năm cai trị của nó. Đối tác này, elite quyền lực, đã là một người phá sản về đạo đức và tài chính và đã không có khả năng, do nhược điểm chính trị của nó, để thực hành bất kể loại chính trị nào. Đoàn kết đã coi điểm yếu chính trị này là sự yếu kém toàn bộ, quên rằng bộ máy áp bức đã không bị ảnh hưởng bởi sự làm xói mòn dân chủ và có thể là một công cụ hữu hiệu trong tay của chính quyền độc tài, đặc biệt trong tay của một chế độ độc tài đang bị săn đuổi. Hệ thống cộng sản Ba Lan đã là một gã khổng lồ với chân đất sét và bàn tay thép. Trong đòi hỏi các cuộc bầu cử dân chủ đối với Quốc hội và các hội đồng nhân dân, các nhà hoạt động Đoàn kết đã có vẻ quên rằng những lời kêu gọi như vậy sẽ rung những hồi chuông cảnh báo cho những kẻ cai trị, một điềm báo cho họ rằng sự kết thúc đã gần kề.

Chúng ta hãy nhắc lại: Đoàn kết đã chẳng bao giờ đòi hỏi sự loại bỏ những người cộng sản khỏi quyền lực hay sự kiểm soát của nghiệp đoàn đối với con tàu nhà nước. Nhưng điểm cốt yếu là, các apparatchik nắm

quyền (không quan trọng họ đúng hay sai) đã diễn giải các tuyên bố của Đoàn kết theo cách này. Họ đã cảm nhận ở nghiệp đoàn một phong trào cơ sở để tổng khởi các ủy ban đảng khởi các nhà máy; họ đã bị săn đuổi bởi bóng ma của các cuộc bầu cử hội đồng nhân dân; họ đã có những cơn ác mộng về một cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc về hình thức của chính quyền tự quản. Và lại, phía trước họ đã là sự tăng giá cả đột ngột. Cuộc đảo chính tháng Mười Hai đã là phương sách cuối cùng của họ.

Đoàn kết đã không chờ đợi một cuộc đảo chính quân sự và đã bị bất ngờ. Không phải các công nhân phải chịu trách nhiệm vì sự thất bại này mà là tất cả những người (tác giả của bức thư này, chẳng hạn) đã được triệu đến để tạo ra một tầm nhìn chính trị cho nghiệp đoàn thông qua công việc trí óc của họ. Những suy ngẫm lý luận về thay đổi hệ thống và phải lưu ý việc này đã tụt hậu sau các sự kiện. Thực ra, ngoài vài khẩu hiệu chính trị đã có được sự ưa thích của quần chúng, đã hầu như không có suy ngẫm chính trị. Thực tiễn đã đi trước lý luận. Không phải lần đầu tiên trong lịch sử Ba Lan. . . .

Cuộc tranh luận chính bên trong Đoàn kết (mặc dù nó đã chẳng bao giờ được xác định một cách rõ ràng) đã tập trung vào tốc độ và quy mô thay đổi. Đầu tiên, những người chủ trương thỏa hiệp đã áp đảo các cuộc thảo luận. Tuy vậy, theo diễn tiến của thời gian, đã trở nên rõ, rằng các nhà chức trách đã cảm nhận sự sẵn sàng của nghiệp đoàn để thỏa hiệp như một điểm yếu. Tất cả sự nhượng bộ đã phải do các cuộc đình công hay sự đe dọa của các cuộc đình công tạo ra. Các cuộc đình công không ngừng, được các nhà chức trách kích động một cách tài tình đã làm cho người dân mệt mỏi, những người đã bị kiệt sức rồi bởi những khó khăn của đời sống hàng ngày. Sự thiếu những cải thiện rõ ràng trong chất lượng cuộc sống đã dẫn đến sự phân hóa xã hội và đã khiến nhân dân nghi ngờ ý nghĩa của chiến thuật này. Một số người nói: đủ với đình công rồi, chúng chẳng đáp ứng mục đích nào; những người khác trả lời: đã đủ với những cuộc đình công chẳng dẫn đến đâu, cái chúng ta cần là một cuộc tổng đình công buộc chính phủ phải đưa ra những sự nhượng bộ thực sự. Khó để biết nhóm nào đông hơn, nhưng chắc chắn rằng nhóm cấp tiến hơn đã có thể được nghe thấy lớn tiếng hơn. Chính các công nhân trẻ từ các nhà máy lớn đã là những người đánh cuộc các giải pháp cấp tiến lên ban lãnh đạo Đoàn kết, và ngày càng khó chặn những người này (cho dù cả Walesa lẫn Kuron¹ đã

¹ Lech Walesa đã là chủ tịch của nghiệp đoàn lao động, còn Jacek Kuron, một cố vấn cho cơ quan quản trị của Đoàn kết, Ủy ban Quốc gia, đã là một lãnh tụ đối lập từ lâu và một thành viên sáng lập của Ủy ban Bảo vệ Công nhân (KOR) (1976-1981).

thử làm vậy). Chính phủ đã ngày càng bị coi thường và mất thể diện. Hầu như chẳng ai đã tin rằng những người lính Ba Lan đã có thể được dùng để chống lại công nhân Ba Lan; hầu như không ai đã tin vào khả năng của một cuộc đảo chính quân sự.

Tất cả điều này đã là kết quả của sự ấu trĩ và sự mơ tưởng. Nhưng đã là khó để hình dung rằng có thể có bất cứ mưu toan nào để bắt nạt nhân dân Ba Lan với sự giúp đỡ của các lực lượng vũ trang bởi vì điều này đã chẳng bao giờ xảy ra trước đây trong lịch sử Ba Lan. Các tháng trước cuộc đảo chính đã thiết lập trong ý thức của xã hội một quan điểm về sự xung đột giữa nhà nước và xã hội mà đã không cho phép khả năng sử dụng vũ lực. Giá treo cổ và các danh sách đen đã tồn tại chỉ trong sự tưởng tượng rối loạn của những nhân sĩ đảng. Nghiệp đoàn đã chỉ có một câu trả lời cho một cuộc tấn công của chính quyền: đình công ngòai. Sự tấn công của quân đội vào các nhà máy đã làm cho chiến thuật này không có hiệu quả. Sự nhận biết rằng phe đối lập ôn hòa sẽ không có kết quả có thể có những hậu quả tai hại. Máu đã chảy ở mỏ Wujek phải cung cấp một bài học về việc cần sử dụng ngôn ngữ nào trong các cuộc đàm phán với chính quyền.

Những người cộng sản nghĩ gì về Đoàn kết?

Khủng hoảng tháng Tám đã không gây ngạc nhiên cho họ, nhưng họ đã bị ngạc nhiên bởi cách các cuộc đình công đã được phát triển bởi tính chín muồi của những đòi hỏi, và tính kỷ luật và sự đoàn kết của đám đông. Nhóm Gierek, mà đã lên nắm quyền trong tháng Mười Hai 1970 dựa vào làn sóng của sự nổi loạn đỏ máu của các công nhân đóng tàu, đã chấp nhận nhu cầu để tránh sự đối đầu vũ trang với giai cấp lao động như giáo lý trung tâm của nó. Sự đồng ý của chính phủ với các nghiệp đoàn lao động độc lập đã là một hành động tuyệt vọng, được làm nhẹ đi bởi lòng tin rằng phong trào đã có thể được hạn chế ở vùng duyên hải và muộn hơn được thao túng và phá vỡ từ bên trong. Nhưng sau đó trong tháng Chín, khi làn sóng đình công toàn quốc đã buộc chính quyền cho phép một nghiệp đoàn duy nhất hoạt động khắp cả nước, họ đã chỉ có thể hy vọng làm kiệt sức nghiệp đoàn bằng những sự kích động và để tạo ra sự chia rẽ nội bộ. Đoàn kết đã tượng trưng cho một mối đe dọa chí tử đối với chính phủ, vì nó đã thách thức nguyên lý chính của ý thức hệ cộng sản rằng đảng đại diện cho giai cấp lao động.

Kế hoạch để phá hoại nghiệp đoàn bằng các công cụ “chính trị” đã thất bại. Những xung đột liên tục về các tù nhân chính trị, về những ngày thứ Bảy không làm việc, về đăng ký nghiệp đoàn nông dân đã làm yếu Đoàn kết, cũng như những sự bất đồng nội bộ được kích động từ bên ngoài. Nhưng sự yếu đi này đã không cải thiện vị trí của đảng. Đối với chính phủ, bị chia rẽ và chi phối bởi các cuộc đấu đá quyền lực như trong quá khứ, đảng đã trở thành vấn đề chính.

Đảng, tức là toàn thể các đảng viên, đã hoàn toàn vắng bóng trong thời gian các cuộc đình công tháng Tám. Công cụ để phá vỡ xã hội này, đã hết sức hiệu quả trong quá khứ, lần này đã thất bại. Trong nỗ lực của nó để kêu gọi đảng lần nữa, bộ máy đã mở bình Pandora (gây ra tai họa). Một mặt, trong việc tìm kiếm kẻ giơ đầu chịu báng nó đã bắt đầu tiết lộ bằng chứng ngày càng gây sốc về sự tham nhũng trong ban lãnh đạo của Gierek; mặt khác, các đảng viên thường đã bắt đầu vứt bỏ thẻ đảng hoặc và việc này còn tồi hơn để tổ chức “các cấu trúc ngang,” mà đã đòi hỏi sự cải cách dân chủ của bản thân đảng và sự bác bỏ mô hình Stalinist, mà đã dựa vào quyền tối cao của bộ máy đảng. Sự khác biệt cơ bản giữa các sự kiện ở Ba Lan trong năm 1980 và các cuộc khủng hoảng 1956 và 1968 nằm ở đây. Trước đây, các nhà lãnh đạo cộng sản Nagy, Gomulka, và Dubcek đã giành được sự tin cậy của xã hội của họ, và những người chủ trương cải cách từ trên xuống đã có được sự ủng hộ của xã hội. Nhưng ở Ba Lan trong năm 1980, toàn bộ đảng đã tụt hậu sau những sự thay đổi. Đảng đã không khởi xướng sự thay đổi xã hội; đúng hơn một phong trào xã hội bên ngoài đảng đã gây ra sự thay đổi trong hàng ngũ của bản thân đảng. Chương trình cải cách của đảng, so sánh với của Đoàn kết, đã là một việc lỗi thời rành rành.

Những người cải cách bên trong Đảng Ba Lan đã không là một nhóm thống nhất. Giữa những người được trao cái tên đó đã là các nhân vật khác nhau như Andrzej Werblan, một trong những kẻ độc tài tư tưởng của các thời kỳ Gomulka và Gierek; Stefan Bratkowski, một nhà báo nổi tiếng, một trong các nhà sáng lập của nhóm “Kinh nghiệm và Tương lai,”² và chủ tịch của Hội Nhà báo; Wojciech Lamentowicz, một cộng tác viên ba mươi sáu tuổi tại trường đảng; và Zbigniew Iwanow, một trong những nhà lãnh đạo của cuộc đình công tháng Tám ở một nhà máy tại Torun. Tất cả họ, bất chấp những sự khác biệt to lớn của họ, đã có chung một sự lúng

² “Kinh nghiệm và Tương lai” (DiP), một nhóm của các trí thức Công giáo và đảng, gặp nhau trong năm 1976 để thảo ra những kiến nghị cải cách hệ thống. Trong bốn năm tiếp theo, đã đưa ra hai phân tích sâu rộng về các cuộc khủng hoảng Ba Lan.

túng khó xử mà thực ra tất cả các nhà cải cách cộng sản đã phải đối mặt, ở mọi nơi trên thế giới. Trong cố gắng của họ để chuyển đảng toàn trị theo hướng quyền tự do con người và công lý xã hội và khôi phục kiểm soát quan liêu bóp nghẹt tự do tư tưởng và tính sáng tạo và ủng hộ sự xoàng xĩnh và tham nhũng, những người cải cách đã có khả năng tấn công bộ máy một cách hữu hiệu chỉ chừng nào họ đã là một nhóm và có thể tạo thành một bè phái đấu tranh vì quyền lực. Ngay khi họ hình thành một phái, tuy vậy, các nhà cải cách không chỉ đặt mình ra ngoài đảng ngay lập tức mà còn buộc phải sử dụng cùng các phương pháp trong cuộc đấu tranh chính trị hàng ngày mà họ đã lên án kịch liệt về các đối thủ của họ. “Các cấu trúc ngang,” gắn với các chi bộ độc đảng đã quá yếu để chiến thắng ở địa phương, và được chấp nhận bởi bộ máy, đã là một cố gắng để làm vuông hình tròn này. Chúng đã không sống sót được cuộc tấn công hàng loạt của các cấu trúc bảo thủ bên trong đảng.

Các nhà cải cách đảng Ba Lan của năm 1980 đã là một bức tranh biếm họa về những người cha tư tưởng của họ và những người bác của tháng Mười Ba Lan và Mùa xuân Prague của họ. Thoạt nhìn, những cải cách của họ đã ít trừu tượng hơn và đã có cơ sở tốt hơn trong thực tế của đời sống xã hội: những thảo luận về chúng đã tập trung không vào những tranh luận dữ dội về tư tưởng triết học của Marx thời trẻ mà thay vào đó là về cải cách kinh tế. Nhưng đã chỉ là thoạt đầu sự việc có vẻ theo cách này. Phong trào này thực ra đã không có quan hệ nào với vấn đề thực của đời sống trí óc. Hoàn toàn ngược lại, nó đã là giai đoạn cuối trong sự phá hủy tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản “thực tế.” Các nhà cải cách đảng đã nói theo một ngôn ngữ bình thường, nhưng các ý tưởng của họ đã vẫn bị siết chặt trong cái kìm của ngôn ngữ newspeak* Marxist-Leninist. Đối với các nhà cải cách đảng vấn đề về “đảng phải làm thế nào để trở nên dân chủ hơn” đã là trung tâm, bởi vì điều này đã có ý định để dẫn tới dân chủ hóa xã hội; nhưng đối với xã hội vấn đề tiêu điểm đã là làm thế nào để tách các lĩnh vực càng lớn càng tốt của đời sống xã hội khỏi sự áp đặt của nomenklatura³ đảng. Bộ máy đảng đã lên án Đoàn kết về việc trở thành một đảng chính trị thay cho một nghiệp đoàn lao động; Đoàn kết đã gợi ý đảng phải trở thành một đảng chính trị tìm kiếm sự tín nhiệm xã hội thay cho là một nghiệp đoàn lao động cho chính phủ và cho bộ máy quan liêu

* Ngôn ngữ nhân tạo được nhắc đến trong tiểu thuyết 1984 của George Orwell

³ Nomenklatura, một nét đặc trưng của hệ thống chính trị cộng sản, là thói quen để riêng rất nhiều chức vụ công quan trọng cho các ứng viên do Đảng Cộng sản lựa chọn. Danh sách của các chức vụ lẫn các ứng viên là bí mật.

đảng. Như người dân đã nhận ra, thật là định nghĩa chính xác nhất về vai trò xã hội của đảng Cộng sản cai trị. Và nó đã tỏ ra là đúng. Đại hội lần thứ chín đặc biệt tương đối dân chủ của Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan (PUWP) đã thay đổi ít về khía cạnh này; các thành viên được bầu một cách dân chủ của cơ quan cao nhất đã là các cá nhân hoàn toàn mất tín nhiệm. Họ bao gồm Albin Siwak, được nhận ra là một chiến sĩ thi đua công nhân Stakhanov Ba Lan với thẻ chứng minh của nhân viên an ninh trong túi. Với Siwak trong Bộ Chính trị, PUWP đã không thể hy vọng có tín nhiệm xã hội. Ban lãnh đạo mới và cương lĩnh của đại hội đã là cái thai chết lưu. Tại thời điểm này, bộ máy đã chỉ có thể hy vọng vào một sự chia rẽ nội bộ của Đoàn kết và vai trò hòa giải của Giáo hội.

Và họ đã hy vọng điều đó. Ý tưởng cho Mặt trận Hòa giải Dân tộc đã được cho là dựa vào chính phủ, Giáo hội, và Đoàn kết, như được tượng trưng bởi cuộc gặp giữa Jaruzelski, Tổng giám mục Glemp, và Walesa, đã là cố gắng cuối cùng để điều động nghiệp đoàn “một cách không đổ máu.”

Giáo hội Công giáo, uy quyền đạo đức cao nhất của Ba Lan, được ủng hộ bởi uy tín của giáo hoàng Ba Lan, không nghi ngờ gì đã ngả theo các giải pháp thỏa hiệp. Nó đã thử xây những chiếc cầu hiểu biết xã hội, để làm dịu những căng thẳng, để làm ôn hòa cả chính phủ lẫn Đoàn kết. Mặt trận đã là một thỏa hiệp, không phải Đoàn kết từ bỏ các nguyên tắc và mục tiêu của nó. Sự gợi ý của bộ máy về một danh sách chung của các ứng viên cho các cuộc bầu cử vào “các hội đồng nhân dân” đã chính xác là một mưu toan buộc Đoàn kết từ bỏ các mục tiêu của nó. Giáo hội đã không thể và đã không muốn ủng hộ các giải pháp như vậy. Đây đã là điểm ngoặt. Đã trở nên rõ đối với nghiệp đoàn rằng cuộc xung đột là không thể tránh khỏi; chính quyền đã thấy rõ rằng các giới hạn của sự thỏa hiệp đã được vét cạn. Rồi đến các cuộc tranh luận ở Radom,⁴ đến phiên họp của Ủy ban Quốc gia của Đoàn kết,⁵ và cuộc đảo chính vũ trang. Nghiệp đoàn đã chờ đợi một sự xung đột. Nó đã được cho là một cuộc xung đột không phải về ai nắm quyền mà về các phương pháp sử dụng quyền lực. Nghiệp đoàn đã tin rằng bộ máy sẽ thua cuộc để duy trì nomenklatura, một sự kiện đã là một điều kiện tiên quyết cho bất cứ chương trình cải cách dân chủ nào. Phải

⁴ Vào ngày 3 tháng Mười Hai, 1981, Hội đồng chủ tịch của Đoàn kết đã họp ở Radom. Những phần đã được biên tập của cuộn băng của cuộc họp đó đã được phát trên radio và đã được dùng như sự biện minh cho cuộc đảo chính quân sự.

⁵ Phiên cuối của Ủy Ban Quốc gia của Đoàn kết đã được tổ chức tại Gdansk vào cuối tuần, các ngày 12-13, tháng Mười Hai, 1981. Hầu hết ban lãnh đạo quốc gia đã bị bắt ngay sau khi cuộc họp kết thúc, và những người tham gia lui về khách sạn.

thừa nhận rằng trận đánh ban đêm trong tháng Mười Hai đã được tiến hành một cách hiệu quả, một phần nhờ vào sự hoàn toàn thiếu những sự dẫn đầu giữa những người thi hành nó. Đoàn kết đã được bình định bằng xe tank và lưỡi lê; họ đã chiến thắng sự kháng cự của công nhân nhà máy. Nhưng thắng lợi này đối với chính phủ có thể có những hệ quả không lường trước, có thể tỏ ra là một trường hợp thiên cận chính trị. Lưỡi lê có thể được dùng để gây sợ hãi, để khủng bố, để giết, và để chiến thắng các trận đánh chống lại dân cư không có vũ trang; nhưng không phải là cái Stefan Bratkowski thường hay trích dẫn câu nói này của Talleyrand về có thể ngồi trên lưỡi lê.* Và, hãy để tôi nói thêm, không ai có thể dùng lưỡi lê để xóa sạch mười lăm tháng tự do khỏi ký ức con người.

Tôi đã thử rồi để trả lời câu hỏi vì sao đã dễ cho chính phủ để chiến thắng sự kháng cự của nhân dân. Cùng với cú sốc do sự bất ngờ của cuộc đảo chính gây ra, và lòng tin Ba Lan rằng sự đổ máu là một rào cản không được vượt qua, thêm một nhân tố nữa đã có tính quyết định: cái bóng của nước Nga.

Khả năng về sự can thiệp Soviet đã thường được thảo luận. Những ý định của Kremlin, được xác nhận hàng ngày bởi những tuyên bố trên báo chí, đã là rõ. Đoàn kết đã không được ưa thích ở Kremlin. Những thảo luận ở Ba Lan về chiều hướng các chính sách của Liên Xô, về sự vương mắc của nó trong xung đột Afghan, các vấn đề nội bộ của nó, và về tình hình quốc tế phức tạp. Những kết luận của chúng tôi đã không rõ ràng. Một số trong chúng tôi đã âm thầm hy vọng rằng sẽ có thể thảo ra một mô hình cho các mối quan hệ Ba Lan-Soviet mà trong đó có dư địa cho sự tự trị Ba Lan. Chúng tôi cũng đã tin rằng các nhà lãnh đạo Soviet sẽ sử dụng can thiệp vũ trang như phương sách cuối cùng, trong đáp lại cuộc nội chiến hay một sự chiếm chính quyền. Chúng tôi đã nghĩ các nhà chức trách rất vui lòng sử dụng yêu quái Soviet nhằm đạt được những tác động tâm lý của một sự can thiệp mà không có một sự can thiệp thật sự nào.

Các sự kiện tiếp sau đã chứng minh rằng lập luận này đã đúng: Liên Xô đã làm mọi thứ để nguy trang sự tham gia của nó vào cuộc đảo chính tháng Mười Hai. Kịch bản được thực hiện đã là thuận lợi nhất đối với họ. “Chính những người Ba Lan đã là những người giải quyết các vấn đề riêng của họ.”

* “Điều duy nhất mà bạn không thể làm với lưỡi lê là ngồi lên nó” là câu nói nổi tiếng của Charles Maurice de Talleyrand-Périgord (1754-1838), thủ tướng và Bộ trưởng bộ ngoại giao Pháp.

Tuyên bố tình trạng chiến tranh đã phải gọi lại trong ký ức người dân về Targowica, biểu tượng mờ ảo về sự hổ thẹn quốc gia. Bóng ma về việc Nga xâm chiếm nếu Jaruzelski thất bại đã là mấu chốt trong việc quyết định thái độ của nhân dân Ba Lan. Tôi tin rằng sự thực này còn là một minh chứng khác nữa về ý nghĩa của lẽ thường và tư tưởng duy lý trong dân tộc lãng mạn này. Những người Ba Lan có thể làm nhiều hơn cuộc chiến đấu họ có thể nghĩ.

Những người Ba Lan đã không tính đến sự giúp đỡ từ phương Tây, mà đã biến các phản ứng mạnh mẽ của các xã hội và chính phủ phương Tây thành một sự ngạc nhiên dễ chịu. Việc này không chỉ trao cho nhân dân tâm lòng mà cũng giúp làm giảm mức đàn áp. Những sự bày tỏ dư luận là một chiều kích đạo đức quan trọng, vì chúng được dùng như lời nhắc nhở rằng các giá trị dân chủ là không thể phân chia, rằng chúng có những người ủng hộ trên khắp thế giới, và rằng chúng sống sót đầu bị giày xéo bởi giày đinh của lính. Đối với tất cả những người trong tù hay chạy trốn, những phản ứng như vậy là một sự thổi hy vọng vào, là một ánh sáng ở cuối đường hầm tăm tối, tức là Ba Lan dưới quân luật.

Các hành động của các chính phủ được xác định bởi các chiến lược quốc tế rộng lớn, mà trong đó Ba Lan chỉ là một tình tiết. Chúng ta không được có ảo tưởng nào về điều này. Nhưng chúng ta hãy ngừng lại và ngó tới một vấn đề bên trong các chiến lược này: những sự trừng phạt kinh tế. Tôi sẽ không thử diễn giải các chính sách của Mỹ; tôi không có ý tưởng nào về cái gì đã thúc đẩy Tổng thống Reagan. Nhưng tôi nghi ngờ rằng việc Hoa Kỳ áp đặt những trừng phạt đã được gây cảm hứng bởi sự tức giận rằng Đoàn kết đã không tìm được cách để phục hồi chủ nghĩa tư bản ở Ba Lan như bộ máy tuyên truyền chính thống muốn. Nếu giả như điều này đúng, Reagan đã mất bình tĩnh, và tôi không hoài nghi điều này về Tổng thống Hoa Kỳ.

Đúng hơn tôi nghĩ rằng những sự trừng phạt đã là một phản ứng có thể tiên đoán được một cách tương đối của phương Tây đối với đảo chính vũ trang, cho nên những người tổ chức đảo chính phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các hậu quả của nó. Chính Jaruzelski và WRONA, chứ không phải Reagan và Lầu Năm Góc, là những người phải chịu trách nhiệm về các hậu quả tai hại của những sự trừng phạt đối với mỗi gia đình Ba Lan. Nhưng phải nhấn mạnh rằng nhân dân phương Tây tiếp tục gửi thực phẩm đến Ba Lan thông qua các kênh khác với các kênh chính phủ, mà không có gì ngạc nhiên vì chính phủ đã mất tín nhiệm ở phương Tây.

Không khó để dựng lại suy nghĩ của các nhà lãnh đạo phương Tây. Các nền kinh tế cộng sản không có khả năng phát triển mà không có công

nghệ và nguyên liệu phương Tây. Các khoản tín dụng hào phóng không nhất thiết là một nhân tố làm tăng tốc độ cải cách; thí dụ của chính phủ Gierek chứng minh điều này. Tương tự, là không thể để cải cách một nền kinh tế với lưỡi lê, sự tố giác, và cảnh sát. Cho nên các khoản tín dụng bị quăng xuống rãnh. Người ta có thể ngạc nhiên rằng việc này hầu như không khuyến khích phương Tây?

Người ta có thể ngạc nhiên rằng phương Tây muốn làm việc với một chính phủ mà chỉ ít có được một sự tín nhiệm tối thiểu của chính nhân dân mình? Rằng các khoản tín dụng thêm chỉ có với điều kiện phục hồi các quyền tự do dân sự ở Ba Lan? Bộ máy tuyên truyền chính thống đã thử vẽ bức tranh về những trừng phạt này như một sự tấn công chống lại chính sự tồn tại của nhân dân Ba Lan, như một sự cản trở những cải cách dân chủ, như một sự vi phạm chủ quyền của Ba Lan. Tôi không ủng hộ những trừng phạt, nhưng thật là hèn nhát đối với những người chịu trách nhiệm về chúng, WRONa, để từ chối trách nhiệm của riêng họ. Không phải Reagan là người đã tàn phá nền kinh tế Ba Lan mà đúng hơn là những người đặt số phận tinh thần và vật chất của nhân dân Ba Lan dưới lợi ích hẹp hòi và ích kỷ của riêng họ. Cần thêm bao nhiêu thứ xảy ra nữa trước khi những người này hiểu rằng bằng cách loại bỏ các định chế độc lập với các phương pháp của một chế độ độc tài quân đội-cảnh sát họ nhất thiết cách ly bản thân họ khỏi chính dân tộc họ và toàn bộ thế giới văn minh?

Làm gì bây giờ? Các câu trả lời cho câu hỏi này đang được tìm trong mọi thảo luận đêm ở Ba Lan, nhiều trong số đó tiếp tục bất chấp lệnh giới nghiêm. Vào đêm 12-13 tháng Mười Hai những người cộng sản cai trị đã quay lại lập trường mà họ đã giữ trong năm 1945, khi họ đã là một phái thiểu số mà quyền lực của nó đã dựa trên việc sử dụng lưỡi lê. Sau đó đã là phái Jacobin thân-Soviet; ngày nay là phái quan lại thân-Soviet. Khi đó họ đã bảo vệ cương lĩnh của họ; ngày nay họ đang chiến đấu vì các đặc ân của họ. Kinh nghiệm lịch sử làm nhớ lại hai mô hình cho việc tháo gỡ của các cuộc khủng hoảng như vậy. Hãy gọi chúng là mô hình Kádár và mô hình Husák.

Kádár János đã mở đầu sự cai trị của ông [ở Hungary] trong năm 1956 như một phó nhiếp chính Soviet được đưa về trên một chiếc xe tank. Vài năm đầu của sự cai trị của ông đã được đánh dấu bởi sự đàn áp tàn bạo nhưng đã tiếp theo bởi một sự “nói lỏng đinh vít” từ bên trên.

Ngay từ đầu, Gustav Husák [ở Tiệp Khắc năm 1968] đã tuyên bố quyết tâm của ông để duy trì các thành tựu của Mùa Xuân Prague. Sau sự can thiệp Soviet, tất cả các định chế công được hình thành trong thời gian Mùa Xuân Prague đã tiếp tục hoạt động. Nhưng dần dần, từng bước một,

chúng được thanh lý. Người dân bị buộc tham gia vào các cuộc tự phê bình làm nhục nhã, vào việc tố giác các đồng nghiệp của mình. Các phần tử “cực đoan” bị loại bỏ, các định chế độc lập bị thanh lý, tất cả việc này dưới ngọn cờ để cứu nguy những mấu cuối cùng của cải cách. Theo cách này Mùa Xuân Prague bị giết bởi bàn tay của những người tạo ra nó.

Mô hình Kádár đại diện cho một con đường từ sự đàn áp tàn phá xã hội sang chủ nghĩa tự do gia trưởng. Mô hình Husák là con đường từ một sự bảo tồn giả các cấu trúc dân chủ sang sự làm cần cỗi hoàn toàn đời sống công.

Đối với những người cộng sản Ba Lan, Kádár là một anh hùng, và họ muốn đi theo bước chân của ông: đây là vì sao các bản án của tòa đã đi cùng với những tuyên bố về đổi mới và cải cách. Là để để hình dung những ý định của chính phủ: tiêu diệt Đoàn kết, phục hồi hoạt động của các định chế toàn trị, và xóa hy vọng về một cuộc sống có phẩm cách khỏi trái tim của nhân dân. Mục tiêu là để phá hủy Đoàn kết với bàn tay của các nhà hoạt động của nó sử dụng những người đã ký tuyên bố trung thành, hay khác đi đã bị làm nhục và thất bại. Các đại diện của WRONA đã thử thuyết phục Walesa chấp nhận kế hoạch này. Việc này đã tỏ ra không có kết quả. Một Đoàn kết mà không có Walesa, Bujak, hay Slowik chỉ có thể là một bù nhìn che dấu các chính sách chống người lao động.

Những cố gắng lan rộng nhằm đàn áp đã chỉ bị kiềm chế bởi các cuộc phản đối ở Ba Lan và nước ngoài đã bao gồm việc “bình định” các nhà máy, bỏ tù các nhà hoạt động nghiệp đoàn, và một chiến dịch nói xấu. Suốt từ đầu đến cuối, chính phủ đã nói rằng mọi thứ đều ổn, rằng Ba Lan đang trở nên bình thường.

Nhưng từ các bục giảng nhà thờ, những chỗ duy nhất nơi ngôn ngữ đã không bị vắn đục, những lời đúng đắn đã được nói lên về tình trạng của quốc gia. Ở đó, sự đàn áp được thảo luận công khai, cũng như sự giúp đỡ các nạn nhân. Người ta biết từ những nguồn khác rằng sự kháng cự tồn tại. Các báo bất hợp pháp vẫn tiếp tục xuất hiện, và các định chế độc lập đang được khôi phục lại. Không, phong trào này sẽ không bị khuất phục.

Chỉ từ mẩu và mảnh tin tức từ Ba Lan và phần còn lại của thế giới đến được những nơi tạm trú mới của tôi, mà được bảo vệ bởi những người có vũ trang mặc đồng phục và bị vây quanh bởi các chân song sắt và dây thép gai. Nhưng ở đây chúng tôi chỉ ít có dư dả thời gian để ngẫm nghĩ tình hình.

Mười lăm tháng này đã là một bài học về tự do. Đoàn kết đã có thể bị xóa khỏi các bức tường nhưng không khỏi ký ức con người. Đặc tính nêu gương của thí nghiệm Ba Lan đã được bày tỏ lặp đi lặp lại: vì sự thiếu

vắng bạo lực, vì chiến thuật của nó để khôi phục các mối quan hệ xã hội bên ngoài các cấu trúc chính thống. Mô hình này sẽ tiếp tục hoạt động dưới hoàn cảnh mới; nó có thể chứng tỏ hữu ích không chỉ cho những người Ba Lan mà cho các xã hội khác trong môi trường địa chính trị này. Chúng ta cũng phải nhớ rằng cơ chế của cuộc đảo chính Ba Lan cũng có thể được dùng như một tấm gương.

Elite quân sự đã chẳng bao giờ nắm quyền trong một hệ thống cộng sản. Bộ máy đảng đã thường thực hiện vai trò đó và trong các thời kỳ khủng bố tăng cao chính bộ máy an ninh là bộ máy đã sử dụng quyền lực. Quân đội đã chỉ là một công cụ; và khi nó với tới quyền lực nó đã bị thanh trừng: số phận của các nguyên soái Soviet Tukhachevsky và Zhukov minh họa luận đề này. Cuộc đảo chính Ba Lan có thể cung cấp một tiền lệ. Đáng xem xét luận đề rằng bằng cách tấn công Đoàn kết Jaruzelski đầu muốn hay không cũng đã làm cho quyền lực của bộ máy đảng thành giả. Cho đến bây giờ, đã chính là bộ máy đảng nắm quyền, với quân đội ủng hộ nó; có lẽ bây giờ chính bộ máy quân sự cai trị, còn bộ máy đảng tạo ra mã bề ngoài.

Một cuộc đảo chính vũ trang là một kỹ thuật thay đổi xã hội, nhưng hình thức không nhất thiết quyết định nội dung của nó. Một cuộc đảo chính vũ trang thiết lập một chế độ độc tài ở Chile, trong khi cuộc đảo chính khác mở đường cho dân chủ ở Bồ Đào Nha. Quân đội là cơ quan duy nhất trong một hệ thống cộng sản mà tương đối độc lập với đảng và ngành an ninh có thể đóng nhiều vai trò. Thí dụ, quân đội mắc vào một cuộc chiến tranh không được quân chúng ưa thích với nhân dân Afghan, những người mà Marx đã gọi là “những người Ba Lan châu Á,” trong kịch bản của Solzhenitsyn quân đội có khả năng đóng một vai trò hoàn toàn khác vai trò nó đóng ở Ba Lan, cho dù, một cách nghịch lý, tấm gương Ba Lan có thể tỏ ra hữu ích.

Ở đây, đằng sau các song sắt, mỗi cử chỉ đoàn kết giống như một làn gió tươi mát. Tôi bày tỏ lời cảm ơn mọi người với toàn bộ trái tim mình, nhân danh cá nhân tôi và các bạn tôi. Mỗi mẩu tin vui giúp chúng tôi để sống. Nhưng cũng có những giây lát xấu nữa. Khi một nhà dân chủ xã hội Đức tuyên bố trích dẫn phú thủ tướng Cộng hòa Nhân dân Ba Lan rằng điều kiện của những người bị giam giữ là đầy đủ, tôi cay đắng nhớ lại số phận của các nhà Dân chủ Xã hội Đức bốn mươi lăm năm trước và những sự đảm bảo của các chính khách khác nhau rằng tất cả đã OK ở Đức, rằng những kẻ thù của quy tắc thủ tục (rule of order) được giữ trong hoàn cảnh nhân đạo. Phó thủ tướng chính phủ Ba Lan, người đại diện cho chính mình như một chuyên gia về các đối thủ chính trị bị tù của ông ta, là một nhân

vật lộ bịch và đáng thương hại, và người đôi thoại Đức của ông ta hoặc là vô liêm sỉ hay ấu trĩ.

Vài lời về những người bị giam giữ. Chúng tôi bị bỏ tù mà không có lệnh của công tố viên, và mỗi người chúng tôi có thể được tự do bằng ký tên vào một tuyên bố trung thành và đồng ý trở thành một kẻ chỉ điểm cho cảnh sát. Một người đau khổ tuyệt vọng, lính gác trại giam của chúng tôi suy luận, sẽ không thể coi thường.

Chúng tôi các công nhân, nông dân, trí thức là những con tin. Số phận của chúng tôi là để cảnh cáo những người khác, điều kiện của chúng tôi là tử bầy hàng cho thế giới ngoài Ba Lan, bản thân chúng tôi là hàng hóa để trao đổi. Những người bị kết án vì đình công còn tồi hơn. Mỗi người (kể cả chúng tôi) đã bị chiến tranh Ba Lan-Jaruzelski (để sử dụng thuật ngữ được tạo ra trên các đường phố Warsaw) đặt vào một tình huống mới. Là khó để tìm ra một công thức phổ quát. Mỗi người phải trả lời trong lương tâm của riêng mình câu hỏi về làm thế nào để chống lại cái xấu, làm thế nào để bảo vệ nhân phẩm, làm thế nào để ứng xử trong cuộc chiến tranh kỳ lạ này mà là một sự biểu hiện mới của cuộc đấu tranh lâu đời của sự thật và sự nói dối, của tự do và sự ép buộc, của phẩm giá và sự thoái hóa. Hãy lặp lại theo một nhà triết học: trong cuộc chiến đấu này không có những chiến thắng cuối cùng, nhưng cũng chẳng có một lý do mong manh cho sự lạc quan về bất kỳ thất bại cuối cùng nào.

Niềm tin rằng không có thất bại cuối cùng nào đã dẫn tôi để viết những nhận xét này. Đây là đóng góp của tôi cho cuộc chiến tranh. Có thể cần một thời gian trước khi tôi lại có thể bày tỏ ý kiến của mình. Và vì thế tôi chúc các bạn tốt của tôi, đặc biệt những người bị truy nã và những người đang chiến đấu, nhiều sức mạnh để cho phép họ vượt sự tối tăm trống rỗng trải ra giữa sự thất vọng và hy vọng. Và nhiều sự kiên nhẫn để cho phép họ học nghệ thuật khó khăn của sự tha thứ.

Tháng Hai, 1982

VỀ KHÁNG CỰ: THƯ TỪ BIALOLEKA 1982

Bạn thân mến của tôi,

Bạn đã hỏi tôi tình hình nhìn thế nào từ vị trí thuận lợi từ nhà tù Bialoleka, tôi đánh giá tính hiệu quả của sự phản kháng thế nào, những dự đoán của tôi là gì.

Tình hình có vẻ khác nhìn từ đây; là dễ hơn để tránh bị lạc trong những chi tiết, để thấy khung khổ của tình cảnh. Nhưng tin tức bị hạn chế. Sự thiếu chi tiết tước đoạt bạn khỏi hương vị của cuộc sống hàng ngày. Sau hàng tháng cách ly, bạn mất cảm giác của mình đối với giai điệu của đường phố Warsaw và tâm trạng của người dân của nó, những người mà bạn đã biết trong bao nhiêu năm trời. Cho nên bạn phải chiếu cố đến điều này.

Bạn hỏi tôi liệu tôi có tin rằng là đúng đắn để duy trì một phong trào chính trị ngầm (bí mật) hay không. Trước khi trả lời câu hỏi này, hãy để tôi hỏi bạn một câu hỏi: Bạn có tin rằng Đoàn kết đã là một sự kiện có tầm quan trọng lịch sử, hay chỉ là một tình tiết không quan trọng trong lịch sử Ba Lan? Nó đã là một sự trùng hợp ngẫu nhiên của các sự kiện, một sự biến dạng đơn nhất của quá trình lịch sử, hay là sự hiện thân tự nhiên, lâu bền về mặt thể chế của những khát vọng của nhân dân Ba Lan? Nếu nó đã chỉ là một tình tiết, thì chúng ta có thể chờ đợi những người cộng sản cai trị quét sạch dấu vết của nó và không chỉ khỏi các bức tường của các thành phố của chúng ta. Nhưng nếu nó đã là một phong trào phục sinh dân tộc đích thực, thì không ai tìm được cách để thay thế nó bằng những thứ nhân tạo, như các Ủy ban Phục sinh Dân tộc được lập ra trên khắp nước theo lệnh của các chính ủy quân đội. Nếu nó đã là đích thực, thì sơ đồ của những người cộng sản là không chân thật một cách thảm bại, và ngay cả hoạt động năng nổ nhất về phía những người của WRONa, những người được vũ trang bằng súng cũng như bằng các dụng cụ nghe lén, sẽ thất bại để tiêu diệt Đoàn kết.

Họ đang Chiến đấu vì Cái gì? Họ Đi tới Đâu?

Những kế hoạch của chính phủ là rõ ràng. Mục tiêu của họ là buộc dân cư Ba Lan vào sự kìm kẹp của chế độ độc tài toàn trị. Lần nữa, chúng ta lại bị

tước đoạt các quyền của mình với tư cách những cá nhân, với tư cách một xã hội, một dân tộc. Vì cái gì khác đã xảy ra vào đêm 12/13 tháng Mười Hai? “Các nhà máy bị chiếm bằng bạo lực. Các tổ chức của công nhân bị giải tán và bị tiêu hao nhiều bằng sự giúp đỡ của cảnh sát. Giai cấp lao động đã biến thành một đám đông vô định hình, thờ ơ, không có ý thức chính trị. Từ đó trở đi, chính phủ phải xử lý các cá nhân và không phải các tổ chức. Napoleon đã đúng: là đủ để là mạnh hơn tại một thời điểm cá biệt.” Đây không phải là đánh giá của tôi về tình hình chính trị tiếp sau ngày 13 tháng Mười Hai. Đây là những lời được Bertold Brecht sử dụng để mô tả việc Hitler tiếp quản nước Đức. Và nếu WRONa đạt được các mục tiêu của nó, đây là cách các sử gia sẽ viết về Ba Lan trong thời kỳ sau ngày 13 tháng Mười Hai, 1981. Tôi đã không gọi các mục tiêu của WRONa là một cương lĩnh, vì các quý ông đó không có cương lĩnh chính trị nào để nói về. Các hoạt động của họ, mà họ gọi là “raison d'état [lợi ích quốc gia] Ba Lan,” được thúc đẩy bởi sự hoảng loạn sợ hãi; ý thức hệ của họ, mà họ gọi là “sự hòa hợp dân tộc,” bao gồm việc xóa bỏ mọi loại đối lập; các phương pháp của họ, mà họ gọi là “những nhu cầu cấp bách của quân luật,” là sự khủng bố tàn bạo; quần áo của họ là đồng phục quân đội, mà họ đã tước mất những miếng cuối cùng của sự tôn trọng của nhân dân. Họ thô lỗ nhưng không hiệu quả, tàn nhẫn nhưng lộ bịch; họ thậm chí đã tìm được cách để biến mũ quân đội truyền thống có bốn góc thành mũ que mùa của tay sai Soviet.

Họ không có cương lĩnh nào; họ không có nguyên tắc nào; họ không có sự tôn trọng nào; họ chỉ có súng và xe tank. Họ sẽ bám chặt lấy chúng lâu hơn bao nhiêu nữa? Khi nào sự lan truyền của dân chủ sẽ thấm vào đầu của những người mặc đồng phục xanh? Bất chấp những gì có thể được viết trên báo chí của họ, họ biết rằng họ đã không chiến thắng cuộc chiến tranh này mà chỉ thắng một trận duy nhất, trong đó một quân đội vài ngàn người đã chiến đấu chống lại các công nhân không có gì để tự vệ. Nhưng họ đã mất cái gì đó mà mọi chính phủ muốn nhất; họ mất sự tín nhiệm của họ và mọi hy vọng về sự tín nhiệm. Không ai tin họ bây giờ, và không ai sẽ tin họ trong tương lai. Hy vọng cuối cùng cho chủ nghĩa cộng sản bển rề trong xã hội Ba Lan đã bị chôn vùi với thân xác của các thợ mỏ Wujek.

Họ đã không tìm được cách để chia rẽ Đoàn kết, và tôi nghi ngờ việc họ có thể hy vọng làm vậy trong tương lai. Sự kháng cự của xã hội đối với WRONa không phải là công việc của một nhóm người cực đoan không khoan nhượng mà là sự bày tỏ của nhu cầu xã hội. Vì những nhu cầu này đã không được thỏa mãn bởi các định chế chính thống, nhân dân đi nơi

khác. Không ngạc nhiên rằng Đoàn kết bí mật tồn tại; sẽ đáng kinh ngạc nếu nó đã không tồn tại.

Chúng ta ở trong tình hình hoàn toàn mới, khác bất cứ thứ gì chúng ta đã biết trong quá khứ. Trước đây bộ máy đảng đã chẳng bao giờ phụ thuộc vào quân đội, quân đội đã chẳng bao giờ sử dụng sức mạnh trực tiếp đối với dân cư trong một nhà nước cộng sản. Là khó để dự đoán các hệ quả của tình trạng này; sự cạnh tranh bên trong elite quyền lực giữa dân thường và lính có thể là hoàn toàn bất ngờ.

Nhìn lại

Các tổ chức bí mật đã chẳng bao giờ hoạt động hiệu quả trong các quốc gia cộng sản. Những người cộng sản đã không mấy thành công ngoài việc bẻ gãy sự kháng cự, đặc biệt sự kháng cự âm mưu. Họ đã nắm vững kỹ năng này một cách hoàn hảo. Điều này có thể được thấy trong những sự khác biệt giữa hoạt động bí mật 1939-41 trong Tổng Trấn* và hoạt động bí mật trong cùng thời kỳ dưới sự chiếm đóng Soviet ở tỉnh Lvov; hoạt động bí mật đã phát triển mạnh cùng với Gestapo và đã biến mất dưới quyền hạn của NKVD (Bộ Dân Ủy Nội Vụ). Vì sao? Có vẻ rằng bọn Nazi đơn giản đã muốn có sự yên ổn và yên tĩnh trong nước họ, dưới sự chiếm đóng của họ, cho nên họ đã làm cho chắc chắn rằng người dân tuân thủ các quy định của họ và bình tĩnh. Họ đã có thể không bị quấy rầy bởi việc tạo ra các tổ chức chính trị cho nhân dân bị xâm chiếm, những người mà họ đã muốn biến thành một chủng tộc nô lệ. Họ đã làm điều này hoàn toàn rõ ràng cho những người Ba Lan. Họ đã không hứa hẹn gì: các đội hành quyết của họ đã không đi cùng các giấc mơ về một ngày mai tốt đẹp hơn cũng đã chẳng đi cùng những tuyên bố đê tiện từ những người Ba Lan hâm mộ Hitler.

Những kẻ xâm chiếm Soviet đã khác. Họ đã phá hủy một cách có hệ thống tất cả các mối quan hệ xã hội, các tổ chức chính trị và văn hóa, các hiệp hội thể thao, và các hội chuyên ngành, và đã hủy bỏ các quyền dân sự và đã tịch thu tài sản tư. Họ đã biến nhân dân không chỉ thành thần dân của họ mà biến nhân dân thành tài sản của họ. Ngược với bọn Nazi, những người Soviet đã áp đặt các cấu trúc tổ chức riêng của họ lên những người Ba Lan; họ đã cho phép người nghèo tước đoạt người giàu có, họ đã đưa ra công khai những tuyên bố đê tiện, và họ đã che đậy các cuộc hành quyết

*Generalgouvernement (tiếng Đức) Generalne Gubernatorstwo (tiếng Ba Lan) là một vùng lãnh thổ Ba Lan-Ucraina do Đức chiếm đóng trong thời kỳ 1939-1945.

và trực xuất. Bất chước tinh thần của các cuộc Thập tự Chinh, họ đã truyền bá Niềm tin Mới. Họ đã để ngõ cửa bằng cách cho phép về nguyên tắc tất cả mọi người để lựa chọn cái đạo vào tôn giáo của Hệ thống Tiến bộ (những người tuyên bố một cách tự hào rằng Ba Lan đã chưa bao giờ có Quisling [kẻ phản bội] của mình phải được nhắc nhở về vai trò của Wanda Wasilewska.¹ Những người Ba Lan có đủ cơ sở cho lòng tự hào dân tộc rằng họ không cần phải nói dối về quá khứ của họ).

Trong nhận xét của mình về sự chiếm đóng Soviet, Józef Mackiewicz, một tác giả gây tranh cãi và không chính xác là tác giả ưa thích của tôi, đã viết rằng trong khi sự chiếm đóng Nazi đã tạo ra các anh hùng từ chúng ta, thì sự chiếm đóng Soviet đã bẻ gãy xương sống đạo đức của chúng ta. Đã có thể, bởi vì sự trợn lẩn chết người của sự khủng bố và sự hứa hẹn xã hội, bởi vì chính sách mị dân cách mạng rằng, với cái giá của sự tố giác, đã biến sự ăn cướp thô tục thành cao quý bằng cách phú cho nó ý nghĩa ý thức hệ, và như thế đã phá hủy các cấu trúc truyền thống của tổ chức xã hội và đã mở rộng cửa cho Hệ thống Tiến bộ. Những cửa này đã được mở ra cho tất cả mọi người mà đã hiểu rằng, vì các quy luật không thể tránh khỏi của lịch sử, Thế giới Cựu bị tiêu diệt. Chủ nghĩa cộng sản thắng lợi cũng đã hứa sự tiến bộ xã hội, và, ở mức độ nào đó, nó đã thực hiện lời hứa này.

Chế độ đã rộng lượng! Nó đã cho phép người dân cướp bóc tài sản của những kẻ bóc lột và kẻ thù của họ. Những thái ấp của giới quý tộc bị tàn phá bởi lưỡi rìu nông dân, các thư viện của họ bị đốt cháy, và gia súc của người chủ bị lôi khỏi chuồng. Các cửa hàng và cửa hiệu bị cướp, cũng như các hiệu thuốc và nhà ở tư nhân. Các trùm tư bản của ngày hôm qua, những người đã trở thành những kẻ thù của ngày hôm nay đã bị buộc vào cảnh nghèo khó và nhục nhã. Theo cách này, hệ thống đã được xây dựng trên sự bóc lột và tài sản tư bị xóa bỏ; bằng cách này những người cộng sản đã thực hiện các nguyên tắc của công bằng xã hội. Sự làm giảm đến mức số chung thấp nhất này đã làm nổi bật trong tâm trí của nhân dân các bản năng và phản ứng tồi tệ nhất và thấp hèn nhất. Nhưng nó đã có kết quả.

¹ Wanda Wasilewska (1905-1964), nhà văn và nhân vật chính trị, đã là con gái của một cặp vợ chồng Ba Lan xuất chúng, theo xã hội chủ nghĩa và bản thân bà là một đảng viên của Đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan (PPS) trước chiến tranh. Bà đã tham gia cùng những người cộng sản vào đầu Chiến tranh Thế giới II và đã đóng một vai trò tích cực trong việc tạo ra chính phủ cộng sản Ba Lan. Sau chiến tranh bà đã ở lại Liên Xô.

Đấy đã là sự trả thù cho cải cách nông nghiệp được hứa nhưng đã chẳng bao giờ được thực hiện. Đấy đã là sự trả thù cho sự thiếu quan tâm đến người bị thiệt hại và bị làm nhục. Chỉ trên báo chí và các bài phát biểu tuyên truyền thì công nhân mới được đẩy lên giữ vai trò của giai cấp thống trị, nhưng người ta hầu như không thể phủ nhận rằng con đường thẳng tiến đã chỉ được dọn sạch cho một số trong số họ. Các nhà hoạt động đảng của thế đội giữa đã đến từ các tầng lớp xã hội thấp nhất, từ các vùng nghèo và khổ (nhưng thế đội cao nhất của đảng đã được dành cho ít người được chọn lọc) và trở thành các bí thư chi bộ đảng, thành viên của hội đồng nhân dân, giám đốc các nhà máy, nhân viên của ngành an ninh. Những người này tạo thành cơ sở xã hội của Hệ thống Lãnh đạo. Nhưng đã không phải họ là những người quyết định sức mạnh của nó. Trong thời kỳ đầu tiên khoa trương tiên phong và hào hùng của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sức mạnh của chính phủ đã dựa chủ yếu vào sự bất lực của xã hội, mà đã bị chiến tranh làm cho tê liệt.

Chủ nghĩa Cộng sản và sự Kháng cự của Xã hội

Từ những ngày đó, đã thay đổi nhiều. Những người kế tục sự nghiệp của Wanda Wasilewska trong các mũ bốn góc của họ đã không còn có thể đưa ra cho các tầng lớp xã hội thấp nhất các cửa hàng để cướp bóc hay công ăn việc làm. Họ không còn có thể đổ lỗi cho giai cấp tư sản và các địa chủ lớn, cho chính phủ lưu vong ở London, và cho hoạt động bí mật phản động vì tất cả những cái xấu này. Tuy nhiên, khi giải những câu đố của ngày hôm nay là quan trọng để nhớ lại những năm đã trôi qua đó.

Dưới sự cai trị của các nhà độc tài cộng sản, nhân dân liên tục tìm kiếm các hình thức đối lập mới và độc đáo, các hình thức hiệu quả chống lại vũ lực toàn trị. Nhân dân tìm kiếm lỗ hổng nhỏ nhất trong bức tường toàn trị, vết nứt nhỏ nhất, mọi cách khả dĩ để cứu quốc gia khỏi biến thành một đồng cát. Khi hoạt động bí mật từ 1945 đến 1947, cuối cùng đã bị triệt phá và sự đối lập hợp pháp của Đảng Nông dân Ba Lan (PSL) đã bị xóa bỏ, một phần đáng kể của giới trí thức đã chọn cách rút lui khỏi đời sống công, để đi vào “sự lưu vong trong nước.” Trong bối cảnh của những tuyên bố xun xoe và các khẩu hiệu được hò hét tại các cuộc mít ting lớn, thì sự im lặng đã bằng sự phản kháng.

Trong các năm đó, nhiều người dân không chịu khuất phục đã chứng minh bằng tư liệu sự phản kháng của họ thông qua sự im lặng. Những người khác đã tìm kiếm những hình thức thể chế của sự cùng tồn tại với chính phủ, tận dụng ô dù bảo vệ, thoát đầu rộng rãi, nhưng sau đó liên tục

co hẹp của Giáo hội Công giáo. Môi trường của *Tygodnik Powszechny* [Tuần báo Công giáo Cracow] chọn để hiện diện trong đời sống công trong các lĩnh vực văn hóa và kiến thức, và nó cố ý từ bỏ hoạt động chính trị. Trong những năm đó, tuy vậy, mọi bài về St. Stanislaw hay chiến dịch tháng Chín 1939, về du lịch hay khảo cổ học, đã đều có một chiều kích chính trị. Những sự bỏ sót đã cho tuần báo màu sắc chính trị của nó. Các cuộc tấn công của chính phủ chống lại Giáo hội càng trở nên tàn bạo, thì càng nhiều nhóm chủ đề mà đã có thể chuyển sang tờ báo Công giáo thông qua cái sàng kiểm duyệt đã bị co lại. *Tygodnik Powszechny*, được biên tập bởi Jerzy Turowicz và được làm giàu bằng những bài viết của Stomma, Zawieyski, Kisielewski, Wozniakowski, và những người khác đã tạo ra một lối thoát cho bạn đọc, một cơ hội để sống sót, một dịp để bảo tồn những giá trị cơ bản, lương tri, và sự cân bằng tâm lý trong một thế giới đã bị tiếp quản bởi sự khủng bố cảnh sát và sự điên rồ tư tưởng. Giáo hội đã cung cấp một rào cản thật sự để chống lại quyền lực toàn trị. Nó đã là một định chế mà đã bảo vệ bản sắc dân tộc, các quyền và giá trị của nó. Nó trao sức mạnh cho người yếu đuối và sự yêu quý cho người bị ngược đãi. Chính nhờ Giáo hội mà sự kháng cự bí mật của quốc gia vẫn còn, mặc dù phải thừa nhận rằng sự khủng bố hàng loạt cùng với sự tẩy não quy mô lớn và sự tha hóa lương tâm đã cũng hữu hiệu. Là không lương thiện để phủ nhận điều này.

Trong thời đại Stalinist, các tổ chức âm mưu bất chước hoạt động bí mật của Chiến tranh Thế giới II cũng được tìm thấy. Chúng tất cả đều đã chết yếu và bị đàn áp một cách tàn bạo, và tin tức về sự tồn tại của chúng chủ yếu đến từ các tù nhân và các hồ sơ tòa án. Hội đồng giám mục, chúng ta hãy nhớ lại, đã cảnh báo nhân dân chống lại sự kháng cự bí mật.

Các chế độ độc tài hoặc tan rã hoặc tiến hóa. Khi chúng tan rã như kết quả của sự biến động đột ngột bên trong hay bên ngoài, làn sóng nổi loạn xã hội đưa lên đỉnh những người đề xướng sự thay đổi hoàn toàn, những người cơ hội chủ nghĩa “kiên định” và các địch thủ bị cầm tù. Khi các chế độ độc tài tiến hóa, bộ máy quyền lực trở nên không vững trên chân của nó và sinh ra một phong trào phản đối và những người đối lập từ bên trong. Hệ thống cộng sản kiềm chế sự phản đối trong bản chất tư tưởng của nó. Nó không thể không bị trừng phạt vì tuyên truyền các khẩu hiệu quân bình chủ nghĩa trong khi lại thúc đẩy mạng lưới các cửa hàng riêng cho giới elite; nó không thể không bị trừng phạt vì việc tuyên bố các tư tưởng về sức mạnh công nhân trong khi sử dụng cảnh sát để trấn áp tàn nhẫn các cuộc đình công của công nhân; nó không thể không bị trừng phạt vì việc tự gọi mình là người kế tục truyền thống tự do trong khi đập tắt

bằng vũ lực mọi dấu hiệu của tự do. Chừng nào mà chủ nghĩa cộng sản còn là một hệ tư tưởng sống mà đòi hỏi lòng trung thành của những người lương thiện, một cách tự nhiên nó đã nhất thiết mang bên trong mình các hạt giống dị giáo và sự phủ định của chính nó gọi là chủ nghĩa xét lại. Chủ nghĩa xét lại, mà đã chẳng bao giờ được định nghĩa một cách chính xác bởi hoặc các kẻ thù của nó hoặc bởi những người đề xướng nó, đã là một phong trào trí thức đi cùng với sự xói mòn của hệ tư tưởng sắt của bộ máy đảng. Trong cố gắng của nó về nguyên tắc để là một phong trào nhắm tới việc sửa chữa Hệ thống Lãnh đạo, chủ nghĩa xét lại đã thử tiết chế và hạn chế đặc tính toàn trị của hệ thống, vi phạm, chí ít một cách vô tình, chính bản chất của sự cai trị cộng sản.

Không có cái thứ như một chủ nghĩa cộng sản cai trị không toàn trị. Nó hoặc trở nên toàn trị hoặc thôi không còn là chủ nghĩa cộng sản nữa. Vai trò của chủ nghĩa xét lại đã là để huấn luyện đảng Cộng sản cho sự đối đầu của nó với những sự bùng nổ của sự giận dữ xã hội tiếp sau cái chết của Stalin và cho những cố gắng của nó để đưa các yếu tố của thực tế hàng ngày và các dấu vết của ngôn ngữ đạo đức vào các cuộc thảo luận nội bộ của đảng. Những người theo chủ nghĩa xét lại đã đòi các cuộc cải cách chính trị tự do, dấu cho chủ nghĩa xét lại đã chẳng bao giờ trở thành một cương lĩnh chính trị. Trong sự đối đầu của nó với bộ máy đảng bảo thủ, chủ nghĩa xét lại đã phải bị thất bại. Tại điểm đó, nó đã có một sự lựa chọn để chọn: thừa nhận quan điểm của bộ máy về trật tự xã hội và đồng nhất với các nhà chức trách và chống lại những khát vọng của xã hội, hoặc tiếp tục kêu gọi cải cách chính trị và cuối cùng rời bỏ đảng Cộng sản. Trong cả hai trường hợp, phong trào thôi không còn là chủ nghĩa xét lại được sinh ra trong thời kỳ lên men và đã biến hoặc thành một kẻ đồng lõa với quyền lực, hoặc đơn giản thành một nhóm đối lập. Cái đặc trưng cho giai đoạn này đã là sự phản kháng xã hội đã có được sức mạnh trong khi hệ thống đã mất tính chất đàn áp của nó. Khi sự khủng bố giảm đi, người dân trở nên can đảm hơn. Các cuộc phản đối của xã hội từ 1953 đến 1956 đã không được lãnh đạo bởi những người xét lại, nhưng cũng chẳng được lãnh đạo bởi những người đã duy trì sự kháng cự không nao núng từ 1945. Những người đã kháng cự từ 1945 đã phải trả giá cho nó với sự cô lập trong nhà tù hay trong sự lưu vong trong nước. Những cuộc phản đối trong giai đoạn 1953 đến 1956 đã nổi lên từ vực thẳm của xã hội vô tổ chức và bị nguyên tử hóa, và xã hội đó đã không có cương lĩnh chính trị nào và đã có thể bị phá vỡ hay bị lôi kéo một cách dễ dàng. Chúng đã không là phong trào xã hội, cũng chẳng là phong trào chính trị (theo định nghĩa cổ điển của các thuật ngữ này), mà là một sự biểu lộ sự bức tức của các nhóm mà sự nghèo

khổ của họ đã không giảm bớt và những người đã có đủ can đảm để phản đối công khai.

Câu chuyện về tháng Mười Ba Lan 1956 có thể được kể trên hai bình diện: trên một bình diện, nó đã là một sự nổi dậy xã hội của các công nhân; trên bình diện khác, nó đã là sự đối lập tư tưởng từ những người theo chủ nghĩa xét lại của đảng. Sự đàn áp và sự bình định cả hai nhóm không thể bị quên. Các phương pháp được Wladyslaw Gomulka sử dụng để làm dịu cuộc nổi dậy phải được phân tích một cách tách biệt. Một điều là chắc chắn: Tháng Mười Ba Lan đã không bị đàn áp bằng vũ lực (cho dù các hành động của cảnh sát chống lại biểu tình đường phố trong mùa thu năm 1957, tiếp sau sự giải tán *Po prostu*,² đã biến Warsaw thành một thành phố dưới sự bao vây). Cuộc nổi dậy tháng Mười đã bị cuốn trôi. Hình thức của sự thất bại đã ngăn ngừa sự tạo ra bất cứ phong trào đối lập được thể chế hóa nào.

Phong trào tháng Mười về đối mới đã được biến thành “sự ổn định nhỏ của chúng ta,” mà đã đi cùng với sự kháng cự bất khuất và kiên định của Giáo hội, với sự phê phán nào đó được bày tỏ trong các giới trí thức, và với những biểu lộ lác đác của sự bất mãn của công nhân. Nhưng đã không có âm mưu bí mật nào. Các âm mưu bí mật đã không xuất hiện trên quy mô lớn ngay cả tiếp sau cuộc nổi loạn sinh viên tháng Ba năm 1968 hay các cuộc phản đối của công nhân tháng Mười Hai năm 1970. Đó đây nhưng chỉ ở bên lề của xã hội các kế hoạch để tạo ra một hoạt động bí mật và bắt đầu các tổ chức âm mưu đã xuất hiện, nhưng chúng đã không đóng vai trò quan trọng nào. Những cố gắng bất hợp pháp để tổ chức đã được biết đến chỉ khi những người đứng sau chúng đã bị đưa ra xét xử. Những người đã muốn hành động đối lập với các nhà chức trách đã tìm thấy các phương pháp khác, cả hợp pháp và bất hợp pháp, nhưng các phương pháp bất hợp pháp đã không là các tổ chức bí mật; đúng hơn, chúng đã gồm có sự phân phát bí mật các xuất bản phẩm lưu vong và sự chuyển bí mật các tài liệu ra nước ngoài để được sử dụng trong các xuất bản phẩm này, các cuộc thảo luận công khai trong các Câu lạc bộ Trí thức Công giáo hợp pháp được bổ sung bằng các seminar tại các nhà riêng, và bằng các tác phẩm bị cục kiểm duyệt tịch thu mà đã được sao ra và được truyền từ tay này sang tay khác. Tất cả điều này đã miêu tả một sự lên men, một sự phản kháng, và một sự hồi sinh của các ý tưởng độc lập.

² *Po prostu* (Đơn giản) đã là một tạp chí mà các đảng viên trẻ tự do đã lập ra trong thời kỳ cải cách 1956. Việc đóng cửa nó một năm sau đó đã đánh dấu sự kết thúc của Tháng Mười Ba Lan.

Nhưng một đời sống chính trị Ba Lan độc lập đã không tồn tại. Điều này đã chỉ bắt đầu thay đổi trong năm 1976. Khi đó các chương trình đầu tiên của sự phản kháng xã hội đã được tổ chức. Chủ đề chính của những ý tưởng này và các hoạt động này đã là sự công khai với bất cứ giá nào. Một số người đã đi xa đến mức tự nguyện đi đến một nhà nơi một bài giảng công khai nhưng bất hợp pháp của Đại học Bay³ diễn ra và cảnh sát mật đã đến rồi. “Công khai nhưng bất hợp pháp” trong thành ngữ hơi nghịch lý này là bản chất của chiến thuật của thời đại đó. Các sách và tạp chí được in bí mật, nhưng tên của các tác giả và các biên tập viên của chúng được để lộ ra công khai. Tính công khai đã là một cách để củng cố lòng dũng cảm tập thể, để mở rộng “khu vực xám” giữa những chiếc kéo kiểm duyệt và luật hình sự, để phá đổ rào cản của tính trì trệ và sự sợ hãi. Các cơ hội thành công nằm ở tính công khai, chứ không ở tính âm mưu.

Tình cờ, cả sự can thiệp Soviet ở Hungary lẫn “sự giúp đỡ anh em” vũ trang cho Tiệp Khắc đã không kích động sự kháng cự âm mưu trên bất cứ quy mô nào. Chủ nghĩa cộng sản hậu-Stalinist cũng đã không quen với âm mưu như một hiện tượng quy mô lớn. Các lý do cho việc này là đáng để suy ngẫm. Hệ thống hậu-Stalinist đã không là hệ thống khủng bố hoàn toàn đối với toàn bộ cộng đồng cũng đã chẳng là hệ thống của những lời hứa trù tượng cho những người thiệt thòi về quyền lợi. Nó đã là một hệ thống mà có khả năng xây dựng một mối quan hệ ổn định giữa những người nắm quyền lực và xã hội. Nhà trí thức Czech, Antonin Liehm, đã mô tả sự ổn định này như một “hòa ước xã hội mới” giữa elite quyền lực và nhân dân. “Hòa ước” này đã dựa trên giả thiết rằng các nhà chức trách sẽ không làm cho cuộc sống khó khăn đối với nhân dân nếu nhân dân không làm cho việc cai trị khó khăn đối với các nhà chức trách. Cho nên chính phủ đã không can thiệp quá tàn bạo vào cuộc sống tư và chuyên nghiệp của các công dân, và các công dân đã không xen vào các lĩnh vực dành cho nomenklatura đảng. Ba Lan của Gierek và Hungary của Kádár đã là các thí dụ cổ điển về “hòa ước xã hội mới” này, nhưng những khía cạnh nào đó của nó cũng đã có thể thấy ở các nước khác, kể cả Liên Xô.

Phải nhớ rằng ở Hungary trước đường lối Kádár đã là một sự đàn áp cực kỳ tàn bạo, mà đã phá hủy sự tin tưởng vào sự kháng cự trực tiếp, còn ở Ba Lan của Gierek chủ nghĩa tự do đã là hệ quả trực tiếp của việc chính

³ Đại học Bay, Flying University (TKN) đã là một trong các định chế của phe đối lập dân chủ mà đã dẫn đến việc thành lập Đoàn kết. Được thành lập trong năm 1978, nó đã bao gồm các seminar và các lớp học được tổ chức tại các căn hộ tư nhân và dành cho các đề tài đã không thể dạy một cách chính thống.

phủ sự giai cấp lao động, mà sự nổi dậy của họ đã đưa Gierek lên nắm quyền. Chủ nghĩa tự do ở Ba Lan đã cũng là kết quả của cuộc xung đột với phương Tây, mà trong đó Gierek đã muốn duy trì một tiếng tốt. Đã là đặc trưng của Tiệp Khắc của Husák rằng các nhà lãnh đạo của “đổi mới” đã khởi xướng “sự bình thường hóa.” Bản thân Dubcek đã kêu gọi chấm dứt sự phản kháng xã hội, và hàng ngàn nhà hoạt động của Mùa Xuân Prague đã đi lưu vong. Hoạt động bí mật ở Tiệp Khắc sau-1968 đã bao gồm, và vẫn bao gồm, các nhóm nhỏ của những người cơ hội chủ nghĩa bị giáng hạng mà bầu không khí tinh thần của họ giống với các cộng đồng thiên chúa giáo đầu tiên ẩn náu trong các hầm mộ hơn là giống với một phong trào đòi lập chính trị bất hợp pháp.

Sự Kết thúc của Tâm lý Giam cầm

Hệ thống cộng sản ở Ba Lan đã không va chạm đối đầu với phản kháng ngầm tích cực thường trực. Lúc đầu, sự thiếu vắng của một sự phản kháng ngầm như vậy đã là kết quả của sự khủng bố đẫm máu và một chính sách xã hội tinh xảo; sau đó nó đã là kết quả của một hòa ước xã hội mới, mà đã tồn tại chỉ vì sự giống nhau được tiếp tục với khủng bố Stalinist. Nhưng chế độ độc tài cộng sản đã luôn luôn tìm cách phá vỡ các mối quan hệ xã hội. Bộ máy quyền lực và các định chế của nó, mà đã được dùng để phá hủy sự đoàn kết giữa nhân dân và để giữ xã hội có kỷ luật cao, đã là các hình thức duy nhất của sự tổ chức xã hội.

Kết quả là, hệ thống đã tạo ra một tâm lý đặc trưng của các cộng đồng bị cộng sản khuất phục. Các giai đoạn dài của sự thờ ơ và phi chính trị hóa đã bị gián đoạn bởi các trận động đất chính trị đột ngột. Những việc này, tuy vậy, đã không được tiếp theo bởi các chương trình cải cách hay bởi những kế hoạch chính trị thay thế. Chúng đã chỉ là các cuộc phản đối, chứ không phải các phong trào cải cách. Các chương trình được cho là cải cách đã được thảo ra trong các văn phòng của chính phủ, nhưng chúng đã chẳng bao giờ đến các sàn nhà máy. Tư tưởng chính trị độc lập đã không tồn tại trong các nhà nước cộng sản; thay vào đó, các lựa chọn duy nhất để ngỏ cho một nhà hoạt động đòi lập đã hoặc là thủ đoạn vô ích hay là bạo lực mù quáng. Vào đầu thế kỷ (thứ 20) này, các nhà tư tưởng và các chính trị gia Ba Lan đã gọi bầu không khí này là tâm lý giam cầm. Józef Pilsudski, Roman Dmowski, và Edward Abramowski, những người đã đại diện cho các đảng và các ý thức hệ chính trị xung đột nhau, đã đồng ý về một thứ: một cuộc nổi loạn nô lệ có ít cái chung với một phong trào cho sự thay đổi xã hội hay chính trị. Người nô lệ nổi loạn có giải phóng chính

mình trong một thời khắc; nhưng mong muốn chính của anh ta là trả thù, mà hiếm khi mang tính xây dựng. Nhiều nhất, người nô lệ nổi loạn sẽ tìm một sa hoàng tốt hơn, nhưng anh ta không có khả năng khám phá ra tính chủ quan của chính mình, vì anh ta đã bị tước đoạt mất cộng đồng của anh ta, các lý tưởng của anh ta, và ngôn ngữ của anh ta. Anh ta bị bỏ một mình với sự hận thù của anh ta, mà có nghĩa là sự bất lực. Người ta cần hiểu tâm lý giam cầm này nhằm làm sáng tỏ cơ chế của sự thờ ơ xã hội dưới chế độ cộng sản. Chỉ các sự kiện bề mặt có thể nhìn thấy từ bên ngoài: các lễ kỷ niệm, các cuộc duyệt binh, diễu hành, sự tham dự 100 phần trăm trong các cuộc bầu cử giả mạo, tỷ lệ đảng viên cao trong các nhà máy và văn phòng. Các cuộc khởi nghĩa, việc đốt các trụ sở đảng, các thư ngỏ của những người bất đồng chính kiến, và tình trạng cô đơn của các nhà bất đồng chính kiến là cũng thấy được. Nhưng đọc giữa các hàng chữ, là dễ để tìm ra mẫu số chung trong tất cả các sự kiện này, tâm lý nô lệ.

Tôi tin rằng cuộc nổi loạn của công nhân tháng Tám 1980 và các hoạt động của Đoàn kết đã chấm dứt tâm lý này. Trong mười lăm tháng đó, nhân dân đã được ném mùi tự do; họ đã rèn sự đoàn kết của họ và đã khám phá ra sức mạnh của mình; họ đã lại cảm thấy bản thân họ là một cộng đồng dân sự và dân tộc. Tôi không muốn lý tưởng hóa Đoàn kết, các hoạt động của nó, hay các nhà hoạt động của nó. Tôi biết về sự mỉa mai và tính dễ tiện những tác động tàn dư của tâm lý giam cầm mà đã hiện diện trong nó. Nhưng đây là những khía cạnh không thể tránh khỏi của mọi phong trào quần chúng và di sản không thể tránh được của những năm nô lệ. Đoàn kết đã là phong trào quần chúng đầu tiên trong lịch sử của chúng ta mà đã kéo dài nhiều tháng, mà đã bén rễ sâu trong những trái tim và khối óc Ba Lan, ở nơi làm việc và trong những nhà riêng. Điều này cho phép người ta tin rằng phong trào phản kháng chống lại WRONa có một cơ sở thực tế, rằng sự chống đối ngầm có một cơ hội để vượt qua những hành động tương lai của cảnh sát. Cơ hội này xuất phát từ truyền thống Đoàn kết và từ những lợi ích mà phe đối lập dân chủ trước tháng Tám đã giành được. Ngoài ra, toàn bộ khối kinh nghiệm của hoạt động bí mật thế kỷ thứ mười chín và thế kỷ thứ hai mươi được dùng ngày nay như một cuốn sách chứa tri thức về các giá trị và các phương pháp của sự phản kháng bất hợp pháp. Cuốn sách này phải được đọc lại, sao cho chúng ta có thể thích nghi các tấm gương cũ cho tình hình mới.

Nhiều sự buộc tội khác nhau đã được đưa ra chống lại những người Ba Lan trong lịch sử bạo táp của họ, nhưng không ai đã bao giờ có thể nói rằng họ không biết gì về âm mưu.

Các Hình thức Chống đối Ngầm

Những người Ba Lan biết một hay hai thứ về âm mưu, và chính quyền rõ ràng biết về nó. Vì thế trong các chương trình radio và TV và các bài báo tuyên truyền, một chủ đề đã lặp đi lặp lại: sợ sự chống đối ngầm. Những tiếng nói này là một dấu hiệu về một sự phục hưng kỳ quái của tư tưởng về nhà nước và của sự lo ngại về âm mưu mà xứng đáng với những người bảo thủ Cracow thế kỷ thứ mười chín. Những tiếng nói này tuyên bố rằng giá trị cao nhất đối với dân tộc là nhà nước, rằng các hành động chống nhà nước sẽ dẫn đến tai họa dân tộc, rằng tất cả nhân dân phải liên kết những cố gắng của họ để ủng hộ nhà nước, vân vân và vân vân.

Đây là những lý lẽ được dùng để thao túng công luận; đối với bản thân mình đang nói công khai về chiến đấu chống phản cách mạng. Những người thật khôi hài! Thực sự là quá hăng hái để thử thuyết phục những người Ba Lan (thuộc mọi dân tộc) những người đã chiến đấu cho nhà nước của chính họ trong bao nhiêu thập kỷ, xứng đáng để có một nhà nước. Thế nhưng họ tiếp tục nói về nhà nước của chính nhân dân, một nhà nước có chủ quyền, một nhà nước thuộc về nhân dân, một nhà nước được cai trị bởi nhân dân vì lợi ích của nhân dân. Và về một nhà nước mà dẫn xuất giá trị của nó từ việc dựa vào luật. Tuy vậy, khi quyền lực của một nhà nước đã bị tịch thu bởi một bọn gangster những kẻ áp đặt thẩm quyền của chúng lên nhân dân, thì thái độ “trung thành với nhà nước” đơn giản là tội đồng lõa với tội ác. Sự kháng cự chống lại một “nhà nước” như vậy là tự nhiên, và sự bất tuân dân sự là thái độ duy nhất đáng trọng.

Lập trường của chính quyền đối với các quyền con người là đặc biệt quan trọng trong bối cảnh này. Tocqueville đã viết:

Nhờ khái niệm về các quyền con người nhân dân đã có khả năng định nghĩa tình trạng không có pháp luật và chế độ chuyên chế. Bởi vì điều này, mỗi công dân có thể vẫn độc lập mà không là độc đoán và có thể làm cho mình phụ thuộc mà không hạ mình. Khi một người làm cho mình lệ thuộc vào sự ép buộc, người đó uốn gối và làm mình mất nhân cách, nhưng khi người đó buộc mình phụ thuộc vào quy tắc pháp luật mà bản thân người đó đã đồng ý với láng giềng của mình, theo một nghĩa người ấy đứng trên những người cai trị mình. Không có những người vĩ đại nào mà không có đức hạnh, không có quốc gia vĩ đại nào và thậm chí không có xã hội nào mà không có sự tôn trọng các quyền con người. Vì cái gì là giá trị của một cộng đồng các cá nhân có tư duy và thông minh những người liên hiệp lại chỉ bằng vũ lực?

Không dân tộc nào đã từng được trao những quyền con người như một quà tặng. Những quyền này phải giành được qua đấu tranh. Câu hỏi là: Cuộc đấu tranh này phải được tiến hành thế nào?

Tôi là một trong những người trong mười năm qua hay khoảng thế đã phê phán ý tưởng về hoạt động âm mưu. Ngày nay tôi cũng hộ việc tổ chức sự chống đối ngầm. Chúng ta không có lựa chọn nào. Jaruzelski đã lựa chọn cho chúng ta.

Đây là cái danh dự Ba Lan và tư duy Ba Lan đòi hỏi chúng ta hôm nay. Danh dự: bởi vì một dân tộc mà khúm núm quy phục những kẻ tước đoạt tự do của nó, không xứng đáng sự tự do này. Tư duy: bởi vì một dân tộc không thấy cơ hội nào cho việc khôi phục tự do của nó và không sẵn sàng tận dụng một cơ hội như vậy khi nó đến, sẽ chẳng bao giờ đạt được quyền tự do. Là khó để lạc quan hôm nay. Nhưng mười năm trước ai đã có thể đoán trước sự tồn tại của một phe đối lập dân chủ, một nền báo chí độc lập, và cuối cùng tháng Tám 1980 và Đoàn kết? Là hiển nhiên rằng cái đã xảy ra chỉ một lần không thể biến thành một mô hình, nhưng các sự kiện đó là một di sản có giá trị. Chúng là bằng chứng về có thể đạt được bao nhiêu bởi nhân dân những người muốn làm cái gì đó đúng đắn cho nước họ.

Ngày nay, sự chống đối ngầm là một chuyện đã rồi. Các hình thức nó cần lấy vẫn còn là vấn đề bỏ ngõ. Chúng ta hãy bắt đầu bằng việc mô tả nó không nên là cái gì. Nó không được là một nhà nước ngầm với một chính phủ quốc gia, một quốc hội, và các lực lượng vũ trang. Nó không thể là một nhà nước ngầm bởi vì nó không có sự ủy thác quốc gia nào. Nước chúng ta cần nhiều thứ nhưng nó không cần một sự cai trị quốc gia tự chỉ định. Nó cần sự đại diện dân chủ chứ không phải một quốc hội-giả, mà là thứ duy nhất có thể xảy ra trong hoàn cảnh âm mưu. Một nhà nước ngầm đã có thể hoạt động dưới sự chiếm đóng Nazi bởi vì đã không có tiến trình ở giữa và bởi vì đã có một cuộc chiến tranh. Chỉ người mù quáng mới đã có thể vạch ra những sự tương tự giữa Tổng Trán và WRONa, đặc biệt khi đi đến âm mưu vũ trang và những mưu toan hoạt động khủng bố. Điều này phải được nói rõ ràng: những hoạt động vũ trang đã chỉ có thể được tiến hành bởi những người bị lầm lạc hay bởi những kẻ khiêu khích, và sự chống đối ngầm có trách nhiệm bảo vệ xã hội khỏi những hành động như vậy. Chủ nghĩa khủng bố không dẫn đến đâu cả, trừ sự báo thù và một vòng xoáy khủng bố dẫn đến một sự tăng cường sự hận thù và sự tàn ác và đến sự xa rời của đa số nhân dân khỏi sự chống đối ngầm.

Không phải chủ nghĩa khủng bố là cái Ba Lan cần ngày nay. (Mà) Là sự chống đối ngầm rộng rãi để xây dựng lại xã hội, trải khắp các thành phố

và làng xóm, các nhà máy và các viện nghiên cứu, các đại học và các trường trung học. Đoàn kết ngầm phải bao gồm tất cả những việc này. Hình thức thể chế của phong trào này nên để bỏ ngõ. Nó hiển nhiên phải bao gồm các cơ chế cho việc thu gom tiền bạc, giúp những người bị đe dọa bởi sự đàn áp hình sự hay bởi sự mất việc làm. Nó hiển nhiên phải bao gồm một phong trào trí thức mà sẽ đưa ra cho xã hội một tầm nhìn về một Ba Lan dân chủ. Nó phải bao gồm các tổ chức xuất bản, sao cho các tư tưởng về Ba Lan và thế giới, cuộc sống trí thức nói chung, và sự tự biết xã hội có thể hưng thịnh. Cũng cần đến một định chế ô dù cấu thành từ các nhà hoạt động Đoàn kết mà có thể giải quyết các vấn đề cơ bản của sự tồn tại quốc gia. Vai trò của một trung tâm như vậy là quan trọng, cho nên không ngạc nhiên rằng vấn đề này đã gây ra nhiều cãi cọ. Tôi nghĩ rằng sự tồn tại của một trung tâm như vậy là một điều kiện không thể thiếu được cho hoạt động hiệu quả, nhưng nó cũng kéo theo rủi ro đáng kể.

Chỉ áp lực được phối hợp, mà có thể đi tới mức một cuộc tổng đình công, có thể buộc WRONA đưa ra những nhượng bộ; đây là một mặt của đồng xu. Mặt khác, tuy vậy, là sự thực rằng một tổ chức tập trung và có thứ bậc, bắt chước mô hình một đảng Leninist, mà sẽ lái toàn bộ phe đối lập toàn quốc, là không thực tế. Cuộc sống luôn luôn phong phú hơn những cấu trúc tổ chức, và sức mạnh của một tổ chức nghiệp đoàn ngầm phải nằm ở gốc rễ của nó tại các nhà máy và không chỉ trong bộ máy được cấu thành bởi các nhà âm mưu chuyên nghiệp. Ngoài ra, do chính bản chất của nó, tổ chức phải được kết nối vào một mạng lưới vượt quá nhà máy, vì điều này là không thể thiếu được để duy trì các mối liên kết giữa các nhóm khác nhau, trong xuất bản một cách độc lập, trong tổ chức các cấu trúc nội bộ nghiệp đoàn, và trong tổ chức phân phát tờ rơi. Nhưng nếu một tổ chức như vậy bị tách khỏi những người sống cuộc sống thường ngày của quân luật, nó có thể dễ dàng mất sự tiếp xúc với thực tế và trở thành một quân đội của các ông tướng mà không có những người lính. Một vấn đề thường xuyên là sự xung đột giữa sự cố gắng duy trì một cơ sở quân chúng cho một phong trào và sự cần thiết cho cấu trúc cán bộ của một nghiệp đoàn ngầm để vận hành một cách hữu hiệu. Xung đột này là không thể tránh khỏi trong một phong trào thuộc loại này và có thể được giải quyết một cách khôn ngoan một khi nó được hiểu một cách rõ ràng. Sự tự nhận biết của các nhà hoạt động có thể đóng vai trò quan trọng ở đây. Vì các nhà hoạt động phải hiểu rằng một phong trào chống đối ngầm có ý nghĩa chỉ khi nó có khả năng tạo ra các hình thức hoạt động có thể tiếp cận được tới mọi người Ba Lan đơn nhất, khi nó vẫn còn là một phong trào mở và khoan dung, và nó luôn luôn nhớ rằng nhiều con đường dẫn tới nền dân

chủ, rằng quốc ca Ba Lan có thể được chơi trên nhiều nhạc cụ khác nhau. Sự chấp nhận và làm theo chiến lược rộng và bao gồm (inclusive) này không có nghĩa rằng mọi hoạt động được nghĩ ra như một cách để gây bất lợi cho WRONa đều hợp lý. Thí dụ, ý tưởng về “rùa” tức là, sự kêu gọi để “làm việc chậm” mà đã xuất hiện đó đây không có vẻ là khôn ngoan. Trong thời gian chiến tranh, khẩu hiệu này có ý nghĩa bởi vì những người Ba Lan khi đó đã làm việc cho các đội quân của Hitler. Ngày nay, sẽ là vô lý để cho rằng tất cả việc sản xuất đều được dùng để làm hại các lợi ích quốc gia. Khẩu hiệu Leninist “càng xấu, càng tốt” là vô nghĩa trong tình hình hiện nay, và những người Ba Lan có thể phải trả một cái giá cao một ngày trong tương lai nếu họ hủy hoại đạo đức làm việc hôm nay. Chúng ta phải tìm những cách để phát triển xã hội dân sự và không chỉ đảm nhiệm các hoạt động đơn giản nhằm gây phiền toái cho “nhóm đảo chính.”

Nhưng, trên hết, chúng ta phải tạo ra một chiến lược hi vọng cho nhân dân, và chỉ cho họ thấy rằng những nỗ lực và rủi ro của họ có một tương lai. Sự chống đối ngầm sẽ không thành công trong xây dựng một sự đối lập quốc gia rộng rãi mà không có một chiến lược như vậy, mà không có niềm tin vào mục đích của hành động. Nếu khác đi, thì sự phản kháng sẽ rốt cuộc chẳng là gì hơn một lời chứng đạo đức hay một phản ứng giận dữ. Và phong trào sẽ thôi là một phong trào biết về các mục tiêu chính trị của nó, được vũ trang bằng sự kiên nhẫn và tính kiên định, và đó là khả năng chiến thắng.

“Thay đổi Ngay lập tức” và “Trường Chinh”

Những mục tiêu cơ bản của Đoàn kết ngầm là rõ ràng: để tạo ra một xã hội thật, một Ba Lan tự do, và quyền tự do cá nhân ở Ba Lan. Không phép màu chính trị nào sẽ giúp những người Ba Lan nếu họ không tự giúp mình. Một nhà nước Ba Lan dân chủ sẽ chẳng bao giờ sinh ra nếu những kết cấu dân chủ không tồn tại trước trong xã hội Ba Lan. Và độc lập với thành công thể chế của sự chống đối ngầm, một cơ sở cho nền dân chủ Ba Lan đang được tạo ra ngày hôm nay. Nó nằm trong lĩnh vực đạo đức. Tầm quan trọng của lĩnh vực này là rõ. Để diễn giải [nhà văn] Tadeusz Konwicki, có nhiều hơn logic đúng đắn trong sự tồn tại của sự chống đối ngầm. Cũng có một nhu cầu. Nếu khác đi, thì chúng ta sẽ trở thành những người lùn và biến mất, đánh mất bản sắc dân tộc của chúng ta. Tôi biết rằng không giá trị đạo đức được khái quát hóa nào có thể thay thế các triển vọng chính trị cụ thể.

Hai chiến lược đáng được xem xét: chiến lược “thay đổi ngay lập tức” và chiến lược “trường chinh.” Chiến lược đầu giả sử có một sự bùng nổ dữ dội và tự phát của sự bất mãn xã hội. Một sự bùng nổ như vậy, cho dù bị trấn áp một cách đẫm máu, có thể dẫn đến một sự phân hóa bên trong chính phủ và khôi phục lại khả năng về thỏa hiệp với Đoàn kết. Sự chống đối ngầm phải sẵn sàng cho cả bản thân chấn động và các cuộc đàm phán tiếp sau đó. Nó phải hình dung ra những cách để ngăn chặn sự đổ máu và để ủng hộ những đòi hỏi chính đáng; nó phải vạch ra một cách chi tiết một thỏa thuận xã hội tiềm tàng mà bao gồm việc hủy bỏ quân luật, một tổng ân xá cho các nạn nhân của nó (những người đã bị bỏ tù, bị sa thải khỏi công việc, vãn vãn), và sự thực thi các hòa ước xã hội. Có vẻ rằng chỉ một sự thất bại ngoạn mục của những kế hoạch bình định của WRONa có thể khôi phục chương trình nghị sự, khả năng về một thỏa hiệp thực giữa chính quyền và nhân dân. Nếu khác đi, thì chính quyền sẽ không nhúc nhích một ly.

Nhưng điều này không có nghĩa rằng chúng ta phải dựa vào một sự đụng độ đối đầu giữa phong trào chống đối ngầm và chính phủ cho thành công của những nỗ lực của chúng ta. Ngày nay, bất cứ sự đối đầu nào chắc hẳn dẫn đến tai họa, vì WRONa đầy quyết tâm và sẽ không lùi cho dù máu có chảy thành sông. Một sự thỏa hiệp phải tính đến những thực tế sức mạnh. Nếu nó là một sự thỏa hiệp thực, nó phải diễn đạt một cách rõ ràng ý nghĩa của “vai trò lãnh đạo của đảng trong nhà nước” và của “sự tuân thủ các hiệp ước quốc tế.” Không được bước qua đường ranh giới trong một sự thỏa hiệp, đó là sự từ bỏ tính tự trị của nghiệp đoàn. Nghiệp đoàn Lao động Độc lập và tự quản “Đoàn kết” có thể chọn để tổ chức lại kết cấu của nó và xem xét lại cương lĩnh của nó, nhưng chỉ theo quyết định có chủ quyền của đại hội của nó. Cho phép chính phủ can thiệp vào công việc nội bộ của Đoàn kết, tức là chấp nhận vai trò lãnh đạo của PUWP trong một nghiệp đoàn lao động độc lập và tự quản không dẫn đến sự thỏa hiệp mà đến sự đàn áp nghiệp đoàn. Vấn đề về hiệp ước quốc tế cũng quan trọng. Sự phấn đấu của chúng ta cho sự thật về lịch sử của các mối quan hệ Ba Lan-Nga phải được phân biệt một lần cho mãi mãi với sự tuyên truyền chính trị chống-Soviet. Mỗi quốc gia có quyền biết sự thật về lịch sử của chính nó.

Một sự đánh giá về tình hình quốc tế hiện tại cần một sự đánh giá điềm tĩnh về những khát vọng và những năng lực của chúng ta, về những thiệt hại tiềm tàng và những lợi lộc có thể có. Một sự đánh giá rõ ràng các vấn đề này là quan trọng, độc lập với việc chúng ta làm gì về các cuộc đàm phán với PUWP hay WRONa; nó tạo thành vấn đề trung tâm cho tất cả các

chiến lược Ba Lan, kể cả chiến lược “trường chinh.” Chiến lược này dựa trên giả thiết rằng elite thống trị hầu như bắt lưc một cách kinh niên để học từ những kinh nghiệm sau chiến tranh của nó, rằng cuộc chiến tranh dừng giữa một xã hội dân sự được tổ chức và bộ máy quyền lực sẽ kéo dài. Giữa chừng, những thay đổi đáng kể có thể xảy ra ở Liên Xô, những thay đổi khó để dự đoán nhưng cũng khó để tính đến. Bất chấp những thay đổi như vậy, Ba Lan sẽ vẫn là tiêu điểm chính trị của mọi nhà nước Nga. Và những người Ba Lan sẽ phải tìm hiểu để có những quan hệ gì với bất cứ nhà nước nào như vậy. Nói cách khác, tôi đồng ý với ý kiến của Stefan Kisielewski [nhà văn chính trị] rằng bản thân nhân dân chúng ta phải tiếp cận vấn đề về các mối quan hệ Ba Lan-Nga. Tôi đồng ý rằng ngày nay điều này nhìn giống một ý nghĩ kỳ quặc. Nhưng nếu trở thành có thể, thì sự thiếu vắng một kế hoạch sẽ chứng tỏ là sự thiên cận một cách không thể tha thứ được. Không có chỗ ở đây để thảo luận nhiều khía cạnh của vấn đề này. Chúng ta hãy chỉ nhớ rằng như một xuất phát điểm cho một phân tích các quan hệ Ba Lan-Nga chúng ta có thể có cái nhìn khác vào mọi dung của các hiệp định Yalta, mà, trong khi đặt Ba Lan trong phạm vi ảnh hưởng chính trị-quân sự Soviet, để cho những người Ba Lan sự lựa chọn hệ thống chính phủ của họ. Hiệp định Yalta không quy định sự cai trị của PUWP, sự cai trị đó chỉ là hậu quả của khủng bố, các cuộc bầu cử gian lận, và việc Stalin vi phạm hiệp định.

Ý tưởng “trường chinh” phải giả sử sự cô lập của WRONa và PUWP hay sự mất tín nhiệm của hệ thống chính phủ hiện tồn cả trong con mắt của Liên Xô. Điều không thể tưởng tượng được và cản trở một sự xem xét lại cơ bản bản đồ chính trị của thế giới là, Liên Xô sẽ đơn giản bỏ rơi Ba Lan; điều có thể, tuy vậy, là PUWP sẽ trở nên hoàn toàn không đáng tin cậy, quân đội của nó không tin cậy được và dễ ngã theo binh biến, và một sự can thiệp vũ trang vào Ba Lan là quá đắt về mặt chính trị. Nhân dân Ba Lan phải chuẩn bị cho một tình huống có thể xảy ra như vậy. Nhưng tiếp tục kích động mạnh sự giận dữ chống-Soviet, bất lợi cho tư duy rõ ràng về các mối quan hệ Ba Lan-Nga, là một sai lầm vô nghĩa mà có thể dẫn thẳng đến tai họa. Chiến lược “trường chinh” đòi hỏi sự kiên định, chủ nghĩa hiện thực, và sự kiên nhẫn. Đây không phải là những sự tầm thường. Chúng xác định một cương lĩnh của hành động gian khổ, rủi ro, và thường không hiệu quả, đối mặt với sự đàn áp và chịu một ảo tưởng của công việc về cải cách kinh tế, hành chính, pháp lý, và giáo dục và về truyền bá cho công chúng một quan niệm về một “Ba Lan theo cải cách.” Mức nhận thức chung sẽ quyết định tính hiệu quả của những hoạt động này. Hơn bao giờ hết, nguyên lý về giáo dục quốc gia cơ bản phải tạo thành một phần của

chiến lược kháng cự này. Để trích một bài ca yêu nước, “Mỗi hộ gia đình sẽ là một pháo đài cho chúng ta.” Đây là vì sao hoàn toàn thiết yếu rằng chúng ta trình bày rõ ràng một cương lĩnh giống như cương lĩnh do PPN⁴ đưa ra vài năm trước, kêu gọi việc giáo dục xã hội cho mọi trẻ em. Diễn đạt nó một cách rộng hơn: là thiết yếu rằng một loại sách giáo lý vấn đáp dân sự được soạn thảo mà sẽ xác định các nghĩa vụ cơ bản ở Ba Lan thời quân luật. Chỉ có một định chế mà những kiến nghị của nó về những vấn đề này sẽ được nhân dân chấp nhận: Giáo hội Công giáo.

Giáo hội dưới Quân Luật

Nhiều đã được viết về Giáo hội Công giáo ở Ba Lan. Nên nhớ rằng vai trò của Giáo hội đã tăng rất nhiều. Giáo hội cả là một bên của xung đột hiện tồn giữa chính quyền và xã hội, lẫn là một nhà hòa giải trong xung đột đó. Giáo hội là một bên của xung đột bởi vì nó bày tỏ những khát vọng cơ bản của xã hội và nó là pháo đài hoạt động chính thức duy nhất của sự phản kháng của xã hội. Nhưng Giáo hội cũng là một nhà hòa giải, người xây các nhịp cầu hiểu biết giữa các nhà cai trị và những người bị trị. Ngay cả trước 13 tháng Mười Hai, 1981, triết gia và nhà thần học Cha Józef Tischner đã xác định vai trò của Giáo hội trên vũ đài chính trị như vai trò của một “nhân chứng,” không phải vai trò của một định chế chính trị. Nếu tôi hiểu đúng ý tưởng của ông, sự làm chứng này đã để đảm bảo tính chân thực của các thỏa thuận và của việc thực thi chúng dưới ánh sáng của các giá trị Kitô giáo cơ bản: sự thật, nhân phẩm, và sự hòa giải. Tôi đưa thêm vào danh sách này vai trò giảng dạy. Tôi nghĩ rằng là một nhận thức sai lầm để kỳ vọng từ Giáo hội một cương lĩnh chính trị. Tuy vậy, một loại sách giáo lý vấn đáp dân sự cho thời gian quân luật hợp hoàn toàn với lĩnh vực quan tâm của thầy tu cho tình trạng đạo đức của quốc gia. Sẽ là tự nhiên nếu các dự án cho một sách giáo lý vấn đáp như vậy được đưa ra cho thảo luận công hết như các luận đề của Hội đồng Giáo trưởng về một sự hiểu biết quốc gia đã từng được làm.

Tôi tin rằng sự phân biệt này giữa hoạt động chính trị và giáo dục là quan trọng, vì có mối nguy hiểm về trao cho Giáo hội những hy vọng mà nó không thể hoàn thành. Từ các tài liệu của Giáo hội nhân dân có thể

⁴ PPN, tức là, Liên minh Ba Lan vì Độc lập, đã là một nhóm trí thức những người vào cuối các năm 1970 đã đưa ra những phân tích về một số vấn đề chính trị quan trọng và phức tạp nhất. Nó đã là nhóm đối lập duy nhất đã không để lộ tên của các thành viên của mình.

chọn ra những thứ mà có vẻ đưa ra những đơn thuốc chính trị cụ thể, họ có thể tưởng tượng rằng họ nhìn thấy sự lãnh đạo tiềm tàng cho phe đối lập chính trị bên trong hội đồng giám mục, và cuối cùng khi đó họ có thể miễn trách cho chính họ về trách nhiệm trong niềm tin rằng các hoạt động của Giáo hội sẽ đáp ứng như một sự thay thế cho những hoạt động của riêng họ. Chúng ta hãy nói thêm rằng ngày nay Giáo hội phụng sự như một thầy giáo cho toàn bộ xã hội, và rằng vì thế sẽ là tai hại cho vài nhà hoạt động để thử chiếm đoạt uy quyền của Giáo hội. Cũng là đáng tiếc nếu các chương trình và các chiến thuật bị che giấu đằng sau mặt tiền của niềm tin và chủ nghĩa tượng trưng Công giáo. Và còn có thêm một thứ: Giáo hội là không thể sai lầm về các vấn đề giáo lý tôn giáo, nhưng nó có thể phạm những sai lầm như nó đã phạm trong quá khứ về đánh giá tình trạng của xã hội. Việc này có thể xảy ra ngày càng thường xuyên hơn với cá nhân các thầy tu. Vì thế, về vấn đề này, phải duy trì tinh thần phê phán thông thường có thể áp dụng được cho bất kỳ ý kiến con người nào về cuộc sống của xã hội.

Tôi thấy cái gì đó sai lầm trong tuyên bố được đưa ra bởi một thầy tu nổi tiếng ở Gdansk rằng thanh niên đương thời không cần “người cầm thạch” hay “người sắt.”⁵ Tôi tin rằng chúng ta cần những bộ phim như hai tác phẩm gây ấn tượng sâu sắc của Andrzej Wajda và cũng cần các đặc tính cứng rắn và không khoan nhượng mà Wajda đã trao cho các nhân vật chính của ông. Không phải những người giống họ là những người chúng ta phải sợ hôm nay mà đúng hơn [chúng ta phải sợ] các cá nhân có đầu gối và xương sống cao su. Tôi muốn đưa ra bình luận này bởi vì những mưu toan để tách Đoàn kết khỏi các giá trị và truyền thống được phản ánh trong các phim của Wajda có thể được dùng để chia rẽ phong trào phản kháng, để đe dọa bản chất đa nguyên của nó. Các hoạt động cụ thể của Giáo hội bảo vệ những người bị hại và bị làm nhục, giúp đỡ những người bị ngược đãi và gia đình họ, bảo vệ công khai sự thật và mối quan tâm cho sự bình yên xã hội là những thành tựu lớn trong đời sống quốc gia. Nhờ chúng, những sáng kiến lại được thực hiện, và những hòn đảo mới của sự tự trị hình thành giữa nhân dân. Bằng cách này, quốc gia đang trấn tĩnh lại sau cú sốc tháng Mười Hai. Phong trào phản kháng, với tất cả thái độ và hình thức

⁵ “Người Cầm thạch” (1978) là câu chuyện về một công nhân người trở thành anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa ở Ba Lan Stalinist. “Người Sắt” (1981) giới thiệu con trai của người công nhân đó đang trở thành lãnh đạo của phong trào đối lập ở Ba Lan của các năm 1970. Cả hai phim đều do Andrzej Wajda làm.

khác nhau của nó, đang được tái sinh. Và Giáo hội đang lại mở rộng chiếc ô bảo vệ của nó trên phong trào này.

Bóng ma của Người bị Âm ảnh

Sự chống đối ngầm sẽ không bao giờ thỏa mãn tất cả nhu cầu của xã hội cho một phong trào phản kháng. Nó chỉ có thể là một phần của phong trào này, và lợi ích quốc gia đòi hỏi chúng ta tìm kiếm một mẫu số chung cho các loại hoạt động khác nhau, những tính khí khác nhau, và các mô hình liên quan khác nhau cho tổ quốc chúng ta. Phong trào phản kháng phải dạy quyền tự do và dân chủ. Đặc tính của phong trào sẽ xác định đặc tính của Ba Lan khi nó nổi lên từ trạng thái chiến tranh. Nhưng cái bóng của “người bị âm ảnh” của tiểu thuyết của Dostoyevski hiện ra lù lù trên mọi phong trào phản kháng ngầm. Mọi âm mưu đều phá hoại đạo đức. Tinh thần của một giáo phái sử dụng một ngôn ngữ của riêng nó, dựa trên các nghi lễ kết nạp, trên các chiến thuật mà mọi thứ lệ thuộc vào, trên một thái độ công cụ đối với sự thật, và trên sự bất chấp bất kể giá trị nào mà không phải là chính trị, hưng thịnh trong đáy lòng của nó. Có một kiểu nhà hoạt động-âm mưu đơn nhất, mà các đặc tính của người đó biến anh ta thành hữu ích trong sự chống đối ngầm như chúng là nguy hiểm về sau. Một nhà hoạt động như vậy phải đưa ra các quyết định độc đoán, phải không tin những người mới đến và những người lạ. Một tinh thần dân chủ không phải là một trong những đức hạnh đòi hỏi bởi một sự âm mưu; chủ nghĩa đa nguyên không phải là kiểu được nó ưa thích. Sự chống đối ngầm cô lập người dân khỏi mùi vị của đời sống hàng ngày, bóp méo các triển vọng, sinh ra chủ nghĩa tuyệt đối và sự bất khoan dung nguy hiểm. Âm mưu đòi hỏi sự bất tuân đối với kẻ thù và sự tuân lệnh đối với mệnh lệnh trung tâm bí mật. Nó tuyên bố sự bình đẳng nhưng bên trong bản thân nó đòi sự lệ thuộc theo thứ bậc. Âm mưu phát triển mạnh trên tinh thần của Mani giáo (Minh giáo): “Ai không với chúng ta là chống lại chúng ta.” Nó được tạo ra để đấu tranh chống sự áp bức cảnh sát, nhưng đối với cảnh sát nó trở thành trận địa lý tưởng để hoạt động. Lực lượng cảnh sát nở rộ trong một đụng độ với sự chống đối ngầm: nó thâm nhập vào, bày ra các cuộc khiêu khích. Không có sự chống đối ngầm, cảnh sát chính trị sống một cuộc sống thất vọng, nhưng khi âm mưu tồn tại cảnh sát trở thành một quyền lực, một nhà nước bên trong nhà nước. Đôi khi cảnh sát trở thành một nhà nước có chủ quyền bên trong một nhà nước không có chủ quyền.

Các hoạt động cảnh sát tập trung vào sự khiêu khích tạo ra một loại hysteria (chứng cuồng loạn) chống-khiêu khích trong thế giới ngầm. Đòi

khi tình cờ rằng sự điều tra được tiến hành bởi phản gián ngầm thay thế cho sự phân tích các quá trình xã hội. Một chế độ toàn trị thấy bàn tay của kẻ thù ngầm của nó trong mọi cuộc khủng hoảng; sự chống đối ngầm chống toàn trị bắt đầu thấy rõ sự dính líu của các đặc vụ cảnh sát ẩn nấp trong mọi trường hợp của các thất bại của nó. Đây là những mối nguy hiểm đi cùng sự chống đối ngầm. Đây là cái những kẻ thù chính trị và tư tưởng của âm mưu viết về nó. Đây có lẽ là vì sao những nhận xét như vậy hiếm khi được chấp nhận một cách vui lòng. Người âm mưu lý tưởng hóa sự chống đối ngầm, điều không ngạc nhiên, nhưng đây chính xác là vì sao anh ta phải liên tục được nhắc nhở rằng không phải sự khủng bố cảnh sát là cái sẽ gây ra sự thất bại thật, mà là sự thờ ơ không thân thiện của xã hội. Một sự chống đối ngầm mà bị tách rời khỏi cơ sở tất phải trở nên thoái hóa và yếu.

Những cơ chế này, mà kẻ thù nhận biết dễ dàng và vui vẻ khai thác, là dễ thấy hơn từ bên ngoài. Nhưng khi tôi lại ở trong phong trào chống đối ngầm, khi tôi lại trở nên bận rộn với việc tránh con mắt của đặc vụ, với việc tổ chức một cuộc họp đó, với việc viết tờ rơi cá biệt đó, tôi cũng sẽ quên tất cả điều này, tôi sẽ trở nên mù quáng đối với những hiểm họa này. Tôi sẽ không có năng lực, thời gian, và sự can đảm để biết về chúng, để phân tích và mô tả chúng. Đây là vì sao tôi viết về chúng hôm nay, khi tôi ngồi an toàn đằng sau các song sắt ở Bialoleka.

Một Chút Phẩm giá

Phong trào chống đối ngầm phải biết làm thế nào để diễn giải các nhu cầu của xã hội và tìm ra các công cụ linh hoạt để thỏa mãn chúng. Nó phải hấp dẫn đối với nhân dân và nó phải là thiết yếu đối với họ. Những điều này là những lời nói nhảm; để giữ vững chúng, tuy nhiên, chúng ta phải làm rõ cho bản thân chúng ta và cho những người khác rằng, là không thực tế để tính đến một sự quay trở lại tình trạng trước ngày 13 tháng Mười Hai 1981, để tính đến một chiến thắng ngoạn mục, với đức hạnh được tưởng thưởng và thói xấu bị trừng phạt. Đoàn kết ngầm phải không tìm cách trả thù, mà đúng hơn tìm một sự lựa chọn dân chủ thay thế. Dân chủ là một giải pháp không dễ, cũng chẳng không rắc rối. Nó sinh ra trong đau đớn, được củng cố trong xung đột; nó chỉ cho thấy các đức hạnh của nó sau thời gian dài. Đây là vì sao chúng ta không được hứa bầu trời cho chính chúng ta và cho những người khác, vì nó không phải là một giải pháp ngay lập tức và dứt khoát cho những rắc rối của Ba Lan đang chờ đợi chúng ta, mà

chỉ là rủi ro, công việc cực nhọc, và sự thất vọng. Đây thường là giá của tự do.

Có vẻ đối với tôi rằng phong trào chống đối ngầm ngày nay không cần các nguyên tắc đạo đức và các cấu trúc tổ chức của một quân đội hay của một đảng loại Leninist. Cái nó cần là mối liên kết của những mục đích chung và sự đoàn kết trong hành động. Và sự tôn trọng cá nhân. Và sự tán thành đa nguyên. Có vẻ đối với tôi rằng phong trào chống đối ngầm không được hứa hẹn một thế giới không có xung đột. Tôi nghĩ rằng nó phải gợi ý một cương lĩnh hành động thực tiễn cho cải cách, một cương lĩnh cho sự tự vệ xã hội, những sự tiếp xúc với văn hóa thực và các giá trị văn hóa, sự tham gia vào đời sống dân sự và trí thức đích thực. Cộng thêm một chút phẩm giá, một chút tình anh em. Và một hơi thở hàng ngày của sự thật. Của sự thật mà mọi sự thỏa hiệp đều là tạm thời, mà mọi giải pháp chính trị đều là hão huyền. Bởi vì, như một triết gia đã viết, trừ đối với người chết, tất cả các giải pháp đều là hão huyền. Đây là cái tôi nghĩ.

Hãy để tôi kết thúc với một suy ngẫm cá nhân. Sự dính líu vào chính trị trong một chế độ độc tài toàn trị luôn luôn giao động giữa hai động cơ thúc đẩy của con người: những nhu cầu về bằng chứng đạo đức và về tính toán chính trị. Nếu sự dính líu mất một trong những động cơ thúc đẩy này, nó trở thành hoặc sự răn dạy không hiệu quả hay sự lôi kéo vô đạo đức. Cả hai là nguy hiểm, nhưng cả hai, trong một chừng mực, là không thể tránh khỏi. Để đi vào hoạt động ngầm người ta phải từ bỏ tính ổn định nghề nghiệp và cuộc sống gia đình. Người ta phải tính đến khả năng bị tù và cô đơn. Người ta phải bước ra bên ngoài tính hợp pháp, bằng cách ấy từ bỏ những quan tâm chiến thuật và chính trị để ủng hộ một sự lựa chọn đạo đức cơ bản. Nhưng để có hiệu quả trong sự chống đối ngầm, người ta phải lập đi lập lại từ bỏ những quan tâm đạo đức cho những quan tâm chính trị. *La politique d'abord* (Chính trị trước tiên)! Khó để tranh luận với điều này. Đây là vì sao tôi tin rằng sự chống đối ngầm cũng cần những người mà đối với họ bằng chứng đạo đức là có giá trị hơn tính hiệu quả chính trị, những người mà không coi sự chống đối ngầm như một trường học cho những người đòi là elite quyền lực tương lai, những người mà hiểu rằng sự dính líu chính trị của họ sẽ kết thúc trong thời kỳ “bình thường” khi một sự chống đối ngầm sẽ không còn cần thiết, những người mà tuyên bố rằng thời kỳ “bình thường” sẽ đòi hỏi các phẩm chất khác, các đặc tính khác, những tài năng khác với của chính họ.

Đây là những suy nghĩ của tôi ở Bialoleka sau hai mươi tuần đầu của cuộc chiến tranh kỳ lạ nhất này trong tất cả các cuộc chiến tranh Ba Lan.

P.S. Một số tiếng nói trong thảo luận xảy ra trong báo chí nghiệp đoàn ngầm đã đến với tôi sau khi tôi đã viết văn bản này. Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận ra sự giống nhau của nhiều nhận xét của tôi với các luận điểm của các bài báo đó. Những tư tưởng mà có vẻ gần nhất với của tôi, tuy chúng khác một chút giữa bản thân chúng, trong khi vẫn giống về các dòng tư tưởng chính, là những tư tưởng của Zbigniew Bujak, Wiktor Kulerski, và Zbigniew Romaszewski [các lãnh đạo của phong trào chống đối ngầm].

Tháng Năm, 1982

Một bức Thư gửi Tướng Kiszczak 1983

Adam Michnik

Từ: Adam Michnik, con trai của Ozjasz
37 Đường Rakowiecka, Warsaw;
Đang bị giam giữ điều tra.
10 tháng Mười Hai 1983.

Gửi: Bộ Nội Vụ
Tướng Czeslaw Kiszczak,
Warsaw.

Tôi đã nhận được thư của ông; ông Rzewuski, và tôi đã thảo luận kỹ lưỡng về ý nghĩa của nó trong thời gian dài, tự hỏi liệu tôi có nên trả lời nó hay không. Một người tử tế, tuy vậy, không che giấu ý những nghĩ của anh ta, coi khinh sự đê tiện là nguyên tắc của anh ta, và đây là cách tôi sẽ đối xử với ông bây giờ, thưa Ngài. Với tư cách một công dân, tôi không có khả năng theo lời khuyên của ông, mà làm ra vẻ được tình yêu tự do gây cảm hứng nhưng bị làm méo mó bởi nhiều sự dối trá và dựa vào lực lượng nước ngoài. Những người vì tính kiêu căng và tư lợi của chính mình đã dám bán máu của đồng bào họ là một điều ô nhục đối với dân tộc họ và là những kẻ phản bội tổ quốc họ. Đây là cách tôi nghĩ về ông, thưa Ngài. (Từ một bức thư của Hoàng tử Józef Poniatowski gửi cho Hetman Seweryn Rzewuski, một thành viên của Targowica.)¹

Vào đầu tháng Mười Một, tôi đã đầy phần nộ với ứng xử của các nhân viên của bộ ông, tôi đã gửi khiếu nại cho ông. Trong thư khiếu nại đó tôi đã lưu ý ông đến sự bần tiện của các hành động của họ, mà đã gồm việc tịch thu các sổ nhỏ của tôi mà tôi đã mang theo mình với sự cho phép của công tố viên, tước đoạt việc đi bộ thêm hàng ngày của tôi được các bác sĩ của tôi khuyên, và đe dọa tôi bởi vì thông tin nào đó được radio phương Tây truyền đi. Không phải là bí mật đối với bất kỳ tù nhân nào trong Sảnh Điều tra thứ Ba tại nhà tù Mokotów rằng các hành động đàn áp được thực hiện theo lệnh từ ngành an ninh. Tên người cũng không bí mật, thí dụ, thủ

¹ Theo sự xúi giục của Nữ hoàng Nga Catherine Đại đế, một số quý tộc Ba Lan đã lập ra Liên minh Targowica trong năm 1792. Tiếp sau nó đã là Sự chia cắt thứ Hai của Ba Lan với các phần của đất nước được hợp nhất vào Nga và Phổ. Như thế tên địa lý Targowica đã trở thành đồng nghĩa với sự phản bội dân tộc.

trưởng tại chỗ của họ là Đại tá Tamborski từ Bộ Nội Vụ. Trong thư của mình tôi đã viện dẫn đến các tiêu chuẩn danh dự mà buộc tất cả những người văn minh và cảm sự đối xử xấu với các đối thủ chính trị bị tù và không được phòng thủ. Vài ngày sau tôi đã hỏi một trong những người đến thăm tôi để kiểm tra với văn phòng của ông xem ông đã nhận được thư của tôi chưa. Tôi hết sức ngạc nhiên về việc ông đã bảo người này rằng vượt quá năng lực của ông để kiểm chế các hành động của các thuộc cấp của ông. Ông tuyên bố bản thân ông bất lực để trả lại các cuốn sổ của tôi cho tôi. Ông đã có quyền lực, tuy vậy, để ngăn cản tôi với một sự lựa chọn hơi kỳ lạ rằng hoặc tôi nghỉ Noel tới ở Côte d'Azur hoặc khác đi tôi sẽ đối mặt với việc xử án và nhiều năm trong tù. Ông cũng đã đảm bảo với tôi rằng sau phiên xử đó, một khi “các nhà chức trách đã căn rặng cam chịu điều đó,” thì sẽ là quá muộn đối với tôi để rời khỏi nước. Bằng cách ấy tôi được biết rằng bộ trưởng bộ nội vụ Ba Lan thấy khó hơn để kiểm chế tính hiểm độc của các đặc vụ an ninh quá hăng hái so với việc tiên đoán bản án mà một tòa án quân sự sẽ đưa ra đối với tôi, và rằng, ngoài ra, ông thậm chí có thể đưa ra lời mời chào hào phóng về một đợt nghỉ mát ở Côte d'Azur.

Linh hồn ông rộng rãi như thảo nguyên Ukraina, thừa Đại tướng. Để đáp lại ân huệ của ông, hãy cho phép tôi theo ông Zagloba² để biểu ông ngai vàng Hà Lan. “Vương quốc Hà Lan, Vua Kiszczak đệ Nhất”: Ông không thấy các chức danh này đẹp ư?

Khi vào đầu tháng Mười Một tôi đã đọc trong báo đảng, *Trybuna Ludu*, tuyên bố của Jerzy Urban rằng tôi có thể được tự do chỉ nếu tôi rời Ba Lan, tôi đã phản ứng cứ như đây đã là một trò đùa khác của nhà bình luận có tài này, người đã làm hại hết sức trầm trọng khi được bổ nhiệm làm người phát ngôn chính phủ của Cộng hòa Nhân dân Ba Lan. Có lẽ ông ta không làm hại nhiều cho chính phủ của Tướng Jaruzelski vì sẽ khá khó để làm hại uy tín của nó thêm nữa ở Ba Lan hay ở nước ngoài. Nhưng ông ta đã gây ra nhiều thiệt hại cho bản thân ông ta bằng việc trình bày những nhận xét dí dỏm như vậy từ *Szpilki* [tạp chí trào phúng nơi Urban đã làm việc] như những đề xuất đáng xem xét nghiêm túc. Chưa đầy một tháng trước đó, trong tháng Mười, Jerzy Urban đã trấn an công chúng rằng các tù nhân chính trị “được giam tách biệt và không cùng với những người phạm tội thông thường.” Hãy hình dung trong sự ngờ nghệch hoàn toàn của tôi, tôi đã coi tuyên bố này một cách nghiêm túc và đòi rằng tôi được đưa vào một xà lim với các tù nhân chính trị khác, vì tôi bị giam với các thường

² Ông Zagloba, tuy là một nhân vật châm biếm, là một trong những nhân vật chính của tác phẩm nổi tiếng Trilogia (Bộ Ba) của Henryk Sienkiewicz (1884-1888).

phạm. Nhưng ông trưởng nhà tù, Thiếu tá Andrzej Nowacki, và sau ông, trưởng của Tòa án Quân sự Warsaw, Đại tá Wladyslaw Monarcha, đã rất tốt để giải thích cho tôi rằng Urban không biết những gì ông ta nói về và không biết các quy định. Như thế, suốt từ việc rắc rối đó tôi đã coi lời phát biểu của người phát ngôn của Tướng Jaruzelski như những mẩu chàm biếm và với tư cách như vậy, tôi thường thấy chúng khá tiêu khiển (tôi sẽ giới thiệu, thí dụ, ý kiến của người phát ngôn về Lech Walesa như là đặc biệt khôi hài). Cũng theo tinh thần này tôi đã đọc những nhận xét của ông ta về khả năng mua quyền tự do bằng cách rời khỏi nước. Lời mời chào của ông về một dịp nghỉ Noel ở Côte d'Azur, tuy vậy, đã khiến tôi xem xét lại tầm quan trọng của những lời đề nghị khác thường này.

Tôi viết lá thư này chỉ nhân danh riêng cá nhân tôi, nhưng tôi có lý do để tin rằng hàng ngàn người ở Ba Lan sẽ đồng ý với tôi.

Tôi đã rút ra kết luận rằng đề xuất của ông cho tôi có nghĩa rằng:

1. Ông thừa nhận rằng tôi đã chẳng làm gì mà sẽ cho quyền văn phòng công tố viên tuân thủ luật buộc tội tôi về “việc chuẩn bị lật đổ chính phủ bằng vũ lực” hay “làm suy yếu năng lực phòng thủ của nhà nước” hoặc mà sẽ cho quyền tòa án tuân thủ luật tuyên bố tôi phạm tội.

Tôi đồng ý với điều này.

2. Ông đã thừa nhận rằng bản án của tôi đã được quyết định lâu trước khi mở phiên xử tôi.

Tôi đồng ý với điều này.

3. Ông thừa nhận rằng bản cáo trạng được viết bởi một công tố viên phục tùng mệnh lệnh và bản án được tuyên bố bởi một ban bồi thẩm phục tùng mệnh lệnh sẽ là hết sức vô nghĩa đến mức chẳng ai sẽ bị đánh lừa và rằng chúng sẽ chỉ mang lại vinh dự cho kẻ bị kết án và sự hổ thẹn cho những người kết án.

Tôi đồng ý với điều này.

4. Ông thừa nhận rằng mục đích của các thủ tục pháp lý không phải là để thực thi công lý mà để giải thoát chính quyền khỏi các đối thủ chính trị gây bối rối.

Tôi đồng ý với điều này.

Từ đây trở đi, tuy vậy, tôi bắt đầu không đồng ý. Vì tôi tin rằng:

1. Để thừa nhận sự bất chấp của người ta đối với luật một cách công khai đến vậy, người ta phải là một kẻ ngu xuẩn.

2. Để mời chào một kẻ, bị giam trong tù cho thời hạn hai năm, đi nghỉ ở Côte d'Azur để đổi lấy sự tự sát đạo đức của hắn ta, người ta phải là một con lợn.

3. Để tin rằng tôi có thể chấp nhận một kiến nghị như vậy là đi tưởng tượng rằng mọi người đều là một cộng tác viên của cảnh sát.

Tôi biết rất kỹ, thưa Đại tướng, vì sao các ông cần sự ra đi của chúng tôi: như thế các ông có thể bôi nhọ chúng tôi trong các báo của các ông với sinh lực tăng gấp đôi như những người cuối cùng đã cho thấy bộ mặt thật của họ, những người đầu tiên đã thực hiện các lệnh của nước ngoài và sau đó đã được thưởng bằng sự xa hoa tư bản chủ nghĩa. Như thế các ông có thể cho cả thế giới thấy rằng các ông là các nhà tự do cao thượng và chúng tôi là những kẻ đê tiện nhu nhược. Như thế các ông có thể nói với nhân dân Ba Lan: hãy xem, ngay cả họ đã từ bỏ, ngay cả họ đã mất niềm tin vào một Ba Lan dân chủ và tự do. Để cho, trên mọi thứ khác, các ông có thể cải thiện hình ảnh của các ông trong con mắt của chính các ông; như thế các ông có thể tuyên bố với sự nhẹ nhõm: rốt cuộc họ không tốt hơn chúng tôi. Bởi vì chính ý tưởng rằng có những người liên tưởng Ba Lan không với một ghế bộ trưởng mà với một xà lim nhà tù, những người ưa nghỉ Noel dưới sự bắt giữ hơn một kỳ nghỉ ở miền nam nước Pháp, làm bối rối các ông một cách sâu sắc.

Các ông không thể tin rằng có những người như vậy. Đây là vì sao, trong bài phát biểu gần đây nhất của ông tại Quốc hội, ông, thưa Đại tướng, trong sự nhót nhúa của những sự buộc tội của ông, đã chìm xuống mức của tác giả kinh điển Ba Lan đó trong hình thức nghệ thuật này, Stanislaw Radkiewicz.³ Đây là vì sao, ngay cả giữa các ông với nhau, ông gọi chúng tôi là các nghệ sĩ lừa bịp lớn (bởi vì chúng tôi được cho là nhận được các chỉ thị và tiền từ tình báo Hoa Kỳ) hoặc là những kẻ ngu xuẩn lớn, “những kẻ cuồng tín” (bởi vì chúng tôi thà ngồi trong tù hơn là đi dạo trên các đại lộ Paris). Chắc chắn, không một ai trong các ông đoán đo một giây nếu đối diện với một lựa chọn như vậy.

Ông không thể nghĩ về chúng tôi theo cách khác bởi vì, việc làm như thế, dù chỉ trong một phần của giây ông sẽ không tránh khỏi buộc phải tìm hiểu sự thật về chính ông. Sự thực rằng ông là con lợn ô nhục, thích thù oán; sự thật rằng cho dù đã từng có một tia tử tế trong trái tim các ông, các ông đã chôn cảm giác này từ lâu trong cuộc tranh giành quyền lực tàn bạo và bẩn thỉu mà các ông tiến hành giữa các ông với nhau. Đây là vì sao, những kẻ vô lại các ông lại muốn kéo chúng tôi xuống mức của chính các ông.

³ Stanislaw Radkiewicz, khét tiếng vì tính tàn bạo và nhẫn tâm, đã là một bộ trưởng công an ở Ba Lan Stalinist.

Phải, tôi sẽ từ chối cho ông khoái cảm đó. Tôi không thể đoán tương lai và tôi không có ý tưởng nào liệu tôi vẫn còn sống để thấy sự thắng lợi của sự thật đối với sự giả dối và sự thắng lợi của Đoàn kết đối với chế độ độc tài chống công nhân hiện tại này hay không. Điểm quan trọng, thưa Đại tướng, đối với tôi là, giá trị của cuộc chiến đấu của chúng tôi nằm không ở các cơ hội chiến thắng của nó mà đúng hơn ở giá trị của sự nghiệp. Hãy để cử chỉ từ chối nhỏ này của tôi là một sự đóng góp nhỏ cho ý nghĩa của danh dự và phẩm giá trong đất nước này mà đã trở nên nghèo nàn hơn mỗi ngày. Đối với các ông, các nhà buôn quyền tự do của những người khác, hãy để nó là một cái vả vào mặt.

Đối với tôi, thưa Đại tướng, nhà tù không phải là một sự trừng phạt đau đớn như vậy. Vào đêm tháng Mười Hai đó, không phải tôi là người đã lên án mà là quyền tự do; đã không phải tôi là tù nhân bị giam giữ hôm nay mà là Ba Lan.

Đối với tôi, thưa Đại tướng, sự trừng phạt thật sự sẽ là, nếu theo lệnh của ông tôi đã phải làm gián điệp, phát một dùi cui, bắn các công nhân, thẩm vấn các tù nhân, và đưa ra các bản án ô nhục. Tôi hạnh phúc thấy mình ở bên đúng, giữa các nạn nhân và không phải giữa những kẻ đối xử tàn nhẫn. Nhưng tất nhiên ông không thể hiểu điều này: nếu không thì ông đã không đưa ra những đề xuất ngu xuẩn và đòi bại như vậy.

Trong đời sống của mọi người ngay thẳng có thời khắc khó khăn, thưa Đại tướng, khi tuyên bố đơn giản cái này là đen và cái kia là trắng đòi hỏi sự trả giá cao. Có thể mất mạng trên sườn dốc của Thành, ở đằng sau hàng rào dây thép gai của Sachsenhausen, ở đằng sau các song sắt của nhà tù Mokotów. Vào lúc như vậy, thưa Đại tướng, mối lo của một người tử tế không phải là cái giá anh ta sẽ phải trả mà là chắc chắn rằng trắng là trắng và đen là đen. Người ta cần lương tâm để xác định điều này. Diễn giải lời nói của một trong những nhà văn lớn của lục địa chúng ta, tôi muốn gợi ý rằng việc đầu tiên ông cần biết, thưa Đại tướng, cái gì là việc có lương tâm con người. Có thể là mối đối với ông rằng có hai thứ trên thế giới, cái xấu và cái tốt. Có thể ông không biết rằng nói dối và lảng mạ là không tốt, rằng phản bội là xấu, bỏ tù và giết người còn xấu hơn. Đừng lo rằng những thứ như vậy có thể là thiết thực, chúng bị cấm. Đúng, thưa Đại tướng, bị cấm. Ai cấm chúng? Đại tướng, ông có thể là bộ trưởng nội vụ mạnh, ông có thể có sự ủng hộ của cường quốc trải từ sông Elbe đến Vladivostok và của toàn bộ lực lượng cảnh sát của nước này, ông có thể có hàng triệu kẻ chỉ điểm và hàng triệu đồng zloty để mua súng, súng phun nước, các dụng cụ nghe lén, những cộng tác viên, những kẻ chỉ điểm, và những nhà báo đê

tiện; nhưng cái gì đó vô hình, [như] khách qua đường trong bóng tối, sẽ xuất hiện trước ông và nói: việc này ông không được làm.

Đó là lương tâm.

Tôi chắc chắn rằng bức thư này đối với ông sẽ có vẻ là một bằng chứng nữa về sự ngu đần của tôi. Ông đã quen với sự cầu xin hèn hạ, với những báo cáo cảnh sát và những tố giác của những kẻ chỉ điểm. Và ở đây vẫn có một người hoàn toàn nằm trong tay ông, người bị các công tố viên của ông quấy rầy, người sẽ bị các thẩm phán của ông kết án, và người dám giảng cho ông về lương tâm.

Láo xược đến thế nào!

Tuy vậy, ông không còn có thể làm tôi ngạc nhiên nữa. Tôi biết rằng tôi sẽ phải trả cái giá đắt cho bức thư này, rằng các thuộc cấp của ông bây giờ sẽ thử làm sáng tỏ cho tôi về dải dây đủ của những khả năng của hệ thống nhà tù ở nước này mà đang xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Nhưng tôi cũng biết rằng tôi chắc chắn đúng.

Đây là vì sao tôi không xin ông ân huệ nào. Trừ một ân huệ: Tôi xin ông hãy nghĩ lại. Không phải về số phận của tôi, bởi vì tôi hy vọng chịu được bất cứ ý tưởng mới nào mà các đại tá và các thiếu tá của ông có thể nghĩ ra.

Hãy nghĩ về chính bản thân ông. Khi ông ngồi vào bữa tối Noel, hãy nghĩ một lát rằng ông sẽ phải chịu trách nhiệm về các hành động của ông. Ông sẽ phải giải trình vì việc vi phạm luật. Những người đã phải đau khổ và bị làm nhục sẽ biểu ông một sự thanh toán. Nó sẽ là thời khắc ác nghiệt đối với ông.

Tôi hy vọng rằng vào thời khắc đó ông sẽ tìm được cách để giữ phẩm giá cá nhân của ông; và tôi chúc ông sự can đảm. Đừng thử giải tội cho mình, giống như các đồng nghiệp của ông từ các chính phủ tiền nhiệm của ông, với luận điệu rằng ông đã chẳng biết gì, bởi vì những lời bào chữa như vậy không tranh thủ được sự thương hại ông mà là sự khinh rẻ ông.

Về phần mình, tôi hy vọng khi sinh mệnh của ông bị nguy hiểm, tôi sẽ có khả năng xuất hiện kịp thời để giúp ông như tôi đã làm ở Otwock khi tôi đã giúp sinh mệnh của vài thuộc cấp của ông, rằng tôi sẽ có khả năng đặt bản thân tôi một lần nữa ở bên của các nạn nhân và không phải ở bên của những người gây ra nạn nhân.⁴ Dù là, về sau, ông lại lần nữa phải ngạc

⁴ Vào ngày 8 tháng Năm 1981, một đám đông thử hành hình một cảnh sát và đốt đồn cảnh sát ở Otwock gần Warsaw và đã được làm nguôi đi bởi sự can thiệp đầy kịch tính của Michnik. Câu nói mở đầu bây giờ trở nên nổi tiếng của ông đã là: “Hãy nghe tôi, tên tôi là Adam Michnik và tôi là một Lực lượng Chống Xã hội chủ nghĩa.”

nhiên về tính ngu đần không thể sửa được của tôi và quyết định nhốt tôi vào nhà tù lại lần nữa.

VỀ CÁC CUỘC BẦU CỬ 1984

Adam Michnik, con trai của Ozjasz
Warsaw, Đường Rakowiecka, Nhà tù Điều tra
Sảnh 3, Khu 2, xà lim số 11

Tuyên bố

Vì sao những người cộng sản cần các cuộc bầu cử hội đồng Nhân dân thành phố này?

Để chọn các ủy viên hội đồng mới? Không, cho việc này họ không cần các cuộc bầu cử.

Để thuyết phục ai đó rằng họ đã có được sự ủy nhiệm của xã hội cho các hành động của họ? Không. Không ai, ngay cả các bà vợ của họ cũng không tin điều này.

Để làm ra vẻ với Moscow và phương Tây rằng tình hình Ba Lan đã ổn định? Không. Các cuộc biểu tình tháng Năm vừa qua đã phá hoại tất cả các kế hoạch như vậy. Moscow có những kênh thông tin tốt hơn, và phương Tây đã chưa trở nên hoàn toàn ngu dân đến vậy để tin điều này. Như thế có lẽ họ đã làm việc đó để tìm ra cho chính họ rằng họ đã xoay xở để hãm dọa được bao nhiêu người? Không. Ngay cả họ không thể nhận được dữ liệu thực. Kết quả của sự bỏ phiếu sẽ luôn luôn bị gian lận, chúng luôn luôn ở mức của các ủy ban bầu cử. Họ có lý do khác để tổ chức các cuộc bầu cử này. Chiến dịch “bầu cử” là giai đoạn tiếp theo của chu trình được [phó thủ tướng] M. F. Rakowski gọi là “phá xương sống đạo đức.”

Điều đó cũng là ý nghĩa của “cuộc chiến tranh thánh giá.”¹ Một cây thánh giá được treo trên tường không hạ thấp năng suất hay phá rối sự cân bằng quyền lực ở châu Âu. Như thế vì sao mà một chính phủ không có khả năng cung cấp cho những người Ba Lan thuốc men, bút tất, hay sườn lợn lại thấy có thời gian và nguồn lực cho cuộc chiến tranh kỳ cục này với xã hội (bởi vì đây là cuộc chiến tranh với xã hội và không phải với giới tăng lữ) vì biểu tượng này về sự đau khổ và sự cứu thế? Chúng luôn luôn có cùng mục tiêu. Bằng cách tước người dân mất thánh giá, chúng có ý định bẻ gãy, làm nhục, và làm tha hóa người dân. Bỏ tù những người không muốn làm tay sai (luật sư Maciej Bednarkiewicz và nhà văn Marek

¹ Trong tháng Mười Hai 1983, chính phủ đã ra lệnh hạ tất cả các thánh giá từ các bức tường của các trường học, các bệnh viện, và các định chế công khác. Giữa các cuộc xung đột xảy ra sau đó, xung đột nguy cấp nhất đã xảy ra ở Mietne (gần Garwolin), nơi một trường trung học đã bị đóng cửa.

Nowakowski), lục soát các nhà ở tìm các sách xuất bản ngầm, giải tán các hiệp hội sáng tạo, tấn công các luật sư tử tế, vi phạm tính tự trị của Đại học Warsaw, tất cả những hành động đó phục vụ mục đích này. Và một trò hề bầu cử được dùng để rút ra một cử chỉ lễ nghi về sự quy lụy, mà gồm có sự tham gia vào một nghi lễ rõ ràng lộ bịch.

Trong một cuốn sách dành cho nghiên cứu động vật, Vitus Droescher đã mô tả các tập quán của khí đầu chó. Ông đã mô tả lễ nghi bày tỏ sự tôn kính có thứ bậc: “khí bày tỏ sự tôn kính cấp trên của mình nó nghiêng không phải đầu mình mà nghiêng phần phía sau của nó, mà đôi khi nó chuyên lên chính mũi nó. Việc này, tuy vậy, không có nghĩa: anh có thể hôn của tôi, mà, ngược lại, biểu thị sự lệ thuộc cuối cùng, một sự mời gọi giao hợp.” Như thế chúng ta được cho là giống những con khí đầu chó: bất cứ ai đi đến hòm phiếu thực hiện một cử chỉ nô lệ như vậy. Người đó sẽ nói với đại tướng: ông có thể giao cấu tôi. Cho dù đây là lý do duy nhất cho việc không bỏ phiếu, là đủ.

Một sự tẩy chay sẽ không đáp ứng mục đích nào. Nó sẽ không ảnh hưởng đến các hoạt động của những người cộng sản. Nó sẽ không thông báo cho công luận về quy mô của sự đối lập. Những người cộng sản, mặc dù tất cả hiểu biết hạn chế của họ, đã có được một số kinh nghiệm trong việc gian lận các kết quả bầu cử. Không có lý do nào để kỳ vọng họ thay đổi các thói quen của họ. Họ đã có một cơ hội để khám phá ra cái những người Ba Lan muốn trong thời gian cuộc viếng thăm của Giáo hoàng năm 1983.

Một sự tẩy chay các cuộc bầu cử, nhìn từ quan điểm chính trị toàn cầu, sẽ là vô nghĩa. Trong cuộc sống của mỗi người Ba Lan, tuy vậy, đây sẽ là một hành động quan trọng. Mọi người tham gia [tẩy chay] sẽ cứu phẩm giá của mình.

Chúng ta đã chịu thua sự sợ hãi đủ lâu, khi chúng ta vội vã đến các quầy bỏ phiếu và đứng khúm núm trong hàng, đáp lại những lời kêu gọi của Bierut và Gomulka, và của Gierek và Jaroszewicz. Chúng ta đã biện minh chủ nghĩa cơ hội này một cách hèn nhát với những lời giải thích phức tạp: rằng đã vì sự an toàn và phúc lợi của con cái chúng ta. Rồi hóa ra rằng con cái chúng ta thích có các cha mẹ là những người bảo hộ ít hơn và tử tế hơn.

Wojciech Jaruzelski đã nói gần đây rằng nhân dân Ba Lan đang sống vượt xa hơn khả năng của họ. Có một chút sự thật trong đấy. Việc chịu đựng sự cai trị của nhóm hiện hành đúng là vượt quá khả năng của những người Ba Lan. Những người này sẽ có khả năng làm phá sản một nước thịnh vượng hơn nước chúng ta rất nhiều và sau đó gọi các việc làm của họ

là một phép màu kinh tế. Danh sách dài về những sự bịp bợm của họ hợp với một hình mẫu logic gây kinh hãi. Đó là một danh sách các hoạt động mà xác nhận quốc gia như một tù nhân và bản thân họ như các cai ngục.

Tôi biết quá kỹ các cơ chế dính líu đến vai trò của tù nhân, và tôi đối xử với các cai ngục trên cơ sở hàng ngày. Ngoài ra, tôi có một lý do đặc biệt, cá nhân để bày tỏ ý kiến của tôi về vấn đề này. Những người cộng sản chọn việc lợi dụng cả tôi nữa trong chiến dịch bầu cử của họ. Họ đã quyết định trả tự do cho nhóm được gọi là Đoàn kết Mười một [mười một nhà lãnh đạo Đoàn kết và đối lập] những người đã bị bỏ tù hai năm rưỡi, do bị vu cáo, nếu chúng tôi ký một tuyên bố hứa kiềm chế các hoạt động chính trị trong hai năm rưỡi tới, hoặc chúng tôi sẽ đi lưu vong. Bắt đầu vào ngày 19 tháng Tư năm nay, thông qua các nhà trung gian được tìm thấy bởi Cha Alojzy Orszulik, những người bỏ tù chúng tôi đã tổ chức một loạt các cuộc gặp gỡ với mười một người chúng tôi tại các villa ngoại ô Warsaw. Riêng với tôi họ đã đi xa đến mức để sắp xếp bốn cuộc gặp trong xà lim của tôi với các bạn tù của tôi.

Vì tôi đã không ủy nhiệm cho bất cứ ai để hoạt động như người trung gian trong những điều đình của tôi với những người cai tù của tôi, vì với tư cách một tù nhân tôi không cảm thấy được quyền tham gia vào bất cứ cuộc đàm phán nào, vì sự tự do của tôi không thể là đối tượng của bất cứ sự thỏa thuận trao đổi nào, vì tôi muốn được đưa ra xử nhằm chứng minh sự vô tội của tôi, tôi đã từ chối tham gia vào các cuộc đàm phán này. Các lý do trên không nghi ngờ gì là cùng lý do mà đã dẫn các bạn tù của tôi từ chối lời chào mời để mua quyền tự do của họ với cái giá của một tuyên bố đầu hàng.

Vào lúc đó, các cai ngục cũng đã tổ chức một cuộc gặp cho chúng tôi với [đại diện] Tổng thư ký Liên Hợp Quốc; người tốt bụng này cũng đã đưa ra cho chúng tôi lời đề nghị rời Ba Lan. Tôi tin chắc rằng ông đã muốn giúp chúng tôi. Tôi, người đã nói không với một cuộc gặp với ông, đã bị đối xử bằng sự trừng phạt nhốt vào xà lim tối hai tuần: đây là cái giá tôi đã trả cho việc từ chối một cuộc trò chuyện. Chính người đứng đầu nhà tù điều tra, công dân Thiếu tá Dejnarek, người đã phân phát sự trừng phạt này cho việc tôi không muốn nói chuyện với đại diện của tổng thư ký Liên hiệp Quốc. Xin làm ơn: hãy đừng để ai khác thử giúp tôi theo cách này. Hãy đừng để ai giúp Tướng Kiszczak trong mưu toan của ông ta để tàn phá sức khỏe của tôi trong các xà lim tối của nhà tù Mokotów. Thân thể tôi có thể không chịu đựng nổi một sản phẩm khác như vậy của sự ngu dốt và tính đê tiện của Thiếu tá Dejnarek: kẻ hèn nhất đang chuẩn bị giết chết tôi để có được lời khen của Kiszczak.

Những cai ngục của tôi đã không ngừng thử. Một nữ nhân viên trong Bộ Ngoại giao vẫn cứ cảm dỗ một số tù nhân với các chuyến đi nước ngoài; Kiszczak tiếp tục tổ chức các cuộc gặp và nhiều cuộc gặp hơn tại các villa ngoại ô cho những người khác. Về tôi, ông ta đang thử làm suy yếu tôi bằng xà lim tối.

Hình mẫu của những hành động này là rõ ràng: đây là cách những kẻ khủng bố của thế giới này quy định những điều kiện cho những con tin của họ. Tôi tin sâu sắc rằng những trò gian trá kẻ cướp này sẽ kết thúc trong một sự thất bại hoàn toàn. Những ý định của những người này là kinh tởm một cách không bình thường. Trong khi một vụ xử giả mạo khác nữa được tổ chức cho [nhà lãnh đạo Đoàn kết] Wladyslaw Frasnyniuk (bản án được trao cho ông vì “tội” của ông trong nhà tù đáng được sự chú ý cẩn thận, vì nó là một dấu hiệu rằng các mô hình Soviet về tiến hành đấu tranh giai cấp trong nhà tù được sao chép), trong khi đã khiến cho Piotr Bednarz [một nhà lãnh đạo khác của Đoàn kết từ Wroclaw] thử tự tử, và trong khi những người khác quay sang tuyệt thực để nhận được các quyền của các tù nhân chính trị, mười một người chúng tôi được dùng như bằng chứng về chủ nghĩa nhân đạo của Jaruzelski và những người cai tù của ông. Tôi không biết ai đã sáng tác ra các kế hoạch và chiến lược này, nhưng tôi có biết rằng đằng sau họ che đậy tâm nhận thức đạo đức của các tác giả của chúng, những người cai ngục từ bộ máy an ninh và các nhà tuyên truyền của họ. Tôi biết kỹ đạo đức học này từ các bài phát biểu của Jaruzelski và Rakowski, từ các bài phóng vấn của Kiszczak và Olszowski, từ các buổi họp báo của Urban, từ các bài xã luận của báo đảng *Trybuna Ludu*: đạo đức học của sự làm phản. Đúng, những người này biết làm thế nào để phản bội; họ biết làm thế nào để bán rẻ bạn bè và các nguyên tắc. Nhưng đối với họ để phán xử chúng tôi bằng các tiêu chuẩn đạo đức riêng của họ thực ra, điều này đi quá xa. Vì những hành động này, tôi cầu khẩn tất cả những người tử tế để bỏ vai trò của người trung gian người truyền lại cho chúng tôi các sơ đồ mới nhất của các giám thị của chúng tôi. Chí ít, tôi không muốn là đối tượng của những cuộc đàm phán như vậy.

Tôi cũng sẽ không chấp nhận sự ân xá nào bởi vì tôi chẳng có tội gì. Tôi đòi và tiếp tục đòi một phiên xử công khai. Tôi có sự kiên nhẫn để đợi cho đến khi một lời tuyên án được đưa ra tuyên bố tôi vô tội, cho đến khi những kẻ tội phạm mặc đồng phục quân đội (những người như người đứng đầu tòa án quân sự Warsaw, Đại tá Wladyslaw Monarcha) dừng làm hô thện hệ thống tư pháp Ba Lan.

Nhưng các cai ngục của tôi không được tính đến sự im lặng của tôi. Tôi sẽ luôn luôn nói cái lương tâm và lý trí của tôi bảo tôi phải nói. Vì thế lời kêu gọi của tôi:

Vào thời đau buồn này, một thời của sự nói dối và áp bức, chúng ta hãy giữ phẩm giá của mình. Chúng ta đã nhận được kho báu quý giá nhất này từ cha ông chúng ta. Chúng ta hãy chuyển nó cho con cái chúng ta. Và chúng ta hãy nhìn quanh mình. Chúng ta hãy nhìn vào mắt mọi người. Chúng ta hãy ghi nhớ những người vào ngày 17 tháng Sáu [ngày bầu cử] khúm núm một cách công khai. Bởi vì như một nhà thơ đã nói, “những người cúi xuống với trán của họ sẽ cũng đánh vào mặt bạn.” [Stanislaw Baranczak]

Vì thế, với nhận thức đầy đủ về trách nhiệm tôi chịu, tôi tham gia lời kêu gọi được các nhà lãnh đạo Đoàn kết đưa ra để tẩy chay các cuộc bầu cử.

Tháng Sáu 1984

Lá thư từ Nhà tù Gdansk 1985

[do Jerzy B. Warman dịch]

Jerzy Urban, người phát ngôn báo chí của chính phủ, cho rằng tôi đã rất muốn bị bắt. Việc bỏ tù tôi, ông ta nói, sẽ có ích cho những người chủ của tôi ở Lầu Năm Góc, những người muốn truyền bá một bức tranh giả dối về Jaruzelski và nhóm của ông. Các ông sếp Mỹ của tôi tha thiết mong muốn thế giới tin, một cách sai, rằng chính phủ của Jaruzelski duy trì sự yên ổn bên trong bằng cách bỏ tù các đối thủ chính trị của nó. Suy luận biện chứng của Urban dẫn người ta đến kết luận không thể bác bỏ được rằng Ba Lan là một nơi êm ả hoàn toàn, rằng chính phủ của nó có được uy quyền đạo đức to lớn, và sự ủng hộ của tuyệt đại đa số xã hội. Chỉ vài nhóm cực đoan, được Ronald Reagan xúi giục, xông vào công nhà tù cầu xin được bắt.

Phân tích sắc sảo này che đậy sự bất lực vốn có của Urban để hiểu rằng có những người không bị nhụt chí bởi sự đe dọa bỏ tù để khỏi làm những gì họ tin là đúng. Tuy nhiên, trong các cuộc đàm luận của tôi với chính mình, trong các đêm dài ở nhà tù, tôi thường tự hỏi vì sao Bogdan Lis, Wladyslaw Frasnyniuk, và tôi đã bị bắt. Tôi thấy trong việc này một bằng chứng rằng chính phủ sợ những căng thẳng xã hội gia tăng do sự xấu đi của mức sống gây ra. Tôi cũng nghĩ rằng việc bắt giữ chúng tôi đã được thúc đẩy bởi một mong muốn để làm dịu những sự thất vọng của bộ máy an ninh liên quan đến phiên xử ở Torun.¹ Việc bắt giữ chúng tôi, và phiên xử trình diễn mà đang được chuẩn bị, là một sự bày tỏ của niềm tin vô hạn vào một trật tự xã hội được xây dựng trên sự dối trá và sự đàn áp cảnh sát. Nhưng chúng cũng chứng minh rằng sự đàn áp dẫn chính phủ vào một ngõ cụt, chỉ ít ở Ba Lan ngày nay.

Vâng, có thể cai trị theo cách này. Chừng nào địa chính trị là thuận lợi, hệ thống này có thể tồn tại trong thời gian dài. Nhưng nó không thể giải thoát bản thân nó khỏi vết nhơ của một đơn vị đồn trú nước ngoài, bị áp đặt. Sự đàn áp đã mất tính hữu hiệu của nó. Việc bỏ tù chúng tôi không làm hoảng sợ bất kỳ ai, cũng sẽ chẳng ai bị nó biến thành nô lệ. Đây đúng đã là sự tình trong năm năm vừa qua.

Nhưng đã không luôn luôn giống thế này. Những người cấp tiến và những người lưu vong thường lừa dối mình rằng chế độ độc tài dựa chỉ

¹ Vụ xử bốn cảnh sát bị kết án trong việc giết Đức cha Jerzy Popieluszko.

riêng trên sự áp bức. Điều này không đúng. Các chế độ độc tài sống lâu gây ra tiểu văn hóa đặc trưng riêng của chúng và trạng thái bình thường riêng biệt của chúng. Chúng tạo ra một loại người không quen với quyền tự do và sự thật, không biết về phẩm giá và sự tự trị. Những người chống đối là một thiểu số bé tí trong các chế độ độc tài như vậy; họ được xem như một nhóm người thất vọng, những người sống giống một toán những người theo dị giáo. Đối với mỗi chế độ độc tài, thời khắc nguy kịch đến với sự tái xuất hiện của sự tự trị con người và sự nổi lên của những mối ràng buộc xã hội mà không có được sự thừa nhận chính thức. Theo lệ thường, những thời khắc như vậy là những sự chấn động ngắn, nhất thời, đánh dấu một sự khủng hoảng trong cấu trúc quyền lực độc quyền.

Trong Hệ thống Xã hội Dẫn đầu, một sự mất cân bằng như vậy đã chẳng bao giờ kéo dài hơn vài tháng. Nhưng ở Ba Lan những cấu trúc của xã hội dân sự độc lập đã hoạt động trong nhiều năm, một phép màu thực sự trên sông Vistula. Chừng nào các cấu trúc này tồn tại cạnh chính quyền toàn trị, mà cố gắng phá hủy tất cả các định chế độc lập, thì dòng người chảy vào các nhà tù sẽ không ngừng. Những người Ba Lan sẽ ngừng đi vào sau các song sắt chỉ khi họ thành công trong cuộc đấu tranh của họ cho cải cách dân chủ về đời sống công. Nhưng nếu họ để các định chế độc lập của họ bị phá hủy, thì toàn bộ đất nước sẽ trở thành một nhà tù.

Ở Ba Lan, “phép màu trên sông Vistula” ám chỉ đến một sự kiện sáu mươi lăm năm trước, khi quân đội Ba Lan non trẻ, được tổ chức vào những ngày đầu tiên lấy lại độc lập, đã bảo vệ thành công Ba Lan, và với nó nền dân chủ Âu châu, chống lại sự tấn công của cách mạng Bolshevik non trẻ. Hình ảnh hiện tại về trận đánh đó đã được nhào nặn bởi tuyên truyền Soviet, mà đã cho rằng Ba Lan phong kiến tư bản đã thử bóp cổ nhà nước công nông đầu tiên. Người ta không cần một trí tưởng tượng đặc biệt để mừng tượng các hệ quả của sự thất bại của Ba Lan trong trận đánh đó. Nếu giả như Hồng Quân của Budenny đã có khả năng tắm những con ngựa của nó trong sông Seine, thì nền dân chủ Âu châu chẳng còn mấy. . . .

Ba Lan trong những ngày ấy được lãnh đạo bởi Józef Pilsudski, một trong những nhân vật vĩ đại nhất và phức tạp nhất trong lịch sử hiện đại Ba Lan. Một lần Pilsudski đã viết một câu đáng ghi nhớ: “Ở Ba Lan nhà tù là một bạn chung thủy, hàng ngày của tư tưởng con người. Nó là một phần của sự hiểu biết, văn hóa chính trị, và cuộc sống thường ngày.”

Người ta phải nhớ những tư tưởng này từ người xây dựng nền độc lập Ba Lan nhằm để hiểu Ba Lan đương đại, với tất cả hy vọng, triển vọng, và mối hiểm nghèo của nó. Các nhà quan sát nước ngoài, ngay cả những người thân thiết, thường thiếu sự hiểu biết và khung khổ quan niệm để

hiểu toàn bộ tính độc đáo không theo quy ước của số phận Ba Lan. Với vài ngoại lệ, như Timothy Garton Ash hay Martin Malia, Ba Lan tỏ ra đối với họ là một nước của những phản ứng không thể hiểu nổi và những xung đột khó hiểu. Điều này không gây ngạc nhiên; rất cuộc, các nhà quan sát Ba Lan hiểu ít về tình trạng khó khăn của Ireland hay Chile. Thế nhưng tôi nghĩ rằng sự thiếu hiểu biết này có thể có những hệ quả tai hại, và không chỉ đối với những người Ba Lan. Vì thế có tiểu luận này.

Trong con mắt của các nhà quan sát phương Tây, phép màu Ba Lan đã bắt đầu trong tháng Tám 1980 và đã kết thúc vào ngày 13 tháng Mười Hai 1981. Tôi không đồng ý. Tôi đặt sự khởi đầu của nó sớm hơn, và tôi nghĩ rằng kinh nghiệm Ba Lan có được một chiều kích thực sự phổ quát chỉ sau 13 tháng Mười Hai.

Chẳng bao lâu nữa sẽ là mười năm kể từ khi năm mươi chín trí thức ký một kiến nghị đòi mở rộng phạm vi quyền tự do ở Ba Lan. Kiến nghị cũng đã nói về quyền của công nhân để có các nghiệp đoàn độc lập. Bức thư của năm mươi chín người đã trở thành một lời cảnh báo. “Các ông không còn có thể cai trị như thế này lâu thêm nữa,” đã là thông điệp của nó cho Gierek. Câu trả lời duy nhất từ chính quyền đã là tiến hành những sự trả thù chống lại những người đã ký kiến nghị. Vài tháng sau, Ba Lan đã bị chấn động bởi một sự biểu thị khác, bi thảm hơn một cách không thể so sánh được về sự khủng hoảng. Trong tháng Sáu 1976 những công nhân ở Radom và Ursus đã đình công, biểu tình trên đường phố chống lại sự gia tăng giá cả kinh khủng. Phản ứng của chính phủ đã là điển hình: những sự tăng giá được rút lại và những người tham gia trong các cuộc phản đối đã buộc phải đi qua hứng chịu nhíp vung dùi cui cảnh sát (cái gọi là những con đường sức khỏe). Họ đã bị xét xử, bị vu cáo, và bị biến thành các mục tiêu của sự tuyên truyền thù hận. Một phong trào tự phát để giúp những công nhân này đã nổi lên trong giới trí thức, sinh ra Ủy Ban Bảo vệ Công nhân (KOR) và phong trào đối lập dân chủ, các mắt xích đầu tiên của chuỗi dài của “phép màu trên sông Vistula” mới.

Những sự kiện xảy ra sau đó có thể được mô tả như một trận đấu vật đầy kịch tính giữa chính quyền toàn trị và xã hội tìm cách để đạt sự tự trị. Giai đoạn giữa tháng Tám 1980 và tháng Mười Hai 1981 đã chỉ là một pha trong cuộc đấu tranh này. Nó đã kết thúc với một sự thoái trào đối với xã hội độc lập và một thảm họa đối với nhà nước toàn trị. Vì thảm họa là một từ thích hợp cho một tình trạng mà trong đó công nhân đã đối mặt với những xe tank thay cho các cuộc tranh luận. Đây không phải là chỗ cho việc nhắc lại chi tiết các cuộc đấu tranh mà đã xảy ra kể từ khi đó. Những người khác sẽ tiếp tục nhiệm vụ này; một số người, như Jan Józef Lipski,

trong cuốn sách của ông về KOR, và Jerzy Holzer trong Đoàn kết, đã bắt đầu rồi. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh hai nét chính của sự đổi lập dân chủ mà muộn hơn đã được Đoàn kết chấp nhận, cụ thể là sự từ bỏ bạo lực và quan điểm chính trị của sự thật.

Sức mạnh, quy mô, số lượng, sự bền chí, và sự kiên trì của phong trào này đến từ đâu? Một số người giải thích tất cả điều này bằng gợi ý rằng đã luôn luôn có một truyền thống đấu tranh vì độc lập dân tộc; những người khác phát hiện ra ảnh hưởng của Giáo hội Công giáo; còn những người khác nữa đánh giá cao sự chín muồi của chiến lược tự do Ba Lan được phác họa bởi các nhà lãnh đạo phong trào đổi lập ngầm. Họ đều đúng. Nhưng lý do chủ yếu có thể thấy trong chính bản chất của hệ thống toàn trị, mà từ lâu đã trở thành một sự cản trở đối với sự phát triển của các lực sáng tạo, sự cản trở mà đẩy mạnh sự cản cỗi và phá hủy tính sáng tạo và tinh thần của xã hội. Hệ thống tồn tại chỉ để bảo vệ các lợi ích và quyền lực của nomenklatura cai trị. Vì Liên Xô coi sự thống trị của nomenklatura như một đảm bảo của nguyên tắc tư tưởng và chính trị của nó ở Ba Lan, sự phân đầu của Ba Lan cho sự tự trị đe dọa không chỉ quyền lực của các tướng lĩnh mà cả các lợi ích Soviet. Liệu có thể thay đổi định nghĩa cá biệt về các lợi ích Soviet ở Ba Lan? Tương lai của nền độc lập của Ba Lan phụ thuộc vào vấn đề này. Câu trả lời sẽ cũng xác định bản chất của sự cùng tồn tại hòa bình, bởi vì nó sẽ chứng minh liệu các nhà lãnh đạo Soviet có muốn chấp nhận một thực tế chính trị mới hay không.

Thực tế chính trị Ba Lan là đến mức, bốn mươi tháng sau sự áp đặt quân luật vẫn tồn tại một phong trào đổi lập lớn và một mặt trận thậm chí còn lan rộng hơn của sự từ chối hợp tác với các tướng lĩnh. Đồng thời, Đoàn kết đã không dùng đến khủng bố, ám sát, hay bắt cóc. Các phương pháp này chỉ thuộc riêng vốn tiết mục của chính quyền. Làm sao chúng ta có thể giải thích sự trái ngược lạ thường này, mà các nhà tuyên truyền chính thức gọi là “sự ổn định hóa”? Chúng ta có thể gọi tình hình khác thường này là gì, mà trong đó sự đàn áp, những sự khiêu khích, và việc hoàn toàn dùng hết đồng minh tốt nhất của bất cứ chế độ độc tài nào cũng đã không tiêu diệt được Đoàn kết, tổ chức chính của phong trào bất tuân dân sự, hay để đẩy nó vào ngõ cụt của chủ nghĩa khủng bố? Làm thế nào mà dân tộc chúng ta đã có khả năng để vượt quá thể lưỡng nan điển hình của các xã hội bị đánh bại, sự lựa chọn vô vọng giữa thân phận nô lệ và nỗi tuyệt vọng?

Có vẻ dân tộc Ba Lan không nghĩ nó đã bị đánh bại. Câu trả lời cho những câu hỏi mà chúng tôi nêu ra có thể thể thấy trong châm ngôn cũ của Lenin, rất quen thuộc đối với những người cộng sản: chế độ không thể cai

trị lâu thêm nữa theo những cách cũ, nhưng nó không biết làm thế nào để thay đổi chúng; còn nhân dân thì không muốn sống theo những cách cũ, và họ không còn sợ nữa để thử những cách mới.

Họ “không muốn sống theo những cách cũ” có nghĩa là gì? Phải, nó có nghĩa rằng nhân dân không muốn sống giống như các đồ vật, lặng lẽ chấp nhận sự nô dịch hóa của riêng họ. Họ từ chối thân phận của họ như các thân dân; họ muốn làm chủ số phận của chính họ. Và họ không sợ để làm vậy.

Nhưng “để cai trị theo những cách cũ” nghĩa là gì? Nó có nghĩa để hy vọng rằng xã hội trở nên hay sẽ mau chóng trở nên bị khiếp sợ hoàn toàn, và như thế bị nhà nước nhào nặn hoàn toàn. Việc thay đổi những cách này có nghĩa là chấp nhận tính tự trị của xã hội không như một sự phiền phức thoáng qua mà như một phần không thể tách rời của thực tế xã hội. Đây là con đường tới đối thoại và thỏa hiệp.

Điều này có thực tế không? Một sự thỏa hiệp giữa công tố viên và nạn nhân của ông ta là có thể hay không? Phải chăng “những người theo trào lưu chính thức” của chúng ta đúng khi cho rằng không sự tiến hóa dân chủ nào là có thể mà không có sự đập tan trước và hoàn toàn của hệ thống cộng sản, và rằng cương lĩnh hành động duy nhất đúng đắn, vì thế, phải bác bỏ những hy vọng về một sự thỏa hiệp trong tương lai với nhóm cai trị và thay vào đó chọn toàn bộ ý tưởng về độc lập, tức là, sự độc lập hoàn toàn với Liên Xô và một sự loại bỏ hoàn toàn những người cộng sản khỏi quyền lực? Đây là thế lưỡng nan chính của phong trào đổi lập Ba Lan.

Chúng ta hãy hoãn xem xét điểm này một lát, chỉ lưu ý rằng ý tưởng của các tướng lĩnh về sự bình thường hóa khác cơ bản với “những sự bình thường hóa” của Kádár hay Husák mà, về cơ bản, đã có nghĩa là sự phá hủy hoàn toàn tất cả các định chế độc lập. Bốn mươi tháng sau sự xâm lấn Soviet, Hungary đã giống với một nghĩa địa chính trị; bốn mươi tháng bình thường hóa ở Tiệp Khắc đã biến nó, theo cách nói phù hợp của Aragon, thành Biafra văn hóa của châu Âu. Nhưng ở Ba Lan, ngay cả sau sự thanh lý chính thức của các định chế công độc lập (các nghiệp đoàn, các hội nghệ thuật, các tổ chức thanh niên, các ban biên tập của các báo khác nhau, vân vân), sau bốn mươi tháng đàn áp và khiêu khích, xã hội dân sự độc lập, mặc dù đã bị đẩy ra ngoài vị trí xã hội chính thức, đã không bị tiêu diệt. Dưới các điều kiện của Hệ thống Dẫn đầu, đây là một hiện tượng chưa từng có. Thay cho sự giống như một hệ thống cộng sản sau sự bình định thành công, tình trạng này giống như một nền dân chủ sau một cuộc đảo chính quân sự. Những người Ba Lan đã đi một quãng đường dài trên cuộc hành trình của họ từ chủ nghĩa toàn trị sang nền dân chủ.

Tôi đang viết không lâu sau vụ xét xử những kẻ giết Đức cha Jerzy Popieluszko. Đối với một số nhà quan sát phương Tây, vụ xử đã cung cấp một bằng chứng về xu hướng tự do của các tướng lĩnh của chúng ta. Và quả thực, vụ xử đã là sự kiện chưa từng có trong lịch sử của Hệ thống Dẫn đầu. Chưa bao giờ trước đây những sự khiêu khích của bộ máy an ninh đã được phát giác đến mức như vậy, dù một cách vô ý; chưa bao giờ trước đây tính côn đồ của những kẻ là chúa tể đối với sự sống và cái chết của dân thường được phô bày trần trụi đến vậy. Điều đó đã là không có tiền lệ. Nhưng trong mười năm vừa qua, mọi thứ ở Ba Lan đã là không có tiền lệ. Mạng lưới thông tin độc lập. Đoàn kết. Uy quyền và ảnh hưởng của Giáo hội. Vụ xử ở Torun đã cũng là chưa từng có trong sự tấn công của nó chống lại Giáo hội. Sự vu cáo hèn hạ thầy tu bị giết; sự buộc tội cộng tác với Gestapo, được đưa ra chống lại giám mục được kính trọng rộng rãi của giáo khu Przemysl, Ignacy Tokarczuk; những sự buộc tội rằng các giám mục khác đã hủy hoại các cuộc hôn nhân và đã biến thủ tiên, đây là mặt kia của vụ xử Torun. Yếu tố chính của nó là sự hăm dọa tổng tiên: “Lưu ý, chúng tôi sẽ tiếp tục làm việc này trừ phi các anh ngừng kháng cự!” Các tướng lĩnh của chúng ta biết rất kỹ rằng họ sẽ không phá vỡ sự kháng cự của xã hội trừ phi họ thành công đẩy Giáo hội lại vào các hầm mộ, hay thành công nhào nặn lại nó thành một định chế cộng tác, theo hình mẫu của Giáo hội Chính thống ở Liên Xô.

Vụ giết Popieluszko đã là một phần không tách rời của kịch bản này bởi vì Đức cha Jerzy đã là hiện thân của mối quan hệ giữa Giáo hội và Đoàn kết. Thánh Lễ của ông cho Tổ quốc đã mang lại những thời khắc lạ thường, khích lệ nhân dân Warsaw. Cảnh sát chẳng bao giờ có thể tha thứ cho linh mục của nhà thờ Zolibórz vì những khoảnh khắc nhẹ nhõm ông đã trao cho thành phố bị đau khổ, bị ngược đãi.

Việc bắt cóc Đức cha Jerzy Popieluszko [vào ngày 18-10-1984] đã chỉ là một trong một chuỗi dài các vụ bắt cóc. Các thủ phạm đi tự do trên các đường phố của các thành phố Ba Lan; họ không cần lo về bất cứ thủ tục hình sự nào chống lại họ. Bất chấp những đòi hỏi rộng rãi, đã không có sự tiếp tục lại của bất kỳ thủ tục nào chống lại những kẻ giết Grzegorz Przemysk.² Thay vào đó, đại úy cảnh sát Piotrowski, kẻ giết người, người đã tổ chức vụ bắt cóc Popieluszko và người muợn hơn đã được phép để

² Sinh viên Warsaw mười chín tuổi Grzegorz Przemysk đã chết vào ngày 14 tháng Năm 1983, vì những vết thương anh phải chịu trong thời gian anh bị cảnh sát giam giữ. Trong vụ xử, các nhân viên cứu thương đã bị kết án còn các cảnh sát thoát được tất cả những lời buộc tội.

chuyên vai trò của hắn từ bị cáo thành nguyên cáo, người kết tội Giáo hội, đã trở thành một thần tượng cho các bạn của hắn ở Bộ Nội Vụ. Tôi đã nghe đủ trong thời gian giam giữ và hỏi cung của riêng tôi. Một lúc sau khi nói lời tạm biệt với Lech Walesa, khi tôi bị đưa lên xe cảnh sát, tôi đã nghe họ nói: “Chúng tôi vẫn còn có chỗ trống trong ngăn hành lý cho ông Michnik. Hệt như cho Popieluszko.” Một chuyện đùa ngắn kỳ diệu. . . . Họ đã không thậm chí để giả vờ.

Với các tướng là chuyện khác. Họ có lo về thể diện. Bằng chứng ngược lại, họ không muốn chịu trách nhiệm vì sự giết người tàn ác này. Đây là vì sao vụ xử ở Torun đã phải xảy ra, và vì sao các bị cáo đã thử hơn hẳn nhau trong tuyên bố rằng đã chẳng có ai “đưa ra lệnh từ trên đỉnh,” rằng việc bắt cóc và giết người đã chỉ là hành động du kích được tiến hành hòng toàn theo sáng kiến riêng của họ. Điểm tranh cãi duy nhất liên quan đến liệu ý tưởng đã là của Đại úy Piotrowski hay của Đại tá Pietruszka, mỗi trong hai người họ đã phải được cảm hứng bởi các yêu tinh từ CIA. Vụ xử ở Torun đã phải xảy ra để cho vết nhơ của tội ác được nhắc khỏi câu vai của các tướng lĩnh. Vụ xử đã được dùng như một màn khói có ích, nhưng nó đã không biểu thị bất cứ sự thay đổi thái độ chính trị nào. Các nỗ lực để phá hủy sự tự trị của xã hội là yếu tố thiết yếu của tiến trình chính trị của các tướng. Vì thế họ với lấy một dụng cụ cổ, bị mang tai tiếng: sự vô pháp luật đội lốt luật. Nó đã được dùng để giam giữ và kết án các nhà hoạt động Đoàn kết dựa thậm chí vào những sự buộc tội ngớ ngẩn nhất. Ngay sau khi lời buộc tội mưu phản chống lại Bogdan Lis được rút lại thì Andrzej Gwiazda bị buộc tội du côn. Tôi đã được đề bạt lên làm thành viên của Ủy ban Điều phối Tạm thời của Đoàn kết (TKK)³, một vinh dự thật sự, giả như đã không phải là sự thực rằng tôi đã được bổ nhiệm bởi cảnh sát mật Gdansk.

Danh sách các tù nhân chính trị đã trở nên dài hơn một cách nhanh chóng. Trên đó là những người như Michal Luty, người tổ chức các cuộc giáo dục cho các công nhân vùng Silesia, và Józef Sreniowski, một nhà xã hội học từ Lodz và một bạn cũ của tôi từ KOR. Tuy vậy, nếu việc bắt giữ tôi, cùng với việc bắt giữ Lis và Frasnyniuk, chỉ ít sẽ làm đen hình ảnh tự do

³ TKK (Ủy ban Điều phối Lâm thời) là nhóm lãnh đạo của Đoàn kết ngầm. Được thành lập mùa Xuân 1982, nó bao gồm các đại diện từ các trung tâm khu vực của phong trào kháng cự ngầm [gồm Zbigniew Bujak, Bogdan Lis, Władysław Frasnyniuk, và Władysław Hardek].

mà các tướng đã thử nuôi dưỡng, và nếu nó soi sáng số phận của các tù nhân chính trị khác, thì sự ở trong tù của chúng tôi sẽ không phải vô nghĩa.

Bộ máy nhà tù đã được khởi động. Nó đã không thể khác đi. Khi bị đe dọa bởi sự suy sụp kinh tế (lần nữa, một mùa đông khắc nghiệt đã gây ngạc nhiên cho những người cai trị của nước tôi), vào lúc của một tai họa nữa chống lại mức sống và các quyền của người lao động (tám giờ một ngày và Thứ bảy được nghỉ), với những căng thẳng xã hội gia tăng báo trước sự bùng nổ tiếp theo, thì sự sợ hãi là hy vọng còn lại duy nhất của những người cai trị của chúng ta. Mặc dù bây giờ các vụ bắt cóc đã ngừng (thể loại này của các cuộc luận chiến chính trị là phiên phức tạm thời), số phận của chúng ta đã là để đổi nhà của chúng ta sang nhà tù. Nhưng không một yếu tố cơ bản nào trong phương trình Ba Lan đã thay đổi theo cách ấy. Ba Lan tiếp tục là cái nó đã là: một nước mà trong đó dân tộc đấu tranh vì tự do và sự tự trị, còn chính quyền thử buộc nó quay lại khuôn khổ toàn trị.

Lý do trực tiếp của việc bắt chúng tôi nằm trong sự thực rằng chính quyền đã sợ cuộc đình công dự định vào ngày 28 tháng Hai để phản đối sự tăng giá được công bố. Chúng tôi đã bị bắt vào ngày mười ba, trong một cuộc họp với Lech Walesa. Vào ngày mười bốn, các thành phố Ba Lan đầy truyền đơn kêu gọi đình công. Vào ngày mười lăm, chúng tôi được trao lệnh bắt của công tố viên. Quyết định để đình công đã được các nhà lãnh đạo Đoàn kết đưa ra trong niềm tin rằng đã là nghĩa vụ của nghiệp đoàn để đứng lên chống lại sự gia tăng nghèo đói, để nói không với chính sách thay các miếng ăn thêm vào ngân sách gia đình cho một cuộc cải cách cơ cấu của nền kinh tế.

Tôi không biết đủ rõ các sự kiện tiếp sau việc bắt giữ chúng tôi, nhưng các sự thực biện hộ cho chính chúng. “Các nghiệp đoàn mới” chính thức được bảo là bác bỏ tất cả các phương án tăng giá được kiến nghị trong khi chính phủ đã tuyên bố rằng việc tăng giá có hiệu lực theo một sơ đồ bố trí lệch nhau. Điều này cung cấp bằng chứng tốt nhất rằng ban lãnh đạo Đoàn kết đã có sự đánh giá tốt, đã hiểu đúng tâm trạng của xã hội, và đã chọn thời điểm tốt nhất cho sự phản đối. Đã không phải là một quyết định dễ, tuy vậy. Những cuộc thảo luận mà tôi chứng kiến đã minh họa mỗi nguy hiểm ở trước mặt Đoàn kết. Một mặt, quyết định đã bị phê phán vì không đi đủ xa: mười lăm phút là quá ngắn; chính quyền sẽ thậm chí không cảm thấy một chuyện vặt khó chịu. Đã cần đến một cú đánh mạnh hơn, thậm chí một cuộc tổng đình công. Đây là cái những người cấp tiến đã muốn. Tôi nghĩ rằng lập trường của họ đã chứa một yếu tố quan trọng của điều mơ tưởng. Đi tìm kiếm một sự đổi đầu trên quy mô như vậy ngụ ý không chỉ một sự sẵn sàng làm cho sự tồn tại của các định chế ngấm bị

rủi ro mà cũng phớt lờ thực tế. Và thực tế đã là thế này: trong tháng Giêng, 1985, khi TTK đưa ra quyết định kêu gọi đình công, người dân ở các nhà máy đã không có sức mạnh cũng đã chẳng có ý chí để thực hiện sự đối đầu này. Tư duy cấp tiến là đặc biệt dễ bị tổn thương đối với những đề cương bằng giấy và đối với những xúc cảm mà cảm tâm nhìn thực tế. Nó là một kinh nghiệm quen thuộc đối với các thế hệ của những người âm mưu và những người lưu vong. Sự phản đối của tôi đối với các ý tưởng của những người cấp tiến đã không xuất phát từ chủ nghĩa bi quan; ngược lại, các bạn tôi đã kết tội tôi vì một sự nhiệt tình thái quá. Tuy nhiên, tôi đã cố kiềm chế sự lạc quan của mình, biết rằng nó có xu hướng gây ra những hy vọng mà sau đó nó tự nuôi mình bằng những hy vọng đó.

Tôi cũng đã nhận thấy rằng quyết định của TTK đã gây ra sự chỉ trích đáng kể từ các nhà hoạt động khu vực. Họ đã nhắc lại một cách bướng bỉnh: “Việc này không thể thành công, người dân không muốn đình công bởi vì họ sợ sự trả đũa, họ đã mệt mỏi, họ không tin một cuộc đình công sẽ có bất cứ tác động nào.” Tôi đã hiểu lý do cho quan điểm của họ, và đồng thời tôi cũng đã cảm thấy một nỗi sợ gây tê liệt về một sự trở ngại, một sự e sợ rằng các nhà máy sẽ không theo lời kêu gọi của TTK. Tôi đã không chia sẻ sự sợ hãi này. Tôi đã không nghĩ rằng một cuộc đình công mười lăm phút chống lại sự tăng giá không thành công sẽ có nghĩa là một thất bại có tính sấm truyền. Tôi nhất, nó sẽ chứng tỏ rằng công nhân hiện nay là không đủ mạnh để bảo vệ các lợi ích của họ bằng đình công. Tuy vậy, giả như TTK đã không kêu gọi đình công thì quả thực đã là một sự thất bại thực sự bởi vì nó sẽ báo hiệu rằng Đoàn kết đã thối, không còn là một nghiệp đoàn độc lập, sẵn sàng chiến đấu vì các lợi ích của công nhân nữa. Một sự phản đối chỉ bằng lời sẽ không khác mấy với tuyên bố của “các nghiệp đoàn mới” chính thức. Sự sợ hãi thất bại, tôi nghĩ, thường có thể gây tê liệt một cách hiệu quả hơn là bản thân sự thất bại. Tôi tin rằng xã hội đối lập ngầm, liên tục ứng biến, đã tạo ra các cơ chế riêng của nó về làm cứng cáp định chế, nếp cũ riêng của nó, và sự không ưa thay đổi đi cùng. Điều này là có thể hiểu được và nguy hiểm ngang nhau. Tư duy của các nhà hoạt động ngầm và tất cả các thành viên của Đoàn kết phải được làm cho thích ứng với việc giải quyết những sự bất ngờ; họ phải được chuẩn bị cho các tình huống khi tâm trạng của nhân dân đột ngột thay đổi. Điều này đã xảy ra, chẳng hạn, ngay sau vụ bắt cóc Đức cha Popieluszko. Sự bảo thủ nào đó trong các thái độ hay các định chế là có giá trị bởi vì nó duy trì tính liên tục. Nhưng sự bảo thủ có thể trở thành một sự hạn chế, một bộ các miếng da che mắt, nếu nó cản trở người ta tiếp xúc với thực tế đang thay đổi. Không đời nào tôi lại thổi phồng những mối nguy hiểm này,

nhưng người ta phải biết kỹ về chúng. Những người nói rằng cuộc chiến đấu vì tự do đòi hỏi một cái giá, họ quả thực là đúng, như những người khẳng định về sự tính toán cẩn thận những chi phí nhằm tối thiểu hóa thiệt hại. May mắn rằng Đoàn kết tạo dư địa cho cả hai thiên hướng này.

Tôi đã ở gần ba năm trong tù. Các quan chức trong Bộ Nội Vụ, những người đã chào mời tôi một sự lựa chọn giữa đi lưu vong hay tuyên bố sự trung thành của tôi với chế độ, một sự cám dỗ để mua quyền tự do với một cái giá ghê tởm, đã luôn luôn thử thuyết phục tôi rằng Đoàn kết đã không còn tồn tại từ lâu, và rằng tôi, bị cô lập, đã tiếp tục sống với những ảo tưởng. Đôi khi tôi thậm chí đã hỏi mình: “Có lẽ rốt cuộc họ đúng?”

Những gì tôi thấy sau khi tôi được thả⁴ đã vượt quá không chỉ những kỳ vọng của tôi mà thậm chí những mơ ước của tôi. Tôi đã thấy rằng những người của Đoàn kết đã sáng suốt, kiên quyết, sẵn sàng cho một cuộc đấu tranh lâu dài. Họ đã có một tầm nhìn rõ. Đoàn kết, các tổ chức liên kết của nó, phạm vi rộng của sự tự trị Ba Lan mà đã tồn tại bên ngoài lĩnh vực chính thức, hàng tá các nhà báo xuất sắc và những cuốn sách tuyệt vời, tính nghiêm túc của mục đích gắn với sự sẵn sàng chịu rủi ro, tất cả những thứ này tạo thành phép màu Ba Lan trên sông Vistula. Tôi đã dự các seminar cho công nhân và sinh viên, tôi đọc những tờ báo chất lượng cao được xuất bản trong nhiều thành phố và lưu truyền trong các giới khác nhau. Tôi đã thấy những cuốn sách không bị kiểm duyệt được in bởi các nhà xuất bản ngầm, những sách của Popper, Kundera, Besançon, Aron, Orwell, Shestov, Solzhenitsyn, Havel, và không nhắc đến các nhà văn Ba Lan. Tôi đã thấy những bức tranh và ảnh không bị kiểm duyệt, cũng như các phim mới được giới thiệu trên những videocassette không bị kiểm duyệt. Tôi đã thấy những nhà thờ mà được dùng như các ốc đảo của sự tự do tinh thần và đã cung cấp địa điểm cho các trung tâm trợ giúp các nạn nhân của sự đàn áp.

Đúng, không phải mọi thứ tôi đã thấy đều là một nguồn an ủi. Tôi cũng đã thấy nỗi buồn, sự kiệt sức, tính khôn lỏi đáng sợ, sự nói láo kinh tởm, những kẻ xảo trá đòi làm anh hùng, và những tên Judase khoác áo của những người có đầu óc chính trị thực tế. Đây là những chuyện bình thường trong bất cứ phong trào hay xã hội nào. Chỉ Đoàn kết đã không theo chuẩn mực, trái với những kỳ vọng thông thường.

Tôi muốn tránh tội lý tưởng hóa bạn bè của tôi. Họ đều có những thiếu sót và khuyết điểm, giống tất cả những người bình thường. Thế mà

⁴ Như một hệ quả của Luật Ân xá ngày 21 tháng Bảy 1984.

mỗi khi tôi nghĩ về họ tôi đầy ngưỡng mộ. Tôi đã không biết làm thế nào để chuyển cảm giác này cho họ và bây giờ tôi lấy làm tiếc tính trầm lặng của mình. Cho nên, chỉ ít trong lá thư này, tôi muốn bày tỏ sự kính trọng của tôi và gửi lời chào đến Janek, Konrad, Zbyszek, Bogdan, Tadeusz, Wiktor, và Patryk.

Vì sao Đoàn kết từ bỏ bạo lực? Câu hỏi này quay đi quay lại trong những cuộc trò chuyện của tôi với những nhà quan sát nước ngoài. Tôi muốn trả lời nó bây giờ. Những người, cho rằng việc sử dụng bạo lực trong cuộc chiến đấu vì tự do là cần thiết, phải chứng minh đầu tiên rằng, trong một hoàn cảnh cho trước, nó sẽ hữu hiệu, và rằng bạo lực, khi được dùng, sẽ không biến tư tưởng tự do thành cái ngược lại của nó.

Không ai ở Ba Lan có khả năng để chứng minh ngày nay rằng bạo lực sẽ giúp chúng ta đuổi những đội quân Soviet khỏi Ba Lan và loại bỏ những người cộng sản khỏi quyền lực. Liên Xô có sức mạnh quân sự khổng lồ, như thế việc đổi đầu là đơn giản không thể tưởng tượng được. Nói cách khác: chúng ta không có súng. Napoleon, lúc nghe một câu trả lời tương tự, đã thôi hỏi các câu hỏi thêm. Tuy vậy, Napoleon trên tất cả đã quan tâm chỉ đến chiến thắng quân sự, và không đến việc xây dựng các xã hội dân chủ, đa nguyên. Chúng ta, ngược lại, không thể để mặc thế.

Trong lập luận của chúng ta, chủ nghĩa thực dụng đan xen một cách không thể tách rời với chủ nghĩa lý tưởng. Được lịch sử dạy, chúng ta ngỡ rằng bằng cách dùng vũ lực để tấn công vũ bão các nhà tù Bastille hiện tồn chúng ta sẽ bắt đầu xây những nhà tù mới. Đúng là sự thay đổi xã hội hầu như luôn luôn đi cùng với bạo lực. Nhưng không đúng rằng sự thay đổi xã hội chỉ là kết quả của sự đụng độ bằng bạo lực của các lực lượng khác nhau. Trên hết, những thay đổi xã hội tất yếu xảy ra từ một sự đổi đầu của những giá trị đạo đức và những tầm nhìn khác nhau về trật tự xã hội. Trước khi bạo lực của những người thống trị đụng độ với bạo lực của các thần dân của họ, các giá trị và các hệ thống đạo đức đụng độ nhau bên trong những cái đầu con người. Chỉ khi các tư tưởng cũ của những người cai trị thua trong cuộc đọ kiếm đạo đức tay đôi này thì đôi khi các thần dân mới với tới vũ lực. Đây là điều đã xảy ra trong Cách mạng Pháp và Cách mạng Nga, hai thí dụ được trích dẫn trong mọi cuộc tranh luận như sự chứng minh rằng một sự sụp đổ đạo đức của chế độ cũ đã đi trước bạo lực cách mạng. Nhưng cả hai thí dụ mất ý nghĩa của chúng khi chúng được quy giản về các khái niệm cô đọng như vậy, mà trong đó các nhà Bách khoa được ghép đôi với sự phá hủy nhà tù Bastille, và sự thành công của các tư tưởng cấp tiến ở Nga được ghép đôi với cuộc tấn công Cung điện Mùa Đông. Một sự kiện thực được quy giản về một sơ đồ căn cỗi.

Để hiểu được tầm quan trọng của các cuộc cách mạng này, người ta phải nhớ lại sự khủng bố Jacobin và Bolshevik, các máy chém của đám sans-culotte (không-quần cộc: những người cách mạng quá khích), và súng của các chính ủy. Không có sự phản tỉnh về các cơ chế trong các cuộc cách mạng thắng lợi mà đã sinh ra khủng bố, là không thể để thậm chí đặt ra thể lưỡng nan cơ bản đối mặt với các phong trào tự do đương đại. Nhận thức lịch sử về những hậu quả có thể của bạo lực cách mạng phải được khắc vào bất cứ cương lĩnh nào của cuộc đấu tranh cho tự do. Kinh nghiệm về trở nên thối nát bởi khủng bố phải được hằn sâu trong ý thức của tất cả những người thuộc về một phong trào tự do. Nếu khác đi, thì như Simone Weil đã viết, tự do sẽ lại trở thành một kẻ tỵ nạn từ phe của những người chiến thắng.

Đáng ngờ vào các phong trào tự do trong Hệ thống Dẫn đầu từ quan điểm này. Trong Hòn đảo Gulag, Solzhenitsyn mô tả một cuộc nổi loạn của các tù nhân trong một trại tập trung Soviet và vẽ lên một bức tranh sinh động về cơ chế đàn áp được áp đặt bởi các nhà lãnh đạo mới đối với các đồng chí ngày xưa của họ. Câu chuyện của Solzhenitsyn có sức mạnh phúng dụ to lớn; nó là một lời cảnh cáo đối với tất cả chúng ta, những tù nhân tạo phản của Hệ thống Dẫn đầu. Tất cả những tường thuật về cách mạng Hungary nhắc đến sự tàn ác của các đám đông nổi loạn hành hình các viên chức an ninh đáng ghét. Tâm lý đám đông có thể hiểu được trong những tình huống như vậy, nhưng nó cũng bắt chúng ta ngừng lại để suy ngẫm về con đường phụ quanh co này dọc con đường dẫn tới tự do.

Trong tháng Mười 1956, tình hình ở Ba Lan đã hầu như ngược lại với tình hình ở Hungary. Những bài học của tình tiết đó trong lịch sử của chúng ta đã tiết lộ, rõ hơn bất cứ thứ gì khác đã tiết lộ, kỹ thuật đã được những người cộng sản dùng để tháo ngòi của một khủng hoảng xã hội. Nó đã là bài học của sự thất bại, không phải của một chiến lược thành công để đạt dân chủ và tự do. Tiệp Khắc đã cung cấp một bài học khác: nó đã tránh cả sự khủng bố cách mạng và một sự thanh lọc thuộc loại đã xảy ra sau tháng Mười Ba Lan. Nhưng mùa Xuân Prague vẫn là huyền thoại lớn về sự hòa hợp dân tộc bị phá hủy bởi sự xâm lấn Soviet. Quá trình cách mạng ở Tiệp Khắc đã chẳng bao giờ đạt mức của sự phân cực nội bộ mà tại đó chính vấn đề quyền lực của đảng cộng sản trở thành một điểm tranh cãi.

Chỉ ở Ba Lan của ngày hôm nay có một cuộc đấu tranh cân nhắc kỹ để định các giới hạn lên quyền lực của nomenklatura cộng sản và để tạo ra sự đa nguyên de facto (thực tế) dưới các điều kiện được học thuyết Brezhnev áp đặt. Việc chấp nhận các mục tiêu này đã là một nhân tố quyết

định trong việc làm cho khủng bố cách mạng là một khái niệm xa lạ đối với Đoàn kết.

Chiến lược của Đoàn kết đã có kết quả trọn vẹn sau 13 tháng Mười Hai, khi một cuộc tấn công rất lớn của quân đội và cảnh sát đã gặp phải một hình thức kháng cự không theo quy ước, được Maciej Poleski dán nhãn thích hợp như một “sự yên lặng của biển.” Không chỉ nó đã tối thiểu hóa những thiệt hại và cứu được cấu trúc của xã hội độc lập, nó cũng đã đảm bảo một “thắng lợi trong thất bại” kỳ lạ. Vì cho dù tình hình quốc tế không thuận lợi có duy trì sự nô dịch hóa chính trị của Ba Lan, không ai sẽ có khả năng xé sạch khỏi ý thức của chúng ta tất cả những cuốn sách và các báo mà chúng ta đã đọc, những cuộc thảo luận mà chúng ta đã tổ chức. Nhờ chiến lược này, thế hệ hiện tại của những người Ba Lan sẽ chẳng bao giờ lại ngưng chống lại thuốc độc của sự tự nô dịch hóa.

Cương lĩnh và giá trị đạo đức của Đoàn kết gắn bó chặt chẽ với chiến lược này. Khủng bố cách mạng đã luôn luôn được biện minh bởi một tầm nhìn về một xã hội lý tưởng. Nhân danh tầm nhìn này, những máy chém Jacobin và các đội hành hình Bolshevik đã thực hiện công việc không ngừng, kinh tởm của họ. Con đường đến Thiên đường trên Trái đất đã dẫn qua những dòng sông máu.

Đoàn kết đã chẳng bao giờ có một tầm nhìn về một xã hội lý tưởng. Nó muốn sống và hãy sống. Các lý tưởng của nó gần với Cách mạng Mỹ hơn là Cách mạng Pháp. Tư duy của nó về các mục tiêu là giống như tư duy của phong trào kháng chiến chống Franco ở Tây ban nha, hay chống lại “các đại tá đen” ở Hy Lạp; nó không giống tư duy của những người phấn đấu để đạt các mục tiêu học thuyết. Đạo đức học của Đoàn kết, với sự kiên định bác bỏ việc sử dụng vũ lực của nó, có nhiều điểm chung với tư tưởng bất bạo động như được Gandhi và Martin Luther King, Jr. tán thành. Nhưng nó không là một đạo đức học tiêu biểu của các phong trào theo chủ nghĩa hòa bình.

Chủ nghĩa hòa bình như một phong trào quân chúng hướng tới việc tránh đau khổ; những người theo chủ nghĩa hòa bình thường nói rằng không có sự nghiệp nào đáng để chịu đau khổ hay chết cho sự nghiệp đó. Đạo đức học của Đoàn kết dựa trên tiền đề ngược lại: rằng có những sự nghiệp đáng chịu đau khổ và hy sinh vì chúng. Gandhi và King đã chết vì cùng sự nghiệp như những thợ mỏ ở Wujek những người bác bỏ niềm tin rằng tốt hơn để vẫn là một nô lệ tự nguyện so với trở thành một nạn nhân của vụ giết người. Trong niềm tin này các nhà hoạt động Đoàn kết bác bỏ một cách có ý thức ý tưởng bám chặt vào sự nhất quán học thuyết bằng mọi giá. Đi theo những giáo huấn của giáo hoàng Ba Lan và căm ghét

chiến tranh theo cách ngài làm, tuy nhiên họ sẽ chấp nhận khả năng của sự bảo vệ tự do bằng vũ lực chống lại nền chuyên chế xâm lược. Đã không ngẫu nhiên rằng một trong những nhà sáng tạo xuất chúng của nền văn hóa Ba Lan đương đại [Leszek Kolakowski] đã viết một tiểu luận có tựa đề “Ca ngợi sự Không Nhất quán.”

Sau khi đã nói điều này, tôi phải nói thêm rằng Đoàn kết đã không hoàn toàn miễn dịch với những cám dỗ toàn trị. Được tổ chức như một phong trào xã hội đấu tranh chống lại nhà nước toàn trị, bao gồm những người đã lớn lên trong Hệ thống Dẫn đầu và được nhào nặn bởi các cấu trúc toàn trị của nó, Đoàn kết đã luôn luôn bị giằng xé giữa việc thử để ảnh hưởng đến những quyết định hành chính và sự cố thử hạn chế quyền tuyệt đối của nhà nước. Quả thực, xung đột này đã là mầm mống của một thế lưỡng nan đầy kịch tính mà đã đối mặt với phong trào: liệu nó phải tìm cách để trở thành một lựa chọn thay thế khả dĩ đối với các nhà chức trách hay thay vào đó từ bỏ những khát vọng như vậy và tập trung vào một cuộc đấu tranh để hạn chế phạm vi quyền lực của các nhà chức trách. Đoàn kết, và mọi phong trào tự do khác trong hệ thống cộng sản, sẽ phải đối mặt với thế lưỡng nan này trong những ngày tới. Tương lai của các xã hội hậu-cộng sản sẽ phụ thuộc vào nó được giải quyết thế nào. Cuộc đấu tranh vì quyền lực nhà nước phải dẫn đến việc sử dụng bạo lực; thế nhưng trong cuộc đấu tranh vì một nền Cộng Hòa Tự Quản, theo nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội Đoàn kết đáng ghi nhớ ở Gdansk [Tháng Chín 1981], thì việc sử dụng bạo lực phải bị bác bỏ.

Đối với tôi, Đoàn kết đã chẳng bao giờ là một công cụ trong cuộc đấu tranh vì quyền lực. Nhưng điều này đã chẳng hề là một lập trường không gây tranh cãi. Những căng thẳng gay gắt sinh ra những cám dỗ mạnh. Sự làm nhục sâu có thể đẻ ra những đề xuất cho những giải pháp cực kỳ cấp tiến. Sự thiếu các câu trả lời dễ và các triển vọng rõ ràng dẫn đến những tranh cãi ra giá mị dân. Sự chính trị hóa đột ngột của hàng trăm ngàn người, những người đã quen thụ động, và như thế đã không quen với đời sống chính trị, đã tạo ra một sự pha trộn của chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa dân tộc được trang trí một cách dồi dào bằng những biểu tượng tôn giáo. Tất cả chúng tôi đều đã thấy hỗn hợp bùng nổ này phát triển trong ba tháng cuối của năm 1981. Cho dù nó đã là một sự phát triển nhỏ ở bên lề, sự xuất hiện của nó đã không khó hiểu và đã gây ra một số quan niệm

đáng buồn. Trong *Konspira*, Bogdan Borusewicz⁵ đã thảo luận vấn đề này một cách khôn khéo và thẳng thắn. Việc vô chính phủ hóa cuộc sống hàng ngày, được chính quyền theo đuổi một cách có ý thức khi họ chuẩn bị cho một cuộc đảo chính quân sự, đã khiến người dân dễ bị tác động bởi ngay cả lời nói vô nghĩa tồi nhất. Đó là những thời cơ vàng cho những nhân vật đáng ngờ nào đó để làm một sự nghiệp. Tôi không có khó khăn gì để hình dung những Dzierzynski⁶ tương lai giữa những người này. Vì thế, tôi tin rằng tư tưởng chủ đạo của Đoàn kết là để đạt được một nền Cộng hòa Tự Quản (Self-Governing Republic) và không phải chiếm chính quyền; chính tư tưởng này là cái cho chúng ta, dọc đường, cơ hội để tránh những máy chém hay những đội hành hình để loại bỏ “những kẻ thù của nhân dân” tương lai.

Khi tôi nhớ lại những tuần đó, mà mọi thứ đã hướng đến sự tồi tệ nhất, khi tôi thử dựng lại bầu không khí ảo tưởng và xung đột bên trong Đoàn kết, có vẻ đối với tôi rằng vấn đề cốt yếu đã không liên quan đến sự chia rẽ giữa “những người cấp tiến” và “những người ôn hòa,” hay sự tranh cãi giữa Walesa và Gwiazda,⁷ hay những luận chiến về sự đánh giá thích hợp vai trò mà KOR đã đóng. Trong cuộc xung đột quan trọng nhất, tư tưởng gốc của Đoàn kết đã được đặt chống lại xu hướng dân túy-toàn trị, mà tiếng hét lên của nó đã làm át đi mọi sáng kiến chiến lược được đề xuất. Nó đã xuất phát từ sự nghèo khổ, sự quá kích động, và chính sách mi dân; những người theo nó đã tuôn ra những khẩu hiệu về “những người Ba Lan chân chính.” Sự phân chia này đã có tương ứng với sự phân chia truyền thống giữa (cánh) hữu và (cánh) tả? Tôi đã nghĩ vậy lúc đó. Ngày nay, tôi nghĩ khác đi.

Những sự phân chia truyền thống hiển nhiên đã tạo ra sự nhạy cảm dễ biến đổi và những cách theo khuôn của tư duy chính trị. Các cuộc tranh luận cổ mà có xuất xứ trong những thời quá khứ đã quay trở lại. Chúng đã

⁵ Một cuốn sách (*Konspira* – Âm mưu) về các phỏng vấn với các nhà lãnh đạo của phong trào đối lập ngầm. Borusewicz đã là một thành viên của KOR và một trong các nhà tổ chức các nghiệp đoàn tự do ở vùng duyên hải Baltic.

⁶ Feliks Dzierzynski (1877-1926), lãnh tụ cách mạng Ba Lan và Bolshevik, đã là một nhà sáng lập và chủ tịch của Ủy Ban Đặc biệt Toàn Nga (Cheka), tổ chức cảnh sát mật Soviet đầu tiên. Chịu trách nhiệm về Khủng bố Đỏ, ông đã chết như một người ủng hộ mạnh của Stalin.

⁷ Khi tình hình trở nên ngày càng căng thẳng, những xung đột bên trong Đoàn kết đã tăng lên. Ba tuần trước cuộc đảo chính quân sự, Andrzej Gwiazda và mười bốn thành viên khác của ủy ban Đoàn kết Gdansk đã từ chức để phản đối chống lại cái họ đã tin là lập trường hòa giải quá mức của Walesa đối với chính quyền.

liên quan đến các vấn đề như địa vị của Giáo hội, mức độ thích hợp của sự thể tục hóa, và vân vân. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng ở Ba Lan xung đột giữa phái hữu và phái tả thuộc về quá khứ. Nó đã được dùng để chia một xã hội bị xé bởi những cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản vì các quyền tự do, các quyền bỏ phiếu phổ quát, cải cách ruộng đất, thể tục hóa, ngày làm việc tám giờ, phúc lợi, giáo dục nhà trường phổ quát, hay dân chủ hóa văn hóa. Một sự phân biệt khác trở nên quan trọng trong thời đại của chế độ độc tài toàn trị: sự phân biệt giữa những người chủ trương một xã hội mở và những người chủ trương một xã hội đóng. Trong trường hợp đầu, trật tự xã hội dựa trên chế độ tự quản và các thỏa thuận tập thể; trong xã hội sau, trật tự đạt được thông qua sự trấn áp và kỷ luật. Trong tầm nhìn của một xã hội mở, nhà nước hành động như người bảo vệ sự an toàn cho các công dân; trong tầm nhìn của một xã hội đóng, nhà nước là một ông chủ và đốc công, người quyết định tất cả các phương thức tồn tại của xã hội.

Tính không thỏa đáng của những phép phân loại truyền thống đã được Vladimir Bukovsky⁸ chỉ ra rồi vài năm trước. Không lâu sau cuộc trao đổi nổi tiếng về chuộc Corvalan, Bukovsky đã được hỏi liệu ông thuộc về phe cánh tả hay phe cánh hữu. Câu trả lời của ông: “Chúng tôi chẳng từ trại [camp có nghĩa là phe hay trại] tả cũng chẳng từ trại (phe) hữu, chúng tôi từ trại tập trung.” Và điều đó đúng.

Tôi đã cố ý gọi lại Bukovsky. Cuốn sách của ông đã được in bởi nhiều nhà xuất bản ngầm và đã gặt hái thành công lớn ở Ba Lan. Điều này cho thấy rằng quan điểm đạo đức của Bukovsky, được bày tỏ rất hay trong hồi ký của ông, tương ứng gần gũi với cách nhìn tinh thần của phong trào phản kháng Ba Lan. Nó cũng cho thấy rằng những người của Đoàn kết nhìn tương lai không như một chuỗi những sự bùng nổ của sự thù hận bộ lạc mà như một hệ thống mới của các mối quan hệ giữa các dân tộc, mà sẽ dựa trên những nguyên lý của tự do và bình đẳng. Trào lưu bên trong Đoàn kết mà hoạt động vì tầm nhìn này là mạnh và dứt khoát. Như bằng chứng, người ta có thể trích dẫn nhiều xuất bản phẩm trong những sách lưu thông độc lập bởi những người Czech (đặc biệt bởi Vaclav Havel cực kỳ nổi tiếng), những người Hungary, Lithuania, và Ukraina. Vấn đề của các mối quan hệ tương lai với các láng giềng của chúng ta đã trở thành một chủ đề cho suy ngẫm bởi những nhà văn chính trị như Poleski, Podlaski, và Jan

⁸ Vladimir Bukovsky, nhà khoa học và tác giả người đã nhiều năm ở trong những nhà tù và bệnh viện tâm thần Soviet, đã được trao đổi trong năm 1976 cho Luis Corvalan lãnh tụ đảng cộng sản Chile bị tù.

Józef Lipski. Tất nhiên, cũng có những quan điểm khác, nhưng trào lưu này, cả ở đây và trong các tác phẩm lưu vong, là không thể bỏ qua.

Nhưng đạo đức học không thể thay thế cho một cương lĩnh chính trị. Vì thế chúng ta phải nghĩ về các mối quan hệ Ba Lan-Nga tương lai. Tư duy của chúng ta về vấn đề then chốt này phải là ngò; nó phải xem xét nhiều khả năng khác nhau. Như thế chúng ta không được loại trừ khả năng về một sự thay đổi trong chính sách đối ngoại Soviet mà có thể mang lại sự thỏa hiệp bên trong lĩnh vực có thể đạt được. Chúng ta hãy nhớ rằng sự thỏa hiệp giữa Liên Xô và Phần Lan đã đến sau một cuộc chiến tranh giữa hai nước này.

Nhà nước Soviet có một lãnh đạo mới; ông là biểu tượng của sự chuyển đổi từ một thể hệ sang thể hệ tiếp theo bên trong elite Soviet. Sự thay đổi này có thể tạo ra một cơ hội, vì Mikhail Gorbachev vẫn chưa trở thành một tù nhân của các quyết định của chính ông. Không ai có thể loại trừ khả năng rằng một xung lực cải cách sẽ xuất phát từ đỉnh của hệ thống thứ bậc quyền lực. Đây chính xác là những gì đã xảy ra trong thời của Alexander II và, một trăm năm sau, dưới thời Khrushchev. Cải cách là luôn luôn có thể, ngay cả trước mặt của sự phản kháng của bộ máy cũ. Các nhà lãnh đạo của Kremlin có thể muốn chấp nhận thách thức của sự hiện đại; họ có thể bắt đầu tìm kiếm mô hình mới của các mối quan hệ với các chư hầu. Tư tưởng chính trị Ba Lan phải được chuẩn bị cho sự bất ngờ này. Nỗi ám ảnh sợ và những mối xúc cảm chống-Nga không cung cấp [giải pháp] thay thế nào.

Tính đại chúng của sách của Bukovsky chứng tỏ rằng những nỗi ám ảnh sợ như vậy là không phải không thể tránh khỏi, trong phe dân chủ ở Nga có đông đảo bạn bè ở Ba Lan và phong trào dân chủ Nga là một đồng minh tự nhiên của phong trào tự do ở Ba Lan, như các phong trào giải phóng dân tộc khác ở bên trong đế chế Soviet, đặc biệt ở Ukraine láng giềng, mà là dân tộc bị thảm nhất ở châu Âu. Nhưng đây là những nhận xét chung, ngay cả một phác họa thô về tương lai của phần của chúng ta trên thế giới là vẫn chưa rõ. Trong khi những căng thẳng tồn tại, không biết chắc chúng có thể được giải quyết thế nào. Việc này đòi hỏi sự thận trọng, sự tránh những rủi ro vốn có trong giáo điều cứng nhắc, và sự kiên nhẫn. Sự hạn chế có thể nhận thấy như thế trong phong trào Ba Lan đã là do những cân nhắc này, và không phải, như một số nhà phê bình cho rằng, là do sự mù quáng dân tộc chủ nghĩa.

Cũng chẳng đúng để buộc tội Đoàn kết về thuyết giáo quyền. Sự tôn trọng đối với Giáo hội đã chẳng bao giờ kéo theo sự lệ thuộc chính trị của nghiệp đoàn. Những kiến nghị để xây dựng một phong trào nghiệp đoàn

dựa trên Giáo hội Công giáo, mà đã xuất hiện trong vài năm qua, nói chung đã có đặc tính bên lề. Chúng đã bị TKK và cả Lech Walesa nữa bác bỏ.

Vai trò to lớn của Giáo hội Công giáo ở Ba Lan, được biểu lộ hết sức ngoạn mục trong thời gian viếng thăm của giáo hoàng hai năm trước, đã gây ra nhiều bình luận, thường không thuận lợi, từ các nhà quan sát nước ngoài. Các quý ông này phải nghe quan điểm của một cá nhân (bản thân tôi) người đã chưa bao giờ bị kết tội theo các lời chỉ dẫn của Giáo hội trong các bài viết của mình: Giáo hội không là, và không nên là một định chế chính trị. Các giám mục không là, và không nên là các đại diện của những khát vọng chính trị của những người Ba Lan. Nhưng Giáo hội Công giáo là định chế duy nhất ở Ba Lan mà cùng một lúc hợp pháp và đáng tin, độc lập với cấu trúc quyền lực toàn trị và được nhân dân chấp nhận hoàn toàn. Giáo hoàng đối với những người Ba Lan là người thầy vĩ đại nhất về các giá trị và nghĩa vụ con người. Thực tế này có các hệ lụy hiển nhiên, giữa chúng là nghĩa vụ của giới tăng lữ để nói thẳng về các vấn đề có tầm quan trọng lớn nhất đối với đời sống đạo đức của nhân dân. Vấn đề vi phạm những quyền con người không thể bị loại trừ khỏi nghĩa vụ này. Như thế, khi các giám mục phê phán các chiến dịch thù hận, lên án những vụ giết người, hay cầu xin sự đối thoại thay cho đàn áp, họ đang bày tỏ những khát vọng, kể cả những khát vọng chính trị, của tuyệt đại đa số những người Ba Lan.

Một số người, được hình dung một cách rộng rãi rằng có những mối quan hệ mật thiết với Hội đồng Giám mục, đôi khi đã bày tỏ quan điểm rằng Đoàn kết thực sự không còn tồn tại nữa. Điều này đã gây ra những sự phản đối có thể hiểu được từ những nhà hoạt động Đoàn kết. Chúng ta hãy bỏ qua vấn đề về sự đúng đắn hay vụng về của những tuyên bố như vậy, mặc dù đối với tôi chúng thường có vẻ không hợp thời và không đúng chỗ. Chúng ta hãy lưu ý, tuy vậy, rằng từ quan điểm của một giám mục Công giáo là hoàn toàn duy lý để không gắn các lợi ích dài hạn của Giáo hội vào số phận của ngay cả nghiệp đoàn hay phong trào xã hội cao quý nhất. Giáo hội Công giáo đã tồn tại trong các nền quân chủ phong kiến và các nền cộng hòa tư sản, dưới sự chiếm đóng nước ngoài và chế độ độc tài toàn trị. Trong mỗi tình huống, nó đã tìm kiếm một modus vivendi (cách sống) phù hợp với thực tế xung quanh. Có vẻ rằng hiện tại chúng ta cũng đang chứng kiến một sự tìm kiếm như vậy. Nếu giả thuyết trên là đúng và dường như được xác nhận bởi những cuộc tấn công tập trung của bộ máy tuyên truyền chính thức chống lại Giáo hội, thì người ta có thể phỏng đoán rằng kiểu mẫu vai trò của Giáo hội được Hồng Y Wyszyński tạo ra vẫn phải cung

cấp một khung khổ tham chiếu cho các giám mục. Nó là một kiểu mẫu mà đã đưa Công giáo Ba Lan đến một thành công lớn ngoạn mục. Chúng ta hãy lưu ý rằng các yếu tố cốt yếu trong kiểu mẫu này được xây dựng trên phép biện chứng mà các cực của nó là ngoại giao và làm nhân chứng, sự thỏa hiệp và sự phản kháng đã là sự đồng nhất hoàn toàn của Chủ chăn với các con chiên của ngài. Những người sau thường được hình dung như nhân dân của Chúa cả trong tham chiếu đến các mối quan hệ bên trong Giáo hội và đến các mối quan hệ giữa nhân dân và các nhà chức trách cộng sản. Đây đã là một tiền đề đúng trong thời kỳ Stalinist, bởi vì sự ngự trị của khủng bố đã không để khe hở nào cho hoạt động độc lập. Ngày nay, trong thời đại Đoàn kết, tiền đề này đã trở thành hoàn toàn sai. Có lẽ nguồn gốc của một số bình luận ầu về Đoàn kết, những bình luận gán các thái độ nửa-cộng sản cho một số nhà hoạt động của nó, phải được tìm trong sự không chính xác của những chuẩn đoán của các tác giả của chúng về tình hình hiện tại.

Nhưng không gì có thể thay đổi sự thực rằng Giáo hội Công giáo là một tài sản to lớn cho những người Ba Lan. Và không chỉ bởi vì các nhà thờ được dùng như các trụ sở cho các ủy ban giúp đỡ các nạn nhân của sự đàn áp, hay bởi vì các giáo sĩ nói thẳng nhân danh những người bị hại và bị ngược đãi; không chỉ bởi vì các tòa nhà thờ ngân vang những lời của một nền văn học Ba Lan tự do và âm thanh của nhạc Ba Lan, hay bởi vì các bức tường của chúng được trang trí bằng các tác phẩm của các họa sĩ Ba Lan; và không chỉ bởi vì Giáo hội đã trở thành một nơi nương náu cho một nền văn hóa Ba Lan độc lập. Giáo hội là định chế quan trọng nhất ở Ba Lan bởi vì nó dạy tất cả chúng ta rằng chúng ta có thể cúi đầu chỉ trước Chúa.

Những gì sẽ xảy ra tiếp sau?

Mặc dù nó là một câu hỏi cần thiết, tôi có thể cung cấp chỉ một phần câu trả lời. Tôi xác nhận rằng những người Ba Lan không kỳ vọng bất kỳ sự giúp đỡ nào từ bên ngoài. Họ không đặt số phận của họ vào Reagan, hay vào các tên lửa Pershing, họ không có hy vọng dựa vào kết quả của các cuộc đàm phán ở Geneva. Mặc dù họ vui sướng nhận mọi cử chỉ đoàn kết của thế giới bên ngoài, họ hoàn toàn biết (và sẵn sàng nói điều này cho những người khác) rằng họ phải, và sẽ, đặt niềm tin của họ chỉ vào bản thân họ. Họ biết rằng không ai khác có thể giúp họ qua sự thử thách hiện tại của họ.

Không ai có thể là một nhà tiên tri trong chính nhà mình. Hợp lý, có thể chỉ để nói rằng không nguồn nào của những căng thẳng đã được loại bỏ, và rằng không vấn đề cốt yếu nào đã được giải quyết. Sự bình thường

hóa, theo nghĩa đạt được một sự hiểu nhau, đã hóa ra là một ảo tưởng. Sự bình thường hóa với tư cách sự bình định hóa đã trở thành một thảm họa không địu bớt. Như thế bây giờ những gì có thể xảy ra?

“Những người theo trào lưu chính thống” nói: không thỏa hiệp. Nói về sự thỏa hiệp, đối thoại, hay sự hiểu nhau là giải ngũ công luận, lừa công chúng, truyền bá ảo tưởng. Những tuyên bố của Walesa về sự sẵn sàng đối thoại đã thường bị phê phán nghiêm khắc từ quan điểm này.

Tôi không chia sẻ quan điểm chính thống. Đúng rằng một sự thỏa hiệp không thể đạt được bằng sự cầu xin và rằng là vô ích đi giải thích cho những người cộng sản vì sao một sự thỏa hiệp sẽ có thể là một giải pháp hợp lý. Đây là vì sao những lời kêu gọi bởi “các nhà tân thực tế” (neorealist) là đáng thương hại và suông đến vậy; các tác giả của chúng phải cẩn thận về việc vượt qua đường ranh mỏng manh chia tách sự suy đoán chính trị khỏi sự cộng tác. Khi Walesa tuyên bố sự cần thiết cho thỏa hiệp ông lột mặt nạ những ý định của chính quyền; khi cùng thứ được nói bởi một nhà tân thực tế, người tránh nhắc đến từ Đoàn kết như tránh dịch hạch, anh ta gửi lời nhắn đến chính quyền về sự sẵn sàng của chính anh ta để tham gia vào việc giết nghiệp đoàn của chúng ta.

Logic của trào lưu chính thống loại trừ bất cứ cố gắng nào để tìm sự thỏa hiệp, ngay cả trong tương lai. Nó nuôi dưỡng không chỉ lòng tin rằng những người cộng sản là không thể giáo dục được mà cả một sự tin chắc rằng họ không có khả năng cư xử một cách duy lý, ngay cả trong các tình huống nguy kịch, nói cách khác, rằng họ bị kết tội ngoan cố tự tử.

Điều này không hiển nhiên đến thế đối với tôi. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng những người cộng sản đôi khi đã bị hoàn cảnh buộc phải cư xử một cách duy lý và đồng ý với những thỏa hiệp. Như thế chiến lược về hiểu nhau phải không bị quăng sang một bên. Chúng ta không được giả thiết rằng một sự đối đầu đẫm máu là không thể tránh khỏi và, do đó, loại trừ khả năng của sự thay đổi tiến hóa, không đổ máu. Điều này càng phải bị bác bỏ thậm chí nhiều hơn bởi vì nền dân chủ hiếm khi được sinh ra từ những chấn động đẫm máu. Chúng ta phải rõ ràng trong đầu mình về điều này: xung đột tiếp tục có thể tự biến thành hoặc một sự đối thoại hoặc một sự bùng nổ. TTKK và Walesa đang làm mọi thứ trong quyền hạn của họ để làm cho đối thoại là có thể. Cơ hội thành công của họ sẽ lớn hơn nếu mức tự-tổ chức của xã hội Ba Lan độc lập tăng lên. Cho việc hành hình ngoài đường phố, các đám đông giận dữ là đủ; sự thỏa hiệp đòi hỏi một xã hội được tổ chức. Trong các hoạt động của mình chúng ta cũng phải cẩn trọng để ý đến bản đồ chính trị thế giới. Số phận của Ba Lan, đáng tiếc, bị quán

vào xung đột siêu cường; chúng ta đã bị nó khuấy phục vài lần trong quá khứ.

Tổng thống Roosevelt một lần đã gọi Ba Lan là lương tâm và sự truyền cảm hứng của thế giới, thế nhưng tuyên bố này đã không có tác động nào lên những quyết định của Mỹ tại Yalta. Ngày nay, không tầm quan trọng đặc biệt nào nên được gán cho những lời tuyên bố chỉ bằng lời nói. Nhưng tuy nhiên nếu chúng ta thấy tầm quan trọng nào đó trong những tuyên bố như vậy thì là bởi vì chúng có vẻ báo trước một sự thay đổi quan trọng về hướng của các chính sách của Hoa Kỳ. Tuyên truyền cộng sản kết tội Tổng thống Reagan về tư tưởng hóa chính sách đối ngoại. Thực vậy. Có vẻ cứ như Hoa Kỳ, bắt đầu với Tổng thống Carter, đã bắt đầu sự thách thức tư tưởng này. Sự đáp lại này đã là một sự biểu lộ của một lòng tin rằng kết quả của cuộc xung đột sẽ được quyết định không chỉ bởi nguyên tắc của sức mạnh mà cũng bởi sức mạnh của các nguyên tắc. Đây là lý do cho việc Mỹ bác bỏ sự diễn giải Soviet về détente (sự hòa hoãn), mà có thể được quy giản về một triết lý đơn giản: “Khi anh cầm quyền, tôi đòi quyền tự do cho bản thân tôi trên cơ sở của các nguyên tắc của chính anh; khi tôi cầm quyền, tôi lấy đi quyền tự do của anh bởi vì các nguyên tắc của tôi là như vậy.”

Những gì xảy ra ở Ba Lan cung cấp một minh họa cô điển về triết lý cộng sản về sự cùng tồn tại hòa bình. Trong chừng mực nào đây, suốt từ Yalta, Ba Lan đã là bãi thử, một mẫu giấy quỳ chính xác của những ý định Soviet về chính sách đối ngoại. Bạn muốn biết các mục tiêu của Kremlin là những gì? Bạn có muốn giải mã ý nghĩa của những lời kêu gọi hòa bình của nó? Hãy nhìn vào Ba Lan. Các tướng lĩnh của chúng tôi nói thường xuyên về sự hòa hợp dân tộc và đối thoại với xã hội như các đồng chí Soviet của họ thường xuyên nói về détente và các cuộc đàm phán hạn chế vũ khí. Ngôn ngữ của những người cộng sản có một tính khác thường nào đấy, các từ của nó được viết theo một cách và được hiểu theo cách hoàn toàn khác. Trong ngôn ngữ này người ta viết “thỏa thuận” và được hiểu là “đảo chính quân sự.” Những sự thật này, tầm thường đối với những người Ba Lan, dần dần trở nên rõ ràng đối với cả các nhà Soviet học phương Tây nữa. Trong bất cứ trường hợp nào, có vẻ rằng lập luận này đã được chấp nhận bởi Tổng thống Reagan và ban tham mưu của ông. Nếu điều này đúng, thì phân tích của chúng ta, về cơ bản, không dựa trên niềm tin vào lương tâm của các chính trị gia phương Tây mà vào sự khôn ngoan và khả năng của họ để phân tích các sự thực một cách điềm tĩnh và đúng đắn. Nếu họ bỏ qua những khát vọng Ba Lan cho sự tự trị, họ sẽ phạm không chỉ

một sai lầm đạo đức mà cả một sai lầm chính trị nữa. Đây là sự hiểu của tôi về chính sách Mỹ đối với Ba Lan.

Nó là một chính sách khăng khăng đòi sự liên kết các mối quan hệ kinh tế với sự tôn trọng các quyền con người. Đây là cái đưa các nhà tuyên truyền cộng sản đến con giận điên cuồng. Họ liên tục lặp đi lặp lại rằng không nước đi nào của Mỹ có thể có bất cứ tác động nào lên chính sách của họ về bỏ tù các nhà đối lập chính trị. Họ nói dối. Ngay cả Joseph Stalin đã một lần bị buộc phải mở các cổng của phe ông và thả các tù nhân Ba Lan. Đây là cái gì đó đáng nhắc nhớ Jaruzelski, người muốn có được sự chấp thuận chính sách đàn áp của ông nhằm để bẻ gãy sự kháng cự bên trong một cách dễ dàng hơn. Ông muốn làm tan băng các mối quan hệ với phương Tây, nhưng theo các điều kiện riêng của ông ta. Nếu ông ta thành công nó sẽ tạo ra sự cổ vũ cho toàn bộ khối cộng sản, vì nó sẽ gửi đi thông điệp này: đàn áp quyền tự do sẽ chẳng tốn của bạn một xu. Vae victis! [khốn khổ cho kẻ bị đánh bại!].

Jaruzelski chiến đấu bây giờ để áp đặt phiên bản “bình thường hóa” của ông ta lên những người Ba Lan, và khiến cho nó được chấp nhận bởi các chính phủ phương Tây. Đối với những người Ba Lan ông ta nói: “Các vị không có cơ hội nào, chúng tôi sẽ bẻ gãy các vị bằng đàn áp. Tốt hơn hãy chấp nhận sự diễn dãi của tôi về hòa giải. Nó có nghĩa rằng mỗi người trong các vị, ngay cả Lech Walesa, sẽ được tự do để kính yêu và ca ngợi tôi.” Đối với phương Tây ông ta nói: “Nếu quý vị chấp nhận tôi như tôi là, có thể tôi sẽ lại tuyên bố ân xá.”

Tuy vậy, người ta không được để cho bẻ ngoài làm lạc lối. Sự yên ổn bên trong phụ thuộc vào các nước đi chính trị, không vào sự đàn áp của cảnh sát. Những cuộc bắt bớ và xử án định kỳ các nhà hoạt động Đoàn kết và các thầy tu Công giáo, tiếp theo bởi các đợt ân xá, không báo trước sự yên ổn và đối thoại nội bộ. Chúng là các dấu hiệu rằng các công dân được đối xử như các con tin trong “cuộc nội chiến lạnh” kéo dài. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh cho ân xá có thể được giải thích dễ dàng và, ở mức nhân đạo, là có thể hiểu được. Vì thế nó phải tiếp tục.

Tháng Bảy năm ngoái, các tướng lĩnh của chúng ta đã thua trận ân xá. Và họ cũng đã thua cuộc nội chiến lạnh nữa. Điều này không có nghĩa rằng họ sẽ ngừng gây chiến chống lại chúng ta, rằng họ sẽ không còn bắt cóc, đánh, và giết chúng ta nữa, rằng họ sẽ không đưa chúng ta vào nhà tù và kết án chúng ta như những kẻ du côn hay những kẻ lật đổ. Tôi không hề loại trừ chút nào khả năng rằng Tướng Jaruzelski, với sự khiêm tốn quân sự cảm động của ông ta, và Tướng Kiszczak, trong sự đơn giản quyền rũ của ông ta, lại sẽ không cướp của chúng ta vài năm nữa của cuộc đời. Họ

đã đạt được một sự thành thạo nào đó trong việc buôn bán này, và tôi không nghĩ rằng hình ảnh người dân ở đằng sau chấn song sắt lại giữ họ thức vào ban đêm (phải, có lẽ với ngoại lệ của Đại tá Pietruszka và Đại úy Piotrowski). Ngược lại: mỗi lệnh bắt kế tiếp xác nhận ý thức của họ về nghĩa vụ được thực hiện tốt. Mỗi bản bị tịch thu của một cuốn sách của Milosz, Herbert, Kolakowski, Gombrowicz, Brandys, và Konwicki cải thiện sự ham muốn của họ. Mỗi người bị nhà tù đánh gục là một chiếc lá trong vòng nguyệt quế của họ. Và họ nghĩ rằng việc này có thể tiếp tục mãi mãi.

Tôi muốn đảm bảo với họ rằng họ sai. Họ quá tự tin. Họ quên sự không thể tránh khỏi của sự bất ngờ trong chính bản chất của Hệ thống Dẫn đầu. Ở đây, vào một buổi sáng mùa xuân, người ta có thể thức dậy trong một nước hoàn toàn thay đổi. Ở đây hơn một lần các tòa trụ sở Đảng đã cháy trong khi các chính ủy đã trốn chỉ mặc đồ lót. Edward Gierek, đã được Brezhnev và Helmut Schmidt yêu mến đến vậy, đã được Giscard d'Estaing và Carter khinh trọng đến vậy, chỉ trong vòng một tuần lễ đã đi từ đỉnh cao quyền lực vào sự quên lãng. Sic transit gloria mundi (về huy hoàng của thế giới trôi qua như thế). . . .

Ngồi trong các văn phòng tiện nghi của họ, đi xuống các hành lang quan liêu, nghe những sự tố giác của phe đối lập được mang vào bởi những tay sai của họ, các tướng lĩnh không biết những người dân thường nghĩ gì. Nhưng chúng tôi, mặc dù là các tù nhân, biết rất kỹ. Đó là vì sao, từ góc nhìn của tôi, tôi ước mong vì lợi ích của họ rằng xung đột ở Ba Lan cuối cùng hóa thành đối thoại. Nếu nó hóa thành một sự bùng nổ họ sẽ quy giản về việc tìm kiếm Lis hay Frasyuniuk để bảo vệ họ khỏi tầm với của lửa.

Tôi sẽ không viết về trường hợp của riêng tôi. Tại phiên xử tôi hy vọng để bóc trần toàn bộ cấu trúc của sự khiêu khích của cảnh sát mà đã được chuẩn bị, một cách cầu thả, bởi các bạn thân của Đại úy Piotrowski ở Gdansk. Tôi muốn, tuy vậy, kết thúc với vài nhận xét cá nhân.

Trong sáu tháng, tôi đã không thể viết một từ duy nhất. Các bạn tôi đã nói đùa rằng tôi phải được đưa lại vào nhà tù. Một cách đùa bỡn, tôi đã kết luận rằng họ đã đúng. Và bây giờ nó đã xảy ra: tôi đã bị nhốt, và tôi đã viết một tiêu luận chính trị. Sẽ là nhỏ mọn từ phía tôi nếu tôi đã không công nhận người đã gây cảm hứng cho tôi, đại tướng đã ra lệnh bắt tôi. Tôi ở cùng bạn bè tốt như Wladyslaw Frasyuniuk và Bogdan Lis. Vì thế, đại tướng kính mến, tôi hàm ơn ông vì sự theo dõi kỹ lưỡng của ông đối với từng bước chân của tôi và vì sự cung cấp cho tôi định hướng đúng cho

những suy ngẫm của tôi. Tôi không biết tôi sẽ làm gì mà không có những gợi ý của ông và sự ủng hộ nhân từ như cha. Cảm ơn ông rất nhiều.

Tôi có thể nói gì hơn? Chúng ta sống trong thời kỳ thật lý thú. Chúng ta chứng kiến sự tranh sáng tranh tối cần cỗi của thế giới cũ của chế độ độc tài toàn trị.

Chúng ta, những người của Đoàn kết, đã bị đặt vào một thử thách khó khăn. Nhưng cho dù nó trở thành một sự thử lửa, lửa tẩy sạch và làm sạch cái nó không thể đốt cháy. Tôi không sợ lửa của các tướng lĩnh. Không có sự cao cả về họ: sự nói dối và vũ lực là vũ khí của họ; sức mạnh của họ xuất phát từ khả năng của họ để thả bản năng đen tối nhất và đê tiện nhất trong chính chúng ta. Tôi chắc chắn rằng chúng ta sẽ thắng. Sớm hay muộn, nhưng tôi nghĩ sớm hơn, chúng ta sẽ bỏ các nhà tù và ra khỏi hoạt động ngầm lên quảng trường tự do sáng sủa. Nhưng chúng ta sẽ giống gì khi đó?

Tôi sợ không phải những gì họ sẽ làm với chúng ta, mà sợ những gì họ có thể biến chúng ta thành. Vì nhân dân, những người không được luật pháp che chở trong một thời gian dài, có thể dựa vào những chấn thương và xúc cảm của riêng họ mà, đến lượt, chúng bóp nghẹt lý trí của họ và khả năng của họ để nhìn thấy thực tế. Ngay cả những người tài giỏi nhất có thể bị làm cho sa ngã bởi những năm bị ngược đãi và cú sốc của việc lấy lại tầm vóc đã mất của họ. Tôi cầu nguyện rằng chúng ta không trở về giống những con ma căm ghét thế giới, không thể hiểu nó, và không có khả năng sống trong nó. Tôi cầu nguyện rằng chúng ta không thay đổi từ các tù nhân thành các cai tù.

Chúng ta biết rằng ngày nay chúng ta cần những sự cố gắng thuộc nhiều loại. Chúng ta cần các cấu trúc phản kháng ngầm và chúng ta phải phân đấu cho hoạt động công khai. Chúng ta phải hành động với sự nhất quán và, trên hết, với sự kiên nhẫn. Người ta không thể lặp lại từ khiếm tốn này quá thường xuyên, nó là một tuyên bố của một dân tộc có tham vọng và kiên gan, một tuyên bố của hy vọng bất khuất.

Chúng ta sống trong một trạng thái treo kỳ lạ. Chưa có gì được định đoạt cả. Số phận lớn của quốc gia và những số phận nhỏ của người dân vẫn do dự chưa ngã ngũ. Chúng ta bị mắc bẫy bởi cảm giác bơ vơ và bất lực gây nhục nhã. Điều này có đúng không?

Trong năm 1942 Czeslaw Milosz đã viết: “trong một thời khắc lịch sử khi chẳng có gì phụ thuộc vào con người, thì mọi thứ phụ thuộc vào anh ta, sự thật nghịch lý này được bộc lộ ngày nay với sức mạnh đặc biệt.”

Và hôm nay cũng thế . . .

ĐOÀN KẾT

CHÚ THÍCH CỦA BIÊN TẬP VIÊN. Các văn bản trong phần này được viết trong thời gian tồn tại hợp pháp của công đoàn Đòà kết [tháng Tám 1980 – tháng Mười Hai 1981]. Chủ đề chính là sự tìm kiếm thỏa hiệp giữa các nhà chức trách và xã hội.

Một thời Hy vọng 1980

Tất cả mọi người đều biết về những ngày tháng Tám đặc biệt này. Thời gian này các phương tiện thông tin đại chúng đã buộc phải theo dõi đưa tin các sự kiện một cách tỉ mỉ, và tuy tin tức còn xa mới khách quan, nhân dân đã có khả năng hình thành những ý kiến về tình hình ở Ba Lan.

Việc ký các thỏa thuận được tiếp theo bởi một cơn lũ của những phóng sự và bình luận. Các báo đã nói thẳng, sử dụng ngôn ngữ cho đến lúc đó chỉ xuất hiện trong báo chí không bị kiểm duyệt. Mọi người đã hóa ra là một người lên mặt dạy đời, một người đối lập, hay một người không theo lẽ thói. Các đại biểu Quốc hội đã bắt đầu nói theo ngôn ngữ của Đài Châu Âu Tự do, trong khi các ủy viên Trung ương diễn đạt những bài phát biểu của họ cứ như họ đã là các biên tập viên của tạp chí Paris *Kultura*.

Tất cả những người quan sát đã nhấn mạnh quyết tâm lặng lẽ của những người đình công, kỷ luật tự phát đã ngự trị trong các doanh nghiệp đình công, tính chín chắn của những đòi hỏi của công nhân.

Làm sao người ta có thể giải thích sự khôn ngoan và tính chín chắn này? Theo ý tôi nó đã cho thấy sự biến đổi của những sự chịu đựng hàng ngày thành những đòi hỏi xã hội và chính trị, và đã biểu lộ một sự đánh giá chính xác và điềm tĩnh về những khả năng thực tế. Danh mục các vấn đề được trình bày bởi MKS [Ủy ban Đình công Liên-Nhà máy] Gdansk đã đề xuất một sự thay đổi thực sự trong hệ thống chính phủ nhưng đã kiểm chế mình ở đường viền được xác định bởi sự hiện diện chính trị và quân sự Soviet trong phần của chúng ta ở châu Âu.

Công nhân đã đấu tranh vì các quyền và lợi ích của toàn bộ xã hội. Họ đã chiến đấu vì các quyền xã hội và một sự gia tăng mức sống, các quyền dân sự và quyền tự do ngôn luận, quyền đối với sự tự trị của cá nhân và các nghiệp đoàn độc lập, các quyền đạo đức và sự phống thích các tù nhân chính trị.

Sự tiến hóa của những hình thức phản kháng của công nhân đáng được chú ý. Những công nhân những người mà trong tháng Mười Hai năm 1970 đã giành được cho chính mình các quyền phủ quyết thực sự và những người đã tận dụng chúng trong tháng Sáu năm 1976 lần này đã buộc các nhà chức trách phải thừa nhận nguyên tắc của các hòa ước xã hội. Việc tổ chức rất tốt đình công đã làm cho sự thay đổi là có thể mà không có đổ máu. Sự tồn tại của các đại diện công nhân đã tha cho các trụ sở đảng ủy trên khắp Ba Lan khỏi bị đốt cháy. Những người nắm quyền phải nhận ra rằng phong trào đối lập càng được tổ chức tốt hơn, nó càng là một phong

trào hơn và ít là một cơn bốc đồng hơn, và vì thế những cơ hội của một sự thỏa hiệp thực tế giữa chính quyền và người bị trị càng lớn hơn.

Các cuộc đình công tháng Bảy-tháng Tám mà đã làm tất cả mọi người ngạc nhiên với quy mô và trình độ tổ chức của chúng đã không là sự ngạc nhiên đối với phe đối lập dân chủ. Báo chí độc lập đã thu hút sự chú ý đến hướng thâm họa mà các chính sách của chính phủ đã gây ra, trong khi tuyên bố của Ủy Ban Bảo vệ Công nhân (KSS, “KOR”) đã cảnh cáo thường xuyên về các hậu quả tai hại của chúng. Đã có nhiều cảnh cáo như vậy, đến từ các trí thức và các nhà văn cũng như từ những đảng viên của đảng. Không ai trong bộ máy quyền lực có quyền miễn thứ cho mình bởi sự cho rằng tình hình đã làm anh ta bất ngờ. Đặc biệt không đối với những người mà trong vài năm qua đã chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy tuyên truyền và các chiến dịch cảnh sát chống lại các định chế độc lập và các nhà hoạt động đối lập dân chủ. Là đủ để đọc các xuất bản phẩm và các bản thảo bị tịch thu trong những cuộc lục soát nhà ở để biết cái gì đang xảy ra ở Ba Lan. Họ cũng đã có thể tìm hiểu về những hoạt động của nhóm xung quanh Nghiệp đoàn Lao động Tự do vùng Duyên hải (WZZ)¹ và các biên tập viên của tờ *Robotnik*, với Hiến chương về Các quyền của Công nhân,² và vân vân.

Ở đây chúng ta phải tỏ lòng kính trọng đối với các nhà tổ chức Nghiệp đoàn Lao động Tự do vùng Duyên hải và các biên tập viên của *Robotnik*. Chính họ là những người đã vạch ra và đã truyền bá ý tưởng về sự tự tổ chức và các đòi hỏi của công nhân, và chính nhờ họ, ở mức độ lớn, mà chúng ta có được việc thực hiện những đòi hỏi của công nhân và sự tiến bộ hòa bình của các cuộc đình công. Chúng ta phải nói cùng thể về vai trò của Jacek Kuron, người đã có khả năng tổ chức một ngân hàng dữ liệu

¹ Nghiệp đoàn Lao động Tự do vùng Duyên hải được tổ chức trong tháng Tư 1978 ở Gdansk bởi Andrzej Gwiazda, Joanna Duda-Gwiazda, và Bogdan Borusewicz, những thành viên của KOR và nhà hoạt động sinh viên năm 1968 trước đây. Nhóm nhỏ bao gồm, giữa những người khác, Lech Walesa, Anna Walentynowicz, Anna Pienkowska, và Bogdan Lis.

² *Robotnik* (Công nhân), một trong những xuất bản phẩm của KOR, xuất hiện lần đầu tiên vào tháng Chín 1977. Được viết cho các bạn đọc giai cấp lao động, *Robotnik* đã phát triển đáng kể và vào giữa năm 1978 số bản in đã lên đến 20,000 bản bán nguyệt san đã được xuất bản. Nghiệp đoàn Lao động Tự do vùng Duyên hải đã có một ấn bản khu của nó được gọi là Công nhân Duyên hải. Hiến chương về các Quyền của Công nhân đã được in trong số tháng Tám 1979 của *Robotnik*, một năm trước khi Đoàn kết nổi lên. Nó đã là một cương lĩnh cho việc lập ra nghiệp đoàn độc lập được ký bởi hơn một trăm nhà hoạt động nhân quyền.

mà bắt đầu từ đầu tháng Bảy đã thông báo cho công chúng về phong trào đình công ở khắp Ba Lan. Điều này nghe hơi nghịch lý, nhưng tôi tin rằng cũng đã như đối với phe đối lập, những người bị ngược đãi và bị phi báng, như đã do các nhà chức trách, mà chính quyền đã có được tính hòa bình của các cuộc đàm phán.

Cũng phải được nhắc lại bây giờ, khi những ký ức về những ngày cuối đầy kịch tính của tháng Tám vẫn còn tươi mới, rằng mọi mưu toan để vi phạm các thảo thuận tháng Tám, mọi cố gắng để khôi phục các phương pháp truyền thống của chính phủ, áp dụng phong cách dựa trên sự gian lận, sự kiểm duyệt, và sự áp bức, sẽ dẫn đến những bùng nổ xã hội mà sẽ làm cho các sự kiện tháng Tám có vẻ như một thời đại của hòa bình và ổn định. Tất cả các chính trị gia Âu châu phải biết về điều này.

Chính phủ phải nhận ra rằng việc thể chế hóa xung đột và thỏa hiệp là cách duy nhất để đặt đời sống công trên nguyên tắc hòa ước xã hội. Nếu không, chúng ta hãy lặp lại, thì ánh sáng duy nhất rọi lên những đường nét của tình trạng xã hội sẽ đến từ đám cháy thiêu trụi các trụ sở đảng.

Để cho các hòa ước xã hội hoạt động, tuy vậy, lương tâm xã hội phải được khắc sâu trong nó, những ranh giới chính trị không được vượt qua mà là một phần không thể tách rời của các hòa ước Gdansk và mà phải được bắt cứ ai ghi nhớ ngay khi họ nhớ lại Budapest bốc cháy và những xe tank Soviet trên các đường phố Prague.

Tôi không có ý định nào để thử làm bất cứ ai hoảng sợ với những xe tank Soviet. Tôi chỉ muốn nhắc đến ba sự thực tầm thường mà phải là hiển nhiên. Thứ nhất, các sự kiện mới đây đã cung cấp bằng chứng cụ thể rằng nhân dân Ba Lan đã không thể và đã không muốn tiếp tục sống dưới các điều kiện của đạo đức giả, của tình trạng bị giam cầm và sự bần cùng hóa. Chúng ta phải tự hào, với tư cách một quốc gia, rằng chúng ta đã có khả năng đòi lại các quyền của mình một cách khôn ngoan nhất trong tất cả những cách khả dĩ.

Thứ hai, cách sống của những người Ba Lan phụ thuộc không chỉ vào các mục tiêu và hành động của riêng họ mà cả vào sự ký gửi của họ, tại hội nghị Yalta, vào khu vực ảnh hưởng Soviet, với sự ưng thuận của các nước Liên Minh Đại Tây Dương. Người ta có thể công phần về thực tế này, nhưng người ta không thể quên nó.

Một nhận xét hiển nhiên thứ ba bắt nguồn từ hai nhận xét đầu. Những khát vọng của những người Ba Lan đối với tự do và quyền tự quyết phải được thực hiện theo cách sao cho để khiến việc xâm lấn Ba Lan là có hại hơn việc không xâm lấn đối với những người Soviet.

Không ai có một lời giải cho những thế lưỡng nan này. Chắc chắn, không có giải pháp nào nổi lên từ những lời kêu gọi sự điều độ và chủ nghĩa hiện thực từ các nhà hoạt động và các nhà báo mà, giống như Ryszard Wojna, đã mất tín nhiệm bởi vì lịch sử lâu dài của họ về sự lảng mạ công luận với thân phận nô lệ liếm giày, thân Nga của họ, và thử hăm dọa tống tiền đất nước với bóng ma của một sự chia cắt Ba Lan lần nữa tại thời điểm nguy kịch. Chính những người này đưa ra sự đe dọa của các xe tank và kêu gọi lý trí sau bất cứ dấu hiệu nào của sự phản đối, bất cứ phản xạ tự do nào, bất cứ sáng kiến tự phát nào đến từ nhân dân bị giam cầm và bị làm nhục. Nghe tất cả điều đó hôm nay, tôi nghĩ: Vì sao những người này đã không kêu gọi sự điều độ và chủ nghĩa hiện thực từ Gierek và Jaroszewicz, khi những công nhân đã bị tra tấn ở Radom và Ursus [trong năm 1976], đã bị kết án vì những lời buộc tội bịa đặt vu cáo, khi mỗi tiếng nói phê phán bị gán cho là một sự bày tỏ tư thế phản dân tộc? Tôi không có ý định nào để thanh toán với bất kỳ ai vì những việc quá khứ, nhưng tôi muốn kêu gọi các nhà hoạt động và các nhà văn, những người đang âm ỉ tham gia phe của những người ủng hộ sự phản đối của công nhân và những người thúc đẩy sự thay đổi ở Ba Lan: các vị có thể đưa ra một hoặc hai lời giải thích về sự nói dối và vu oan giá họa của các vị trong quá khứ?

Chính phủ đáng được công nhận vì sự lựa chọn đàm phán của nó hơn là áp bức. Nhưng điều này không có nghĩa rằng các nhà chức trách nên hài lòng quá mức với mình. Đây chỉ là một bước đầu tiên trên con đường để xây dựng một thỏa thuận xã hội. Nhân dân đang chờ đợi một sự giải thích về các hành động của chính phủ trong thập kỷ qua, mà đã bắt đầu với những cuộc phản đối của công nhân từ các thành phố duyên hải và kết thúc với một sự phản đối khác trong các thành phố duyên hải. Nhân dân muốn một sự thanh toán (giải trình), không phải một sự truy quét phù thủy. Đừng để ai bị lừa phỉnh rằng có thể làm sao lảng sự chú ý của công chúng với vài phiên xử giả bộ hay với những chuyện về các villa và các du thuyền (yacht) sở hữu bởi Maciej Szczepanski [chủ tịch TV]. Nhân dân có quyền đối với toàn bộ sự thật về họ và về hoàn cảnh của họ. Chỉ sau đó chúng ta có thể nói về chủ nghĩa hiện thực và sự điều độ. Không có chủ nghĩa hiện thực nào mà không có sự thật về thực tế.

Và sự thật là, nước này không thể được cai trị mà không có một thỏa thuận với nhân dân. Và bất chấp những lời phát biểu được đưa ra trong những lễ kỷ niệm, nước này không độc lập. Và ngoài ra những người Ba Lan phải tính đến sự hạn chế chủ quyền của họ bởi những lợi ích quốc gia và ý thức hệ của Liên Xô. Và cuối cùng, những người cộng sản là các nhà

cai trị duy nhất ở Ba Lan mà các nhà lãnh đạo Soviet sẽ đồng ý, và không có dấu hiệu nào rằng điều này sẽ sớm thay đổi.

Chúng ta có thể rút ra những kết luận gì từ điều này? Rằng bất cứ cố gắng nào để cai trị ngược lại ý chí của nhân dân nhất thiết dẫn đến tai họa; rằng bất cứ sự cố gắng nào để lật đổ sự cai trị cộng sản ở Ba Lan là một sự cố gắng chống lại những lợi ích của Liên Xô. Thực tế là như vậy. Chúng ta có thể không thích nó, nhưng phải hiểu nó.

Bất chấp những gì những kẻ vu khống đang trực tại [các báo] *Trybuna Ludu* và *Zycie Warszawy* có thể xác nhận, tôi không thử để có được sự quảng cáo rê tiêng và sự nổi tiếng với những nhận xét này. Ngược lại, tôi biết rằng một số bạn tôi sẽ lên án tôi về từ bỏ các mục tiêu độc lập và dân chủ. Đối với họ tôi trả lời hoàn toàn chân thật: trong hoàn cảnh địa chính trị hiện thời tôi nghĩ rằng “việc chọn độc lập” và chế độ đại nghị là không thực tế. Tôi tin, tuy vậy, rằng chúng ta có khả năng để tổ chức sự độc lập của chúng ta từ bên trong, rằng bằng cách trở thành xã hội được tổ chức tốt hơn, hiệu quả hơn, thịnh vượng hơn mà làm giàu châu Âu và phần còn lại của thế giới với những giá trị mới và nuôi dưỡng sự khoan dung và chủ nghĩa nhân đạo, chúng ta sẽ đi tới độc lập và dân chủ. Nhưng tôi từ chối tham gia vào một cuộc đua để xem mong muốn của ai cho nền độc lập là lớn hơn, hay vào việc tạo ra ảo tưởng rằng điều không thể đã trở nên có thể.

Như thế cái gì là có thể hôm nay? Chủ nghĩa đa nguyên trong mọi lĩnh vực của đời sống công là có thể, việc thủ tiêu kiểm duyệt phòng ngừa là có thể, một cuộc cải cách hợp lý về kinh tế và các chính sách xã hội công bằng là có thể, báo chí và TV dựa trên nguyên tắc cạnh tranh và sự thật là có thể, quyền tự do học tập và sự tự trị cho các đại học là có thể, sự kiểm soát giá cả của công chúng và một phong trào để bảo vệ người tiêu dùng là có thể, các tòa án độc lập và các đồn cảnh sát nơi người dân không bị đánh cũng là có thể.

Có thể rằng chúng ta sẽ có được tất cả những thứ này, hết như chúng ta đã có được tự do cho những công nhân từ Radom và Ursus, một nền báo chí không kiểm duyệt, những xuất bản phẩm của riêng chúng ta, khả năng để vạch mặt tình trạng vô luật pháp, và sự công bằng như chúng ta đã có được nhờ sự sáng suốt và sự đoàn kết của các công nhân của các nghiệp đoàn lao động độc lập duyên hải.

Chúng ta phải giành giật tất cả những điều này từ các nhà chức trách bởi vì không dân tộc nào đã từng nhận các quyền của mình như một món quà. Nhưng khi chúng ta giật lấy nó, chúng ta hãy làm cho chắc chắn rằng chúng ta không xé nhà nước Ba Lan thành mảnh vụn, một nhà nước không

có chủ quyền, nhưng vẫn là một nhà nước dù sao đi nữa: một nhà nước mà không có nó thì số phận của chúng ta còn nặng nề hơn một cách không thể so sánh nổi.

Những người đối lập dân chủ sẽ tranh luận về đánh giá này. Một số sẽ coi chương trình này quá ôn hòa, những người khác sẽ coi nó là quá cấp tiến. Nhóm sau sẽ phải đưa ra một sự lựa chọn: Họ chấp nhận những nhượng bộ phóng khoáng của chính quyền bên trong các cấu trúc chính thức hiện hành, hay họ nhắm tới việc công nhận các định chế độc lập như một thành phần thường xuyên của đời sống dân sự Ba Lan? Để chọn sự lựa chọn thứ nhất và tán thành sự loại bỏ thêm khỏi đời sống công, chẳng hạn, các thành viên của KSS “KOR,” TKN, hay các biên tập viên của *Zapis*³ sẽ tương đương với đối xử với chính quyền như bạn trong khi quay lưng lại với các đồng minh trước kia. Nó cũng sẽ gây ra mối nguy hiểm của một sự lặp lại của sự rút lui mà đã xảy ra tiếp sau tháng Mười năm 1956, và sự rủi ro mất những thứ đã đạt được của tháng Mười hai năm 1970. Sự khiêu khích chính phủ trong thực tiễn đã luôn luôn dẫn đến sự đầu hàng trước chính phủ. Theo cách này, chính quyền đã phá vỡ sự thống nhất của xã hội vài lần, buộc nhân dân từ bỏ những biện pháp bảo vệ an toàn vốn có trong chủ nghĩa đa nguyên.

Là khó để tiên đoán chính quyền sẽ phản ứng thế nào. Chính phủ sẽ chắc chắn thử siết chặt thông lọng một lần nữa, việc này đã có thể thấy rõ trong những chương ngại được đặt trên con đường của các nghiệp đoàn độc lập mới, sự phong tỏa thông tin của cơ quan kiểm duyệt, những cuộc đàn áp, những cố gắng đe dọa nạt nhân dân, các cuộc tấn công chống lại cái gọi là các lực lượng phản xã hội chủ nghĩa, tức là, các trung tâm sáng kiến xã hội mà gây phiền phức cho chính phủ. Các nhà chức trách phải học nhiều trước khi họ hiểu rằng một cuộc đối thoại với xã hội không bao gồm việc khua dùi cui cũng chẳng bao gồm một sự độc thoại trên màn hình TV. Cách duy nhất có thể được dạy cho chính phủ về sự đối thoại thực sự là thông qua sự đoàn kết xã hội, một loại đoàn kết mà đã được các công nhân vùng duyên hải bày tỏ.

Mieczyslaw F. Rakowski, tổng biên tập của tờ *Polityka*, đã viết rằng nhiệm vụ chính đối với chính quyền ngay lúc này là để có được sự đáng tin. Tôi đồng ý với ông ta. Nhưng điểm quan trọng là sự tin nhiệm này sẽ không có được với những lời kêu gọi làm việc và lý trí mà với một sự thể

³ *Zapis* (1977-1982) đã là tạp chí không bị kiểm duyệt đầu tiên có liên hệ lỏng lẻo với KOR và được xuất bản hàng quý bởi các nhà văn Warsaw.

hiện sự tôn trọng thật đối với những khát vọng của công chúng. Những khát vọng này là cơ bản, thực tế, và được biện minh. Người ta có thể gọi là gì khác đòi hỏi để tiết lộ toàn bộ sự thật về cuộc tàn sát tháng Mười Hai năm 1970 và toàn bộ sự đối xử tội tệ đối với nhân dân tiếp sau tháng Sáu năm 1976? Không có sự thỏa mãn các đòi hỏi này, thì những lời kêu gọi chủ nghĩa hiện thực và các tuyên bố về một cuộc đối thoại sẽ vẫn chỉ là lời nói láo cốt để được khen. Tình hình sẽ không trở nên tốt hơn chút nào bằng việc luân chuyển người ở trên đỉnh, hay bằng việc đưa các bí thư mới của Ban Chấp hành Trung ương vào, hay bằng bổ nhiệm các ủy viên Bộ Chính trị mới và chọn ra những kẻ giờ đầu chịu báng mới. Chẳng còn ai tin vào các lãnh đạo là các nhà cứu tinh, không còn ai bị kích động nữa bởi tin đồn nhảm về những xung đột bên trong ban lãnh đạo đảng. Chẳng còn ai tin vào những sự thay đổi tốt đẹp hơn mà không có cái cách thể chế đảm bảo sự đa nguyên. Ngoài ra, không còn ai sẽ tin vào lời nói suông, mọi người đều chờ hành động.

Câu hỏi vẫn còn: một hệ thống như vậy có khả thi chút nào? Nó chẳng phải là một giai đoạn trong việc dỡ bỏ hệ thống cộng sản và trong sự tiến hóa của nó đến một hệ thống đa đảng? Câu trả lời là, những thế lực cộng sản ở Ba Lan đã học để cùng tồn tại với những tổ chức độc lập, chẳng hạn, với Giáo hội Công giáo độc lập và hùng mạnh. Quan trọng hơn, họ đã học rằng sự cùng tồn tại này có thể mang lại những ích lợi. Có vẻ rằng đối với các xã hội mà đã trải qua những thử thách lịch sử gay go, các giải pháp khả thi được sai khiến bởi một logic khác với logic của các sách giáo khoa. Trong tháng Tám, 1980, những người Ba Lan đã chứng minh cho tất cả mọi người rằng họ biết sức mạnh cũng như những hạn chế của họ. Họ đã cho một bằng chứng rõ ràng về những khát vọng của họ, và về sự nhận thức của họ về những hạn chế với những khát vọng này. Họ đã không đòi cái không thể, nhưng họ đã thúc đẩy những đòi hỏi thực tế với tính kiên định và tinh đoàn kết đến mức họ đã làm toàn bộ thế giới ngạc nhiên.

Tất cả những điều này cho phép tôi tin vào tính khả thi của một hệ thống lai, mà trong đó tổ chức toàn trị của nhà nước có thể được kết hợp với các định chế dân chủ trong xã hội. Giải pháp này, do chính bản chất của nó, sẽ là tạm thời, nhưng chẳng cái gì vĩnh cửu cũng như tạm thời. Sự cân bằng giữa xã hội và nhà nước sẽ tất nhiên là không vững và dễ thay đổi, giống như bất cứ sự cân bằng xã hội nào trong cái tốt nhất của tất cả các thế giới khả dĩ.

Đây là sự trả lời của tôi liên quan đến tính khả thi của một hệ thống như vậy. Như kinh nghiệm dạy chúng ta, dễ nhất để là một người bi quan.

Vì Ba Lan là một nước kỳ lạ, đặc biệt như [nhà văn] Antoni Slonimski đã nói. Ở Ba Lan, bất cứ việc gì đều có thể. Thậm chí sự thay đổi tốt lên.

Warsaw, tháng Tám-tháng Chín, 1980

Hy vọng và sự Nguy hiểm 1980

Bây giờ trong thời gian bốn tháng, Ba Lan đã là trung tâm của sự chú ý của thế giới. Ngày nay, giữa tháng Mười Hai [1980], tôi thử đưa ra một đánh giá ban đầu về tình hình. Các hòa ước Gdansk đã được ký vào ngày 31 tháng Tám. Chúng là Hiến chương Vĩ đại về các Quyền của Dân tộc Ba Lan. Chúng tạo thành cơ sở cho các mối quan hệ mới giữa chính quyền và xã hội, cơ hội duy nhất để vượt qua cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc mà đang làm tiêu tụy đất nước và đe dọa sự tồn tại tương lai của quốc gia chúng ta.

Cái Ba Lan cần là sự yên tĩnh và sự ổn định, mọi người đều đồng ý về điểm này. Thứ duy nhất mà về nó người dân không thống nhất là phương pháp để đạt được trạng thái yên bình đó. Đối với chính phủ lời giải là đơn giản: nhân dân phải ngừng tìm cách trả thù, ngừng đưa ra những đòi hỏi, và bắt đầu làm việc. Tất cả mọi người phải tập hợp xung quanh đảng và ban lãnh đạo mới của nó. Một trung tâm chính trị phải được tạo ra, một “mặt trận lý trí,” bao gồm những người cộng sản, những người Công giáo, những nhà hoạt động nghiệp đoàn, và tất cả những người có thiện chí. Vì tôi tin rằng chuẩn đoán của chính phủ là sai, không tương, và vì thế nguy hiểm, tôi sẽ tự cho phép hình thành ý kiến riêng của mình. Tôi tin rằng ý tưởng cho một “trung tâm” và một mặt trận hòa giải dân tộc là các sản phẩm điển hình của tư duy ao ước. Tôi không tin vào “sự thống nhất chính trị đạo đức” của những người Ba Lan. Tôi tin vào một sự thỏa hiệp dựa trên các hòa ước Gdansk. Chỉ những hòa ước này mới có thể được dùng như một nguồn đích thực của tính chính đáng cho các nhà chức trách và, đồng thời, cho họ cơ hội cuối cùng. Và họ phải nhận ra điều này. Ngoài ra, các nhà lãnh đạo Soviet phải hiểu rằng những người Ba Lan biết một cách hoàn hảo về những hệ lụy của vị trí địa chính trị của họ và về những điều kiện và những hạn chế của những hệ lụy này. Rốt cuộc, những lựa chọn thay thế cho một chính sách đàm phán và thỏa hiệp là xung đột và đối đầu. Những người Ba Lan đã chứng minh nhiều lần cho bản thân họ và cho thế giới nói chung rằng họ sẽ sẵn sàng trả mọi giá cho việc bảo vệ các khát

vọng dân tộc và con người của họ. Như thế có vẻ rằng thêm một cuộc biểu diễn vũ trang nữa về mong muốn của những người Ba Lan cho sự thống nhất chẳng phải là lợi ích của bất kỳ ai.

Tất cả mọi người đã đều sững sốt trước sự hòa bình và quyết tâm của nhân dân Ba Lan. Không người nghiêm túc nào đã đề xuất những mục tiêu phi thực tế, không người có tư duy nghiêm túc nào đã nghi ngờ các liên minh quốc tế. Quan trọng hơn, không ai đã đề xuất việc lật đổ chính quyền cộng sản. Mục tiêu là cắt bớt quyền lực này và để xác định lại các quy tắc sử dụng nó. Thế nhưng không ai, kém hơn cả là bộ máy đảng, sẵn sàng chấp nhận và thực hiện các quy tắc này.

Vào ngày 31 tháng Tám, khi Thủ tướng Jagielski đứng lên từ chiếc bàn ở xưởng đóng tàu Gdansk sau khi ký các hòa ước, những ý nghĩ ám ảnh đã bắt đầu day dứt trong óc của các apparatchik đảng về làm thế nào để tránh việc thực hiện các hòa ước này, làm thế nào để biến chúng thành một sự giả vờ hay một tranh biếm họa, làm thế nào để khôi phục tình hình khi đã không cần thiết bị kiểm chế bởi những sự cố gắng của các đại diện thật của những người lao động. Ngay từ đầu, ứng xử của chính phủ đối với các nghiệp đoàn mới đã là kỳ quặc. Chính phủ đã không thấy cơ hội nằm trước nó trong Đoàn Kết, thay vào đó lại cảm thấy nghiệp đoàn như một mối đe dọa đối với quyền tuyệt đối của mình. Chính phủ đã thử đưa tin đánh lạc hướng công chúng, để theo đuổi điều tưởng tượng về các nghiệp đoàn cũ. Cuối cùng nó đã tìm được cách để gây ra một cuộc khủng hoảng đăng ký, và việc này đã dẫn Ba Lan đến bờ vực của một cuộc tổng đình công và đã chôn vùi một cách dứt khoát những tàn tích của sự tin cậy xã hội trong việc thi hành công lý.¹ Việc bắt Jan Narozniak² nguyên nhân của

¹ Vào ngày 24-10-1980, Điều lệ của Đoàn kết đã được đăng ký bởi một thẩm phán Warsaw người đã tự tiện thêm vào một điều về vai trò lãnh đạo của đảng. Cuộc xung đột xảy ra sau đó đã được giải quyết vào ngày 10 tháng Mười Một khi, dưới sự đe dọa của tổng đình công, thẩm phán đã bỏ điều đó.

² Một tháng sau “cuộc khủng hoảng đăng ký” hai nhân viên tự nguyện của văn phòng Đoàn kết Warsaw bị bắt. Vài nhà máy Warsaw đã tiến hành đình công đòi hạn chế hoạt động của ngành an ninh, và như một kết quả, hai nhà hoạt động đã được thả.

một xung đột khác với những hậu quả không thể lường trước lại lần nữa chúng tỏ ban lãnh đạo đảng và nhà nước hoàn toàn không biết tâm trạng công chúng. Sự ngu dốt này cũng có thể được thấy trong các cuộc tấn công chống lại “các phần tử phản xã hội chủ nghĩa” được cho là tập trung trong Ủy ban Bảo vệ Công nhân (KOR). Việc này một cách không chủ tâm đã tạo ra một hình ảnh của KOR trong tâm trí công chúng như một uy quyền đạo đức và chính trị lớn hơn những năng lực của nó thực sự cho quyền đó. Những cố gắng của chính phủ để can thiệp vào các chính sách nhân sự của Đoàn kết là một thí dụ về sự bất lực hoàn toàn của nó để nghĩ một cách thực tế. Trong thực tế, chủ nghĩa hiện thực chính trị đòi hỏi cả một sự hiểu biết về các lợi ích của Liên Xô và một sự nhận thức về tâm trạng và khát vọng của nhân dân Ba Lan. Người ta chẳng bao giờ có thể nhấn mạnh điều này đủ cho các nhà cầm quyền. Có vẻ đối với tôi rằng sự bất lực để nhận diện tâm trạng và khát vọng của đất nước một cách thực tế là cản trở lớn nhất trong những sự cản trở đối với sự ổn định ở Ba Lan. Ngoài ra, sự bất lực này cũng giúp cho sự tan rã bên trong bản thân đảng, một quá trình mà các hậu quả của nó có thể là cả quan trọng lẫn nguy hiểm.

“Các lực lượng phản xã hội chủ nghĩa,” mà về chúng đã được báo chí của đảng viết nhiều đến vậy và được lãnh đạo đảng nói nhiều đến vậy, có thực sự tồn tại ở Ba Lan? Hãy để chúng ta trả lời bằng một câu hỏi khác: Ba Lan có được cai trị bởi một chế độ xã hội chủ nghĩa? Không đi vào một cuộc thảo luận về ý thức hệ và học thuyết, là khó để không nhận thấy rằng không ai ở Ba Lan nghi ngờ nhu cầu cho những cải cách xã hội cơ bản, không ai chủ trương đặt các mỏ, các xưởng luyện thép, hay các xưởng đóng tàu lên lô bán đấu giá. Nhưng có tồn tại những lực lượng xã hội mà đã chất vấn các chính sách của đảng và chính nguyên tắc về vai trò của đảng trong xã hội. Sự chất vấn này đã dẫn đến tháng Tám Ba Lan và đến các hòa ước Gdansk. Các lực lượng này, mà đã tìm thấy cảm hứng của họ từ các truyền thống khác nhau và đã nói theo những cách khác nhau, tiếp tục tồn tại và đóng một vai trò thiết yếu trong đời sống công của Ba Lan. Chính quyền hoặc đã không nhận thấy họ hoặc đã thử phá hoại họ thông qua tham nhũng và đàn áp. Đây đã là một cố gắng vô vọng và đã có những hậu quả không ngờ: sự đối thoại và sự thỏa hiệp đã nhường đường

cho sự chọc tức liên miên, căng thẳng xã hội gia tăng, và xung đột thường xuyên. Con đường này chẳng dẫn đến đâu cả. Trong một tình thế mà trong đó chính phủ không có khả năng sống với xã hội và xã hội không có khả năng sống với chính phủ, phe đối lập không có lựa chọn nào trừ việc tiến hành đàm phán và đối thoại cần cù và nhẫn nại. Giáo Hội đã luôn luôn đóng một vai trò quan trọng trong việc này. Lịch sử của nó cung cấp một bài học về chiến lược cùng tồn tại của các định chế Công giáo với kết cấu nhà nước. Giáo Hội đã không chỉ đại diện các lợi ích chế định riêng của nó mà cũng đã bênh vực những nguyện vọng của toàn bộ nhân dân. Sự tồn tại của Đoàn kết nhất định mang lại một sự thay đổi về điểm này, nhưng Giáo Hội sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng của nó.

Báo chí phương Tây đã thường phê phán sự kiểm chế được thực hành bởi hệ thống thứ bậc của Giáo Hội. Không có nghi ngờ gì rằng sự kiểm chế này là một sự đáp lại tính phức tạp của hoàn cảnh. Nhưng các nhà báo phương Tây đang phạm phải một sai lầm khi họ đồng nhất hóa những tuyên bố không đủ tiêu chuẩn được đưa ra bởi một vài đại diện cá nhân của Giáo Hội (thí dụ, tuyên bố không thân thiện của Cha Orszulik về KOR) với lập trường của toàn bộ hội đồng giám mục. Không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên rằng tuyên bố, được Hội nghị Hội đồng Giám mục đưa ra, không có loại nhận xét chính trị này. Nhưng điều tồi hơn là, chính quyền có thể tin lấy tin để và tiếp tục chơi trò chơi bề ngoài của họ, để xuất như những kẻ thỏa hiệp theo kiểu Jerzy Ozdowski, không có uy quyền gì.³ Thí dụ này về thay thế một chính sách để bạt những tay sai cho một chính sách thật về thỏa hiệp. Không chính sách nào trong những chính sách này nâng cao sự đáng tin của ban lãnh đạo mới. Sự đáng tin của nó còn bị tổn hại thêm bởi những bài báo vu cáo được viết bởi [nhà báo] Ignacy Krasicki và bởi trò luân chuyển người cho các vị trí chớp bu trong bộ máy quyền lực. Nhân dân có thể còn nhớ quá kỹ quá khứ của “các nhà đổi mới” cũ rích những người được tái sinh bây giờ: Mieczyslaw Moczar

³ Trong tháng mười Một 1980, Jerzy Ozdowski, một thành viên của một nhóm Công giáo phân lập tuân thủ “neo-Znak,” đã trở thành một phó thủ tướng chiếu lệ.

và vai trò nham hiểm của ông ta trong năm 1968,⁴ Stanislaw Kociolek và các hành động của ông ta trong các sự kiện tháng Mười Hai năm 1970,⁵ Walery Namiotkiewicz và nhiều năm của ông ta với tư cách thư ký riêng cho Wladyslaw Gomulka. Những người này chẳng hề có sự tín nhiệm xã hội nào. Hãy hiểu tôi: tôi không kêu gọi tấn công cá nhân hay sự săn đuổi phù thủy. Bất cứ ai đều có thể thay đổi, ngay cả Moczar. Nhưng một sự thay đổi thuộc loại này, nếu nó không là một sự thay đổi gian lận hơn, phải dựa trên một sự tự vấn chân thật. Lịch sử cá nhân của người mà đã chịu trách nhiệm về ngành an ninh trong suốt toàn bộ thời kỳ Gomulka và về Viện Kiểm soát Tối cao (NIK) trong thời Gierek, khi tham nhũng đã tăng trên quy mô chưa từng thấy, không cung cấp đảm bảo nào cho sự đổi mới mà ông ta có thể đề xuất hôm nay. Ngược lại, nó tạo ra sự nghi ngờ rằng chính phủ đang thử phá vỡ các thỏa thuận xã hội với những trò xiếc.

Một tình thế, mà trong đó chỉ một cuộc đình công hay một sự đe dọa đình công mới có thể khiến cho chính phủ hành động một cách biết điều, là nguy hiểm về mặt xã hội, vì nó buộc các nhà hoạt động Đoàn kết sử dụng đình công như một vũ khí. Khi áp lực tăng lên tiếp sau những đòi hỏi tăng lương hay để đáp lại những vấn đề khác có thể biện minh được, việc sử dụng thường xuyên vũ khí đình công có thể dẫn đến tình trạng vô chính phủ và sự tan rã của bộ máy nhà nước và sau đó đến một cuộc xung đột mà không ai sẽ có thể kiểm soát nổi. Làm sao có thể tránh được điều này? Tôi không thấy cách nào trừ cách thể chế hóa các hòa ước xã hội, tạo ra một mạng lưới chính thức cho đàm phán và thỏa hiệp, và cho sự tồn tại của công luận độc lập. Chính phủ phải giành được sự tín nhiệm không trong vai trò cũ của nhà độc tài mà trong vai trò của đối tác. Hãy để chúng ta nói công khai: Chính phủ sẽ không bao giờ được nhân dân tin cậy nếu

⁴ Các cuộc thanh trừng chống Do Thái năm 1968 đã được cho là sự thao túng bí mật của Tướng Mieczyslaw Moczar, bộ trưởng nội vụ khi đó.

⁵ Đã bởi vì những đảm bảo của bí thư đảng khu vực (voivodship) Gdansk, Stanislaw Kociolek, mà các công nhân đã làm gián đoạn đình công năm 1970. Trên đường đi làm họ đã bị tàn sát bởi đạn súng máy.

nó không được Đoàn kết tin cậy. Nó sẽ chẳng bao giờ được Đoàn kết tin cậy trừ phi nó tiết lộ toàn bộ sự thật về các cuộc khủng hoảng chính trị vừa qua, tháng Mười Hai năm 1970 ở vùng duyên hải và, tháng Sáu năm 1976 ở Radom và Ursus. Ngày nay, kẻ thù lớn nhất của các nhà chức trách không phải là phe đối lập dân chủ mà là bản thân các nhà chức trách, sự không hiệu quả của họ, sự lười biếng của họ, và sự ngu dốt của họ. Vì làm sao khác chúng ta có thể hiểu việc cấm phim *Công nhân 1980* [ký sự niên đại về các cuộc đàm phán đình công]? Cần sự mù quáng để bỏ sót sự tai hại mà những quyết định thuộc loại này gây ra. Không một xuất bản phẩm đơn nhất nào của KOR có khả năng làm hại chính phủ nhiều như một sự lãng mạ khinh suất như vậy đối với nhu cầu của nhân dân về sự thật và tính chân thật.

Có lẽ tôi có thể bị phê phán vì chủ nghĩa tối thiểu. Quả thực, tôi không chủ trương một cuộc đấu tranh vì độc lập cũng không vì nền dân chủ đại nghị, mặc dù tôi đã luôn luôn làm rõ tôi yêu mến những thứ này đến thế nào, và tôi không từ bỏ chúng ngày nay. Nhưng tôi tin rằng niềm tin vào tính khả thi của những đòi hỏi như vậy chẳng khác gì là một sự từ bỏ lẽ thường và trách nhiệm đối với quốc gia.

Tôi chủ trương một sự thỏa hiệp với chính phủ, với một chính phủ mà tôi không hề thích, một chính phủ mà các nguyên tắc của nó không hấp dẫn tôi mà đối với chúng ta như là một sự băng bột thạch cao đối với một người gãy xương: khó chịu nhưng rất cần thiết. Tình hình mới đòi hỏi tất cả chúng ta, những người nắm quyền và phần còn lại của chúng ta để xét lại suy nghĩ của chúng ta một cách quyết liệt. Đã là chấp nhận được để nghĩ theo một cách khi đã chỉ có quyền tự do của bản thân chúng ta bị rủi ro. Bây giờ, khi “sự tồn tại hay không tồn tại” của dân tộc chúng ta bị lâm nguy, chúng ta phải nghĩ theo cách khác. Người ta có thể không thích những người cầm quyền, nhưng họ phải được chấp nhận như các đối tác trong đàm phán. Không dễ đối với tôi để viết điều này. Chẳng có gì tôi biết về họ gây sự lạc quan trong tôi. Những vụ bắt mới và những sự bịp bợm hàng ngày làm cho một cuộc đối thoại thẳng thắn là không thể. Sự yếu kém của các nhà chức trách được che đậy bởi sự ngạo mạn của bộ máy

tuyên truyền của nó, và các khẩu hiệu bằng tiếng Newspeak thay thế cho một sự phân tích khách quan về tình hình. Bí thư thứ nhất của đảng Stanislaw Kania nhắc nhở tôi về thuyền trưởng của một con tàu bị đắm, người đang ngồi trên một bè gỗ nhưng tin chắc rằng ông vẫn chỉ huy một con tàu vượt đại dương to lớn. Các cuộc tấn công của ông ta chống lại Jacek Kuron là bằng chứng rằng hoặc ông ta không hiểu bài viết chính trị khá rõ ràng của Kuron hoặc ông ta bị mê muội dường như là sự cố chung giữa các bí thư thứ nhất. Tôi không biết cái nào là tồi hơn. Tuy nhiên, tôi ủng hộ sự thỏa hiệp bởi vì tất cả chúng ta đều bồng bênh trên cùng bè gỗ. Và tất cả chúng ta có thể chìm với nó. Nhưng tôi tin rằng chúng ta sẽ không chìm. Tôi tin rằng với sự khôn ngoan và lòng dũng cảm chúng ta sẽ xây dựng một trật tự dựa trên sự thỏa hiệp. Một thứ là chắc chắn: không có chuyện quay lại hiện trạng trước 31 tháng Tám.

Trên bè gỗ của chúng ta các lệnh của thuyền trưởng là không đủ. Trên bè gỗ của chúng ta sự đoàn kết của nhân dân là sống còn.

Warsaw, tháng Mười Hai, 1980

Bóng tối đang Kéo đến 1981

Đại hội bất thường thứ Chín của đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan (ĐCNTNBL) không nghi ngờ gì đã là một sự kiện chính trị có tầm quan trọng quốc tế. Giống mọi thứ đã xảy ra ở Ba Lan trong vài năm qua, đại hội đã là chưa từng có, mặc dù các ảnh hưởng cả trong nước lẫn quốc tế của nó vẫn khó để đánh giá. Chắc chắn nó đã là đại hội dân chủ nhất trong lịch sử của phong trào cộng sản. Đặc tính dân chủ của nó nằm không chỉ trong việc các đại biểu được hưởng tự do ngôn luận và trong sự cởi mở chưa từng nghe thấy của những thảo luận mà cả trong đặc tính đại diện của các đại biểu của nó. Quả thực, có lẽ tất cả các phái chính trị trong ĐCNTNBL đã được đại diện. Sự đánh giá này không cần phải thay đổi dưới ánh sáng của bức thư của Ủy ban Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô gửi Ủy ban Trung ương đảng Ba Lan,¹ mà đã có ảnh hưởng mạnh lên những cuộc bàn cãi của đa số các hội nghị bầu cử cấp khu. Bức thư đã là một lời nhắc nhở về sự thực rằng Ba Lan không nằm trên cung trăng.

Việc bỏ phiếu kín cho chức Bí thư Thứ nhất của đảng đã là một sự tiết lộ thật. Nó hẳn phải khiến cho ngay cả các lãnh đạo của các đảng cộng sản Âu châu phương Tây bị sốc. Nhưng cuộc tấn công trực diện chống lại đội ngũ cấp cao của bộ máy đảng đã là sự kiện đáng chú ý nhất trong các cuộc bầu cử vào Ủy ban Trung ương. Trong cuộc bầu cử này hầu hết các thành viên của ban lãnh đạo cũ đã bị truất khỏi chức vụ, cả những người thuộc phái cứng rắn (như Grabski, Zabinski, Kurowski, và Kociolek) lẫn “các nhà đổi mới” (như Fiszbach và Dabrowa). Tuy vậy, khoảng một tá thành viên của ban lãnh đạo đảng-nhà nước cũ đã được bầu lại, đảm bảo tính liên tục và có lẽ cung cấp một sự đảm bảo tối thiểu cho các lãnh đạo của các đảng Cộng sản của Hiệp ước Warsaw. Các đại biểu này đã là những thành viên của các lực lượng vũ trang, và các Bộ Nội vụ, Ngoại giao, và Nông nghiệp.

Người ta có thể gọi đại hội này là một cuộc nổi loạn đích thực của các đội ngũ thấp nhất của đảng. Các nhà chức trách đảng trung ương thậm chí đã biết về mối nguy hiểm này trong vài tháng, như có thể thấy trong thái độ phức tạp của họ đối với cái gọi là các cấu trúc ngang.² Cuộc tấn

¹ Bức thư, cảnh cáo và đe dọa ban lãnh đạo đảng Ba Lan, đã rò rỉ ra báo chí trong tháng Chín 1981, ngay sau Đại hội Thứ nhất của Đoàn kết.

² Trong các đảng cộng sản tất cả các sự tiếp xúc giữa các chi bộ đảng phải đi thông qua trung tâm. “Các Cấu trúc Ngang,” tức là sự cộng tác trực tiếp giữa các tổ chức đảng đơn lẻ, đã đi ngược lại giáo điều này.

công đột ngột chống lại các cấu trúc này đã cho thấy nỗi sợ về một cuộc nổi loạn của cơ sở đảng. Tư tưởng của cơ sở nổi loạn đã bị gán cho cái nhãn xét lại và “dân chủ-xã hội,” chủ yếu trên cơ sở của những tuyên bố được đưa ra bởi lãnh đạo của cấu trúc ngang Torun, Zbigniew Iwanow. Sự chẩn đoán là đúng ở mức độ đã có sự nổi loạn, nhưng đã sai trong đánh giá tư tưởng của nó. Việc đọc cẩn trọng các tài liệu liên quan đến các đảng viên thường đã tiết lộ sự đa dạng tư tưởng của nhóm. Bên cạnh những sự bày tỏ các lý tưởng dân chủ, là các tài liệu bày tỏ một sự ước ao cho một sự không tương thời dĩ vãng thuộc kiểu “bình quân-Stalinist,” và xu hướng phê phán quyền lực của cơ chế bên trong đảng và các villa của các nhân sĩ đảng với sự nghiêm khắc ngang nhau.

Với cái nền này trong đầu, điều bí ẩn của sự thành công, gây ngạc nhiên đến vậy đối với giới trí thức phóng khoáng, của Albin Siwak*, người mà đã đánh đổ mọi kỷ lục về chính sách mị dân và tính thô lỗ, có thể được gỡ mối hoàn toàn. Vì sao Siwak, người đã đưa ra những tuyên bố thỏa hiệp tại hội nghị Ủy ban Trung ương, trong các chương trình TV của ông ta, trong các cuộc phỏng vấn cho báo chí Tiệp Khắc, và trong những cuộc tấn công của ông ta chống lại Lech Walesa và Stefan Bratkowski,³ nổi lên đặc thắng tại đại hội đảng? Bởi vì ông ta đã có ba phẩm chất có sự hấp dẫn lớn đối với các đại biểu cấp tỉnh. Thứ nhất, ông ta đã không bị làm mất tín nhiệm bởi bất cứ nhiệm vụ nào bên trong bộ máy trung ương của nhóm cầm quyền trước, và như thế đã không bị nghi ngờ thuộc về “bè lũ đó những kẻ đã ăn cắp Ba Lan từng tí một.” Thứ hai, ông ta đã tấn công sự tham nhũng, sự yếu kém, và sự không nhất quán trong ban lãnh đạo đảng, kể cả bí thư thứ nhất, sử dụng từ vựng có thể hiểu dễ dàng bởi các đảng viên đơn giản nhất. Thứ ba, ông ta đã tạo ra ảo tưởng rằng ông ta đã là một nhà hoạt động công nhân thiên tài, một đối thủ đáng tin cậy so với các lãnh đạo giai cấp công nhân của Đoàn kết. Một nhân tố khác mà có thể đã đóng vai trò trong thành công của ông ta đã là sự quan tâm của đảng để có một “bù nhìn” giống ông ta để sử dụng chống lại Đoàn kết. Nhưng về thực chất Siwak đại diện cho những cố gắng của đảng để tạo khoảng cách tách quần chúng lao động khỏi Đoàn kết và kéo họ về bên của đảng. Các nhà hoạt động đảng như Jagielski hay Kania, Barcikowski hay Rakowski, đã có thể

* Lưu ý ông này là một công nhân “tiên tiến”, “chiến sĩ thi đua” với chứng minh thư an ninh trong túi.

³ Stefan Bratkowski, một nhà cải cách đảng và một trong những lãnh đạo của nhóm “Kinh nghiệm và Tương lai” (DiP), cũng đã là chủ tịch mới được bầu của Hội Nhà Báo Ba Lan.

đại diện các nhà chức trách trong các cuộc đàm phán với những công nhân đình công. Siwak ở đó để cho đảng hy vọng rằng nó sẽ có khả năng có được linh hồn của các đội công nhân ở nhà máy hoặc chí ít thành công trong chia rẽ các đội này chống lại nhau. Đối với các ủy viên Trung ương mới, ông ta cũng đại diện cho hy vọng để có được sự tín nhiệm. Không chỉ giữa các công nhân mà cả giữa “các đồng minh.” Siwak đại diện cho loại đối lập bằng miệng mà các đồng minh nhìn với sự đồng cảm lớn nhất, nhìn trong nó và đúng là một công cụ cho việc chiến đấu với phe dân chủ Ba Lan. Việc bầu Siwak là để dùng như một dấu hiệu cho các đồng minh rằng tình hình đang trở nên bình thường trong đảng Ba Lan, rằng Ủy ban Trung ương mới được bầu chí ít là đáng tin cậy đối với các đồng minh như Ủy ban tiền nhiệm.

Việc bầu Albin Siwak, một người có tài năng xoàng xĩnh, [vào Ủy Ban Trung ương và Bộ Chính trị] vì thế phải được coi như sự tuyên bố thật nhất về các ý định của diễn đàn cao nhất của đảng. Việc này không báo trước điềm hay cho tương lai. Việc bầu Siwak không thể được dùng như một sự thay thế cho một cương lĩnh cải cách chính trị và kinh tế. Nó không báo hiệu sự bình thường hóa các điều kiện bên trong đảng, cũng chẳng báo hiệu các chính sách hợp lý đối với Đoàn kết. Và không ai nên bị lừa gạt rằng việc bầu Siwak sẽ an ủi các đồng minh. Từ quan điểm của họ, chính đặc tính của đại hội là không thể chấp nhận được. Sự thảo luận đa nguyên, việc lựa chọn tương đối tự do các đại biểu và các ủy viên Trung ương, tất cả đều làm đảo lộn mô hình cổ điển của một đảng cộng sản cầm quyền và là tương đương với một thách thức đối với bộ máy đảng. Sự phê phán, bởi công chúng và từ bên trong đảng, về các nhà hoạt động đảng những người đã xây các villa riêng của mình là một sự vi phạm một trong những đặc quyền thiết yếu của đảng cấp cai trị. Trước đây, sự phê phán như vậy chỉ được đưa ra khi ban lãnh đạo đảng ra lệnh làm vậy. Việc loại bỏ Gierek, Jaroszewicz, và vài thành viên cao nhất khác của đảng-nhà nước là một lời nhắc nhở tàn bạo đối với các thân hào đồng minh rằng cả họ nữa cũng là người chính trị [chứ không phải thánh]. Tất cả những thứ này nhất thiết gây ra sự thù địch giữa các elite cộng sản của Đông Âu đối với thí nghiệm Ba Lan.

Chính sự tồn tại của Đoàn kết đã đóng một vai trò quyết định trong công việc của Ba Lan, không chỉ bởi vì một hoặc hai hoạt động mà bởi vì nó là một tổ chức hùng mạnh và độc lập của nhân dân lao động. Sự hiện diện liên tục của Đoàn kết với tư cách một xã hội được tổ chức trên vũ đài chính trị đã, đang, và sẽ tiếp tục là một nguồn không ngớt của căng thẳng, và không ai ở Ba Lan nên nghi ngờ điều này dù trong một phút.

Như trước đây, hy vọng duy nhất của Ba Lan ngày nay nằm ở việc làm cho các đồng minh biết rằng một sự quay lại tình trạng trước tháng Tám là có thể chỉ thông qua một giải pháp bạo lực, nói cách khác, với một sự bùng nổ trên quy mô châu Âu. Sự ổn định hóa có thể đạt được chỉ với một hệ thống thỏa hiệp xã hội. Nhưng ở đây lại lần nữa đừng ai nên tự lừa dối mình. Sự ổn định hóa miêu tả những thứ hoàn toàn khác nhau đối với bộ máy và đối với xã hội được tổ chức. Ngay cả những nhà hoạt động đảng, mà được coi như được khai sáng nhất, xác định một cương lĩnh cho sự ổn định dưới dạng khá phi thực tế. Thí dụ, [bí thư] Tadeusz Fiszbach, trong tuyên bố của ông tại Đại hội Chín của ĐCNTNBL, đã nói rằng “các nghiệp đoàn nên tin chắc về quyền tham gia vào việc ra quyết định chiến lược để xác định các mục tiêu xã hội, trong khi thừa nhận rằng chức năng cơ bản của chúng gồm có việc bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động. Việc kiểm soát những quyết định chiến lược bởi các nghiệp đoàn phải là trung gian, thông qua các đại diện của họ trong các cơ quan được bầu của nhà nước, trong các doanh nghiệp, và trong các đơn vị tự quản khu vực, cũng như thông qua những hoạt động được gánh vác bên trong khung khổ của các thủ tục chính thức của việc ra quyết định. Việc này phải đi cùng với việc các nghiệp đoàn lao động từ bỏ sự can thiệp trực tiếp vào các chức năng cai trị của nhà nước trong thời gian thực thi các quyết định đã được đưa ra rồi.”

Đoạn trích dẫn này có thể được dùng như một điểm xuất phát cho sự thảo luận chính trị thực tế nếu ta có thể xác định cơ chế bổ nhiệm và các nguyên tắc hoạt động của các định chế đại diện và tự quản, mức độ của tính độc lập của chúng, và vân vân. Việc thảo luận sẽ bao gồm các nguyên tắc cơ bản của cải cách chính trị và việc thực hiện “các hòa ước xã hội” Gdansk. Đoàn kết phải chuẩn bị kỹ lưỡng cho việc này. Sẽ không dễ. Tình hình hiện thời của Nghiệp đoàn Lao động Độc lập và Tự quản “Đoàn kết” không báo trước một tương lai dễ dàng. Vấn đề số một là tình hình thực phẩm. Ba Lan sẽ mau chóng đối mặt không chỉ với vấn đề cung ứng mà với những cuộc tuyệt thực. Chính phủ là người duy nhất chịu trách nhiệm về tình trạng này. Những tin đồn lan truyền rằng đó là sự thao túng có chủ ý sự cung ứng thực phẩm và cố ý buộc nhân dân rời khỏi nơi ẩn nấp bằng chặn tiếp tế thực phẩm. Điều này có đúng không? Không ai biết, nhưng không ai tin vào những sự đảm bảo của chính phủ. “Họ luôn luôn nói dối, như thế vì sao họ lại nói sự thật lần này?” nhân dân hỏi.

Một sự tăng đột xuất giá thực phẩm chủ yếu là không thể tránh khỏi, nhưng Đoàn kết đã đưa ra sự đồng ý của nó với điều kiện về một chương trình cải cách phức tạp. Chính phủ đã hoãn giải quyết vấn đề này một năm,

và bây giờ sự đồng thuận phổ biến là, cải cách là có thể chỉ như kết quả của một phong trào cơ sở gia tăng cho sự tự quản của công nhân. Các nhà chức trách diễn giải phong trào này không phải không có sự biện minh như một cuộc đình công nhằm vào nomenklatura của đảng (việc bổ nhiệm các nhà quản lý doanh nghiệp) và một cách vô lý như một “mưu toan giành quyền lực nhà nước.” Cơ quan tuyên truyền chính thức đã khẳng định lập đi lập lại rằng những người làm chính trị có khuynh hướng cấp tiến đã xâm nhập vào Đoàn kết, trong khi nhân dân kỳ vọng những hành động quả quyết hơn và hiệu quả hơn từ ban lãnh đạo công đoàn. Quan trọng rằng tất cả những sáng kiến phản kháng gần đây của công đoàn đã có xuất xứ từ bên ngoài Ủy ban Điều phối Quốc gia (KKP). Bằng cách chia rẽ các nhà hoạt động nghiệp đoàn thành những người cực đoan và những người ôn hòa, các nhà chức trách đang sử dụng chiến thuật đã cổ điển rồi trong lịch sử của chủ nghĩa cộng sản cai trị để thử chia rẽ phong trào xã hội độc lập. Mặc dù người ta khó có thể phủ nhận những thành công của chính phủ (thí dụ, việc loại bà Anna Walentynowicz khỏi ban lãnh đạo của Đoàn kết Gdansk),⁴ trong dài hạn chiến thuật này là vô ích như là nguy hiểm. Nó là vô ích bởi vì phong trào đã lớn lên từ cơ sở trong việc đáp lại những nhu cầu thực tế, cho nên những việc cải tổ nhân sự sẽ đạt được ít. Nó là nguy hiểm bởi vì việc chống đối các phần tử cấp tiến bên ngoài công đoàn có thể dễ dàng dẫn đến sự phá hủy kỷ luật của xã hội, mà đã làm cả thế giới sửng sốt. Cho đến bây giờ chúng ta hãy nhớ kỷ luật này đã dựa trên một sự sẵn sàng để chịu đựng những sự hy sinh.

Bộ máy quyền lực không cùng một kiểu, và chẳng có lý do nào để tin rằng nó sẽ sớm trở nên thống nhất bất cứ lúc nào. Đại hội đảng đã không loại bỏ những khác biệt bên trong đảng và đã không thanh lọc các bè phái của nó. Các khu ủy vẫn được lãnh đạo bởi những người (như Kociolek, Zabinski) mà công khai chống đối Đoàn kết, và điều này làm cho các cuộc xung đột ở địa phương là có thể. Đảng vẫn sẽ bị chia rẽ giữa, một mặt, những người ủng hộ Diễn đàn Katowice và Hội Yêu nước “Grunwald”⁵

⁴ Việc sa thải Anna Walentynowicz, người điều khiển cần cẩu tại xưởng đóng tàu Gdansk, đã khởi động cuộc đình công dẫn đến việc tạo ra Đoàn kết. Muộn hơn bà trở thành người phê phán các chính sách của Lech Walesa.

⁵ Diễn đàn Katowice, một nhóm những người theo đường lối cứng rắn trẻ của đảng, đã tấn công các chính sách của đảng về đàm phán với Đoàn kết. Hội Yêu nước “Grunwald” nổi lên tháng Ba 1981, với một lễ kỷ niệm “các nạn nhân của sự ngược đãi Zionist (phục quốc Do thái) ở Ba Lan.”

và, bên kia, những người chủ trương các cấu trúc ngang. Ban lãnh đạo đảng sẽ tiếp tục bị giằng xé bởi các xung đột cá nhân. Chẳng cái nào trong những thứ này làm cho bức tranh đơn giản.

Chính sách của chính phủ được cho là giải quyết các xung đột bằng các phương tiện hòa bình cho đến nay chung quy đã chỉ là tìm kiếm một thỏa thuận với Walesa và nhóm của ông ta. Chính phủ không thể dựa vào uy quyền không bị tranh chấp của Walesa mãi mãi. Không chỉ bởi vì những thỏa thuận cụ thể với Walesa và các cố vấn của ông ta không thể thay thế cho các định chế lâu bền dựa trên các hòa ước xã hội, mà bởi vì những gì cần là một tầm nhìn rộng về cải cách các định chế của công nhân và sự tự quản khu vực, cải cách các hội đồng nhân dân và Quốc hội, cải cách kiểm duyệt và truyền thông đại chúng.

Một cuộc cải cách như vậy là còn tùy thuộc vào chủ nghĩa hiện thực chính trị của Đoàn kết trong việc đánh giá những cơ hội và những năng lực của nó. Việc đánh giá này phải tính đến vị trí quốc tế của Ba Lan và phải cân nhắc các lợi ích của Liên Xô trong phần của chúng ta trên thế giới. Đó là ABC của hoạt động chính trị của Ba Lan ngày nay.

Nhưng sự đánh giá này cũng phải tính đến rằng mọi thỏa hiệp là kết quả của hoạt động của các lực lượng khác nhau, vì không nhà cầm quyền nào đã từng từ bỏ các đặc quyền của nó mà không có một cuộc đấu tranh. Chỉ các chính sách dựa trên tính nhất quán và sức mạnh của Đoàn kết mới có thể tạo thành một cơ sở vững chắc cho một sự thỏa thuận. Nghiệp đoàn sẽ nhận được thỏa hiệp thuận lợi chỉ khi bản thân bộ máy quyền lực và các đồng minh nhận ra rằng sự thỏa hiệp này cũng giúp cho họ nữa. “Các hiệp ước mà không có gươm [sử dụng sức mạnh] chỉ là những lời hứa [suông] và không hề có sức mạnh để bảo vệ một người chút nào,” Hobbes đã viết trong cuốn Leviathan của ông. Và ông ấy đã đúng.

Tháng Tám 1981

Một Năm đã Trôi qua 1981

Hứa hẹn của một Xã hội Dân sự

Vào ngày cuối cùng của tháng Tám năm 1980 phó thủ tướng chính phủ Cộng hòa nhân dân Ba Lan, Mieczyslaw Jagielski, và chủ tịch của Ủy ban Đình công Liên-Nhà máy, Lech Walesa, đã ký một thỏa thuận trên khu đất của xưởng đóng tàu Lênin ở Gdansk; đã là rõ cho tất cả mọi người rằng một chương mới trong lịch sử Ba Lan đã được mở ra. Lúc đó đã được nói nhiều về đây là một “thỏa thuận xã hội,” mặc dù nó đã chỉ là một thỏa thuận mở đầu, chỉ là một sự thỏa hiệp mà đã có thể tạm thời thỏa mãn cả chính phủ và nhân dân. Lần đầu tiên nhà cầm quyền được tổ chức đã ký một hòa ước với một xã hội được tổ chức. Thỏa thuận đã đánh dấu sự tạo ra các nghiệp đoàn độc lập với nhà nước mà đã thề không thử chiếm quyền lực chính trị.

Thực chất của Nghiệp đoàn Lao động Độc lập và Tự quản Đoàn kết lớn lên một cách tự phát nằm trong việc khôi phục lại các mối ràng buộc xã hội, sự tự tổ chức hướng tới sự bảo đảm bảo vệ các quyền lao động, dân sự và dân tộc. Lần đầu tiên trong lịch sử của sự cai trị cộng sản ở Ba Lan “xã hội dân sự” đã được khôi phục, và nó đã đạt một sự thỏa hiệp với nhà nước.

Sự Thỏa hiệp hay một cuộc Hôn nhân vì Lợi

Đối với cả hai bên sự thỏa hiệp này đã là một cuộc hôn nhân vì tiền, không phải vì tình yêu. Nhà chức trách đã chẳng phút nào từ bỏ những cố gắng của họ để tối thiểu hóa tầm quan trọng của nghiệp đoàn, và xã hội đã không mất sự không tin được chứng minh là đúng vào chính phủ. Ngay từ đầu những nỗ lực đã được đưa ra để cản trở thông tin, tạo ra sự hỗn loạn thông tin, dọa nạt các nhà hoạt động nghiệp đoàn ở tỉnh.

Muộn hơn, nhà chức trách đã thử đưa các điều mới vào điều lệ của nghiệp đoàn. Chính sách của họ đã được hướng dẫn bởi mong muốn duy trì hiện trạng. Thế nhưng áp lực của công chúng đã rất mạnh, áp lực của quần chúng lao động lớn đến mức trong vòng hai tháng một nghiệp đoàn nhiều triệu người, độc lập với nhà nước đã được đăng ký. Những nguồn gốc của các sự kiện này đã hiển nhiên: chúng nằm trong sự phản kháng lâu dài của xã hội, mà đã được đánh dấu bởi những ngày tháng bi thảm của những đợt bùng phát nổi loạn tầm quốc gia. Những ngày tháng này 1956,

1968, 1970, 1976, mà ngày nay được khắc sâu trên những đài kỷ niệm của ký ức quốc gia, là những ngày tháng của các trạm của đường Via Dolorosa* Ba Lan. Sự phản đối của Giáo hội đối với các chính sách vô thần, sự kháng cự của các làng đối với tập thể hóa, việc giới trí thức bất tuân kiểm duyệt tất cả đã tạo thành “hội chứng Ba Lan” mà đã mang lại kết quả dưới dạng các cuộc đình công tháng Tám và Đoàn kết. Những hoạt động của các nhóm trí thức mà đã tổ chức sự trợ giúp cho những người tham gia các cuộc đình công tháng Sáu 1976 đã đóng một vai trò đặc biệt. Chính khi đó mà một mẫu số chung cho những hoạt động của các nhóm xã hội khác nhau, đặc biệt giới trí thức và công nhân, đã được tạo ra một cách thành công.

Tính Độc đáo của tháng Tám Ba Lan

Trong đối sánh các sự kiện Ba Lan với Khởi nghĩa Budapest hay mùa Xuân Prague, cần nhấn mạnh đến hai sự khác biệt cốt yếu, mà xác định tính độc đáo của thí nghiệm Ba Lan. Sự khác biệt thứ nhất liên quan đến hướng của những thay đổi; sự khác biệt thứ hai, tầm của chúng. Trường hợp Hungary đã được đặc trưng bởi sự tan rã thực sự của bộ máy đảng và việc những người nổi loạn trên đường phố nắm lấy sáng kiến chính trị.

Ở Ba Lan xung đột xảy ra bên trong các nhà máy mà được kiểm soát bởi đội gác đình công của các công nhân.

Mùa Xuân Prague đã xảy ra bởi vì một xung lực cho thay đổi đến từ bên trên, từ giữa các nhà hoạt động của bộ máy đảng. Ở Tiệp Khắc một phần của elite quyền lực cộng sản đã tiến hành để giải phóng mình khỏi sự giám hộ Soviet.

Ở Ba Lan các trung tâm khởi xướng phong trào dân chủ nằm bên ngoài đảng và bên ngoài bộ máy quyền lực. Những luận điệu hiện thời bởi các thân hào đảng rằng một trào lưu chỉ đạo bên trong đảng đã tồn tại trước tháng Tám có thể chỉ được coi là sự khoác lác của bộ máy tuyên truyền. Kết quả là, đảng Cộng sản đã tự động bị dòn vào thế trở thành người thủ cựu bảo vệ các định chế quyền lực hiện tồn. Vị trí này đã cho nó sự tín nhiệm nào đó trong con mắt của các nhà lãnh đạo Kremlin, mặc dù hầu như không hề trong con mắt của nhân dân Ba Lan.

* Via Dolorosa, con đường đau khổ, là con đường nhỏ ở Jerusalem nơi Jesus đã vác thánh giá đến nơi bị đóng đinh và trên đường đó ngài đã ngã nhiều lần và các nơi ngã ấy được đánh dấu bằng các trạm (station).

Xung đột và sự Cùng Tồn tại

Năm vừa qua này đã chứng kiến một cuộc xung đột không ngừng giữa chính phủ và xã hội được tổ chức, với Giáo hội phục vụ như người hòa giải. Cũng có thể xem trong xung đột này sự kiểm thử các chiến lược khác nhau cho sự cùng tồn mà được trình bày hoặc bởi nhà chức trách hay Đoàn kết. Họ đã có cái gì đó chung: nhà chức trách đã không tranh cãi sự tồn tại của Đoàn kết. Tuy vậy, họ đã tranh cãi rằng Đoàn kết đang tiến hành những hoạt động nằm ngoài điều lệ của nó bằng cách can thiệp vào hoạt động chính trị, lên án các quan chức cấp cao nào đấy, đòi hỏi rằng các chính trị gia bị mất tín nhiệm nào đó phải bị bãi nhiệm khỏi chức vụ, đòi luật và trật tự, và tìm cách tiếp cận đến truyền thông đại chúng. Nhà chức trách đã tấn công báo chí nghiệp đoàn không bị kiểm duyệt, những vụ chiếm các tòa nhà hành chính, các cuộc biểu tình đường phố, và chiến thuật của Đoàn kết để moi ra những nhượng bộ.

Đoàn kết đã tố cáo chính phủ về việc không thực hiện các thỏa thuận, về việc bám chặt những thực tế của ngày hôm qua để thoát chết, về việc tạo ra một trò kéo quân nhân sự, và về là hoàn toàn điếc đối với tất cả các đòi hỏi của công chúng mà không được ủng hộ bởi sự đe dọa của những cuộc đình công. Đã là cuộc xung đột của hai thế giới, mà trong ancien régime (chế độ cũ) đã thấy mình dưới áp lực liên tục của một xã hội đã thức tỉnh. Áp lực đã hết sức tự phát, nhà chức trách đã rất kém thích nghi với tình hình mới, đến mức phản ứng duy nhất của họ đã là thử phá vỡ nghiệp đoàn từ bên trong. Họ đã bắt đầu tấn công cái gọi là các lực lượng phản xã hội chủ nghĩa, để chia rẽ các nhà hoạt động nghiệp đoàn thành những người cấp tiến và những người ôn hòa. Mục đích của chiến thuật này đã là rõ ràng, sự liên kết của nó với thực tế là khá lỏng lẻo, vì những công nhân trẻ ở các nhà máy lớn là những người cấp tiến nhất. Áp lực lớn nhất cho những đòi hỏi và sự thay đổi đến từ họ.

Các thành viên của MKZ [Ủy Ban Sáng lập Liên Nhà máy]¹ do chính bản chất của nó đã ôn hòa hơn, dễ bị xúc cảm hơn với các lý lẽ của các đối tác đàm phán của họ từ chính phủ và điều còn quan trọng hơn đối với tiếng nói của Giáo hội, mà đã làm cho tình hình bớt gay gắt đi.

Phản ứng của Giáo hội

¹ Ủy ban mà trong tháng Tám 1980 đã đàm phán với nhà chức trách vì sự tồn tại hợp pháp của Đoàn kết. Lech Walesa đã là chủ tịch ủy ban.

Giáo trưởng của Ba Lan, Hồng y Stefan Wyszynski, ngay từ đầu đã tuyên bố ngài ủng hộ việc tìm kiếm các giải pháp thỏa hiệp. Đây đã là ý nghĩa của bài thuyết pháp của ngài về Jasna Góra trong tháng Tám, và muộn hơn của việc ngài làm cho dịu đi các cuộc xung đột nghiêm trọng nhất ở Bielsko Biala, ở Bydgoszcz, và trong trường hợp của Đoàn kết nông thôn. Chiến thuật của ngài đã không luôn luôn được công chúng hiểu kỹ, và nó đã biểu lộ những cách tiếp cận có trọng âm khác nhau của cá nhân các đại diện của bộ máy thứ bậc của Giáo hội. Trong tình hình xã hội đã thay đổi những rạn nứt bắt đầu xuất hiện trong sự thống nhất trước kia của giới tăng lữ. Các tài liệu của hội đồng giám mục đã cung cấp một bộ kẹp để giữ nó lại với nhau, nhưng cá nhân các giám mục đã nhấn mạnh một cách khác nhau những sự cần thiết cho hành động quyết định và cho sự kiềm chế.

Những Thay đổi về Bộ máy Quyền lực và sự Biến động trong Đảng

Sự phân rã của bộ máy quyền lực và sự biến động bên trong đảng là giữa các hiện tượng xã hội học lý thú nhất. Ở đó, từ ban đầu, “chiến dịch dê té thần” đã được tiến hành, sa thải ngày càng nhiều thành viên của giới tinh hoa để làm khuây công luận. Các thành viên của ban lãnh đạo đảng và nhà nước đã trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công thô bạo, và đã bị buộc tội về sự bất tài, thiếu giáo dục, khóa miệng dân, và ăn trộm; họ đã bị ngược đãi công khai, các villa của họ và những bằng cấp đại học nhận được một cách không thật thích đáng của họ đã bị bêu riếu với sự khoái trá. Khi toàn bộ sự trình diễn nhục nhã tai tiếng này đã không mang lại kết quả dự kiến, sự cãi cọ về các phương pháp tháo gỡ khỏi khủng hoảng đã bắt đầu. Một số người (Kania, Jaruzelski, Barcikowski, Rakowski) đã nhấn mạnh sự cần thiết để chơi trò kéo dài thời gian và để tiến hành chiến tranh dừng dựa trên việc chịu đựng Đoàn kết; những người khác (Olszowski, Grabski, Kociolek, Zabinski) đã xác định những hoạt động của Đoàn kết như phản cách mạng và đã đòi hành động quyết định, đây đến đối đầu bằng cách tổ chức lặp đi lặp lại sự quấy nhiễu mà có thể bùng lên thành xung đột. Nhưng đã chẳng ai trình bày một chương trình cho việc thoát khỏi cuộc khủng hoảng. Rồi thế đội thấp nhất của đảng trở nên tích cực, đòi một đại hội đảng bất thường ngay lập tức. Việc này đã dẫn bộ máy đảng đến hoảng sợ và tung ra một cuộc tấn công bất ngờ chống lại các cấu trúc ngang, tức là, sự thực hành thiết lập các mối quan hệ giữa các tổ chức đảng bên ngoài các kênh hiện có của đảng. Những sáng kiến này có xuất xứ trong các tổ chức đảng ở Torun, và đặc biệt từ bí thư đảng ủy nhà máy

ở Towimor, Zbigniew Iwanow. Sự thất bại của các cấu trúc ngang, được tượng trưng hóa bằng việc đuổi Iwanow ra khỏi đảng, đã định trước đại hội bất thường đó, vì tất cả sự dân chủ gây u mê đàn độn của nó (bỏ phiếu kín cho các đại biểu dự đại hội và các ủy viên Ủy ban Trung ương, và thậm chí bí thư thứ nhất), sẽ chẳng mang lại cho đảng sự đáng tin nào giữa những người dân. Đối với tất cả những tuyên bố về sự theo đuổi các chính sách “hiều biết nhau,” thì việc bầu Albin Siwak vào Bộ Chính trị đã tiêu biểu cho sự tôn kính của diễn đàn cao nhất của đảng đối với tư tưởng của chủ nghĩa dân túy hậu-Stalinist, mà đã đánh bại các khái niệm về dân chủ hóa. Các hòa ước xã hội đã được hiểu như một vật công cho tình trạng khẩn cấp lúc đó, trong khi việc bầu Siwak đã xác nhận chiều hướng tư tưởng của đảng. Tất nhiên, những người tham gia Diễn đàn Đảng Katowice và Hội Grunwald những người ủng hộ Siwak bao gồm một số phiếu trội hơn bé xíu, nhưng trong đảng điều đó bị kết tội hình thức cụ thể của tiếng Newspeak cộng sản, đường lối này có thể tính đến một sự được dân chúng ưa thích nào đó mà tăng lên với cấp bậc. Nhưng trên hết, nó tiêu biểu cho tư duy của một bộ máy mà đã bị loại khỏi quyền lực hay bị đe dọa loại bỏ khỏi các giới này mà sẽ hình thành các sáng kiến chính trị của các Bilak² Ba Lan

Sự biến động trong đảng, hình ảnh bị biến dạng méo mó của hoạt động trong khắp xã hội phải được xem xét đối lại với cái nền của sự tranh đua chính trị của các định chế và tổ chức khác của giới quyền uy. Khi chúng ta phân tích những thay đổi nhân sự và cương lĩnh trong SD [Đảng Dân chủ], ZSL [Đảng Nông dân Thống nhất], hay thậm chí PAX [Hiệp hội Công giáo] trở nên rõ ràng rằng tất cả chúng đang đều tìm kiếm những hình thức định chế mới, mặc dù cho đến nay chúng đã thỏa mãn với vai trò thuần túy trang trí. Những cuộc tranh luận Nghị viện (Diet) cũng được dùng như bằng chứng rằng ngay cả định chế này có thể đảm nhận một ý nghĩa mới trong tình hình mới.

Đoàn kết là Gì?

Và còn Đoàn kết mà đã đóng vai trò then chốt. Nhằm để hiểu ý nghĩa của việc này, đáng nhớ lại nội dung và tầm với của những hòa ước Gdansk,

² Vassili Bilak, một nhà hoạt động đảng Slovak lâu đời, đã là một trong những người ký lá thư mời quân đội của các nước thuộc Hiệp ước Warsaw vào để kết liễu Mùa Xuân Prague.

được bảo đảm trong con mắt của người dân bởi sự tồn tại của Đoàn kết. Những luận điệu rằng nghiệp đoàn lao động này đã vượt ra ngoài các giới hạn của điều lệ của nó là tức cười. Cũng lố bịch ngang thế đã là những khẳng định của các nhà tuyên truyền chính thống một năm trước rằng chính ý tưởng về các nghiệp đoàn lao động độc lập đã được các phần tử phản xã hội chủ nghĩa áp đặt lên những công nhân đình công. Đúng hơn, đây là một thí dụ về từ vựng bản thủ được sử dụng trong tuyên truyền làm vắn đục bức tranh về thực tế ra sao; thay cho việc giới thiệu thế giới như nó là, sự tuyên truyền thử nặn thành nó. Vì thế sự tranh cãi về ngôn ngữ, bản chất của sự tranh luận về những thay đổi của Thẩm phán Koscielniak trong điều lệ của Đoàn kết, đã đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược của Đoàn kết. Chấp nhận cách hành văn được dùng trong tuyên truyền có nghĩa là đồng ý với những sự dối trá trong đời sống công. Nghiệp đoàn đã nói một ngôn ngữ mà nhân dân, mà sự tin cậy của họ là sức mạnh của nó và vũ khí của nó, có thể hiểu và đồng ý với. Cũng chính vì lý do này mà nghiệp đoàn phải đáp ứng những kỳ vọng của công chúng, ở mức rộng như chúng là. Và như thế Đoàn kết là tất cả mọi thứ cùng một lúc: một nghiệp đoàn lao động bảo vệ các quyền của người dân lao động tại nơi làm việc của họ; một tòa án kiện những kẻ phạm pháp trong bộ máy quyền lực; một người bảo vệ các tù nhân chính trị, luật và trật tự, và một văn hóa độc lập một đại diện chân chính của nhân dân trong quan hệ với nhà chức trách. Nhưng một thứ nó đã không là: một đảng chính trị nhằm để chiếm chính quyền, cho dù nó đã bị lên án chính xác vì việc này.

Đoàn kết, một phong trào xã hội với nhiều chức năng, trong một năm đã là người bảo đảm của nền dân chủ Ba Lan đang lớn lên. Nhưng vẫn còn quá sớm để thảo một bản tổng kết của các mặt sáng và mặt tối của nó. Vẫn còn quá sớm để cho một diện mạo xã hội học của phong trào này, một phong trào biết làm thế nào để thắng nhưng chưa biết làm thế nào để lùi; mà kết hợp những đòi hỏi cho cải cách thị trường với bản chất tinh thần của chủ nghĩa bình đẳng; mà sử dụng ngôn ngữ đoàn kết dân tộc để trình bày tư tưởng cách tả truyền thống của sự tự quản xã hội; mà là một vật lai giữa các yếu tố mâu thuẫn và một hỗn hợp chất; mà kết hợp sự sung bái lãnh tụ của nó với một nền dân chủ tới quy mô vô lý; và mà kết hợp một sự khôn ngoan gây kinh ngạc với một sự ngây thơ hiếm có. Nó là một phong trào dân chủ ở giữa một nền phản dân chủ, một phong trào của hy vọng lớn của cuộc cách mạng Ba Lan tự hạn chế: một phong trào mà tôn trọng nhiệm ngặt những thực tế địa chính trị nhưng bị buộc để bảo vệ chính nó khỏi các cuộc tấn công của báo chí của các nước láng giềng.

Quả thực, đối với các đồng minh [Hiệp ước Warsaw] chính sự tồn tại của Đoàn kết là bằng chứng rằng “cái gì đó thối nát trong nhà nước Đan Mạch.”* Chúng ta hãy đừng bắt đầu sự ngẫm nghĩ phức hợp và mang tính giả thuyết về chủ đề của một cuộc can thiệp quân sự khả dĩ vào Ba Lan. Việc thiếu thông tin cơ bản buộc người ta tin vào những lời tiên tri. Nhưng một thứ là chắc chắn: thái độ kiên quyết của những người Ba Lan cho thấy rằng những hậu quả của một sự can thiệp như vậy sẽ là không thể lường trước được. Và không chỉ đối với Ba Lan.

Con Đường Nào đến Dân chủ?

Lịch sử của mười hai tháng vừa qua lại nêu ra câu hỏi liệu hệ thống cộng sản có thể được cải cách hay không. Năm năm trước tôi đã có cơ hội đề bày tỏ ý kiến rằng những kinh nghiệm của con đường Tây Ban Nha đến dân chủ có lẽ có thể áp dụng cho Ba Lan: một con đường hòa bình, mà không có nghĩa là một con đường không có ổ gà nào. Ngày nay, ta có thể nói rằng những kinh nghiệm đó, tính đến tất cả những sự khác biệt xã hội, chính trị, và địa lý, đã tỏ ra là có ích.

Nếu những đám mây đen lơ lửng trên Ba Lan hôm nay, nếu tâm trạng công chúng được xác định với tần suất ngày càng tăng của sự thiếu hụt thực phẩm và không bởi một địa hạt rộng của tự do ngôn luận, là bởi vì vấn đề của một cuộc cải cách phổ quát của nhà nước, dựa trên việc thực hiện “các hòa ước xã hội” và trên một hệ thống thỏa hiệp công, đã không được đặt lên chương trình nghị sự. Một số tiếng nói trong báo chí chính thức có vẻ bắt đầu thảo luận những vấn đề này, nhưng nó chỉ là một sự bắt đầu của một giai đoạn mới.

Nhiệm vụ dân tộc Ba Lan phải đối mặt là vạch ra một kế hoạch cho một hệ thống thực tế của nền dân chủ chính trị, ngay cả trong khi tự kiểm chế mình một cách có ý thức để không chạm đến những lợi ích quốc gia của láng giềng hùng mạnh của chúng ta. Vì thế tôi tuyên bố ủng hộ một giải pháp thỏa hiệp. Đòi hỏi của lúc này là như vậy. Không người có trách nhiệm nào có thể đề xướng một sự đối đầu chung ngày nay. Đoàn kết có một quan điểm khác trước nó, một quan điểm về tìm kiếm các giải pháp mà, như được trình bày trong báo chí độc lập, nằm giữa sự cộng tác và sự tiến hóa. Nhà tù Bastille có thể bị tấn công bởi một đám đông vô định hình được trang bị chỉ với những xúc cảm và dũng khí; một chính sách dài hạn

* Có gì đó không ổn là ý nghĩa của câu trích (lời nói của Marcellus trong Hamlet [hồi 1] của Shakespeare).

của sự tiến hóa dân chủ chỉ có thể được tiến hành bởi một phong trào mà được tổ chức tốt, mà biết các mục tiêu của mình, và mà hoạt động trong sự đoàn kết.

Tháng Tám 1981

ĐỐI LẬP DÂN CHỦ

CHÚ THÍCH CỦA BIÊN TẬP VIÊN. Các tiểu luận trong phần này được viết giữa 1976 và 1979, khi Michnik và những người khác đã đang trình bày kế hoạch và từ vựng mà đã dẫn đến những thay đổi căn bản của các năm 1980 đến 1981.

Một Chủ nghĩa Tiến hóa Mới 1976

Các sự kiện lịch sử mà chúng ta gọi là Tháng Mười Ba Lan [1956] đã là một nguồn hy vọng rằng hệ thống cộng sản có thể tiến hóa. Hy vọng này đã dựa vào hai tầm nhìn, hai quan niệm về tiến hóa. Tôi sẽ dán nhãn cho chúng là “xét lại” và “tân thực chứng.”

Quan niệm xét lại đã dựa trên một góc nhìn đặc thù trong nội bộ đảng. Nó đã chẳng bao giờ được trình bày thành một cương lĩnh chính trị. Nó đã giả thiết rằng hệ thống quyền lực có thể được nhân đạo hóa và dân chủ hóa và rằng học thuyết Marxist chính thống đã có khả năng đồng hóa nghệ thuật và các khoa học xã hội đương đại. Các nhà xét lại đã muốn hoạt động bên trong khung khổ của đảng cộng sản và học thuyết Marxist. Họ đã muốn biến đổi học thuyết và đảng “từ bên trong” theo hướng của cải cách dân chủ và lẽ thường. Trong dài hạn, những hoạt động của các nhà xét lại tìm cách để cho phép những người được khai sáng bằng những tư tưởng tiến bộ tiếp quản đảng. Wladyslaw Bienkowski, một trong những đại diện điển hình của nhóm này, đã xác định các tư tưởng này như chế độ chuyên quyền xã hội chủ nghĩa được khai sáng.

Stanislaw Stomma, một nhà lãnh đạo tiêu biểu của kiểu thứ hai của tầm nhìn tiến hóa chủ nghĩa, đã gọi định hướng của ông là “tân thực chứng.” Trong tầm nhìn đó, chiến lược được chọn bởi Roman Dmowski,¹ vào lúc chuyên giao thế kỷ, được áp dụng cho các điều kiện lịch sử và chính trị ngày nay. Stomma đã coi mình là một người Công giáo và đã nhận ra Đạo Công giáo như một thành phần thường xuyên của đời sống công Ba Lan. Với tư cách người đứng đầu nhóm Công giáo Znak, ông đã muốn lập lại mưu mẹo của nhà lãnh đạo và nhà tư tưởng của phe dân chủ và, giống như Dmowski khi tham gia vào Duma của chế độ Sa Hoàng năm 1906, Stomma và các đồng sự của ông đã tham gia Sejm (Quốc hội) của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lan trong tháng Giêng 1957. Nhóm các nhà hoạt động Công giáo xung quanh Stomma, người đã đặt cơ sở cho tư duy của mình trên sự phân tích tình hình địa chính trị, nhắm tới việc tạo ra một phong trào chính trị mà, vào lúc thích hợp, có thể lãnh đạo dân tộc Ba Lan. Đối với Dmowski, thời khắc đó đã đến với sự nổ ra của Chiến tranh

¹ Roman Dmowski (1864-1939) đã là cha đẻ tinh thần và lãnh tụ chính trị của Đảng Dân chủ Quốc gia (SN-Endecja) và một địch thủ của Józef Pilsudski.

Thế giới I; đối với Stomma, nó có lẽ có thể đến với sự tan rã của khối Soviet.

Từ 1956 đến 1959, những ý tưởng của Stomma đã có sự ủng hộ một phần của hội đồng giám mục, nhờ những nhượng bộ được nhóm cai trị của Wladyslaw Gomulka ban cho Giáo hội Công giáo. Khái niệm tiến hóa chủ nghĩa của Stomma khác cơ bản với tư tưởng xét lại. Trước hết, chủ nghĩa tân thực chứng đã cho sự trung thành của Ba Lan đối với Liên Xô là dĩ nhiên, mặc dù đồng thời bác bỏ học thuyết Marxist và tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, những người xét lại đã hướng về những ý kiến chống-Soviet hơn là chống-Marxist, như trường hợp ở Hungary đã là. Để dùng một ẩn dụ so sánh, nếu ta coi tổ chức nhà nước Liên Xô như “Giáo hội” và học thuyết tư tưởng Marxist như “Kinh Thánh”, thì chủ nghĩa xét lại đã trung thành với “Kinh Thánh” khi trình bày những diễn giải của nó, còn chủ nghĩa tân thực chứng đã gắn bó với “Giáo hội” nhưng với hy vọng rằng sớm muộn “Giáo hội” sẽ biến mất.

Hai quan niệm đã có chung sự tin chắc rằng sự thay đổi sẽ đến từ trên xuống. Cả những người xét lại lẫn những người tân thực chứng đã tính đến sự tiến hóa tích cực trong đảng, được gây ra bởi các chính sách duy lý của các lãnh tụ khôn ngoan, chứ không bởi áp lực không ngừng của công chúng. Họ đều đã tính đến tư duy duy lý của các hoàng tử cộng sản, chứ không đến các định chế độc lập mà sẽ có được sự kiểm chế bộ máy quyền lực. Có lẽ hầu như không có việc đưa ra những giả thiết này, cả những người tân thực chứng lẫn các nhà xét lại đã không có khả năng tiến hành các hoạt động công của họ, mặc dù, như đã hóa ra, sự chấp nhận và làm theo các giả thiết này không thể tránh khỏi dẫn đến một sự thất bại chính trị và trí tuệ. Cả những người xét lại phê phán “Giáo hội” và những người tân thực chứng chống đối các nguyên tắc của “Kinh Thánh” đều thất bại.

Xu hướng xét lại dứt khoát đã có một số đặc điểm tích cực cùng với những tiêu cực. Chúng ta phải nhớ đến cả những thành quả trí tuệ của chủ nghĩa xét lại thời đó và hoạt động chính trị của các nhóm quan trọng của giới trí thức những người đã được chủ nghĩa xét lại gây cảm hứng.

Những thành quả là hiển nhiên: là đủ để nhớ lại những cuốn sách xuất sắc được viết bởi Leszek Kolakowski, Oskar Lange, Edward Lipinski, Maria Hirszowicz, Włodzimierz Brus, Krzysztof Pomian, Bronislaw Baczko, và Witold Kula. Chủ nghĩa xét lại, theo quan niệm rộng nhất của nó, đã được thể hiện trên mặt trận văn học trong các công trình của Kazimierz Brandys, Adam Wazyk, Wiktor Woroszyński, và Jacek Bochenski. Tất cả những cuốn sách này, dù giá trị khoa học hay

nghệ thuật của chúng thế nào đi nữa, đã truyền bá sự thật và chủ nghĩa nhân văn, mà đã bị tấn công trong tuyên truyền chính thống. Việc xuất bản của mỗi trong những cuốn sách này đã nhanh chóng trở thành một sự kiện chính trị.

Ngoài ảnh hưởng tích cực đến sự hiểu biết và văn hóa Ba Lan, chủ nghĩa xét lại đã gây cảm hứng cho hoạt động chính trị giữa các công dân. Bằng việc phản đối tính thụ động và sự lưu vong trong nước, chủ nghĩa xét lại đã đặt cơ sở cho sự tham gia độc lập vào đời sống công. Niềm tin vào khả năng của mình để gây ảnh hưởng đến số phận của xã hội là một điều kiện tiên quyết tuyệt đối cho hoạt động chính trị. Trong trường hợp của những người xét lại, niềm tin này đã phụ thuộc vào lòng tin rằng đảng có thể được cải cách. Ngày nay chúng ta có thể thấy rõ ràng rằng niềm tin của họ đã dựa trên những ảo tưởng; tuy nhiên, hoạt động dân sự và những biểu hiện phản đối công khai đã là những kết quả thực và tích cực của nó trong các năm từ 1956 đến 1968. Phần lớn những sáng kiến đổi lập trong giai đoạn đó đã có xuất xứ từ các giới này, chứ không từ những người chống cộng kiên định và nhất quán. Là quan trọng để nhớ sự thực này trong cân nhắc trách nhiệm cho những lòng tin Stalinist của giới trí thức cánh tả của Ba Lan. Đã chính những người xét lại cựu-Stalinist những người đã khởi tạo và truyền bá những quan điểm bất đồng giữa những quan điểm của giới trí thức mà muộn hơn đã giúp khôi phục lại đời sống dân sự ở Ba Lan giữa thực tế đầy khó khăn của nó.

Thế nhưng chủ nghĩa xét lại đã bị vết nhơ tại chính nguồn của nó bởi lòng tin rằng những sự phấn đấu và mục tiêu của cánh “phóng khoáng” trong bộ máy đảng đã là đồng nhất với những đòi hỏi của giới trí thức xét lại. Tôi nghĩ rằng tội lỗi lớn nhất của những người xét lại nằm không ở sự thất bại của họ trong cuộc đấu tranh nội bộ trong đảng vì quyền lực (nơi họ đã không có thể thắng) mà ở đặc tính của sự thất bại đó. Nó đã là sự thất bại của các cá nhân bị loại khỏi vị trí quyền lực và ảnh hưởng, không phải một sự trở ngại cho một cương lĩnh chính trị dân chủ và cánh tả có cơ sở rộng rãi. Những người xét lại đã chẳng bao giờ tạo ra một cương lĩnh chính trị như vậy.

Chủ nghĩa xét lại đã bị chấm dứt bởi các sự kiện tháng Ba 1968. Trong tháng đó dây rốn nối giới trí thức xét lại với đảng đã bị cắt đứt. Sau tháng Ba 1968 ý tưởng rằng đã tồn tại một cánh tiến bộ và dân chủ bên trong ban lãnh đạo đảng đã chẳng bao giờ lấy lại được sự phổ biến rộng rãi. Một trong vài người vẫn tiếp tục nuôi hy vọng chính trị này là

Wladyslaw Bienkowski,² mặc dù những trình bày của ông nói chung được coi như cách dùng sự tô màu bảo vệ và không phải là lập luận thật. Thực ra, bằng cách truyền bá công trình của mình, Bienkowski đã tạo ra một kiểu hoàn toàn mới của hoạt động chính trị. Trước đó, “lên tiếng trong đảng” tức là, kêu gọi sự ủng hộ chỉ của các đảng viên đã là một luật bất thành văn của chủ nghĩa xét lại. Bienkowski đã rót rượu mới vào các bình cũ; chủ nghĩa xét lại, được ông mừng tượng như một lòng tin vào sự tồn tại của một ban lãnh đạo đảng khôn ngoan, đã biến thành sự phê phán tàn nhẫn và không ngớt đối với các nhà lãnh đạo hiện thời và sự ngu dốt của họ. Một mặt, ông đã truyền bá các tư tưởng rõ ràng thù địch đối với các nhà chức trách và một cương lĩnh dứt khoát đối lập; nhưng mặt khác, cương lĩnh của ông đã được dành cho các nhà chức trách chứ không phải cho công chúng. Những bạn đọc không phải là đảng viên của Bienkowski đã không thể biết được từ các bài viết của ông để sống thế nào, để hành động ra sao, và phải làm gì để đẩy mạnh sự thay đổi dân chủ.

Ngoài ra trong năm 1968, năm chủ nghĩa xét lại chết, các sinh viên biểu tình đã hát: “Cả Ba Lan đang đợi Dubcek của nó.” Một thời gian, lãnh đạo của những người cộng sản Czech và Slovak đã trở thành biểu tượng hy vọng. Cho đến chính ngày này, huyền thoại về Dubcek và Mùa Xuân Prague đã đóng một vai trò quan trọng ở Ba Lan, và ý nghĩa của huyền thoại này còn xa mới đơn giản. Nó được dùng để biện minh cho cả chủ nghĩa lạc quan rực rỡ lẫn chủ nghĩa bi quan mờ mịt nhất; nó cung cấp một sự bảo vệ cho thái độ của chủ nghĩa tuân thủ cũng như cho những cử chỉ của chủ nghĩa anh hùng. Vì sao?

Trong tháng Mười 1956 mối đe dọa về sự can thiệp Soviet vào Ba Lan đã tạo nên một anh hùng dân tộc từ Wladyslaw Gomulka một người mà sẽ rời bỏ sân khấu chính trị được phủ bằng sự ô nhục và sự khinh rẻ mười bốn năm sau.³ Tấm gương của ông tiết lộ sự mơ hồ cơ bản trong toàn bộ huyền thoại về lãnh tụ đảng anh hùng. Có những lý do để tin rằng cho dù [giả như] đã không có sự can thiệp vũ trang nào thì sự phân cực tội bực và sự xung đột công khai giữa cánh tiến bộ của đảng và phe đối lập ngoài đảng, KAN (câu lạc bộ của phong trào Lính mộ Không-đảng), đã nhất thiết nổi lên ở Tiệp Khắc. Là khó để tiên đoán tương lai, nhưng tôi

² Wladyslaw Bienkowski đã viết vài cuốn sách về chế độ cộng sản. Trước đó ông đã là một nhà hoạt động của đảng Cộng sản Ba Lan và một cộng sự gần gũi của Wladyslaw Gomulka.

³ Wladyslaw Gomulka được cho là trong năm 1956 đã có được sự tin cậy của Nikita Khrushchev và các lãnh đạo Soviet khác và như thế tránh được một sự xâm lấn Soviet.

đánh bạo rằng nhiều hơn một “Dubcekite” sẽ mau chóng biến thành một người dạy thú của phe đối lập ngỗ nghịch.

Huyền thoại về lãnh tụ đảng “nhân từ” nhất thiết là mơ hồ. Nhiều người đã tham gia Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan đã bảo vệ quyết định của họ theo cách sau: “Bằng cách này tôi sẽ có khả năng phục vụ sự nghiệp của nền dân chủ Ba Lan, bởi vì chỉ bằng cách này tôi mới sẽ có khả năng ủng hộ một cách hiệu quả cho Dubcek Ba Lan khi ông ta xuất hiện.” Cho đến bây giờ, sự phục vụ này cho sự nghiệp dân chủ đã chẳng khác gì sự phục vụ cho những thế lực toàn trị. Những người mà đã không tham gia Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan và những người tuyên bố mình là chống cộng hoàn toàn cũng sử dụng tấm gương Tiệp Khắc để biện minh cho quyết định của họ để tránh mọi cách cư xử đối lập. Những người này gọi những người đối lập là “bọn gây rối chính trị,” và coi số phận của Tiệp Khắc và Dubcek như bằng chứng rằng “không có đường nào cho bất cứ thay đổi nào ở đây.”

Đối với tôi, bài học Tiệp Khắc là, sự thay đổi là có thể và nó có những hạn chế của nó. Tiệp Khắc là một thí dụ về tính dễ vỡ của sự ổn định toàn trị, và cả về sự tuyệt vọng và tính tàn nhẫn của một đế chế bị đe dọa. Bài học Tiệp Khắc là, sự tiến hóa có những hạn chế của nó và rằng nó là có thể.

Những kinh nghiệm của những người tân thực chứng cũng phải được xem xét kỹ lưỡng. Không có nghi ngờ gì rằng những hoạt động của họ đã có tác động tích cực để giúp tạo ra một công luận độc lập và để truyền bá một cách tư duy mà đã khác hoàn toàn với kiểu chính thức bắt buộc của tuyên truyền của đảng.

Như tôi đã nhắc tới rồi, một điểm xuất phát cho các ý tưởng của phong trào Znak trong năm 1956 đã là chủ nghĩa hiện thực địa chính trị và một sự bác bỏ thiên hướng được cho là của những người Ba Lan đối với sự nổi loạn, một bài học được rút ra từ thảm kịch của cuộc Khởi nghĩa Warsaw năm 1944. Để đền đáp lại sự ủng hộ ban lãnh đạo đảng mới của Wladyslaw Gomulka, phong trào Znak đã nhận được những sự nhượng bộ đáng kể từ chính quyền. Vài Câu lạc bộ của Trí thức công giáo đã được thành lập, và các tờ *Tygodnik Powszechny*, *Znak* [Dấu hiệu] hàng tháng, và nhà xuất bản Znak đã được phục hồi hoạt động. Phong trào Znak đã có được quyền để bày tỏ những ý kiến riêng của nó và để trình bày mô hình riêng của nó về văn hóa quốc gia. Ta không thể đánh giá quá cao tầm quan trọng của sự đồng hóa tư tưởng Kitô đương thời bởi đời sống trí tuệ Ba Lan. Sẽ khó ngang thế để đánh giá quá cao vai trò của những sách của Stefan Kisielewski, Hanna Malewska, Jerzy Turowicz, Jerzy Zawieyski,

Stanislaw Stomma, Antoni Golubiew, hay Jacek Wozniakowski. Bởi vì những tác phẩm của các tác giả này, một cơ sở rộng cho một nền văn hóa độc lập với các chuẩn mực và khuôn mẫu chính thống, đã hình thành ở Ba Lan. Nhờ những bài phát biểu tại Quốc hội của Stefan Kisielewski, Jerzy Zawieyski, và Stanislaw Stomma, mà giới trẻ Ba Lan đã có cơ hội để làm quen với một chủ nghĩa đa nguyên chính trị thế phảm. Bởi chính định nghĩa của nó, nhóm nhỏ của các đại biểu Znak đã có số phận định trước để hoàn thành vai trò của một “phe đối lập” thực tế, thực dụng, và Công giáo “đối với Hoàng thượng Xã hội chủ nghĩa.”

Nhóm *Wież* của cánh tả Công giáo Ba Lan đã chiếm một hộc [đề tượng] khác [trong đên], kết hợp những hy vọng xét lại với chiến lược chính trị của những người tân thực chứng của Znak. Những ý tưởng đổi mới sáng tạo của Tadeusz Mazowiecki, Anna Morawska, và các nhà văn tiểu luận khác được công bố trong *Wież* đã dẫn các biên tập viên của nó đến xung đột với hội đồng giám mục; nhưng những ý tưởng này cũng đã làm cho một sự đối thoại tư tưởng với giới trí thức thường là có thể. Điều này nghe có vẻ nghịch lý, chính nhóm *Wież* đã là nhóm làm cho việc giới trí thức cánh tả xem xét lại các hình mẫu (stereotype) của Đạo Ki tô và Giáo hội là có thể.

Sự ủng hộ dành cho Gomulka bởi Znak và *Wież* đã giới hạn ở một mục tiêu chính trị cụ thể để mở rộng phạm vi của các quyền tự do dân sự. Một thành phần quan trọng của mục tiêu này đã là sự bình thường hóa quan hệ giữa Giáo hội và Nhà nước, thí dụ bằng việc thả Giáo trưởng của Ba Lan [bị tù khi đó], bằng từ bỏ sự quấy rối hành chính, bằng hợp pháp hóa sự dạy tôn giáo, và vân vân. Trong những hoàn cảnh này, Phong trào Znak đã giới hạn các hoạt động của nó ở sự ủng hộ trung thành, dù dè dặt và đường hoàng, đối với các chính sách của chính quyền. Cũng giống những người xét lại, các chính trị gia Công giáo đã tin vào việc có được những nhượng bộ và các quyền “được ban cho” từ trên xuống hơn là vào việc tổ chức áp lực từ dưới lên. Họ đã tìm kiếm sự hài hòa, không phải sự xung đột; họ đã quan tâm đến trật tự, tìm kiếm sự thỏa thuận với đảng, và đã tìm cách tránh những sự quy tội về thái độ đối lập.

Mặc dù các nhà lãnh đạo của Znak đã chẳng bao giờ phạm phải sai lầm cơ bản của những người xét lại, thay vào đó họ đã luôn luôn nhấn mạnh sự tách biệt tư tưởng và chính trị của họ, lịch sử của phong trào của họ gây cảm hứng cho tư duy phê phán về đường lối hoạt động được chọn bởi những người tân thực chứng Công giáo.

Một chính sách hòa giải có ý nghĩa chỉ nếu cả hai bên coi nó một cách nghiêm túc. Trong quan hệ với chính quyền cộng sản, mà từ vưng

của nó thiếu từ hòa giải, một chính sách như vậy có ý nghĩa chỉ nếu nó được tiến hành từ vị thế mạnh. Còn khác đi, thì sự hòa giải trở thành sự đầu hàng, và chính sách hòa giải trở thành một cuộc hành quân đến sự tự-diệt chính trị. Đây là cách nhóm các đại biểu Znak đã tiến hóa.

Sự đồng ý với một sự kè vị của những sự thay đổi nhân sự trong nhóm đại biểu Znak do chính quyền áp đặt đã dẫn đến một sự tuân thủ của đường lối chính trị của phong trào với đường lối chính thống. Việc từ bỏ các nguyên tắc của nó đã làm cho các đại biểu Znak mất đi uy quyền của họ trong con mắt của nhân dân, những người mà, mặc dù bản thân họ đã không có quyền lực gì, đã kính trọng sự dũng cảm và tính nhất quán. Các đại biểu đã đi theo một con đường mà xuất phát từ sự thỏa hiệp đến sự mất tín nhiệm. Tôi đang sử dụng từ ngữ nặng nề, thế nhưng khó tìm những từ khác để mô tả các phiếu của các đại biểu Znak (trừ các lá phiếu của Stanislaw Stomma) để ủng hộ những sửa đổi của chính phủ đối với Hiến pháp của Cộng hòa Nhân dân Ba Lan [1976] cho những sửa đổi mà đã bị công luận độc lập ở Ba Lan phản đối.⁴ Đây đã là giai đoạn cuối cùng và sản phẩm cuối cùng của việc họ từ bỏ nguyên tắc để đổi lấy những lợi lộc trực tiếp nhưng ảo tưởng. Một trong nhiều nghịch lý của lịch sử Ba Lan rằng Stanislaw Stomma, một chính trị gia mà con mắt của ông đã tập trung dồn vào tấm gương của Alexander Đại Đế và chính sách realpolitik của ông, đã kết thúc sự nghiệp chính trị của mình ở Cộng hòa Nhân dân Ba Lan với một cử chỉ lãng mạn thích hợp với Rejtan.⁵

Những ý tưởng của những người xét lại và những người tân thực chứng đã chứa hai câu trả lời cơ bản cho các thế lưỡng nan chính trị của các năm 1957 đến 1964 một giai đoạn của bình thường hóa xã hội và tan băng chính trị, gia tăng sự thịnh vượng giữa những người dân, và sự mở rộng tương đối của các quyền tự do dân sự. Cả hai nhóm đã phản ánh ở mức độ lớn bầu không khí hòa bình chính trị và ổn định tâm lý xã hội.

Tính dễ vỡ của cả chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa tân thực chứng đã nổi lên khi xung đột xã hội đã trở nên gay gắt hơn, vào cuối các năm 1960 và các năm 1970. Phong trào sinh viên và trí thức trong tháng Ba 1968, sự bùng nổ của những công nhân trong tháng Sáu 1976 cả hai cuộc biểu tình tự phát của công chúng đã dẫn đến sự suy sụp của những người xét lại và

⁴ Những cuộc phản đối chống lại những thay đổi trong Hiến pháp đã là sự bắt đầu của sự tự tổ chức của phe đối lập ở Ba Lan.

⁵ Tadeusz Rejtan (1746-1780), một đại biểu từ Nowogródek tới Quốc hội (Diet) năm 1773, đã xé quần áo của mình và lấn xuong sàn cầu khản các đại diện khác bác bỏ sự chia cắt Ba Lan.

những người tân thực chứng. Tính vô dụng của cả hai công thức trừu tượng, được chấp nhận và làm theo từ lịch sử triết học và những cương lĩnh chiến thuật do các công thức này tạo ra, đã bị lật trần trong sự đung độ với các quá trình xã hội thật. Những xung đột giữa công chúng và chính quyền đã cho thấy đặc tính ảo tưởng của những hy vọng của cả những người xét lại và những người tân thực chứng, và đã đặt họ vào một tình thế mà trong đó họ đã phải đưa ra một sự lựa chọn đầy kịch tính. Khi có sự xung đột công khai, người ta phải tuyên bố rõ ràng một lập trường và công bố mình ở bên nào, ở bên của những người bị đánh hay ở bên của những kẻ đánh người. Ở nơi xung đột là công khai, chủ nghĩa xét lại kiên định cũng như chủ nghĩa tân thực chứng kiên định cả hai dẫn một cách không thể tránh khỏi đến sự thống nhất với những người nắm quyền và sự thừa nhận quan điểm của họ. Bày tỏ sự đoàn kết với các công nhân đình công, với các sinh viên tổ chức mít ting quần chúng, hay với các trí thức phản đối là đi thách thức chiến lược bên trong đảng của các chính sách thỏa hiệp xét lại và tân thực chứng. Sự đoàn kết xã hội làm xói mòn thành phần cơ bản của cả hai chiến lược: sự chấp nhận chính phủ như điểm tham chiếu cơ bản.

Thế lưỡng nan của các phong trào cánh tả thế kỷ mười chín “cải cách hay cách mạng” không phải là thế lưỡng nan của phe đối lập Ba Lan. Đi tin vào việc lật đổ chế độ độc tài của đảng bằng cách mạng và đi tổ chức một cách có ý thức các hành động để theo đuổi mục tiêu này là cả không thực tế lẫn nguy hiểm. Khi cấu trúc chính trị của Liên Xô vẫn chưa thay đổi, là không thực tế để tính đến việc lật đổ đảng ở Ba Lan. Là nguy hiểm để lập kế hoạch những hành động âm mưu. Căn cứ vào sự thiếu một văn hóa chính trị đích thực hay bất cứ chuẩn mực nào của đời sống tập thể dân chủ, sự tồn tại của một phong trào bí mật sẽ chỉ làm xấu thêm những sự ồm yếu này và thay đổi ít. Các học thuyết cách mạng và các tập quán âm mưu chỉ có thể phục vụ cảnh sát, khiến cho sự quá khích đám đông và sự khiêu khích cảnh sát có nhiều khả năng hơn.

Theo ý tôi, một cuộc đấu tranh liên tục cho cải cách và sự tiến hóa mà tìm kiếm một sự mở rộng các quyền tự do dân sự và quyền con người là tiến trình duy nhất mà những người bất đồng chính kiến Đông Âu có thể tiến hành. Tấm gương Ba Lan chứng tỏ rằng những sự nhượng bộ thực tế là có thể đạt được bằng áp đặt sức ép công chúng kiên định lên chính phủ. Để rút ra sự tương tự với các sự kiện ở đầu kia của lục địa chúng ta, ta có thể nói rằng các ý tưởng của phe đối lập dân chủ Ba Lan giống mô hình Tây Ban Nha hơn là mô hình Bồ Đào Nha. Việc này dựa vào sự thay

đổi từ từ và từng phần, không phải sự biến động đột ngột mãnh liệt và sự phá hủy hệ thống hiện tồn bằng bạo lực.

Sự hiện diện quân sự và chính trị Soviet ở Ba Lan là nhân tố xác định những giới hạn của sự tiến hóa khả dĩ, và việc này không chắc thay đổi trong một thời gian. Mong muốn phản kháng đã bị làm cho tê liệt bởi bóng ma của sự can thiệp quân sự và xe tank Soviet trên đường phố Warsaw. Ký ức về Budapest và Prague đã dẫn nhiều người tin rằng các nhà lãnh đạo Soviet sẽ không cho phép bất cứ thay đổi nào. Nhưng xem xét kỹ lưỡng hơn, vấn đề có vẻ phức tạp hơn thế nhiều.

Chúng ta hãy nhớ lại: Wladyslaw Gomulka đã có được sự ưa thích to lớn của quần chúng trong năm 1956 là nhờ sự xác định khéo léo của ông về “vấn đề Soviet.” Mọi lãnh tụ đảng giỏi đều có thể có được sự phục tùng và lòng trung thành bằng sự tung hứng sự sợ hãi và mong muốn an toàn của công chúng một cách khéo léo. Mieczyslaw Moczar đã thử làm một cách phù hợp, và Franciszek Szlachcic đã lôi cuốn những tình cảm được lòng dân này với một cách nói lan truyền khắp Warsaw: “Tình hữu nghị Ba Lan-Soviet phải giống như trà ngon: đặc, nóng, nhưng không quá ngọt.” Hai chính trị gia này [và các quan chức an ninh] đã bắt đầu sự tiến bước đến quyền lực của họ bằng cách tìm kiếm sự nổi tiếng lớn hơn, và mặc dù họ đã không thành công, vấn đề Soviet vẫn là một sân khấu lèo loẹt cho sự khai thác chính trị.

Khi ta phân tích độ phức tạp của các mối quan hệ Ba Lan-Soviet, phải lưu ý trên hết rằng những lợi ích của ban lãnh đạo chính trị Soviet, ban lãnh đạo chính trị Ba Lan, và phe đối lập dân chủ Ba Lan về cơ bản là nhất trí. Đối với cả ba bên, một sự can thiệp quân sự Soviet vào Ba Lan sẽ là một thảm họa chính trị. Đối với ban lãnh đạo Ba Lan, một sự can thiệp như vậy sẽ biểu thị sự truất ngôi hay sự giảm địa vị của lãnh tụ của một quốc gia ba mươi tư triệu người, với quyền chủ quyền hạn chế, xuống địa vị của cảnh sát hành động nhân danh đế quốc Soviet. Các nhà lãnh đạo Soviet, tuy vậy, chắc chắn nhớ những hậu quả của những cuộc can thiệp của họ vào Hungary và Tiệp Khắc, cũng như quyết tâm của công nhân Ba Lan trong tháng Mười Hai 1970 và tháng Sáu 1976. Nếu chúng ta cũng tính đến cả những tình cảm chống-Nga truyền thống của những người Ba Lan, và thiên hướng của họ để chiến đấu đến cùng do sự tuyệt vọng hoàn toàn (như được chứng minh, thí dụ, trong Khởi nghĩa Warsaw năm 1944), thì chúng ta có thể kết luận rằng một quyết định bởi các nhà lãnh đạo Soviet để can thiệp quân sự vào Ba Lan sẽ tương đương với việc chọn chiến tranh với Ba Lan. Nó sẽ là một cuộc chiến tranh mà Ba Lan sẽ thua trên chiến trường nhưng mà Liên Xô sẽ thua về mặt chính trị. Một cuộc

chiến tranh Soviet thắng lợi với Ba Lan sẽ có nghĩa là một cuộc tàn sát dân tộc đối với những người Ba Lan, nhưng đối với những người Soviet nó sẽ là một thảm họa chính trị. Đây là vì sao tôi tin các nhà lãnh đạo Soviet, cũng như ban lãnh đạo của Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan, sẽ rất thành công để tránh một cuộc xung đột như vậy. Sự miễn cưỡng này phác họa phạm vi của thủ đoạn chính trị chấp nhận được; sự liên kết này về các lợi ích xác định phạm vi của sự thỏa hiệp khả dĩ.

Tôi không cho rằng sự can thiệp Soviet vào Ba Lan là không thể. Ngược lại, tôi tin rằng nó có thể là không tránh khỏi nếu một mặt các nhà chức trách Moscow và Warsaw, và mặt khác công chúng Ba Lan, đánh mất lương tri của họ và khả năng nhận biết thực tế và sự điều độ. Phe đối lập phải biết rằng ở Ba Lan sự thay đổi chỉ có thể đến chỉ ít trong những giai đoạn đầu của nó bên trong khung khổ của “học thuyết Brezhnev.”

Những người xét lại và những người tân thực chứng cũng đã tin rằng sự thay đổi tiến hóa phải được dự định bên trong các tham số của “học thuyết Brezhnev.” Tôi tin rằng cái làm cho phe đối lập ngày nay nổi bật khác với những người chủ trương các tư tưởng đó là lòng tin rằng một cương lĩnh tiến hóa phải được trình bày cho một công chúng độc lập, không phải cho chính quyền toàn trị. Một cương lĩnh như vậy phải đưa ra những hướng dẫn cho nhân dân về ứng xử thế nào, không phải cho những người nắm quyền về cải cách bản thân họ ra sao. Chẳng gì hướng dẫn chính quyền tốt hơn áp lực từ bên dưới.

“Chủ nghĩa tiến hóa mới” dựa trên niềm tin vào sức mạnh của giai cấp lao động, mà, với một lập trường kiên định và không chịu khuất phục, trong vài dịp đã buộc chính phủ đưa ra những nhượng bộ ngoạn mục. Là khó để thấy trước những sự phát triển trong giai cấp lao động, nhưng không có sự nghi ngờ nào rằng giới tinh hoa nắm quyền sợ nhóm xã hội này nhất. Áp lực từ các giai cấp lao động là một điều kiện cần cho sự tiến hóa của đời sống công hướng tới nền dân chủ.

Sự tiến hóa này không dễ để lập biểu đồ; nó đòi hỏi sự không ngừng vượt qua sợ hãi và một ý thức chính trị mới được phát triển. Những nhân tố làm chậm quá trình này bao gồm sự thiếu các định chế đích thực của những người lao động và sự thiếu các mô hình và truyền thống cho sự kháng cự chính trị. Ngày mà tổ chức độc lập đầu tiên cho sự tự vệ của các công nhân được thành lập, khi các ủy ban đình công ở các xưởng đóng tàu ở Szczecin và Gdansk được hình thành, một giai đoạn mới trong ý thức công nhân đã bắt đầu. Khó để nói khi nào và làm thế nào các định chế khác, lâu bền hơn đại diện cho những lợi ích của công nhân sẽ được tạo ra và chúng sẽ có hình thức nào. Chúng sẽ có là các ủy ban công nhân theo

mô hình Tây Ban Nha, hay các nghiệp đoàn lao động độc lập, hay các hội tương trợ? Nhưng khi các định chế như vậy nổi lên, tầm nhìn của một chủ nghĩa tiến hóa mới sẽ trở thành nhiều hơn chỉ một tạo vật của một đầu óc tìm kiếm hy vọng.

Vai trò của Giáo hội Công giáo là một yếu tố cốt yếu trong tình hình của Ba Lan. Đa số nhân dân Ba Lan cảm thấy gần gũi với Giáo hội, và nhiều giáo sĩ Công giáo có ảnh hưởng chính trị mạnh. Sự tiến hóa của chương trình hành động của hội đồng giám mục Ba Lan phải được phân tích một cách cẩn trọng. Sự tiến hóa này có thể quan sát thấy một cách dễ dàng trong các tài liệu chính thức của Giáo hội. Lập trường chống cộng kiên định và riêng biệt của hệ thống thứ bậc của Giáo hội, mà trong đó tất cả những thay đổi xã hội và chính trị đã xảy ra từ 1945 đã đều bị bác bỏ, đã tiến hóa thành một lập trường chống toàn trị rộng hơn. Những Jeremiad (lời than vãn của nhà tiên tri Jeremiah) chống lại “những kẻ vô Thần” đã được thay bằng những tài liệu trích dẫn các nguyên tắc của Tuyên ngôn về các Quyền Con Người; trong các thư mục sư, các giám mục Ba Lan đã bảo vệ quyền đối với sự thật và đứng lên ủng hộ quyền tự do và nhân phẩm con người. Quan trọng nhất, họ đã bảo vệ các quyền tự do dân sự của nhân dân lao động, và đặc biệt quyền của họ để đình công và để lập ra các nghiệp đoàn lao động độc lập.

Giáo hội Công giáo, mà kháng cự lại một cách kiên định áp lực từ chính phủ và bảo vệ các nguyên tắc Kitô giáo cũng như các nguyên tắc của Tuyên ngôn về Nhân quyền, đã nhất thiết trở thành một chỗ nơi thái độ không theo lệ thói và thái độ chững chạc giữa những người dân có thể hòa trộn. Nó vì thế là một nguồn khích lệ chủ chốt cho những người tìm cách mở rộng các quyền tự do dân sự.

Chủ nghĩa tiến hóa mới nhắm tới sự thay đổi từ từ và chậm. Nhưng điều này không có nghĩa rằng phong trào cho sự thay đổi sẽ luôn luôn là hòa bình, rằng nó sẽ không đòi hỏi những sự hy sinh và thương vong. Trong quá khứ, phong trào này một phần đã bao gồm các hoạt động quần chúng bởi các công nhân và sinh viên và điều này có thể tiếp tục trong tương lai. Những hoạt động như vậy thường kéo theo những tranh cãi trong giới tinh hoa nắm quyền. Vì thế, chúng ta phải hỏi liệu các lực lượng bên trong đảng và ban lãnh đạo của nó có tồn tại mà có khả năng chấp nhận một chương trình cải cách hay không, và liệu chủ nghĩa xét lại có thể tái xuất hiện bên trong đảng hay không. Phe đối lập dân chủ có thể tìm thấy một đồng minh trong một trong những nhóm của đảng?

Chủ nghĩa xét lại là một phong trào của sự đổi mới nội bộ đảng mà đã sinh ra trong các năm 1950 và bây giờ là một hiện tượng lỗi thời. Là

khó để hình dung một phong trào mà sẽ dùng học thuyết Marxist-Leninist, hoặc thậm chí bất cứ nhân tố nào của nó, để thực thi các cuộc cải cách ở Ba Lan ngày nay, vì học thuyết này là một tạo vật chết, một điệu bộ trống rỗng, một nghi lễ chính thức. Nó không còn kích thích sự thảo luận hay làm bùng lên những xúc cảm nữa. Nó không có khả năng gây ra căng thẳng và chia rẽ nội bộ.

Tuy vậy tôi tin rằng sự thay đổi trong đảng là không thể tránh khỏi. Giữa hàng trăm ngàn đảng viên những người chẳng có quan tâm nào đến chủ nghĩa duy vật biện chứng, có nhiều người mà đối với họ tư cách đảng viên trong Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan đơn giản chỉ là một điều kiện trước cần thiết cho việc tham gia vào đời sống công. Giữa họ có nhiều người tin vào realpolitik, chủ nghĩa thực dụng và cải cách kinh tế. Những niềm tin chính trị và những quyết định của họ được tạo hình bởi áp lực của công luận và bởi các lực bên trong nền kinh tế quốc gia. Chủ nghĩa thực dụng khiến những người này để cho tiêu chuẩn tư tưởng chật hẹp bị gạt sang một bên bởi nhu cầu phát triển giáo dục, sự hợp tác khoa học-kỹ thuật mạnh hơn với các nước tư bản chủ nghĩa, và sự cạnh tranh gia tăng. Điều này hiển nhiên không có nghĩa rằng những cá nhân này đang phấn đấu cho dân chủ. Một đảng viên “thực dụng” chẳng có lý do gì để hướng tới sự thay đổi cho chủ nghĩa đa nguyên và chế độ tự quản đích thực. Nhưng ông ta có lý do để hiểu tính hữu hiệu của sự thỏa hiệp với những lực lượng ủng hộ sự đa nguyên thay cho việc đàn áp tàn bạo họ. Vì ông ta biết rất kỹ rằng sự đàn áp chẳng giải quyết được gì và thay vào đó chuẩn bị mặt bằng cho sự bùng nổ tiếp theo của sự bất mãn xã hội, mà những hậu quả của nó là không thể đoán trước.

Đảng viên thực dụng vì thế sẽ làm tất cả những gì có thể làm để tránh các tình trạng như vậy. Đây là vì sao ông ta có thể là một đối tác của phe đối lập dân chủ, mà với ông ta sẽ có thể đạt được một thỏa hiệp chính trị. Nhưng ông ta sẽ chẳng bao giờ là một đồng minh chính trị. Tôi nghĩ rằng sự phân biệt này là quan trọng. Nếu những người của phe đối lập dân chủ không phân biệt được các xu hướng khác nhau tồn tại bên trong bộ máy đảng, thì tôi nghĩ họ có thể bỏ qua thực tế, trở thành những người cuồng tín đòi hỏi mức tối đa, và lạc lối vào chủ nghĩa phiêu lưu chính trị. Đồng nhất các mục tiêu riêng của họ với các mục tiêu của cánh thực dụng của đảng, tuy vậy, có thể dẫn họ lặp lại những sai lầm của những người xét lại, để lập các liên minh giả và đánh mất bản sắc tư tưởng của họ. Những người của phe đối lập dân chủ không được đặt hy vọng quá mức vào những lãnh đạo đảng “biết điều,” hoặc nhượng bộ những lý lẽ rằng “người ta không được làm cho tình hình khó khăn hơn đối với ban lãnh

đạo đảng hiện thời bởi vì ban lãnh đạo tiếp theo có thể còn tồi hơn.” Phe đối lập dân chủ phải trình bày các mục tiêu chính trị riêng của mình và chỉ sau đó, với các mục tiêu đó trong tay, đạt những thỏa hiệp chính trị. Chẳng hạn, hãy xét một tình huống mà trong đó công nhân nổi loạn và chính phủ tuyên bố rằng nó muốn “tham vấn với giai cấp lao động” thay cho việc tạo ra một cuộc tàn sát đẫm máu. Những người của phe đối lập dân chủ phải coi sự phản ứng này không như một sự nhượng bộ đủ (“nhưng họ không bắn”) cũng chẳng như điều hư cấu vô nghĩa. Ngược lại, phe đối lập dân chủ phải xuất hiện liên tục và không ngớt để là có thể trông thấy được trong đời sống công, phải tạo ra những sự thực chính trị bằng cách tổ chức những hoạt động quần chúng, phải trình bày những cương lĩnh thay thế khả dĩ. Tất cả những thứ khác chỉ là ảo tưởng.

Bốn phần của giới trí thức là để trình bày những cương lĩnh thay thế khả dĩ và bảo vệ các nguyên tắc cơ bản. Chính xác hơn, tôi nhắc đến những nhóm nhỏ của các trí thức những người tin vào việc tiếp tục những truyền thống của giới trí thức “không chịu vâng lời” của đầu các năm 1900, những truyền thống của các nhà văn như Stanislaw Brzozowski, Stanislaw Wyspianski, Stefan Zeromski, và Zofia Nalkowska. Tôi cảm thấy sự đoàn kết với các truyền thống đó và những người đó, mặc dù tôi là người cuối cùng đi đánh giá quá cao tầm quan trọng của những hoạt động của họ. Nhưng những tiếng nói đó, dẫu yếu ớt và lác đác, tuy nhiên là đích thực: chúng tạo thành một dư luận độc lập, với những thái độ không theo lệ thói và tư duy đối lập. con đường này được đi theo bởi những người từ các truyền thống và tầng lớp xã hội khác nhau: những người cựa xết lại (bao gồm tác giả của bài báo này), những người cựa tân thực chứng, và những người được biết đến về mặt tư tưởng sau các sự kiện của năm 1968.

Hướng tư duy tư tưởng mà thế hệ trẻ sẽ lấy cũng như ý nghĩa của sự thay đổi chính trị ở Ba Lan và ở các nước Đông Âu khác sẽ phụ thuộc vào sự hội tụ của các nhóm này với các hoạt động của giai cấp lao động. Khi một nền báo chí tự do và các tổ chức độc lập không tồn tại, thì trách nhiệm đạo đức và chính trị của các nhóm này là lớn hơn ở bất cứ thời gian nào khác rất nhiều. Những người của phe đối lập phải từ bỏ lợi ích vật chất và sự quý trọng chức vị nhằm để hoàn thành trách nhiệm đặc biệt này, sao cho chúng ta có thể kỳ vọng sự thật từ họ.

Trong tìm kiếm sự thật, hoặc, để trích Leszek Kolakowski, “bằng sống trong phẩm giá,” các trí thức đối lập phân đấu không nhiều cho một ngày mai tốt đẹp hơn như cho một ngày hôm nay tốt đẹp hơn. Mỗi hành động bất tuân giúp chúng ta xây dựng khung khổ của chủ nghĩa xã hội dân

chủ, mà không phải chỉ là hay chủ yếu là một kết cấu định chế hợp pháp
mà là một cộng đồng thực, hàng ngày của những người tự do.
Paris, tháng Mười 1976

Vài Nhận xét về phe Đối lập và Tình hình Chung ở Ba Lan 1979

(Viết chung với Jan Józef Lipski)

GHI CHÚ CỦA BIÊN TẬP VIÊN. Bài báo này, được ký bởi hai thành viên của KOR Michnik và Jan Józef Lipski, đã là một lời đáp lại cho một bài báo được xuất bản ngầm ba tháng trước đó bởi một thành viên khác của KOR, Jacek Kurón. Kurón đã coi việc ngăn chặn một sự bùng nổ xã hội là nhiệm vụ khẩn cấp nhất của phe đối lập và đã chủ trương việc tạo ra một “phong trào đòi hỏi” không-đối lập. Phong trào đó sẽ chuyển sự bất mãn xã hội thành áp lực thực tiễn lên các nhà chức trách trong các vấn đề của nền kinh tế và tổ chức xã hội. Vấn đề cơ bản đã là về khả năng và sự đáng mong muốn của sự hợp tác giữa phong trào đối lập và chính quyền. Cả hai bài báo đã đánh dấu một điểm quan trọng trong sự thảo luận chính trị dẫn tới việc thành lập Đoàn kết.

Bởi vì cả nội dung và tác giả của nó, bài báo của Jacek Kuron “Tình hình Ba Lan và Chương trình của phe Đối lập,” mà đã xuất hiện năm nay ở số 3 của tờ *Biuletyn Informacyjny*, tạo thành một sự kiện quan trọng trong việc xuất bản độc lập. Kuron tìm cách giải quyết các vấn đề cơ bản mà đòi hỏi một sự phân tích chân thật và tinh tế. Những nhận xét của chúng tôi sẽ chỉ là một loại bằng chú giải cho thảo luận, một nỗ lực để xác định vài điểm mà chúng tôi coi là quan trọng.

Kuron nói những suy ngẫm của ông với khả năng của một sự bùng nổ đột ngột của sự tức giận chung. Chúng tôi hoàn toàn chia sẻ sự lo âu của ông về những hậu quả tiềm tàng của một sự bùng nổ như vậy. Nhưng chúng tôi tin rằng vấn đề một phe đối lập dân chủ phải vận hành thế nào trong xã hội của chúng ta là rộng hơn và rằng một phần nó không liên quan đến khả năng của một sự bùng nổ sắp xảy ra. Một sự bùng nổ có thể xảy ra khi những kênh bình thường cho áp lực xã hội lên các nhà chức trách bị tắc nghẽn; nhưng người dân đã luôn luôn bảo vệ mình khỏi chính quyền toàn trị bằng cách chuyển áp lực như vậy thông qua những tổ chức được chấp thuận, ngay cả tại những thời điểm khi những sự căng thẳng đã ít gay gắt hơn hiện nay. Vì thế, có thể có vẻ làm cho lạc lối để đơn giản đối trọng phe đối lập chính trị bằng “phong trào đòi hỏi.”

Theo tư duy của Kuron phong trào cho các định chế độc lập có thể được phân loại như phong trào đối lập chính trị. Theo ý chúng tôi, những định chế độc lập này tạo thành một phần của phong trào rộng hơn của những đòi hỏi cho các quyền dân sự, một phong trào nhằm tới việc làm cho xã hội chúng ta dân chủ và tự trị. Không có ý định liệt kê các thành phần khác của phong trào này vì mọi người đã quen thuộc với chúng, bắt đầu với vai trò của Giáo hội Công giáo. Hiển nhiên rằng các định chế độc lập không thể hoạt động được chút nào nếu giả như không có sự tồn tại của một sự trung dung giữa sự đối lập công khai và các định chế ép buộc, chẳng hạn giữa Ủy ban Bảo vệ Công nhân (KOR) và Bộ Chính trị của Ủy ban Trung ương Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan. Lĩnh vực này đầy màu sắc tư tưởng và những thái độ hay biến đổi; đa số nhân dân chúng ta sống và hoạt động trong nó. Các mối quan hệ giữa các định chế độc lập và những sáng kiến được nhận làm trong vùng này là quan trọng tột bậc cho hiện tại và tương lai. Chúng đòi hỏi một sự đa nguyên về thái độ và một sự hiểu một cách tôn trọng lẫn nhau về nhu cầu cho những hình thức khác nhau của sự phản kháng và hành động. Nếu không thì chúng ta, với tư cách một xã hội, có thể đánh mất ngôn ngữ chung của chúng ta, và bầu không khí của những hoạt động đối lập có thể bị đầu độc với tinh thần của chủ nghĩa bè phái chính trị. Khi trình bày những suy nghĩ của mình, Jacek Kuron đã né tránh khía cạnh này của vấn đề.

Những sự trình bày của Kuron về các mối quan hệ giữa một mặt là “phong trào đòi hỏi” và phe đối lập chính trị, và mặt khác là các nhóm, các phe phái, hay các phái khác nhau bên trong bộ máy quyền lực, có vẻ hấp tấp. Điều này là bởi vì đến nay chúng ta không có hiểu biết cụ thể liên quan đến bất cứ xung đột tư tưởng nào bên trong đảng; vì thế mọi suy đoán về những xung đột như vậy vẫn phải thuần túy là suy đoán lý thuyết. Kuron đúng để gạt bỏ những lập luận ủng hộ việc từ bỏ hoạt động chính trị chiều theo ý muốn của cái được cho là các cuộc đấu tranh bè phái. Ông cũng đúng khi cảnh cáo các nhóm đối lập chống lại việc đồng nhất hóa với chương trình cải cách tiềm năng của bất cứ phái nào có thể nổi lên trong tương lai. Hãy để chúng tôi nhắc lại: đây là những luận đề thuần túy lý thuyết, nhưng chúng đáng được xem xét nhằm để phân tích kinh nghiệm lịch sử của tháng Mười Ba Lan và Mùa Xuân Prague. Kết luận cần rút ra là, khi trình bày các giá trị cơ bản của mình phe đối lập vẫn phải độc lập và riêng biệt. Cách hợp lý duy nhất để ủng hộ phái “cải cách phóng khoáng” trong đảng là tạo áp lực lên toàn bộ chính quyền. Kuron lại đúng, tất nhiên, khi nói rằng áp lực phải dựa trên một kế hoạch cụ thể về những đòi hỏi, không phải trên các lý tưởng và khẩu hiệu chung chung, dẫu chúng có thể

nghe đẹp dễ đến thế nào. Việc ủng hộ một phái tuyệt nhiên không loại bỏ khả năng xung đột; chỉ di chuyển nó sang nơi khác. Trong quá khứ, chính phủ hoặc cơ quan nào đó của nó đã thử kêu gọi nhân dân. Sẽ là vô lý để nghĩ rằng vào những dịp như vậy trong tương lai phe đối lập có thể tránh đưa ra một lập trường chính trị. Sẽ còn tức cười hơn để cho rằng một lập trường như vậy có thể bắt chập tình hình địa chính trị phức tạp của đất nước chúng ta hay trách nhiệm chung của chúng ta đối với số phận của dân tộc chúng ta. Bằng việc quyết định rằng cuộc tranh cãi về cải cách nhà nước đã chỉ là một cuộc cãi cọ giả vờ giữa những người cộng sản, phe đối lập sẽ phải chịu rủi ro sự cô lập riêng của nó. Đơn giản không đúng rằng nhân dân sẽ chẳng bao giờ được lợi từ bất cứ sự thay đổi sắp xảy ra nào từ các nhóm bên trong đảng. Đúng, tuy vậy, rằng những thay đổi như vậy sẽ chẳng bao giờ là đủ.

Vì thế vấn đề về mối quan hệ giữa phong trào của các định chế độc lập (mà đã tồn tại từ 1976) và chương trình đòi hỏi xã hội ở bên trong các định chế chính thức (mà phần lớn là phần của hệ thống bị ganh đua bởi sự đối lập độc lập đó) kêu gọi không phải lý lẽ mà đúng hơn sự xác định và bình luận. Vấn đề này đã gây ra nhiều lần lộn và sự hiểu lầm rồi. Người dân muốn biết liệu bài báo của Kuron có chủ trương một sự chấm dứt tạo ra các định chế độc lập để chiều theo ý các hoạt động bên trong các định chế chính thức (mà phần lớn đã được đảng Cộng sản tiếp quản) hay không; liệu ông có từ bỏ những lợi lộc thu được đến ngày nay bởi phe đối lập độc lập ủng hộ cho một chính sách tham gia vào những mối quan hệ và thỏa thuận với các tổ chức được kiểm soát bởi chính quyền, tức là, các định chế được chấp nhận một cách chính thức hay không.

Đây là một sự hiểu lầm hết sức đơn giản hóa nhưng điển hình. Việc xuất bản những sách và tạp chí không bị kiểm duyệt là sản phẩm được trích dẫn thường xuyên nhất của chiến thuật của phe đối lập để tạo ra các định chế độc lập. Báo chí không bị kiểm duyệt không chỉ không bị kiểm duyệt, mà hầu như đã không có tiếp xúc nào với hệ thống chính thức. Tôi viết [sic] “hầu như” bởi vì thường xảy ra rằng những xuất bản phẩm này được đọc bởi những người có quan hệ với hệ thống. Và có một điểm tiếp xúc khác: cảnh sát tận dụng mọi cơ hội họ có thể để tịch thu các xuất bản phẩm này. Đây là cách báo chí độc lập có thể và phải hoạt động dưới các điều kiện ngày nay. Các nghiệp đoàn lao động và các tổ chức sinh viên, ngược lại, phải hoạt động hơi khác một chút. Một nghiệp đoàn mà thế không bao giờ giao dịch với chính phủ thì không phải là một nghiệp đoàn lao động. Một trong những nghĩa vụ của một nghiệp đoàn lao động là buộc chính quyền đàm phán, thương lượng; nó phải đưa ra những đòi hỏi và

thảo luận việc thực thi chúng, đe dọa và nếu cần thực hiện những sự đe dọa đó, và thậm chí đưa ra những thỏa hiệp. Dù các nghiệp đoàn lao động được thành lập bên cạnh các nghiệp đoàn chính thức hay các nghiệp đoàn chính thức được công nhân tiếp quản chúng cung cấp một phương tiện cho hành động được phối hợp với chính quyền và, nếu họ thậm chí trở thành các đối tác tạm thời, có thể từ từ buộc chính quyền toàn trị đưa ra những nhượng bộ. Thí dụ, giả như sự thảo luận dính đến một vấn đề như làm sạch không khí trong các phòng nhà máy, một nhà hoạt động nghiệp đoàn người cho rằng anh ta từ chối làm lu mờ thanh danh tốt của mình bằng việc đàm phán với chính quyền thì tốt hơn hãy đi làm việc khác.

Những chức năng này có thể được hoàn thành một cách dễ dàng bởi một nghiệp đoàn lao động chính thức mà đã được bản thân các công nhân tiếp quản. Nếu các hội đồng công nhân ngày nay tuân theo đảng và ban quản lý chứ không phải cử tri đoàn của họ, thì đây là kết quả của sự thụ động, thiếu dũng cảm, và sự thiếu vắng chung của ý thức xã hội từ phía các công nhân như một tổng thể và điều này sẽ phải thay đổi.

Nỗ lực để làm sống lại các ủy ban mà có thể giúp đỡ các tù nhân, được Cha Jan Zieja tiến hành một lúc trước, là một thí dụ khác nữa về làm thế nào các định chế độc lập có thể được tạo ra. Trong trường hợp này, cảnh sát an ninh đã ngăn trở việc tổ chức định chế rất cần này. Đã là rõ, tuy vậy, rằng các ủy ban cứu tế như vậy mà sẽ giống KOR sẽ không thực hiện được vai trò của chúng nếu chúng không đến được các tù nhân. Có lẽ thời gian sẽ mau đến khi chính phủ sẽ phải thừa nhận chúng. Nhưng chúng ta hãy trung thực về điều này: một định chế như vậy, mà nhân dân cần nó, sẽ phải tiến hành các cuộc đàm phán liên tục với viện công tố, các tòa án binh và tòa hình sự, Bộ Tư pháp, và với các nhà chức trách nhà tù trên cơ sở hàng ngày. Có vô số các thí dụ tương tự.

Người dân phải hành động bằng cách tạo ra các định chế độc lập không được chính quyền công nhận hay bằng cách đấu tranh bên trong các định chế chính thức với mục tiêu lôi kéo chúng về với mình? Câu hỏi này giống vấn đề kinh điển “Tôi phải rửa tay hay chân tôi?” Cả hai!

Phe đối lập hành động và đấu tranh chủ yếu giữa những người mà đã chưa được chọn để chiến đấu bằng các phương pháp của chúng tôi vì các phương pháp đó có vẻ dính đến quá nhiều rủi ro đối với những người đấu tranh và vì chiến thắng trên chủ nghĩa toàn trị có vẻ xa và không chắc. Khung khổ tâm trí này sẽ thay đổi từ từ, trong một số tình hình nó thay đổi một cách triệt để. Nhưng ngày nay sự việc thì như chúng là. Có rất nhiều nhóm ở giữa phe đối lập được tuyên bố và số người đáng kể bây giờ tin vào việc duy trì một chế độ độc đảng là lợi ích của họ đến mức ta có thể

nói tồn tại một thể liên tục. Có thể là nguy hiểm khi những sự phân biệt quan trọng về quan điểm và mục tiêu bị xóa sạch. Nhưng thậm chí còn nguy hiểm hơn nếu các nhóm đấu tranh cho sự thay đổi lại tách biệt hoàn toàn với dân cư thụ động. Việc này có nghĩa là tai họa và cái chết đối với phe đối lập. Những thành công và chính sự tồn tại của phe đối lập vẫn là có thể chỉ bởi vì những người mà quyết định gánh chịu những rủi ro trầm trọng nhất không tách mình bằng những chướng ngại không thể vượt qua được khỏi những người mà đôi khi có thể giúp họ, khỏi người dân những người chuyển các báo không bị kiểm duyệt cho người khác sau khi họ đã đọc chúng, khỏi những người đồng ý đóng góp tiền bạc không đều, hay khỏi những người có cảm tình một cách cân trọng và yên lặng. Hoặc ngay cả khỏi những người mà có thể vẫn chưa thuyết phục được. Sự dè dặt cân trọng và đôi khi nhút nhát của họ thường chọc tức những người chịu rủi ro mọi thứ. Tuy nhiên, là tốt hơn rằng sự việc theo cách này hơn là có một bức tường ngăn phe đối lập tích cực khỏi những năng lực xã hội tiềm tàng mà sớm muộn sẽ được thả ra.

May thay, ta có thể bắt đầu liệt kê hôm nay rồi các tổ chức hoạt động chính thức với một mức độ độc lập như vậy mà thích hợp hơn để nói về “những hạn chế về quyền tự do của chúng” hơn là về sự lệ thuộc của chúng. Và số chúng sẽ tăng lên. Chúng không hề đe dọa phe đối lập. Ngược lại, chúng mở rộng và củng cố nó. Ngoài ra, chúng ta không được cười một cách khinh thường khi chúng ta được bảo rằng một kỹ sư hay một bác sĩ nói về công việc chuyên môn của mình như một mặt trận chiến đấu tương tự như mặt trận của phe đối lập, chỉ khác là ở đó cuộc chiến đấu được tiến hành theo cách khác. Chúng ta đều biết rằng bao nhiêu thái độ đạo đức giả thường được chứa trong những từ như vậy, nhưng cũng có nhiều chủ nghĩa anh hùng. Như thông thường, sự thật nhìn chung nằm đâu đó ở giữa. Có thể hiểu được rằng một người mà một hay hai năm trước đã mất tất cả cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp của mình hặc thậm chí mất việc làm hoàn toàn bởi vì đã chọn tham gia tích cực vào phe đối lập sẽ lắng nghe với sự ngờ vực những câu chuyện về cuộc chiến đấu được tiến hành trong các định chế khác bởi ai đó thận trọng hơn mình; sự ngờ vực ấy thường được biện minh. Tuy nhiên, không được khăng khăng cố chấp trong thái độ tiêu cực như vậy. Nhiều trong những người ngày nay tin vào sự kháng cự có giới hạn và cân trọng là các đồng minh thận trọng của chúng ta, và ngày mai họ sẽ tham gia trong cuộc đấu tranh công khai vì dân chủ.

Chúng ta không được hình dung một cách ấu trĩ rằng chế độ của Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan, mà như phương sách cuối cùng luôn

luôn có thể dựa vào tiềm năng quân sự của Liên Xô, sẽ biến mất bất cứ tháng nào bây giờ. Chúng ta có lý do để là lạc quan trong dài hạn, nhưng vẫn phải tính đến việc hành động cùng với một đảng cầm quyền. Trong hoàn cảnh này, không quan trọng loại chính sách nào chiến thắng trong đảng này và những cải cách nào đảng sẽ buộc phải chọn dưới áp lực của công chúng. Phổ của những khả năng là rộng. Dù tình hình thế nào, phe đối lập sẽ phải giữ gìn bản sắc của nó một cách thận trọng. Nhưng nó không được khẳng định rằng nó sẽ không bao giờ, dưới bất cứ hoàn cảnh nào, bước vào các cuộc đàm phán về bất cứ chủ đề cụ thể nào nếu trở nên có thể để mở rộng các quyền tự do dân sự ở Ba Lan.

Warsaw, tháng Chín-tháng Mười 1979

Mùa Xuân Prague Mười Năm Nhìn lại 1978

Tôi đã quan sát các sự kiện của Mùa Xuân Prague với sự lo âu và hy vọng từ đằng sau các chấn song sắt của nhà tù Mokotów ở Warsaw. Tôi đã bị tù vì việc tổ chức các cuộc biểu tình sinh viên tháng Ba năm 1968. Nguồn thông tin duy nhất của tôi về những gì xảy ra ở phía nam đường biên giới là báo chí của chúng ta. Các báo đã đẩy những lời lên án lảng mạt “những kẻ xét lại,” “những Zionist,” và “những kẻ gây rối” khác ở Ba Lan, nhưng những bản tin về Tiệp Khắc đã giống một làn gió mới. Chúng đã giúp duy trì hy vọng. Giọng ngày càng bực dọc của những bình luận trong tờ *Trybuna Ludu* [báo đảng], mà tôi đã đọc với sự linh hội tăng lên, đã cho biết tầm lớn lao của những thay đổi đang xảy ra; những sự tấn công trong báo chí Soviet đã ám chỉ đến hướng của những thay đổi này. Sự can thiệp công khai của tờ Pravda của Moscow đã cho phép chúng tôi phỏng đoán rằng áp lực ở đảng sau sân khấu đã không có kết quả nào. Tôi phải thú nhận rằng tôi đã không tin một cuộc can thiệp vũ trang sẽ xảy ra.

Việc điều tra vụ của tôi đã kết thúc mùa hè đó, đồng thời các lãnh đạo Soviet và Tiệp Khắc đã đang gặp nhau tại Cerna. Những cảm xúc mạnh đã lắng đi, cả những cảm xúc quốc tế chủ yếu lẫn của riêng tôi, khi nỗi thống khổ của những thẩm vấn bao quát và mệt mỏi đi đến hồi kết thúc. Trong các phòng nơi những cuộc thẩm vấn xảy ra, các tù nhân tháng Ba đã có thể ngồi và đọc hồ sơ của vụ của họ dưới sự giám sát của các sĩ quan từ ngành an ninh. Những người gác của tôi đã rất chán việc đọc báo hàng ngày mà họ đã dừng đôi khi. Họ để báo của họ sang bên và tôi để hồ sơ dày cộp và chúng tôi bắt đầu trò chuyện, một cuộc đối thoại dị thường của kẻ hành hình với nạn nhân của ông ta. “Anh sẽ không ra khỏi đây rất dễ đâu, anh sẽ phải chịu ít nhất sáu năm,” sĩ quan thẩm vấn làm yên lòng tôi một cách thân mật. “Đừng chắc như vậy, thưa Ông. Các đồng nghiệp của ông ở Tiệp Khắc đã cảm thấy tốt đẹp như ông thấy bây giờ chỉ một năm trước đây, và bây giờ họ đang tự tử,” tôi đáp lại với một nụ cười rạng rỡ. Tiếp sau sự trao đổi này, “người gác” của tôi để cho tôi đọc báo và tôi chỉ ra cho ông ta những phần lý thú hơn của các hồ sơ của vụ của tôi. Những ngày này trôi đi một cách uể oải và không có những sự ngạc nhiên. Ngày tháng Tám rục rủ để chúng tôi không bị đơn độc từ đằng sau những cửa sổ có chấn song sắt. Ngày 21 tháng Tám hết như bất cứ ngày khác nào. Thời gian biểu của ngày đã cùng như thường lệ: kèn báo thức, dọn dẹp phòng, tập hợp, ăn sáng, đi dạo, cai ngục dẫn tôi đến phòng nơi tôi đọc hồ sơ. Sĩ quan an ninh đã đợi tôi rồi. Tôi ngồi xuống để đọc. Khi tôi ngừng

lại và nhìn lên, tôi nhận thấy một sự căng thẳng hiếm thấy trên nét mặt của sĩ quan. Tờ báo ông ta đã đọc xong, mà thường nằm ngẫu nhiên trên bàn, đã được đút lạng lẽ vào cặp của ông ta. Cái gì đó đã phải xảy ra. Tôi đã bị bối rối, tôi đi xuống xà lim của tôi để ăn trưa. Ngay sau bữa trưa, cai tù phân phát báo cho các tù nhân. Tôi chớp lấy một tờ, và không có khả năng tin vào chính mắt mình, tôi đọc về sự xâm chiếm Tiệp Khắc bởi quân đội của năm nước thuộc hiệp ước Warsaw.

Tôi thấy ớn lạnh. Chẳng bao giờ trước đó và chẳng bao giờ kể từ đó một tiết mục trong báo đã có một tác động làm tôi choáng váng. “Những người Ba Lan đang đàn áp phong trào vì tự do ở Tiệp Khắc,” tôi đã nghĩ. Và lần đầu tiên trong đời mình tôi đã cảm thấy vị cay đắng của sự ô nhục quốc gia.

Ngân ấy về những ký ức của tôi. Tôi sẽ tóm tắt các bài học của Tiệp Khắc trong vài điểm, mặc dù sẽ là đủ trong số chúng để chất đầy một tập sách lớn.

Đã trở nên rõ ràng rằng nhân dân Đông Âu, những người bị các chính phủ toàn trị cai trị, có khả năng hành động để ảnh hưởng đến số phận của họ, và rằng bất chấp những gì những người bi quan có thể nói, chiến tranh không là một điều kiện cho sự thay đổi dân chủ trong nước. Cũng đã trở nên rõ ràng rằng sự thay đổi không nhất thiết trùng với những thay đổi ở bên trong Liên Xô, như đã xảy ra ở Ba Lan và Hungary trong năm 1956. Các xã hội mà trong đó hy vọng là tử tế đã dẫn đến, như trường hợp với những người Czech và Slovak trong mùa đông năm 1968, sự biến đổi bản thân họ một cách nhanh chóng và triệt để. Sự thờ ơ và trì trệ của thời đại Antonin Novotny có thể nhường đường cho một làn sóng mạnh mẽ và sáng tạo. Trong một xã hội mà đòi hỏi các quyền của nó, một xã hội mà biến đổi bản thân mình từ đối tượng thành chủ thể, các cơ chế xã hội học khác bắt đầu hoạt động.

Mặc dù sự thiếu kích thích từ Moscow là cái đã làm cho Mùa Xuân Prague khác với tháng Mười Ba Lan, một sự giống nhau quan trọng nằm ở sự truyền cảm hứng trong nội bộ đảng cho “phong trào đổi mới.” Trong cả hai trường hợp những điểm mạnh và điểm yếu của phong trào đã được xác định bởi đặc điểm của cảm hứng này. Điểm mạnh của nó đã là do sự tách ra của hệ thống từ bên trong dịch hạch đã lan tràn ở chính trung tâm của Granada, có thể nói như vậy, không miễn cho các tầng lớp trên đỉnh của bộ máy đảng, bộ máy an ninh, cũng chẳng miễn cho quân đội. Nhưng một phong trào như vậy đã không có khả năng để thấy bản sắc lịch sử thật của nó hay để xác định một cách đúng đắn các mục tiêu của nó, và đó đã là nguồn của điểm yếu của nó. Các lãnh đạo của nó đã sử dụng thuật ngữ dân

chủ hóa chung theo cách mà ý nghĩa của nó đã hầu như thuần túy tiêu cực; thuật ngữ đã hầu như không có bất cứ ý nghĩa tích cực nào, và ngay cả khi đó một ý nghĩa khác nhau cho những người khác nhau. Bản thân các nhà lãnh đạo, trong việc họ kêu gọi nhân dân ủng hộ chủ nghĩa hiện thực và sự điều độ, đã không đánh giá đúng tình hình địa chính trị (Tiệp Khắc) và và những khát vọng thực của nhân dân (Ba Lan); họ đã khôi phục hệ thống độc đảng mà bộ mặt con người của nó đã mỉm cười chỉ với các thân hào đảng. Trong cả hai trường hợp, kết quả đã là sự lẩn lộn. Vì sao?

Cho đến ngày này các lãnh tụ của Mùa Xuân Prague cho rằng chủ nghĩa xã hội đã không bị hiểm nguy ở Tiệp Khắc, rằng đã không tồn tại “cuộc phản cách mạng hòa bình” nào, và rằng vì thế một sự can thiệp quân sự đã là không thể biện minh được. Tôi nghĩ rằng điều này không đúng. Trong ngữ nghĩa học Soviet từ chủ nghĩa xã hội có nghĩa là sự thống trị hoàn toàn của đảng cộng sản, còn từ phản cách mạng có nghĩa là tất cả những hành động nào mà phá vỡ tính toàn thể của sự thống trị này. Vì thế các nhà lãnh đạo Soviet đã hiểu đúng những diễn biến: hệ thống toàn trị ở Tiệp Khắc đã bắt đầu rách tung tại các đường may nối của nó. Quan điểm của các nhà lãnh đạo Mùa Xuân Prague như thế được chấp nhận chỉ nếu ta giả thiết rằng từ chủ nghĩa xã hội là mơ hồ một cách cơ bản. Thực ra, tính mơ hồ đã vượt quá ngữ nghĩa học. Không bước vào một bài nghị luận lịch sử học thuật, chúng ta hãy diễn đạt ngắn gọn: tính mơ hồ này đã làm ô uế tâm tính của đa số “thế hệ thứ nhất” của những người cộng sản, những người đã lựa chọn chủ nghĩa cộng sản và đã chọn hệ tư tưởng tại thời gian khi sự lựa chọn này đã kéo theo rủi ro của một cuộc sống gian khổ, chứ không phải bổng lộc của quyền lực. Đã chính cũng vẫn những người này mà đã tạo ra cơ sở cho hiện tượng được gọi là “chủ nghĩa xét lại.” Chủ nghĩa xét lại đã xuất phát từ sự đối đầu của các khẩu hiệu nhân văn với những thực hành toàn trị. Chủ nghĩa toàn trị cộng sản mà đã đeo mặt nạ của cách diễn đạt nhân văn đã trở thành nạn nhân của đạo đức giả của chính nó. Nguồn gốc của chủ nghĩa xét lại (trong phiên bản Ba Lan, Dubcekian, hay bất cứ phiên bản khác nào của nó) đã chứa đựng chính tính mơ hồ của nó. Từ chủ nghĩa xã hội, đối với các học trò người Czech, Ba Lan, và Hungary của chủ nghĩa cộng sản Nga, bằng cách này hay cách khác đã có nghĩa là cả sự thực hành chính trị Soviet và tư tưởng phổ quát về tình anh em của những người lao động. Sau khi trưởng thành trên mảnh đất của Quốc tế Cộng sản III, những người (xét lại) này đã đại diện cho “sự nổi loạn của hoa chống lại rễ của nó” (như Stanislaw Brzozowski có thể đã diễn đạt). Người nào không hiểu điều này sẽ chẳng bao giờ hiểu chủ nghĩa xét lại Đông Âu.

Hệ thuyết (paradigm) này thuộc về lịch sử, tuy vậy, và nó sẽ không bao giờ lặp lại mình. Đây là vì sao tất cả những người mà tin vào sự tiến hóa dân chủ của các nước Đông Âu và đang mong chờ một Đại hội thứ Hai mươi khác của Đảng Cộng sản Liên Xô hoặc một hội nghị toàn thể tháng Giêng khác của Ủy ban Trung ương của đảng Cộng sản Tiệp Khắc là những người đang tự lừa dối mình. Tôi nghĩ đặc biệt đến những người cộng sản euro Ý và Pháp, những người đang mong chờ, một lần nữa, cảm hứng về một quá trình dân chủ hóa sẽ đến từ tầng lớp trên của bộ máy đảng. Họ sai bởi vì trong những ngày này tham gia vào đảng cộng sản cầm quyền là sự lựa chọn của những kẻ cơ hội chủ nghĩa. Những người tin vào các lý tưởng tự do, bình đẳng, và quyền tự do lao động có thể thấy chỉ trong hàng ngũ của phe đối lập chống toàn trị. Chính từ họ mà xung lực cho các hoạt động dân chủ phải nảy sinh bây giờ. Những hoạt động như vậy là độc nhất theo nghĩa chúng không hướng tới việc nắm chính quyền mà để giúp xã hội tự tổ chức lại mình thông qua sự giải phóng từ từ của các nhóm và các cá nhân khỏi sự kìm kẹp của bộ máy nắm hết quyền lực. Nhân dân phải chăm sóc các lợi ích riêng, dòng chảy thông tin độc lập, sự học tập và văn hóa tự do của họ. Xã hội phải biến đổi mình từ một “bao khoai tây” (chúng ta mang ơn Marx vì ẩn dụ này) thành người thi hành các lợi ích và khát vọng riêng của mình. Chỉ một xã hội như vậy mới có thể đối chọi một cách hữu hiệu với chủ nghĩa toàn trị và trở thành một đối tác thực trong chính quyền.

Chỉ riêng tiến trình này có thể mang lại những kết quả, khi ta tính đến nhân tố bên ngoài của các chính sách Soviet. Có vẻ rằng các nhà lãnh đạo Soviet luôn luôn can thiệp quân sự vào các nhà nước tay sai mỗi khi quyền lực tuột khỏi tay của đảng Cộng sản. Tuy vậy, không chắc rằng họ sẽ trả lời bằng những xe tank đối với những hoạt động của Ủy ban Bảo vệ Công nhân, đối với một xuất bản phẩm xuất hiện bên ngoài sự kiểm duyệt, đối với Đại học Bay. Một sự can thiệp cũng ít có khả năng hơn khi chắc chắn rằng nó sẽ vấp phải sự kháng cự của đa số quần chúng tích cực. Các nhà lãnh đạo Soviet đã có thể chắc chắn về điều này vào năm 1956 trong trường hợp của Ba Lan; họ đã có thể thậm chí chắc chắn hơn về nó sau các sự kiện tại các thành phố duyên hải Ba Lan trong tháng Mười hai 1970 và sau Radom và Ursus trong tháng Sáu 1976. Khi họ đưa ra quyết định của mình vào tháng Tám 1968, họ đã không có lý do nào để nghĩ theo cách tương tự.

Để thử đoán trước tương lai của Đông Âu người ta chắc chắn phải tính thêm rằng quá trình xã hội này không giống bất cứ quá trình nào khác: Không ai đã chứng kiến một xã hội với tài sản bị quốc hữu hóa, với một

nền kinh tế kế hoạch hóa, và một kết cấu chính trị dân chủ và đa nguyên.
“Quá khứ không rọi ánh sáng nào lên tương lai,” Tocqueville đã viết. “Đầu
óc bước đều về phía trước trong cảnh tối tăm.”

Tháng Tám 1978

Một Bài học về Phẩm giá 1979

Giáo hoàng đã đi. Chính phủ đã thốt ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm. Sẽ cần thời gian dài trước khi bất cứ ai lĩnh hội đầy đủ những góc ngách của cuộc viếng thăm chín ngày của ngài. Cách nói của nhà văn Julian Strykowski “lễ rửa tội thứ hai của Ba Lan” cứ xuất hiện trong đầu. Quả thực, cái gì đó kỳ quặc đã xảy ra. Chính cùng những người mà thông thường nản chí và hung hăng trong các hàng xếp dài trước các cửa hiệu bỗng đã biến thành một tập thể tươi cười và hạnh phúc, một nhân dân đầy phẩm giá. Cảnh sát đã biến mất khỏi các phố chính của Warsaw và trật tự mẫu mực ngự trị ở mọi nơi. Những người mà đã bị tước mất quyền lực thực của họ lâu đến vậy bỗng nhiên đã lấy lại được khả năng của mình để quyết định số phận của họ. Đây là cách mà các hệ quả xã hội của cuộc viếng thăm hành hương của John Paul II có thể được phác họa.

Cuộc viếng thăm đã tạo thành thắng lợi to lớn, không thua kém ai, của các chính sách của hội đồng giám mục trong suốt hơn ba mươi năm qua, mà nhà kiến trúc sư chính của nó đã là giáo trưởng của Ba Lan, Hồng y Stefan Wyszyński. Khoảng cách đã đi bởi giáo trưởng này từ chỗ giam giữ ngài ở Komancza [từ tháng Chín 1953 đến tháng Mười 1956] đến quang cảnh biểu tượng của lễ chào mừng tại sân bay đã là hiển nhiên cho tất cả những người hiện diện. Thái độ của Giáo hội đã được đúc bởi ngài thông qua sự kháng cự vững vàng của ngài đối với những cố gắng của chính phủ để Soviet hóa và cũng qua chủ nghĩa hiện thực của ngài trong đánh giá tình hình; thái độ như vậy đã để lại cơ hội cho chủ nghĩa anh hùng và tính kiên định cũng như cho sự thỏa hiệp khôn ngoan. Thái độ này đã cho phép Giáo hội Công giáo Ba Lan cho thế giới thấy gương mặt thật của nó. Hình ảnh truyền thống về Giáo hội này, chìm trong sự vô minh và sự cuồng tín, đã thay đổi một cách triệt để. Hơn nữa, đã trở nên rõ ràng với tất cả mọi người rằng Giáo hội là một lực lượng mà chống lại nó thì quyền lực không thể được thi hành ở Ba Lan.

Một số người sợ điều này như một biến thể mới của sự liên minh giữa bàn thờ và ngai vàng. Tôi không chia sẻ những lo âu như vậy. Không có bằng chứng nào rằng Giáo hội đã từ bỏ sự thực hành của nó về sự giao động giữa “ngoại giao” và “làm bằng chứng.” Đặc biệt bây giờ, giá trị trọng yếu của việc làm chứng là hiển nhiên.

Cuộc hành hương của John Paul II về Ba Lan đã ban cho một ý nghĩa mới về Ostpolitik (Chính sách phương đông) của Vatican. Để hiểu điều này, người ta phải xem xét lại các chính sách trước của giáo trưởng Ba

Lan. Khi trong năm 1950 tin tức về hòa ước giữa chính phủ và hội đồng giám mục¹ đến Tòa Thánh (Vatican), một trong những chính trị gia Vatican được nói là đã la lên: “Tôi thất vọng!” Người này đã coi thỏa thuận là một sự nhượng bộ không mong muốn, căn cứ vào các điều kiện của sự xung đột công khai và toàn bộ. Muộn hơn, tuy vậy, tiếp sau “sự mở cửa sang phương Đông” của Vatican, các chính sách của giáo trưởng và của toàn bộ hội đồng giám mục đã có vẻ là đường lối quá cứng rắn đối với các nhà ngoại giao Vatican. Đường lối này, tuy nhiên, dẫn nhiều sắc thái và những biến đổi của nó, về cơ bản đã vẫn kiên định. Giáo hội Ba Lan đã tìm cách để bảo vệ các nguyên tắc của sách phúc âm và không mất sự tiếp xúc với thực tế để giành giật các quyền nó xứng đáng bằng cách áp đặt sự thực hành đối thoại và sự thỏa hiệp quy mô nhỏ trong quan hệ giữa Giáo hội và nhà nước, để tạo hình lại thực tế bằng tạo ra faits accomplis (những sự đã rồi).

Trong bối cảnh này toàn bộ đường lối hành động của giáo hoàng và một số nào đó trong những sáng kiến của ngài đã trở nên có thể hiểu được và hoàn toàn rõ.

Trong thời gian viếng thăm của giáo hoàng cư xử của chính quyền đã tỏ ra tương đối biết điều. Sự tường thuật truyền hình về các lễ tôn giáo đã đích thực gây tai tiếng (theo lời của một người bạn của tôi, một nhà báo Pháp, sự tường thuật đã giống buổi phát hình một trận bóng đá trong đó các camera cho bạn thấy mọi thứ trừ quả bóng). Và mặc dù người dân ở Warsaw đã phải chình máy thu về các đài phát từ Vatican hay Munich để có những tường thuật radio từ Czestochowa hay Gniezno, một số thông tin đã được phát một cách chính thức (hai Thánh lễ Mass đã được truyền trên TV toàn quốc, và những buổi khác trên các kênh địa phương), và báo chí đã công bố văn bản của các bài giảng đạo và các bài phát biểu của giáo hoàng với sự can thiệp tối thiểu từ các nhà kiểm duyệt. Mặc dù đó đây những sự chuẩn y vô lý đã được áp đặt, dân quân và các lực lượng an ninh đã không cư xử một cách khiêu khích. Mặc dù Jacek Kuron đã sống những ngày đó hầu như dưới sự quản thúc tại gia (anh đã có nhiều cận vệ hơn bản thân giáo hoàng), thời gian này đã không tiến hành giam giữ phòng ngừa hàng loạt người từ phe đối lập dân chủ.

¹ Vào ngày 14 tháng Tư năm 1950, sau hơn một năm đàm phán, Hồng y Wyszynski và chính phủ Ba Lan đã ký một thỏa thuận. Nó đã là thỏa thuận đầu tiên như vậy từng được ký bởi hội đồng giám mục Công giáo và những người cộng sản cai trị.

Điều giỏi nhất chính quyền đã có thể và đã làm, là cản rặng mà chịu. Họ đã khiến dễ tin rằng hàng triệu người đó với gương mặt rặng rờ tụ tập quanh John Paul II đã không tạo thành bằng chứng về sự thất bại hoàn toàn của ba mươi năm cai trị của họ, rằng những người đó không tạo thành bằng chứng về sự sụp đổ hoàn toàn của quyền đạo đức của họ đối với quyền lực.

Nhưng sự thực vẫn là, đã không xảy ra sự gây hỗn loạn nghiêm trọng nào; việc này đã là lợi ích của tất cả mọi người, tuy vì những lý do khác nhau. Một số, chẳng hạn Đài châu Âu Tự do, đã trở nên quá thận trọng. Đài đó đơn giản đã ngừng đưa thông tin về những cuộc bắt bớ các thành viên của phe đối lập dân chủ, những người đến lượt bị sự kiểm duyệt này làm cho phần nộ.*

Phe đối lập dân chủ đã hoàn toàn tôn trọng đặc tính tôn giáo của cuộc viếng thăm của giáo hoàng và đã không thử lợi dụng nó để thúc đẩy bất cứ mục đích chính trị nào. Điều này không nói rằng cuộc viếng thăm hành hương cũng đã không có một chiều kích chính trị. Trong một thời gian trước chuyến thăm, báo chí Tây Âu thỉnh thoảng đã so sánh cuộc hành hương sắp tới của giáo hoàng với sự quay về Iran của giáo chủ Khomeini và cuộc chiến đấu của ông với vua Shah. Sự tương tự này đã có ý định ám chỉ một cảm giác giống nhau về sự xung đột giữa một chính quyền độc tài, với các xu hướng dân chủ hóa của nó, và một phong trào xã hội phản đối mà đã diễn tả mình thông qua những ý tưởng lỗi thời và những điều không tưởng của dĩ vãng. Nhưng người ta khó có thể hình dung một nhận thức sai lầm lớn hơn thế. Số lượng lớn những giá trị và thái độ được đại diện bởi các bài thuyết pháp và các bài phát biểu của giáo hoàng đã chẳng liên quan gì đến tinh thần toàn vẹn, hay một mong muốn để quay lại một thời kỳ khi Giáo hội đã có “phương tiện của cải” để tùy ý sử dụng và đã sử dụng những thứ đó nhiều hơn bất cứ thứ gì khác. Giáo hoàng đã nói rõ ràng, “Không có chủ nghĩa đế quốc trong Giáo hội. Chỉ có công vụ.” Cũng đã được tuyên bố rõ ràng rằng Giáo hội muốn theo đuổi các mục tiêu của nó thông qua các phương tiện phi chính trị. Theo cách hiểu bình dân, cuộc hành hương của giáo hoàng đã cho những người Ba Lan cơ hội để bày tỏ những khát vọng và mục đích thật của họ; nó đã là một cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc. Nhưng nó đã không đơn giản là một vấn đề lựa chọn giữa đạo

* Tôi không thử chối bỏ đài này hay kêu gọi một sự thay đổi cơ bản trong những chính sách của nó. Chúng tôi có thể hiểu tất cả những lý do về sự tiết chế của nó. Nhưng chúng tôi tin rằng việc này vẫn không được dẫn nó đến kiểm duyệt thông tin về sự đàn áp. [Ghi chú của Tác giả]

Công giáo và thuyết vô thần. Tôi đã thấy những người Công giáo nghiêng rặng khi họ nghe giáo hoàng. Đồng thời, tôi đã thấy những người vô thần xúc động sâu sắc bởi những lời của giáo hoàng. “Anh ủng hộ cái gì?” tất cả chúng ta đều được hỏi. “Ủng hộ người tuân thủ tán thành sự áp bức toàn trị hay điều tốt không thể xâm phạm trong trật tự sự vật của Chúa và của con người cho con người để sống trong tự do và phẩm giá?” Tuyệt đại đa số người Ba Lan chọn cái sau.

Những lời của John Paul II làm chúng ta xúc động sâu sắc. Bất cứ sự dựng lại nào của những tư tưởng ở đằng sau chúng có nguy cơ phải chịu rủi ro quy giản và bóp méo ý nghĩa của chúng, đặc biệt khi nó được thực hiện bởi ai đó người không và đã chưa bao giờ là một người Công giáo. Có lẽ không phải tôi là người phải viết về chúng. Nhưng nếu tôi vẫn thử làm, đến mức bị đe dọa như tôi thú nhận, là với niềm tin chắc mà Pope John Paul II đã nói với tất cả chúng ta và với mỗi chúng ta một cách riêng biệt. Cả đối với tôi nữa. Cho nên tôi sẽ thử kể lại cái tôi đã nghe, cái tôi đã hiểu, cái tôi đang áp dụng cho chính mình.

Kinh nghiệm lịch sử Ba Lan là một kinh nghiệm đặc biệt, như kinh nghiệm của đạo Công giáo Ba Lan. “Khi thiếu những kết cấu nhà nước bản địa,” John Paul II đã nói, “thì nhân dân với đa số ít hần là người Công giáo này đã tìm thấy nơi nương tựa trong trật tự thứ bậc của Giáo hội. Nơi nương tựa này đã giúp nó sống sót qua các thời kỳ chia cắt và chiếm đóng, và để giữ và làm sâu sắc hơn nhận thức về bản sắc của nó. . . . Ngày nay, hội đồng giám mục của Ba Lan là người thừa kế và bày tỏ sự thật này theo một cách đặc biệt.” Vì lần nữa sau 1945, “Tổ chức của Giáo hội đã trở thành không chỉ là tiêu điểm của nhiệm vụ mục sư riêng của nó mà cũng trở thành một sự ủng hộ rất quan trọng cho đời sống xã hội, cho sự tồn tại của một dân tộc biết các quyền của nó mà là một dân tộc Công giáo áp đảo tìm kiếm sự ủng hộ này, sự nương tựa này trong những kết cấu thứ bậc của Giáo hội.”

Mối quan hệ giữa Giáo hội và xã hội là cao hơn mối quan hệ giữa Giáo hội và nhà nước. Quan hệ sau phải được bình thường hóa trên cơ sở của “các quyền con người cơ bản, bao gồm quyền tự do thờ phượng, mà có một ý nghĩa không thể chối cãi, cơ bản và trung tâm. Sự bình thường hóa các mối quan hệ giữa nhà nước và Giáo hội là bằng chứng về khía cạnh thực tiễn đối với quyền này và đối với những hệ quả của nó trong đời sống của cộng đồng chính trị.”

Sự tôn sùng Stanislaus [thánh Ba Lan], người đối với các giám mục Ba Lan nêu “một tấm gương về sự không sợ hãi và dũng khí không nao núng trong truyền và bảo vệ kho tàng đức tin linh thiêng,” phải được xem

xét trong bối cảnh này. Nó cũng đưa ra bằng chứng về đạo Kitô được khắc sâu đến thế nào trong số phận của Ba Lan. “Không thể hiểu sự đóng góp của quốc gia này mà không có đảng Kitô. Không thể hiểu quốc gia này, mà quá khứ của nó huy hoàng đến vậy và cũng khó khăn khủng khiếp đến vậy, mà không có đảng Kitô.”

Những lời này có nghĩa gì đối với tôi, một người đứng ngoài Giáo hội?

Tôi tin rằng khi chúng ta thử giải thích lịch sử bằng cách hạn chế bản thân chúng ta ở các nhân tố xã hội và kinh tế khác nhau mà quy định số phận con người, không nhân tố nào trong các nhân tố này có thể trả lời câu hỏi vì sao Cha Maksymilian Kolbe² hay Janusz Korczak³ chọn để chết; hoặc vì sao đến lượt chúng ta bao quanh các hành động của họ với sự tôn kính sâu sắc đến như vậy.

Hai kẻ phiến loạn thế kỷ mười chín, Jaroslaw Dabrowski⁴ và Romuald Traugutt,⁵ những người đã khác nhau về các ý tưởng của họ về những lựa chọn tư tưởng và chính trị, tuy nhiên đã thống nhất về một thứ: cả hai đã sẵn sàng để làm bằng chứng cho các giá trị dân tộc và con người bằng máu của chính họ. Sự sẵn sàng này đã định hình một đặc điểm đạo đức trong truyền thống Ba Lan, đặc điểm đạo đức về sự hy sinh, mà nhân danh nó cha ông chúng ta đã chưa bao giờ ngừng đấu tranh vì phẩm giá dân tộc và con người. Và đặc điểm đạo đức này không thể được hiểu mà không có sự thừa nhận sự hiện diện không ngớt của đảng Kitô trong đời sống tinh thần Ba Lan.

Nhưng đây chưa phải là tất cả. Cũng hiện diện trong văn hóa Ba Lan đã tồn tại đặc điểm đạo đức về một khối cộng đồng đa sắc tộc được thiết lập trên cơ sở của tính khoan dung và sự bình đẳng của các sắc tộc. Và cho dù trong thực tế các lý tưởng này về bình đẳng và khoan dung đã không luôn luôn thịnh hành, thế nhưng chúng vẫn đã là ước mơ của những người con ưu tú nhất của mảnh đất này. Khi ngài nói những lời ám áp đối với các

² Cha Maksymilian Kolbe (1894-1943) đã tự nguyện vào boongke chết đói tại Auschwitz thay vì là người tù trại khác.

³ Vào ngày 8 tháng Tám, 1942, Janusz Korczak bị đày đi trại chết Treblinka cùng với các trẻ em của trại mồ côi ghetto Warsaw. Ông đã từ chối nhiều lời mời chào giấy thông hành an toàn.

⁴ Jaroslaw Dabrowski (1836-1871), anh hùng dân tộc Ba Lan, đã chết trong chiến trận trong khi ông đã là tổng tư lệnh các lực lượng của Công xã Paris.

⁵ Romuald Traugutt (1825-1864), lãnh tụ chính trị và chỉ huy quân sự của Khởi nghĩa tháng Giêng, đã bị những người Nga treo cổ ngày 5 tháng Tám, 1864.

Kitô hữu Ba Lan thuộc các giáo phái khác, giáo hoàng, tôi nghĩ, đã gọi lại chính đặc điểm đạo đức về sự khoan dung Ba Lan.

Cũng như vậy là sự hiểu của tôi về những nhận xét của John Paul II về kinh nghiệm đặc thù của tất cả Đông Âu, một kinh nghiệm mà là cả bị thăm và đáng là bài học cho tất cả các nước của lục địa này, một sự đóng góp không lay chuyển được cho di sản văn hóa chung và cho “sự thống nhất tinh thần của châu Âu Kitô giáo mà gồm hai truyền thống lớn: Tây và Đông.”

Có thể nói nhiều về ý nghĩa và bản chất của kinh nghiệm lịch sử này. Ở đây, chúng ta hãy nhớ lại chỉ một khía cạnh của nó: các xã hội Đông Âu đã phải chịu những thí nghiệm về “hiện đại hóa” dưới hoàn cảnh của sự áp bức toàn trị. Công nghiệp hóa nhanh, mà trong nhiều năm đã được dùng như lý lẽ chính cho hệ thống, đã được tiến hành đồng thời khi các quyền cơ bản của nhân dân lao động bị chà đạp, cùng với phẩm giá của họ và phẩm giá của bản thân lao động. Giáo hoàng đã gọi lại lịch sử này trong bài thuyết giáo của ngài tại Czestochowa và, mạnh mẽ hơn, trong bài thuyết pháp của ngài tại Mogila. Khi gọi nhớ lại lịch sử của Nowa Huta và câu chuyện về cuộc chiến đấu vì thánh giá ở đó,⁶ John Paul II đã nói rằng “lịch sử của Nowa Huta cũng đã được viết bởi Thánh giá,” biểu tượng của Hy vọng Tốt lành cũng như biểu tượng của sự đau khổ.

Cuộc đấu tranh của công nhân vì Thánh giá, để xây dựng một nhà thờ ở Nowa Huta, đã là một cuộc chiến đấu vì phẩm giá và bản sắc và bằng chứng rằng “con người không sống chỉ bằng bánh mì,” đặc biệt khi vừa mới có đủ bánh mì. Vì “vấn đề đương thời của lao động con người . . . trong phân tích cuối cùng, chung quy . . . không phải là công nghệ . . . và kinh tế học, mà là phạm trù cơ bản về phẩm giá của lao động và phẩm giá của con người. . . . đáng Kitô,” John Paul II đã nói, “sẽ không bao giờ ủng hộ quan điểm về con người chỉ như một công cụ lao động. [Ngài sẽ không cho phép] con người bị định giá, bị định cỡ, bị đánh giá chỉ bằng phương pháp này. . . . Đây là vì sao đáng Kitô đã nằm trên thánh giá của ngài . . . để phản đối bất cứ loại nào của việc làm mất danh giá con người, kể cả sự làm mất danh giá thông qua lao động. . . . Người lao động và người sử dụng lao động, hệ thống lao động và lương, nhà nước, quốc gia, và Giáo hội phải tính đến tất cả những thứ này.”

⁶ Nowa Huta, một xưởng luyện thép khổng lồ, đã là một dự án cung của Ba Lan Stalinist. Ngược lại mong muốn của các nhà chức trách, các công nhân đã xây dựng một nhà thờ ở đó. Nhà thờ bây giờ là một trung tâm quan trọng của hoạt động tôn giáo và xã hội.

Vấn đề giải phóng lao động hiện thời là trung tâm của nhiều tranh luận ở Tây Âu. Chính giáo hoàng từ phương Đông đang tạo ra một sự đóng góp đặc biệt vào các cuộc tranh luận này, hiến tặng hiểu biết của ngài về kinh nghiệm mà đã đúc các nét đặc trưng của “bộ mặt khác của châu Âu” này, để trích Tadeusz Mazowiecki. Giáo hoàng “đã đi đến toàn bộ Giáo hội, châu Âu, và thế giới để nói về những quốc gia và nhân dân thường bị bỏ quên này. Ngài đã đưa ra lời kêu gọi lớn.” Điều này có nghĩa là gì? Tôi đánh liều để nói nó có nghĩa rằng tầm nhìn của một châu Âu bị thương và bị chia rẽ, một châu Âu mà Warsaw và Cracow, Budapest và Prague, Vilna và Lvov của nó tất cả đã bị cắt đứt, một tầm nhìn được tạo ra bởi các cường quốc của thế giới này tại hội nghị Yalta như một kết quả của các hoạt động quân sự, ngày nay đang trở thành vấn đề. Nó bị chất vấn với sức mạnh to lớn bởi một người từ bỏ bạo lực, theo các giáo lý của một đảng Kitô mà là Chúa đối với một số người và đối với những người khác là biểu tượng của các giá trị quan trọng nhất của văn hóa Âu châu, và đối với tất cả mọi người là nguồn của các chuẩn mực đạo đức và ánh sáng của hy vọng.

Cho nên nếu ngày nay giả như bất cứ ai lặp lại câu hỏi đã được Joseph Stalin hỏi một lần, “Giáo hoàng có bao nhiêu sư đoàn?” một câu hỏi như vậy sẽ tương đương với việc tha thứ trật tự toàn trị này được xây dựng trên “sự phủ nhận niềm tin vào Chúa và niềm tin vào con người và trên một sự chà đạp căn bản không chỉ tình yêu thương mà tất cả các đặc tính của nhân loại, loài người,” một trật tự dựa trên “sự hận thù và sự khinh thường con người nhân danh một hệ tư tưởng điên rồ.”

Bằng gọi lại thảm kịch của khởi nghĩa Warsaw năm 1944, một cuộc khởi nghĩa mà đã bị các đồng minh của nó bỏ rơi, bằng cách nói rằng “không thể có châu Âu đích đáng mà không có một Ba Lan độc lập trên bản đồ của nó,” John Paul II bác bỏ các phạm trù về “chủ nghĩa tự ngã dân tộc” và sự quy giản chính trị thành một sự tính toán về vũ lực. Vì thế ngài đã đưa vào chính trị một nhân tố đạo đức; mà không có nhân tố này thì nhiều nước đã có thể trở thành siêu cường, nhưng không có nó thì tất cả các quốc gia nhất thiết trở thành các chú lùn. Thế kỷ của chúng ta đã không miễn cho chúng ta bằng chứng về điều này.

Những lời của giáo hoàng được nói tại Auschwitz ở trước những câu khắc bằng tiếng Do thái và tiếng Nga đã là một hệ quả có logic của trật tự phổ quát của ngài về các giá trị, một thông điệp cho đồng bào của ngài: “Một quốc gia không bao giờ được phát triển với cái giá của một quốc gia khác, với cái giá của việc nô lệ hóa, sự bóc lột và cái chết của người khác.” John Paul II đã bày tỏ lại những tư tưởng của John XXIII và Paul VI, với

tư cách người nổi nghiệp của cả hai người họ và cũng với tư cách “người con của một dân tộc mà cả trong lịch sử xa xưa và gần đây đã trải qua nhiều nỗi thống khổ từ nhiều bên.” “Nhưng cho phép tôi,” giáo hoàng đã tiếp tục, “không nhắc đến tên họ. . . . Chúng ta đang đứng ở một chỗ nơi chúng ta muốn thử coi mọi dân tộc và mọi người như một người anh em.”

“Golgotha^{*}” này “của thời chúng ta” gọi lại trong đầu một cách tự nhiên những ký ức về các nạn nhân của các hệ thống thù hận này, về những bạn bè và bà con những người đã bị chết ngạt trong các lò thiêu hoặc đã biến thành thủy tinh ở các trại giam ở Siberi. Chính ở đó, ở mọi nơi, chúng ta được hỏi để xác nhận lòng tin vào tình anh em và sự thống nhất hơn là vào sự hận thù và sự báo thù, dấu những cảm giác đó có thể được biện minh đến thế nào. Chúng ta được bảo: “Tôi nói nhân danh những người đó, trên khắp thế giới, những người mà các quyền của họ bị bỏ quên và bị vi phạm. Tôi nói bởi vì tôi buộc phải, tất cả chúng ta buộc phải theo sự thật.”

Tôi có khả năng để bày tỏ việc dựng lại không đầy đủ và vụng về này của vài sợi chỉ kết nối các bài thuyết pháp và phát biểu của giáo hoàng trong ngôn ngữ duy nhất mà tôi có thể tiếp cận được, ngôn ngữ thể tục. Cũng trong ngôn ngữ này mà tôi nêu ra các câu hỏi khác: Đã chẳng phải là sự sùng kính thánh St. Stanislaus một lần đã bị lạm dụng vì các mục đích mà chẳng mấy liên quan đến sự bảo vệ niềm tin và liên quan nhiều đến những tham vọng trần tục của Giáo hội? Có phải cấu trúc thứ bậc của Giáo hội không bị đe dọa bởi vai trò đặc biệt của nó trong đời sống của quốc gia? Tòa Thánh đã có luôn luôn, với sự rõ ràng ngang nhau, bày tỏ quan điểm của nó về các hệ thống chính trị mà đã tạo ra sự hủy diệt và các trại lao động? Tôi hỏi những câu hỏi này bởi vì tôi biết rằng những người khác mà đã chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi những gì John Paul II đã nói cũng hỏi chúng.

Điều tôi thấy cảm động nhất và khó khăn nhất để xác định trong các bài thuyết giáo của giáo hoàng đã là cách ngài nói chuyện với mỗi trong những người nghe của ngài ở mức cá nhân nhất. Một khi người ta chấp nhận chầm ngôn rằng “trong thời đại chúng ta Ba Lan đã trở thành một xứ của lời chứng đáng tin cậy khác thường,” người ta phải hỏi liệu chúng ta có thể thực sự giải quyết “các nhiệm vụ và nghĩa vụ to lớn” này hay không. Hoặc chính xác hơn: Tôi có thể giải quyết chúng?

Tôi được bảo: “Con người là sinh vật duy lý và tự do, có ý thức, tự trị, và có trách nhiệm, có thể và phải tìm sự thật. Con người có thể và phải

* Địa điểm ở Jerusalem nơi Jesus bị đóng đinh trên thánh giá.

đưa ra những sự lựa chọn. . . . Quá trình lịch sử này của nhận thức và lựa chọn của con người gắn mật thiết với các truyền thống sống của dân tộc anh ta, mà trong đó những lời của đấng Kitô, lời chứng của sách phúc âm, văn hóa Kitô giáo, và những tập quán dựa trên niềm tin, hy vọng, và tình yêu thương đã có những tiếng vọng rộng rãi qua các thế hệ. . . . Người ta có thể đẩy tất cả những thứ này đi? Người ta có thể nói không? Người ta có thể bác bỏ đấng Kitô và tất cả mọi thứ ngài đã đóng góp cho lịch sử nhân loại? Tất nhiên người ta có thể. Con người là tự do. Con người . . . có thể nói không với đấng Kitô. Nhưng câu hỏi cơ bản khi đó là câu hỏi này: Người ta có được phép? Và ‘được phép’ nhân danh cái gì? Lập luận nào của lý trí, giá trị nào của ý chí và trái tim người ta có thể dùng với bản thân mình và với những người thân quen, với những đồng bào Ba Lan của người ta, và với dân tộc . . . để nói không với tất cả mà với họ chúng ta đã sống suốt hàng ngàn năm?” Vì thế: Tôi có được phép bác bỏ văn hóa này dựa trên các giá trị Kitô giáo, trên niềm tin, tình yêu thương, và hy vọng?

Câu trả lời của bất cứ ai cho câu hỏi quan trọng nhất này của đời sống con người có cơ phải chịu rủi ro nghe sai một chút. Mỗi người phải trả lời nó vì chính mình và cho chính mình. Bởi vì tôi tin rằng hệ thống này của các giá trị bị chối bỏ không chỉ bởi những người liên tục vi phạm các quyền con người bởi vì lập trường của họ, hoặc bởi những người cho phép họ làm vậy bởi phần còn lại yên lặng và đi theo các bước chân của Pontius Pilate*, nhưng cả bởi những người mà tuyên bố tình đoàn kết với các giá trị này, nhưng bảo vệ chúng bằng những phương pháp ô nhục. Tôi sẽ không làm một danh mục của các phương pháp đó ở đây.

Hãy để tôi chỉ nói rằng khi tôi lắng nghe bài thuyết pháp của John Paul II ở Cracow, tôi đã có một cảm giác kỳ lạ. Khi giáo hoàng yêu cầu những người Công giáo trung thành “đừng bao giờ bỏ rơi Ngài,” ngài cũng đã nói với tôi: một kẻ ngoại đạo. Ngài đã hối thúc tôi tránh những phương pháp ô nhục đó.

Tháng Sáu, 1979

* Pontius Pilatus, tỉnh trưởng, quan tòa đã ra lệnh đóng đinh Jesus lên thánh giá.

Những con Giòi và những Thiên thần 1979

Khi tôi đọc xong tiểu luận của Piotr Wierzbicki, những phản ứng đầu tiên của tôi đã là cả sự say mê và sự ghen tị, sự ghen tị đặc biệt bởi vì đã không phải là tôi người đã viết “Chuyên luận về Giòi.”¹ Bao nhiêu lần tôi đã mài sắc ngòi bút của mình, đã đưa ra những lời đe dọa, và đã tung ra những tràng đá kích nẩy lửa, bị dồn đến tuyệt vọng bởi ứng xử “giòi bọ” của các đồng sự của tôi. Nhưng mỗi lần tôi đều kết thúc chẳng viết được gì cả. Không chỉ bởi vì tôi đã không có đủ tài năng cho việc đó mà cũng bởi vì ngay khi nhiệt tình của tôi trôi qua, tôi cảm thấy một sự giả giới nào đó đang sau những cảm xúc này. Đã chỉ sau khi đọc tiểu luận của Wierzbicki thì tôi mới bắt đầu hiểu bản chất của tính giả giới này và trở nên có khả năng định khung ý kiến riêng của tôi về nó.

Wierzbicki viết: “Chúng ta sẽ để cho các sử gia phát hiện ra các bậc tiền bối của những con giòi từ các thời đại quá khứ.” Vì tôi cảm thấy rằng mình có những mối liên hệ nào đó với nghề của sử gia, tôi sẽ cho phép mình bổ sung tiểu luận của ông bằng vài nhận xét.

Bảng phá hệ của hiện tượng “giòi” phải được tìm trong những hoàn cảnh chính trị mà trong đó sự thống trị nước ngoài lên dân tộc Ba Lan đã trở thành một thực tế kinh niên, khi mọi hy vọng cho việc bảo vệ bằng vũ lực các giá trị dân tộc đã trở nên hoàn toàn ảo tưởng, và sự thỏa hiệp thuộc loại nào đó với cường quốc chia cắt đã trở nên không thể tránh khỏi cho việc duy trì chính sự tồn tại của quốc gia. Vấn đề những giới hạn được phép nào của một sự thỏa hiệp đã trở thành chủ đề hàng ngày cho những cuộc thảo luận giữa những người đã muốn sống và hoạt động một cách phù hợp bên trong đất nước bị xâm chiếm. Sự chấp nhận hoàn toàn công thức thỏa hiệp đã được coi là dẫn đến sự đầu hàng đạo đức và tinh thần. Việc hoàn toàn bác bỏ công thức này, mặt khác, sẽ chỉ dẫn đến một sự cô lập quả cảm ít nhiều. Trong những giai đoạn chia cắt, những sự thỏa hiệp và những sự lựa chọn khó khăn đã là bánh mỳ hàng ngày của chúng ta. Chúng ta hãy liệt kê vài trong số chúng như những thí dụ.

Đã có Hugo Kollataj, một người mà ngày nay chúng ta tôn kính, với sự

¹ “Chuyên luận về những con Giòi” của Piotr Wierzbicki, đã được xuất bản cùng với bài đáp lại của Michnik trong số tháng Chín 1979 của tạp chí không bị kiểm duyệt *Zapis* ra ba tháng một kỳ, đã là một sự tấn công chống lại sự tuân thủ của các trí thức Ba Lan.

biện minh hoàn toàn. Ông đã là một trong những tác giả của Hiến pháp ngày 3 tháng Năm [1791], một nhà tư tưởng hàng đầu của Phe Cải cách, một nhà yêu nước nồng nhiệt, và hầu như một biểu tượng của cuộc đấu tranh không thể thất bại vì chủ quyền, một trong các nhà tổ chức cuộc khởi nghĩa Kosciuszko, mà vì nó ông đã phải ngồi tám năm trong nhà tù Áo sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại.

Một vài mẫu tiêu sử của Kollataj, tuy vậy, cho phép sử gia phân loại tác giả này của *Những Bức thư Nặc danh* như thuộc về các tổ tiên của giới. Khi trong tiến trình của cuộc chiến tranh Nga-Ba Lan (1791-1792), chiến thắng của Nga đã bắt đầu được coi như không thể tránh khỏi, Kollataj đã không chỉ thành công trong việc thuyết phục Vua Stanislaw August để ký Liên minh Targowica, mà bản thân ông cũng đã tham gia làm vậy. Mặc dù ông đã đi lưu vong hai ngày sau đó và ngay lập tức bắt đầu tổ chức một âm mưu của những người yêu nước, mặc dù cử chỉ của ông đã chẳng có ảnh hưởng thực tiễn nào và Targowica làm cho ông mất các tài sản cũng như hoa lợi, chẳng ai có thể bỏ đi sự thực rằng ông đã ký văn kiện Targowica khỏi các trang của lịch sử. Nhiều người, trong số đó có Walerian Kalinka, đã nghiêm khắc đánh giá Kollataj. Trong *Bảng Phả hệ Ngày nay*, Aleksander Swietochowski đã viết rằng Kollataj “đã quan tâm trên hết đến địa vị của ông ta, tài sản của ông ta, và lợi nhuận của ông ta. Khi những thứ này bị hiểm nguy, ông đã bí mật tham gia Targowica, bỏ mặc đất nước trong niềm hy vọng rằng ông sẽ tìm được cách để lừa gạt bạn bè ông, lôi kéo các đối thủ của ông, và nhận lại các tài sản của ông.” Swietochowski còn trích thêm ý kiến của đại sứ Nga về Kollataj: “Ông ta bỏ đi Cracow và cố gắng để tham gia phe chúng ta. Bất cứ ai đều có thể mua ông ta.” Bản thân Kollataj đã đáp lại tất cả những thứ này tại một bức thư cho một người bạn trong tháng Chín năm 1792: “Tôi đã không xấu hổ rằng tôi muốn tham gia Targowica, bởi vì tôi đã muốn làm việc đó với tư cách một người tự do, mà không có bất cứ sự ép buộc nào, bởi vì tôi đã muốn làm việc đó với một mục tiêu hoàn toàn khác trong đầu, nhằm để cứu lấy nhiều thứ tốt đẹp, chứ không phải theo cách nó được trình bày ngày nay. Cho nên khi tương lai biết nhiều hơn về nó, tất nhiên sẽ trở nên hiển nhiên rằng tôi đã không mù quáng đến vậy, say mê đến vậy với các ý tưởng riêng của tôi, rằng tôi sẽ không đến để cứu Tổ quốc và phụng sự nó, ngay cả tại một bước ngoặt nguy kịch như vậy.”

Như thế Kollataj đã cố gắng cứu “cái có thể cứu,” để cứu cái còn lại của các cuộc cải cách khỏi tai họa, cho dù việc này đã dính dáng đến sự hợp tác với những nhân vật như Szczesny Potocki. Từ quan điểm lịch sử, bản chất

ảo tưởng của những tính toán của Kollataj gây ấn tượng sâu sắc. Cá nhân tôi tin, tuy vậy, như Waclaw Tokarz đã tin rằng sai lầm của Kollataj nằm ở nơi khác, ở chỗ ông đã không hiểu rằng “một người có tầm vóc như ông không được phép đi dọc theo những con đường nơi, may mắn lắm thì, các nhà ngoại giao hạng nhì mới đi.” Tôi cũng đồng ý, tuy vậy, với Tokarz khi ông nói rằng “Kollataj . . . phải được đánh giá từ quan điểm của những điều kiện mà trong đó ông đã buộc phải hành động. Những điều kiện này bao gồm sự sụp đổ của Khối cộng đồng [Ba Lan-Litva]. . . và do đó là sự siết chặt vòng cổ xích chó nước ngoài đang nào cũng đã ngột ngạt rồi . . . và một sự yếu đi tạm thời của đặc tính quốc gia. . . . Trong tình trạng như vậy,” Tokarz kết luận, “chính trị gia thực tiễn, nếu ông ta thực sự nhắm đến để cứu quốc gia, không thể được kỳ vọng để đi con đường thẳng nhất.”

Đã có Stanislaw Staszic. Ông đã là tác giả của *Những Nhận xét về Đời sống của Jan Zamoyski* và *Những Lời Cảnh báo Ba Lan* nổi tiếng, và trong nhiều năm ông đã là chủ tịch của Hội những Người Bạn Kiến thức và đã có những đóng góp lớn cho khoa học và văn hóa của chúng ta. Chúng ta đứng để giữ cho ký ức về ông sống động và trích phương châm của ông về làm việc: “Không phải cho hôm nay mà vì lợi ích và sự có ích của các thế hệ tương lai.” Nhưng Staszic được tôn kính này thích hợp hoàn toàn với loại này của những tổ tiên của giới. Ông đã ủng hộ chương trình cấp tiến trong kỷ nguyên của Semj Bốn Năm (ông thấy trong nó một cơ hội để bảo vệ chủ quyền của Ba Lan), nhưng trong thời kỳ của Quốc hội Vương quốc Ba Lan ông đã mất hy vọng đánh bại Nga. Ông đã trở thành một người mở đường của chương trình công việc hữu cơ² và đã hành động bên trong những giới hạn được đánh dấu bởi địa vị chính trị và pháp lý của vương quốc. Ông đã tin rằng những nghị quyết của Quốc hội Vienna đã phục vụ tốt nhất lợi ích dân tộc Ba Lan, và đã coi việc những kẻ âm mưu gây nguy cơ rủi ro cho hiện trạng nhận được từ Quốc hội như sự liều lĩnh cực đoan.

Một đêm trong năm 1818 công chúng đã la ó nhân vật được ưa thích của Đại Hoàng tử Constantine trong một buổi diễn. Constantine, diên tiết, đã cầm việc la ó trong thời gian biểu diễn nhà hát. Công chúng đã coi việc này như một sự vi phạm Hiến pháp, và báo chí đã kịch liệt chỉ trích nghị định.

² Trong Ba Lan bị chia cắt sự lựa chọn “hữu cơ” và “khởi nghĩa” đã là hai cực của lựa chọn chính trị sẵn có. Công việc “hữu cơ” đã bao gồm việc củng cố và xây dựng một cách kiên định và có trách nhiệm công nghiệp và nông nghiệp Ba Lan, và tránh bất cứ hành động khởi nghĩa nào.

Để đáp lại hoàng tử đã áp đặt sự kiểm duyệt lên báo chí. Đạo luật này đã được ký bởi chẳng ai khác ngoài Phó Quốc vụ khanh Stanislaw Staszic. Công chúng đã bị hành động của Staszic làm cho tức điên. Các đại biểu đối lập đã đòi đưa ông ra tòa án vì sự vi phạm Hiến pháp. Staszic đã cay đắng kêu ca với Kozmian: “Họ đưa chúng tôi ra tòa, chúng tôi những người đã hy sinh cho đất nước chúng ta và cho các con chúng ta, những người đã đặt một rào cản trước những ngòi bút và cái lưỡi không kiềm chế và bằng cách đó cứu đất nước khỏi mọi sự khốn khổ mà nếu khác đi thì sẽ bị gây ra bởi sự cầu thả và ngu đần. Không, một dân tộc mà sử dụng các bài học từ quá khứ theo cách này, mà không hiểu sự khác biệt giữa tự do và sự phóng túng, một dân tộc yêu thích sự vô chính phủ đến vậy, mà đánh giá cao công trạng theo kiểu này và ngược đãi những người có công trạng, thì một dân tộc như vậy không thể tồn tại lâu, vì nó đang gây nguy hiểm và sẽ hủy hoại số phận của nó, hiến pháp của nó, quyền tự do của nó, và tương lai của con em nó.”

Tôi không hề có ý định đứng lên ủng hộ Staszic. Ngược lại, tôi đứng về bên những người chỉ trích ông, các nghị sĩ “đối lập Kalisz.” Nhưng một cách nhấn mạnh tôi muốn làm cho bạn đọc biết rằng sự xung đột của Staszic với các thành viên nhóm Kalisz (những người mà chính họ chẳng bao lâu đã bị những người trẻ cấp tiến lên án về sự thỏa hiệp quá nhiều) đã không nhất thiết là một sự cãi cọ giữa giòi và không-giòi, rằng cả hai bên đã đứng trong khía cạnh nào đó, và rằng cả hai bên đã bao gồm những người có công trạng lớn trong lịch sử của dân tộc chúng ta giữa đội ngũ của họ, những người mà được kính trọng nhiều ngày nay.

Quả thực, nhóm Kalisz đã đứng để tuyên bố rằng việc áp đặt kiểm duyệt đã là vi hiến một cách rành rành và không thể chấp nhận được. Nhưng Staszic cũng đã đúng, khi ông thử giải thích rằng một loại thỏa hiệp nào đó với Hoàng tử Constantine đã là điều kiện tiên quyết cho việc làm tiếp tục “vì lợi ích và sự có ích của các thế hệ tương lai” và rằng việc cấm la ó nhân vật ưa chuộng của hoàng tử, rút cuộc, không là sự giới hạn khắc nghiệt nhất về các quyền dân sự, đáng để vung gươm chống lại Nga.

Và cuối cùng Maurycy Mochnacki cũng đã đúng một phần khi, vài năm sau, ông đã đồng thời giải thích cho cả những người đi theo Staszic và theo nhóm Kalisz: “Cho dù giả như chúng ta có mất Ba Lan này như chúng ta có ngày nay, sẽ là tốt hơn để hành hình nó hơn là để đưa chính ý định về xây dựng lại nó toàn bộ và độc lập lên đoạn đầu đài.”

Những sự bất đồng đã là mãnh liệt và là những sự khác biệt căn bản giữa

những người ủng hộ và những người phản đối sự thích nghi, giữa những người tuân thủ pháp luật và những người âm mưu, giữa các nhà hữu cơ và các nhà khởi nghĩa. Trong sự nồng nhiệt của thảo luận những người chủ trương các hoạt động cấp tiến đã luôn luôn xóa sạch sự khác biệt giữa sự phản quốc, sự thích nghi, và hoạt động hữu cơ, cho thấy một xu hướng đề quy giản tất cả những kiểu khác nhau này về một mẫu số chung: tính tham lam. Chỉ có thời gian mới sẽ làm nổi những cạnh sắc và cho phép một sự đánh giá tính hiệu quả của những hình thức phản kháng khác nhau chống lại sự thống khổ của sự thống trị nước ngoài. Cũng trở nên có thể với thời gian để xem xét bản chất bổ sung của một số của những điều ngược lại này. Để diễn đạt nó rõ hơn: đã có những cách khác nhau để đấu tranh vì sự nghiệp Ba Lan, và chúng thay đổi về tính hiệu quả của chúng. Những người đã tham gia vào các cuộc khởi nghĩa vũ trang đã không là những người duy nhất chiến đấu vì sự tồn tại của quốc gia. Đôi khi chính sự thích nghi đã mang lại những kết quả tốt, vào lúc khác là sự đối lập hợp pháp; còn những lúc khác người dân đã hầu như bắt buộc phải làm việc hữu cơ. Nếu vào thời của Kosciuszko hoặc thời của các quân đoàn Ba Lan trong các cuộc chiến tranh Napoleon, hay thời của “đêm tháng Mười một” [23-11-1830], chiến thuật khởi nghĩa đã có ý nghĩa (và tôi tin rằng có, mặc dù điều này vẫn bị nghi ngờ ngay cả ngày nay), tuy nhiên cũng chắc chắn rằng những âm mưu khởi nghĩa ở vương quốc Ba Lan trong kỷ nguyên của Thống chế Paskevich đã chắc hẳn là vô nghĩa về mặt chính trị. Chúng ta đồng nhất mật thiết nhất với truyền thống khởi nghĩa. Và không ngạc nhiên. Nếu giả như không có truyền thống này chúng ta đã sẽ là một dân tộc khác hôm nay, một dân tộc dễ phục tùng hơn, dễ hơn nhiều để khuất phục. Có lý, khi đó, rằng sự nhận thức tinh thần về chính mình của những người Ba Lan dựa trên những nhân vật quan trọng như Kosciuszko, Pradzynski, Traugutt, và Pilsudski. Nhưng ý thức dân tộc của chúng ta giống cái gì nếu không có tất cả những người khác, những người đã tìm những con đường khác? Không có Staszic và Stanislaw Potocki, không có Hôtel Lambert và những người bảo thủ Galician, không có Swietochowski và Spasowicz?

Những tiểu sử của các nhà khởi nghĩa kích thích trí tưởng tượng và xúc cảm của chúng ta nhiều hơn. Một cuộc tấn công từ trận đánh ở Samosierra ăn ảnh hơn việc tổ chức giáo dục hay hiện đại hóa nông nghiệp nhằm chán, không nhắc đến việc xây dựng mạng lưới các phương tiện vệ sinh. Nhưng chúng ta hãy nhớ rằng chúng ta sẽ không có khả năng tổ chức quốc gia của chúng ta giả như chúng ta đã không có khả năng cho công việc được hoàn thành theo tinh thần của “chủ nghĩa hữu cơ” và “sự thích nghi,” đặc biệt ở

Galicia. Và chúng ta cũng hãy nhớ rằng cha ông chúng ta đã thường phải trả một giá đắt cho quyết định của họ để tiến hành những nhiệm vụ này, chịu rủi ro quả trách đạo đức từ các địch thủ của họ.

Sự bổ sung lịch sử của tôi sẽ không đầy đủ nếu giả như tôi không nhắc đến những tổ tiên của những con giòi hiện thời trong thời đại của Đệ nhị Cộng hòa (1918-1939). Những thái độ được thảo luận bởi Wierzbicki đã luôn luôn là kết quả từ sự thỏa hiệp giữa lương tâm và sự phục vụ cho một nhà chức trách được áp đặt. Nhưng các nhà chức trách này không cần là nước ngoài và không nhất thiết cần được áp đặt từ bên ngoài. Đã chẳng phải bức thư của Thomas Mann cho Walter von Mole, được viết tháng Chín 1945, là một sự lên án nảy lửa những con giòi Đức? Và những nhận xét của Solzhenitsyn về obrazovanshchina?³ Và, cuối cùng, thư ngỏ của Antoni Slonimski gửi cho Waclaw Sieroszewski và Julian Kaden về vấn đề Brzesc?⁴

Slonimski đã viết: “Tôi đã không tin, và tôi đã có quyền để không tin, những tin đồn về sự đối xử tồi tệ và sự tra tấn những địch thủ chính trị bị bỏ tù. . . . Những sự tính toán được thêm vào những câu hỏi được nêu ra ở quốc hội đã vượt quá bất cứ thứ gì mà người ta đã có thể tưởng tượng. . . . vì thế tôi tin rằng các nhà văn những người đã gắn và vẫn gắn những hoạt động của họ với phe cai trị . . . phải đứng lên và công khai lên án những hành động ti tiện và hèn hạ này. . . . Waclaw Sieroszewski và Kaden-Bandrowski nắm giữ những chức vụ lãnh đạo trong các hội chuyên nghiệp của chúng ta. Vì thế, công chúng đã hướng mắt theo hướng của họ. Tôi tin rằng đã là bổn phận của chính các nhà văn này, vì họ được cả chính phủ lẫn công chúng tin cậy, để lấy một lập trường công khai và quyết định về vấn đề này mà hết sức quan trọng và đau đớn đối với tất cả chúng ta. . . . Một nhà văn về những vấn đề xã hội, một nhà văn hàng đầu của phe chính trị chiến thắng, người vẫn im lặng về vấn đề Brzesc, làm tôi hết sức hoảng sợ đến mức tôi cảm thấy được biện minh để thách thức ông ta ở đây và bây giờ.”

³ Alexandr Solzhenitsyn đã tấn công giới trí thức Soviet mới, tầng lớp “được đi học” của xã hội Soviet như là “những kẻ có kiến thức nông cạn” được giáo dục nửa vời, hèn hạ (trong *Từ dưới đồng Rubble*, 1974).

⁴ Vào tháng Chín 1930, theo lệnh của Józef Pilsudski, nhiều lãnh đạo của Liên Minh Trung Tả, trong số họ nhiều nghị sĩ Ba Lan xuất chúng nhất, đã bị bắt. Họ bị giữ trong nhà tù quân sự ở pháo đài Brzesc và bị ngược đãi tệ hại.

Bức thư của Slonimski nói lên một cách hùng hồn cú sốc được trải nghiệm bởi đa số dân cư, đặc biệt bởi các giới dân chủ mà đã ủng hộ phe Pilsudski, tiếp sau sự việc Brzesc. Những giới này đã thấy hầu như không thể tin được những câu chuyện nổi lên từ đằng sau các bức tường nhà tù. Khi những câu chuyện này được xác nhận, họ đã thấy mình đối mặt với một sự lựa chọn đầy kịch tính.

Chúng ta ta phải thử hiểu lập trường của họ. Những người này đã nhiều năm tin chắc vào sự đúng đắn của con đường chính trị được chọn bởi kiến trúc sư chính của chủ quyền quốc gia, Józef Pilsudski. Không dễ để xét lại những niềm tin vững chắc như vậy một sớm một chiều. Rốt cuộc đã chẳng phải ai khác ngoài Antoni Slonimski người đã bắt đầu tấn công chiến dịch báo chí của phe đối lập chống lại việc bỏ tù các lãnh đạo của họ ở Brzesc. Và ngay cả sau khi bức thư gửi Kaden và Sieroszewski (mà tôi đã vừa trích dẫn) được viết, thậm chí sau khi Slonimski đã dính líu sâu vào một cuộc xung đột với những người đã tổ chức chiến dịch Brzesc, mục tiêu phẩm của ông trong tờ *Wiadomosci Literackie*, bằng chứng về phản ứng bốc đồng đầu tiên của ông, vẫn còn trên những trang của lịch sử tri thức Ba Lan. Tôi đã thường nói về chủ đề này với Slonimski. Ông nói với tôi về tấn kịch của những ngày đó, về sự kính trọng lớn mà các bạn và cộng sự của ông đã có đối với những người của Pilsudski, về những sự chia tay với bạn bè cũ (Matuszewski, Beck, và, quan trọng nhất, Wieniawa). Và Stonimski giải thích cho tôi rằng mặc dù bản thân ông đã cắt đứt các mối quan hệ với chế độ sanacja⁵, không phải tất cả những người ủng hộ nó đã là những tên vô lại hay những người tuân thủ. Nhiều người theo chế độ đã phục vụ Ba Lan, đã có những hy sinh, và đã làm những gì họ chân thật coi là vì lợi ích của Ba Lan. Quả thực, người ta có thể gạt bỏ dễ dàng và rõ rệt đến vậy tất cả những người mà trong thời kỳ đó đã bảo vệ chính phủ và đã biện hộ những hành động phải thú nhận là ô nhục của nó? Trong số những người đã làm vậy có Tadeusz Holowko và Walery Slawek, Jan Lechon và Kazimierz Wierzynski, Eugeniusz Kwiatkowski và Stefan Starzynski. Tất cả những người này không nghi ngờ gì đã có những đóng góp to lớn đến mức họ đáng được sự xem xét thấu đáo chứ không phải lời thóa mạ đơn giản hóa quá mức.

Tuy nhiên, đã chỉ nhiều năm sau Slonimski mới chia sẻ “sự khôn ngoan

⁵ Sanacja là chế độ sau đảo chính năm 1926 ở Ba Lan mà tên của nó đến từ ý định “chữa trị” (sanatio) bầu không khí chính trị đang thối rữa của nền dân chủ đại nghị.

không giận dữ” này với tôi. Vào thời đó người dân đã sử dụng một giọng hoàn toàn khác để diễn đạt ý kiến của họ. Chúng ta có thể đọc chẳng hạn trong hồi ký của Wincenty Witos rằng “Ông Beck là một kẻ phản bội trên bảng lương của nước Đức của Hitler, trong khi Moscicki là một nhân vật bình thường người lạm dụng địa vị chính thức của ông vì các mục đích cá nhân của ông. Bề lũ cai trị đang cướp bóc nhân dân và quốc gia mọi thứ, đẩy họ vào vực thẳm đói khổ và thoái hóa, trong khi bản thân họ chìm đắm trong hoan lạc và đồi bại. Nếu những kẻ gây hại này,” Witos kết luận, “không thay đổi hay từ chức, thì là nghĩa vụ và quyền của xã hội để sử dụng vũ lực; nếu không thì, cả nó nữa, sẽ trở thành một kẻ đồng lõa.”

Những người bằng lòng ngấm với một hệ thống chính quyền như vậy lại không thể được coi là những người mở đường của những con giòi?

Một trong những lý do vì sao tôi đã đưa ra những người thời xưa là, nó làm cho dễ dàng hơn, tôi nghĩ, để khắc phục xúc cảm và để điềm tĩnh ngấm nghĩ.

Chúng ta phải lưu ý, khi đó, rằng thực tế được xem xét theo một cách bởi nhà đối lập tích cực, theo cách khác bởi trí thức người tường thuật về nó, theo cách khác nữa bởi nhà đạo đức người phán xét “thế giới có thể thấy được.” Mỗi trong những quan điểm này có bên sáng và bên tối của nó. Cách nhìn của nhà đối lập, chẳng hạn, không thể tránh khỏi bị tính phiến diện làm nhor; việc này giúp ông ta tạo hình lại thế giới nhưng ngăn cản ông ta hiểu được nhiều chiều kích khác nhau của nó. Việc theo đúng luân thường đạo lý cho phép cá nhân nhận biết các bẫy đạo đức mà đang đợi bất cứ ai người có trách nhiệm tích cực, nhưng nó cũng thiên vị một sự sùng bái quá đáng “những bàn tay sạch.” Cách nhìn của khán giả chứa đựng một cách dễ dàng hơn một sự hiểu về tính phức tạp của thân phận con người nhưng lại che mờ sự tìm kiếm những giải pháp cho những vấn đề như “Chúng ta phải làm gì?” và “Cái gì là tốt và cái gì là xấu?”

Cách nhìn của người ta về thế giới phụ thuộc vào liệu người ta muốn thay đổi thế giới, hiểu nó, hay đưa ra sự phán xử đạo đức về nó. Tôi biết rằng tôi sẽ không làm thay đổi tình trạng này bằng việc viết bài báo này; quả thực, tôi không hề nuôi dưỡng tham vọng như vậy. Nhưng tôi muốn đối thủ của tôi, Piotr Wierzbicki, hiểu rằng nếu ông ta hoàn toàn nhượng bộ sự suy nghĩ bằng ngôn ngữ đạo đức hay đối lập (mà chung quy lại là cùng một thứ), ông ta nhất thiết mù, mất cái nhìn, về một mảng quan trọng của thực tế.

Tôi tin rằng việc đánh giá một hệ thống chính trị cho trước là một chuyện, và việc đi phán xét các cá nhân dính líu trong đó và những hoạt động của họ lại là một chuyện khác. Người ta có thể làm một bản tổng kết tiêu cực cho chế độ sanacja nhưng đồng thời đánh giá cao tầm quan trọng của việc xây dựng cảng Gdynia, một kỳ công được hoàn thành không phải bởi các chủ ngân hàng cỡ bự mà bởi một số thành viên của phe sanacja. Người dân có thể được phán xét theo thành tích của họ hay theo ý định của họ. Khi người ta được đánh giá bởi những ý định, là không thể để làm vậy chỉ trên cơ sở của một mẫu tiêu sử. Quả thật, những động cơ thúc đẩy của Stefan Starzynski, khi ông chấp nhận cương lĩnh chính trị của OZON, có vẻ khác với nhân cách đạo đức của ông khi nhìn qua lăng kính của sự bảo vệ quân cảm Warsaw [trong năm 1939] và cái chết vì nghĩa của ông.⁶

Hãy chúng ta hãy xem xét Eugeniusz Kwiatkowski. Ông đã là một chính trị gia người đã chấp nhận những thực tế mà bị thách thức bởi những người phản đối phe sanacja. Vì sao ông đã làm việc đó? Người ta có thể giả thiết rằng Kwiatkowski đã thường đối mặt với một thế lưỡng nan đạo đức khó khăn: ông đã phải chấp nhận Brzesc và các cuộc bầu cử gian lận nếu ông đã muốn cảng Gdynia hay Vùng Công nghiệp Trung tâm được xây dựng, nếu ông đã muốn có một ảnh hưởng hữu hiệu lên các chính sách kinh tế của Ba Lan. Và rất có thể rằng ông đã tự hỏi mình câu hỏi: Cái gì là quan trọng hơn, để chứng tỏ các lẽ phải đạo đức-chính trị chống lại tình trạng vô luật pháp của Brzesc hay để xây dựng cảng? Và đã có thể là khó đối với ông để đi đến một câu trả lời.

Tôi phải nhắc đến tất cả những thứ này hơn là những sự thật tầm thường để tôi có thể gọi lại một sự tầm thường khác nữa: người ta có thể đứng về bên của các đối thủ của Kwiatkowski, của phe đối lập phản-sanacja, của Witos và Puzak vì các lý do chính trị và đạo đức, nhưng người ta không thể không thấy tính phức tạp của toàn bộ bức tranh. Và khi người ta đụng đến vấn đề tế nhị về đánh giá các ý định và các động cơ của người dân, người ta phải hết sức thận trọng. Tôi tin chắc một cách sâu sắc rằng một sự đánh giá như vậy phải có thiện chí. Tức là, người ta phải tin những gì người dân nói về động cơ thúc đẩy của riêng họ và lượng thứ những tác động xấu của những ý định tốt hơn là đi tìm kiếm những động cơ hèn hạ. Và, trên hết,

⁶ Stefan Starzynski (1893-1943), thị trường tiền chiến cuối cùng của Warsaw, đã bị người Đức hành quyết trong một trại tập trung. OZON, một Phe Thống nhất Dân tộc do Sanacja bảo trợ, đã là một tổ chức ủng hộ chính phủ mạnh mẽ.

người ta phải hiểu nhiều mặt khác nhau của thân phận con người và bản chất con người; người ta phải nhớ rằng đôi khi chúng ta là không nhất quán và nhu nhược. Trong những trường hợp như vậy, người ta phải cố gắng để hiểu vì sao điều này lại xảy ra.

Là quan trọng để nhớ những quan sát đơn giản gây lúng túng này khi người ta nỗ lực để thảo luận những thái độ của giới trí thức dưới sự cai trị của Hệ thống Dẫn đầu (cộng sản). Bức tranh do Wierzbicki vẽ ra là rõ ràng và không mơ hồ. Theo ông, Ba Lan đã được cai trị bởi các quan chức Stalinist-Bierutist, và các đội quân hoạt động nhân danh đảng và Đoàn Thanh niên Ba Lan đã bóp nghẹt kiến thức Ba Lan. Và thế thôi. Trong sơ đồ này, toàn bộ khía cạnh kịch tính của thực tế xã hội và chính trị bị mất đi, và với nó là toàn cảnh làm say mê của sự thất bại trộn lẫn với hy vọng, lý trí với sự ấu trĩ, sự sợ hãi với sự làm ra vẻ hiên ngang, động học của xã hội với những mưu đồ đằng sau sân khấu của các cố vấn Soviet, [cũng bị mất]. Cứ như trong sự đáp lại những sách vở lòng Stalinist mà một thời chúng ta đã bị nhồi nhét, bây giờ chúng ta có ở đây một sách vở lòng lạc hậu, mà trong đó các màu là đậm và sáng ngang nhau và thế giới quan ấu trĩ ngang nhau.

Ai đã quan tâm đến sự thật về kỷ nguyên đặc biệt đó, sự thật về những đầu óc bị giam cầm và những tâm hồn bị tàn phá, sự thật về sự không theo lẽ thói dửng dưng của một số người và sức nóng rực tỏa dị giáo của những người khác, và sự xảo trá Wallenrodian⁷ và sự hờ hững của những người khác nữa, phải không tìm kiếm nó trong tiểu luận của Wierzbicki. Bức tranh không thật đến thế nào về kỷ nguyên đó khi người ta so sánh nó với các mục tiêu phẩm của Kisiel [Stefan Kisielewski] hay các chuyện của Jan Józef Szczepanski, với *Khoảng Trống* của Adolf Rudnicki hay *Các Con và Các Đồng Chí* của Marian Brandys, với các tiểu luận của Witold Kula và Czeslaw Milosz hay văn xuôi của Maria Dabrowska và Hanna Malewska. Wierzbicki viết rằng ông đã rút ra sự hiểu biết của ông về những con giòi từ cuốn sách của riêng ông, cuốn *Diễn Xiếc* (tôi thừa nhận rằng đó là một biếm họa xuất sắc về Đất Nước Yêu Nước Yêu Hòa bình). Đối với tôi cuốn sách đáng để làm bài học nhất mà đã xuất hiện năm vừa qua là cuốn *Không Thực tế* của Kazimierz Brandys. Nó là câu chuyện quyền rũ về một trí thức

⁷ Konrad Wallenrod, nhân vật chính của một thiên sử thi của Adam Mickiewicz, đã dẫn đến sự đánh bại các đội quân Teutonic mà ông là chỉ huy để báo thù việc họ đã ngược đãi Lithuania quê hương ông. “Wallenrodism” là đồng nghĩa với việc thử làm xói mòn hệ thống từ bên trong.

Ba Lan mà sự bắt đầu của người đó vào tuổi trưởng thành đã gồm có việc bị đánh vào đầu bởi một thành viên của đội chiến đấu ONR⁸ trên đất của chính đại học của anh ta, và nó vẽ một bức tranh khêu gợi về tính phức tạp của lịch sử Ba Lan. Brandys mô tả một tình huống mà trong đó người kể chuyện bị triệu đến sở an ninh bởi vì hoạt động của anh ta trong phong trào kháng chiến đồng thời khi anh ta trở nên quen với văn bản của một nghị định về cải cách ruộng đất. Có phải sự rối rắm khác thường này của các sự kiện là sự sáng chế của những con giòi, sự quanh co khác của người tài trí “có giòi” mà thích lặp lại điệp khúc rằng sự thật nằm đâu đó ở giữa?

Vì tôi đang viết chủ yếu về những người mà đã tham gia những thỏa thuận thỏa hiệp với sự áp bức, nhân thể tôi phải nhắc đến những người khác mà ở điểm nào đó đã cho phép bản thân họ bị cám dỗ bởi ý thức hệ toàn trị cánh hữu hay cánh tả. Tôi muốn trấn an các nhà bút chiến tiềm tàng rằng tôi không bị lôi cuốn tới các hệ tư tưởng toàn trị cũng chẳng tới những thực hành toàn trị. Nhưng tôi thử ghi nhớ rằng những người Ba Lan theo chủ nghĩa dân tộc toàn trị, nửa-phát xít đã trả một cái giá cao như vậy bằng máu trong Chiến tranh Thế giới II mà những ý định và động cơ của họ cần được xem xét theo một ánh sáng khác. Tôi đang nghĩ về Stanislaw Piasecki, Gajcy, Trzebinski, và Pietrzak. Tôi cũng đang nghĩ về Adam Doboszynski, người trong thời gian phiên xử của ông đã tiết lộ các phương pháp Stalinist về điều tra và người ngay cả sau việc thẩm vấn của ông (mà đã gồm cả sự tra tấn) đã vẫn là một nhân cách phi thường trong phòng xử án. Ông đã bị giết phù hợp với bản án được thông qua bởi một tòa án cộng sản Ba Lan trong năm 1949, sau khi đã bị kết tội một cách giả dối và ô nhục về sự cộng tác với bọn Nazi, và ông vẫn chưa được phục hồi cho đến ngày nay.

Tôi cũng đang nghĩ về một trong những giáo sư của tôi, một nhà hoạt động trước chiến tranh của ONR-Falanga, người đã đến với tôi vào một thời điểm khó khăn và đã giải thích nhiều giờ cho tôi câu chuyện phức tạp của thể hệ ông và các đồng sự của ông. Việc này đã không đưa tôi đến gần hơn chút nào với hệ tư tưởng phát xít, nhưng nó làm cho tôi hiểu gốc rễ của tính phổ biến của nó.

Tôi cũng đã thử để hiểu những người mà, đã bị làm cho say mê bởi thuật hùng biện tả khuynh của chính quyền toàn trị, đã trở thành những công cụ

⁸ ONR (Phe Cấp tiến Dân tộc) đã là một đảng dân tộc chủ nghĩa cực đoan và phát xít ở Ba Lan trước chiến tranh.

trong tay của những kẻ độc tài và những người lôi kéo sản xuất-hàng loạt của “các công trường xây dựng vĩ đại của chủ nghĩa xã hội.” Chúng ta biết từ các tác phẩm của họ, mà trong đó họ đã thử bổ sung, rằng họ đã sống qua một bi kịch. Số phận của họ, một mẫu của tiểu sử tinh thần của giới trí thức Ba Lan, phải được dùng như một bài học và một lời cảnh báo. Những người này đã trở thành nạn nhân của sự lừa dối và sự tự lừa dối. Họ đã là các nạn nhân đầu tiên? Hay cuối cùng?

Chúng ta hãy ngó tới một mẫu của một văn bản như vậy mà cố để thanh toán:

Chúng tôi đã quấy rầy nhân dân chúng ta. Sờ các ông đã quấy rầy Tổ quốc chúng ta. . . . Chúng tôi đã tiếp tục tiến đều trong tình trạng vô pháp luật. . . . Chúng tôi đã bảo anh em chúng tôi để vui mừng hay để đau buồn, để yêu hay để ghét, mà thường không có việc bản thân chúng tôi cảm thấy nỗi đau hay niềm vui mà chúng tôi đã gọi đến. Số những người gọi đã lớn đến mức nó đã làm tăng lệnh triệu đến lên nhiều lần, mà đã thường mâu thuẫn. . . . Chúng tôi, những người đã đưa ra những lệnh triệu, không trung thành như chúng tôi đã là, không có khả năng để chịu đựng sự cô đơn mà trong đó chúng tôi đã đối mặt với mình và mà đã tiết lộ tính hư không của chính chúng tôi cho chúng tôi, đã tấn công những người anh em của chúng tôi. Chúng tôi đã gây ra sự đau khổ cho họ. . . . Chúng tôi đã tước đoạt những người anh em chúng tôi quyền tự do cuối cùng, được tôn trọng bởi tất cả các chính thể chuyên chế, quyền tự do im lặng. . . . Bởi vì bất cứ ai, người đã không đồng ý với chúng tôi theo bất cứ cách nào vào bất cứ lúc nào, người đã không đáp ứng như tiếng vọng của chúng tôi, đã đều bị chúng tôi tuyên bố là một tên phản loạn. Chúng tôi đã áp đặt những quy tắc gây đau buồn nhất. . . . Chúng tôi đã bắt đầu giống một bầy chó sói. Chúng tôi đã thích ở lại trong Kolo và trị vì trong đó cứ như nó là một cái làng được thừa kế mặc dù những người làng đã là các nô lệ và muốn làm những ông chủ với bất cứ giá nào.

“Kolo” không phải là tên của một chi bộ đảng Cộng sản và tác giả của văn bản này đã không phải là một người cộng sản võ mộng. Những từ này đã được viết bởi Adam Mickiewicz sau khi ông đã tuyệt giao với Kolo của những người theo Andrzej Towianski.⁹

Họ đã sống bằng ánh bình minh

và đã đem lại bóng tối.

Họ đã sống bằng tư tưởng

và đã lia bỏ nhân dân.

⁹ Andrzej Towianski, nhà tiên tri thần bí, đã có ảnh hưởng đáng kể lên Adam Mickiewicz trong những năm cuối đời của ông.

Họ đã sống bằng những giấc mơ của họ

và đối trá đã trở thành cơm bữa của họ.

Và những dòng trên này đã không được viết bởi một trong những người đi theo Towianski, mà là một trích dẫn từ “Phê phán của Nhà thơ đối với Những người lớn” của Adam Wazyk.¹⁰

Vì sao tôi lại đưa những văn bản này ra, để chúng cạnh nhau theo cách lạ như vậy? Bởi vì tôi đã khiếp sợ khi tôi nghĩ về sự nông cạn trí tuệ của những ý kiến về quá khứ, của những đánh giá phổ cập, gây bối rối, nhưng sáo nhàm một cách thương tâm, đó là một hỗn hợp của tính thô sơ, sự ngu dốt, và ác ý. Tôi không áp dụng sự mô tả đặc trưng này cho Wierzbicki mà là cho tất cả những người coi “Chuyên luận về Giời” của ông như Kinh thánh về các chuẩn mực đạo đức và bách khoa toàn thư của kiến thức về Ba Lan đương đại.

Theo ý tôi thực tế của những năm đầu sau Chiến tranh Thế giới II đã phức tạp hơn một cách không thể so sánh được so với cách người ta có thể nghĩ trên cơ sở các công thức cực kỳ đơn giản hóa của ông về “bọn đồ” và những nô lệ trí tuệ của họ, những con giời.

Giai đoạn đó là một trong những giai đoạn đau đớn và sai sự thật nhất trong lịch sử của chúng ta. Có lẽ đã đau đớn chính xác bởi vì nó đã hết sức sai sự thật. Tôi sẽ để dành việc phân tích rất cần này cho một dịp khác và tôi giới hạn mình chỉ cho vài mẫu nhận xét ở đây.

Ba Lan đã mất máu, yếu và chiến tranh đã được giải quyết tại hội nghị Yalta. Thực tế hậu chiến đã được xác định bởi cán cân sức mạnh quốc tế và không phải bằng lượng máu đã đổ ra hay chủ nghĩa anh hùng của phong trào kháng chiến chống phát xít. Các Đồng minh phương Tây đã bỏ rơi Ba Lan. Những tiến trình hành động nào đã bỏ lại cho dân cư?

Tôi đã thường suy nghĩ về thế lưỡng nan này. Tôi đã thử nhiều lần để định vị điểm chính xác trong lịch sử gần đây mà tại đó một lỗi hay một lựa chọn sai lầm trong chính sách Ba Lan đã kết tội trước quốc gia phải chịu cảnh khổ cực tiếp sau của nó. Và tôi không thể tìm thấy nó. Khi tôi đã xem xét

¹⁰ Việc xuất bản Thơ cho Người lớn của Adam Wazyk trong tháng Bảy 1955 đã mở ra một thời kỳ mới của sự giải phóng hậu-Stalinist của Ba Lan.

lịch sử thời chiến và hậu chiến của nguyên nhân Ba Lan, tôi đã có cảm giác rằng Clio, nữ thần lịch sử, hẳn đã quy lưng lại với Ba Lan, cứ như nàng đã thậm chí không cho nó cơ hội mong manh nhất để ngắt đứt dòng khổ cực hay tìm những cách để thoát khỏi sự áp bức dân tộc. Tất cả các xu hướng khác trong nền chính trị Ba Lan đã mất hút.

Tôi hết sức trân trọng những thành quả của dân lưu vong sau chiến tranh, những người đã không quay lại quê hương họ nhằm có khả năng nhắc nhở thế giới về số phận của Ba Lan bị giam cầm; những người đã sống hàng năm lang thang, chờ đợi sự trở về của họ vào lúc hành động vũ trang, và rồi đã cố gắng to lớn để tạo ra khung khổ tuyệt vời đó của văn hóa dân tộc mà hết sức quan trọng ngày nay cho thế hệ trẻ ở Ba Lan. Sự di cư, tuy vậy, đã không thể biến thành một cương lĩnh chính trị cho toàn bộ dân tộc, và những chẩn đoán và tiên đoán chính trị ngắn hạn của những người lưu vong đã tỏ ra sai.

Đã là có thể hoàn toàn “kiên định” chỉ trong cảnh lưu vong. Các lãnh tụ của phong trào chống đối ngầm ở Ba Lan, tập trung trong Hội đồng Thống nhất Dân tộc (RJN), đã quyết định vào đầu 1945 để chấp nhận thỏa thuận Yalta. Mười sáu lãnh tụ chống đối ngầm bao gồm cả đoàn đại biểu của chính phủ lưu vong tại Ba Lan, chủ tịch của RJN, và chỉ huy của Quân đội Quê hương đã đi đàm phán với các đại diện của chính phủ Soviet. Tất cả họ đã bị bắt cóc và bị giam ở nhà tù Lubyanka. Như một hệ quả trực tiếp của thái độ phản bội này của chính phủ Soviet đối với phong trào phản kháng ngầm Ba Lan, tổ chức âm mưu “Tự do và Độc lập” (WiN) đã được thành lập. Tôi rất kính trọng những người của WiN những người ngay trong năm 1945 đã đảm nhận nhiệm vụ nặng nề để tổ chức một phong trào kháng cự độc lập, một cố gắng để lập ra một âm mưu nhắm tới độc lập bất chấp hoàn cảnh đã thay đổi mà đã trở nên khó khăn hơn nhiều. Họ đã chịu rủi ro sự tự do của họ, và thường cả sinh mạng của họ, để làm bằng chứng cho khát vọng Ba Lan tiếp tục vì độc lập. Tôi có sự cảm phục lớn nhất cho lập trường kiên định và anh dũng mà Józef Rybicki đã chứng tỏ trong vụ xử ban lãnh đạo WiN vào tháng Giêng 1947. Tôi biết rằng với chính lời của ông, ông đã chịu rủi ro cuộc sống của mình. Nhưng tôi cũng đã cố gắng để hiểu những người đã hành động theo cách khác và để tôn trọng những sự lựa chọn của họ.

Những người lưu vong “kiên định” đã viết nhiều lời cay nghiệt và phê phán liên quan đến việc trở về Ba Lan của Karol Popiel, lãnh tụ đảng Lao động. Đối với nhiều trong những người kiên định, việc cắt đứt các mối liên hệ với chính phủ lưu vong đã là ngang với việc phản bội Ba Lan. Bất chấp

sự thỏa hiệp sâu rộng mà Mikolajczyk và Popiel lựa chọn, những người Ba Lan ở Ba Lan đã chấp nhận sự trở về của những người lưu vong này với sự nhiệt tình. Sự thỏa hiệp đó đã gồm việc thừa nhận tính hợp lệ của một chính phủ lâm thời mà bao gồm những người cộng sản, vì thế cắt đứt tính liên tục định chế [của nhà nước Ba Lan], và chấp nhận hình thù lãnh thổ mới của đất nước. Một trong những lãnh tụ của phong trào xã hội chủ nghĩa, Zygmunt Zuluski, đã đồng ý một chính sách tương tự. Những người này đã thử cứu bất cứ gì họ đã có thể từ thực tế mới, phải trả giá cho nó bằng sự thỏa hiệp. Họ đã bị lên án về việc đã bắt đầu cuộc đấu tranh bên trong các đường ranh giới được áp đặt bởi kẻ thù của họ nhưng đã không tồn tại các đường ranh giới khác. Chúng ta phải nhớ lại rằng hội đồng giám mục đã có một lập trường tương tự. Mikolajczyk, cùng với toàn bộ đảng Nông dân, đã thua trận vì dân chủ bởi vì cuộc chiến đã không thể thắng chống lại lực lượng cảnh sát và sự bức chế Soviet hà khắc. Cuộc chiến đấu của đảng Nông dân, mà đã kéo dài vài năm và các đảng viên của nó đã phải trả giá bằng máu cho cuộc chiến đấu đó, sẽ vẫn là vinh quang của họ và thành tích lịch sử của họ. Nhưng điều này không làm thay đổi sự thực rằng những hy vọng chính trị của họ về sự giúp đỡ từ phương Tây đã tỏ ra là ảo tưởng.

Việc bảo vệ “cái có thể được cứu” đã cũng là mục tiêu của đa số cái được gọi là đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan (PPS) có giấy phép. Những người, mà đã thử duy trì tính đích thực của sự tự quản và của phong trào hợp tác xã, cũng đã bị đánh bại. Trước khi điều này diễn ra, họ đã đưa ra nhiều thỏa hiệp và đã để cho các đảng viên cũ của mình bị rút phép thông công; những người này đã gồm Puzak, Zaremba, Ciolkosz, và Zuluski. Bị kịch và sự xảo trá của hệ thống này đã nảy sinh chính xác trong cách nó đẩy những người mà tính lương thiện của họ không thể bị nghi ngờ thành những người ứng xử theo cách nước đôi về đạo đức.

Tất cả những người, mà trở nên tích cực trong đời sống công, những trí thức, nghệ sĩ, và nhà hoạt động xã hội đã chứng kiến một số trong những tình huống này. Giữa những người như vậy có nhiều người đã có những đóng góp mà ngày nay không ai nghi ngờ. Chúng ta hãy nhớ rằng những người, mà đã chọn sự hiện diện tích cực hơn so với sự lưu vong trong nước, đã gồm Tadeusz Kotarbinski, Kazimierz Ajdukiewicz, Tadeusz Manteuffel, Kazimierz Wyka, Maria và Stanislaw Ossowski, Maria Dabrowska, Leon Schiller, Antoni Slownimski, và Jerzy Zawieyski. và tôi nhắc lại rằng tất cả họ đã thử duy trì một sự hiện diện trong đời sống của dân tộc và để bảo vệ cái có vẻ có thể bảo vệ được.

Thời gian trôi qua và thòng lọng Stalinist đã ngày càng siết chặt quanh cổ của một quốc gia đã bị tàn phá rồi và bị rút hết máu. Mọi người đã đều phải trả lời câu hỏi: Giới hạn của sự thỏa hiệp khả dĩ là gì? Một cái giá cao thế nào mà người ta có thể trả để được phép tiếp tục giảng bài, xuất bản, hay hành nghề của mình? Vì trong các hệ thống toàn trị luôn luôn phải trả giá cho sự hiện diện công cộng, và ở đây cái giá đó đã dâng tăng lên. Những điều kiện mà được áp đặt đã đi cùng với những đe dọa và sự hăm dọa tổng tiền được che đậy ít nhiều.

Bản thân tôi không nhớ những thời đó, nhưng tôi biết về chúng từ những báo cáo và tài liệu khác nhau. Ngày nay, sau bao nhiêu năm, là khó để đánh giá những lựa chọn cá biệt được đưa ra trong thời kỳ đó, để tìm ra các tiêu chuẩn đạo đức mà tương ứng với thực tế của thời đó. Tôi ghen tị với bất cứ ai biết những tiêu chuẩn đạo đức như vậy, nhưng trừ việc làm hại những người khác đã được chứng minh và thấy rõ, thì bất cứ tiêu chuẩn khác nào đều có vẻ dễ lung lay đối với tôi. Làm thế nào người ta có thể đánh giá thái độ của Giáo sư Manteuffel, giám đốc của Viện Lịch sử trong thời kỳ Stalinist? Hay thái độ của Giáo sư Wyka? Hay của Maria Dabrowska, khi người ta tính đến lời cáo phó bà viết cho Stalin? Nếu Nadezhda Mandelstam là đúng khi nói rằng sự im lặng mặt-đối-mặt với sự áp bức toàn trị là “một tội thực sự chống lại loài người,” thì hầu như tất cả mọi người đã phạm tội ác đó. Ngay cả những người cao quý nhất đã bị lên án vì sự thụ động và im lặng. Chỉ có những cư dân của các nhà tù và trại tập trung được loại trừ. “Các nhà tù thần thánh!”* Solzhenitsyn đã viết. Chỉ bên trong chúng một người mới đã có thể trở thành không đồng lõa với bộ máy tội ác đáng nguyên rủa này.

Aleksander Wat một lần đã viết rằng chỉ có một câu trả lời cho câu hỏi về các trí thức sống trong các nước bị Stalin cai trị phải cư xử thế nào. Đó là câu trả lời Shakespearean: “Họ phải chết,”

Có lẽ đó là câu trả lời đúng. Nhưng tôi tin rằng đây là một câu trả lời mà người ta chỉ có thể đưa ra cho chính mình, một biện pháp mà người ta có thể áp dụng chỉ cho chính mình, một sự hy sinh mà người ta có thể đòi hỏi chỉ chính mình. Bất cứ ai người đòi một câu trả lời như vậy cho câu hỏi này từ những người khác là tùy tiện cho bản thân mình quyền để quyết định số phận của những người khác. Việc này thường kết thúc một cách tồi tệ.

* blessed prisons theo kiểu nói trại cũng có thể hiểu là các nhà tù quý quái

Những gì tôi vừa viết có thể dẫn đến kết luận rằng tôi không ủng hộ tính nghiêm khắc đạo đức quá đáng. Tôi cũng không thích thói quen đánh giá các trí thức những người đã trở nên dính líu vào chủ nghĩa Stalin, bởi vì thói quen này không tính đến những phần trước hay muộn hơn trong lý lịch của họ. Chúng ta hãy tưởng tượng cái gì sẽ xảy ra nếu một trong những nhà đạo đức học này đánh giá Andrzej Kmicic¹¹ chỉ dựa trên cơ sở của thời kỳ đó của đời ông khi ông đã phục vụ Radwillis và vì thế đã gây hại cho Khối Cộng đồng [Ba Lan-Litva] bất luận ông đã thích việc đó hay không. Hoặc hãy tưởng tượng nhà đạo đức học người khẳng khăng nhắc nhở rằng Adam Czartoryski đã là bộ trưởng của hoàng đế Nga và bỏ quên các chi tiết như tư cách thành viên muộn hơn của ông trong chính phủ của những người nổi loạn hay như một trong những lãnh tụ của Đại Di cư.

Natalia Kicka, vợ của vị tướng, đã ghi lại trong nhật ký của bà câu chuyện về Stanislaw Soltyk, mà đáng kể lại. Vào thời của Liên minh Bar (Barska Konfederacja-Hội liên minh của các quý tộc Ba Lan 1768-1772), đại sứ Nga Repnin đã tổ chức việc bắt cóc các thượng nghị sĩ Ba Lan (gồm có Giám mục Kajetan Soltyk) và đã bày đặt một mưu mẹo cho mục đích này. Ông ta đã đi đến Stanislaw Soltyk, cháu trai họ của giám mục, và “với những lời ngọt xớt như mật đã nhận được một bản khai có tuyên thệ để báo rằng giám mục đã bị cơn bệnh điên nguy hiểm. Giám mục đã quở trách cháu trai mình vì những trò chơi khăm điên rồ của nó, và như thế đứa cháu đã trả thù bằng việc ký văn bản mà Repnin đã đưa cho nó. Và khi Giám mục Soltyk yêu cầu những cư dân Moscow những người đến để bỏ tù ông biện bạch cho sự mất tự do của ông, họ đã trả lời bằng dẫn chiếu đến lợi ích công và đã cho ông thấy bản khai có tuyên thệ của đứa cháu họ ông. ‘Hãy để bàn tay đã ký bản khai này teo đi,’ giám mục đã la lên. Và tay của người đàn ông quả thực đã teo đi.”

Nhưng khi đó các sự kiện đã diễn biến khác đi. Đứa cháu nhát gan đã trở thành một người yêu nước nồng nhiệt, một trong những lãnh tụ cùng với Walerian Lukasinski của âm mưu vì độc lập trong thời kỳ của Vương quốc Ba Lan (Kongresówka, thuộc Nga). Anh ta đã bị tù cùng với những người âm mưu khác. “Trong tù,” Kicka viết, “Stanislaw Soltyk đã rất đau khổ, cả

¹¹ Jacek Bochenski trong *Zapis* 2 (1977), đã trả lời bài báo của nhà xã hội học Jan Szczepanski “Niềm tin của các Trí thức” (*Kultura*, số 20 tháng Giêng, 1977), trong đó nhà xã hội học đã phê phán khuynh hướng của các trí thức để đánh giá và phản đối những quyết định của những người nắm quyền.

về mặt đạo đức và thể xác, bởi vì cái tay bị liệt của anh ta.”

Ngân ấy dành cho vợ của vị tướng. Chúng ta biết từ những bài viết khác rằng nhiều người cùng thời thiện cảm của Soltyk đã không tha thứ cho người âm mưu bị tù những lời nhận xét đay nghiến về các tội lỗi thời trẻ của ông ta.

Khi tôi đọc những báo xuất bản ngay sau chiến tranh, đầy rẫy những lời quở trách về quá khứ xấu xa trước chiến tranh của người dân, có ý định để làm mất uy tín những người mà đã chứng tỏ những sự biến hóa của họ với máu của chính họ; khi tôi đọc những sự tấn công hung hăng chống lại những người đã dính líu đến chủ nghĩa Stalin và những người sau đó đã nhiều năm bị quấy rầy và bị ngược đãi nhằm chứng tỏ tính tha thiết của sự biến đổi tư tưởng của họ, tôi nhớ đến câu chuyện của Soltyk, người được tôn kính một cách đúng đắn trên những trang của các sách chuyên khảo lịch sử. Tôi nghĩ về điều này với sự buồn rầu: Chúng ta sẽ luôn luôn có khả năng phục hồi cho những người dân chỉ sau khi họ chết?

Tất nhiên, đã có những người khác những người dính líu vào chủ nghĩa Stalin, chỉ là những người tham danh vọng và những kẻ chỉ điểm ti tiện cũng như những kẻ tra tấn dã man, những kẻ đã làm người vô tội đau khổ. Chúng ta sẽ có được sự hiểu biết đầy đủ nhất về những vấn đề như vậy khi cảnh sát chính trị mở kho lưu trữ của họ cho công chúng. Wierzbicki vẽ một bức tranh về thời tương lai đó, nói rằng “một ngày đám đông lớn sẽ tràn ra đường phố và mỗi người sẽ phải đưa ra một bản kê khai về những gì anh ta đã làm cho Ba Lan.” Tôi phải thú nhận rằng tầm nhìn của Wierzbicki không hấp dẫn đối với tôi. Tôi không thích nêu vào ngày đầu tiên của tự do một đám đông không lồ nhào ra đường phố để thanh toán với mọi người vì những gì họ đã làm và đã không làm cho Ba Lan. Đối với tôi nó bốc mùi giống sự hành hình theo kiểu linsơ (lynch). Một đám đông tất cả bị kích động về sự tự do mới giành lại được của nó có khả năng hành hình theo kiểu linsơ nhưng không có khả năng về một sự thanh toán lương thiện. Bất cứ ai mà cổ vũ một đám đông như vậy trong mong muốn của nó để thanh toán chỉ có thể gieo những hạt giống hận thù. Cho nên tốt hơn hãy để việc thanh toán cho các sử gia.

Bất chấp những gì có thể được viết trong “Chuyên luận về Giời,” cả các hiệu trưởng đại học lẫn các biên tập viên, nô lệ về bên ngoài nhưng trong tâm của họ “thân phương Tây” hay “phản cách mạng,” đều đã không sống một cuộc sống dễ dàng trong thời kỳ Stalinist. Họ đã bị theo dõi sít sao, liên tục bị nghi ngờ về sự rơi rớt “ý thức tư sản.” Những kẻ tuyên truyền

quá hăng hái đã coi họ như những người bảo vệ được nguy trang của quá khứ. Những người kích động quần chúng như vậy đã nhìn thế giới dưới dạng rất đơn giản: Hệ thống tư bản chủ nghĩa, cái nôì của chủ nghĩa phát xít, đã là kẻ thù số một của hạnh phúc của loài người. Bất cứ ai mà chọn sự thỏa hiệp qua loa nhất với văn hóa thối nát của phương Tây tư bản chủ nghĩa theo định nghĩa đều là kẻ thù.

Cách nhìn quá đơn giản hóa này về thế giới, sự dễ dãi mà với nó những người cổ động này đưa ra những phán quyết, sự cuồng tín chính trị của họ tràn đầy sự bất khoan dung, tại một điểm trong các năm đó đã tạo cảm hứng cho một tác giả trẻ nhưng đã được công bố rộng rãi rồi để viết những dòng sau: “Đối với các nhà văn tư sản, việc thanh toán với chủ nghĩa phát xít Đức đã trở thành một lối thoát khỏi sự cam kết chính trị, và còn tồi hơn, [sự chống phát xít của họ] đã trở thành một vỏ bọc cho tư tưởng đế quốc chủ nghĩa! . . . Chúng ta phải xem xét lại giá trị của các tác phẩm đó mà trong những năm thiên về dân tộc chủ nghĩa chúng ta đã gán cho là 'chống phát xít' hay 'răn dạy đạo đức,' nghĩ rằng những nhãn này sẽ là đủ cho mãi mãi. Chúng ta phải dỡ bỏ cương lĩnh được sử dụng quá nhiều này mà Stefan Zolkiewski [một người cộng sản] và Jerzy Zaweyiski [một người Công giáo bảo thủ] đã đi theo.”

Đây là từ pamphlet (sách nhỏ) của Tadeusz Borowski về những con giòi.

Stefan Kisielewski đã phản ứng lại bằng một bức thư mà phải được trích dẫn ở đây. “Tôi tin,” ông viết cho Borowski, “rằng ông là một nhà văn hết sức tài ba và ngang thế hết sức ngu dốt. Thế giới quan của ông đã được định hình bởi Warsaw bị chiếm đóng, bởi địa ngục của Auschwitz, bởi nước Đức khốn khổ bị chiếm đóng. Điều này gây hoảng sợ một chút. Ông làm tôi nhớ đến một bé gái Malaysia ở một trong những tiểu thuyết của Conrad: cô chỉ đọc báo địa phương mà in lại những vụ đánh chết tươi từ các nhật báo Âu châu và đi đến kết luận rằng tất cả châu Âu hẳn phải là một lò sát sinh khổng lồ. . . . Nhưng tôi nghi ngờ liệu tôi sẽ có khả năng để ngăn chặn sự tuột dốc của ông từ sườn dốc trí tuệ mà ông đang trượt rồi. Tôi muốn, tuy vậy, có một lương tâm trong sạch: tôi đã cảnh báo ông.”

Sẽ chỉ là sự mỉa mai dân để cho rằng Wierzbicki đã lặp lại cùng những lời buộc tội chống lại những người mà một thời đã bị tấn công bởi những người chủ trương cuồng tín của đường lối Stalinist. Tôi có khả năng phân biệt giữa văn bản phục vụ những kẻ cai trị thế giới này khỏi văn bản nồng nhiệt phản đối chống lại sự tuân theo và thói đạo đức giả. Tôi cũng không có ý định nào để lộ mặt nạ một cách đơn giản hóa Tadeusz Borowski, người đã trả

giá cho sự lựa chọn tư tưởng Stalinist đầu tiên bằng cách phung phí tài năng của ông và sau đó bằng sự tự tử. Tôi chỉ muốn thuyết phục bất kể fan tiềm năng nào của “Chuyên luận về Giò” rằng việc từ bỏ thể giới quan chứa đựng tính phức tạp của những bồn phận và những thành tựu con người, và thay nó bằng một bức tranh trong như pha lê có thể dẫn đến những phán xét quá đơn giản hóa và những nhận định tai hại. Tôi không biết liệu tôi có thành công để thuyết phục họ hay không, nhưng tôi có thể lặp lại những lời của Kisiel: tôi đã cảnh báo ông.

Xin hãy tin tôi: tôi thực sự có thể hiểu sự tức giận của Wierzbicki và sự phản đối chống lại các quá trình mà Milosz đã gán cho cái nhãn “sự suy đồi đạo đức” và “chủ nghĩa Pétain.” Nhưng tôi cũng hiểu sự cay đắng của những người đã hàng năm trời nghiền chặt răng và chịu những sự làm nhục và vẫn đã tạo ra một mẫu của thực tế trí tuệ của chúng ta, duy trì và khôi phục các giá trị cũ, xây dựng những giá trị mới chỉ ngày nay bị gạt bỏ như những con giò.

Là vô lý đi đòi hỏi nhà văn châm biếm để đưa ra những đánh giá thận trọng và cân bằng. Chính ý tưởng của một áng văn châm biếm giả thiết những ý kiến cấp tiên. Tôi không có mối ác cảm nào chống lại Wierzbicki vì việc dùng từ giò và bằng cách ấy làm sắc những đường nét của thực tế nhưng chỉ vì sự bất lực của ông để nhận diện những đường nét đó do sự say mê chống-giò của ông.

Người ta sẽ không thu thập được nhiều từ việc đọc văn bản của Wierzbicki, nhưng thực tế Ba Lan khác căn bản với thực tế của những nước láng giềng của chúng ta, và chúng ta ít dễ bị các quá trình Soviet hóa hơn. Vì sao?

Có nhiều nhân tố làm chúng ta khác biệt: truyền thống lịch sử, Giáo hội Công giáo và các chính sách can đảm mặc dù thực tế của hội đồng giám mục, vùng nông thôn mà đã chống cự được sự tập thể hóa, và cuối cùng áp lực không ngừng của nhân dân. Áp lực này đã thể hiện mình đôi khi trong sự bùng nổ dữ dội (Poznan-1956, tháng Ba 1968, tháng Mười Hai 1970, Radom-1976) nhưng thường xuyên hơn thông qua sự kháng cự lặng lẽ, bền bỉ, hàng ngày. Sự kháng cự này được minh họa, thí dụ, trong sự từ chối đưa ra một lời tố cáo. Nó thấm vào bầu không khí của một phần khá lớn của đời sống trí tuệ của chúng ta: các bài giảng và các seminar tại các đại học, việc nghiên cứu tiến sĩ và việc xuất bản các chuyên luận uyên bác, các tiểu thuyết, các tập thơ, các tiểu luận, các cuộc họp của Hội Nhà văn hay PENClub (Câu lạc bộ Văn bút), các phim và các vở kịch, các viện bảo

tàng, các buổi hòa nhạc, và các triển lãm nghệ thuật. Tất cả những việc này thường là công việc của những người không ký những bức thư phản đối hay đưa ra những cử chỉ đối lập ngoạn mục. Nhưng cũng nhờ họ mà chúng ta ở Ba Lan đã được hít thở một không khí tinh thần khác. Không khí tinh thần này, mô này của văn hóa và ý thức dân tộc mà tăng lên hàng ngày, một cách vô hình không đơn giản là kết quả của việc đọc *Zapis* hay *Biuletyn Informacyjny* hoặc xuất bản phẩm ở Nhà Xuất bản Độc lập (NOWa) mà là kết quả của toàn bộ những thành tựu Ba Lan.

Tính toàn thể này gây ra sự ghen tị trong các công dân của các nước khác của “phe” (xã hội chủ nghĩa) những người viếng thăm Ba Lan. Họ ghen tị không chỉ về KOR và TKN và các xuất bản phẩm không kiểm duyệt mà cả về các xuất bản phẩm chính thức của chúng ta (không chỉ *Tygodnik Powszechny* hay *Wież* mà cả *Tworczosc*) *Pamiętnik*, *Literacki*, và thậm chí *Polityka*); họ ghen tị về các nhà thờ của chúng ta và các trung tâm giảng dạy tôn giáo được vận hành hiệu quả, các tác phẩm nhà hát của Dejmek, các phim của Wajda, về ngoài của đường phố của chúng ta với những người phụ nữ ăn mặc bánh bao. Nhờ tất cả những nhân tố này mà chúng ta đã duy trì được bản sắc của chúng ta và khả năng của chúng ta để chống quá trình Soviet hóa.

Tôi sẽ là người cuối cùng để nói rằng tình hình của chúng ta là vừa ý và những khát vọng của chúng ta được thực hiện. Báo chí không bị kiểm duyệt liên tục nhấn mạnh khoảng cách chúng ta còn phải đi. Nhưng đôi khi chúng ta phải xem xét tình hình của chúng ta, những sự ồm yếu của chúng ta và những sự thống khổ của chúng ta từ góc nhìn của những mối hiểm nguy và không chỉ từ góc nhìn của những đòi hỏi và mục tiêu. Những mối nguy hiểm này bao gồm số phận quốc gia của các nước láng giềng của chúng ta ở phía đông, những người Litva, Belarus, Ukrain. Những dân tộc này phải đấu tranh ở mức sơ đẳng nhất cho sự tồn tại tiếp tục của ngôn ngữ, tôn giáo, và những lâu đài văn hóa của họ. Chúng ta phải nhận thức những sự khác nhau này, và thấy rõ những số phận thay thế khả dĩ khác nhau của các quốc gia dưới các chế độ cộng sản. Chúng ta cũng phải xem xét những hoàn cảnh mà xác định sự khác nhau cơ bản nhất giữa tình hình của những người Nga và người Ba Lan bảo vệ các quyền con người. Để diễn đạt một cách ngắn gọn: mặc dù cảnh sát tìm được cách để đầu độc cuộc sống của chúng ta, chúng tôi ở Ba Lan cảm thấy khỏe và là khỏe bởi vì chúng tôi có sự ủng hộ đạo đức và vật chất của một tầng lớp rộng của xã hội chúng tôi. Chúng tôi có được sự ủng hộ của những người mà tính khí của họ khiến họ không là các nhà chính trị cũng chẳng là các anh hùng,

những người mà không muốn từ bỏ sự nghiệp của mình hay cuộc sống gia đình tương đối ổn định của mình, những người hiếm khi chọn để ký một bức thư phản đối, nhưng là những người mà, tôi tin chắc, đã quyết định thành công của những hoạt động để bảo vệ các công nhân ở Radom và Ursus. Giả như đã không có những người như vậy, là khó để nghĩ về việc xuất bản độc lập.

Tôi có một thái độ khác đối với những người này “giữa chính phủ và phe đối lập.” Khi một giáo sư xã hội học uyên bác, trong phản ứng lại những sự phản đối của các trí thức chống lại những sự tra tấn ở Radom, viết một bài nghiên cứu tinh vi mà trong đó ông miệt thị những sự phản đối của các trí thức này, tôi đã bị chọc tức điên lên hết như tác giả của “Chuyên luận về Giòi,” và với sự thỏa mãn cao tôi đọc bài trả lời sắc sảo của Jacek Bochenski đối với những tác phẩm thông thái rơm như vậy.¹² Nhưng nếu giáo sư này, thay cho việc thực hành một phân tích tâm lý lịch sử so sánh về các trí thức phản đối, đã tận dụng quyền miễn trừ của đại biểu quốc hội và đã đi tới Radom để tham dự một trong các phiên xử nhằm tìm hiểu trực tiếp hoạt động của các tòa án, và sau đó đã làm một báo cáo cho chính phủ về những gì ông đã thấy mà không tham gia vào hoạt động phản đối, liệu Wierzbicki vẫn gọi ứng xử của ông là “giòi bọ”? Tôi sẽ không. Thay vào đó, tôi sẽ vui sướng rằng những cách nhìn duy lý đang xuất hiện trở lại trong giới tinh hoa cầm quyền, rằng các nhóm cai trị đang học làm thế nào để xác định những lợi ích của riêng họ một cách đúng đắn, rằng tôi có thể tìm thấy giữa những kẻ thù của tôi ngay cả một dấu vết này của văn hóa chính trị. Cho đến nay đã có rất ít những chỉ dấu như vậy. Nhưng chúng ta hãy nhớ rằng nếu chúng ta từ bỏ hy vọng cho một sự tiến hóa như vậy, thì kịch bản thay thế khả dĩ chỉ có thể gồm những sự đối đầu dữ dội mới giữa chính phủ và nhân dân. Mỗi cuộc đối đầu như vậy có khả năng trở thành một bi kịch dân tộc. Chính nghĩa vụ chung của chúng ta là để tránh những tình huống như vậy, bởi vì chúng có thể có nghĩa rằng toàn bộ quốc gia, tất cả những người Ba Lan kể cả các nhà chức trách, có thể buộc phải trả một cái giá quá cao vì sự thiếu trách nhiệm của họ về những vấn đề này.*

¹² Andrzej Kmicic, nhân vật chính của *Trilogy (bộ ba)* của Henryk Sienkiewicz, đã trở thành một người yêu nước thực sự bằng trải qua một chuỗi dài của các phép thử và sai.

* Tôi đã bày tỏ một ý kiến tương tự trong vài dịp, kể cả trong “Một Chủ nghĩa Tiến hóa Mới.” Bài báo đó đã gây nên một bút chiến đáp lại từ Giáo sư Jan Drewnowski, người trong tạp chí Paris *Kultura* đã lên án tôi tìm kiếm một sự thỏa thuận với các nhà chức trách cộng sản. Trong một bài báo khác [trong *Zeszyty Historyczne*] Giáo sư Drewnowski đã phát triển ý tưởng này thành một lý lẽ rằng những người Soviet đã can thiệp rồi vào Ba

Những lý lẽ trên, tất nhiên, phải được diễn giải chẳng một tí nào như việc cổ vũ bất cứ ai để tham gia vào các cuộc tranh đua trong nội bộ đảng; tôi chia sẻ thái độ hoài nghi của Wierzbicki về vấn đề này. Nhưng đáng nhớ rằng chúng ta sống trong một xã hội nơi hàng trăm ngàn người tích cực thuộc về đảng Cộng sản. Thường, việc này là cái giá trả cho việc tham gia vào đời sống công, giữ những việc làm quản lý, và vân vân. Wierzbicki được phép đề tin rằng cái giá này là quá cao, rằng không đáng trả và không nên trả, và quả thực tôi chia sẻ lòng tin này. Nhưng chúng ta sống và sẽ sống giữa những người nghĩ theo cách khác. Chúng ta phải học để sống với họ và dạy họ để sống với chúng ta. Chúng ta phải học nghệ thuật khó khăn về thỏa hiệp, mà không có nó thì chủ nghĩa đa nguyên đích thực sẽ là không thể. Chúng ta cũng phải tuân theo những chuẩn mực văn hóa chính trị *vis-à-vis* (đối với) chính phủ, cho dù bản thân chính phủ không tuân theo chúng. Chỉ khi đó chúng ta sẽ tìm được cách để đối mặt với áp lực toàn trị bằng phẩm giá.

Wierzbicki mô tả một cuộc chuyện trò nào đó giữa một người đối lập và một con giòi về việc ký một bức thư phản đối. Ông nhạo báng toàn bộ danh sách những lời bào chữa và trò chơi xỏ “giòi bọ.” Tôi đọc những lý lẽ của ông với những cảm giác pha trộn. Tôi đã theo dõi những cảnh tượng như vậy nhiều hơn một lần và phải thừa nhận rằng sự mô tả của Wierzbicki là sự mô tả bậc thầy. Nhưng . . . bản thân tôi đã khuyên vài người đừng ký những bức thư như vậy bởi vì tôi đã tin rằng những người và những định chế nào đó của đời sống công phải được duy trì.

Wierzbicki không phải thuyết phục tôi rằng loại lý lẽ này về duy trì một định chế bị lạm dụng quá thường xuyên. Thay vào đó, hãy để ông ta thuyết phục tôi rằng chữ ký của Marian Brandys trên một kiến nghị là có giá trị nhiều hơn thiên sử thi của ông về kỵ binh ánh sáng tìm được cách của nó trên các kệ của các hiệu sách và các thư viện, hay rằng những chữ ký của Dejmek hay Wajda là quan trọng hơn các vở kịch và các phim của họ. Phúc lành cho những thời kỳ khi người ta có thể ký các bức kháng thư cũng như xuất bản những sách hay đạo diễn những bộ phim. Nhưng chúng ta biết rằng thường người ta phải lựa chọn. Và tôi không có công thức để dãi nào cho những lựa chọn như vậy. Tôi ghen tị bất cứ ai người biết một

Lan trong 1944-45, và rằng một sự can thiệp khác nữa sẽ chẳng làm thay đổi gì. Một sự can thiệp vũ trang Soviet mới có thực sự chẳng làm thay đổi gì ở Ba Lan? Tôi để câu hỏi này cho bạn đọc. Về phần mình tôi đơn giản bày tỏ ý kiến rằng những sự can thiệp của quân đội Soviet ở Hungary năm 1956 và Tiệp Khắc năm 1968 quả thực đã làm thay đổi nhiều. Nhiều kinh khủng . . . [chú thích của tác giả]

công thức như vậy. Nhưng tôi cũng hơi sợ họ một chút. Bản thân tôi đã tham gia tổ chức nhiều thư phản kháng. Tôi có thể đánh giá cao tầm quan trọng của chúng. Những trí thức mà đã ký chúng đã hoàn thành một việc phi thường. Chịu rủi ro về tính ổn định nghề nghiệp của họ, về khả năng được xuất bản của họ, và vân vân, họ đã lên tiếng của họ để bảo vệ những thứ không thể đo lường được, để bảo vệ một nền văn hóa dân tộc trong quá trình bị phá hủy, để bảo vệ những người mà đã bị xúc phạm và bị làm nhục. Những kiến nghị đó đã là bằng chứng về sự thức tỉnh ý thức dân tộc, về sự tái sinh của ý thức trách nhiệm giữa giới trí thức đối với hình thù của những khát vọng Ba Lan. Chúng diễn đạt rõ những khát vọng này.

Nhưng những kháng thư như vậy chỉ tạo thành đỉnh tảng băng của những hoài bão Ba Lan, mà khi đó cũng như hiện nay có nhiều dạng khác nhau. Đây là vì sao thật là sự vô nghĩa bẽ phái để quăng tất cả những người nghĩ và hành động theo cách khác vào cái bao tải to lớn có nhãn “những con giòi.” Nó chỉ có thể được tiến hành bởi ai đó người tin rằng anh ta đã khám phá ra con đường đạo đức và đúng đắn duy nhất đến chủ quyền và dân chủ. Tôi biết kỹ loại này của “người mang chân lý” từ lịch sử. Và đó là vì sao tôi sợ.

Tôi chia sẻ thái độ tiêu cực của Wierzbicki đối với tư tưởng mị dân nguy hiểm rằng những hoạt động đối lập thực sự là những sự khiêu khích bởi cảnh sát. Điều này, tuy vậy, không phải là nói rằng cảnh sát chẳng bao giờ sử dụng việc khiêu khích. Gần đây, các tờ rơi được ký bởi nhóm “Tự bảo vệ Niềm tin” đã được phát tán trong một nhà thờ ở Lodz. Trong các tờ rơi này, bên cạnh những tuyên bố yêu nước và tôn giáo, người ta đã có thể đọc về một sự tấn công gay gắt chống lại các giáo sĩ yêu những tư tưởng mới, như Hồng Y Wojtyla và Tổng giám mục Gulbinowicz, những người đã bị lên án về việc truyền bá sách báo khiêu dâm và sự hợp tác với các định chế “thế giới chủ nghĩa” như KOR. Người ta có cần là một con giòi để hỏi về nguồn gốc của những tờ rơi đặc biệt đó?

Wierzbicki chế nhạo lý lẽ rằng “bây giờ là lúc hoàn toàn không thích hợp để bắt đầu hoạt động cá biệt này.” Tôi đã nghe hàng tá lý do bào chữa như vậy. Nhưng tôi thú nhận rằng nếu hôm nay (6 tháng Mười Hai năm 1978) ai đó xuất hiện và yêu cầu tôi ký một kiến nghị đòi quân đội Soviet rời khỏi Ba Lan, tôi sẽ từ chối ký, mặc dù tôi thích đòi hỏi này, và cho dù tôi có chịu rủi ro bị gọi là một con giòi. Thực sự không phải là thời gian thích hợp.

Tôi đã học được từ “Chuyên luận” rằng những con giòi không thích “chủ

nghĩa dân tộc” và đã thậm chí bị nhiễm với sự không thích này bởi một số nhà đối lập. Sự giải quyết nhanh gọn, mà với nó Wierzbicki giải quyết toàn bộ vấn đề này, tôi giả thiết có nghĩa rằng bất kỳ lối chơi chữ về nhóm những ý kiến và xúc cảm nào được ông gọi là “chủ nghĩa dân tộc” đều đơn giản là dung tục. Nhưng, chịu rủi ro cần rõ trong xã hội lịch sử, hãy để tôi hỏi: Có phải đấu tranh cho độc lập là tương đương với chủ nghĩa dân tộc? Nếu như vậy, thì sự tranh luận chỉ là vấn đề về định nghĩa. Nhưng “chủ nghĩa dân tộc” có thể cũng là tên của một học thuyết chính trị riêng biệt hay đôi khi là một dòng tư tưởng mà xác lập các giá trị của nó từ quan điểm của cái gọi là tính ích kỷ dân tộc. Sự thực rằng những người cộng sản đã thử chiến đấu với chủ nghĩa dân tộc, mặc dù ngày càng ít thường xuyên hơn, không nhất thiết có nghĩa rằng là nghĩa vụ của nhà đối lập và người ủng hộ chủ quyền để bám chặt vào một học thuyết chính trị riêng biệt hay thúc đẩy một hệ tư tưởng thù hận hoặc coi khinh các dân tộc khác.*

Đấu tranh cho độc lập ở Georgia, Latvia, hay Estonia không hề tương đương với chủ nghĩa dân tộc, nhưng ở Georgia hay Ukraine chủ nghĩa dân tộc có thể hướng về một chính sách ngu dân ngu xuẩn, một căn bệnh mà nguồn của nó có thể được hiểu một cách dễ dàng nhưng nó đầu độc sự lưu thông của đời sống tinh thần của dân tộc. Người ta có thể hiểu sự thù hận ám ảnh của người Tartar Crimean đối với tất cả các thứ là Nga: ngôn ngữ Nga, văn học và âm nhạc Nga, và cuối cùng tất cả những người Nga. Là khó, tuy vậy, để không thấy thái độ này như một triệu chứng của căn bệnh đau buồn của tình trạng bị giam cầm.

Trong nhiều thảo luận về “Chuyên luận về Giòi,” tôi đã nghe, trong phản ứng lại những tiếng nói phê phán, nhận xét rằng Wierzbicki đơn giản tiếp tục truyền thông của nhà lãng mạn vĩ đại, của Juliusz Slowacki người trong “Mộ của Agamemnon” của ông đã bêu xấu sự yếu kém và tính nhất gan của những người Ba Lan và không phải sự áp bức của các cường quốc chia cắt. Đây là một nhận xét thích hợp. “Văng ra lời sỉ nhục dân tộc của chính mình là một đặc quyền cũ kỹ và đáng tôn quý của văn học Ba Lan,” Jan Blonski đã nhận xét một cách thích đáng. Quả thực Slowacki đã viết về “con công và con vẹt” và về “vùng đất bất hạnh của những người nô lệ,” nhưng ông cũng đã viết:

Mặc dù tôi biết rằng những từ này sẽ không vang dội lâu trong tâm khảm nơi một ý

* Hãy để tôi lưu ý rằng những bình luận của Wierzbicki rằng Husak đã bị bỏ tù bởi những người cộng sản vì “chủ nghĩa dân tộc Slovak” là hoàn toàn hoang tưởng. Husak đã bị ngược đãi vì việc bảo vệ những khát vọng và truyền thống dân tộc của sự nổi dậy Slovak mà ông đã diễn đạt bằng thuật ngữ cộng sản. [Chú thích của tác giả]

nghĩ không lưu lại thậm chí một giờ . . .

Ông đã viết trong một hồ ngữ gửi Ba Lan:

Tai ương, nhưng linh hồn ta sẽ đuổi người đi

Đòi một con Giận điên tiết với những roi da bằng những con rắn,

Vì người là con trai duy nhất của Prometheus:

Kền kền ăn không phải tìm người mà ăn óc người.

Đây là thực chất của vấn đề. Tôi hoàn toàn ủng hộ “lời nói xấu” và “việc bêu xấu,” tôi ủng hộ những bài văn đả kích và lời nhạo báng, đây không phải là nơi tôi khác với Wierzbicki. Tôi đơn thuần bị khó chịu bởi hướng của sự tấn công của ông. Tôi bị khó chịu rằng ông làm ô danh các trí thức không phải vì sự thiếu suy nghĩ mà vì sự thiếu điều độ. Sự tinh quái Ba Lan-yêu quý Ba Lan này của điều độ! “Chẳng có thứ gì mà người Ba Lan sẽ đặt xuống bàn thờ Tổ quốc một cách hăm hở,” Brzozowski đã viết, “như tác phẩm tinh thần của ông ta. Khi cần để bày tỏ sự khinh bỉ và sự thiếu tôn trọng đối với những thế lưỡng nan trí tuệ lớn nhất, 'lương tâm công dân' nói thẳng trong chúng ta rất âm ỉ. Khi nói về các vấn đề trí thức và những đòi hỏi của tính trung thực trí tuệ, người Ba Lan trung bình có nhiều hơn sự dũng cảm, anh ta có thói trợ tráo công dân.”

Thích hợp đến thế nào với ngày nay của chúng ta. . . . tôi sợ rằng một phản ứng đối với tình trạng bị giam giữ của chúng ta có thể cốt ở việc chúng ta trở thành nô lệ cho cử chỉ và do đó khinh rẻ bất cứ giá trị nghệ thuật và trí tuệ nào không thể được dịch trực tiếp sang ngôn ngữ chính trị. Tôi không nói về Piotr Wierzbicki ở đây, người có lẽ vẫn ở khoảng cách an toàn từ những mối hiểm nguy này. Nhưng với “Chuyên luận” của mình ông có thể đã vô ý tạo ra một hệ tư tưởng cho tất cả những người mà “óc chữ không phải tìm của họ bị kền kền ăn.” Các nhà đối lập, những người bị cảnh sát truy tìm và bị đau khổ với những vụ khám nhà, có thể học từ văn bản này một sự coi thường những người mà đối với họ những sự tin chắc, tính khí, hay đơn thuần sự sợ hãi áp chế một kiểu sống khác và một cách khác để phục vụ sự nghiệp chung. Điều này là một mối nguy hiểm mà thường xuyên xuất hiện trong lịch sử của các dân tộc bị chinh phục, và cả trong lịch sử Ba Lan. Vì nếu cuộc sống thường ngày của người Ba Lan người đã sống vào thời bị chia cắt và đã nhất thiết đầy thỏa hiệp, tính chất giáo huấn và chủ nghĩa anh hùng đạo đức của văn học Ba Lan đã là những phản ứng với tình trạng đó. Cho nên người Ba Lan đã in sâu một tính hai mặt khác thường trong tâm tính anh ta. Nhân dân Ba Lan, sẵn sàng để thỏa hiệp

trong đời sống hàng ngày của họ, khi lời kêu gọi đến đã có thể trở thành can đảm đến mức điên rồ. Vào những lúc như vậy, văn học ngụ trị tuyệt đối trong đời sống của họ. “Các chính trị gia,” Jan Blonski viết, “thường từ bỏ vận động chính trị hoặc khác đi trở thành những kẻ tử vì đạo. . . . Sự chết vì nghĩa sẽ trở thành một cơ cáo lỗi cho tính đê tiện, tính bản tiện của những người cha sẽ tạo ra trong những con trai của họ một sự sẵn sàng để hy sinh và ngược lại.”

Sự sùng bái về sự chết vì nghĩa, về sự hy sinh anh dũng, đã tạo ra một đặc tính đạo đức đẹp nhưng nguy hiểm ở Ba Lan truyền thống. Đối với người âm mưu mà đã được định hình bởi đặc tính đạo đức này, nhà tù đã là một thực tế hàng ngày, là một phần của cái giá phải trả cho toàn bộ cuộc sống can đảm lạ thường của anh ta. Người âm mưu đã phải sẵn sàng mọi lúc để chết một cách anh dũng. Tính sẵn sàng này, chung với đặc tính đạo đức lãng mạn, đã làm méo mó thế giới quan của anh ta, thiên vị cho sự tự lý tưởng hóa. Người âm mưu người thấy những người tuân thủ giống như các nô lệ đã thấy trong mình và bạn bè mình tính thương tâm và bi kịch của những anh hùng lãng mạn. Nhìn thấy những con giòi trong dân cư đông đúc, anh ta “đã thiên thần hóa” bản thân mình và bạn bè mình, các chiến sĩ vì một Ba Lan có chủ quyền và công bằng. Đặc tính “thiên thần” của bức tranh anh ta có về mình đã thường dẫn anh ta một cách vô thức để ấn định cho bản thân mình những quyền đặc biệt.

Hồi ký được Henryk Kamienski viết về Edward Dembowski minh họa hiện tượng này. Con trai cấp tiến của người cai quản lâu đài, một người âm mưu bẩm sinh, một người có đầu óc vĩ đại và dũng khí kỳ lạ, đã áp dụng những phương pháp đáng ngờ trong những cố gắng của anh ta để tạo ra một cuộc khởi nghĩa dân tộc; anh ta đã thao túng những người khác, đã ham mê sự hăm dọa tổng tiên đạo đức, và đã lừa dối. Anh ta đã được ban quyền để hành động theo cách này bởi sự hy sinh của chính anh ta và mục tiêu thiêng liêng của anh ta: tương lai rực rỡ. Với mục tiêu này trong đầu, các thế hệ khác nhau của những người âm mưu đi đến đánh giá thế giới theo cách Mani giáo (Minh giáo): bất cứ gì phục vụ mục tiêu của họ là tốt; bất cứ gì cản trở nó đều là xấu; bất cứ ai không đứng trong hàng ngũ các chiến sĩ vì sự nghiệp chính nghĩa đều đáng khinh. Mani giáo đã là niềm tin của các thánh và các quan tòa dị giáo. . . Mani giáo đã cũng là tai họa của những người bị giam cầm.

Người ta cần phải là một phần thánh, một phần quan tòa dị giáo để đâm Józef Miniszewski bằng một dao găm nhỏ trong Khởi nghĩa tháng Giêng bởi vì ông đã phục vụ Aleksander Wielopolski bằng bút của ông. Người ta

cần nghĩ về chính mình là một thiên thần để có thể bắn Teodor Bujnicki ở Vilna trong năm 1944 vì các bài thơ mà ông đã viết, những bài thơ mà phải thú nhận hơi dễ tiện để vinh danh các lực lượng Soviet chiếm đóng.

Tôi đang không la hét những lời buộc tội liêu lĩnh; những người mà đã tiến hành những vụ giết người này đã là những người chân thật không nghi ngờ gì và đã có xuất thân anh hùng. Nhưng điểm mấu chốt là họ đã không có cái phan nào; quan điểm Mani giáo của họ về những nghĩa vụ con người không cho phép họ từ bỏ những hành động này. Họ đã nhất quán. Nhất quán một cách đáng sợ. Mục đích của họ biện minh mọi thứ. Trong năm 1914 một lần nữa những đứa con trai trẻ từ giới trí thức đã bỏ sách và vở của chúng và đã nắm lấy súng của họ để “cứu Tổ quốc.” Họ đã bị đối xử lãnh đạm và với sự ngờ vực. Họ đã trả lời sự lãnh đạm này với một bài hát:

Chúng tao cóc cần sự đồng ý của các người

Hay trái tim, hay nước mắt của các người,

Thời khi chúng tao cầu khẩn

Đến hầu bao của các người đã qua rồi. Có thể chó đ các người.

Trong bài hát này có một giọng nguy hiểm của sự khinh miệt, tính khí của những người mà, do “đánh cược mạng sống của họ” cho một Ba Lan lý tưởng được các thi sĩ và những người âm mưu tưởng tượng ra, cảm thấy họ đã giành được quyền để chất đầy sự khinh miệt lên Ba Lan thực, Ba Lan của những người dân thường. Tâm tính này đã sinh quả trong dũng khí tột bậc và những thành tựu vũ trang tráng lệ của các quân đoàn (lính lê dương). Nhưng nó cũng đã sinh quả trong một sự hoàn toàn coi thường sự an toàn của những người khác và những khát vọng của họ. Đây là vì sao, khi chúng ta nghe bài hát này ngày nay, chúng ta nghe thấy ở nó giọng rất gây băn khoăn lo lắng mà trong đó, hàng chục năm muộn hơn, các lệnh để bỏ tù các thành viên đối lập của quốc hội ở Brzesc đã được đưa ra. Một nhóm lính lê dương đã bắt đầu hành hạ nhóm khác. Sự khinh miệt những người khác, dù nguyên nhân là gì, có thể có những hậu quả kinh khủng.

Tất cả những người, mà biết lịch sử của phong trào cộng sản, biết rất kỹ điều này. Là đủ để nhớ đến bài thơ của Broniewski “Magnitogorsk, hay một cuộc Chuyện trò với Jan” để thấy bản thân mình ngay trong giới đó của “nạn nhân” và “trương lai rục rũ.” Những lò luyện kim ở Magnitogorsk, một biểu tượng của công nghiệp hóa và của tương lai rục rũ đó, đã để bù lại nỗi thống khổ của những đêm và ngày ở trong xà lim nhà tù. Chúng

cũng đã có ý định để chuộc lại những sự đau khổ khác, những thứ mà Broniewski đã bỏ sót nhưng hẳn ông đã phải biết về chúng. Tầm nhìn đó về sự đền bù trong thiên đường cộng sản tương lai đã duy trì sự hy sinh cá nhân của nhiều người cộng sản mà đã ở hàng năm trong tù, hết như tầm nhìn đó một cách không lay chuyển được đã dẫn đến những kỳ công của những người thẩm vấn ở bộ nội vụ mà được điều hành bởi những người cộng sản đã là các tù nhân chính trị trước chiến tranh và bây giờ đã là những thiên thần sa ngã. Nạn nhân đã biến thành kẻ hành hình, thánh thành quan tòa dị giáo.

Số phận của “những người chống đối ngầm” và của “lính lê dương,” của những nhân vật chính của bài thơ của Broniewski, đồng chí Jan và thợ may Izaak Gutkindis, là một lời cảnh báo nghiêm túc cho những người mà sẽ hành động bất chấp luật pháp. Hãy để những thiên thần của ngày hôm nay nhớ lại rằng sự kính trọng của công chúng, mà họ có được, áp đặt lên họ một trách nhiệm đặc biệt về sự nhạy cảm đạo đức. Nếu không thì, sự coi khinh đê tiện những người mà sự hạnh phúc của họ sẽ phụng sự có thể dễ dàng trở nên đan xen với những hy sinh anh dũng của họ.

Không dễ để viết về những thiên thần. Không dễ để viết những thứ như vậy khi người ta nhớ lại cuộc sống hàng ngày của họ đã bị làm cho mất hết sinh lực bởi sự cố gắng nhặt nhẹo và thường vô ích, khi người ta nhớ lại rằng ngay ngày nay họ đang trả giá rồi cho những sự lựa chọn của họ với việc bị đuổi khỏi nơi làm việc và sự sách nhiễu cảnh sát, còn ngày mai. . . ?

Bất chấp ngày mai có thể mang đến những gì, tôi cảm thấy hôm nay rằng chính là bốn phận của tôi để nói rằng thiên thần, người mà đòi hỏi chủ nghĩa anh hùng không chỉ từ bản thân mình mà từ cả những người khác, người mà từ chối giá trị của sự thỏa hiệp, người mà nhận thức thế giới với một sự đơn giản hóa Mani giáo và coi khinh những người có quan niệm khác về các nghĩa vụ đối với những người khác, [thì] thiên thần này, đầu yêu quý thiên đường đến đâu, đã bắt đầu rồi trên con đường đến địa ngục.

Đừng để ý rằng anh ta có thể biện hộ cho các hành động của mình bằng biệt ngữ của sự độc lập hay bởi một sự không tương xã hội chủ nghĩa-phổ quát chủ nghĩa, anh ta đang gieo những hạt của sự thù hận tương lai rồi. Tôi không là nhà duy mỹ mất trí. Tôi không tin rằng tất cả mọi người luôn luôn đều có thể có khuynh hướng nghĩ tốt về nhau. Nhưng tôi có tin vào sức mạnh sáng tạo của các hành động của chúng ta. Tôi có tin rằng chúng ta có khả năng tăng cường hay giảm bớt lượng thù hận và sự bất khoan dung trong đời sống công của chúng ta. Cuối cùng, tôi tin rằng hình dạng

của một Ba Lan độc lập và dân chủ đang được định hình ngày hôm nay. Tôi muốn rằng Ba Lan dựa trên sự khoan dung và văn hóa chính trị, mặc dù tôi biết rằng những năm dài công việc sẽ là cần thiết để truyền bá các giá trị này. Đây là vì sao chúng phải bắt đầu được truyền bá rồi, không thông qua các tuyên bố bằng lời mà trong hoạt động hàng ngày.

Đây cũng là vì sao tôi sợ rằng tiểu luận của Wierzbicki có thể được diễn giải theo một cách nào đó. “Chuyên luận về Giòi,” với sự say mê của nó cho việc tiết lộ những căn bệnh chính cơ bản của đời sống trí thức và công dân Ba Lan, là phong phú về tính gợi ý. Nó là sự tiếp tục của truyền thống lớn đó của văn đã kích xã hội Ba Lan. Wierzbicki không bỏ đờ các bạn đọc của ông; ông buộc tội và làm đảo lộn họ. Một thái độ như vậy về phía một tác giả đáng được trân trọng.

Nhưng trừ phi “Chuyên luận” này được bổ sung bằng một “Chuyên luận về những Thiên thần,” nó sẽ được dùng không như một xô nước lạnh té vào sự nhiệt tình dễ dãi của giới trí thức mà đúng hơn như một lớp (sơn) lót chỉ tốt cho việc động viên tinh thần của những người bất đồng chính kiến. Bởi vì trong nước chúng ta những thiên thần được định sẵn để bị phê phán bởi các nhà báo loại ba những người bị họ khinh bỉ. Và thiên thần mà không bị phê phán, thiên thần mà tin chắc về đặc tính thiên thần của mình, có thể biến hình thành quỷ dữ. Bạn không tin tôi? Hãy đọc một cuốn sách về những người cao quý nhất và dũng cảm nhất ở nước Nga, cuốn sách mà tôi đã mất hàng năm căm ghét nhưng tôi tiếp tục quay lại với nó giống như người nghiện ma túy quay lại với cocaine của mình, cuốn sách là một chiếc gương làm méo trong đó mọi thiên thần thấy mặt mình phản chiếu lại bị biến dạng một cách gớm guộc, một cuốn sách gây bối rối và xuyên thấu đến sự cay độc của sự tàn ác. Hãy đọc *Lũ người Quỷ ám (Бесы)*.

Tôi biết rằng mỗi con giòi, người muốn biện hộ cho “tính giòi” của mình, lấy cuốn sách bìa da của Dostoyevski từ kệ sách, ngồi sâu xuống ghế bành của mình, và đọc to cho người đối thoại của mình các đoạn thích hợp nhất. Nhưng tôi cũng biết rằng trừ phi phe đối lập dân chủ Ba Lan xem xét thấu đáo và hấp thu kinh nghiệm của *Lũ người Quỷ ám*, nó sẽ bị đe dọa bởi những Stavrogin và Verkhovensky theo kiểu Ba lan (à la polonaise) một cách sâu sắc hơn bởi cảnh sát mật với bộ mặt nhẵn và con mắt đá của họ.

Bởi vì một phong trào mà không kính trọng các giá trị bất biến của một xã hội là không đủ trưởng thành để gánh vác việc định hình lại xã hội đó.

NHỮNG TIỂU LUẬN LỊCH SỬ

Những cái Bóng của Tổ tiên bị Quên 1973*

Không dễ để viết về mình. Nhưng văn bản này phải là về tôi bởi vì hàng ram giấy đã được phủ bằng những lời về hấn. Vì tôi đã chưa tiến hành nghiên cứu nền nào, tôi có thể thêm ít vào nghiên cứu được tiến hành với sự siêng năng Benedictine bởi [sử gia] Wladyslaw Pobóg-Malinowski. Tôi cũng không muốn viết một tiểu luận tiểu sử: những người được chuẩn bị tốt hơn sẽ chắc chắn làm điều đó. Như thế ý định của bài này là gì? Nó sẽ là một văn bản về ông ta như ông ta hình dung trong tiểu sử tinh thần của chính tôi, về vì sao con người này là hết sức quan trọng đối với tôi. Tôi không thể khái quát hóa về những kinh nghiệm của thế hệ chúng tôi; tôi không biết làm thế nào, trong trường hợp của những người cùng thời của tôi, những truyền thống gia đình đã xung đột với những gì được bảo ở trường, những câu chuyện được họ hàng và bạn bè họ kể đã tương ứng thế nào với sự tuyên truyền mà họ nhận được ở nơi khác. Đây là vì sao tôi đang viết ở ngôi thứ nhất số ít. Đây sẽ là lời chứng của một cá nhân, có lẽ, thậm chí, một cá nhân không điển hình.

Những cố gắng để chiếm được sự kiểm soát đầu óc con người là một điểm đặc trưng cơ bản của chế độ mà dưới đó tôi sống. Những cố gắng như vậy bắt đầu ở trường phổ thông khi một thế giới tinh thần mà trong đó mọi thứ là sáng sủa, rõ ràng, và “được xác định đến chi tiết cuối cùng” được xây dựng một cách có hệ thống. Nhưng trong chừng mực liên quan đến những người nắm thực quyền, “xác định các thứ đến chi tiết cuối cùng” không giới hạn chỉ ở việc định hình một tầm nhìn về hiện tại. Nó cũng dính đến việc nhào nặn lại quá khứ. Không ngạc nhiên: những người, mà có thể đã thành công trong chế ngự nhận thức về quá khứ, sẽ cũng có khả năng thao tác ý nghĩ về hiện tại và tương lai. Việc này đặc biệt đúng trong một nước nơi lịch sử thường được dùng như một cái cớ cho những tranh cãi về hiện tại. Khám phá ra những sự dối trá về quá khứ thường xuyên cho phép chúng ta nhận ra bản sắc riêng của chính chúng ta. Một

* Tiểu luận này đã được viết dưới bút danh Bartłomiej trong một cuộc thi có tên “Józef Pilsudski trong con mắt của thế hệ trẻ Ba Lan,” được tổ chức năm 1973 bởi Viện Józef Pilsudski ở London. Nó đã được trao giải nhất.

chìa khóa đối với quá khứ có thể mở khóa nhiều huyền thoại đang được tạo ra ngày nay. Đây là cái đã xảy ra với tôi.

Đã không phải là một con đường dễ dàng. Tôi đã sinh ra sau chiến tranh và tôi đã coi thực tế xung quanh tôi là tự nhiên, như một thế giới dựa trên sự thật và công lý. Hẳn là tôi đã không điển hình. Những người khác đã có những kinh nghiệm khác. Trong năm 1945 một phần lớn của giới trí thức Ba Lan đã bị trả về những ngục tối như địa ngục được vận hành bởi ngành an ninh, hoặc đã bị ép buộc đi lưu vong ở trong nước [rút vào ẩn dật] hay ở nước ngoài. Những người khác đã bị buộc phải cộng tác với một kẻ thù mà họ ghê tởm và kinh miệt. Rất ít người đã có khả năng để tin rằng một cơ hội mới được mở ra mà thông qua đó Ba Lan có khả năng trượt trên đường của một nền văn minh mới được đặc trưng bởi sự tiến bộ xã hội, dân chủ, và chủ nghĩa nhân đạo. Những người cộng sản đã ở trong nhóm sau cùng. Bố mẹ tôi đã là những người cộng sản trước chiến tranh. Chính xác hơn, họ đã là những người cộng sản Ba Lan gốc Do thái.

Ở nhà chẳng ai đã quả quyết rằng tôi sống trong thế giới tốt nhất của tất cả những thế giới khả dĩ, nhưng cũng đã chẳng có ai nhớ lại trong sự hiện diện của tôi về tình hình đã tốt thế nào trước chiến tranh. Bởi vì không phải tất cả mọi người đã vui trong những ngày đó. Đã có nhiều người nghèo những người bị làm nhục, bị xúc phạm, và bị ngược đãi liên miên trong Ba Lan độc lập đó. Họ đã trở thành những người cộng sản không phải vì tiền hay vì việc làm chính phủ mà nhằm sống trong phẩm giá. Đây có thể là một lý do vì sao tôi đã chẳng bao giờ để kẻ thù một Ba Lan hậu chiến xấu với một Ba Lan tiền chiến tốt. Và tôi sẽ không làm như vậy hôm nay.

Trong những ngày đó cái nhìn của tôi về Ba Lan trước chiến tranh đã hình thành dưới cái bóng khổng lồ của người đã cai trị nó: Józef Pilsudski, nhà độc tài chịu trách nhiệm về Brzesc và Bereza,¹ tác giả của một hiến pháp phát xít, một kẻ thù của sự tiến bộ.

Tôi đã bắt đầu phê phán thực tế Ba Lan khi tôi biết rằng những tư tưởng chính thống mâu thuẫn với thực tiễn hàng ngày. Tôi mau chóng đi đến kết luận rằng cách mạng đã bị phản bội, những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội đã bị sao lãng, và rằng nền dân chủ chính trị và xã hội đã chỉ tồn tại trên giấy. Nhưng khi tôi nhìn lại thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh, đã chỉ

¹ Bereza đã là một trại tập trung do chính phủ Ba Lan dựng lên năm 1934. Các nhà đối lập chính trị, đặc biệt các nhà dân tộc chủ nghĩa Ukrain và những người cộng sản, đã bị giam giữ ở đó.

cần đổi chiếu nhân cách tráng lệ của Wera Kostrzewa [lãnh tụ cộng sản] với những nhà cai trị âm đạm, vô liêm sỉ, và độc tài của thời tôi.

Tôi đã coi cái gọi là vấn đề dân tộc như đã được giải quyết, và tôi đã không thể hiểu những xúc cảm bùng lên khi cuốn sách của Zbigniew Zaluski được xuất bản. Tôi đã xem tác giả của *Bảy Tội lỗi*². . . như một nhà dân tộc chủ nghĩa (và tôi đã không làm), và tôi đã thường hay thanh minh những xúc cảm tiếp sau như một thành phần cơ bản của tâm tính của một dân tộc bị chinh phục. Đối với tôi Ba Lan của năm 1963 sau công nguyên đã có chủ quyền từ tháng Mười Ba Lan [1956] (và tôi đã sai hoàn toàn và căn bản về điểm này).

Các sự kiện của năm 1968 vì thế đã đến như một cú sốc đối với tôi. Cho đến ngày này chưa ai đã viết một sách chuyên khảo về các sự kiện tháng Ba. Tôi khuyên bất cứ ai viết một cuốn trong tương lai hãy xem xét câu hỏi này: Những truyền thống nào của văn hóa chính trị Ba Lan đã tái sinh lúc đó? Một phân tích báo chí, mà về những khía cạnh nào đó đã hưởng nhiều tự do hơn bất cứ thời kỳ khác nào, có thể đáng rút ra bài học. Rốt cuộc, ngay cả trong hậu quả trực tiếp của bước đột phá tháng Mười 1956, sở kiểm duyệt đã tịch thu những bài báo chống Do thái một cách công khai. Những cuộc khủng hoảng có hệ thống luôn luôn tiết lộ sự hiểu biết xã hội thực. Khủng hoảng 1956 đã tiết lộ những nét phác họa của tư tưởng dân chủ Ba Lan. Cuộc khủng hoảng 1968 đã làm nổi bật những khía cạnh của tư tưởng Ba Lan mà là lạc hậu, ngu đần, sô vanh, và bài ngoại. Wladyslaw Bienkowski đã khéo léo đặt cho nó cái tên “cách mạng ngu dân.”

Tất nhiên người ta có thể tiếp tục cho rằng đã không phải là nhân dân mà chỉ là những người cộng sản khủng khiếp, những kẻ cai trị gớm guốc, những người với nhiều tiếng nói của họ đã la hét, “Chúng tôi muốn máu!” hệt như họ đã làm trong các vụ xử thời Stalinist. Nhưng tôi tin rằng việc bám chặt vào tư tưởng này là hiểu lầm một ảo tưởng đầy hy vọng cho thực tế: Sự khác biệt căn bản giữa năm 1952, chẳng hạn, và năm 1968 là ở chỗ trong năm 1968 cuộc tàn sát phản-trí thức và bài Do thái đã được tiến hành với sự tán thành tích cực của một mảng đáng kể của dân cư. Ở Ba Lan chủ nghĩa cộng sản đã tạo ra văn hóa nhóm của riêng nó, mà thực chất của nó

² Cuốn sách gây tranh cãi của Zbigniew Zaluski lần đầu tiên được xuất bản năm 1963. Nó là một sự bảo vệ thân cộng, nhưng hết sức bảo thủ về các giá trị truyền thống Ba Lan, đặc biệt về tính chính trực của người lính Ba Lan. Cuốn sách đã là một sự báo hiệu của sự thanh trừng chống Do thái và chống trí thức năm 1968.

cốt ở chủ nghĩa dân tộc truyền thống. Nhân tố này đã không thể được khai thác đến giới hạn của nó bởi vì sự hiện diện của ông Anh Cả. Nhưng những lời ám chỉ trong báo chí và những chuyện ngồi lê đôi mách lan rộng đã là đủ để cho phép nhiều người nhất thời xem tên côn đồ đó của một cảnh sát mật như một anh hùng dân tộc, một người yêu nước, và một chiến sĩ vì độc lập. Những người Ba Lan nào đã có thể tin điều này? Đã có ở Ba Lan một truyền thống biện minh cho những sự kết tội này? Có phải các kỹ sư từ Vương quốc Tối tăm và Ngu muội, những người đã tin bản thân họ là những người Ba Lan duy nhất xứng đáng cái tên đó, đã có một truyền thống để xác nhận? Đã có những người khác ở Ba Lan trước họ những người thường đã tham gia vào các cuộc tàn sát người Do thái như một nguồn của sự tự hào dân tộc?

Bất cứ ai, người mà xưa kia đã tin rằng tháng Mười 1956 đã làm cho Ba Lan độc lập, hay người mà đã rút ra những kết luận liêu lĩnh từ những trường hợp Albani hay Rumania (như tôi), đã được bài học sau đó của Tiệp Khắc điều trị khỏi những ảo tưởng như vậy. Vào lúc đó những con bài thật trong ván bài xì chính trị này được tiết lộ. Khi những anh hùng Ba Lan của cuộc săn đuổi phù thủy chống Do thái đã hành quân đứng đầu các đội quân mang “sự giúp đỡ anh em tới những người nông dân và công nhân Tiệp khác, những người đang rên rỉ dưới xiềng xích của chủ nghĩa xét lại Tây Đức,” thì đã trở nên rõ ràng rằng Ba Lan có chủ quyền thực ra bị ông Anh Cả cai trị.

Đáng tiếc, sự châm biếm hoàn toàn không đúng chỗ ở đây. Chỉ những người, mà đã không nói chuyện với những người thuộc các nhóm xã hội khác ở Warsaw ngay sau cuộc can thiệp, mới sẽ thấy mình mỉm cười với nó. Khi tôi kể lại những cuộc trò chuyện như vậy cho bạn bè tôi những người đã ở trong tù tháng Tám 1968,³ họ đã không tin tôi. Nhưng tôi đã không bịa ra nó! Đông người trên đường phố đã nồng nhiệt tán thành sự tham gia của các đội quân Ba Lan trong việc hủy hoại quyền tự do ở nước láng giềng phía nam của chúng ta, vì nạn dịch này đã có thể lan sang Ba Lan. Tôi đã hỏi bản thân mình lần nữa: Đã từng có bất cứ ai trong lịch sử trước đây của nước chúng ta, người đã sẵn sàng liên minh với nhà nước Nga nhằm dập tắt một bệnh dịch cách mạng? Ai đã kêu gọi sự hợp tác với chủ nghĩa yêu nước sen đầm (gendarme) châu Âu?

³ Adam Michnik đã ở trong tù tháng Tám đó (xem tiểu luận Mùa xuân Prague Mười Năm nhìn lại). đoạn này đã muốn để làm cho cảnh sát lạc lối.

Tìm kiếm sự tương tự là một điểm yếu của đầu óc con người. Trong cuộc độ sức với thực tế toàn trị chúng ta bơ vơ, bất lực; chúng ta tìm những tình huống mà có thể cho chúng ta thấy những người khác ứng xử ra sao khi đối mặt với những thế lưỡng nan giống như của chúng ta. Chính khi đó, trong năm 1968 tôi đã tình cờ đọc một tường thuật về một cuộc gặp giữa Dmowski và Witte trong năm 1905, và ngay lập tức từ bên kia những cái bóng đã nổi lên, những bộ mặt của những nhân vật đã tham gia vào những sự kiện đặc biệt đó, những người mà do định mệnh để trải nghiệm trong một đời người duy nhất sự tuyệt vọng hoàn toàn và sau đó để chứng kiến lá cờ đỏ-và-trắng được kéo lên đỉnh Lâu đài Hoàng gia ở Warsaw. Nền độc lập dân tộc đã mang lại với nó một triển vọng mới về hướng chính trị đã lấy được trong hơn hai mươi năm trước. Ta có thể thấy rõ ràng hơn những hành động nào đã mang lại sự độc lập đó gần hơn và những hành động nào đã đẩy nó ra xa hơn. Thực chất của cuộc tranh luận về hình thức của sự độc lập này cũng trở nên sáng rõ hơn.

Như thế cái gì là cái đã thu hút sự chú ý của tôi trong cuộc trò chuyện Dmowski-Witte đó? Chính là tuyên bố của chính trị gia Ba Lan (Dmowski) với thủ tướng Nga (Sergei Witte) rằng các phong trào cách mạng ở Ba Lan đã là tác phẩm của những người Do thái đến từ Nga và rằng cách duy nhất để chữa trị tình hình này là chuyển giao chính phủ Warsaw lại cho những người Ba Lan, bản thân những người đó sẽ chấm dứt hoạt động của các đội quân chiến đấu xã hội. Người đàn ông đứng đầu các đội quân này, Józef Pilsudski, đã là đối tượng lăng mạ và khinh miệt của các nhà báo Dân chủ Dân tộc. Ông đã được cho là công cụ trong tay của những kẻ kích động Nga-Do Thái mà không có họ thì đã chẳng bao giờ xảy ra đối với những người Ba Lan để chiến đấu vì độc lập và cải cách xã hội.

Pilsudski đã nổi lên từ bóng tối mà đã bao trùm Vương quốc Ba Lan tiếp sau sự thất bại của Khởi nghĩa tháng Giêng [1863]. Đã có vẻ quan trọng đối với tôi để phân tích bóng tối đó, để xem xét nó kỹ lưỡng nhằm để biết người dân đã nghĩ và hành động thế nào trong những ngày đó.

Những chiến thuật được áp dụng thường xuyên nhất đã là chiến thuật im lặng và di cư nội địa. Sự lựa chọn này đã có thể hiểu được và có logic ngay tiếp sau sự thất bại; nhưng muộn hơn nó đã trở thành nước đôi. Bảo tồn ngôn ngữ dân tộc, những tập quán, và các truyền thống trong tình trạng cô đơn của gia đình mình, bảo vệ văn hóa dân tộc bên trong bốn bức tường của nhà mình và trong những cuộc gặp gỡ thi thoảng với hàng xóm và anh em, tất cả việc này đã tạo ra kiểu nào đó của chủ nghĩa yêu nước và một loại người yêu nước lạ kỳ. Người yêu nước này đã chứng tỏ di sản Ba Lan

của mình bằng cách ăn món xúp borscht truyền thống và hát những bài hát mừng vào lúc khi những người khác đã chuẩn bị những âm mưu rồi. Ông ta đã không bày mưu. Đối với ông ta những âm mưu đã là tác phẩm của những người Nga và của những kẻ mị dân liều lĩnh, những người sẽ đặt dân tộc họ trước những cuộc tàn sát áp bức mới.

Việc bảo tồn “bản chất dân tộc” bằng cách quy gán nó về ngôn ngữ và tập quán đã làm cho người dân quên những lý do của những xung đột giữa những người Ba Lan và nước Nga sa hoàng. Các trường Nga đã nhắm vào việc Nga hóa tinh thần, làm hư hỏng đầu óc, dạy người dân sống trong dối trá và nô lệ. Những người bảo vệ “bản chất dân tộc” đã bảo tồn chỉ hình thức của tính Ba Lan và từ bỏ nội dung không thể thiếu được của nó. Chúng ta có thể nói ngày nay rằng chúng là dân tộc về hình thức và Nga về nội dung.

“Những người Nga” điều này nghe có vẻ không lịch thiệp đến thế nào hôm nay, khi là người chống-Nga là một mặt nạ cho những thái độ bảo thủ và cho chủ nghĩa tuân thủ thông thường. Trong những ngày đó tình cảm chống-Nga đã cho phép các nhà Dân chủ Dân tộc kêu gọi các sinh viên Ba Lan tẩy chay các cuộc biểu tình tự do do các học giả Nga điều hành. Ngày nay, chủ nghĩa bài Nga để cho người dân đồng ý cho những kẻ viết văn thuê Ba Lan lăng mạ Solzhenitsyn (“kẻ sùng Slav [Slavophile] phản động”). Rất cuộc, ông ta là một người Nga!

Một lần tôi đã nghe một người bảo vệ “bản chất dân tộc” hiện thời nói: “Hãy đề phòng Solzhenitsyn!” Ai đó đã trả lời: “Tôi sợ Brezhnev hơn, mặc dù ông ta có thể không là người sùng Slav.” Người thứ hai đã đúng. Chủ nghĩa sô vanh Ba Lan, thậm chí chủ nghĩa bài Nga (chỉ là một hình thức của tính bài ngoại), có thể dẫn đến thân phận nô lệ. Mieczyslaw Moczar và Boleslaw Piasecki⁴ là một biểu hiện lâm sàng, thuần khiết của thái độ này.

Pilsudski đã có chống-Nga?

Có, Pilsudski đã là người chống-Nga. Nhưng sự nổi loạn của ông đã không chỉ là một cuộc nổi dậy chống lại nước Nga. Nó đã là một cuộc nổi dậy chống lại một phần lớn của xã hội Ba Lan. Nó đã là một cuộc nổi dậy chống lại chủ nghĩa tuân thủ, sự lười biếng trí tuệ và đạo đức, chống lại sự lạc hậu của đồng bào ông. Pilsudski đã hiểu hoàn toàn rằng sự thất bại của

⁴ Boleslaw Piasecki (1914-1979) đã là một lãnh tụ của ONR-Falanga phát xít trước Chiến tranh Thế giới II. Sau chiến tranh ông đã được phép để thành lập PAX, một tổ chức Công giáo không chuyên, mà đã làm công cụ để phá hoại Giáo hội Công giáo.

Nga sẽ hầu như không khôi phục chủ quyền quốc gia; bản thân những người Ba Lan phải muốn chủ quyền này. Đảng Xã hội (chủ nghĩa) Ba Lan [PPS], mà ông lãnh đạo, đã tìm cách huấn luyện những người Ba Lan về tinh thần độc lập. Việc này đã được làm thế nào? Bằng báo. Bằng những tờ tự do, độc lập, được in ra mà không bị kiểm duyệt. Một xã hội bị giam cầm phải tạo ra một nền văn học bất hợp pháp bởi vì nó phải biết sự thật về chính nó, phải thấy một bức tranh không giả mạo về chính nó, phải nghe tiếng nói riêng đích thực của nó. Sự tồn tại của văn học bất hợp pháp là một điều kiện tiên quyết cho cuộc đấu tranh chống lại sự giam cầm tinh thần.

Với tư cách biên tập viên của tờ báo bất hợp pháp *Robotnik*, Pilsudski đã nhận ra điều này hoàn toàn rõ. Trong truyện hay của ông về các xuất bản phẩm bất hợp pháp, nơi ông đã vạch ra diện mạo của samizdat (sự xuất bản ngầm) thời ông, ông đã nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc đấu tranh vì đầu óc con người, vì những cảm xúc đích thực, vì sự thật. Câu chuyện đã bao gồm không chỉ những sự phiêu lưu của những nhà thầu cung ứng từ ngữ tự do mà cả những chỉ dẫn nữa: Phải làm cái gì và làm thế nào? Các pamphlet (sách nhỏ) có thể được in ra sao ở Ba Lan? Làm thế nào có thể đưa lậu những cuốn sách từ nước ngoài vào? Pilsudski đã chẳng bao giờ chấp nhận lập trường ngớ ngẩn của những người sống lưu vong những người tự đặt mình ra ngoài cộng đồng Ba Lan. Bản thân ông đã lưu vong trong một thời gian, và ông đã biết rằng đối với một dân tộc bị chinh phục sự lưu vong là một vật báu vô giá, một con mắt và một cái tai trên thế giới, một cái mồm mà có thể nói tự do và hít thở không khí trong lành, hấp thu nó vào trong thân thể của quốc gia.

Còn về chúng ta thì sao? Chúng ta có thể nhớ vụ xử “những người leo núi” [trong năm 1970]. Họ đã bị kết tội đưa lậu vào Ba Lan [qua dãy núi Tatra] những sách được xuất bản ở nước ngoài, được viết bởi Witold Gombrowicz, Kazimierz Wierzyński, Gustaw Herling-Grudziński, và những người khác. Họ đã nhận những bản án tù. Nhưng đã không phải các bản án của họ, dầu hà khắc, là cái đã làm tôi sốc. Cái làm tôi sốc đã là những phản ứng của một số kẻ vô liêm sỉ ngồi quanh trong các quán café Warsaw. “Đây là cái mà tất cả những trò âm mưu này dẫn đến,” những trí thức lấm bầm, những người đã bán rao các bài báo của họ cho các tuần báo đáng hổ thẹn và đã luôn luôn lên án việc hợp tác với các tuần báo lưu vong. Vì sao? Bởi vì sự di cư là cánh quá hữu (hoặc quá tả), quá cấp tiến (hoặc quá không-cấp tiến), nhưng thực sự chỉ bởi vì sự sợ hãi và sự khuất phục bên trong đã buộc họ bịt chính miệng họ và từ chối nghĩa vụ nghề nghiệp cơ bản của chính họ, nghĩa vụ nói sự thật.

Bài báo “Vấn đề Ba Lan” của Leszek Kolakowski đã làm cho tôi nghĩ về Pilsudski. Ai đã có thể hiểu kỹ hơn Pilsudski rằng một dân tộc không có khả năng và không muốn đấu tranh vì quyền tự do của nó thì không xứng đáng có quyền tự do. Nột dân tộc như vậy quên cuộc sống tự do.

Một dân tộc sống trong sự giam cầm không thể được tạo thành chỉ bởi những người âm mưu quả cảm. Nó cũng phải có “những người hữu cơ” của nó, những người xây dựng các nhà máy và những chiếc cầu, các giáo viên, các bác sĩ, thậm chí các nhà hành chính những người sẽ đưa ra những nhượng bộ đối với những kẻ cai trị nước ngoài. Nhưng đau khổ cho dân tộc mà gọi những người âm mưu của nó là thanh niên mất cân bằng hay những kẻ mị dân không có đặc trưng dân tộc, mà thấy sự cảm hứng nước ngoài hay tiền của một người lạ ở đằng sau những người con ưu tú nhất của nó và mà từ bỏ cuộc đấu tranh vì trái tim và khối óc của những người tuân thủ phải chăng, xuất sắc những người đồng nhất lợi ích Ba Lan với lợi ích của chính họ. Đau khổ cho dân tộc đó, vì một dân tộc như vậy phải tan rã.

Cái thực tế là hiếm khi tốt; suy nghĩ “thực tế” trong chính trị thường thiếu những thực tế cần thiết.

Tôi không biết nếu tôi có thể thực sự hiểu những thế lưỡng nan mà những người đó đối mặt, nhưng tôi có thể đồng cảm với sự tức giận của Pilsudski khi ông thấy tính đê tiện được đổi tên thành “chủ nghĩa hiện thực.” Ai rốt cục là người thực tế? Đã là Roman Dmowski, người đã chọn hợp tác với nước Nga sa hoàng? Người logic nhất này trong các nhà tư tưởng chính trị Ba Lan, một người chơi tài tình và một nhà thực tế điềm tĩnh, đã không tuân theo và hiểu động học của các quá trình xã hội ở đế chế Nga.

Chấp nhận “một cách thực tế: sự hiện diện vô hạn của các đại tá Nga ở Warsaw, ông đã tập trung vào giáo dục công chúng theo tư tưởng của ông về “người Ba Lan hiện đại.” “Người Ba Lan hiện đại” đã phải tuân theo toàn quyền Nga, đập vỡ cửa sổ của các cửa hiệu của người Do thái, và chờ đợi sự thay đổi về cân bằng quyền lực quốc tế. Tất cả những lãnh thổ Ba Lan khi đó đã có thể thống nhất dưới sa hoàng Nga. Không chỉ Warsaw mà cả Poznan và Cracow khi đó sẽ nằm bên trong tầm với của roi da Cozak. Dmowski đã nghĩ “người Ba Lan hiện đại” phải mở ra một cuộc thảo luận về những nguyên tắc với những người cấp tiến đủ loại những người, theo quan điểm của ông, đã hầu hết là những người Do thái. Và trong năm 1905 ông đã mở ra một cuộc thảo luận như vậy, với sự giúp đỡ của các đội chiến đấu Dân chủ Dân tộc, được trang bị bằng những khớp

ngón tay sắt và súng, những người đã giúp binh lính Nga tiêu diệt bệnh dịch cách mạng. Pilsudski đã không là người hiện đại như thế. Ông đã lên án xu hướng của những xúc cảm dân tộc chủ nghĩa biến thành chủ nghĩa bài Do thái mà kết quả của nó đã là thân-Nga, bởi vì ông đã thấy một cách đúng đắn trong việc này một sự bất chước phong trào Trăm Đen (Чёрная сотня) Nga. Ông đã coi sự thay thế cuộc chiến đấu chống lại chế độ sa hoàng bằng sự cướp bóc các cửa hàng Do thái là đáng xấu hổ và ngu dân; ông đã gọi sự hợp tác với cảnh sát để đập tan các cuộc đình công của công nhân bằng tên thích hợp của nó: sự phản bội.

Chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa hiện thực . . . Liệu đã có một Ba Lan mà không có những người lãng mạn xã hội đó những người đã giơ tay lên chống lại kẻ khổng lồ (mà muộn hơn hóa ra là có chân bằng đất sét)? Liệu những người Ba Lan đã giành được độc lập giả như nó đã không phải cho những người mà đã liên tục nói về sự cần thiết của sự độc lập? Liệu giá treo cổ mà trên đó Montwill-Mirecki, một đồng chí của Pilsudski trong đội quân chiến đấu xã hội, đã bỏ mình, lại không trở thành một thách thức đối với các nhà hoạt động mới? Một dân tộc có thể tồn tại mà không có những cái không thể lường được?

Một dân tộc mà sống không có những điều cốt yếu, mà bỏ việc bảo vệ những thứ đôi khi khó nắm bắt và không thể định rõ, do đó từ bỏ văn hóa riêng của nó, đang lụi về mức của một bộ lạc. Chủ nghĩa hiện thực và sự sẵn sàng để đưa ra những nhượng bộ có thể là những đức hạnh trong một chính trị gia, nhưng chúng là những đức hạnh phải được theo dõi sát sao. Chúng là những đức hạnh của Wallenrodism giả bộ làm ai đó mà không phải thế, che mặt nạ bộ mặt thực của mình và các mục tiêu thực của mình. Thường xảy ra, đặc biệt bây giờ, rằng mặt nạ trên mặt một người trở thành mặt anh ta. Công cụ thường để thực hiện các giá trị trở thành một giá trị trong và vì bản thân nó. Chủ nghĩa hiện thực như vậy sinh quả trong hình thức của những Boleslaw Piasecki những người đã che giấu tính đê hèn của họ dưới cái lốt của truyền thống yêu nước. “Wallenrodism trở thành sự thoái hóa,” [nhà văn] Stanislaw Witkiewicz đã kết luận trong năm 1904. Pilsudski cũng đã biết điều này khi ông khôi phục truyền thống kháng cự và kêu gọi kháng cự. Ông đã giải thích nó cho Grabiec-Dabrowski: “Mỗi thế hệ phải được nhắc nhở bằng máu của chính mình rằng Ba Lan sống và sẽ không cam chịu tình trạng bị giam cầm.”

Đối với tai của chúng ta điều này nghe có vẻ như một thông điệp từ thế giới bên kia. Sau khi đã cho ăn thịt của “chủ nghĩa hiện thực,” chúng ta có thể nhận ra “các Wallenrod” của chính chúng ta, những người sau năm 1956 đã tách mình thành hai nửa. Họ đã tham gia bộ máy quyền lực, mau

chóng quên cái gì đã thúc đẩy họ để cắm vào thực tế, và nhanh chóng học để coi phần của họ trong quyền lực như một giá trị độc lập và tối cao.

Pilsudski đã cố gắng để giải thích nghĩa vụ chung của họ đối với dân tộc. Nhưng đây đã không là những động cơ duy nhất cho ứng xử của ông. Trong một bức thư gửi Feliks Perl ngay trước sự kiện Bezdany,⁵ ông đã viết:

Tôi đang chiến đấu và tôi sẽ chết chỉ bởi vì tôi không có khả năng sống trong cái nhà xí ngoài này, tức là đời chúng ta, vì nó làm nhục tôi. Anh có nghe tôi không! nó làm nhục tôi, như bất cứ người đàn ông nào người có nhân phẩm và không là một nô lệ. Hãy để những người khác đóng vai những người làm vườn, chăm sóc hoa hay chủ nghĩa xã hội hay tính Ba Lan hoặc bất cứ thứ gì khác trong bầu không khí của một nhà ngoài (không thậm chí của một nhà xí). Tôi không thể làm! Đây không phải là tính đa cảm mềm yếu; nó đơn giản là tính nhân văn. Tôi muốn thắng. Nhưng không có một cuộc chiến đấu, một cuộc chiến đấu dữ dội, tôi thậm chí sẽ không là một đồ vật mà chỉ là một con thú bị đánh bằng gậy và roi da.

Bức thư này đã được tạp chí *Kultura* ở Paris in lại năm 1968. Ngày tháng đã không phải là ngẫu nhiên. Chưa bao giờ trước đây thế hệ tôi đã phải hít thở bầu không khí ô ứ đó mà bây giờ trào ra không ngớt, hàng ngày, trong một luồng rộng từ các cột báo. Lời nói của Pilsudski sáu mươi năm trước đã là sự cứu rỗi cho tôi. Ai đó cuối cùng đã khôi phục lại tầm vóc đúng cho sự việc. Những vấn đề tôi đã không thể hiểu, mà đã không thể được giải thích bằng từ ngữ truyền thống, bây giờ có ý nghĩa: một nhà xí ngoài là một nhà xí ngoài và điều này không cần sự giải thích nào.

Quan trọng ngang nhau điều này không đơn giản là một triển vọng quốc gia mà cũng là một triển vọng rất con người. Nó không phải là sự quan tâm yêu nước và chính trị mà là sự quan tâm của chính tôi, lợi ích của chính tôi mà truyền cảm hứng cho tôi để đấu tranh. Việc này sẽ cứu tôi khỏi chìm vào đám đông vô danh, dị dạng của những người sa đọa, bị giam cầm, và dễ bảo.

Có cái gì đó gây lo sợ sâu sắc trong tính đại chúng cũng như tính thời sự của vở kịch *Đám cưới* [1901] của Stanislaw Wyspianski. Tính thời sự của nó nằm không ở những lời ám chỉ rõ tiền của nó (“Người Trung Quốc sắp mạnh”) mà trong những vấn đề nó nêu ra. Nó là lời chứng về tính lạc lõng của giới trí thức Ba Lan, về sự chia rẽ sâu sắc giữa giới trí thức và nhân dân.

⁵ Józef Pilsudski đã kiếm vốn cho các hoạt động âm mưu bằng các phương pháp khác nhau, kể cả cướp tàu hỏa (vào tháng Tư năm 1908 tại Bezdany, gần Wilno).

Phim của Andrzej Wajda phỏng theo *Đám cưới*, được giới thiệu không lâu sau tháng Mười Hai 1970 khi tháng Ba 1968 vẫn đã là ký ức sống động, đã làm sống lại thế lưỡng nan chủ yếu này của lịch sử Ba Lan và của thực tế Ba Lan. Pilsudski đã thử khắc phục sự chia rẽ này bằng hành động. Ông đã đánh giá giới trí thức Ba Lan bằng những từ ngữ rất nghiêm ngặt: “Họ giống những phụ nữ trẻ cuồng loạn những người không thể mang kính trợ thị giác bị xước nhưng kiên nhẫn chịu đựng với những bộ mặt bị vạ của họ.” Ông đã viết về một “xã hội mà đã trở nên ấu trĩ trong tính hèn nhát của nó, mà không có khả năng chiến đấu nhân danh chính nó, mà bỏ chạy khỏi roi da quất vào mặt nó.” Ông đã giới thiệu ứng xử nào cho giới trí thức? Trí thức phải dùng đi đến các tiệm café và bắt đầu xuất bản các *brochure* (sách mỏng) bất hợp pháp và biên tập các báo bất hợp pháp. Anh ta phải giảng những bài giảng bất hợp pháp tại các đại học bất hợp pháp. Thông qua việc này anh ta có thể khắc phục sự tự cô lập của mình để trở thành một người xây dựng và một bộ óc của phong trào công nhân. Anh ta phải là trợ giáo của xã hội.

Pilsudski đã muốn giáo dục xã hội theo hướng nào? Ông đã đề xuất làm việc đó thế nào? Nó đã phải là “một sự giáo dục cho nền độc lập dân tộc.” Nếu những người Ba Lan bị mất danh dự và suy đồi, ông đã tin, họ sẽ không muốn cũng chẳng có khả năng để đấu tranh vì chủ quyền. Như thế cần đề giáo dục quốc gia, để truyền bá các chương trình thay đổi xã hội. Phải có một chương trình cho cuộc đấu tranh chống lại Nga, một cuộc đấu tranh hài hòa với các quốc gia mà đã bị Nga chinh phục. Phải có một chương trình cho một Ba Lan tương lai.

Pilsudski đã giáo dục bằng các báo, sách, và trên hết bằng hành động. Sự bằng lòng với tình trạng nô lệ, ông bảo chúng ta, không bao giờ được cho phép. Chúng ta không được phép yên lặng khi các giá trị cơ bản của chúng ta bị vi phạm. Đi từ bỏ những thứ không thể đo lường được đó là đi từ bỏ bản sắc văn hóa, đi đồng ý với sự hủy diệt văn hóa.

Không ai bị Pilsudski tố giác kịch liệt hơn những chính trị gia thỏa hiệp những người đã hoan nghênh Sa hoàng Nicholas II đến Warsaw. Trong lời kêu gọi được phát tán nhân dịp đó bởi Ủy ban Công nhân Trung ương của đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan, đồng chí “Wiktor” (bí danh của Pilsudski) đã viết:

Đây là lần đầu tiên mà sa hoàng được đón bởi một Warsaw không phải là một kẻ phiến loạn lác xiềng xích của nó một cách đầy hăm dọa mà là một nô lệ dễ bảo nằm ngoan ngoãn dưới chân ông chủ.

Hoặc chỉ ít đây là những gì được tiên đoán bởi những người mà đã mất những cái còn lại của phẩm giá con người và hy vọng đổi sự nhục nhã lấy những đồng

rúp, các huân chương, và những việc làm. Bằng vũ lực họ muốn làm cho tất cả mọi người bị át đi trong những tiếng la kỳ niệm rên rỉ đến từ bên dưới đất thấm đẫm máu của những anh hùng; và với quần áo lễ hội [họ muốn] làm cho bộ mặt u ám của đao phủ tươi tắn lên. . . . Nhưng tính đê tiện này sẽ không đụng đến chúng ta; nó sẽ vẫn là hành động của những người mà đã luôn luôn tìm kiếm sự ủng hộ của các nhà chức trách cho những hành động ích kỷ của họ. Họ không muốn Ba Lan được tự do, bởi vì cho những hành động mờ ám của mình họ cần đến bóng tối mà sự giam cầm tạo ra. Họ biến của cải giành được bằng máu và mồ hôi của chúng ta thành hương cho ma quỷ của họ; và để đáp lại sự hoan nghênh hoan hỷ mà họ đã chuẩn bị cho sa hoàng, họ được đảm bảo những lợi lộc và phần thưởng mới, như sự tiếp tục của sự cai trị chúng ta với sự giúp đỡ của cảnh sát, sen đầm (gendarme), và quân đội. Lại lần nữa, với sự hy sinh của những người lao động, các giai cấp hữu sản tham gia vào một thỏa thuận với kẻ xâm chiếm. . . . Chúng ta phải là nhân chứng câm cho những cuộc tuần hành hoan nghênh và hèn hạ này bởi những người mà sẽ xúm lại quanh sa hoàng để cho ông thấy họ trung thành đến thế nào. Khi chúng ta theo dõi cuộc trưng bày tính đê tiện này trong mọi màu sắc và sự chuyển màu của nó, việc tốt nhất chúng ta có thể làm là tự hào trưng ra lá cờ đỏ của chúng ta mà đã không bị dính bụi bẩn của sự hòa giải.

Sự thật về “bụi bẩn của sự hòa giải,” được diễn đạt sau cùng, đã có một tác động tẩy rửa. Dân tộc bị xâm chiếm và bị giam giữ đã lấy lại được tiếng nói thực và phẩm giá của nó.

Pilsudski đã là người thừa kế truyền thống lãng mạn. Ông đã lớn lên với thi ca của các nhà thơ lớn của dân tộc, và ông đã yêu các tác phẩm của Adam Mickiewicz và Juliusz Slowacki. Vì lý do này thái độ của ông về kế hoạch xây dựng tượng Mickiewicz ở Warsaw đã đặc biệt lý thú. Hoạt động này đã được khởi xướng bởi một nhóm các chính trị gia hòa giải.

Đồng chí “Wiktor” đã bày tỏ rõ ràng quan điểm của ông:

Một việc kỳ quặc đã xảy ra. Ở đây, trong một nước nơi sự giam cầm và áp bức ghê tởm nhất đã trở nên phổ biến, một bức tượng được xây dựng về một người mà đã dùng từ ngữ, lời ca, và hành động để làm vỡ tung xiềng xích trói trói tổ quốc. Trong một thành phố nơi trẻ em bị phạt vì nói tiếng Ba Lan, nhà thơ Ba Lan vĩ đại nhất được vinh danh bởi tụi quan chức! Phải chăng sợi dây trói chúng ta đã rớt xuống? Không! Chúng ta có được hiện tượng kỳ quặc này nhờ trò tung hứng chính trị của những lái buôn chủ nghĩa yêu nước. Đối với chính phủ nó là . . . một sự kỳ niệm yên bình bởi vì nó hòa giải chủ nghĩa yêu nước Ba Lan với sự giam cầm Muscovite (của người Moskva).

Mẫu này của một tờ truyền đơn bất hợp pháp xứng đáng sự chú ý lý lưỡng. Pilsudski đã nhận ra cách mà theo đó cái bóng đồ sộ của nhà thơ vĩ đại đã có thể được dùng để che đậy những hành động bẩn thỉu của những người hòa giải. Chúng ta phải nhớ nó ngày nay: lá cờ trắng-và-đỏ tía, con đại bàng trắng đội vương miện, Lâu đài Hoàng gia ở thành Warsa có thể được

dùng như các công cụ của sự Soviet hóa và sự tước bỏ quốc tịch. Chúng có thể được dùng để hợp pháp hóa mục đích của cuộc đấu tranh vì tự do. Chúng có thể được dùng như một miếng gạch để bịt miệng những người nghĩ theo cách khác.

Các nhà xã hội thường bị lên án là những người nước ngoài trong quốc gia: là “các hạt giống Nga,” “các công cụ Do thái,” “những đầy tớ của những kẻ thù Đức của những người Ba Lan,” và vân vân. Pilsudski đã bác bỏ những lời buộc tội này với sự khinh miệt. Ông đã nghĩ rằng đi tranh cãi với những ý tưởng như vậy, mà đã là Dân chủ Dân tộc tận đáy lòng, là vô nghĩa và làm mất phẩm giá. Và điều này cũng phải được nhớ ngày nay: Khi họ lăng mạ các bạn, đối xử ác với các bạn, kết tội các bạn là những kẻ phản quốc, hãy theo dõi kỹ những hành động của những kẻ yêu nước đó được trang bị bằng một roi da.

Pilsudski đã không là một nhà dân tộc chủ nghĩa. Ông đã không nghĩ hoặc là thích hợp hay là lành mạnh để tổ chức một ý thức dân tộc xung quanh sự căm ghét các dân tộc khác. Ông đã được định hình bởi bầu không khí đặc biệt của tỉnh Vilna, tổ quốc chung của những người từ các dân tộc, văn hóa, và tôn giáo khác nhau, một sự pha trộn đa ngôn ngữ nơi những người Lithuan sống cạnh những người Byeloruss, người Do Thái cạnh người Tartar, và người Ba Lan cạnh người Karaites. Sự quen thuộc với những tập quán khác và sự căm ghét tính bài ngoại đã là phổ biến hơn nhiều giữa những người trong các vùng đó (như giữa dân cư của vùng biên giới phía đông) so với ở trung phần Ba Lan. Pilsudski đã xem Ba Lan như tổ quốc của nhiều dân tộc, một khối cộng đồng của nhiều văn hóa; ông đã muốn nó là một nhà nước mà trong đó không chỉ những người Ba Lan mà cả những người Lithuan, Ukrain, và Do thái có thể sống trong sự đoàn kết. (Antoni Golubiew đã viết một tiểu luận hay có nhan đề “Nhân dân Địa phương” về chủ đề này trong tạp chí *Znak*, nhưng đã trôi qua phần lớn không ai để ý.) Pilsudski, “nhà xã hội từ [làng] Zulow” này, đã đối chiếu để tương phản ý tưởng về một đế chế Nga với khái niệm về một khối cộng đồng các dân tộc. Ông đã muốn nước Nga, “nhà tù của các dân tộc” và “sen đầm của châu Âu” (đây đã là những từ của Lenin), bị xé nát bởi các phong trào cách mạng chủ trương đòi lại đất của các dân tộc bị chinh phục. Một giải pháp thay thế khả dĩ khác cho những vấn đề chính trị ở phần này của châu Âu là một liên bang Ba Lan-Lithuan-Ukrain. Nếu muốn hấp dẫn cả những người không phải người Ba Lan, thì một nhà nước như vậy sẽ

không có chỗ cho sự phân biệt đối xử dân tộc hay tôn giáo, cho ghetto ghề
ngòi*, các cuộc tàn sát chống Do thái, hay bình định chống người Ukrain.

Pilsudski muộn hơn đã bỏ những ý tưởng của mình về một liên bang
chủ yếu bởi vì sự tuyên truyền Dân chủ Dân tộc sô vanh. Ngày nay, chúng
ta hầu như không liên kết những mối quan hệ thanh bình điển hình giữa
những người Ba Lan và Ukrain hay những người Ba Lan và Do thái với
thời kỳ của Đế nhị Cộng hòa. Tiếp sau Chiến tranh Thế giới II, Ba Lan đã
trở thành một nước đồng đều về mặt dân tộc, nơi những người nói những
tiếng khác tạo thành một thiểu số rất nhỏ. Như thế những giấc mơ của
đồng chí “Wiktor” còn để lại cho chúng ta những gì?

Tôi không tin tất cả chúng đã mất. Điều quan trọng không đơn giản
là các kiến nghị cho các giải pháp đối với các vấn đề xã hội thực mà cũng
là cách tư duy về xã hội nói chung. Phương thức tư duy Dân chủ Dân tộc
được chấp nhận bởi những người cộng sản cầm quyền bắt phải tự hào về
tính đồng đều dân tộc. Một người bạn của tôi đã gọi cách này là sự thay
thế một cánh đồng trăm loại hoa đua sắc khác nhau bằng một đồng cát đều
đặn mà trong đó mỗi hạt cát trông giống hạt khác. Đức hạnh của các
hạt cát này là sự nuôi dưỡng tính đồng đều, sự thù oán đối với bất cứ thứ
gì khác hay lạ, và một tính nhạy cảm với những phương thức tư duy Dân
chủ Dân tộc. Không đúng rằng chủ nghĩa bài Do thái Dân chủ Dân tộc đã
chỉ là một phản ứng cho vấn đề Do thái mặt khác không thể giải quyết
được. Chủ nghĩa bài Do thái đã là cách mà theo đó thế giới được hiểu bởi
những hạt cát này, một cách mà [trong năm 1968] đã cho phép những tình
cảm bài Do thái phát triển ồ ạt trong một nước hầu như không có những
người Do thái.

Hệ thống tư tưởng của Pilsudski đã rất chặt chẽ, kín, những mầm
bệnh mị dân sô vanh không thể thâm vào được. Ngày nay, khi ngay cả
chính phủ ngu đần và lạc hậu nhất có thể tùy ý đùa bỡn với những xúc cảm
thù địch đối với những người láng giềng (những người Ukrain, Czech,
Nga, Đức); khi những chiến dịch báo chí gần có thể gợi lại những sự giận
dữ, làm u mê những năng lực tinh thần với tính bài ngoại, hoặc tha hóa
người dân với sự thù hận những người là khác, thì chúng ta phải nhớ đến
điều không tưởng của con người cao quý đó từ tỉnh Vilna người đã đối mặt
sự vu cáo và vu khống của các kẻ thù “gốc ở” Ba Lan của ông vì dám có
những ước mơ như vậy. Ở Ba Lan nói về vấn đề bài Do thái là một trong
những việc làm khó nhất và rủi ro nhất. Việc này xuất phát từ chuỗi nhân

* bench ghetto là quy định phân biệt đối xử (bắt ngồi các ghế khác nhau) tại trường học
Ba Lan từ 1935 cho đến đầu Chiến tranh Thế giới II.

quả phức tạp, mà Wladyslaw Bienkowski đã đưa ra một phân tích lý thú trong cuốn sách của ông, cuốn những *Động cơ và những chiếc Phanh của Chủ nghĩa Xã hội*. Phân tích của Bienkowski đặc biệt lý thú bởi vì, mặc dù dứt khoát lên án những thực hành phân biệt chủng tộc, ông đã có khả năng để hiểu vấn đề trong tính phức tạp của nó. Điều này không xảy ra thường xuyên ở Ba Lan. Vào khoảng cuối Đệ nhị Cộng hòa, tiếp sau sự phân cực tốt độ của công luận về vấn đề “ghetto ghế ngồi,”⁶ một tình huống đã xuất hiện mà trong đó mọi người phê phán cộng đồng Do thái hay các đại diện của nó, hoặc thậm chí những người Ba Lan gốc Do thái, đã đều dễ bị gọi là người bài Do thái. Hiện tượng này đã tái diễn mạnh mẽ hơn sau 1968. Nhà thơ Arnold Slucki, người đã chết khi lưu vong, đã giải thích quyết định của mình để rời Ba Lan vì ông không muốn sống trong một xã hội được tạo thành chỉ duy nhất từ những người thân Do thái và bài Do thái.

Pilsudski đã không là một người thân Do thái. Trong những bài báo của mình ông đã thường xuyên phê phán hoạt động chính trị thân Nga của Bund, đảng xã hội Do thái. Bund, mà đã tích cực giữa những người vô sản Do thái, đã truyền bá văn học Nga và như thế cả văn hóa Nga. Đã chẳng có gì sai trong việc này, trừ rằng sự định nhướng đã trùng với các chính sách Nga hóa của kẻ xâm chiếm, và trong hoàn cảnh như vậy đã khuyến khích các nhóm lớn của dân cư hướng theo nước Nga. Pilsudski đã đánh giá một cách phê phán thái độ thờ ơ hoặc tiêu cực của Bund đối với những khát vọng Ba Lan cho độc lập. Sự phê phán của ông đã chẳng liên quan gì đến chủ nghĩa bài Do thái bởi vì nó đã chẳng bao giờ dẫn đến việc kích động hận thù dân tộc. Pilsudski đã chẳng bao giờ xem những người Do thái như những người xâm nhập trong mảnh đất này mà họ đã sống hàng trăm năm. Ông đã chẳng bao giờ sử dụng các tiêu chuẩn Aryan trong sự lựa chọn bạn bè và cộng sự của ông.

Khi lời nói khoa trương thay thế sự suy ngẫm, và đầy rẫy những sự lên án chủ nghĩa bài Do thái (ngay cả Antoni Slonimski đã không được miễn sự buộc tội này), người ta phải nhớ rằng lẽ thường không cùng như thân Do thái. Những tuyên bố chua cay chống lại chủ nghĩa bài Do thái không thể là cái thay thế cho những phân tích điềm tĩnh về gốc rễ của căn bệnh khủng khiếp đáng sợ này. Nguyên nhân không nằm chỉ ở những thiếu sót của nhân dân Ba Lan. Cũng cần nhận ra những hiện tượng tiêu cực về phía người Do thái nữa, một nhiệm vụ mà dù có tưởng tượng đến mấy

⁶ Từ giữa các năm 1930 các sinh viên Do thái tại các đại học Ba Lan đã bị các đồng nghiệp bài Do thái của họ buộc phải đứng trong các giờ giảng.

cũng không thể được diễn giải như chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. [Các nhà văn] Prus, Zeromski, Dabrowska và Slonimski đã không là những người phân biệt chủng tộc khi họ viết về chủ đề này.

Sẽ là không đúng đi kết tội tất cả những người Ba Lan về chủ nghĩa bài Do thái. Sự kết tội này cũng là phi lý như là thuận lợi cho giới tinh hoa cộng sản cầm quyền, mà các đặc trưng của họ như thế được phóng chiếu lên quốc gia.

Khoảng ba mươi năm trước Ksawery Pruszyński, người được giáo dục ở các lãnh thổ phía Đông, đã viết những dòng sau đây:

Chúng tôi đã lớn lên với sự tin chắc rằng chúng tôi đã là những người kế tục của tổ quốc vĩ đại. . . mà, dẫu bại trận, vẫn đã trải dài từ biển tới biển. . . . Giả như chúng tôi được bảo rằng Gdansk không phải thuộc Ba Lan, chúng tôi bị ngạc nhiên kinh khủng. Được bảo rằng Kiev không thuộc Ba Lan, sự ngạc nhiên của chúng tôi còn lớn hơn. Nhưng giả như chúng tôi được bảo rằng tổ quốc chúng tôi là đồng đều về dân tộc mà bao phủ các vùng quanh Vistula từ dãy núi Carpath cho đến biển, nhưng không có chỗ cho các nông dân Ruthenia cũng chẳng có chỗ cho những nhà thờ Chính thống Nga, hay thậm chí cho bà Szomstein già nua, chúng tôi chắc chắn bị ngạc nhiên nhất. Thế hệ chúng tôi có lẽ là thế hệ cuối cùng đã lớn lên với những lý tưởng của khởi nghĩa 1863, của Ba Lan-Lithuania-Ruthenia. Tất cả chúng tôi đã nghe về đám tang trước khởi nghĩa của năm người nổi loạn, mà tại đó các đại diện của ba tôn giáo đã đi ở hàng đầu. . . . Sau tất cả những năm này, tôi không có khả năng nói những gì đã còn lại với tôi từ thời thơ ấu đó. . . . Trước hết, có lẽ một ý thức nào đó về lịch sử Ba Lan, một ý tưởng về Ba Lan như một đế quốc đa dân tộc. Không phải sự đay, sự ghét đối với các dân tộc khác mà, ngược lại, một sự hấp dẫn. Coi các dân tộc thiểu số không phải như cái xấu cần thiết mà như những thành phần có giá trị mà mở rộng tổ quốc và làm giàu ngôi nhà chung của chúng ta. . . . Một trong những lý do tôi viết những hồi ức này là bởi vì sẽ chẳng còn nữa những thời thơ ấu giống như của tôi ở Ba Lan. Thế giới ngày nay sẽ có hàng trăm cơ hội để mô tả những cái nôi của nó. Của tôi sẽ không. Thế nhưng, tôi tin rằng khi những sự điên rồ dân tộc chủ nghĩa của loài người nguôi đi, và khi những người Ba Lan suy ngẫm về làm thế nào để xây dựng một mái nhà cho quốc gia của họ mà sẽ không bị triệt hạ bởi mỗi một trong những cơn bão của lịch sử, tư tưởng Ba Lan khi đó sẽ mở rộng ra. Tư tưởng Ba Lan trẻ khi đó sẽ tìm kiếm sự chỉ dẫn từ quá khứ xa và không xa mấy. Nó sẽ thử khám phá ra từ đồng gạch vụn của sự hiểu biết về một tòa nhà vĩ đại như vậy, mà đã mang lại hàng thế kỷ hòa bình và tự do cho rất nhiều thế hệ, đã được dựng lên như thế nào. Nó sẽ thử học làm thế nào cấu trúc này đã tìm được cách để ghép chặt đến như vậy những viên gạch, những tảng đá, những xà gỗ sồi khác nhau đến như vậy lại với nhau. . . . Sớm muộn, tư tưởng Ba Lan, đáng chú ý và cô đọng, sẽ đi về phía những con đường đó và những kỷ nguyên đó. Nó sẽ đi trên những con đường lớn của đường mòn mà ngày nay bị trận bão tuyết của lịch sử cuốn đi. Nó sẽ đi trong trận bão tuyết này, trên những ổ gà, với một chiếc đèn dầu leo lét, sẩy chân và bị mắc kẹt và tìm đường. . . . Cho đến lúc nó đến đó.

Ngày nay, chúng ta đang đi trong sương mù. Chúng ta không biết những gì tương lai sẽ mang lại, sự cân bằng quyền lực chính trị hiện thời sẽ kéo dài bao lâu, hoặc địa vị giới chủ của Liên Xô sẽ vẫn còn nguyên lâu hơn bao nhiêu nữa. Một thứ, tuy vậy, có vẻ chắc chắn: chúng ta sẽ phải cùng tồn tại với các quốc gia khác. Tùy thuộc vào chúng ta để tìm ra công thức hợp lý nào đó về sự cùng tồn tại hoặc để bị chìm vào nỗi thống khổ của sự hận thù bộ lạc. Nếu chúng ta thử khám phá lại một công thức cho sự khoan dung và hòa hợp, người đỡ đầu của sự tìm kiếm của chúng ta sẽ là biên tập viên lão luyện của *Robotnik*, nhà lãnh đạo của các đội quân chiến đấu thuộc đảng xã hội chủ nghĩa, đảng viên với khuôn mặt Nietzschean: không ai ngoài Józef Pilsudski.

Ba Lan đã bị kết tội bởi địa lý và lịch sử của nó để là một láng giềng của nước Nga. Thái độ của Pilsudski đối với nước Nga là gì? Ông đã coi nó là nguy hiểm nhất trong số các cường quốc chia cắt Ba Lan. Ông đã sợ và căm ghét nó. Ông đã ghét cay ghét đắng hệ thống chính quyền của đế quốc. “Cảnh nô lệ cho người Muscovite,” ông đã viết:

khác với tất cả các loại khác ở chỗ, ngoài sự ép buộc và sự đàn áp ra, dân tộc bị giam giữ còn phải chịu nỗi nhục không ngớt. Sự cai trị sa hoàng, theo kiểu của mọi kẻ chuyên chế phương Đông, áp ủ những biểu hiện của sự chinh phục và sự hèn mọn. Nó đòi hỏi sự thoái hóa của phẩm giá con người nô lệ. Là không đủ cho nhà cai trị này để dùng roi da, hắn cũng muốn người bị đánh hôn công cụ tra tấn. Là không đủ để hạ bệ kẻ thù của mình, hắn còn cảm thấy cần vấp vào mặt kẻ bị đánh bại. . . . sự nhạo báng vô liêm sỉ, những cảm xúc con người tạo thành một phần của hệ thống cai trị này, bởi vì chỉ những người mà phẩm giá của họ đã bị giày xéo không còn tồn tại nữa mới có thể chịu được trạng thái giam cầm ghê tởm của sa hoàng.

Về bản chất của nhà nước Nga, ông đã viết:

Tất cả những kẻ cai trị chuyên chế đều loại trừ sự kiểm soát xã hội đối với hoạt động lập pháp. Vì thế, là tự nhiên rằng mọi biện pháp hành chính, kể cả việc làm luật, được che đậy bởi một bức choàng bí mật dày cộm. Thông tin về việc này hay phần đó của nhà nước, những tường thuật về hoạt động của các quan chức, các dự án cải cách, những sự tuyên án, những cuộc tranh luận của các cơ quan lập pháp tất cả những việc này đều được che giấu một cách cẩn cù khỏi con mắt của những người không thuộc về đảng cấp quan chức.

Pilsudski đã tin rằng cấu trúc xã hội và pháp lý của Nga là thích hợp lý tưởng cho sự tổ chức mang tính nô lệ của nhà nước. Ông đã không thấy cơ hội nào cho sự tiến hóa dân chủ. Ông cũng đã phê phán phe đối lập trong

nước Nga. Ông đã không tin những người tự do Nga. Ông đã coi thường sự chân chừ của họ và những xu hướng hòa giải của họ và đã cảnh báo chống lại xu hướng của họ hướng tới chủ nghĩa dân tộc Đại Nga.

Trong các bài viết của ông về phe cách mạng Nga ông đã nhấn mạnh điểm yếu của nó, sự bất khoan dung của nó, và những mối nghi ngại (đặc trưng của các phong trào giáo điều) của nó đối với các phong trào giải phóng của các dân tộc bị chinh phục trong đế chế sa hoàng. Ông đã lôi cuốn sự chú ý đến sự chấp nhận mang tính nghịch lý của các nhà cách mạng về nhận thức của các dân tộc bị chinh phục mà đã được hình thành bởi cánh hữu sùng Slav (Slavophilic). Như thế, ý kiến rằng khởi nghĩa 1863 đã là công việc của giới quý tộc cách mạng và các thầy tu Công giáo đã tạo đường của nó vào báo chí cách mạng Nga.

Pilsudski đã bày tỏ dứt khoát quan điểm của mình trong bài báo của ông “Về Ngày kỷ niệm Pushkin”:

Mọi sự thù hận bộ lạc và dân tộc là xa lạ đối với chúng ta. Các chiến sĩ cho tự do của tất cả các nước và các dân tộc đều là anh em của chúng ta. Chúng ta có khả năng kính trọng mọi tư tưởng, bất chấp chúng được phát biểu bằng ngôn ngữ nào. Chúng ta có khả năng tôn vinh bất cứ nhà thơ hay nhà tư tưởng nào, bất chấp quốc tịch của họ. Nhưng trong trường hợp này chúng ta không đối xử với một nhà thơ người mà đã đầu tư các từ ngữ của mình với tư tưởng tự do, và người mà vì thế đã trở nên thân quý đối với tất cả những người bị áp bức và bị bóc lột. Pushkin đã chẳng liên quan gì đến cuộc đấu tranh chống lại tình trạng nô lệ; ông đôi khi thực sự đã ca ngợi tình trạng nô lệ đó. Như thế là tự nhiên rằng không công nhân Ba Lan có ý thức nào có thể tham gia trong những lễ kỷ niệm Pushkin.

Từ góc nhìn ngày nay, đánh giá này về Pushkin có thể có vẻ là phiến diện quá mức và hẹp hòi về chính trị. Nhưng vào lúc đó đây đã không là vấn đề văn học hay một lễ kỷ niệm của thiên tài thi ca. Nó đã là vấn đề chính trị thuần túy một vấn đề về tỏ lòng kính trọng đối với kẻ xâm lấn, về củng cố sự cai trị của nó, về sự áp bức văn hóa Ba Lan một lần nữa.

Pilsudski đã cảm thấy rằng chỉ một nước Nga yếu, một nước Nga không đế quốc, mới có thể là một nhà nước dân chủ. Ông đã không ủng hộ các lực lượng phản cách mạng chống lại những người Bolshevik bởi vì ông đã nghi ngờ sức mạnh của những người Bolshevik và sự lâu bền của quyền lực của họ. Trong khi kiên quyết để cứu Ba Lan khỏi sự bolshevik hóa, ông đã không ủng hộ việc ngừng bolshevik hóa nước Nga. (Vi điều này ông đã bị quở trách mạnh mẽ bởi Marian Zdzichowski, người đã là một trong những người đầu tiên hiểu bản chất của hệ thống bolshevik.)

Pilsudski đã không cho phép Ba Lan bị bolshevik hóa. “Phép màu trên sông Vistula”⁷ đã là biểu tượng của việc này. Nhiều nước đã chảy trong sông Vistula trước khi tôi hiểu được tầm quan trọng của sự kiện này. Trong nhiều năm tôi đã suy luận như thế này: Cách mạng Nga đã bắt đầu thối nát với cái chết của Lenin. Chủ nghĩa Stalin phải được phán xử khắt khe nhất, nhưng không từ một lập trường chống cộng. Cuộc chiến tranh Nga-Ba Lan đã là một cuộc chiến tranh giữa cách mạng quốc tế và Ba Lan tư sản. Trong phân tích cuộc xung đột này, tôi không thấy lý do nào để tin rằng quan hệ họ hàng là thân hơn giai cấp. Những công nhân Ba Lan đã chiến đấu vì chủ nghĩa xã hội, và Hồng Quân đã giúp đỡ họ. Về phía Ba Lan, nó đã không là một cuộc chiến tranh vì quyền tự do dân tộc, mà vì tư cách quốc gia tư bản chủ nghĩa.

Khi bị ép, tôi đã sẵn sàng chấp nhận sự tương tự của nông dân Tây Ban Nha bảo vệ tổ quốc phong kiến của mình khỏi các đội quân của Napoleon mà đã tìm cách áp đặt cải cách bằng lưỡi lê. Nhưng bây giờ tôi nhìn vấn đề khác đi: Đối với chiến thắng trên những người Bolshevik chúng ta nhờ ở hai mươi năm của tư tưởng Ba Lan độc lập, mà đã nuôi dưỡng những thế hệ mới cho đến ngày nay. Sự chống đối ngày nay đối với sự Soviet hóa là có thể phần lớn bởi vì di sản văn hóa của Đế nhị Cộng hòa, mà đã tồn tại nhờ chiến thắng quân sự của Pilsudski trên Budenny. Ai biết? Giả như Hồng quân đã thắng trận Radzymin và Ba Lan đã bị cai trị bởi Ủy ban Cách mạng Lâm thời, có lẽ tôi đang sống ở Kolyma hay Birobidzhan và không hề nói tiếng Ba Lan nữa. Có lẽ các thế hệ kế tiếp của các trí thức Ba Lan đang cho gấu bắc cực ăn ở Siberia. Có lẽ văn hóa Ba Lan đã không thoát khỏi sự phá hủy mà văn hóa Nga đã bị dưới đế chế Stalinist.

Chính từ viễn cảnh của ngày hôm nay rằng hai mươi năm giữa hai cuộc chiến tranh, và tôi không có ý định nào để lý tưởng hóa giai đoạn đó, đã là những năm của một peredyshka, một sự hít hơi thở tự do, mà đã được dùng để xây dựng một khung khổ mới của văn hóa dân tộc. Chúng ta không được quên điều này ngay cả khi chúng ta được bảo rằng chiến thắng trên những người Bolshevik đã có nghĩa là từ bỏ cải cách ruộng đất và những cải cách xã hội khác. Đặc biệt những người mà không được quên điều này là các đại diện của tư tưởng cánh tả, những người đó (bao gồm tác giả của những suy ngẫm này), những người mà cho rằng truyền thống cánh tả của phong trào công nhân là truyền thống của họ, một truyền thống

⁷ Dẫn chiếu này đến thắng lợi Ba Lan trong trận Warsaw vào tháng Tám 1920, trong chiến tranh Ba Lan-Nga.

cũng đã sinh ra Ủy ban Cách mạng Lâm thời của Dzierzynski và Marchlewski.

Các chính sách chống-Soviet của Pilsudski ở mức độ nào đó đã là một sự tiếp tục của đường lối chính trị cũ của ông. Như thường vẫn thế, ông đã không tin bất cứ sự cai trị Nga nào, dù là sa hoàng, tự do, hay cách mạng. Trong tình hình đã thay đổi ngày nay, liệu chúng ta phải suy luận khác đi? Chúng ta chắc chắn phải biết về những yếu tố quyết định và những truyền thống của tư tưởng chính trị Nga. Chúng ta phải giải mã một cách phê phán cả tư tưởng chính thức lẫn tư tưởng đôi lập. Nhưng không được chống lại tính nông cạn, những sự sai lầm, và những huyền thoại của tư tưởng Nga bằng chủ nghĩa sô vanh Ba Lan. Mặc dù tôi có thể bị thất vọng choáng váng bởi những sự diễn đạt hay motif nào đó trong công trình của Solzhenitsyn, tôi tin rằng gạt bỏ ông thánh thế kỷ hai mươi này bằng cách gán cho ông cái nhãn một người “Muscovite” là bằng chứng khủng khiếp của sự bị giam cầm tinh thần. Ngày nay, chúng ta nhìn vào nước Nga không chỉ với sự căm ghét mà cũng với hy vọng, không chỉ với sự giận dữ mà cũng với sự thán phục. Là khó để đánh giá quá cao tầm quan trọng của những hoạt động của Solzhenitsyn, Sakharov, hay Amalrik đối với sự nghiệp Ba Lan.

Những lựa chọn thay thế khả dĩ mở ra cho Pilsudski đã là để tính đến phe đôi lập Nga hay để tính đến chủ trương đòi lại đất của các dân tộc bị đế chế chinh phục. Đây đã là thế lưỡng nan trung tâm của những người hoạt động vì nền độc lập Ba Lan. Ngày nay, trí thức Ba Lan không có sự lựa chọn nào. Nhưng anh ta đối mặt với thế lưỡng nan khác: để đi theo những mốt phương Tây; để nhai thứ nhão giả yêu nước theo kiểu Zbigniew Zaluski; hoặc để theo dõi sát sao văn hóa Nga ngầm, văn học Czech và Slovak, phim Hungary, và sản phẩm trí tuệ của những người Lithuania, Byelorussia, và Ukrain. Vẫn chưa phải là một vấn đề về hành động chính trị cụ thể, mặc dù thời gian cho việc đó có lẽ sẽ đến. Cái quan trọng hôm nay là một thái độ trí thức, những ưu tiên trí thức, một loại giáo dục quốc gia. Là quan trọng đối với giới trí thức Ba Lan nhằm chứng tỏ một sự sẵn sàng để cùng tồn tại với các quốc gia lân bang của chúng ta và để hiểu các nền văn hóa của các dân tộc khác.

Là rõ từ những nhận xét của tôi rằng tôi thích Pilsudski “ban đầu,” có đầu óc độc lập, theo xã hội chủ nghĩa hơn. Những hành động của các đội quân mà đã mang lại nền độc lập Ba Lan đã là một hệ quả logic của giai đoạn “ban đầu” này.

Nền độc lập đã được giành lại bởi những người mà đã trưởng thành trong đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan, Liên hiệp Đấu tranh Tích cực, và các

Quân đoàn; những người chủ trương các tư tưởng cộng hòa và dân chủ được lưu giữ trong hiến pháp tháng Ba 1921. Tất cả đã được làm cho có thể, tất nhiên, bởi tình hình quốc tế: Chiến tranh Thế giới và Cách mạng Nga. Nhưng không có yếu tố chủ quan mà những người Ba Lan đã đóng góp cho sự cân bằng quốc tế về sức mạnh, thì các cường quốc đã chẳng thấy lý do nào để dính líu vào “vấn đề Ba Lan.” Người ta không còn cách nào khác để thấy, sau tất cả những năm này, sự đóng góp to lớn của những lính lê dương và vị chỉ huy của họ cho văn hóa Ba Lan và cho Ba Lan.

Thế nhưng cũng rõ ràng, ngay cả khi đó, những tác động có hại do việc Pilsudski “rời khỏi tàu điện đổ tại bến được gọi là ‘Độc lập’,” đã được khởi động rồi. Đầu tiên, điều này đã đưa đến sự chuyển trọng lượng hoạt động sang khu vực quân sự. Trong thời kỳ của Liên hiệp Đấu tranh Tích cực, Pilsudski đã viết hầu như chỉ riêng về các vấn đề quân sự. Ông đã thử qua thời gian để cải cách đảng Xã hội (chủ nghĩa) Ba Lan thành một tổ chức bán quân sự có đầu óc độc lập. Ông đã thực hiện một chính sách về các cuộc gặp bí mật mà muộn hơn đã dẫn đến việc hình thành bè lũ lính lê dương và một thân thoại nguy hiểm của cựu chiến binh. (Moczar như thế đã có một mô hình khi, trong những năm 1960, ông đã thành lập nhóm chính trị riêng của mình bên trong ZBOWiD [Liên hiệp các Chiến sĩ vì Tự do và Dân chủ, tổ chức cựu chiến binh].) Những hoạt động này đã bị phản đối bởi một nhóm các nhà hoạt động xã hội chủ nghĩa được lãnh đạo bởi Feliks Perl, một đồng biên tập viên trước đây của *Robotnik*. Như thế sự xung đột của Pilsudski với chủ nghĩa xã hội Ba Lan đã bắt đầu trong Ba Lan độc lập.

Cuộc xung đột này đã kéo dài cho đến khi ông chết, trải qua nhiều giai đoạn có cường độ thay đổi khác nhau. Những sự đồng cảm của tôi trong cuộc tranh chấp này là cho các địch thủ của Thống chế. Tôi đã không viết, và đã không có ý định để viết, một cuốn sách khen ngợi Józef Pilsudski. Đối với thế hệ tôi, mà đã nghe bao nhiêu sự dối trá, sự thật là tối quan trọng. Tôi đã thử viết sự thật về những sự kiện mà đã xảy ra vào đầu thế kỷ này bởi vì tôi coi chúng là tối quan trọng. Chính từ những kinh nghiệm đó mà nền độc lập đã nảy sinh. Nhưng tôi đang viết quan điểm riêng, khá cá nhân của tôi về Pilsudski và vai trò của ông, và tôi cũng không muốn quên phía tối. Như thế, cuộc đảo chính tháng Năm 1926 đã là một sự vi phạm Hiến pháp. Những xung đột của ông với Sejm (Quốc hội) đã mở đường cho sự ô nhục ở Brzesc. Brzesc, cách này để đánh một phe đối lập mà đã có vài tiền lệ trong lịch sử của chúng ta, đã là một nhân tố trong việc hủy hoại văn hóa chính trị của quốc gia chúng ta. Bereza đã phát sinh từ tinh thần của Brzesc, như Ozon đã phát sinh và thói quen nguy

hiềm của giới tinh hoa quyền lực để coi nhà nước và quốc gia cứ như là tài sản riêng của nó.

Brzesc, Bereza, và Ozon được dùng ngày nay như các tấm gương cho những kẻ thù của nền dân chủ ở Ba Lan, và không cho những người chiến đấu vì tự do. Bằng tạo ra một thần thoại từ những hành động này, bằng việc coi các giai đoạn và các khía cạnh của hoạt động của Thống chế như thần thánh, không ai cho “sự nghiệp Ba lan” một sự ủng hộ. Sự từ chối đối mặt với sự thật luôn luôn phục vụ cho những kẻ thù của tự do.

Pilsudski đã chết năm 1935. Trong những năm cuối cùng của ông nhiều cựu đồng chí đã đứng xa cách với ông, trong khi một đám tằm lợm của “những kẻ nịnh bợ và nhãi ranh” đã mọc lên bao quanh ông. Và thế mà các lãnh tụ của đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan, có lẽ thậm chí những tù nhân mới đây ở Brzesc, đã diễu hành trong đám rước đưa tang ông. Vì sao họ đã tham gia vào cuộc tạm biệt này? Không nghi ngờ gì họ đã nói lời tiễn biệt với tuổi trẻ của họ, với một mảng của đời họ. Nhưng chắc chắn đã không chỉ riêng cho việc này. Họ đã nói lời tiễn biệt với một người mà đã cho Ba Lan và những người Ba Lan một ý thức về phẩm giá, mà quan trọng đối với sức khỏe của một quốc gia như oxygen đối với cơ thể con người.

Đây là vì sao Pilsudski cho đến ngày này vẫn còn là một vấn đề cá nhân cho các trí thức Ba Lan những người đã sống trong thời ông. Chủ đề nổi lên trong các tiểu thuyết của Igor Newerly và Kazimierz Brandys, trong các tiểu luận của Stefan Kisielewski và Juliusz Mieroszewski, trong Nhật ký của Jan Lechon, và trong *ABC của những Ký ức* của Antoni Slonimski.

Giá mà nó có thể tìm được đường của nó thường xuyên hơn vào lương tâm và những tranh luận dài ban đêm của những người đương thời của tôi! Giá mà chúng ta, theo gương ông, có thể sống với phẩm giá!

Warsaw 1973

Tranh cãi về Công việc Hữu cơ^{*}

Sau thất bại của Khởi nghĩa tháng Giêng [1863], những cuộc tranh cãi về ý nghĩa và hình thức của “công việc hữu cơ” đã chiếm vị trí hàng đầu của đời sống trí thức Ba Lan cả trong nước lẫn lưu vong. Những thảo luận này đã thường bắt đầu với một đánh giá về các chính sách của Aleksander Wielopolski và kết quả không mong đợi của chúng, cuộc khởi nghĩa vũ trang. Vì sao các ý tưởng của bá tước Wielopolski đã thất bại? Những câu trả lời khác nhau cho câu hỏi này đã che giấu sự tranh cãi bản chất về ý nghĩa của lịch sử Ba Lan.

Đối với tác giả của những suy ngẫm này, các ý tưởng sau đây có vẻ nằm gần sự thật nhất.

1. Sự cố gắng của Wielopolski để đạt một sự thỏa thuận với sa hoàng, để hình thành một liên minh Ba Lan-Nga dựa trên những nguyên tắc bảo thủ và sự thừa nhận lẫn nhau về địa vị xã hội của các giai cấp hữu sản ở Vương quốc Ba Lan và ở Nga, cho biết rằng bá tước đã chấp nhận hệ thống chuyên quyền sa hoàng. Việc thực thi những chính sách này vì thế đã dẫn đến việc củng cố ở Vương quốc Ba Lan các nguyên tắc xã hội và chính trị mà đã thịnh hành trong đất nước bị cai trị một cách chuyên quyền của các sa hoàng. Chương trình này đã trái ngược với lòng tin của công chúng Ba Lan.

2. Trong mọi trường hợp, bá tước đã không đưa ra cố gắng nào để có được sự tán thành của công luận Ba Lan. Ông đã là một nhà cải cách với tâm tính của một kẻ phản động người ưa dùng các phương pháp của những kẻ độc tài và cảnh sát. Wielopolski đã thi hành ngay cả những cải cách tiến bộ cũng với các phương pháp phản động, sử dụng sự ép buộc và đàn áp gọi lên sự khùng bố. Trong cuộc đấu tranh tàn nhẫn với những kẻ thù chính trị ông đã không do dự yêu cầu sự giúp đỡ từ kẻ xâm chiếm.

^{*} Bài báo này xuất hiện dưới bút danh Andrzej Zagozda.

3. Bên cạnh sự thực rằng bá tước đã tìm kiếm sự giúp đỡ của nước ngoài, cũng quan trọng ngang thế là chương trình cải cách của ông đã là phản động và lỗi thời ngay cả đối với thời ông. Thí dụ, sự đòi hỏi để giải phóng các nông dân bằng cách này hay cách khác đã là một thành phần của tất cả các cương lĩnh chính trị của thời đại đó, nhưng đã không thấy trong cương lĩnh của Wielopolski; đối với ông Luật Napoleonica đã là đủ. Các chính sách xã hội được ông đề xuất đã phớt lờ những khát vọng của nhân dân ở Vương quốc Ba Lan những người đã bị tước đoạt tài sản của họ.

4. Những tuyên bố của Wielopolski gửi cho quốc vương Nga, mà trong đó ông đã đi xa tới mức để liên kết những lợi ích Ba Lan hoàn toàn và mãi mãi với các chính sách của sa hoàng cũng đã trái ngược với những khát vọng Ba Lan. Công chúng đã có thể chấp nhận sự thỏa hiệp nào đó với kẻ xâm chiếm, nhưng hầu như không từ bỏ tư tưởng về chủ quyền. Các chính sách của Wielopolski, mà đã được ủng hộ với sự bắt buộc to lớn, đã không cho phép quốc gia Ba Lan phát triển các định chế hiện đại và tiến bộ trong đời sống công. Thay vào đó, chúng đã được cấu trúc để giành được một tỉnh được cai trị một cách hợp pháp (mặc dù luật được tạo ra bởi hoàng đế chuyên quyền) và được cai quản một cách hiệu quả của đế chế sa hoàng (mặc dù tính hiệu quả này đã chỉ làm tăng những sự gian khổ của các thân dân của ngài).

Bá tước đã tin sự phản đối của nhân dân đối với các chính sách của ông là một chức năng của đặc tính liêu lĩnh và vô chính phủ của những người Ba Lan, nhưng sự thật chắc chắn nằm ở đâu đó khác. Sự phản đối này đã báo hiệu sự bước vào vũ đài chính trị của một tầng lớp xã hội mới mà những khát vọng của họ đã bị xâm phạm bởi các chính sách phản dân chủ và bảo thủ về mặt xã hội của Wielopolski. Sự phản đối này đã bày tỏ một sự thức tỉnh của những cố gắng mới, một quá trình điển hình trong sự phát triển của một xã hội. Phản đối và phớt lờ những thay đổi này trong cấu trúc của quốc gia nhất thiết dẫn đến xung đột công khai. Như thế, ý kiến mà tôi tán thành đã được lên tiếng bởi Józef Szujski, người tiếp sau thất bại của khởi nghĩa [1864], đã trả lời cho Pawel Popiel, một người hâm mộ các chính sách của bá tước: “Đã chẳng có cuộc nổi dậy nào giả như nó đã không phải là giành cho những kẻ phản bội mới . . . nó đã không được tổ chức giả như nó đã không phải là giành cho những người mà ngày nay đang hò hét to nhất . . . những người đã chọn tức [nhân dân], phi nhò họ thay cho việc ký

kết một thỏa thuận với họ” (Józef Szujski, “Về Brochure [Tập sách nhỏ] của ông Pawel Popiel,” *Các tác phẩm*, Tập. 1).

Quan điểm này đã được chia sẻ hầu như bởi tất cả những người lưu vong tham gia vào một cuộc tranh luận về “công việc hữu cơ.” Như vậy hẳn cũng đã là ý kiến của Đại Di cư (Wielka Emigracja từ 1831 đến 1870) khi nó đã thử diễn đạt “những sự thật sống còn” sau Khởi nghĩa tháng Mười Một [1830].

Tình hình đã phức tạp hơn một chút đối với những người lưu vong sau Khởi nghĩa 1863. Một trong những sự bất đồng chính của giai đoạn này đã là sự khác nhau trong những chẩn đoán về hiện tại và các chương trình cho tương lai được đưa ra ở Ba Lan và trong cộng đồng lưu vong. Một đa số rõ ràng của công chúng trong nước đã đòi hỏi “chuyển grom thành lưỡi cày”: bác bỏ tư tưởng khởi nghĩa, ủng hộ các nguyên tắc của chủ nghĩa hợp pháp, sự hòa giải, và công việc hữu cơ, cũng như từ bỏ tư tưởng của một nhà nước có chủ quyền trong một thời kỳ vô hạn định. Một đa số rõ ràng của những người lưu vong đã tiếp tục các lý tưởng nổi dậy và sự tuyên bố về chính phủ quốc gia Khởi nghĩa năm 1863. Những ý tưởng như vậy đã có thể thấy trong các bài trong *Ojczyzna*, *Głos wolny*, và *Wytrwalosc*, trong những lời kêu gọi của Liên hiệp của Những người Lưu vong Ba Lan hay Hiệp hội Dân chủ.

Trong *Ojczyzna* (Tổ quốc) được biên tập bởi Agaton Giller, một cựu thành viên của chính phủ quốc gia, chúng ta đọc:

Di cư chính trị là một điều tất yếu đối với một nước mà vẫn dưới sự cai trị của những kẻ xâm chiếm của nó, mà bị tước đoạt khả năng để bảo vệ các lợi ích của nó, bị tra tấn và ngược đãi vì bất cứ biểu hiện nào của tinh thần quốc gia và mọi cố gắng theo hướng độc lập. Chừng nào sự di cư còn tồn tại, kẻ thù sẽ không hoàn toàn chiến thắng trên quốc gia bởi vì sự di cư là một sự phản đối sống động chống lại sự cưỡng hiếp dân tộc, một đại diện của các quyền của quốc gia và nhu cầu của nó đối với tự do và độc lập. Một sự di cư chính trị là thiết yếu đối với một dân tộc bị chinh phục và bị nô dịch một cách tàn bạo. (*Ojczyzna*, no. 61, 7/30/1865)

Theo tinh thần của tuyên bố này những người di cư đã thảo luận những vấn đề mà đã không thể thảo luận được trên báo chí trong nước: những vấn đề về chủ quyền. Nhiều chỗ và sự chú ý được trao cho việc biện minh sự cần thiết lịch sử cho một Ba Lan độc lập. Những lý lẽ đã theo nhiều hướng khác nhau. Trên hết, những người Ba Lan đã muốn chủ

quyền quốc gia và điều đó giải quyết vấn đề, những người lưu vong đã lập luận. Phù hợp với Mùa xuân của các Quốc gia năm 1848 và “nguyên tắc về tư cách là một quốc gia,” những người Ba Lan có quyền để sống trong một tổ quốc thống nhất như những người Ý hay Đức có quyền. Đây đã là lý lẽ đạo đức. Đối với những người Âu châu những người lưu vong Ba Lan đã giải thích rằng châu Âu nhất định cần một Ba Lan độc lập, bất cứ loại châu Âu nào, dù Công giáo, chính thống chủ nghĩa, dân chủ-tư sản, hay cách mạng và xã hội chủ nghĩa. Những lý lẽ của những người lưu vong đã khác đáng kể với những ý tưởng được đề xuất trong báo chí ở Ba Lan, bất chấp màu sắc ý thức hệ của chúng, đã không tin rằng chủ quyền quốc gia đã là một điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại dân tộc tiếp tục của những người Ba Lan. Thay vào đó sự bảo vệ bản chất dân tộc, thực chất dân tộc, sự tự quản, sự tự trị, hay các lý tưởng trên dân tộc phổ quát đã được đề xuất. Bên cạnh những khái niệm khởi nghĩa và “ngoại giao” khác nhau, một luồng đã xuất hiện giữa những người lưu vong ủng hộ ý tưởng về “công việc hữu cơ.” Đằng sau thuật ngữ này các cương lĩnh khác nhau, nhiều khi mâu thuẫn nhau được che đậy. Đối với một số người nó đã có nghĩa thành thật là hoạt động kinh tế và giáo dục; đối với những người khác, là những sự chuẩn bị thời bình cho một cuộc nổi dậy mới; đối với những người khác nữa, là một sự đoạn tuyệt với ý tưởng của giới quý tộc về chủ quyền. Đôi khi “công việc hữu cơ” đã có nghĩa là sự từ bỏ chính ý tưởng về chủ quyền quốc gia và sự lên án hoàn toàn mọi âm mưu chính trị. Một cựu ủy viên của chính phủ quốc gia trong phần do Phổ cai trị của Ba Lan, Julian Lukaszewski, ngay sau thất bại của cuộc nổi dậy đã viết một sách mỏng có tựa “*Chính phủ và Tổ chức Quốc gia*” mà trong đó ông đã bày tỏ ý kiến của mình về tình hình mới. Ông đã đề xuất việc duy trì chính phủ và Tổ chức Quốc gia, mà ông coi như các công cụ không thể thiếu được cho việc tổ chức nội bộ của xã hội Ba Lan. Nhưng ông đã đòi những sự thay đổi sâu sắc trong các công cụ này, vì “các hình thức tổ chức mà đã nổi lên trong thời gian khởi nghĩa bây giờ đã hầu như hỏng hết và trở nên kiệt sức. Những con dấu và các văn phòng khác nhau phải biến mất hoàn toàn. Điểm mấu chốt là áp đặt các nguyên tắc kinh tế được đề xuất bởi Chính phủ Quốc gia mà dân tộc đã chấp nhận như của chính mình trong thời gian đấu tranh” (Julian Lukaszewski, “*Chính phủ và Tổ chức Quốc gia*,” Bendlikon [1864], pp. 66-67). Những khía cạnh chính trị bây giờ đã trở

nên thứ yếu. Những nhiệm vụ kinh tế đã quan trọng hơn nhiều bởi vì tình hình đã tai hại.

Lý do quan trọng nhất cho nhà nước đáng thương này là đời sống chính trị bị bóp nghẹt và những quan hệ xã hội không bình thường, và cả sự thực rằng chúng ta đã chưa phát triển được giữa chúng ta một ý thức về trật tự và sự thống nhất, một sự hiểu biết về các lợi ích của chính chúng ta, và một tài năng kinh tế mà có những thuộc tính của nó như một lòng say mê làm việc và một sự hiểu biết đúng mức về hoàn cảnh của chúng ta. . . . Các nhà thơ lớn của chúng ta Mickiewicz, Krasinski, Zaleski đã đóng góp cho việc này bằng hướng tâm trí của người dân đến những giấc mơ vàng, những lời tiên tri và các hiện tượng siêu nhiên, giật họ khỏi thực tế. Cuộc nổi dậy mới đây đã dạy chúng ta một bài học lớn; chúng ta đã có một nền giáo dục khó khăn. Thòong lộng, tai họa lớn, Siberia, sự đàn áp chung ở trong nước và sự lưu vong ở nước ngoài đã phải làm cho chúng ta tỉnh lại hoàn toàn và làm cho chúng ta nhận thấy rõ, rằng không phải những tính toán chính trị nằm ở trong thi ca và trong khả năng thấu thị hoặc trong những sứ mệnh cao hơn, mà ở trong sự nhận thức về các điều kiện thực tế trong nước chúng ta, ở trong sự phong phú và các nguồn lực của nó mà chờ đợi những việc làm lớn tương lai. Nhưng chúng ta không có ngay cả những điều kiện sơ đẳng để khởi động sự phát triển nền kinh tế quốc gia trên một quy mô lớn. Lấy đâu ra lực lượng lao động? Lấy đâu ra vốn cần thiết? Lấy đâu ra những đường giao thông thủy bộ? Lấy đâu ra các định chế tín dụng, các ngân hàng, các công ty thương mại? Lấy đâu ra các công ty công nghiệp, cổ phần, và bảo hiểm? Lấy đâu ra những sự điều tiết cho các mối quan hệ xã hội? Lấy đâu ra tinh thần kinh doanh? Cuối cùng, lấy đâu ra những người với sự giáo dục chuyên nghiệp, các kỹ thuật viên, các thợ cơ khí và các nhà sản xuất để vận hành thành thạo các ngành công nghiệp? Tất cả những thứ này phải được khai thác từ các chính phủ mà đã xâm chiếm chúng ta. (Ibid., pp. 42-44)

Một điều kiện tiên quyết cơ bản cho việc thực hiện một chương trình như vậy nằm ở sự biến đổi cấu trúc xã hội của quốc gia. Chương trình của Lukaszewski đã có một chút hơi hướng chống quý tộc. (“Sau khi Ba Lan bị chia,” Lukaszewski đã viết, “giới quý tộc đã trao chính phủ của nước chúng ta cho những kẻ xâm chiếm; bằng cách ấy nó đã từ bỏ ảnh hưởng của nó và các quyền chính trị của nó” [ibid., p. 27].) Ông đã đặt những hy vọng cho một tương lai tốt đẹp hơn vào giai cấp tư sản.

Sự tin tưởng vào các năng lực của chính mình làm cho các thợ thủ công và các nhà sản xuất trở thành một yếu tố linh động và độc lập; họ là tiền bộ và thuần nhất. . . . Tầng lớp trung lưu càng lớn trong một quốc gia, thì sự tiến bộ càng lớn trong nền kinh tế của quốc gia ấy, thì sức mạnh với bên ngoài và sự độc lập của quốc gia ấy càng lớn. (Ibid., pp. 50-51)

Trong việc diễn đạt chương trình của ông cho “các hoạt động hữu cơ,” Lukaszewski đã hầu như không lên án truyền thống của các cuộc nổi dậy hoặc tán thành ý tưởng hòa giải chính trị với nước Nga. Ông đã gọi những người ủng hộ hòa giải là “những con chim kền kền” mà đã muốn “bóp nghẹt quốc gia và trao nó làm mồi cho sa hoàng” (“*Về Panslavism*,” Bendlikon [1865], p. 9). Với cạnh sắc bút chiến của nó, việc ông bảo vệ truyền thống khởi nghĩa đã nhắm đánh phe hòa giải Ba Lan, mà cũng đã ủng hộ những khẩu hiệu về công việc hữu cơ. Đối với Lukaszewski, không giống những người hòa giải, lời kêu gọi cho công việc hữu cơ đã không phải là một sự rời khỏi cuộc đấu tranh cho độc lập. Đúng hơn, nó đã là một sự tiếp tục của các chính sách đòi lại đất trong một tình hình mới. Sự nhấn mạnh về hoạt động kinh tế chẳng hề để thay thế những mục tiêu chính trị. Lukaszewski thậm chí đã cho phép sự tồn tại của các mưu đồ và âm mưu, cái gì đó đã xúc phạm đến những người hòa giải vì sự lên án nguyên tắc liberum conspiro (tự do âm mưu) đã là hòn đá tảng của triết lý chính trị của họ. Trong kết luận của tiểu luận “*Về Panslavism*” của ông, Lukaszewski đã bày tỏ một cách rõ ràng:

Âm mưu là một cái xấu, nhưng là một cái xấu cần thiết. Nó sẽ tồn tại chừng nào đa số nhân dân không tỏ ra một cách thực tiễn và đạo đức rằng họ không cần sự kích thích nhân tạo nào để phấn đấu cho độc lập.

Ông còn giải thích thêm tư tưởng này theo cách sau đây:

Khi chúng ta trở nên hùng mạnh bởi vì sự thịnh vượng, nền công nghiệp và nền giáo dục của quốc gia chúng ta, chúng ta hãy can đảm nhìn vào mắt kẻ thù và công khai đòi tự do. Nếu tự do không được công nhận, chúng ta sẽ không cần đến âm mưu bởi vì nguồn lực cho cách mạng sẽ sẵn sàng và toàn bộ dân tộc . . . sẽ đuổi kẻ xâm lược khỏi đất nước chúng ta. (Ibid., pp. 55-56)

Lukaszewski đã bày tỏ ý kiến của ông trong cuộc tranh luận với rường cột đó của sự hòa giải Galician, Józef Szujski, người đã bị ông quở trách vì “run sợ bởi vì chính ký ức về cách mạng và âm mưu; vì sự theo đuổi ‘công việc hữu cơ bình thường’ giữa tình trạng bất bình thường và sự tàn phá của sự chiếm đóng của nước ngoài. Cố gắng của ông ta sẽ vô ích nếu ông ta không đặt ra một mục tiêu rõ ràng: sự độc lập của toàn bộ quốc gia” (*Niepodleglosc*, 2/20/1867, no. 21, p. 7, được

trích trong cuốn *Di cư Ba Lan Sau Khởi nghĩa tháng Giêng* [Warsaw, 1966], p. 223).*

Lukaszewski đã thừa nhận rằng

Sự giải phóng nông dân đã đạt được, nhưng quần chúng vẫn chẳng có ý tưởng nào về các nghĩa vụ công dân mới của họ. Họ phải được khai sáng, được lãnh đạo, và làm cho tao nhã hơn. Moscow sẽ cho phép việc này? Những gì bị bỏ lại? Chúng ta phải chung sức một chút theo hướng đó. (Ibid.)

Theo ý Lukaszewski, một sự trình bày rõ mục tiêu chính trị – sự độc lập của toàn bộ quốc gia – đã là cốt yếu bởi vì sự lo lắng cho đạo đức và sự hiểu biết công dân của những người Ba Lan và cho việc chống lại sự sa đọa tinh thần của họ. Từ viễn cảnh này các chính sách hòa giải Galician đã vấp phải sự phê bình của nhà lưu vong đòi đất-theo phái hữu cơ này.

Nước Áo đã hút hầu hết nhựa sống của Galicia, và cái nó không thể nuốt nó đầu độc với nọc độc của chính sách ngu dân hay sự hận thù bộ lạc. Mặc dù vậy, các bậc huynh trưởng của đất nước Galician sắc mùi nô lệ. Họ bán rẻ phẩm giá của toàn bộ đất nước vì vài đồng xu; họ trao châu báu của đất của chính họ cho lòng thèm khát của những người Habsburg. Không ngạc nhiên rằng từ tội thông dâm này đã sinh ra bọn con hoang của chủ nghĩa bảo thủ. (Julian Lukaszewski, *Nhật ký 1862-64* [Warsaw, 1973], p. 221)

Tình hình đã khác ở Vương quốc Ba Lan, nơi sự hòa giải đã không chế ngự linh hồn: “Xa tít ở đó, từ Lithuania xa xôi, có thể nghe tiếng nói tin tưởng mạnh mẽ của Cha Piotrowicz, làm bối rối toàn thế giới” (ibid.).

Sự khâm phục và kính trọng Cha Piotrowicz đã không hề tương đương với sự đồng tình với lập trường bên kia núi (ultramontane)*. Ngược lại. Lukaszewski đã gọi những người Ba Lan bên kia núi (các thành viên của Cộng đồng Phục sinh) là một “bọn mù quáng, những người có bậc thầy của họ là Cha Kajsiewicz xảo quyệt và lá cờ của họ là tờ *Tygodnik Katolicki* (Tuần báo Công giáo) ghê tởm” (ibid., p. 212).

Phải nhớ rằng Cha Stanislaw Piotrowicz, “vào ngày 25 tháng Ba, 1870, đã công khai đốt sách kinh cầu nguyện Nga được các nhà chức

* Tôi phải nói thêm ở đây rằng tôi đã học được nhiều từ cuốn sách xuất sắc của Jerzy W. Borejsza. Tôi cũng muốn cảm ơn tác giả vì lời khuyên thân mật của ông. [chú giải của Tác giả]

* Giáo lý bảo thủ quá khích trong Giáo hội Công giáo nhấn mạnh đến đặc quyền và quyền lực của Giáo hoàng.

trách áp đặt lên các linh mục và đã nguyên rủa những người đã sử dụng nó” (ibid., chú thích bởi Giáo sư Stefan Kieniewicz, p. 253). Các thành viên của Cộng đồng Phục sinh, một thí dụ hàng đầu của lòng tin bên kia núi, đã đòi một sự từ bỏ kháng cự chính trị hoàn toàn và đã chủ trương phụ thuộc vào các chính sách của Tòa thánh Vatican. Hành động của Cha Piotrowicz đã có một ý nghĩa hoàn toàn khác, hết như nó đã khác căn bản với chủ nghĩa thực dụng được hiểu tồi của những người hữu cơ ở Ba Lan. Nó đã là một hành động có chủ ý để bảo vệ những thứ cốt yếu, để bảo vệ bản chất đạo đức của quốc gia. Phải nhấn mạnh rằng Lukaszewski đã tin rằng sự bảo vệ bản chất đạo đức quốc gia phải là thành phần bất biến và bất di bất dịch của chương trình “công việc hữu cơ.”

Có vẻ cần thiết để thảo luận chi tiết chương trình của Lukaszewski bởi vì ông đã đứng ở nửa chừng giữa những người hòa giải ở bên trong Ba Lan và “những người kiên định” sống lưu vong. Lukaszewski đã chia sẻ với những người hòa giải sự nhấn mạnh đến hoạt động kinh tế, cũng như cho việc vứt bỏ tâm trí về chủ nghĩa anh hùng và sự hy sinh đã được hình thành dưới khái niệm lãng mạn về “Ba Lan, đáng Christ của các Quốc gia.” Cùng với những người lưu vong “kiên định,” ông đã trung thành với ngọn cờ độc lập dân tộc cho những người Ba Lan. Mieczyslaw Paszkowski đã bày tỏ quan điểm của mình một cách khác:

Kẻ thù tập trung để không thừa nhận các chủ sở hữu Ba Lan. Bất cứ ai tìm được cách để cứu một tấc đất Ba Lan khỏi kẻ thù đều là người đã làm việc theo một cách hữu cơ và đã làm ơn lớn cho dân tộc. Kẻ thù nhắm vào việc trừ tiệt ngôn ngữ dân tộc, ký ức, truyền thống, tập quán dân tộc. Bất cứ ai đã dạy một đứa trẻ duy nhất hay chính mình tiếng Ba Lan thuần khiết. . . Bất cứ ai đã mở rộng bất động sản và ruộng đất của mình với mục đích sử dụng nó để phục vụ cho sự nghiệp dân tộc, đều là một người hữu cơ. (Một Phụ lục cho *Niepodleglosc*, 1/20/1867, được trích dẫn bởi Borejsza, *Sự Di cư Ba Lan*, p. 223)

Paszkowski đã đồng nhất lợi ích của Ba Lan với lợi ích của các giai cấp hữu sản và đặc biệt với lợi ích của giới quý tộc. Trong sơ đồ của ông sự kháng cự chống lại kẻ xâm lấn đã được quy giản thành sự sống sót đơn giản. Nó đã có nghĩa là “chờ đợi” hoàn cảnh xấu hết đi và duy trì các tập quán truyền thống, mà một vài trong số đó có gốc rễ trong những mối quan hệ xã hội lỗi thời. Trong thực tiễn thái độ này đã ám

chỉ sự thụ động, mà đã phân biệt nó với những kết luận tích cực được Lukaszewski rút ra.

Nhận thức nhà nước Nga như kẻ thù cơ bản và dần dần mất niềm tin vào khả năng trợ giúp hữu hiệu từ các nước Tây Âu, các chính trị gia ở Hôtel Lambert¹ đã ngày càng thiên về hướng thân Áo. Họ đã coi nền quân chủ Áo như cường quốc chia cắt duy nhất mà có thể đảm bảo cho những người Ba Lan những điều kiện tương đối thuận lợi cho sự sống sót quốc gia. Suy đoán về xung đột Áo-Nga tiềm tàng, các chính trị gia Hôtel Lambert đã thấy một khả năng biến Galicia thành một Piedmont Ba Lan, tức là, một trung tâm mà trong tương lai sẽ tập hợp các xu hướng đòi lại lãnh thổ Ba Lan và thống nhất các vùng lãnh thổ của khối cộng đồng trước kia. Các chương trình được những người lưu vong bảo thủ trình bày đã liên quan đến Ba Lan. Đức hoàng tử Wladyslaw Czartoryski, trong một bài phát biểu nói ngày 3 tháng Năm, 1865, đã tóm tắt các đòi hỏi của ngài thành hai ý tưởng: “bình tĩnh và làm việc.” Sử gia Jerzy Zdrada đã tóm tắt bài nói của Czartoryski: “Đề xuất công việc hữu cơ, nhận ra rằng có lẽ không đảng chính trị nào có thể được lập ra trong Vương quốc Ba Lan . . . ông đã khuyến nghị rằng nhân dân bám chặt định chế của giáo hội, và với sự giúp đỡ của nó tạo ảnh hưởng lên quần chúng nông dân” (Jerzy Zdrada, *Thời tranh tối tranh sáng của Czartoryskis* [Warsaw, 1969], pp. 92-93).

Những người Ba Lan bên kia núi khác cũng đã tán thành những ý tưởng như vậy. Walerian Kalinka, một thời đã dính líu mật thiết trong hoạt động chính trị của Czartoryski và muộn hơn là một thầy tu và một thành viên của Cộng đồng Phục sinh, cũng đã chấp nhận công thức công việc hữu cơ. Từ phối cảnh của ông ý tưởng này đã không thể được quy giản về hoạt động kinh tế.

Hoạt động kinh tế chỉ là một nửa của công việc hữu cơ; nó đòi hỏi một sự bổ sung nếu nó không dẫn đến những kết quả xấu nhất, phá rối tổ chức nhất. Nó là một nửa, và là nửa ít quan trọng hơn, không luôn luôn và không tuyệt đối cần thiết. Vì ai cũng biết rằng đã có các quốc gia nghèo nhưng quan trọng trong lịch sử; thế nhưng không có thí dụ nào về một quốc gia giàu nhưng vô đạo đức lại đã có khả năng bảo vệ mình khỏi những láng giềng của nó. Cùng với thân thể, hoặc đúng hơn trước thân thể, linh hồn phải được nuôi dưỡng. Vì thế, Giáo hội là quan trọng nhất đối với công việc hữu cơ, vì nó là linh hồn của

¹ Hôtel Lambert đã là dinh thự tại Paris của Hoàng tử Adam Czartoryski, “Vua chưa lên ngôi của Ba Lan” và lãnh tụ của dân di cư sau-1831.

thân thể quốc gia, * (Walerian Kalinka, *Sự thất bại của Pháp và Tương lai của châu Âu*. [Cracow, 1871])

Thực chất của những sự khác biệt giữa những người bên kia núi và các giới xung quanh Hôtel Lambert nằm ở sự thực rằng đối với những người trước điểm tham chiếu duy nhất đã là lợi ích chính trị của Tòa Thánh, trong khi những người sau đã tiếp tục đề cao “sự nghiệp Ba Lan” trong một cố gắng để tạo ra một liên minh chống-Nga ở châu Âu. Những người bên kia núi đã tin rằng những người Ba Lan phải từ bỏ mọi chính sách đối ngoại, trong khi các chính trị gia Hôtel Lambert đã cảm thấy hoạt động chính trị đối ngoại như một lĩnh vực thay đổi liên tục: họ đã thấy hy vọng cho một ngày mai tốt đẹp hơn trong sự biến đổi sân khấu ngoại giao. Czartoryski đã coi sự cố gắng của những người Ba Lan để tạo ra một liên minh với nền quân chủ Áo như một hệ quả có logic của sự đòi hỏi của công việc hữu cơ.

Những ý tưởng về công việc hữu cơ, đặc biệt trong phiên bản bảo thủ của nó, đã bị bác bỏ bởi các chính trị gia kiên định chủ trương độc lập, những người đi theo truyền thống năm 1863 (như, Zygmunt Milkowski hay Agaton Giller). Các đại diện của phái cực tả di cư, gắn liền với chủ nghĩa xã hội Âu châu, cũng đã thù nghịch với thuyết hữu cơ.

Trong tháng Tư 1867 một bài báo với tiêu đề “Công việc hữu cơ” đã xuất hiện trên tờ *Niepodleglosc* (Độc lập). Trong bài báo đó, mà theo ý Jerzy W. Borejsza là do Milkowski viết, đọc được: “Gần đây, một công thức được sáng chế ra mà được dùng như một chiếc khóa để bịt miệng. Nếu bất cứ ai bày tỏ một đòi hỏi rõ ràng hơn, nếu bất cứ ai tuyên bố rằng cần đến công việc nghiêm túc, đến công việc với một mục tiêu, thì họ được bảo ngay: ‘công việc hữu cơ’.” Tác giả đã tự tuyên bố mình là một người ủng hộ công việc hữu cơ “trong các lĩnh vực chính trị, kiến trúc, văn học, nghệ thuật, thương mại, công nghiệp, nông nghiệp.” Đối với ông ta công việc hữu cơ phải được “thấm qua, tỏa khắp với một sự đấu tranh cho sự giải phóng tổ quốc”

* Những ý tưởng của Kalinka liên quan chủ yếu đến phần của Ba Lan bị cai trị bởi nước Phổ, nơi tiến trình chính trị tàn bạo chống-Ba Lan đã liên quan đến Kulturkampf [Đấu tranh Văn hóa] chống Công giáo. Những vấn đề này, trong tất cả tính phức tạp của chúng, đã được thảo luận bởi Lech Trzeciakowski trong cuốn sách của ông, *Trong các vùng Lãnh thổ bị Phổ Thôn tính: 1850-1918*. Tôi sẽ thảo luận những vấn đề này trong một bài khác (Chú thích của Tác giả).

(*Niepodleglosc*, 4/30/1887, được W. Borejsza trích trong, *Sự Di cư Ba Lan*, pp. 224-225). Những cuộc khởi nghĩa đã được coi là một tất yếu không tránh được. Những lời cuối của bài báo “công việc như các công cụ, chủ quyền của Ba Lan như một mục đích” đã gần gũi với các ý tưởng của Lukaszewski được thảo luận ở trên. Những sự khác biệt nằm ở sự nhấn mạnh; Milkowski đã nhấn mạnh sự cần thiết để chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa mới, còn Lukaszewski thì đã liên quan tới việc làm cho chương trình của ông cụ thể và chóng-hòa giải hơn, trì hoãn những kế hoạch khởi nghĩa cho đến một thời gian muộn không định rõ.

Các nhà báo lưu vong cánh tả đã nghi ngờ chương trình hữu cơ thậm chí còn hung hăng hơn. Wlodzimierz Rozalowski, phê phán chiều hướng thân-Áo giữa những người Ba Lan, đã viết:

Chúng ta có vẻ được thuyết phục rằng nếu hôm nay chúng ta mơ ước về những liên minh theo định nghĩa chính thức, ngoại giao của tử này thì chúng ta đang chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa tương lai. Nhưng với ai chúng ta đứng thành hàng? Ai sẽ muốn tham gia liên minh với chúng ta? Có lẽ nước Áo. Nhưng chống lại ai? Có lẽ chống lại chính chúng ta.

Ông đã trình bày cương lĩnh riêng của mình như thế:

Bổn phận của chúng ta để đưa ra sáng kiến ngay lập tức cho một phong trào quốc gia tương lai, để đi đến với nhân dân với những lời hiểu biết được dùng theo cách mà họ sẽ hiểu rõ nhất, để trình bày cho họ những mục tiêu và sứ mệnh, để chiết ra từ họ một ý thức về phẩm giá và nghĩa vụ công dân bằng cách xóa bỏ sự dốt nát và sự cuồng tín. Trong các hiệp hội công khai hay những âm mưu bí mật chúng ta phải tạo ra một sự cấu kết phổ biến rộng, mà, khi nó chín muồi, có tiến hành một cuộc chiến tranh hữu hiệu chống lại những kẻ xâm lấn nước ngoài và những kẻ thù trong nước như nhau. (Wlodzimierz Rozalowski, “Đối với Nhân dân trong Nước,” *Zmowa*, no. 1/1870, được trích trong *Những người Dân chủ Cấp tiến Ba Lan*, một tuyển tập tác phẩm do Felicja Romaniukowa biên tập [Warsaw, 1960], pp. 36-38)

Quan điểm của Walery Wróblewski được bày tỏ theo một giọng tương tự:

Trong một nước mà đã nản chí dưới gánh nặng của ách khủng khiếp của lực lượng nước ngoài, tôi không thể hiểu nổi công việc được gọi là hữu cơ, mà là hợp pháp, là thỏa hiệp, mà là theo tinh thần của Targowica. Tôi chỉ có thể thấy một con đường để Ba Lan chọn, một con đường dốc, gây kiệt sức được phủ bằng máu từ đầu đến cuối: con đường truyền giáo của lời nói và từ viết, của những việc làm của người dân, thông qua sự dàn xếp của thanh niên kết

hợp lại. (*Niepodleglosc*, 2/10/1869, được J. W. Borejsza trích, *Sự Di cư Ba Lan*, p. 225)

Người ta không được kết luận từ những trích dẫn này rằng bất ứ ai, ngay cả Wróblewski với những lời cấp tiến của ông, đã nghi ngờ sự cần thiết để phát triển công nghiệp hay để mở mang kiến thức. Những người này đã chỉ nghi ngờ ý thức hệ của thuyết hữu cơ, được xác định tương phản với nguyên tắc của chủ quyền, như một cái thay thế cho ý thức hệ, và không như một phần bổ sung cho các cương lĩnh chính trị thuần túy. Đây là một sự phân biệt quan trọng: nó đã không là ý tưởng về “công việc tại cơ sở” mà là sự từ bỏ những khát vọng dân tộc để ủng hộ “công việc cơ sở” mà đã đặc trưng cho sự bất đồng giữa Ba Lan và dân di cư.

Đã có một sự khác nhau căn bản giữa góc nhìn của người lưu vong và người Ba Lan trong nước. Người Ba Lan trong nước, như Jerzy Jedlicki đã khéo léo nhận xét,

đã quen với sự từ bỏ và đã không phải là một người đòi hỏi tối đa. Khi . . . hy vọng và nhiệt tình được khơi lại, anh ta đã đứng lên và chiến đấu để giải phóng nông dân, để giải phóng tổ quốc. Khi những hy vọng đó đã không có, anh ta đã muốn kéo nước mình nếu không khỏi tình trạng giam cầm, thì chí ít khỏi đồng rúp. Không có khả năng giành lại độc lập, anh ta ít nhất đã muốn phấn đấu cho sự hiện đại; không có khả năng giải phóng quốc gia mình khỏi sự đô hộ nước ngoài, anh ta chí ít đã muốn giải phóng nó khỏi sự lạc hậu.

Người lưu vong đã khác. “Kẻ lang thang không quê hương,” Jedlicki tiếp tục, “đã phải là một người đòi hỏi tối đa: anh ta đã mơ về trở thành người lính quay về Ba Lan khi nó tự giải phóng mình. Tất cả mọi thứ mà làm cho ảo vọng này xa vời hơn, tất cả mọi thứ mà làm người dân sao lãng mục tiêu chính này, đều đã có vẻ như có hại” (Jerzy Jedlicki, “Các Trào lưu Tư tưởng Ba Lan và Phương Tây 1790-1863,” trong *Tính chất phác và Tính kỳ lạ* [Warsaw, 1973], pp. 227-288).

Jedlicki chạm trúng điểm chính. Người lưu vong, hầu như theo định nghĩa, đã cảm thấy gần với lập trường của Cato. Anh ta chắc đã không tha thứ sự yếu đuối trước mặt kẻ xâm lấn. Đáng buồn là anh ta thường xuyên đồng nhất sự thỏa hiệp với sự làm phản, và ngang vậ chủ nghĩa tuân thủ đối với anh ta thường có vẻ là sự bội giáo. Điều này có thể hiểu được trên bình diện tâm lý học. Mỗi người lưu vong đã đợi việc quay trở lại tổ quốc sắp xảy ra của mình, đợi cuộc kháng chiến triệt để và tức thời chống lại kẻ xâm lược, bởi vì riêng việc này biện

minh cho tình trạng lưu vong của anh ta. Sự thỏa hiệp với kẻ xâm lấn theo nghĩa nào đó lấy mất *raison d'être* (lý do tồn tại) của anh ta, biến anh ta thành không cần thiết. Người lưu vong trung bình đã phải bác bỏ mọi hình thức hòa ước, cho dù những hòa ước này được ký kết vì các lý do quan trọng. Đối lời luận đề tầm thường rằng “Ba Lan đã khánh kiệt,” anh ta sẽ trả lời: “Nước chúng ta không có lực lượng nào. Nhưng đã chính với bàn tay của chúng ta mà vùng Caucasus đã được chinh phục cho những người Muscovite, với máu của chúng ta mà sự thống nhất của nước Đức đã được đảm bảo; chính xương của chúng ta đã rải ở Algeria, khắp châu Âu, và thậm chí ở Santo Domingo” (A. W[ernicki], “Về các Lực lượng Quốc gia,” *Głos wolny*, 3/28/1867, được J. W. Borejsza trích dẫn trong, *Sự Di cư Ba Lan*, p. 247).

Những cương lĩnh thỏa hiệp, được trình bày bởi các trung tâm tư tưởng chính trị trong nước, sẽ được gọi là “sự làm mất phẩm cách” bởi người lưu vong vẫn trung thành với ngọn cờ khởi nghĩa. Người Ba Lan ở trong nước gắn tầm quan trọng lớn hơn cho những thứ cụ thể. Nếu chỉ vì lý do này, thì những ý tưởng có vẻ đồng nhất được trình bày bởi người lưu vong và bởi người Ba Lan trong nước đã phải là khác nhau.

Ngay sau khi khởi nghĩa bị thất bại, ý tưởng về đạt được một thỏa thuận với nền quân chủ Áo đã nhận được sự ưa thích giữa các chính trị gia Hôtel Lambert. Các xu hướng tương tự cũng đã xuất hiện ở Galicia, và chúng được bày tỏ bởi Pawel Popiel, giữa những người khác. Popiel, một trong những người bảo thủ Galician nổi bật nhất, đã viết một bức thư ngỏ cho một chính trị gia bảo thủ khác, Đức Jerzy Lubomirski. Trong lá thư này ông đã bày tỏ quan điểm của mình về tình hình hiện thời và về những điều kiện cho một thỏa thuận với Áo. Ông đã lên án những truyền thống khởi nghĩa và âm mưu cho độc lập và thay vào đó khuyến khích một thái độ phục tùng chân thật và trung thành với những chính sách của chính phủ Vienna để đổi lấy sự tự quản lãnh thổ và sự tự trị văn hóa rộng rãi.

Nếu chúng ta có quyền để đưa ra những đòi hỏi với chính phủ này, để bắt tay vào con đường của công lý và bình đẳng thật sự đối với nước chúng ta, thì chính phủ này có quyền để yêu cầu chúng ta về một số bảo đảm. Nếu nó trao cho chúng ta ngôn ngữ của chúng ta, kiến thức và sự tự quản, nó phải có cơ sở nào đó của sự ủng hộ trong nước chúng ta. Vienna phải biết rằng chúng ta sẽ không sử dụng tất cả điều này chống lại nó, rằng nó sẽ không trở thành công cụ trong tay cách mạng. . . . Chẳng có ích gì để nói về tương lai trong chính trị. Tương lai nằm trong tay của Chúa. Không người lương thiện nào có thể từ bỏ

tương lai, không người có lương tâm nào sẽ vội xét xử tương lai. Nhưng cái chắc chắn là, chỉ những người có các giá trị tinh thần, lý trí, sự thống nhất và của cải, mới sẽ có một tương lai. Và điều này không thể đạt được mà không có một sự thỏa thuận với các nhà cai trị bởi vì các nhà cai trị luôn luôn là một công cụ hữu cơ trong xã hội. Dân tộc mà sẽ luôn luôn sống đối lập với các nhà cai trị của nó sẽ không phát triển điều kiện quan trọng nhất đó đối với loài người: sự tôn trọng nhà chức trách. . . . Vì thế tôi phải lớn tiếng lên án mọi cố gắng để lấy lại một sự tồn tại chính trị khi vẫn còn quá sớm cho việc đó, trước khi có những lực lượng bên trong và các công cụ và hoàn cảnh bên ngoài cần thiết. . . . Với thiên hướng ồm ồm, với sự đau khổ làm phiền chúng ta từ mọi phía, mỗi sự thay đổi hay sự phức tạp đơn nhất bên trong hay bên ngoài đánh thức những hy vọng lớn của chúng ta. Nhưng nếu ngày nay chúng ta áp ú những mơ ước về sự phản kháng giữa các cường quốc Âu châu, hoặc về sự củng cố của những người Slav miền tây đối lại những người Slav miền đông, hoặc về việc tạo ra một điểm tựa của Archimedes từ Galicia, chúng ta sẽ chẳng nhận được gì từ nó. Đúng hơn, chúng ta sẽ cản trở việc tạo ra những điều kiện tự nhiên, hữu cơ cho quyền tự do thực sự trong cả nước. Chúng ta ta không nên tuyên bố quan điểm riêng rẽ hay bảo vệ chủ nghĩa hiến pháp, mà đã không mang lại cho chúng ta điều gì tốt lành, mà đúng hơn nên tận dụng các định chế pháp lý và giành được cho chúng ta tất cả các quyền tự do mà bộ hiện hành, phù hợp với các nguyên tắc của nó, buộc phải ban cho tất cả các tỉnh của nước Áo. . . . Chúng ta hãy bỏ qua chính trị lớn mà chẳng liên quan gì đến những mối quan tâm thực sự của nước chúng ta, mà ở trong tình trạng nguyên tử hóa xã hội và trái đạo lý. Chúng ta đang đứng trước một sự lựa chọn: hoặc chúng ta sẽ, dưới ảnh hưởng của các lực lượng bí mật, trong cuộc đấu tranh không mục đích làm tiêu tan phần còn lại của năng lực của chúng ta, hoặc trên con đường hợp pháp và công khai chúng ta sẽ giành được cho chính mình các điều kiện cho một cuộc sống mà, cho dù nó không phải là lý tưởng cuối cùng của chúng ta, sẽ bảo đảm cho chúng ta một nền giáo dục bình thường và các hình thức và nguyên tắc xã hội cơ bản. (Pawel Popiel, *Các tác phẩm*, 1:69-74)

Dễ thấy trong tuyên bố này và những tuyên bố khác của Popiel những chủ đề mà đã tiến hóa thành những thành phần của tư tưởng bảo thủ Ba Lan. Đây là sự trung thành với quốc vương (cho dù là quốc vương của cường quốc chia cắt [Ba Lan]), sự lên án âm mưu, sự quan tâm bảo tồn ngôn ngữ và những tập quán, và sự xác nhận hệ thống thứ bậc xã hội, với quốc vương được cho là cái bảo đảm của hệ thống thứ bậc này. Cũng điển hình đã là thái độ tiêu cực triệt để của ông với Khởi nghĩa 1863, được cho là do “cảm hứng nước ngoài và một phần vì những mục đích nước ngoài” (ibid., p. 18) gây ra, cũng như đòi hỏi của ông để loại bỏ khỏi đời sống công tất cả những người mà đã tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào những hoạt động khởi nghĩa. Ngay cả Józef Szujski, một bạn thân của Popiel và một nhà báo nổi tiếng thuộc thế hệ

trẻ hơn của những người bảo thủ Galician, đã tham gia vào một cuộc tranh luận với Popiel.

Trong khi chấp nhận phần lớn lý lẽ của Popiel, Szujski đã quyết liệt tấn công lời tuyên bố rằng những người nổi dậy trước kia phải bị tẩy chay. “Đừng,” Szujski đã la lên, “nghe những nhà tiên tri giả như ông Pawel Popiel! . . . Người ta không có quyền nào để dùng đến sự tẩy chay. . . hoặc để nói rằng ai không hợp với khung khổ hạn hẹp của cương lĩnh chính trị của chúng ta là chống lại chúng ta và sẽ bị tiêu diệt. Vì cương lĩnh của chúng ta phải là một cương lĩnh rộng mà trong đó sẽ có chỗ cho tất cả những người có năng lực và thiện chí” (J. Szujski, “Về Brochure của ông Pawel Popiel,” p. 236). Không bảo vệ bản thân sự khởi nghĩa và bác bỏ lựa chọn của những cố gắng nổi dậy vũ trang mới, Szujski đã viết: “Những vết thương của chúng ta là thật, và những lý do cho sự bất hạnh của chúng ta là cao cả và cao thượng” (ibid., p. 212). Józef Ignacy Kraszewski đã đáp lại Popiel theo một lối tương tự:

Có lẽ không ai sẽ đứng lên ủng hộ cách mạng, và không ai sẽ từ chối rằng phải tận dụng những cơ hội nảy sinh nào đó. Nhưng điều đó không đòi hỏi sự từ chối quá khứ hoặc tin hoàn toàn rằng hiện tại sẽ mang lại cái nó hứa hẹn. Chính trị lành mạnh cần sử dụng những cơ hội, nhưng chỉ trong chừng mực mà đức hạnh và tính tốt bụng cho phép. (Józef Ignacy Kraszewski, “Một Thư Ngỏ gửi Hoàng tử Jerzy Lubomirski,” được trích trong Wincenty Danek, *Các tác phẩm của J. I. Kraszewski 1859-1872* [Wrocław, 1957])

Kraszewski, bản thân ông là một nhà hữu cơ của trường phái theo hướng độc lập kiên định, đã chỉ ra những hạn chế của sự hòa giải và đường ranh phân chia giữa thỏa hiệp và sự từ chối. Khi xem xét những đề xuất chính trị của Pawel Popiel người ta không thể nói chắc chắn liệu vị trưởng lão nhất này của chủ nghĩa bảo thủ Galician đã vượt đường ranh đó hay không. Thế nhưng có vẻ không thể bàn cãi rằng những người đã tin không chỉ vào sự hòa giải mà vào sự đầu hàng đã tìm thấy trong các bài viết của Popiel sự biện minh ý thức hệ cho ứng xử của họ. Cũng có thể nói điều này cho chính trị của tất cả những người mà đã coi những lợi ích khác nhau của quốc gia Ba Lan và nền quân chủ Áo là như nhau. Popiel, không vội xét đoán tương lai, đã dứt khoát bác bỏ bất cứ hình thức hoạt động chính trị nào ở đây và bây giờ mà thay thế những lợi ích trực tiếp của Vienna và làm cho Galicia

thành một “Piedmont* Ba Lan” (đây đã là ý nghĩa của nhận xét về “điểm tựa của Archimedes”). Và đây đã là nơi sự bất đồng giữa Popiel và Hôtel Lambert xảy ra. Những người đã suy luận theo cùng lối như Popiel, Ludwik Bystrzonowski, cộng sự thân cận của Czartoryski đã viết, “không hiểu lập trường của họ. Họ là những người Galician và không phải những người Ba Lan” (được trích trong J. Zdrada, *Thời tranh tối tranh sáng của Czartoryskis*, p. 100). Về những người khác, có thể nói rằng còn nhiều hơn là những người Galician, họ đã là những thân dân của quốc vương Áo. Thí dụ cổ điển về một người theo chủ nghĩa chính thống và nhà ái quốc Áo như vậy đã là Bá tước Kazimierz Starzenski, cựu đại tá của quân đội Áo. Năm 1849 Starzenski đã tham gia đàn áp khởi nghĩa Hungary, và mười lăm năm sau ông đã được tôn vinh với một thông báo từ Hoàng đế Franz Joseph vì sự chứng tỏ lòng trung thành của ông trong Khởi nghĩa 1863. Trong thời gian xung đột Italy-Áo Starzenski đã đưa ra đề nghị công khai đề thành lập các phân đội tình nguyện của “những người Cracov” ở Galicia để chiến đấu cùng quân đội Áo.

Về sáng kiến của Starzenski, Wladyslaw Czartoryski đã trình bày quan điểm của Hôtel Lambert. Đối với những người lưu vong ông đã khuyên sự thận trọng, sự kiềm chế, và sự nhẫn nại trong kỳ vọng những thay đổi về tình hình chính trị. Ông đã viết: “Không, không có chỗ nào cho lá cờ Ba Lan trong sự bày binh bố trận của châu Âu hôm nay. Dân di cư, mà, dù sao đi nữa, luôn luôn bảo vệ lợi ích của toàn bộ Ba Lan, sẽ không và chưa thể gắn bản thân mình với bất cứ bên nào trong chiến tranh và, bất chấp hướng mà theo đó nó có thể theo, phải chờ đợi một cách kiên nhẫn và bình tĩnh.” Lời khuyên này cho những người lưu vong đã là một luận chiến úp mở chống lại bè phái cấp tiến của người di cư, mà đã đang lên kế hoạch thành lập các đội quân Ba Lan bên phía Italy. Czartoryski thận trọng đã nêu ra một sự phân biệt giữa những nghĩa vụ của những người lưu vong Ba Lan và của những người Ba Lan xứ Galicia:

Các sư đoàn tình nguyện ở Galicia là một vấn đề khác bởi vì chỉ ở Galicia thì cả niềm tin lẫn tính quốc gia đều không bị chính phủ đe dọa. Đúng hơn, Galicia đã được phú cho các định chế mà hứa cho nó một đời sống quốc gia

* Piedmont là vùng lớn thứ 2 trong 20 vùng của Italia, được coi là bàn đạp cho sự thống nhất của Italia (1859-1861) sau nhiều cuộc chiến tranh thất bại chống lại đế chế Áo cai trị trước đó.

đầy đủ hơn. . . . Nếu giả như tôi là một công dân của Galicia, tôi sẽ làm mọi thứ có thể để duy trì hệ thống hiện tồn. Các chính trị gia Galician ngày nay đang đoạt được lãnh thổ Ba Lan . . . và bằng cách ấy duy trì được một cơ sở cho những hy vọng được áp ủ nhất cho tương lai. Đây là thứ quan trọng nhất có thể làm được cho sự nghiệp dân tộc. (*Czas*, 5/31/1866, được trích trong J. Zdrada, *Thời tranh tối tranh sáng của Czartoryskis*, p. 117)

Trong việc bày tỏ cương lĩnh của mình về sự ủng hộ nền quân chủ Áo, lãnh tụ của Hôtel Lambert đã không hề đồng nhất một cách vô điều kiện với chính sách hòa giải Galician. Cụm từ “Những hy vọng được áp ủ nhất cho tương lai” đã rành rành bất hòa với những nhận xét của Pawel Popiel về “điềm tựa của Archimedes.” Lần lượt, sự ủng hộ vô điều kiện cho hiện trạng của Vienna đã dứt khoát mâu thuẫn với tư duy của cánh tự do của những người hòa giải Galician do Franciszek Smolka lãnh đạo. Smolka đã ủng hộ việc tạo hình lại nền quân chủ từ một nền quân chủ nhị nguyên (Áo-Hung) thành một liên bang, cũng như một liên minh giữa Ba Lan và các quốc gia bị chinh phục khác nhân danh các giá trị phổ quát của phương châm “Vi quyền tự do của các bạn và của chúng tôi.” Smolka đã là một người chống-khởi nghĩa, nhưng ông đã không từ bỏ truyền thống cũng chẳng từ bỏ tư tưởng chủ quyền. Về vấn đề này ông đã thống nhất với Hôtel Lambert. Nhưng ông đã khác họ trong lòng tin của ông rằng sự từ bỏ sẵn sàng chiến đấu cho nhiều sự tự trị hơn, tất cả vì một tầm nhìn ảo tưởng về sự hợp tác hài hòa với Vienna, sẽ dẫn đến chủ nghĩa thất bại. Smolka đã tin rằng chỉ với sự gây áp lực lên chính phủ trung ương cùng với áp lực của tất cả các sắc tộc thì những người Ba Lan mới sẽ có khả năng nhận được một thỏa hiệp thuận lợi. Ông đã không tin vào sự giúp đỡ hào phóng và tử tế của các nhà ngoại giao Áo để đền đáp lại sự trung thành Ba Lan đối với nền quân chủ của họ. “Trong chính trị, chẳng ai được hướng dẫn bởi tình cảm,” tờ báo của những người hòa giải-dân chủ, *Gazeta Narodowa*, ở Cracow đã viết. “Hoàng tử Czartoryski có thể tin vào tính hiệu quả của tình cảm, nhưng chúng ta không biết nền ngoại giao nào như vậy” (*Gazeta Narodowa*, 5/31/1866, được trích trong J. Zdrada, *Thời tranh tối tranh sáng của Czartoryskis*, p. 118). Những người lưu vong đòi lại lãnh thổ đã lập luận theo cách tương tự. Đối với họ, như đối với Smolka, một liên minh với các quốc gia bị Áo cai trị là quan trọng hơn sự liên minh với giới quan liêu đế quốc ở Vienna.

Smolka và Popiel đã bất đồng về nhiều vấn đề. Ngoài những vấn đề đã được nhắc đến rồi, họ cũng có những lòng tin xã hội khác nhau.

Smolka đã là một nhà dân chủ còn Popiel là một nhà bảo thủ cấp tiến. Nhưng họ đã thống nhất về một vấn đề: cả hai đã chấp nhận ý tưởng về công việc hữu cơ. Ý tưởng này cũng đã được chia sẻ bởi các nhà bảo thủ thuộc thế hệ trẻ hơn, những người trước đó đã ủng hộ một cuộc khởi nghĩa và những người đã được biết đến như “Stanczycy.” Józef Szujski, một trong những lãnh tụ của phái này, đã viết:

Ngày nay, sau khi sự giải phóng đã hoàn tất, chúng ta có một tình thế nơi âm mưu là hoàn toàn sai, trong khi chiến lược công việc hữu cơ là hoàn toàn đúng! . . . Con đường phát triển quốc gia hữu cơ bình thường, con đường mở đầu trật tự xã hội tiếp theo sự giải phóng và các quyền ngang nhau, là hoàn toàn đúng. Trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, và kinh tế chúng ta phải bắt đầu một cách cởi mở và công khai để sử dụng tất cả những lực mới có sẵn cho chúng ta tùy ý sử dụng, để biến chúng ta thành một nhóm những người của công chúng được kính trọng với sự tin cậy của quốc gia. Quốc hội, các định chế công, các hiệp hội công: những thứ này tạo thành khung khổ cởi mở, hợp pháp của chúng ta mà phải bao hàm tất cả hoạt động công của chúng ta, và bản thân các cơ quan này không được tham gia vào những hoạt động vượt quá lĩnh vực chúng được phép.

Szujski đã biện minh sự ủng hộ Áo theo các phạm trù địa chính trị: “Ngày nay ai phản đối hướng của những người Ba Lan ở Áo, hướng của công việc hữu cơ trong tương lai có thể thấy trước được, thì là người đang trực tiếp ủng hộ Moscow bất luận anh ta thích việc đó hay không” (Józef Szujski, *Về Brochure của ông Pawel Popiel*, pp. 281-284).

Qua thời gian, các lý lẽ phi-địa chính trị đã tỏ ra quan trọng hơn, vì những người bảo thủ Galician cũng đã chuẩn y sự hợp tác với cường quốc chia cắt ở Vương quốc Ba Lan. Họ đã biện minh việc này bằng mối quan tâm của họ để “duy trì” trật tự xã hội. Vì lý do này và những lý do khác tiêu luận của Szujski, “Vài Sự Thật về Lịch sử của Chúng ta,” đã gặp phải sự phê phán gay gắt từ những người lưu vong. Nhà báo bảo thủ đã bị lên án về sự lạc hậu và sự sẵn sàng thỏa hiệp. Những người phê bình ông đã đến từ nhiều phái chính trị: bên cạnh Tokarzewicz, là Julian Lukaszewski; bên cạnh Agaton Giller, là Józef Ignacy Kraszewski. Giữa những địch thủ của Szujski đã là những người tin vào công việc hữu cơ, nhưng hiểu nó theo cách hoàn toàn khác.

Bản chất của sự bất đồng giữa các chương trình khác nhau cơ bản này đã được thu tóm một cách khéo léo bởi một nhà báo lưu vong, người đã viết rằng người theo thuyết hữu cơ ở Ba Lan “muốn công việc

được tiến hành bên trong các giới hạn do luật đề ra với một mục tiêu mù mịt trong đầu,” còn người lưu vong theo thuyết hữu cơ-đòi lại lãnh thổ thì “muốn công việc được tiến hành với một mục tiêu tức thì trong đầu. . . . Chúng ta gợi ý rằng công việc hữu cơ dài lâu được tiến hành theo cách sao cho cuộc khởi nghĩa tiếp theo bất gặp không phải những trở ngại và những khó khăn, mà những dự bị đạo đức và vật chất” (*Niepodleglosc*, 4/20/1867, được trích dẫn trong J. W. Borejsza, *Sự Di cư Ba Lan*, pp. 225-226).

Điều này nói rõ một sự khác biệt căn bản: Những khả năng của hành động là gì, và những giới hạn của nó là gì? Và cả: Những mục tiêu của công việc hữu cơ là gì? Theo Szujski, các giới hạn đã được đánh dấu bởi các luật và các quy chế hiện thời. Các chính trị gia Ba Lan nên hành động bên trong ranh giới của luật, vì tất cả những hoạt động khác có thể gọi lên bóng ma đáng ngại của âm mưu chính trị. Tác hại của *liberum conspiro* (tự do âm mưu), đối với Szujski, đã lớn hơn rất nhiều tác hại của một sự sẵn sàng quá mức cho thỏa hiệp và sự trung thành quá thể với quốc vương của nước chia cắt. Tác giả của “*Vài Sự Thật. . .*” đã sợ các nhóm bất hợp pháp tự giáo dục do các sinh viên vận hành hơn những sáng kiến của Bá tước Starzenski, mà “đội quân” của ông được đặt trên các đội quân của Henryk Dabrowski trong các bài báo trong *Czas* (tờ báo của những người bảo thủ “già”). Szujski đã ủng hộ hướng thân Áo vì những lý do tương tự như các lý do xác định chính trị của giới Hôtel Lambert; tức là, ông đã biện minh sự lựa chọn của mình với một khái niệm đặc biệt của các chính sách chống-Nga. Nhưng ông đã không kết luận một cách rõ ràng và dứt khoát rằng chủ quyền cho những người Ba Lan đã là mục tiêu của những hoạt động ông ủng hộ. Cả ông lẫn những “*Stanczycy*” khác đã đều không thử thuyết phục những người Ba Lan rằng họ đã phấn đấu vì tư cách nhà nước Ba Lan độc lập; thay vào đó họ đã trình bày những ý tưởng không rõ ràng về giải pháp Áo-Ba Lan. Điều này đã được dùng như một phương thuốc cho sự tồn tại quốc gia bị đe dọa. Qua thời gian, những người *Stanczycy* trở nên trung thành với ba cường quốc. Đáp lại sự tiến hóa này của “nhóm Cracow,” Agaton Giller, người còn xa mới đã cấp tiến, đã tấn công họ mãnh liệt:

Chừng nào chúng ta còn trung thành gắn bó với ngọn cờ độc lập, tự do, và sự thống nhất của Ba Lan, thì sự nghiệp của chúng ta sẽ còn hùng mạnh và quan trọng đối với quốc gia và thế giới. . . . Có khả năng để bảo vệ quốc gia Ba Lan

chỉ dưới ngọn cờ của chính trị và nhà nước mà không có nó, thì sự bảo vệ sẽ không thành công. (Agaton Giller, “Về Tinh thần nô lệ và những kẻ Xu nịnh” [Brussels, 1879], p. 122)

Giller đã viết như thế về chính trị của những người Stanczycy:

Tinh thần nô lệ giống bệnh dịch hạch. Một khi nó đã thâm nhập vào linh hồn của một người, nó không còn có thể được đẩy ra nữa. Nó ăn mòn hết cơ quan đạo đức của anh ta và phá hủy trong trái tim anh ta tất cả ý nghĩa của sự thật, phẩm giá, và tính cao thượng. . . . Người mà để cho bệnh dịch hạch vào tâm hồn mình chỉ có thể là một kẻ xu nịnh hay một cảnh sát. Anh ta sẽ là một kẻ xu nịnh đối với kẻ mạnh, cho dù anh ta mặc áo của người quý phái và mũ lông thú và mang thanh guom cong được kế thừa từ tổ tiên nghị sĩ của anh ta; anh ta sẽ là một cảnh sát trên người yếu, cho dù anh ta mang đồ nghề của một biên tập viên hay một áo choàng của học giả! Tinh thần nô lệ là căn bệnh sa đọa mà toàn bộ các quốc gia không chống nổi. Căn bệnh này là đặc biệt nguy hiểm đối với các dân tộc bị giam cầm bị các cường quốc nước ngoài cai trị. Anh hưởng của tinh thần nô lệ có khả năng mở đường cho những kẻ xâm chiếm thôn tính Ba Lan về mặt đạo đức. (Ibid., pp. 143-144)

Tất cả những người theo thuyết hữu cơ/lưu vong về cơ bản theo cùng đường lối như Giller. Họ đã coi khái niệm “công việc ở mức cơ sở” như một cái xấu gây ra bởi tình hình nội bộ cụ thể (những sự tàn phá của cuộc khởi nghĩa thất bại) cũng như bởi tình hình bên ngoài (sự thiếu vắng hoàn cảnh quốc tế thuận lợi). Thuyết hữu cơ đã là một hình thức hoạt động mà sẽ dẫn đến độc lập. Như thế người theo thuyết hữu cơ/lưu vong đã không thể chấp nhận sự tuân thủ pháp luật, vì cái là hợp pháp đã được tuyên bố bởi sự lập pháp như vậy của kẻ xâm lược và đã hợp với lợi ích của cường quốc xâm chiếm. Tiêu chuẩn chính phải không là sự tuân thủ pháp luật mà là thực tế. Diễn đạt một cách cô đọng hơn: những hoạt động được quy định và được ủng hộ đã là những hoạt động mà đã có điểm tham chiếu của chúng không phải là luật được trình bày bởi kẻ xâm lấn phù hợp với lý trí của kẻ xâm lấn về nhà nước, mà đúng hơn là nhu cầu của những người Ba Lan cho một sự tồn tại độc lập. Những hoạt động cũng được xác định phù hợp với hoàn cảnh cho hoạt động thực tế, cho dù chúng có mâu thuẫn với luật hình sự Áo, Nga, hay Phổ. Chừng nào mà anh ta còn muốn chỉ ít trung thành một chút đối với vai trò của anh ta với tư cách người lưu vong, không người lưu vong nào có thể từ bỏ ý tưởng độc lập dân tộc để đổi lấy một sự liên hiệp vĩnh viễn theo bất cứ hình thức nào với bất cứ cường quốc chia cắt nào, không quan trọng cường quốc đó tỏ ra khai

phóng và khoan dung thế nào đối với những người Ba Lan. Khẩu hiệu “Polonia irredenta – Đòi lại Ba Lan” đã phải xuất hiện trên lá cờ của tất cả những người lưu vong; ý tưởng này phải được trình bày lại lần nữa, tuyên bố lại và giải thích lại hết lần này đến lần khác.

Trong số các nhà báo lưu vong tôi đã trích dẫn, Agaton Giller là một trường hợp cổ điển của nhà lưu vong “can đảm” người đã kiên định giữ gìn truyền thống chủ quyền và khởi nghĩa. Đã không phải ngẫu nhiên: chỉ những người lưu vong can đảm đã nuôi dưỡng tiêu chuẩn cơ bản này của tư tưởng về tương lai của Ba Lan và phong trào vì độc lập. Tiêu chuẩn đã bao gồm (và tôi đơn giản hóa một cách tự nhiên vấn đề này): sự ca ngợi lịch sử Ba Lan; một tầm nhìn về Ba Lan trước khi bị chia cắt như một ốc đảo của tự do, công lý và sự khoan dung; sự chấp nhận vai trò lãnh đạo của giới quý tộc; và sự khẳng định hoàn toàn tất cả hoạt động đòi lại lãnh thổ: âm mưu, mưu đồ, và nổi dậy. Một thành tố quan trọng khác của chuẩn mực này đã là mô hình, được tạo nên bởi văn học lãng mạn, về tâm tính anh hùng của người yêu nước Ba Lan.

Người ta có thể quan sát thấy một sự xét lại nào đó trong thái độ của những người lưu vong sau Khởi nghĩa tháng Giêng liên quan đến sơ đồ của những truyền thống được hình dung theo cách này. Những sự xét lại đã được tiến hành từ ba quan điểm tư tưởng, mà để cho ngắn gọn có thể được gọi là bảo thủ, tư sản, và bình dân. Những người bảo thủ, tập trung quanh Hôtel Lambert, đã coi toàn bộ truyền thống Ba Lan về khởi nghĩa một cách phê phán, thấy những khía cạnh của “cách mạng xã hội” trong mỗi cố gắng tại một cuộc nổi dậy. Theo họ cuộc Khởi nghĩa 1863 “về cơ bản đã là một sự bùng nổ xã hội, và không phải một cuộc đấu tranh dân tộc” (J. Zdrada, *Thời tranh tối tranh sáng của Czartoryskis*, p. 53). Tất cả những hoạt động mà trong quá khứ đã dẫn đến những cuộc nổi dậy, cũng như bản chất của đạo lý Ba Lan mà đã đòi hỏi sự tham gia vào các cuộc nổi dậy, đáng bị xét xử một cách gay gắt. Walerian Kalinka, người đã chia tay với những ý tưởng chính trị của Czartoryskis và đã chia sẻ giáo lý bên kia núi của Cộng đồng Phục sinh, thậm chí còn đi xa hơn trong đánh giá của ông về quá khứ của Ba Lan. Ông đã viết trong một bức thư gửi Wladyslaw Czartoryski:

Một quốc gia mà nghiêm khắc với mình gọi lên sự tôn trọng trong những người quan sát, nhưng khi nó gieo những ảo tưởng họ chế nhạo nó. Chúng ta

đã lên án những kẻ thù của chúng ta vì một trăm năm gây ra sự suy sụp của Ba Lan. Chúng ta đã rút ra được bài học gì từ đó? Chúng ta đã chỉ xoay xở để lừa dối mình. Chính chúng ta là nguyên nhân của sự suy sụp của Ba Lan; chỉ chúng ta có thể kéo nó lên nếu, với sự ăn năn trong trái tim chúng ta, chúng ta thú nhận những sai lầm của mình. (J. Zdrada, *Thời tranh tối tranh sáng của Czartoryskis*, pp. 48-49)

Kalinka, trong cái nhìn hết sức tiêu cực và phê phán về quá khứ của Ba Lan, đã phù hợp với ý kiến cấp tiến của cánh tả lưu vong.

Một thí dụ về thuyết cấp tiến này đã là bài báo có tựa đề “300 Năm Trước,” được đăng trong tờ *Le Peuple Polonais* (Nhân dân Ba Lan), một tạp chí gắn mật thiết với Hội Dân chủ và Ludwik Mieroslawski. Nó đã phê phán những lễ kỷ niệm Liên hiệp Lublin [1569] cả ở Ba Lan và ở nước ngoài.

Józef Hodi-Tokarzewicz, một người đề xuất những nguyên tắc của thuyết cấp tiến xã hội, đã là một trong những người phản đối bài báo này. Vì Hodi đã thăng tiến một phiên bản tựa-xã hội chủ nghĩa và theo chế độ liên bang của truyền thống Jagiellonian, ông đã phải bác bỏ đánh giá tiêu cực về sự kiện quan trọng sông còn này trong lịch sử của các mối quan hệ Ba Lan-Lát vi. Điều này không nói rằng Tokarzewicz đã lý tưởng hóa quá khứ của Ba Lan. Trong một bài báo được đăng trong *Gmina* và có tiêu đề “Quá khứ và Tương lai của Ba Lan,” ông đã viết:

Chẳng phải lịch sử nội địa của Ba Lan một mặt là một chuỗi không dứt của sự suy đồi đàn độn nhất và sự vô chính phủ xấu xa nhất của giới quý tộc, và mặt khác là sự giam cầm khủng khiếp nhất và sự khốn khổ đen tối nhất của giai cấp nông dân? Chắc chắn, là không thể để thấy trong nó ánh sáng lập lờ nhạt của tình anh em mà có thể ngăn những kẻ cai trị khỏi việc đẩy những người bị trị xuống hàng súc vật và đồ vật. . . . Quá khứ của giới quý tộc là một nằm mộ to; trong sự cuồng tín và điên loạn người dân báng bỏ ngôi mộ này và để cho gió thổi bay tro từ mồ mã của những kẻ áp bức họ. Giới quý tộc và nhân dân của chúng ta đã trôi theo hai dòng tách biệt, hướng theo những hướng khác nhau trong chín thế kỷ. (*Gmina*, no. 1/1866, được trích trong *Những người Dân chủ Cấp tiến Ba Lan*, pp. 48-49)

Có thể thấy những ý tưởng tương tự trong những bài viết của một người lưu vong cấp tiến khác, một nhà hoạt động xuất sắc của Gia đình Cộng hòa Ba Lan, Ludwik Bulewski. Ông đã viết:

Hai con đường dẫn tới hai thế giới mà trong đó Ba Lan có thể tìm thấy chỗ cho mình. Con đường cũ đầy sự phản bội, cãi cọ, trò gian trá, hoang vu và ảo tưởng: con đường mới là thẳng, sáng sủa, rộng rãi, và được bao quanh bởi không khí trong sạch, tươi mát và lành mạnh. Trên con đường cũ chẳng có gì cho Ba Lan ngoài sự ghê tởm, hận thù, và sự thờ ơ; trên con đường mới, những cái ôm anh em chờ đợi nó. . . . Được gây cảm hứng bởi bản năng ích kỷ của sự tự-duy trì, thế giới cũ đã để cho Ba Lan bị xóa khỏi bản đồ, trong niềm tin rằng bằng cách xóa tên nó đi, nó sẽ phá hủy các quyền của nó và sứ mạng của nó. (*Rzeczpospolita Polska*, no. 2/1869, được trích trong *ibid.*, pp. 128-129)

Sự lý tưởng hóa của Tokarzewicz về quá khứ dưới ảnh hưởng của các ý tưởng của Lelewel về tài sản công xã đã bị giới hạn ở đầu Thời Trung cổ. Những ý tưởng của Bulewski đã tương tự:

Định chế gốc của xã hội chúng ta đã không biết đến nền quân chủ nào, sự thừa kế nào, hệ thống thứ bậc giai cấp nào, đặc quyền nào; đã chính là người cộng hòa theo ý nghĩa đầy đủ của từ này, dựa trên nguyên tắc bình đẳng trong sự đoàn kết, và từ nó những mục tiêu đạo đức của dân tộc đã bắt nguồn. Tình đoàn kết này, được nâng cao bởi sự giáo dục, đã biến thành tình đoàn kết gia đình thực sự của tình yêu tổ quốc. . . . Và cũng thế người Ba Lan chân chính, bản địa người đã không để cho bản thân mình bị tước mất tính dân tộc, yêu Ba Lan không trong một đẳng cấp mà trong tất cả những người con của nó, bất chấp gia đình, xuất xứ xã hội, giai cấp hay niềm tin của họ. (Được trích trong *ibid.*, pp. 165-166)

Bulewski đã kết thúc các lý lẽ của ông thế này:

Hãy ngừng chơi trò từ ngữ và chấm dứt sự mĩa mai bị lạm dụng và đẫm máu: rằng “tất cả chúng ta đều cần Ba Lan!” Bởi vì tất cả những kẻ phản bội Ba Lan bắt đầu với Targowica và nhà vua của nó và kết thúc với những Czartoryski và những Wielopolski cũng đã thét lên và vẫn đang thét lên rằng họ cần Ba Lan! Chính họ là những người đã dẫn chúng ta đến Ba Lan dọc theo những con đường riêng của họ, qua những Petersburg, Paris, Rome và Istanbul, và ngày nay họ muốn cứu Ba Lan qua Vienna. Chúng ta hãy kiên quyết đẩy sang một bên những kẻ Đạo đức giả này bởi vì con đường mà dẫn tới Ba Lan đi qua chỉ Ba Lan, dọc những con đường Ba Lan. (Được trích trong *ibid.*, p. 186)

Diễn giải lịch sử của dân tộc theo cách này, Bulewski đã nhắm đánh bè phái quý tộc-ngoại giao. Phần đầu cho sự tự chủ Ba Lan đã đặt Bulewski gần với những ý tưởng của những người lưu vong theo thuyết hữu cơ như Julian Lukaszewski. Người ta có thể dễ dàng thấy sự nhấn mạnh một cách mạnh mẽ chống-giới quý tộc và chống-lãng mạn

trong những văn bản của Lukaszewski mà tôi đã trích dẫn rồi. Ý tưởng rằng con đường để cứu dân tộc khỏi sự giam cầm nằm không chỉ ở âm mưu và khởi nghĩa mà cả trong hoạt động công nghiệp và giáo dục có thể thấy trong phê phán của ông đối với tâm tính bị ảnh hưởng bởi thi ca lãng mạn. Karol Swidzinski, người trong thuyết cấp tiến của mình đã gắn với Jaroslaw Dabrowski, đã lập luận theo dòng tương tự.

Lukaszewski và Swidzinski đã bác bỏ các mô hình lãng mạn của chủ nghĩa yêu nước và tâm tính lãng mạn; trong điểm này họ đã hội tụ với những phê phán bảo thủ về chủ nghĩa lãng mạn, còn trong sự phê phán giới quý tộc họ đã giống người lưu vong và Swidzinski, nó đã là giai cấp tư sản; các nhà dân chủ cách mạng, trong khi đó, đã thấy “những người lao động của các thị trấn và các làng” như cốt lõi của quốc gia.

Thực tiễn của “công việc hữu cơ,” được diễn giải theo cách nào đi nữa, dần dần đã trở thành một tất yếu cho những người Ba Lan. Sau thất bại của Pháp trong năm 1871, khi những hy vọng cho một sự cải thiện về tình hình quốc tế cuối cùng đã bị bỏ rơi, công luận Ba Lan, kể cả dân di cư, đã bộc lộ mạnh mẽ sự ủng hộ “công việc ở mức cơ sở.” Việc này được thực hiện theo những cách khác nhau. Julian Lukaszewski, người đã bị kết án lưu đày, “trong các năm 1870 và 1880 đã tiếp tục đề gán tầm quan trọng cho hoạt động yêu nước giữa nhiều công nhân và thợ thủ công Ba Lan ở Rumani,” theo Jerzy W. Borejsza (*Sự Di cư Ba Lan*, p. 226). Cũng chính ở đó mà ông đã tạo ra kiệt tác của mình, Thư viện Ba Lan, mà muộn hơn đã được trao cho Hội Văn học Thượng Silesia ở Bytom. Những người quanh Hôtel Lambert dần dần đã tham gia vào những hoạt động của phe hòa giải-bảo thủ Galician và đã thực hành mô hình công việc hữu cơ được trình bày bởi Szujski trong “*Vài Sự Thật. . .*” Sau Sedan, sử dụng bút của các bộ hạ của Hoàng tử Czartoryski những người sau này trở thành những người Stanczycy (Wodzicki, Tarnowski, Kozmian), họ đã chấp nhận chính trị của bộ ba trung thành và bằng cách đó từ bỏ đường lối chính trị của Hoàng tử Adam Czartoryski mà đã được theo đuổi một cách nhất quán trong nhiều năm với những vận may thăng trầm. Họ đã mất sự quan tâm đến sự tham gia của Ba Lan vào trò chơi ngoại giao và trong việc biến đổi sân khấu chính trị Âu châu. Khi họ đã có tham gia vào chính trị quốc tế thì đã như các thần dân của nền quân chủ Áo.

Những người xung quanh Jaroslaw Dabrowski (thí dụ, Karol Swidzinski) cũng đã thường theo nguyên tắc công việc hữu cơ. Sau

1871, Swidzinski, cùng với Pelagia Dabrowska (vợ của Jaroslaw), đã trở về Galicia và đã tham gia vào công việc cơ sở ở đó. Nhưng phải nhấn mạnh rằng trong những hoạt động chính trị của mình Swidzinski đã gần Franciszek Smolka hơn là với những người bảo thủ Galician. Sự tiến hóa mà Karol Swidzinski và bạn bè ông đã trải qua minh họa sự phân hóa mà phải xảy ra trong cánh tả lưu vong. Quay về Ba Lan Swidzinski đã chọn để chấp nhận thực tế và từ bỏ việc thực hiện ngay những khẩu hiệu xã hội cấp tiến cho những hoạt động phúc lợi cụ thể. Những người khác, mà đã chọn số phận lưu vong, đã tiếp tục chuyển sang cánh tả, sớm hay muộn đều đã liên kết bản thân họ và hợp tác với Quốc tế [cộng sản]. Walery Wróblewski đã là một thí dụ điển hình của nhóm sau. Năm 1874 ông đã xác định tín điều của mình bằng những từ sau đây:

Ngày nay, mọi người lưu vong Ba Lan mà không cảm thấy gắn bó với giai cấp lao động và không nhận ra rằng sự nghiệp của giai cấp này là sự nghiệp của chính mình, thì hoặc là một người giáo quyệt hay là một người ngu dốt. Trong cả hai trường hợp anh ta đáng bị khinh miệt, trong cả hai trường hợp anh ta là một người phạm tội chống lại dân tộc của chính anh ta.

Trong một cố gắng để trả lời câu hỏi: Ai là một đồng minh của “sự nghiệp Ba Lan”? Wróblewski đã viết:

Ở nước Đức có một đảng duy nhất mà chân thật đồng tình với sự nghiệp Ba Lan và sẵn sàng ủng hộ nó: đảng của những người công nhân. Ở Áo . . . chỉ đảng xã hội-dân chủ là có khả năng mang lại sự hài hòa giữa các dân tộc Slavic thống nhất dưới sự cai trị Áo. . . . Ở Pháp, nơi tình trạng vô chính phủ ngự trị giữa các đảng cũ, đảng của những người công nhân là đảng duy nhất của hy vọng. . . . Chỉ đảng này có thể là đồng minh của chúng ta. Những chính sách trước đây của chúng ta đã có khả năng làm vỡ mộng chúng ta với tất cả các đảng Pháp mà chúng ta đã liên minh với: tất cả họ đã đều đánh lừa chúng ta. Những người Ba Lan mà bây giờ sẽ đứng dưới ngọn cờ của dân chủ xã hội có thể hoàn toàn tính đến đảng của những công nhân Pháp, mà sẽ không bắt lương với họ bởi vì những mục tiêu chung của chúng ta. Liên quan đến Nga, chúng ta phải công khai thú nhận rằng đảng duy nhất có bất cứ tầm quan trọng nào đối với chúng ta là đảng cách mạng-xã hội; chúng ta phải làm việc cùng với nó nhằm đẩy nhanh sự lật đổ quan trọng đến các quốc gia Ba Lan và Nga. . . Chúng ta không có sức mạnh lớn, nhưng những lý tưởng của chủ nghĩa xã hội được viết trên lá cờ của chúng ta sáng chói hơn và bao la hơn các lý tưởng của của nền dân chủ tự do. Sự nghiệp Ba Lan đã là sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, và không phải với việc thay một vị vua bằng một vị khác. . . . Về bản thân tôi, trong khi tôi tỏ lòng tôn kính cha ông chúng ta, tôi sẽ đích thân theo tầm

gương của họ chừng nào tôi còn sống. Không để ý đến những kẻ đào ngũ những người, giống những đứa con ghê tởm, đã vượt dễ dàng những nhân vật quan trọng giống chim ưng của quá khứ, những người lính của cách mạng xã hội sẽ tiến lên phía trước.

Những suy ngẫm trên được diễn đạt theo ngôn ngữ của những người xã hội chủ nghĩa cách mạng những người mà nhà cựu dân chủ xã hội Walery Wróblewski đã kết giao. Trong sự tiến hóa này những lý tưởng phổ quát về tình anh em của các dân tộc được thay thế bằng một chương trình quốc tế chủ nghĩa cụ thể của sự hợp tác giữa các đảng công nhân. Ý tưởng về một cuộc khởi nghĩa dân tộc đã biến thành nguyên tắc của “cách mạng xã hội”; ý tưởng về chủ quyền quốc gia đã nằm trong khẩu hiệu chung hơn về tạo ra các công xã xã hội chủ nghĩa. Chương trình mới của Wróblewski đã tuyệt giao hoàn toàn với chuẩn mực kinh điển của thuyết phục hồi lãnh thổ Ba Lan, nhưng đã không từ bỏ ý tưởng chủ quyền.

Ba hướng của chủ nghĩa xét lại lịch sử Ba Lan đã đơn giản là ba cách suy nghĩ bên trong những giới hạn của môn tương lai học dân tộc. Lại một lần nữa chân lý cũ được khẳng định: suy ngẫm về lịch sử đơn giản là một phần của những suy ngẫm về hiện tại và tương lai.

Thuyết phục hồi lãnh thổ mà giới hạn ở sự lập kế hoạch cho những cuộc khởi nghĩa và về nguyên tắc bác bỏ công việc hữu cơ đã ngang với chủ nghĩa phiêu lưu. Thuyết phục hồi lãnh thổ mà thiếu một chương trình thay đổi xã hội, một chương trình cho việc giáo dục nông dân và người nghèo đô thị, đã chẳng có cơ hội nào để hoạt động hữu hiệu cho sự độc lập. Các chương trình cho đấu tranh xã hội mà xa rời nhu cầu xây dựng các nhà máy và hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển trường học và dịch vụ y tế, đã bỏ qua những thực tế quan trọng và cốt yếu và làm cho cuộc đấu tranh vì các lý tưởng xã hội khó hơn để thắng.

Nhưng một chương trình về công việc hữu cơ mà từ bỏ cuộc đấu tranh cho một Ba Lan độc lập và cho cải cách các mối quan hệ xã hội đã [chỉ] được dùng như sự biện minh cho tính thụ động của chủ nghĩa tuân thủ. Thuyết hữu cơ mà [chỉ] giới hạn mình ở hoạt động kinh tế hay dịch vụ hành chính đã biến thành ý thức hệ của những kẻ tham danh vọng ích kỷ, những người đã che đậy sự trung thành của họ đối với cường quốc chia cắt dưới cái lốt của triết học lịch sử yêu nước giả.

Warsaw, 1975

1863: Ba Lan dưới Con mắt Nga

Tiếp theo thất bại của Khởi nghĩa tháng Giêng [1863] chống lại sự cai trị Nga, chính sách sa hoàng đối với những người Ba Lan đã là một hàm số của hai xu hướng mâu thuẫn nhau trong elite quyền lực Nga: bảo thủ và thân-Slave (Slavophile) cấp tiến. Những người bảo thủ, giữa họ là thống đốc của Vương quốc Ba Lan, Fëdr Berg, đã nhắm tiêu diệt phong trào phục hồi lãnh thổ bằng trời buộc các giai cấp hữu sản Ba Lan vào đế quốc Nga. Liên minh này chống lại “cách mạng xã hội” và vì sự bảo vệ “trật tự” hợp pháp đã là để bảo đảm sự yên lặng trong vương quốc. Đối với những người theo chủ nghĩa chính thống Nga, những người thừa kế trí tuệ của truyền thống “Liên minh Thần thánh,” thì Khởi nghĩa tháng Giêng đã là biến thể Ba Lan đặc biệt của biến động xã hội.

Mikhail Nikolayerich Muravyev, “Kẻ treo cổ,” người đã phục vụ với tư cách thống đốc Vilna, trong nhật ký của mình đổ lỗi cho bọn quần thần theo chủ nghĩa chính thống bảo thủ vì sự thiếu nhất quán và chủ nghĩa tự do trong cách xử lý của họ đối với những kẻ phiến loạn Ba Lan. Dẫu khó đến thế nào để gọi Muravyev là một người thân-Slav (ông ta đã hoàn toàn đơn giản là một tên sen đầm ngu đần và độc ác đã cai trị bằng sự thô sơ và sự bài ngoại), phải nói rằng về các giải pháp cho vấn đề Ba Lan ông đã hoàn toàn thống nhất với Ủy Ban Hành Chính của Vương quốc Ba Lan, mà đã được điều hành bởi những người thân-Slav. Muravyev đã viết thế này về những địch thủ của ông, những người bảo thủ Petersburg:

Ai cũng biết rằng đa số tầng lớp quý tộc Nga, đã được giáo dục về những tư tưởng Âu châu và không có sự tôn trọng nào đối với tôn giáo Nga hay tổ quốc, đã luôn luôn hành động mà không có niềm xác tín và phù hợp với hướng chỉ phối ở phương Tây. Đối với họ nước Nga và Chính thống giáo không tồn tại; họ là người theo chủ nghĩa thế giới, nhạt nhẽo, và không nhạy cảm với cái là tốt cho nước họ; cái quan trọng nhất đối với họ là lợi ích riêng của họ và bản thân họ. Những chức sắc chính phủ đã như thế đó mà với họ tôi đã phải tiến hành cuộc chiến đấu để thực hiện hệ thống hoạt động của tôi.

Theo Muravyev,

Các nhà hoạt động chính phủ hàng đầu đã muốn dẫn Điện hạ vào một hệ thống mới về tổng ân xá. . . . Tính không biết lo xa, hay đúng hơn sự mù quáng, của những người tùy tùng của hoàng đế đã hết sức lớn, và sự gấn bó của họ với

những lý tưởng Âu châu thù địch đã trội hơn cảm giác yêu tổ quốc của họ . . . đến mức họ đã quyết định cố gắng hết sức để phục hồi cho các vùng tây bắc tất cả những đặc quyền của họ trước kia của chính phủ, để cho sự tuyên truyền Ba Lan có khả năng hoạt động tự do, và cho phép dân tộc Ba Lan phát triển mạnh hơn. Trong sự mù quáng của mình họ đã không thừa nhận nước đó như Nga và đã phân đầu đê. . . cho nó sự tự trị tuyệt đối, phù hợp với những ý định của Wielopolski.

Valuyev, bộ trưởng nội vụ, được Muravyev mô tả như “một người không có tài năng, nhưng là một người theo chủ nghĩa thế giới biết một tư tưởng và mong muốn duy nhất: có được danh tiếng và sự công nhận từ châu Âu, ngay cả có hại cho nước Nga.” Dolgorukov, chỉ huy lực lượng sen đầm, “là một người thẳng thắn và tốt, hiến dâng cho quốc vương, nhưng, vì tính cách yếu đuối và trí tuệ bé của ông ta, ông đã bị ý tưởng thế giới chủ nghĩa áp đảo.” Gorchakov, bộ trưởng ngoại giao, sẽ “nhượng bộ châu Âu khi đến thời hành động,” và ông ta “về cơ bản đã trung thành với hệ thống của Valuyev.” Ngoài ra, Tolstoy, bộ trưởng bưu điện, cho dù ông ta “đã không có ảnh hưởng nào lên những vấn đề của nhà nước, trong những cuộc đàm thoại riêng của ông với sa hoàng đã làm hại đến sự nghiệp Nga bằng cách thử duy trì một hệ thống ưu ái cho những người Ba Lan.”

Muravyev đã dán mác tất cả những chính trị gia này là “những người theo chủ nghĩa thế giới” và “ủng hộ Ba Lan” trong triều đình Nga. Chủ nghĩa thế giới của họ đã gồm việc tính đầu cần trọng đến dư luận phương Tây, trong khi chiều hướng thân-Ba Lan của họ là việc họ ủng hộ trong một lúc chương trình của Bá tước Wielopolski, người đã đề xuất một chính sách hòa giải với những người Nga để đổi lại sự tự trị hạn chế cho Ba Lan. Rốt cuộc, các giới bảo thủ đã cân nhắc khả năng tạo ra phiên bản thỏa hiệp nào đó của chương trình hòa giải của bá tước ngay cả sau cuộc khởi nghĩa, nhưng tất cả việc này đã vẫn trong phạm vi của những kế hoạch không định rõ. Một xu hướng khác, triệt để thân-Slav, đã trở nên chi phối, mà những người tiêu biểu của nó Milyutin, Cherkasski, và Samarin đã là những người chỉ huy của Ủy ban Hành chính.

Sự cố sau đây minh họa đúng bản chất của sự bất đồng giữa hai xu hướng. Yuri Samarin (từ 1845 đến 1848) đã là một thành viên của một ủy ban đặc biệt của chính phủ được yêu cầu để xem xét các mối quan hệ xã hội và dân tộc trong các nước Baltic do Nga chinh phục. Nhiệm vụ của Samarin đã sinh quả văn chương trong các Bức thư của

ông từ Riga, mà tư tưởng đế quốc và dân tộc chủ nghĩa của nó đã nhắm đánh tầng lớp quý tộc cai trị, các chúa tể phong kiến Đức. Samarin đã buộc tội chính quyền của các nước đó từ bỏ chính sách Nga hóa vis-à-vis (đối diện) với những người Đức và không bảo vệ các nông dân Estonia và Latvia, những người đã bị các chúa tể Đức bóc lột. Samarin đã cho rằng liên minh mật thiết của chính quyền Nga và tầng lớp quý tộc Đức đã dẫn đến việc từ bỏ sự đồng hóa dân tộc của các nông dân. Các luận đề của Samarin đã chọc tức thống đốc Riga, và tác giả đã bị bỏ tù. Vấn đề này được đưa đến bản thân hoàng đế. Trong đối thoại của ông với Samarin, Nicholas Đệ Nhất đã nói, giữa những thứ khác:

Ông đã khêu gợi sự thù oán của những người Đức đối với những người Nga, thưa Ngài, ông đã làm cho họ xích mích với nhau khi ông nên kéo họ lại gần nhau hơn. Ông đã tấn công toàn bộ các giai cấp phục vụ chúng ta một cách trung thành: bắt đầu với Pahlen, tôi có thể liệt kê một trăm năm mươi vị tướng. Ông muốn dùng vũ lực để biến những người Đức thành những người Nga, với thanh gươm trong tay ông, cứ như ông là Muhammad; nhưng chúng ta không được làm việc này, chính xác bởi vì chúng ta là các Kitô hữu. . . . Ông đã nhắm trực tiếp vào chính phủ: ông đã muốn nói rằng từ thời Hoàng đế đến Peter Đệ Nhất tất cả chúng ta đã bị vây quanh bởi những người Đức và rằng bản thân chúng ta đã bị Đức hóa. Ông phải hiểu rằng những gì ông đã làm: ông đã huy động công chúng chống lại chính phủ, và việc này đã dẫn đến một sự lặp lại của các sự kiện ngày 14 tháng Mười hai. [*The "Decembrist" revolt of 1825*]

Sử gia Andrzej Walicki mô tả một cách chính xác sự tranh cãi trên như “sự chạm trán của chủ nghĩa bảo thủ dân tộc chủ nghĩa với chủ nghĩa bảo thủ chính thống chủ nghĩa truyền thống.” Đối với những người bảo thủ truyền thống tầng lớp quý tộc đã phục vụ như người bảo đảm cho trật tự xã hội; vị trí xã hội đã quan trọng hơn xuất xứ dân tộc hay tín điều. Những người thân-Slav đã tin rằng giai cấp xã hội bảo đảm trật tự đã là nông dân Nga, theo Chính thống giáo mà đã không bị văn minh Âu châu làm hư hỏng. Sự xung đột này đã sâu sắc thêm khi những phương tiện giải quyết vấn đề nông dân trong đế chế được thảo luận. Những người thân-Slav kể cả Milyutin và Samarin đã thử thuyết phục Sa hoàng Alexander Đệ nhị để đi theo những tư tưởng cấp tiến về giải phóng và ban quyền bầu cử. Những người bảo thủ, kể cả Valuyev, đã ủng hộ chính sách hiện đại hóa. Những tranh cãi về một chính sách đối với những người Ba Lan đã là một phản ánh của những bất đồng trước đó. Những người bảo thủ đã nhắm để tiêu diệt các phần tử cách mạng;

những phần tử mà những người thân-Slav muốn trừ diệt đã là người Ba Lan.

Xu hướng thân-Slav đã được ủng hộ bởi ngòi bút của nhà văn Mikhail Nikiforovich Katkov, một người theo văn minh phương Tây và thân-Anh trước kia, người bây giờ đã là một kẻ cải đạo theo chủ nghĩa tuyệt đối sa hoàng. Nó cũng được ủng hộ bởi những hoạt động của Mikhail Nikolayevich Muravyev, người đã ít quan tâm đến những lý luận chính trị mà nổi tiếng vì sự thực hành chính trị của ông. Những người thân-Slav Katkov và Muravyev đã có chung thái độ tiêu cực dứt khoát về mọi sự thử một giải pháp thỏa hiệp của xung đột với những người Ba Lan. Khởi nghĩa Ba Lan, tuy vậy, đã được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Đối với các nhà báo của phe thân-Slav, xung đột Ba Lan-Nga, theo nghĩa sâu nhất, là một sự xung đột giữa Nga và châu Âu. Nó đã là một sự đối kháng không chỉ của hai tranh luận chính trị mà của hai nền văn minh, vì Ba Lan suốt lịch sử của mình đã là người đi tiên phong của nền văn minh Latin-Công giáo. Chính vì lý do này, họ đã nghĩ rằng báo chí Âu châu sẽ đứng về phía những người Ba Lan.

Katkov đã lý luận theo cách khác. Ông đã viết:

Vấn đề Ba Lan đã luôn luôn là vấn đề Nga. Từ lâu rồi lịch sử đã đặt câu hỏi định mệnh sống chết giữa hai dân tộc cùng nòi giống này. . . . Câu hỏi mà phải trả lời đã không phải là ai đi đầu hay ai hùng mạnh hơn, mà đã là ai tồn tại. Một Ba Lan độc lập đã không thể tồn tại bên cạnh một nước Nga tự-kiềm chế. Những thỏa hiệp đã là không thể: một trong hai đã phải từ bỏ chủ quyền chính trị. . . . Là không đủ đối với người Ba Lan để là người Ba Lan, anh ta muốn người Nga biến thành một người Ba Lan hoặc khác đi thì hãy dọn về sau dãy núi Ural. . . . Cuộc chiến đấu của chúng ta với Ba Lan là một cuộc chiến đấu của hai dân tộc. Nhưng bộ sự thỏa mãn của chủ nghĩa yêu nước Ba Lan là tương đương với tuyên án tử hình dân tộc Nga.

Theo Katkov, “cuộc nổi dậy Ba Lan không hề là một cuộc khởi nghĩa dân tộc! Không phải dân tộc mà là giới quý tộc và tầng lớp đã nổi lên.” Đã là một “mưu đồ của giới quý tộc và các tu sĩ dòng Tên.” Katkov đã giải thích:

Mưu đồ này đã bắt đầu từ lâu trước cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Ba Lan. Nó đã có khả năng tùm vào tay nó và tổ chức vì các mục đích của nó tất cả những gì là bản thiu, mục nát, và điên cuồng trong xã hội chúng ta. Các nhà cách mạng đáng thương của chúng ta, có ý thức hay không, đã trở thành công cụ trong tay nó. Chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa vô thần, và tất cả mọi loại giải phóng của chúng ta . . . đã thấy sự ủng hộ tích cực trong mưu đồ này. . . . Nhiều hơn một

giáo viên tự do người đã truyền bá chủ nghĩa thế giới hoặc chủ nghĩa vô thần đã trở thành một công cụ gián tiếp của âm mưu của giáo sĩ dòng Tên và của dân tộc đó mà đã đào hang dưới đất, và trong bóng tối đã phá hoại tất cả rễ của đời sống công Nga.

Đã có một sự khác biệt rõ ràng giữa những ý tưởng của Katkov và những ý kiến của những người thân-Slav, mặc dù nó đã không có ảnh hưởng nào lên những chính sách. Theo ý Katkov các nhà báo Pháp và Bỉ đã bảo vệ những người Ba Lan không nhân danh các giá trị của nền văn minh phương Tây (như những người thân-Slav đã cho là) mà đơn giản bởi vì những người Ba Lan đã đút lót họ. Jan Kucharzewski đã bình luận thế này về sự khác biệt này:

Những người thân-Slav đã thấy tổ của mưu đồ ở Rome và đã coi Ba Lan là một công cụ không may của Rome Công giáo và của các bộ hạ dòng Tên của nó. Theo ý họ, chỉ một Ba Lan được tẩy khỏi Công giáo và văn minh phương Tây mới có thể sống hòa bình với nước Nga. Katkov tin rằng bản thân Ba Lan là nguồn gốc của cái xấu, là kẻ thù không đội trời chung của nước Nga, và rằng trong việc này Công giáo và nền văn minh phương Tây không đóng vai trò quyết định. . . . những người thân-Slav đã thấy Ba Lan như quân tiên phong của Rome; cương lĩnh của họ cốt ở việc cắt đứt các mối liên hệ của Ba Lan với phương Tây, và đặc biệt trong việc dứt Ba Lan khỏi Công giáo. Katkov đã coi hoạt động Công giáo cũng có hại cho Nga bởi vì dưới ảnh hưởng của các thầy tu Ba Lan nó đã đứng lên để bảo vệ sự nghiệp Ba Lan. Ở đó, Ba Lan đã là một công cụ của Công giáo; ở đây, Công giáo là một công cụ của Ba Lan.

Nhưng chẳng cái nào trong những sự khác biệt này đã có bất kỳ ảnh hưởng nào lên hình thức của những giải pháp chính trị được đề xuất cho vấn đề Ba Lan. Về vấn đề này Katkov đã hoàn toàn ủng hộ các chính sách của Ủy ban Hành Chính thân-Slav. Ông đã coi nó như một công cụ hữu hiệu cho việc thanh toán dứt khoát dân tộc Ba Lan. “Người dân thường ở Ba Lan,” theo Katkov, “không muốn sự độc lập riêng của họ và thích phụ thuộc hơn vào bất cứ dân tộc khác nào, dù là Slavic hay Đức, chừng nào họ không phải diễu hành cùng các ông chủ của họ. . . . Chủ nghĩa yêu nước Ba Lan là một bóng ma nổi lên từ nấm mồ của nó. . . . Các lực lượng, mà trước kia đã kết nối dân tộc Ba Lan thành một, đã biến mất. . . .” Katkov đã cho rằng nhiệm vụ cho chính sách Nga đã là để thanh toán dứt khoát với “các mảnh vỡ sống leo lắt” đó của ý thức dân tộc Ba Lan.

Những người thân-Slav đã hiểu sứ mệnh của họ một cách hơi khác; đối với họ sự chiến đấu với khởi nghĩa Ba Lan trên hết đã là một

cuộc chiến tranh tư tưởng. Ý kiến của họ về điều này đã được Samarin trình bày trong bài “Tâm quan trọng Đương thời của Vấn đề Ba Lan” của ông. Trong tóm tắt của mình về bài báo đó Andrzej Walicki chất lọc ra ba điểm trong thái độ của Samarin: “(1) dân tộc Ba Lan, tức là, quần chúng nhân dân Ba Lan, có tất cả các đặc trưng của một dân tộc Slavic riêng biệt; (2) nhà nước Ba Lan, luôn luôn là một kẻ xâm lấn trong mối quan hệ của nó với các láng giềng phía đông của nó; và (3) ‘Chủ nghĩa Ba Lan-Polonism,’ một lực văn hóa liên hệ mật thiết với Công giáo, được đại diện bởi giới quý tộc và tầng lữ Ba Lan.” “Polonism” đã biến Ba Lan thành một “cái nôm nhon do văn hóa Latin đóng vào chính tim của thế giới Slavic, với ý định phá vỡ nó thành những mảnh vụn.” Ở Ba Lan chính Polonism là cái đã tiêu diệt cộng đồng Slavic nông thôn và đã tạo ra một tầng lớp quý tộc mà đã không tồn tại ở các nước Slavic khác, biến nhà nước Ba Lan thành một kẻ thù của mọi thứ Slavic cũng như một tay sai trung thành của châu Âu. Thế nhưng, Ba Lan vẫn là một dân tộc Slavic; “linh hồn Latin” của giới quý tộc và tầng lữ đã không tìm được cách để giết “linh hồn Slavic” của nhân dân Ba Lan. Chính phủ Nga phải tìm sự ủng hộ giữa nhân dân Ba Lan và nhân danh “đặc tính Slavic” tuyên bố một cuộc chiến tranh không khoan nhượng chống lại Polonism. Samarin đã viết: “Tương lai của Ba Lan, nếu nó có một tương lai, nằm trong thế giới Slavic . . . và không nằm ở một vị trí khúm núm trong thế giới Latin.”

Tín điều của Ủy ban Hành chính của Milyutin đã như thế. Vào lúc đó ông đã được cử đi công vụ đến Vương quốc Ba Lan, Milyutin đã không được ưa thích như một người đề xướng cải cách ruộng đất triệt để ở Nga. Nhưng trong tình hình Ba Lan những ý tưởng cấp tiến của ông đã lấy một chiều kích mới. Những chính sách nhắm tới việc phá hủy tầng lớp quý tộc về mặt kinh tế và chính trị, và cuộc đấu tranh kiên định với Giáo hội Công giáo được kết hợp với những cải cách giải phóng cho giai cấp nông dân, đã nhằm để đạt được sự chia rẽ cuối cùng giữa nông dân Ba Lan và quý tộc Ba Lan. Việc này đe dọa chính gốc rễ của tính Ba Lan. Bản sắc văn hóa của những người Ba Lan đã phải bị tiêu diệt và nông dân Ba Lan đã phải kính yêu những người giải phóng mình, các nhà độc tài Nga/các quan chức nhà nước.

Milyutin và Samarin đã tuyên bố rằng cuộc đấu tranh đang tiếp diễn đã là một sự đụng đầu giữa các lực lượng Nga, Slavic tiến bộ và giới quý tộc và tầng lữ Ba Lan lạc hậu. Cách nói này đã làm dễ cho những người đối lập trước kia, những kẻ phản bội phong trào tự do và

cách mạng, để tập hợp dưới ngọn cờ của họ và để bao phủ trong tư tưởng giá-tiến bộ những sự áp bức tàn bạo của Milyutin và những chính sách về Thống nhất ở Vương quốc Ba Lan. Những khẩu hiệu tiến bộ và cải cách nông nghiệp cấp tiến đã mang một ý nghĩa độc ác mà đã tự bộc lộ trong cách các cộng đồng làng xã được tổ chức bởi Ủy ban Hành chính. Cải cách của Milyutin, phải thừa nhận, đã có lợi cho các nông dân hơn cải cách được tiến hành ở Nga và hơn ngay cả sắc lệnh của những người khởi nghĩa ngày 22 tháng Giêng 1863. Tài sản của giới quý tộc đã bị phá hủy một cách tàn nhẫn. Quyền lực của các địa chủ đối với các làng bị thanh toán với sự tàn nhẫn ngang thế. “Chính phủ sa hoàng,” Stefan Kieniewicz đã viết, “đã tạo một nhát cắt cơ bản: nó đã loại trừ địa chủ khỏi mọi ảnh hưởng trong cộng đồng làng xã, thay vào đó bắt ông ta chịu sự lãnh đạo cộng đồng do các nông dân bầu ra. Nước đi này đã không bị chi phối bởi sự quan tâm đến lợi ích của nông dân mà bởi lợi ích của các chính sách sa hoàng. Khi cải cách được thực hiện, chính quyền tự quản của làng xã đã thấy mình nằm trong tay của những người biết viết được các nhà chức trách huyện chỉ định. Nông dân, được giải phóng khỏi quyền tôn chủ tài sản của địa chủ, đã thấy mình dưới sự giám hộ nghiêm ngặt của bộ máy quan liêu sa hoàng.” Sự giải phóng đã tỏ ra là một phương tiện làm cho nông dân phụ thuộc vào chính quyền độc tài chia cắt.

Đây đã cũng là lý do cho việc ủng hộ những đòi hỏi của giai cấp nông dân chống lại tầng lớp quý tộc. Nông dân Ba Lan đã được giải phóng bởi những sắc lệnh của các nhà quan liêu Nga chống lại những quý tộc Ba Lan. Mục tiêu của thao tác này đã là để phá hủy tính tập thể dân tộc Ba Lan.

Các chính sách của Ủy ban Hành chính đã gợi lên sự kinh tởm trong những người bảo thủ Ba Lan, những người đã gọi chúng là “chủ nghĩa xã hội Chính thống Hy Lạp.” Những người bảo thủ ở Petersburg và Berg cũng đã bị tức giận, những người sau đã dần dần buộc nhóm của Milyutin trở nên ôn hòa hơn. Sự đối lập này đã hoàn toàn có thể hiểu được. Những người bảo thủ Nga đã ít biết về những mục tiêu tư tưởng của những chính sách này, nhưng tác động thực tiễn của chúng đã chắc chắn khiến họ đau buồn. Sự vi phạm nguyên tắc thứ bậc xã hội, sự xâm phạm nguyên tắc tài sản tư, sự hợp pháp hóa và ủng hộ những đòi hỏi của nông dân, tất cả những nước đi này đã là không thể chấp nhận được đối với các chính trị gia những người đã tin sức mạnh của truyền thống và vì thế đã không thể tin vào khả năng thanh lý một

dân tộc có văn hóa cả ngàn năm bằng biện pháp hành chính. Họ đã không thể phê chuẩn các chính sách mà đã cách mạng hóa các mối quan hệ xã hội và đã nhắm tước đoạt các tầng lớp trên ở Ba Lan. Họ đã hết sức sợ rằng những thí nghiệm xã hội này sẽ được chuyển sang cho nhà nước Nga.

Các lý lẽ của những người bảo thủ đã được trình bày bởi Aleksandr Koshelov, nhà độc tài tài chính ở Vương quốc trong thời kỳ Milyutin, người đã kiềm chế một chút sự nhiệt tình giáo điều của các đồng nghiệp thân-Slav của ông. Chính sách giải phóng trong vương quốc, Koshelov đã viết trong hồi ký của mình,

đã không mâu thuẫn với những niềm tin của tôi. Tuy nhiên, vì tôi đã biết Hoàng tử Cherkasski và Milyutin khá kỹ, tôi đã sợ rằng sắc lệnh sẽ không phải là phương pháp thời chiến cuối cùng để đàn áp tình trạng náo động. . . mà cũng là sự bắt đầu và nguồn của những công việc khác mà sẽ nhắm để quấy rầy và tiêu diệt giới quý tộc. Tôi, tất nhiên, đã chẳng hề đồng tình với những quý tộc, nhưng tôi đã coi họ trong thời gian này như một yếu tố không thể thay thế được mà, phải chi vì lý do này, nên được khoan dung và bảo vệ.

Trong một thư báo gửi sa hoàng Koshelov đã giải thích:

Chúng ta không được tập trung tất cả quyền lực vào tay của giai cấp nông dân và chỉ dựa vào họ. Để làm thế, chúng ta sẽ phải phản bội mọi truyền thống của chúng ta và thay đổi toàn bộ chế độ của chúng ta, là không thể để hành động trong một phần của đế chế theo tinh thần của nền dân chủ cấp tiến, và ở nơi khác để giữ chặt những nguyên tắc khác, lành mạnh. . . . Loại này của sự cai trị dân chúng một cách quan liêu trong một vùng của nước chúng ta sẽ có những hệ quả tai hại trong những vùng khác; nó sẽ có nghĩa là làm nhiễm nước Nga với một bệnh dịch, là cấy vào cơ thể khỏe mạnh của nó một nọc độc mà sẽ đầu độc các lực lượng của nó và dẫn nó đến suy sụp.

Tác giả của những từ này đã không là một người bảo thủ theo tinh thần chính thống chủ nghĩa. Đúng hơn, ông đã gắn với phe thân-Slav, đã thiên theo các giải pháp tự do ôn hòa, và, trong những thảo luận trong thời gian “tan băng” sau trận Sevastopol, ông đã ủng hộ một hình thức đặc biệt của chủ nghĩa hiến pháp. Koshelov và những người thân-Slav đã phấn đấu để giải phóng giai cấp nông dân, nhưng sự thiếu niềm tin của ông vào quyền vô hạn của bộ máy quan liêu đã đưa ông đến gần hơn, trong tình thế đặc thù này, với những người bảo thủ truyền thống. Điều này cho một dấu hiệu về tính lỏng của những sự chia rẽ chính trị và tư tưởng ở Nga ngày đó. Thế nhưng, bất chấp những sự khác biệt

giữa Milyutin và Valuyev hay giữa Koshelov và Muravyev, phải nói rằng không “đang” thân-Ba Lan nào đã tồn tại ở Nga vào lúc đó, nếu chúng ta đánh giá vấn đề về công trạng của nó, không đếm xỉa đến những bình luận về tác động đó trong nhật ký của Muravyev. Những chương trình của Valuyev, Berg, và những người khác đã chẳng hề là thân-Ba Lan; nhiều nhất, chúng đã làm cho sự hiện diện của Nga ở Ba Lan ít nặng nề hơn cho các tầng lớp hữu sản Ba Lan. Những người mà gần đây đã là những người phóng khoáng (tự do) cũng đã chẳng là những người thân-Ba Lan: họ đã thống nhất về sự từ chối hoàn toàn những khát vọng phục hồi lãnh thổ Ba Lan. Về “vấn đề Ba Lan” những người phóng khoáng Nga đã ủng hộ quốc vương Nga.

Jan Kucharzewski sử dụng Fieoktistov để minh họa sự tiến hóa trí tuệ của một người theo chủ nghĩa tự do Nga thời đó. Chúng ta hãy nhớ lại lập luận xuất sắc của Kucharzewski. Yevgeny Fieoktistov đã là một người tiến bộ, theo chủ nghĩa hiến pháp, một người chống lại các chính phủ chuyên quyền và một người chủ trương tự do báo chí. Cùng với các nhà báo khác ông đã biên tập bán nguyệt san *Russkaya Rech* (*Tiếng Nga*), và với những người khác ông đã ủng hộ các chính sách chống-Ba Lan của Sa hoàng Alexander Đệ nhị. Ông đã giải thích những động cơ thúc đẩy của ông trong một bức thư gửi nhà văn Nga, nữ bá tước Elizaveta Sailhas (Evgenia Tur), khi bà ở Thụy Sĩ.

Đáp lại thư của bà, mà đã là thân-Ba Lan và theo tinh thần của tờ *Kolokol* (Chuông) của Herzen, Fieoktistov đã giải thích rằng ông đã không thay đổi những niềm tin khai phóng của ông nhưng tình hình ở Nga đã thay đổi. Công luận đã xuất hiện, một hiện tượng mới và tích cực ở Nga. Theo ý kiến của Fieoktistov đây đã là sự bắt đầu của một thời đại mới mà trong đó quốc vương và chính phủ sẽ phải tính đến những ý tưởng của cái gọi là các tầng lớp được khai sáng. Tình hình này sẽ mau chóng dẫn đến việc lập ra các định chế nghị viện-hiến pháp ở Nga. Về vấn đề Ba Lan công luận Nga thống nhất: tất cả mọi người đều được thuyết phục rằng những cố gắng phục hồi lãnh thổ của những người Ba Lan phải bị đàn áp. Fieoktistov tán thành ý này, mà không có nghĩa rằng ông ta đã đi trịch các lý tưởng tự do của ông. Ngược lại: ông muốn cho những người Ba Lan “tất cả sự hạnh phúc có thể và quyền tự do chính trị và dân sự lớn nhất . . . sự khoan dung tôn giáo đầy đủ, và sự phát triển không bị kiềm chế trong tất cả các lĩnh vực của đời sống dân sự.” Việc này có thể đạt được cùng với một hiến pháp tự do cho đế chế. Nhưng nếu những người Ba Lan chọn con đường đầu

tranh cho chủ quyền, thì họ đang buộc chính mình phải chịu một cuộc xung đột tiếp tục, không thể tránh khỏi với dân tộc Nga. Herzen đã sai trong lòng tin của ông rằng những người Ba Lan chỉ đang chiến đấu với chính phủ Nga. Họ đang chiến đấu với toàn bộ quốc gia Nga, đánh vào các lợi ích cơ bản của nó. “Katkov chỉ nói,” Fieoktistov viết, “à peu près (hầu như) những gì công chúng Nga đang suy nghĩ. . . . Nếu ngày mai, do phép màu nào đó, một cuộc cách mạng xảy ra ở Petersburg nhờ nó mà, Bakunin ngồi trên ngai vàng thay cho Aleksandr Nikolayevich, thì những người Ba Lan vẫn sẽ là kẻ thù tệ nhất của chúng ta.” Việc thực hiện những mục tiêu khôi phục lãnh thổ của những người Ba Lan sẽ có nghĩa là một tai họa cho Nga. Sự tách ra của Ba Lan có thể có một tác động lớn tuyệt. Phần Lan, Courland, Lithuania, và Ukraina cũng có thể tách ra, như Khazan và Astrakhan có thể, hoặc thậm chí cả Siberia. Sát gàn Nga sẽ được thiết lập một nhà nước đối kháng bởi chính bản chất của nó, tách Nga khỏi châu Âu, nguy hiểm như một công cụ trong tay các chính trị gia Pháp hay Anh.

Lập luận này có vẻ đại diện cho một sự biện minh tư tưởng điển hình của thái độ chống-Ba Lan của những người theo chủ nghĩa tự do ngày hôm qua. Nó đã tiết lộ toàn bộ sự yếu kém của chủ nghĩa tự do Nga với sự chia rẽ nội bộ và thiếu sự nhất quán. Nhưng để quy giản thái độ của “đảng tự do” Nga về khởi nghĩa Ba Lan cho những yếu tố này sẽ là một sự quá đơn giản hóa. Có vẻ rằng sự không nhất quán trong lập trường của những người tự do về vấn đề Ba Lan nằm ở chính lõi của tư duy phóng khoáng: sự kết hợp những cố gắng để hiện đại hóa và dân chủ hóa nhà nước Nga và một mối lo thường trực về địa vị đế quốc của nó. Chủ nghĩa tự do đã chủ yếu là một kế hoạch cho việc làm cho nhà nước Nga hiệu quả hơn và chỉ thứ yếu mới là một kho chứa các giá trị tư tưởng. Luận đề này cũng có thể được minh họa bởi hồi ký lý thú của luật sư Nga xuất sắc, Anatol F. Koni, nổi tiếng vì quan điểm tự do và tây phương của ông. Koni đã trả giá cho sự không tuân thủ của mình bằng việc thường xuyên bị tấn công trong báo chí dân tộc chủ nghĩa, đặc biệt bởi vị tăng lữ cao nhất và nhà tiên tri của nó, Mikhail Katkov. Tại một trong những feuilleton (tiểu phẩm) của mình, Katkov đã đi xa đến mức để viết những điều nói láo hiển nhiên. Koni đã xem xét việc đưa Katkov ra tòa vì sự vu cáo, “nhưng tôi đã nhớ,” luật sư nổi tiếng gọi lại, “những năm sinh viên của mình, ấn tượng của các bài báo của Katkov đã tạo ra trong năm 1863 [năm của Khởi nghĩa tháng Giêng], vai trò của chúng trong việc thức tỉnh nhận thức dân tộc của

những người Nga: chúng đã giúp thắt chặt sự thống nhất của Nga, và lần đầu tiên đã tạo ra một tình trạng xứng đáng với bút của một nhà báo nghiêm túc. Vì những thành tựu không nghi ngờ gì này của Katkov, mà tôi thấy mình không có khả năng để giờ tay hay đứng hơn để giờ bút của mình lên. . . .” Sự xúc động này đã không ngăn luật sự nổi tiếng khỏi việc lên án, vài chục trang trước, những sự đàn áp của Muravyev ở Lithuania, mà Katkov đã phục vụ như một người biện hộ trong năm 1863.

Cách nhìn của Nikolay Turgenev đưa ra một thí dụ khác về thái độ của người có tư tưởng phóng khoáng Nga. Những quan điểm của ông thậm chí đáng chú ý hơn bởi vì chúng đã không bị hạn chế bởi sự kiểm duyệt sa hoàng: Turgenev, cựu thành viên phái Tháng Mười hai, đã là một người lưu vong. Ông đã đưa ra những tuyên bố về vấn đề Ba Lan trong nhiều dịp; ý kiến của ông đã tiến triển rõ rệt suốt khoảng chục năm. Đầu tiên (trong năm 1847) ông đã ủng hộ một cương lĩnh về sự độc lập cho Ba Lan và đã tin rằng đây là chìa khóa cho quyền tự do đối với Nga. Rồi, ông đã thay đổi ý kiến và đã thay khẩu hiệu về sự độc lập bằng sự tự trị. Ông đã đột ngột lên án sự áp bức những người Ba Lan, nhưng đã biện minh lập trường của mình rằng một chính sách như vậy đã có hại cho nền quân chủ Nga. Turgenev đã coi cuộc Khởi nghĩa tháng Giêng là một “sai lầm nghiêm trọng” của những người Ba Lan vì nó đã làm hỏng hòa ước giữa những người Ba Lan và những người Nga mà Aleksander Wielopolski đã dàn xếp. Turgenev đã thấy cương lĩnh của Wielopolski như kế hoạch khả dĩ duy nhất để giải quyết “vấn đề Ba Lan”: hợp nhất Vương quốc Ba Lan với Nga đã giống như sự liên kết giữa Galicia và Áo hay giữa Ireland và Anh. Vì thế, với tư cách một người theo tư tưởng phóng khoáng phù hợp, Turgenev đã không đề xuất sự Nga hóa hoàn toàn các lãnh thổ Ba Lan (việc này đã để áp dụng chỉ cho cái gọi là những vùng đất được sát nhập), mà ông đã gợi ý rằng một Hội đồng Lãnh thổ được triệu tập và có một chỗ dành cho những người Ba Lan trong đó. Nhà tự do lưu vong đã không giới hạn mình đối với suy ngẫm lý luận. Thảo luận khởi nghĩa Ba Lan ông đã tuyên bố rằng “những người khởi nghĩa Ba Lan đã giết những người dân yên lành trong các thành phố, và đặc biệt trong các làng, ba hay bốn lần nhiều hơn các tòa quân sự và các thống đốc Nga đã giết.”

Nhưng là công bằng để lưu ý rằng trong số những người lưu vong Nga thì Turgenev đơn độc trong ý kiến của mình. Những người lưu vong Nga khác đã có lập trường thân-Ba Lan rõ ràng. Giữa họ đã là

Hoàng thân Pyotr Dolgorukov, một hậu duệ của gia đình quý tộc nổi tiếng, một kẻ thù của triều đại Romanov, và một người phản đối hệ thống chuyên chế của sự cai trị sa hoàng. Ông đã ủng hộ một nhà nước Ba Lan độc lập với các đường biên giới năm 1815. Về các vùng lãnh thổ còn lại mà đã thuộc về Khối cộng đồng Ba Lan trước 1772 một cuộc trưng cầu dân ý phải được tiến hành. Dân cư của những vùng lãnh thổ đó, những người Lithuania và Ukrain sẽ quyết định liệu họ muốn thuộc về Nga hay thuộc về Ba Lan mới được tái sinh. Dolgorukov đã không hình dung một Lithuania hay Ukraine tự quản; trong điểm này ông đã thống nhất với các nhà báo Ba Lan theo hướng độc lập. “Hoàng thân què” lưu vong đã lập luận rằng nước Nga, được cai trị bởi một bộ máy đúng là quan liêu ngu đần, không có hiệu quả, và đồi bại, đã có thể đưa dân tộc Ba Lan chẳng đến đâu trừ tình trạng giam cầm. “Chúng ta, những người Nga,” ông đã viết, “phải tin tưởng tuyệt đối rằng chừng nào Ba Lan không lấy lại được tự do của mình bằng bất cứ cách gì, thì chúng ta sẽ vẫn là những nô lệ. . . . Sự giải phóng Ba Lan chắc chắn sẽ dẫn đến sự giải phóng Nga; đây là sine qua non (điều kiện tiên quyết) cho quyền tự do của nước Nga.” Phù hợp với tín điều này, “hoàng thân què” đã hoàn toàn ủng hộ cuộc khởi nghĩa năm 1863. Ông đã lên án những hành động của Muravyev và những bài viết của Katkov, và đã vẽ những chân dung đẹp của Potiebnia và Sierakowski. Ông đã viết cho đồng bào mình, “Bằng cách giúp đỡ chính phủ Petersburg trong nô dịch hóa những người Ba Lan, những người Nga đang rèn xiềng xích cho sự nô lệ của chính họ. Những người Nga đứng bên cạnh những người Ba Lan là những người đang hành động vì quyền tự do của nước Nga và bảo vệ danh dự của nó.”

Quan điểm của Dolgorukov đã đối lập hoàn toàn với của Turgenev. Khi chúng ta đối sánh những ý kiến của hai nhà văn này về vấn đề Ba Lan, là dễ để nhận ra một sự chia rẽ đặc trưng trong tư duy phóng khoáng Nga, một sự tách biệt của hành động khỏi giá trị. Lập luận về mặt thực dụng, người phóng khoáng Nga sẽ biện hộ cho những cải cách mà ông ta kiên nghị bằng dẫn chiếu đến những lợi ích của nhà nước của ông ta; lập luận về mặt lý thuyết, ông ta sẽ dẫn chiếu đến một trật tự phổ quát của những giá trị. Thí dụ, cải cách về quyền bầu cử một mặt đã củng cố nhà nước và mặt khác đã thực hiện những lý tưởng về công bằng trước luật và công lý. Khởi nghĩa Ba Lan đã dẫn đến một xung đột giữa hai cách tư duy này: lợi ích nhà nước đã đòi hỏi sự bác bỏ các giá trị và nguyên tắc trừu tượng. Cả Turgenev và Dolgorukov đã

thử giải hòa tư tưởng của họ với những đòi hỏi thực tiễn. Cựu thành viên phái Tháng Mười hai đã nhấn mạnh sự quan tâm của ông đến các quyền dân tộc của những người Ba Lan, còn “hoàng thân què” đã giải thích rằng giải phóng Ba Lan đã là lợi ích sống còn của nhà nước Nga. Người trước đã quên rằng chỉ những người Ba Lan mới có địa vị để quyết định hình thù của các quyền dân tộc của họ, trong khi người sau đã không hiểu rằng lợi ích của nhà nước Nga là cái mà các công dân của nhà nước đó coi là lợi ích của họ. Turgenev chọn khía cạnh thực dụng của lập trường phóng khoáng, trong khi Dolgorukov đã vẫn trung thành với các giá trị phổ quát của chủ nghĩa khai phóng. Cả hai đã trả giá cao cho nó: cựu thành viên phái Tháng Mười hai đã mất cảm tình của những người lưu vong và “hoàng thân què” đã mất quyền lực của mình ở Nga việc mà đã tác động sâu sắc đến ông. Quả thực, Dolgorukov đã biết rằng ông trái với ý kiến của đồng bào mình: đã chẳng phải vô có mà ông đã gọi tạp chí của mình là *Le Véridique* (*Trung thực*).

Những người lưu vong Nga khác cũng đã ủng hộ những người Ba Lan trong năm 1863: Golovin và Pechorin; Blumer và Ogaryov; và cả Herzen và Bakunin, những người đã thử biến những tuyên bố thích-Ba Lan (philo-Polish) của họ thành hành động vũ trang. Thế nhưng, ủng hộ những người Ba Lan đã không có nghĩa là đồng nhất lợi ích của phe đối lập Nga với những người nổi loạn Ba Lan. Aleksandr Herzen, lãnh tụ tinh thần của phe dân chủ Nga, đã là một người nồng nhiệt đề xướng “sự nghiệp Ba Lan” và đồng thời là một người ủng hộ ý tưởng về một liên bang Slavic. Trong năm 1859 ông đã bày tỏ những ý tưởng của mình theo cách sau đây:

Ba Lan . . . có một quyền đầy đủ và không thể chối cãi để tồn tại với tư cách một nhà nước độc lập với Nga. Chúng ta có muốn một Ba Lan tự do tránh xa Nga? Đây là vấn đề khác. Không, chúng ta không muốn điều này và làm sao chúng ta có thể, khi những quốc tịch khác nhau và sự hận thù giữa các dân tộc là một trong những trở ngại cơ bản cho sự phát triển tự do của loài người. Dầu tôi ghét cay ghét đắng mọi sự tập trung hóa đến thế nào, tôi tin chắc rằng các liên bang của các dân tộc cho nhà nước nhiều cơ hội lớn hơn sự phân tán của một gia đình các dân tộc thành các nhánh tách biệt. Một liên bang phải là một quà tặng tự nguyện: Nga không có quyền gì với Ba Lan; nó phải giành được cái nó đã tiến hành bằng vũ lực; nó phải xóa bỏ cái đã được làm bằng bàn tay nó. Nhưng nếu Ba Lan không muốn một liên minh với Nga, chúng ta có thể đau buồn, chúng ta có thể không đồng ý với Ba Lan, nhưng chúng ta phải để

cho nó quyền tự do để chọn, trừ phi chúng ta muốn từ bỏ các nguyên tắc cơ bản của chúng ta.

Hai năm sau, nhờ biết được những cuộc biểu tình đầu tiên ở Warsaw, Herzen đã nhắc lại điều nhắc nhở của ông: “Chúng ta đã nói rất nhiều lần về một liên hiệp tương lai của tất cả các bộ lạc Slavic, và ngày nay chúng ta vẫn tin vào nó nhưng ngày nay điểm này không có trên chương trình nghị sự. Trong tương lai trước mắt, là nhiệm vụ lịch sử của tất cả những người Slav để làm cho Ba Lan độc lập và thống nhất các phần bị chia cắt của nó.”

Trong việc đàm đương hợp tác với những người Ba Lan và ủng hộ những người Ba Lan chủ trương phục hồi lãnh thổ bất chấp những mơ ước của ông về một liên bang, Herzen đã không ủng hộ chủ nghĩa phục hồi lãnh thổ “theo đúng nghĩa,” mà chỉ một phần đặc thù của phe độc lập Ba Lan. Ông đã không ủng hộ “đảng quý tộc” ở Hôtel Lambert, mà chỉ ủng hộ Ủy Ban Quốc gia Trung ương có một chương trình xã hội tiến bộ và dân chủ. Herzen đã viết trong tờ *Kolokol* để đáp lại một bức thư từ Ủy Ban Quốc gia Trung ương Ba Lan:

Những nguyên tắc mà dựa trên đó các bạn kêu gọi một cuộc nổi dậy là rộng và hiện đại và được trình bày chính xác đến nỗi chúng tôi những người Nga, những người mà bản thân họ muốn vứt bỏ xiềng xích gây nhục nhã và hèn hạ của sự giám hộ nhà nước. Là để đối với chúng tôi để hành quân cùng các bạn. Các bạn trao cho nông dân quyền sở hữu ruộng mà họ cày cấy, và cho tất cả các dân tộc quyền để quyết định số phận của họ. Đây cũng là những nguyên tắc, những giáo điều, những ngọn cờ của chúng tôi.

Lý lẽ trên chứa lập luận sau đây: “Chúng tôi ủng hộ các bạn, những người đồng mưu Ba Lan, bởi vì các bạn tin vào một triết lý xã hội giống như của chúng tôi. Đây là điều kiện cần cho một sự hiểu biết Ba Lan-Nga.” Những nhà cách mạng Nga khác, cả ở trong nước và ngoài nước, đã nghĩ tương tự.

Những người Ba Lan và những người Nga đã biết các mục tiêu chính trị khác nhau cơ bản của họ. Những mục tiêu chính trị của các nhà cách mạng Nga đã có thể tóm tắt trong khẩu hiệu về bãi bỏ chế độ chuyên quyền và trong những đòi hỏi cải cách xã hội sâu rộng. Những người Ba Lan đã muốn giành được độc lập. Trong xác định quan điểm Ba Lan, Ủy Ban Quốc gia Trung ương đã viết cho các biên tập viên của tờ *Kolokol*: “Sự khác nhau của chúng ta về vấn đề nông dân bắt nguồn từ những điểm xuất phát khác nhau và tình hình khác nhau của chúng

ta. Phong trào Nga đã quan tâm đến ruộng đất, trong khi mỗi quan tâm của chúng tôi là quốc gia. Ở Nga một phong trào xã hội sẽ mang lại quyền tự do chính trị, còn trong nước chúng tôi một sự tổ chức lại xã hội chỉ có thể được hoàn thành thông qua sự giải phóng và khôi phục lại nền độc lập quốc gia của chúng tôi.”

Herzen cũng đã biết về những sự khác biệt này. Trong sự hồi tưởng lại các mối liên hệ của mình với những người Ba Lan, ông đã viết trong *Quá khứ của Tôi và những Tư tưởng*:

Chúng tôi đã có những điểm xuất phát khác nhau và con đường của chúng tôi cắt nhau chỉ tại điểm của sự căm ghét chung đối với chế độ chuyên quyền Petersburg. Lý tưởng Ba Lan vượt quá điều đó; họ đã bước tới quá khứ của họ mà đã bị tách ra bằng bạo lực, và chỉ từ đó thì con đường của họ mới có thể tiếp tục. Họ có nhiều di tích; chúng ta có những cái nổi trống rỗng. . . . Họ đang phấn đấu để hồi sinh những người đã khuất của họ, còn chúng ta muốn chôn những người đã khuất của chúng ta càng nhanh càng tốt. . . . Trong sự tối tăm của nhà tù của triều đại Nicholas, khi chúng ta ngồi đằng sau những cửa bị khóa như các bạn tù, chúng ta đã đồng cảm hơn là biết nhau. Nhưng khi cửa sổ nhỏ được mở ra một chút, chúng ta đã nghĩ rằng chúng ta được mang đến đây theo những con đường khác nhau và rằng từ đây những con đường của chúng ta sẽ rẽ ngã. Chúng ta đã vui mừng thờ dài sau khi Chiến tranh Crimean chấm dứt; họ đã bị xúc phạm bởi sự hạnh phúc của chúng ta: sự thay đổi bầu không khí ở nước Nga đã nhắc nhở họ về những tổn thất của họ chứ không phải những hy vọng của họ. Chúng ta đã háo hức tiến lên, sẵn sàng đập vỡ bất cứ thứ gì; đối với chúng ta thời mới đã bắt đầu với những đòi hỏi cao quý, đối với họ với những buổi lễ nhà thờ và những người cầu kinh buồn bã. Nhưng chính phủ, lần nữa, đã liên kết chúng ta. Khi những phát súng bắn vào các thầy tu và trẻ em, vào các hình thập ác và những phụ nữ, vào những bài thánh ca và những người cầu kinh, thì tất cả những câu hỏi đã phải im, và tất cả những sự bất đồng đều bị xóa bỏ.

Cách mạng Nga và sự Khôi phục Ba Lan đã đạt sự thống nhất trong việc chống lại chế độ chuyên quyền sa hoàng. Phe cách mạng Nga đã ủng hộ thuyết phục hồi lãnh thổ Ba Lan.

Sự ủng hộ này đã chủ yếu về tinh thần và trong thực tiễn đã dựa trên những tuyên bố công khai của những người lưu vong. Phe đối lập ở Nga đã bất lực và đã bị chia năm sẻ bảy qua những cuộc bắt bớ (giữa những người bị bắt cũng đã có một nhà lý luận thuộc thế hệ trẻ đồng cảm với “vấn đề Ba Lan,” Nikolay Chernyshevskii). Âm mưu của các viên chức đã bị khám phá ra, và các cuộc nổi dậy được mong đợi nhiều của nông dân đã không xảy ra. Chỉ có số ít viên chức Nga đã chuyển

sang những người nổi loạn. Sau làn sóng đàn áp, tổ chức Zemlya i Volya (Земля и воля - Đất và Tự do) đã không có khả năng cho bất cứ hoạt động nào. Longin Panteleyev, một thành viên của ban lãnh đạo của tổ chức đó, đã đưa ra những nhận xét sau đây trong nhật ký của ông về vấn đề của các cuộc thương lượng với Padlewski: “Làm thế nào chúng ta có thể hỗ trợ họ? Không có cách nào: thậm chí chúng ta còn không có khả năng để cam kết hành động phá hoại yếu ớt nhất để giúp cho sự nghiệp của họ.”

Các nhà cách mạng Nga đã bất lực. Sự bất lực, tuy vậy, đã không có nghĩa là sự phản bội; những người đi theo Herzen và Chernyshevskii đã không bỏ rơi những người Ba Lan, họ đã không tham gia chiến dịch chống-Ba Lan. Họ đã trả giá cho những sự đồng cảm thân-Ba Lan của họ không chỉ bằng công việc nặng nhọc và sự lưu đày mà cũng bằng việc mất tất cả sự ưa thích trong giới trí thức Nga, mà tư duy của những người đó đã trở nên đần độn bởi những bài viết dân tộc chủ nghĩa của thời đó. Năm 1863 Herzen đã được thay thế bởi Katkov như người có ảnh hưởng đạo đức lên những trái tim và khối óc Nga. Bằng việc ủng hộ những người Ba Lan theo thuyết phục hồi lãnh thổ, biên tập viên của tờ *Kolokol* đã tự kết án mình chịu sự cô đơn chính trị.

Những sự tiếp xúc của Herzen với những người lưu vong Ba Lan đã không bù cho sự mất liên lạc của ông với nước Nga. Những mối quan hệ giữa những người lưu vong Ba Lan và Nga đã bắt đầu trở nên xấu đi. Lần nữa, những con đường của cách mạng Nga và của sự khôi phục Ba Lan đã rẽ theo những hướng khác nhau. Những sự đánh giá về những tác động của chính sách Nga cho quyền bầu cử ở vương quốc đã tạo ra một cuộc xung đột gay gắt. Đối với những người Ba Lan, có thể hiểu được, tiêu chuẩn duy nhất cho việc đánh giá chính sách này đã là cạnh sắc Nga hóa của các sắc lệnh của Milyutin; đối với những người Nga, không ngạc nhiên, những khía cạnh khác của vấn đề cũng đã được tính đến.

Để tóm lại: đối với các nhà dân chủ Nga, “vấn đề Ba Lan” đã chỉ là một trong nhiều vấn đề quan trọng, nhưng đã chẳng hề là vấn đề duy nhất hay vấn đề quan trọng nhất. Không nghi ngờ gì, mối quan tâm trọng đại nhất của họ đã là giải phóng nông dân. Các nhà dân chủ Nga đã ủng hộ xu hướng cải cách của Sa hoàng Alexander Đệ nhị ngay sau khi ông nắm quyền, và họ đã đồng tình với các chính trị gia mà đã đưa ra những cương lĩnh cải cách cấp tiến nhất. Trong số họ đã có Nikolay

Milyutin, được gọi là “đỏ” trong các giới quần thần. Các nhóm tiến bộ đã diễn giải sự từ chối chương trình giải phóng nông dân của ông và sự loại bỏ công việc chuẩn bị giải phóng như là sự thoái bộ đối với các chính sách cải cách sa hoàng. Pyotr Kropotkin, nhà cách mạng nổi tiếng, đã nhắc tới điều này theo một cách đặc trưng trong hồi ký của ông. Kropotkin và các đồng chí của ông tất nhiên đã biết rằng Milyutin đến từ phe đối lập; tuy nhiên, từ giữa bộ máy quan liêu sa hoàng khổng lồ mà tách ra thành nhiều bè cánh, Milyutin đã gần giới trí thức tiến bộ hơn là các chính trị gia bảo thủ, như Valuyev hay Gorchakov, những người đã phản đối những cải cách giải phóng chống lại quý tộc.

Lập luận của những người Ba Lan đã chính xác ngược lại. Đối với họ, nhà bảo thủ Berg đã dễ tiêu hóa hơn nhiều, bởi vì ông đã ít làm trầm trọng hơn là Milyutin, người mà họ khinh miệt nhất. Milyutin bị họ căm ghét thậm chí nhiều hơn Muravyev tàn bạo, vì Muravyev đơn giản đã treo cổ người dân còn Milyutin đã sử dụng “chủ nghĩa xã hội Chính thống” xảo trá của ông để tiêu diệt, hoặc ông đã nghĩ thế, chính cái lỗi của dân tộc Ba Lan, giới quý tộc.

Sau sắc lệnh của Sa hoàng bắt buộc bán tài sản của những người Ba Lan đòi phục hồi lãnh thổ tại cái gọi là các vùng lãnh thổ bị sát nhập, *Kolokol* đã đăng một bài của Nikolay Ogaryov, “Về việc Bán các Tài sản ở Miền Tây.” Gọi chính sách tước đoạt sung công và tái định cư những người Ba Lan là một tội ác, Ogaryov đã nhận xét rằng chính phủ Nga đã trao quyền mua các tài sản này cho “các địa chủ Nga và những kẻ chủ mưu Đức” trong khi từ chối quyền này đối với các nông dân. Ogaryov đã viết:

Có lẽ đã có thể thấy một nhu cầu về đất giữa các nông dân địa phương hoặc giữa các nông dân từ các vùng (guberniya–губерния) khác ở miền tây. Các nông dân địa phương đã có thể được trao cơ hội để tham gia vào các hiệp hội nhằm mua các điền sản, đổi lại việc trả góp tiền hàng năm kéo ra trong nhiều năm trời, với sự bảo lãnh lẫn nhau của hiệp hội. . . . Các tiểu nông từ các guberniya khác cũng phải được yêu cầu để di chuyển đến miền tây và mua đất với cùng điều kiện thanh toán trong nhiều năm.

Ý tưởng này đã gây ra những phản ứng gay gắt giữa những người lưu vong Ba Lan, những người đã diễn giải nó như sự xác nhận chính sách Nga hóa. Những người Nga cũng đã phản ứng lại nó. Aleksandr Serno-Solovyevich đã viết điều này trong pamphlet (cuốn sách nhỏ) “Vấn đề Ba Lan - Question polonaise”:

Tôi muốn phản đối để chứng nhận rằng *Kolokol* không còn là ngọn cờ của nước Nga trẻ nữa. . . . Tôi hiểu phương pháp thực hiện các lý thuyết xã hội chủ nghĩa . . . theo một cách khác với cách các quý ông biên tập tờ *Kolokol* đã làm. Trước khi người ta kê một đơn thuốc, người ta nhất định phải chứng tỏ trình độ y học của mình, để được thừa nhận như một bác sĩ. Nhưng nếu tôi được mời chào một sự điều trị bao gồm roi da hoặc lưỡi lê thì tôi có quyền để nói: “Hoặc hãy xéo khỏi nhà tôi hoặc hãy thú nhận rằng chúng mày là kẻ cướp và côn đồ” . . . Một trong những nhiệm vụ cơ bản, mà chủ nghĩa xã hội sẽ giải quyết trong tương lai, là tìm ra một công thức cho việc thiết lập một cơ sở kinh tế cho xã hội mà bằng cách đó sẽ trao cho không chỉ mỗi dân tộc mà cho mỗi cộng đồng khả năng để tồn tại một cách đầy đủ và độc lập.

Serno-Solovyevich đã trình bày thái độ của ông đối với Ba Lan như thế này:

Tôi phản đối để chứng tỏ cho những người Ba Lan rằng vẫn có những người ở Nga, những người thẹn đỏ mặt trước sự kiêu căng của những người Nga về vai trò của những kẻ cướp và những kẻ tra tấn và những người tha thiết muốn, mà không có bất cứ động cơ kín đáo nào, sự giải phóng hoàn toàn của Ba Lan, tức là, sự phân ly mọi thứ Ba Lan khỏi Nga. . . . Tôi sẽ không nói cho những người Ba Lan: “Các anh em thân mến, hãy chìa tay các bạn ra cho tôi bởi vì sự nghiệp của các bạn là sự nghiệp của chúng tôi” và những lời vô vị như thế. Ngược lại, tôi sẽ nói với họ một cách công khai: Tôi rất đồng cảm với sự nghiệp của dân tộc bạn, dân tộc của những anh hùng, dân tộc bạn mà đã bị đàn áp bởi dân tộc mà tôi thuộc về, thế nhưng sự nghiệp của các bạn vẫn không là sự nghiệp của chúng tôi chừng nào phong trào Ba Lan còn mang ngọn cờ của các quý tộc và các thầy tu, chừng nào phong trào Ba Lan không biến thành một phong trào nhân dân.

Kết luận của Serno-Solovyevich đã là, đầu tiên Ba Lan phải tách mình ra và chỉ sau đó nó mới có thể tạo ra một liên bang tự do: “Đầu tiên một sự tách ra, rồi một sự liên minh anh em.”

Tuyên bố của Aleksandr Serno-Solovyevich đã mang dấu vết của “những sự cãi cọ đáng ghét” của những người lưu vong. Cả Herzen và Ogaryov chắc chắn ủng hộ chương trình tiến bộ của ông, nhưng những sự bất đồng của họ đã bị tắt đi một cách không cân xứng (như sự bất đồng của Ogaryov bởi những phê bình Ba Lan của bài báo này). Có vẻ chắc chắn rằng Ogaryov đã không tán thành chính sách Nga hóa. Trong bài báo của ông (như Wiktorija và Rene Sliwowski đã lưu ý một cách đúng đắn) có thể thấy

những suy ngẫm về những ảo tưởng xưa, những tiếng vọng của một niềm tin vào tính hiệu quả không chủ tâm của những hành động của các nhà chức trách, vào những kết quả tốt vô tình của những lệnh từ trên, vào khả năng khai thác những thứ này cho “các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội Nga.”

Bài báo của Ogaryov đã có một tính chống quý tộc và không có giọng bực bội chống Ba Lan; ông đã đứng lên ủng hộ lợi ích của giai cấp nông dân và không ủng hộ sự Nga hóa. Biên tập viên của *Kolokol* đã thường xuyên bày tỏ những sự tin chắc chống quý tộc nhất quán của ông. Ông đã viết trong một bức thư gửi một người bạn:

“Nếu Pugachev xuất hiện ở đây, tôi sẽ tự nguyện như sĩ quan phụ tá của ông bởi vì giới quý tộc Ba Lan không gọi lên trong tôi một phần trăm của sự hận thù mà giới quý tộc Nga gọi lên. Giới sau là nhỏ mọn, thấp kém, và bị gán một cách không thể tách rời vào chính phủ Nga.”

Ý kiến này cung cấp bằng chứng cuối cùng rằng tuyên bố của Ogaryov đã có thể là vụng về, không lịch thiệp, chọn thời gian sai, nhưng không hề ủng hộ chính sách chống Ba Lan của Milyutin hoặc các quan chức của Muravyev ở Vương quốc Ba Lan và ở Lithuania việc mà vì nó không chỉ Ogaryov mà cả Herzen và Bakunin đã bị kết tội bởi nhiều người Ba Lan lưu vong. Jan Kucharzewski, một sử gia xuất sắc và một chuyên gia lớn về vấn đề này, đã đưa lời buộc tội này lên, đã khái quát hóa nó, và biến nó thành một sự thật lịch sử.

Sự hận thù những người Ba Lan đã là bột gán (mát tít) dự định để gán quần chúng và chính phủ và các phe khác nhau, tạo thành một mặt trận yêu nước duy nhất mà sẽ hành quân chống lại những kẻ thù của nó như một đám đông, hát tụng ca sa hoàng. Quả thực, nó đã là một hiện tượng khác thường: các xu hướng Nga mà đến bây giờ đã chiến đấu với nhau một cách mãnh liệt, khi họ gặp nhau trên đất Ba Lan họ trở thành anh em, bắt tay nhau, kết nối với cái nút không thể phá vỡ được của sự nghiệp chung. Sự hài hòa anh em ngự trị giữa Muravyev và Milyutin đó là một thí dụ về liên minh linh thiêng này. Những người thân-Slav mà đã tạo ra một mặt trận chống lại đế quốc Đức của Petersburg và đã quở trách chính phủ . . . trong Chiến tranh Crimean rằng nó đã không chú ý tới những mục tiêu đại-Slavic, bây giờ đã tìm thấy một lối ra cho sự nhiệt tình truyền giáo của họ ở Ba Lan. Samarin đã đi đến đó . . . , nhằm để tiêu diệt ảnh hưởng độc hại của Rome và của phương Tây thối nát trên bờ sông Vistula. Tinh thần mới được đánh thức và khuấy động của dân chủ nhân dân, . . . bất mãn với cái cách, đang tìm kiếm cách để có được sự gần gũi với trái tim và khối óc của các nông dân Nga, trước mắt sẽ được tái định hướng tới các vùng đất bị sát nhập và tới Hội nghị Vương quốc Ba Lan và giải

phóng nhân dân ở đó khỏi xiềng xích của các ông chủ Ba Lan. Những người ngưỡng mộ Proudhon, những người ủng hộ khẩu hiệu rằng tài sản là sự trộm cắp, sẽ hành quân trên đất Ba Lan và giải phóng ở đó; các môn đệ của Feuerbach sẽ chiến đấu với Công giáo, học trò của Zemlya i Volya sẽ có chỗ để thí nghiệm; cơn bốc đồng hư vô sẽ tìm được một lối ra trong việc phá hủy văn hóa Ba Lan.

Ở nơi khác Kucharzewski đã lưu ý rằng “tư tưởng xã hội chính trị mà các nhà hoạt động này đã mang với họ đến Ba Lan đã là một sự phản ánh tinh thần Chúa cứu thế dân túy thân-Slav của Herzen.”

Tôi coi đánh giá của Kucharzewski là sai và quá đơn giản hóa.

Bởi vì đánh giá này liên quan đến một trong những sự gia lỗi lạc của Ba Lan, nó đòi hỏi một bình luận ngắn. Tôi đã trích dẫn rồi ý kiến của Aleksandr Serno-Solovyevich về đặc trưng quý tộc-tăng lữ và phản-dân túy của Khởi nghĩa tháng Giêng. Bỏ ra khỏi ngữ cảnh, ý kiến này đầu tiên có vẻ không khác theo bất cứ cách nào với quan điểm của Katkov hay của những người thân-Slav về vấn đề này. Nhưng phải nhớ rằng khi hai người nói cùng một thứ, nó không nhất thiết có cùng nghĩa. Trong những bài viết của Katkov hay Aksakov, những lời buộc tội chống lại những người Ba Lan đòi lại lãnh thổ vì sự lạc hậu của họ đã được dùng như một màn khói cho những thực tiễn của chủ nghĩa dân tộc Đại Nga và cho một cương lĩnh xã hội chính trị đặc thù. “Trong đầu óc của những bọn cướp sa hoàng và các nhà dân chủ đó,” Kucharzewski đã lưu ý một cách khéo léo, “đã hằn sâu một ý tưởng đặc trưng của chế độ chuyên quyền gốc, một cách nhìn về nhà cai trị như người chủ của tất cả đất đai trong nước và về các thân dân của ông như các tá điền thuê đất nhờ ơn huệ của ông, mà ông đã luôn luôn có thể thu hồi: đây đã là chủ nghĩa cộng sản sa hoàng.”

Serno-Solovyevich, Bakunin, và các biên tập viên của *Kolokol* đã có những ý tưởng khác. Theo ý họ đất phải thuộc về các nông dân và được quản lý bởi các cộng đồng. Họ đã thấy nhiệm vụ chính của họ là lái quốc gia hướng tới một sự chấn động xã hội mà sẽ tước đoạt đất từ các địa chủ và chuyển nó cho các cộng đồng; nó cũng sẽ đưa đến một sự tăng tiến chính trị mà sẽ thanh toán bộ máy sa hoàng đàn áp. Thái độ phê phán của Bakunin hay Herzen đối với Khởi nghĩa 1863 đã xuất phát từ sự tin chắc của họ được nhiều người Ba Lan chia sẻ rằng những người nổi loạn Ba Lan đã tập trung vào tư tưởng độc lập làm hại đến những khẩu hiệu cấp tiến ủng hộ cải cách nông nghiệp. Theo các nhà cách mạng Nga, cơ hội duy nhất của những người Ba Lan nằm ở việc

biến đổi sự nổi dậy thành một cuộc cách mạng nông nghiệp và một cuộc chiến tranh nhân dân. Chỉ sự tham gia đông đảo của nông dân mới đã có thể làm cho những du kích nổi dậy vô địch; chỉ một cuộc nổi dậy nông nghiệp mới đã có thể gây ra các cuộc nổi loạn ở bản thân Ukraine và ở Nga.

Các biên tập viên của *Kolokol* đã đau buồn rằng những chính sách không hợp lý của Chính phủ Quốc gia đã làm cho việc đàn áp khởi nghĩa là có thể và làm cho dễ hơn đối với Muravyev hay Milyutin để đại diện cho những việc làm bản thiêu của họ như sự hào phóng đối với nông dân. Bakunin đã mô tả chính sách của Milyutin như là “đạo đức giả ghê tởm nhất và nguy hiểm được sinh ra trong thời đại chúng ta: nên dân chủ của chính phủ và bộ máy quan liêu đồ.” Herzen đã gọi những người thực hiện các chính sách của Milyutin là “bọn sansculotte*.” Về bản thân chính kiến tước đoạt, ông đã viết:

Những chính sách của chính phủ là rõ ràng: nó muốn bằng mọi cách đẩy dân cư Ba Lan ra khỏi Miền Tây và để cột dân cư Ruthenian vào nước Nga với những dây trói buộc mạnh hơn những tiểu luận. . . và những nghiên cứu triết học được viết bởi các nhà yêu nước Nga Vĩ đại. Nó đã thiếu can đảm để chọn phương pháp Á châu về lưu đày hàng loạt hoặc tái định cư bắt buộc; việc này là tàn ác, bất công, nhưng mạnh. Phương pháp bản thiêu về buộc tội cá nhân đã dựa trên báo cáo của những kẻ chỉ điểm, tức là, sự làm đổ bại các nông dân, đã tỏ ra là dễ chịu hơn cho chính phủ. Đừng ai nghĩ rằng chính phủ Petersburg đã có bao giờ chú ý quá mức đến việc áp dụng những biện pháp cơ bản này. Coi bản thân mình là chủ của đất đai và dân chúng phù hợp với tư duy phương Đông, nó đã chẳng bao giờ rút lui trước bất cứ thứ gì, và không có hạn chế nào nó đã ứng xử theo cách như nông dân đối xử với súc vật của mình. . . . Bạn nghĩ gì: Tôi có nên trao quyền sở hữu như một phần thưởng cho cách cư xử tốt? Tôi sẽ trao quà cho bất cứ ai tôi thích! Gracchus Baboeuf đã đi xa hơn nhưng cả ông lẫn Hiệp định năm 1794 lẫn những người cộng sản đã đều không thể nổi lên đến chỗ mà Tartar Gracchus của riêng chúng ta đã đến một cách tự nhiên. Đây là những gì nó có ý định để rút ra kiến thức hào hạng một cách trực tiếp từ các nguồn phương Đông.

“Sự tôn trọng của Herzen đối với các phó vương Petersburg những người đã chia đất cho các nông dân Ba Lan” đã là như thế, để trích dẫn Jan Kucharzewski. Theo ông, “Nhiệm vụ yêu nước căm ghét người Ba Lan là một thuốc mê ru ngủ sự nhạy cảm của những người Nga đối với tình trạng nô lệ chính trị của họ; còn hơn thế, nó nâng cao tình

* sans culotte (không quần cụt) chỉ những người quá khích trong cách mạng Pháp

trạng nô lệ này lên đỉnh cao của sự hy sinh cho sự vĩ đại của nước Nga.” Đây, tất nhiên, là một nhận xét chính xác: các chiến dịch sô vanh luôn luôn là một phương pháp để giải quyết các xung đột bên trong, và đây không phải là một hiện tượng đặc thù Nga. Nó đặc biệt gây khó chịu và đáng ghét khi chỉ có những kẻ sô vanh có độc quyền bày tỏ quan điểm của chúng.

Biên tập viên của *Kolokol*, bị báo chí Nga lên án về sự phản bội tổ quốc, đã nói:

Chúng tôi yêu người Nga và nước Nga, nhưng chúng tôi đã không bị ám ảnh bởi sự say mê yêu nước hoặc bởi sự điên rồ gây buồn chán của chúng cuồng Nga, không phải những phương pháp ghê tởm như vậy. Bản thân chính phủ . . . chìm đắm trong loại chủ nghĩa Pugachov nào đó. Quan tâm đơn thuần đến sự tiết kiệm khỏi nghĩa Ba Lan, tiêu diệt yếu tố Ba Lan ở Lithuania, chính phủ, không nhận ra điều đó, đang dẫn nước Nga đến nơi nào đó khác với chỗ nó định dẫn. . . .

Và Herzen giải thích:

Nếu chính phủ thực sự mở rộng những phương pháp này của Spartacus cho toàn bộ nước Nga và tìm thấy những người sốt sắng thực hiện chúng, thì những người mà bởi vì chúng ta là những người theo chủ nghĩa thế giới thành thạo nhưng đơn giản bởi vì tình yêu tổ quốc của chúng ta không tới. . . sự đoàn kết đó của bầy đàn mà biện minh cho những tội ác và tham gia vào chúng. . . . Điều đang xảy ra ở Nga bây giờ . . . không phải là một lý lẽ chống lại những hy vọng của chúng ta. Toàn bộ sự lu bù này về những kỳ công của những người thực hiện và của chủ nghĩa yêu nước say rượu đã chỉ tiết lộ rằng phong trào trong nước không thể bị dừng lại với sự tuyên bố quyền có ruộng của nông dân và coi đất là tài sản nhà nước mà thực sự không thuộc bất cứ ai cả sẽ cũng phải trình bày rõ ràng một diễn văn cho Alexander Nikolayevich và cảm ơn ông ta vì sự đảm nhận trách nhiệm với bàn tay của nhà nước (mặc dù phủ trong gắng tay của Muravyev) để làm tất cả những gì là thảm hại, cưỡng bức, và ghê tởm trong cuộc nổi dậy tương lai của nông dân.

Chỉ và duy nhất trong ngữ cảnh này mà Herzen đã nói về những tác động tích cực của các chính sách giải phóng của các quan chức sa hoàng ở Vương quốc Ba Lan và ở Lithuania.

Tương tự đã là sự thống nhất hạn chế thường được nhấn mạnh (bởi, giữa những người khác, Jan Kucharzewski) của những ý tưởng một mặt giữa Bakunin và các biên tập viên của tờ *Kolokol*, và mặt khác giữa Bakunin và phe Pan-Slavic (Đại-Slav). Sự thống nhất có ý định này được nói là liên quan đến những thái độ với nền văn minh Tây

phương và với những người Slav. Herzen và Bakunin, không giống Nikolay Chernyshevskii, chẳng hạn, đã không là những người theo văn minh phương tây. Cả hai đã rất phê phán nền văn minh tư sản của châu Âu. Theo Bakunin,

trật tự xã hội đã suy đồi ở phương Tây và chỉ sống sót với sự ráng sức ốm yếu. . . . Ở Tây Âu, bất cứ nơi nào người ta tới, người ta có thể quan sát sự bất tài, sự yếu kém, sự thiếu hy vọng, và sự băng hoại đạo đức . . . tất cả đều xuất phát từ sự thiếu niềm tin. Bắt đầu ở chính trên đỉnh.

Những lời này của Bakunin là từ “sự thú tội” nổi tiếng của ông, mà ông đã viết trong pháo đài Petropavlovsk. Sa Hoàng Nicholas đã viết bên lề của chúng: “Sự thật hiển nhiên biết bao.”

Khi người ta so sánh hai quan điểm này, là dễ để kết luận rằng chính đã là vấn đề sự căm ghét “Phương Tây thối nát” mà liên minh của các nhóm bảo thủ Nga và các nhóm cách mạng Nga đã hình thành, còn hơn thế vì cụm từ “Phương Tây thối nát” đã được dùng đầu tiên bởi nhà Pan-Slavist Shevyriov. Tuy nhiên, theo ý tôi một kết luận như vậy là một sự diễn giải sai. Đúng là, xu hướng chống-phương Tây của phần lớn giới trí thức Nga về sau sẽ cho phép

cái thang xã hội, không phải một người, không phải một giai cấp có đặc quyền, tin vào nghề nghiệp hoặc các quyền của mình; tất cả chúng đều lừa phỉnh lẫn nhau, và chẳng ai tin cậy bất cứ ai thấp hơn mình. Những đặc ân, các giai cấp, và các nhà chức trách hãy còn hiểm hoi, nhờ tính tự cao tự đại và các tập quán của họ. Một con dê yếu làm sao chống được cơn bão sắp đến!

Sự khai thác những khẩu hiệu chống-phương Tây và một sự miêu tả sai thường trực về phương Tây, mà nó sẽ dẫn đến việc sử dụng miêu tả sai này trong những bối cảnh tư tưởng khác nhau. Cũng đúng rằng muộn hơn, trong những hoàn cảnh khác, những người phản cách mạng thân-Slav và những người phê bình cách mạng của châu Âu tư bản chủ nghĩa sẽ gặp nhau trên một cương lĩnh chính trị chống-phương Tây. Sự thú tội của Bakunin đã là tín hiệu đầu tiên về khả năng của một cuộc gặp gỡ như vậy – dù sao, Bakunin đã không ủng hộ các chính sách của sa hoàng trong thực tiễn.

Motif chống-phương Tây cũng đã có mặt trong những bài viết của Herzen. Biên tập viên của *Kolokol* đã so sánh Tây Âu với Rome cổ xưa và đã tiên tri sự sụp đổ của nó, mà phải giống như sự sụp đổ của Đế chế La Mã. “Phần đó của thế giới,” ông đã viết về Tây Âu, “đã

hoàn tất tiến trình của nó; các lực của nó đã cạn kiệt; các quốc gia mà ở trên đất của nó đã hoàn thành sứ mệnh của chúng, và trở nên trì độn, tụt hậu.” Trong một mẫu bài viết khác Herzen đã chỉ rõ: “Thời gian đã điếm cho thế giới Slavic.” Herzen đã tin rằng sứ mệnh lịch sử của Nga cốt ở việc xâm chiếm Constantinople và thống nhất các dân tộc Slavic. Thoạt đầu, tư tưởng này là đồng nhất với những đòi hỏi của các nhà Pan-Slavist: họ cũng đã kêu gọi việc chinh phục Constantinople và liên hiệp của các dân tộc Slavic; họ cũng đã tin rằng nền văn minh tây Âu sắp sụp đổ.

Tuy vậy, Herzen đã ủng hộ chủ nghĩa xã hội nông nghiệp và đã chống đối chế độ chuyên quyền sa hoàng, còn Aksakov và các nhà Pan-Slavist khác đã bác bỏ chủ nghĩa xã hội và ca ngợi sa hoàng. Trong tư duy của Aksakov sa hoàng đã để thực hiện sứ mệnh của các dân tộc Slavic: họ được thống nhất dưới quyền trượng của ông; đối với Herzen liên hiệp này đã có thể tồn tại trên đồng cỏ nát của đế chế sa hoàng. Aksakov đã muốn nước Nga sa hoàng chinh phục các dân tộc Slavic; Herzen đã ủng hộ những khát vọng độc lập của những người Slav, cho dù vài trong số họ đã chống-Nga. Bakunin đã nghĩ giống Herzen, và đã ủng hộ việc tạo ra một “liên bang toàn-Slavic vĩ đại, hùng mạnh và tự do”; đồng thời ông đã nhấn mạnh: “Chúng ta muốn Ba Lan, Lithuania, Ukraine, Phần Lan, Latvia . . . giành lại sự tự do trọn vẹn của họ, quyền tự cai trị, và để chọn các thứ theo ý của riêng họ.”

Đòi hỏi về “quyền để tách mình ra” đối với các dân tộc bị Nga chinh phục, trong thực tiễn, đã là bằng chứng về sự hoàn toàn bất hòa giữa các mục tiêu của các nhà cách mạng và những khát vọng của những người Pan-Slav. Những người Pan-Slav, trong các tác phẩm của nhà tư tưởng của họ Nikolay Danilevskii, đã ủng hộ sự xâm chiếm Ba Lan “hào hiệp theo dòng Tên” và đã gọi Ba Lan là “Judas của những người Slav.” Ba Lan đã bị loại trừ khỏi cộng đồng các quốc gia Slavic được tán dương bởi các nhà Pan-Slavist, những người đã đau lòng vì số phận của những người Slav đau khổ dưới ách Áo và Thổ.

Sự tuyên truyền Pan-Slavic đã dẫn đến hội nghị Slavic mà đã xảy ra ở Moscow trong năm 1857, khi các nhà Pan-Slavist Nga đã kêu gọi các đại diện của các quốc gia Slavic để “thực hiện tình anh em trên đất Slavic.” Cả Herzen và Bakunin đã lên án gay gắt những tuyên bố chống-Ba Lan tại hội nghị và đã dứt khoát tách mình ra khỏi những khẩu hiệu đế quốc và sô vanh của các nhà Pan-Slavist. Bakunin đã mô

tả Pan-Slavism như “một tư tưởng khủng khiếp cũng như nguy hiểm.”
Ông đã viết:

Tuy vậy, là đúng rằng nhiều người Slav dưới sự cai trị Áo đang chờ đợi sự giải thoát và một người cứu ngoài Petersburg. Khủng khiếp, và hoàn toàn được biện minh, sự căm ghét đã dẫn họ đến sự điên rồ này, và họ hoặc là không thể nhớ lại hoặc là không biết về tất cả những bất hạnh mà Lithuania, Ba Lan, Tiểu Nga, và thậm chí bản thân nhân dân Đại Nga đã chịu đựng dưới ách của người Muscovite và chế độ chuyên quyền Petersburg. Họ kỳ vọng được giải phóng khỏi roi da sa hoàng, toàn Nga của chúng ta.

Mọi nhà dân chủ Ba Lan đã có thể tán thành những ý kiến này.
Warsaw, 1978

Cuộc Nói chuyện trong Thành

Nếu các người khăng khăng với những ước mơ của các người về trạng thái là một quốc gia, về một Ba Lan độc lập, và tất cả những ảo tưởng của các người, thì các người sẽ gây cho mình một bất hạnh lớn.

Sa hoàng Nicholas Đệ nhất

Nhằm để ngăn ngừa sự mất trật tự tương lai ở Warsaw, Thành Warsaw đã được dựng nên và chi trả bởi thành phố, mà đã phạm tội nổi loạn gần đây nhất.

Ivan Paskevich

GỬI MỘT BÀ MẸ BA LAN

Hỡi người mẹ Ba Lan, nếu đôi mắt thiên tài
Ngời sáng trên gương mặt đứa con yêu của mẹ,
Nếu trong dáng vẻ còn thơ ngây của chàng
Đã rang lên niềm kiêu hãnh và danh dự của giống nòi cổ kính;

Nếu lúc quay về từ đám bạn vui tươi,
Chàng vội tìm nghe những bài hát cổ,
Nếu chàng cúi đầu lắng nghe khúc hát
Về những ngày vinh quang đã mãi ra đi:

Thì người mẹ Ba Lan ơi, vai của chàng sẽ là vai khó!
Quý gói trước Đức Mẹ Bi thương,
Nhìn chăm chăm lưỡi gươm chẻ đôi tim Người,
Ngực mẹ sẽ nhận một đòn chí mạng!

Dù các dân tộc, các cường quốc, các giáo phái có tuyên ngừng chiến,
Dù cả thế giới có thể phồn vinh trong cảnh thanh bình,
Chàng sẽ phải tham gia trận chiến không chút vinh quang
Sẽ phải nằm trong nấm mộ vĩnh hằng như người tuần tiết.

Mẹ hãy sớm bảo chàng tìm một nấm mộ cô liêu
Rồi cẩn thận đặt mái đầu của chàng trên đó,
Hãy hít mùi hôi của nấm mồ ản giấu,
Và cùng loài rắn độc chung giường.

Ở đó chàng sẽ học cách giấu kín phần nộ của mình,

đim ý nghĩ dưới vực sâu thăm thẳm,
Thẹn thùng đầu độc bằng lời nói của loài mèo,
Và khiêm nhường hôn đất như loài rắn.

Một người con của Nazareth, Đấng Cứu thế dịu dàng
Vuốt ve cây thập giá Ngài cứu chuộc loài người:
Hỡi Mẹ Ba Lan, Ta sẽ cho con trai của bà
sớm học biết những món đồ chơi nào tìm thấy.

Hai cánh tay trẻ trung nặng xích xiềng, thân thể mảnh mai của cậu
Sớm làm yên cương cho một nắm mồ,
Để trước lưỡi rìu của đao phủ cậu sẽ không tái mặt,
Trước dây treo cổ lưng lửng màu đỏ không dòn lên.

Không mạo hiểm như chàng hiệp sĩ
Cắm cây thập giá trên đất tà thần,
Cũng không như người lính chiến đấu cho niềm tin mới
Chịu gian lao vì chính nghĩa Tự do.

Một ngày kia sẽ có tên do thám vô danh thách thức chàng,
Một phiên toà gian trá là địch thù,
Bãi đầu thương, một ngục sâu bí mật;
Một kẻ thù đầy quyền lực sẽ tuyên án chàng.

Và tượng đài cho người chiến bại
Sẽ là giá treo cổ âm đạm dựng cao;
Vinh quang sẽ chỉ là nước mắt một người phụ nữ tuôn rơi,
Và những lời thì thầm trong đêm của các chiến hữu yêu nước

Adam Mickiewicz

[*Nhà thơ Hoàng Hưng dịch bản tiếng Anh của Jewell Parish và G. R. Noyes*]

Các nhà quý tộc cảm thấy Chamberlain nói đúng.
Họ biết không ai từng cam chịu đầu mà,
Kẻ đã một lần với Sa hoàng xích mích,
Nhưng chiến đấu và tan rã ở Siberia.

Adam Mickiewicz

(*Pan Tadeusz, Book X, Emigration, Jacek lines 233-236.*

Nhà thơ Hoàng Hưng dịch)

Tôi ghi nhanh những nhận xét sau đây trong một tình huống hơi không
bình thường trong một xà lim nhà tù mà họ nhắc đến như chỗ tạm trú, cho

các tù nhân được gọi là những người bị giam. Các bạn bị giam của tôi, những công nhân nhà máy Warsaw và những sinh viên từ các đại học Warsaw, đã yêu cầu tôi giảng bài để bằng cách nào đó lấp đầy những ngày trống rỗng. Những người Ba Lan nói về những gì trong tù? Về cùng những thứ họ luôn luôn có, cùng những thứ như cha ông và cụ kỵ họ đã nói khi họ bị giam trong các gian của Thành. Hôm nay, Thành không còn nữa. Nhà tù đã được thay bằng một bảo tàng phong trào cách mạng. Nhưng thần thoại về Thành vẫn còn, như biểu tượng của Thành. Bây giờ chúng ta có Bialoleka. Một tấm bản tường niệm sẽ được đặt ở đây một ngày nào đó?

Tôi đã chợt nảy ra ý nghĩ rằng có thể lý thú để kể lại chi tiết một lần nữa những tranh luận của các ông chúng ta về những chiến thắng và những thất bại, về quyền tự do và chủ quyền, về những cương lĩnh và tư tưởng; rằng có thể đáng dựng lại những tranh cãi ban đêm của họ và những sự cãi nhau thành tâm của họ khi, tám mươi năm trước, họ đã bị bắt trong một cuộc đình công, bị bắt giữ trong một cuộc biểu tình đường phố, bị lừa sau một buổi lễ nhà thờ cho một Ba Lan tự do, hoặc bị tóm khi dán thông cáo và đã bị đưa vào Thành nơi họ chờ đợi tự do của họ và những ngày tươi đẹp hơn.

Đây đã là một chuỗi bài giảng. Nhưng nó đã bị gián đoạn khi tôi bị chuyển vào xà lim biệt giam. Ở đây, trong những điều kiện yên tĩnh điền viên, tôi đã viết những gì được cho là để đọc to lên. Nguồn gốc của văn bản này và tiêu đề của nó là như thế.

Cái Nôi của Thế kỷ

Đúng là trong việc đọc tại nhà tù của mình, tôi lại một lần nữa quay lại với thời kỳ chuyển giao thế kỷ, với những sách viết về giai đoạn đầu của chủ nghĩa dân tộc Ba Lan và chủ nghĩa xã hội Ba Lan.

Đây đã là một giai đoạn lý thú: một quốc gia hiện đại đang được sinh ra; những xung đột hiện đại đang xảy ra bên trong quốc gia này, mà đã có những hệ tư tưởng hiện đại. Đã được chấp nhận một cách rộng rãi rằng xung đột quan trọng nhất của thời đó đã là tranh cãi giữa Đảng Xã hội chủ nghĩa (Socialist) Ba Lan (PPS) của Pilsudski và Liên minh Quốc gia dưới sự lãnh đạo của Dmowski, Poplawski, và Balicki. Những người khác tin rằng chìa khóa cho việc hiểu những căng thẳng của thời đại đó nằm ở xung đột giữa những người chủ trương chủ quyền quốc gia và những người từ bỏ nền độc lập. Những người sau đã bao gồm cả những

người hòa giải bảo thủ ở Vương quốc Ba Lan cũng như các lãnh đạo cánh tả của [đảng] Dân chủ Xã hội của Vương quốc Ba Lan và Lithuania (SDKPiL); các đối thủ đã được cho là để lộ cuốn. Còn những người khác nữa đã xác định ý nghĩa của chủ nghĩa đa nguyên tư tưởng và chính trị của thời đại đó như một sự diễn đạt những khát vọng cá biệt của các nhóm xã hội khác nhau: các giai cấp tư sản, vô sản, nông dân.

Chắc chắn mỗi người đều đứng ở mức độ nào đó. Nhưng cá nhân tôi tin rằng cũng có căn cứ để thấy rõ ý nghĩa của những sự chia rẽ của thời đại đó trong sự tranh cãi giữa những người tin rằng chủ nghĩa hiện thực đòi hỏi sự hoạt động bên trong các giới hạn được xác định bởi cường quốc chia cắt và những người ủng hộ quan niệm về xây dựng một sự hoạt động chính trị Ba Lan tích cực bên ngoài các giới hạn đó. Đây chỉ ít đã là trường hợp ở phần Ba Lan bị Nga cai trị, nơi hệ thống pháp luật sa hoàng đã làm cho không thể đối với những người Ba Lan để trở thành ông chủ của số phận của chính họ. Ở Galicia và ở khu vực do Đức cai trị tình hình đã khác. Tại đó những người Ba Lan đã có nhiều quyền tự do hơn. Nhưng chính xác Vương quốc Ba Lan (do Nga chi phối) đã là vùng quan trọng nhất cho các thợ thủ công có những khát vọng chính trị Ba Lan.

Hòa giải và sự Phê phán nó

Thuyết nhị nguyên của chủ nghĩa lãng mạn đối lại chủ nghĩa thực chứng đã ăn sâu vào tư duy chính trị Ba Lan, và những lựa chọn thay thế khả dĩ của khởi nghĩa vũ trang đối lại công việc hữu cơ là một phần của thực tiễn Ba Lan. Đã dứt khoát cần phải khắc phục những lựa chọn thay thế này nhằm tạo ra một phong cách tư duy chính trị mới. Chúng ta hãy nhớ rằng Khởi nghĩa tháng Giêng [1863] ở Vương quốc chống lại sự cai trị Nga, diễn tiến của nó và sự thất bại của nó, đã là một cú sốc tinh thần lớn đè nặng lên đời sống chính trị Ba Lan trong nhiều năm. Đối phó với sự thất bại của khởi nghĩa đã dẫn đến một cách tiếp cận mới: những lời kêu gọi cho độc lập đã được thay thế bằng những cương lĩnh thỏa hiệp chính trị và công việc hữu cơ. Phe chống-khởi nghĩa đã chẳng hề đồng nhất. Đã có sự chia rẽ lớn giữa Zygmunt Wielopolski và Spasowicz phóng khoáng, hay giữa Swietochowski và Sienkiewicz, nhưng tất cả họ đã đều chia sẻ niềm tin chắc rằng, vào lúc đó, nghĩ về nền độc lập đã là mơ giữa ban ngày và một sự hiểu lầm. Ba Lan, họ đã cảm thấy, cần không phải những người âm mưu mà cần các bác sĩ và các kỹ sư, và chỉ sự trung thành với hệ thống pháp lý của cường quốc chia cắt mới đã có thể cho phép những

người Ba Lan từ từ tiến hành những hoạt động dẫn đến một sự cải thiện số phận quốc gia. Các lý tưởng của những người chủ trương khởi nghĩa đã bị các địa chủ bảo thủ và những người phóng khoáng tư sản hướng sang phương Tây bác bỏ. Họ đã bị phê phán bởi các nhà văn và các nhà công nghiệp, bị chế nhạo bởi các nhà tư tưởng tự do, và bị nghiền rủa bởi các giám mục từ các bục giảng của họ. Cú sốc chống khởi nghĩa đã có sức mạnh đến mức ngay cả những người xã hội chủ nghĩa đầu tiên, những người đã nổi loạn chống lại sự áp bức sa hoàng, các đồng chí của Ludwik Warynski, đã viết lên lá cờ của họ: “Đả đảo tính dân tộc; cách mạng xã hội muôn năm.” Một phần tư thế kỷ đã phải trôi qua, một thế hệ mới không bị nhiễm bẩn bởi cú sốc thất bại đã phải trưởng thành, để cho những giáo điều này được đánh giá một cách phê phán.

Hướng mới đã không phải là kết quả của sự phản tỉnh trí tuệ điềm tĩnh. Nó đã là sản phẩm của thời mới, khi các yếu tố bình dân giành được một ý thức dân tộc trong khi giới quý tộc đang mất độc quyền tinh thần của nó. Nó đã là một sự trả lời cho những câu hỏi mới nảy sinh từ một tình thế mới.

Các nhà hòa giải sẽ nói: chúng tôi đứng vững trên một nền tảng thực tế, chúng ta phải làm cái có thể bằng cách từ bỏ cái không thể, chúng ta phải thừa nhận thực tế của sự hiện diện Nga ở Vương quốc Ba Lan và mặc cả với những người Nga về những sự nhượng bộ thay cho giữ trong đầu chúng ta kế hoạch phi lý cho một cuộc đấu tranh vũ trang vì độc lập. Chúng ta phải từ bỏ những ảo tưởng, họ sẽ nói thêm, mặc dù chúng ta không được từ bỏ những ước mơ của mình.

Nhưng các đối thủ trẻ của họ sẽ trả lời, rằng chủ nghĩa hiện thực không chỉ là sự thừa nhận các sự thực giống sự thống trị nước ngoài. Chủ nghĩa hiện thực cũng phải thừa nhận ngang thế sự đấu tranh dân tộc thực vì chủ quyền. Một người có đầu óc thực tế không phải là một cá nhân đơn giản hiểu tính phi hiệu quả của hoạt động khởi nghĩa mà đúng hơn là người có khả năng phân tích những nguyên nhân thất bại của những cuộc nổi dậy dân tộc, để ghi những thành quả của các chiến sĩ đấu tranh cho tự do trước kia vào ý thức đạo đức và chính trị của những người cùng thời của anh ta, và để từ những hành động đó xây dựng một truyền thống sinh động và một vũ khí hữu hiệu hơn súng hai nòng của người nổi loạn. Người thực tế phải hiểu rằng nhu cầu cho quyền tự do dân tộc và dân sự, vốn có trong tâm hồn con người, là không kém thực hơn những thực tế của nhà tù và sự thống trị nước ngoài.

Các nhà phê phán thỏa hiệp nói rằng tính phi hiệu quả của các chiến thuật khởi nghĩa phải không được dẫn đến sự từ bỏ ý tưởng chủ quyền mà đúng hơn dẫn đến một sự tìm kiếm những con đường mới và những cách mới để đạt được độc lập. Phe hòa giải rút ra những kết luận sai từ những phê phán của nó đối với những cuộc nổi dậy. Sai lầm đầu tiên của nó là sự hạ thấp những khát vọng chính trị Ba Lan xuống mức tìm kiếm những nhượng bộ từ các chính phủ chia cắt; còn trong thực tế những người Ba Lan không được từ bỏ chính sách dài hạn nhắm tới độc lập. Sai lầm thứ hai của nó là đi tin rằng các cường quốc chia cắt sẽ đưa ra các nhượng bộ cho những người Ba Lan chỉ với cái giá của sự đầu hàng và thụ động; còn trong thực tế chỉ có thể giành được những nhượng bộ nhờ áp lực. Để có khả năng áp đặt áp lực như vậy, những người Ba Lan đầu tiên phải tổ chức lại chính mình để hoạt động một cách tự trị.

Các phong trào Dân chủ Dân tộc và xã hội chủ nghĩa đã là hai phương pháp khác nhau của việc xây dựng sự tự trị xã hội này.

Dân chủ Dân tộc và Chính trị của Chủ nghĩa Tích cực

Các nhà Dân chủ Dân tộc (ND-Narodowa Demokracja) ban đầu được mô tả trong một cuốn sách xuất sắc được Barbara Torunczyk¹ biên tập. Trong cuốn sách của bà (gồm một sự tuyển chọn văn bản dễ đọc, một giới thiệu tỉ mỉ, và một bảng niên đại kỹ về các sự kiện của thời đại đó) tác giả tìm được cách để vẽ ra một phác thảo về các truyền thống dân chủ dân tộc đó mà đã không chỉ bị lãng quên bởi đa số bạn đọc mà cũng bị bóp méo một cách cố ý thức bởi những khuôn mẫu dân chủ dân tộc và dân chủ phân dân tộc.

Những người đương thời theo Dân chủ Dân tộc xây dựng trong các xuất bản phẩm của họ những khuôn mẫu (stereotype) dựa trên những sự diễn giải sai lịch sử của chính họ, và một ảo tưởng về quá khứ không bị sai lầm, những rắc rối, và những lựa chọn đầy kịch tính. Những khuôn mẫu giả sử một sự liên tục từ Liên đoàn Dân tộc (Liga Narodowa) đến sự chống-Mafia đương thời và những sự làm lạc bài Do thái và những ám ảnh chống-Đức; sự chấp thuận một mô hình văn hóa dân tộc dựa trên tính bài ngoại và tính bất khoan dung theo cách của Jędrzej Giertych [chính trị

¹ *National Democracy: An Anthology of the Political Thought from "Przegląd Wszechpolski" (1895-1905)*, tuyển chọn, viết lời nói đầu, và biên tập bởi Barbara Torunczyk (Warsaw: NOWa, 1981; London: Aneks, 1983).

gia lưu vong đương thời]; và sự chấp nhận thường xuyên địa chính trị sai lầm mà có thể dẫn đến thân phận nô lệ đối với Liên Xô. Đã không có ai viết một lịch sử về tư tưởng ND với tất cả các luồng khác nhau của nó, những căng thẳng, đối lập và ly khai nội bộ của nó. Chắc chắn, những dấu vết của tất cả những đặc điểm này đều có thể thấy trong các tác phẩm của một số nhà lưu vong (thí dụ, W. Wasiutynski), trong một số công trình lịch sử (chẳng hạn, R. Wapinski's), trong các tiểu luận của A. Micewski (người viết tiểu sử của Dmowski), và trong những bài báo của A. Hall, một nhà báo trẻ từ Gdansk. Nhưng tất cả những điều này chỉ là những dấu vết của một chủ đề khổng lồ.

Phe Dân chủ Dân tộc đương thời thiếu tư tưởng chính trị cho hiện tại; tức là, một sự chẩn đoán các sự kiện hiện thời và một kế hoạch cho tương lai. Trào lưu này vẫn muốn hoạt động như một thực thể chính trị và tư tưởng nhất quán, khác với các trào lưu khác bởi quan niệm cá biệt của nó về quốc gia và sự góp nhặt của nó về những ám ảnh sợ và những sự phân uất. Tôi đề xuất tìm nguồn gốc của những hiện tượng gây ra cái chết tư tưởng chính trị ND này, trong sự tiến hóa của nhóm này trong thời gian Đệ nhị Cộng hòa, khi tính độc đáo của những quan niệm thực dụng của nó đã ngày càng bị thay thế bởi một sự mê hoặc với thành công của các phong trào toàn trị dân tộc ở các nước Âu châu khác.

Khuôn mẫu phản-ND, đặc biệt khuôn mẫu cánh tả, là một chiều và thô sơ ngang thế. Nó nhấn mạnh tính bài ngoại và bài Do thái của nhà dân chủ dân tộc, đặc tính thân-Nga của họ, những mối quan hệ với các gia cấp hữu sản và nhà nước sa hoàng, sự hấp dẫn của họ với roi da và chế độ độc tài, sự đồng tình của họ với chủ nghĩa phát xít. Chúng ta hãy nói thêm ở đây rằng sự suy sụp của những người theo dân chủ dân tộc đi lưu vong ở nước ngoài (Giertych, và hầu hết bài viết xuất hiện trong *Mysl Polska*), ở trong nước (Boleslaw Piasecki [lãnh tụ Pax]), và giữa những người đối lập (Samoobrona Polska) có khuynh hướng biện minh cho hình mẫu này, làm giàu và mở rộng sự hiểu biết của chúng ta về chân trời trí tuệ của những mật thám của “âm mưu Do thái-Tam điểm.”

Thế nhưng sự tồn tại của những khuôn mẫu làm nghèo tư tưởng, làm cho nó cách xa sự thật, khiến nó lạc hậu và giáo điều. Điều này đặc biệt đúng về tư tưởng chính trị, mà đòi hỏi sự trầm tĩnh, sự giữ khoảng cách, và sự suy ngẫm. Quả thực, ngay cả trong các bài báo của chính mình tôi có thể nhận ra sự ô nhiễm của khuôn mẫu phản-ND, bởi những xúc cảm mà tôi có khả năng duy lý hóa hôm nay nhưng đã khiến cho khó để gỡ rối tơ vò (nút Gordian) của truyền thống. Thế nhưng đối với ai đó,

người đã học ở trường về tính bài Do thái theo chủ nghĩa Hitler và kết quả của nó, và người đã nhìn thấy bằng chính mắt mình mưu toan năm 1968 để dùng tính bài Do thái về mặt chính trị, thì sự chống-Do thái theo cương lĩnh của ND đã không thích hợp với sự suy ngẫm vô tư.

Vì thế tôi đã thấy cuốn sách của Barbara Torunczyk như một bút chiến khôn ngoan và sâu sắc chống lại khuôn mẫu: khôn ngoan bởi vì nó cho phép các văn bản gốc nói cho chính chúng; sâu sắc bởi vì nó cố gắng giải thích hiện tượng Dân chủ Dân tộc bằng cách tách biệt các đặc trưng đối mới sáng tạo của nó khỏi những đặc trưng lạc hậu, tối tăm, và tình lè của nó. Torunczyk đưa ra một cố gắng đứng đắn để phân biệt gốc rễ của tính vĩ đại và tính nhỏ nhen mà cả hai đều hiện hữu trong *Przeгляд Wszechpolski*, tờ báo lý luận của ND. Bà chọn đúng sự miễn cưỡng của các nhà dân chủ dân tộc để hòa giải làm điểm xuất phát của mình, vì chính điểm này đã làm nổi bật các phương thức tư duy, lý lẽ, và kỹ thuật mà đã lay động công luận khỏi trạng thái mê mết xã hội dài của nó.

Tình trạng mê mết này đã tìm thấy sự biểu lộ chính trị của nó trong các ý tưởng hòa giải và tính thụ động của giới tinh hoa. Được cho là nó đã nói rằng “Mỗi hành động phản đối sẽ chỉ làm trầm trọng thêm sự đàn áp và mang lại những nạn nhân mới.” “Những hoạt động bất hợp pháp” (*liberum conspiro* [tự do âm mưu] nổi tiếng) được cho là phá hủy ý thức pháp luật của người dân và dẫn đến những hành động vô trách nhiệm làm hại những thứ cần phải bảo vệ, như một nền báo chí Ba Lan hợp pháp và các định chế dân tộc hiện tồn khác. Những cử chỉ ngoạn mục rộng tuếch được cho là sẽ chỉ làm suy yếu chiến lược kháng chiến, làm mất tính dân tộc và kích động các nhà chức trách trở nên cảnh giác hơn và áp chế hơn.

Câu trả lời của Roman Dmowski đã gồm vài phần. Sẽ là sai lầm, ông đã nói, để tin rằng phong trào kháng chiến có thể được giữ bên trong những giới hạn mà kẻ xâm chiếm sẽ không nhận ra. Những giới hạn như vậy là hẹp đến mức chúng chỉ cho phép một sự giống như kháng chiến. Các nhà chức trách khoan thứ các định chế pháp lý chừng nào chúng không nguy hiểm, tức là, khi chúng không thực hiện các chức năng tự nhiên của chúng trong đời sống quốc gia. Làm sao người ta có thể nói về sự tôn trọng luật trong phần của Ba Lan bị Nga cai trị, khi sự bảo vệ đơn thuần bản sắc dân tộc đưa người ta đến xung đột với nó? Quyền đối với sự tồn tại quốc gia có nhân phẩm chỉ có thể giành được một cách bất hợp pháp. Đây là vì sao chúng ta phải vượt qua rào cản của tính hợp pháp. Mọi người phải làm quen với việc sống bất hợp pháp.

Chính sách của chúng ta phải là cách mạng. Nó không thể là “công việc hữu cơ,” bởi vì nó không có nền tảng hợp pháp nào để dựa vào; nó không thể trở thành phòng thủ, bởi vì đồng đồ nát để lại không cho phép chúng ta sống và phát triển, và một cương lĩnh bị giới hạn ở việc phòng thủ sẽ tương đương với cái chết từ từ. . . . Những khía cạnh đó của đời sống quốc gia không thể được phát triển trên nền hợp pháp, chúng ta sẽ tạo ra một cách bất hợp pháp. Chúng ta không được phép có báo chí tự do và một nền văn học bất hợp pháp. Để chống lại các trường học của chính phủ mà nhắm để tước đoạt bản sắc dân tộc của chúng ta và để giết chúng ta cả về thể chất và tinh thần, chúng ta sẽ có trường dân tộc âm mưu. Bên cạnh các hội hợp pháp vô tội, chúng ta sẽ phát triển các hội bí mật mà trong đó đời sống công sẽ được đặt ở trung tâm. Bên cạnh các tòa án mà đã được áp đặt lên chúng ta và thường xuyên đầu độc cơ thể dân tộc chúng ta, chúng ta sẽ dựng lên các tòa án riêng của chúng ta mà sẽ lên án mọi sự thối nát. Với chính phủ của kẻ xâm chiếm mà dựa vào cảnh sát và lưỡi lê, chúng ta sẽ đặt chính phủ dân tộc nội bộ của chúng ta mà dựa trên sức mạnh tinh thần. . . . Sự bảo vệ chống lại kẻ thù phải dựa chủ yếu vào việc củng cố thành lũy của chúng ta. Như thế, chúng ta phải nhắm để tạo ra một dư luận yêu nước thật sự mà sẽ khinh miệt mọi sự lạc lối; để cổ vũ dân tộc sử dụng, cho lợi ích công, tất cả những quyền đó mà vẫn còn lại với chúng ta; và để làm cho nhân dân quen với việc chí ít không làm gì cho các nhà chức trách mà theo luật không buộc phải làm.

Và các nạn nhân? Dmowski trả lời:

Không có chủ nghĩa yêu nước nào mà không có sự sẵn sàng hy sinh. Bất cứ ai muốn cứu dân tộc chúng ta mà không gây nguy hiểm cho chính mình sẽ phải nhìn nó sa đọa chậm chạp. . . . Là nực cười để tính những sự thiệt hại bằng số người bị lưu đày trong vài năm. Điều này là đặc biệt nực cười đối với một xã hội mà có nhiều tay hơn công việc nó có, và mà tự nguyện gửi toàn bộ các đoàn con em mình sang cùng vùng của nước Nga và Siberia mà những người khác bị lưu đày đến đó.

Chúng ta cũng phải nhớ vô số nạn nhân của tính thụ động hòa giải: những người bị Nga hóa, bị đòi bại và bị mất phẩm giá trong sự cô đơn đối mặt với roi da Nga có quyền vô hạn.

Sự sáng sủa và sức thuyết phục của những lý lẽ của Dmowski là nổi bật. Chúng nghe quen một cách kỳ quặc đối với tất cả những người mà đã quan sát bằng chính mắt mình sự nổi lên của những giá trị xã hội mới từ sự lạng thình và sự biến đổi vũ bão của công luận mà bao nhiêu năm trời đã quen với triết lý “hãy để tôi yên” và “bằng cách nào đó tình hình sẽ ổn thôi.”

Tầm nhìn chính trị phản-hòa giải của chủ nghĩa tích cực đã được diễn đạt trong các tập sách nhỏ bất hợp pháp và được giới thiệu trên

đường phố Warsaw. Sự xung đột đã là hiển nhiên: các nhà hòa giải đã đình đám chào mừng sa hoàng đến Warsaw còn các nhà Dân chủ Dân tộc đã tổ chức các cuộc biểu tình yêu nước. Bắt đầu vào năm 1891, đây đã là những cuộc biểu tình đường phố đầu tiên kể từ Khởi nghĩa 1863 mà đã công khai mang những khẩu hiệu ủng hộ nền độc lập. Đối với phần lớn xã hội đây đã là một bước ngoặt tâm lý. Warsaw bị chinh phục đã thấy người dân muốn độc lập, và toàn bộ Ba Lan đã biết về sự tồn tại và các cuộc biểu tình của họ. Các nhà tổ chức đã trở thành nạn nhân của sự đàn áp cảnh sát. Một nhân tố mới trong viễn cảnh chính trị đã xuất hiện trong ý thức của cả các cường quốc chia cắt và những người Ba Lan.

Nhìn vào ý nghĩa của những cuộc biểu tình đó sau tất cả những năm này, khó để không nhận ra rằng sự nổi lên này từ hư không, sự biểu thị này của một xu hướng mới, đã có cả chiều kích thực dụng lẫn biểu tượng. Nó đã không đơn thuần chỉ là vấn đề về tính công khai mà là về làm cho công chúng bị ấn tượng với tiềm năng của một loại hoạt động mới, vượt quá những cố gắng thường nhật do phe hòa giải tiến hành. Hơn nữa, các giới chính trị, mà đã tiến hành những hoạt động như vậy, đã trở nên rõ rệt. Những lý lẽ cơ bản chống lại các cuộc biểu tình (ngoài sự sợ hãi các cuộc đàn áp gia tăng) đã hạn chế ở việc gợi lại bóng ma của các cuộc biểu tình đường phố trước cuộc Khởi nghĩa 1863. Việc huy động nhân dân xuống đường, người ta nói, đã có thể dẫn đến một sự gia tăng căng thẳng, kích động các cuộc chiến đấu với cảnh sát, tạo ra một trận lở tuyết của các sự kiện mà không ai, kể cả những người tổ chức, có thể kiểm soát nổi tiến trình và động học của nó. Kết quả của những sự kiện như vậy có thể tỏ ra ngược với những ý định của các nhà tổ chức cũng như độc hại cho lợi ích quốc gia Ba Lan. Có thể nói thêm rằng giả như người ta bỏ qua kịch bản đen tối này, thì bản thân ý tưởng về các cuộc biểu tình đường phố mang rủi ro của một sự truyền bá một kiểu hành động chính trị mà hấp dẫn chỉ cho những xúc cảm đám đông, cho ấn tượng ngoạn mục và chủ nghĩa yêu nước “phô trương.” Nó khuyến khích một kiểu hành động nhắm tới những xúc cảm mạnh, không phụ thuộc vào bất cứ tư duy chính trị rộng hơn hay chiến lược dài hạn nào.

Là khó để tranh cãi rằng những lý lẽ này thiếu tính hiện thực, rằng chúng không chẩn đoán đúng căn bệnh cố hữu trong phong cách chính trị Ba Lan. Nhưng những sự phản đối này có thể áp dụng ít nhất đối với các nhà dân chủ dân tộc. Các lãnh tụ ND đã biết kỹ làm thế nào để tạo ra một hệ thống thứ bậc của các mục tiêu. Họ đã cố ý tính đến các cuộc biểu tình đường phố trong toàn cảnh rộng của chiến lược và chiến thuật của họ.

Rốt cuộc, lễ kỷ niệm Kilinski² đã kích thích không chỉ các cuộc biểu tình thêm ở Warsaw mà cả hoạt động tổ chức giữa các sinh viên và dân làng nông thôn. Các nhóm tự-giáo dục bất hợp pháp và các thư viện của các tác phẩm bị cấm đã được lập ra, những xuất bản phẩm độc lập được phổ biến, và hoạt động giáo dục sâu rộng đã được tiến hành. Tất cả việc này đã phụ thuộc vào việc xây dựng một phe chính trị-tư tưởng mà để tạo ra sự tự quyết Ba Lan *vis-à-vis* (đối lại) bộ máy quyền lực của kẻ xâm lấn.

Sự tự quyết gồm sự tự tổ chức quốc gia bên trong và các chính sách đối ngoại tích cực với các mục tiêu xác định. Sự tự tổ chức bên trong có nghĩa là sự tôn trọng các chuẩn mực và các đòi hỏi riêng của quốc gia, độc lập với luật hình mà tồn tại phù hợp với mong muốn của cường quốc chia cắt. Nó có nghĩa là sự thỏa mãn tối đa các nhu cầu quốc gia bất chấp các định chế do kẻ xâm lược áp đặt. Nó có nghĩa là sự tích cực tạo ra và sự hoạt động của một đời sống công độc lập mà trong đó những khát vọng quốc gia tối cao được thảo luận, được diễn đạt, và được chấp nhận về mặt xã hội. Một hoạt động chính trị có ý thức của chủ nghĩa tích cực có nghĩa là việc thực hiện những mục tiêu này bằng cả các phương pháp hợp pháp lẫn bất hợp pháp; các phương pháp hợp pháp bằng tìm ra những lỗ hổng trong các hệ thống tổ chức và pháp lý của kẻ xâm lược, các phương pháp bất hợp pháp bằng việc tạo ra các định chế bí mật và những hoạt động tổ chức bị pháp luật kết tội. Hoạt động chính trị tích cực cũng bao gồm sự phân tích điềm tĩnh tình hình chính trị và so sánh chúng với chiến thuật hiện hành và hệ thống thứ bậc của những đòi hỏi. Nó đòi hỏi một sự đánh giá về cái gì có thể đạt được hôm nay và cái gì phải hoãn lại cho đến sau.

Bằng cách chọn hoạt động chính trị tích cực các nhà ND đã không mâu thuẫn với bất cứ mục tiêu nào của cha ông họ hoặc của các đàn anh họ mà đã chọn công việc hữu cơ. Họ đã biết về nhu cầu để xây dựng các trường học và các cây cầu, để phát triển các thành phố công nghiệp và những kỹ thuật nông nghiệp hiện đại. Nhưng họ đã tin rằng thành công của những hoạt động này sẽ được xác định bởi việc tạo ra những cấu trúc Ba Lan độc lập cho việc hướng dẫn nhịp điệu của đời sống quốc gia. Trong việc đối phó với cường quốc chia cắt họ đã muốn trở thành một

² Một cuộc biểu tình không lồ để kỷ niệm Jan Kilinski (1760-1819), nhà yêu nước Ba Lan người đã tham gia vào cuộc Khởi nghĩa Kosciuszko, được tổ chức bởi Liên Đoàn Dân tộc và đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan ngày 17-4-1894, kỷ niệm 100 năm ngày khởi nghĩa.

chủ thể thực sự, một toàn thể được tổ chức; về khía cạnh này họ đã khác các nhà theo thuyết hữu cơ. Nhưng họ đã không trình bày các mục tiêu của họ cứ như thể chúng là những chương trình hiện nay; họ đã không phải là những người đòi hỏi tối đa kiên quyết, những người bác bỏ mọi suy nghĩ về một sự thỏa hiệp tạm thời với kẻ thù như sự mưu phản và phản đối. Tuy nhiên, họ đã coi mọi giải pháp ngoài nền độc lập như giải pháp tạm thời, và họ đã tin rằng chỉ các đại diện trung thực của nhân dân, chứ không phải những lãnh đạo tự phong của phe hòa giải, mới có thể đi đến thỏa thuận với các cường quốc chia cắt. Các nhà ND đã khuyến khích sự tham gia rộng rãi vào phong trào kháng chiến quốc gia. Họ đã nhắm để xây dựng một phe phái chính trị, không phải một đảng của những người tin vào một học thuyết cá biệt. Đây là vì sao họ đã chẳng bao giờ nói “tất cả hay không gì cả” mà đúng hơn, trong mỗi tình huống, đã chỉ ra những hoạt động có thể tiếp cận được đối với mọi công dân mà có thể cải thiện số phận của quốc gia.

Công thức “hoạt động chính trị tích cực” đã không phải không có những thế tiến thoái lưỡng nan. Mỗi khi các nhà ND kêu gọi một cuộc tẩy chay các định chế Nga, kể cả các trường học, sự phản đối nổi lên tức khắc (và khó để từ chối tính hợp lệ của nó) rằng xã hội Ba Lan đã ở thế không thể xây dựng một mạng lưới các trường học mà có thể bao phủ toàn quốc, và rằng vì thế là tốt hơn để tận dụng các trường Nga hơn là để làm tăng tỷ lệ mù chữ. Trong thực tiễn, sau đó một thỏa hiệp được nghĩ ra: các học sinh học trường Nga sẽ được tổ chức thành các nhóm học bất hợp pháp nơi những lỗ hổng trong kiến thức của chúng được lấp đầy và sự lừa dối trong chương trình học chính thức được làm sáng tỏ.

Và như thế chủ nghĩa hiện thực đã thắng cuộc. Các tác giả được *Przegląd Wszechpolski* công bố đã liên tục phân đấu cho một cương lĩnh chính trị hiện thực cả trong những chiến thuật hàng ngày lẫn trong chiến lược dài hạn. Chủ nghĩa hiện thực chính trị cốt ở công việc cực nhọc hàng ngày để tổ chức một mạng lưới các phòng đọc, tiếp quản các tờ báo hợp pháp, hướng dẫn thanh niên trung học bãi khóa, và tạo ra một tầm nhìn về sự quay lại từ từ, từng bước một của chủ quyền thông qua việc khai thác những thay đổi trong các nước chia cắt và trên bản đồ chính trị thế giới. Trong quan niệm này cuộc đấu tranh vì độc lập đã thôi là một hoạt động nhất thời (khởi nghĩa vũ trang, chẳng hạn) và đã trở thành một quá trình thay đổi được lên kế hoạch cho một giai đoạn nhiều năm. Trong tiến trình của quá trình này động học của phong trào hiến pháp Nga, những chấn động cách mạng, chiến tranh với Nhật Bản, và sự tăng lên của sức mạnh

Đức đã được theo dõi một cách sát sao. Những hệ quả của các sự kiện này, kể cả sự bất ổn định của Liên minh Thần thánh, đã được phân tích chi tiết. Những quan sát và phân tích này đã cho phép Dmowski, Poplawski, và Balicki thảo luận kỹ lưỡng một học thuyết độc đáo về địa chính trị Ba Lan.

Địa chính trị của Ba Lan

Tình hình Ba Lan, các lãnh tụ ND nói, được xác định bởi tính bền của tình hình quốc tế và liên minh giữa các nhà nước đã chia cắt Ba Lan. Một xung đột bên trong Liên minh Thần thánh có thể tạo một cơ hội cho sự quay trở lại sân khấu quốc tế của “vấn đề Ba Lan.” Xung đột Nga-Đức đã cho phép những người Ba Lan thay mặt cho chính họ tại các cuộc thương thuyết. Theo quan điểm của Roman Dmowski, vị trí của những người Ba Lan đã ở phía nước Nga. Ông đã coi Đức, một quốc gia chỉ được tổ chức gần đây thành một nhà nước và đầy những kế hoạch bành trướng, như kẻ thù chính. Dmowski đã sợ sức mạnh của nền văn minh Đức và những hệ quả của nó. Vì ông đã theo dõi các chính sách Đức hóa ở tỉnh Poznan, Pomerania, và Silesia, lãnh tụ ND đã sợ rằng số phận của những người Ba Lan trong các vùng lãnh thổ đó không khác nhiều với số phận của những người Slav ở bên kia sông Elbe. Mỗi nguy hiểm này đã không được đưa ra bởi những người Nga, bất chấp mọi sự dã man Á châu của họ. Ở Nga, Dmowski đã thấy không chỉ một mối đe dọa mà cả một cơ hội. Sự thống nhất của tất cả các vùng lãnh thổ Ba Lan bên trong nhà nước Nga, như các nhà ND đề xuất, đã là một bước trên con đường đến độc lập. Dmowski đã thấy đề xuất này là thực tế bởi vì tính không thể tránh khỏi của một xung đột quân sự giữa Đức và Nga, mà ông đã nghiên cứu chi tiết. Phân tích địa chính trị đã mở ra những triển vọng mới và đã cho phép ông xây dựng những kịch bản lạc quan. Nó đã áp đặt một sự xét lại các khuôn mẫu lỗi thời nhưng thường xuyên nhắm vào những yếu tố thiết yếu quốc gia. Khuynh hướng thân Nga của Dmowski đã gây bối rối cho công chúng; các chiến thuật của ông đã không được hiểu và các mục tiêu của chúng đã có vẻ không rõ. Nhưng điều này đã chủ yếu do những sai lầm trong thực hiện. Cốt lõi của tư duy địa chính trị là ở chỗ đặt vấn đề Ba Lan đối diện với một cái nền quốc tế, ở việc loại bỏ tư duy cục bộ thiên cận trong chính trị. Những hoạt động của Dmowski tại hội nghị Versailles đã là hệ quả logic của tính hiệu quả và khôn ngoan của tư duy của ông.

Có một bài học để rút ra từ các bài viết của các nhà dân chủ dân tộc ban đầu: Trong việc đảm nhận nhiệm vụ xây dựng sự tự quyết trong nước, cần đo sức mạnh bằng ý định. Thế nhưng khi lập kế hoạch một chính sách cho việc lấy lại chủ quyền, những ý định phải được đánh giá theo sức mạnh. Không phải tất cả những dự đoán của Dmowski đã chứng tỏ là đúng, không phải mọi phân tích của ông đã chính xác, nhưng phong cách chẩn đoán của ông vẫn còn là một mô hình lâu bền, có lẽ tốt nhất cho việc phân tích tình hình chính trị của những người Ba Lan, một dân tộc sống giữa nhà nước Nga và Đức, một cản trở cho lợi ích của những nước khác, bị kẹt giữa hai cường quốc bành trướng. Tính mới của phân tích địa chính trị của ông cốt ở sự rời khỏi những tính toán truyền thống về sự đoàn kết của công luận quốc tế với Ba Lan và sự quan sát trò chơi của các lực và các mối quan hệ lợi ích. Dmowski đã tìm các đồng minh không giữa những người chia sẻ tư tưởng của ông mà đúng hơn giữa những người và các quốc gia chia sẻ hoặc có thể chia sẻ những lợi ích của Ba Lan.

Hợp tuyền của Torunczyk làm nổi bật những đặc trưng này của tư duy chính trị của các nhà dân chủ dân tộc. Thành tựu của cuốn sách có thể nằm ở việc khôi phục lại di sản của các nhà dân chủ dân tộc ban đầu cho tất cả “Ba Lan suy ngẫm.” Có lẽ *Przegląd Wszechpolski* sẽ thôi là tài sản độc nhất của một đảng chính trị duy nhất, của một phe phái chính trị và một xu hướng tư tưởng, và thay vào đó sẽ trở thành một phần của di sản trí tuệ chung của tất cả những người Ba Lan, một yếu tố không thể thiếu ngang như các tác phẩm chính trị của Mochnacki, bất luận liệu ông đã liên kết với Hội Dân chủ hay với Hôtel Lambert.

Trong cuốn sách của Torunczyk đảng ND ban đầu nổi lên như phong trào chính trị của giới trí thức cấp tiến, một phong trào được định hướng giành lại chủ quyền quốc gia. Đã có nhận thức về những biến đổi sâu sắc xảy ra bên trong xã hội Ba Lan và xác định rõ những tác động của những thay đổi này, mà quan trọng nhất trong số đó nằm ở sự kết liễu của sự đồng nhất trước đây của những khát vọng dân tộc với những lợi ích của giới quý tộc. Hơn nữa, các nhà ND đã thấy rằng những người Ba Lan đã không đơn độc trong việc trở thành một dân tộc hiện đại trong các vùng lãnh thổ của khối cộng đồng cũ. Họ đã theo dõi các quá trình này nở mà cũng mang lại ý thức dân tộc cho những người Lithuania, Ukrain, và Do thái. Họ đã nhận ra sự cạnh tranh giữa những người Ba Lan và những người Lithuania hay những người Ba Lan và những người Ukrain, không nhắc tới sự cạnh tranh giữa những người Ba Lan và những người Đức ở

Silesia, Ermeland, và Pomerania để giành được tâm trí của dân cư pha trộn về mặt sắc tộc, thiếu một bản sắc dân tộc xác định. Các nhà ND đã hiểu rõ bản chất đầy xung đột của những khát vọng dân tộc khác nhau này. Họ đã gọi quan điểm của mình là “chủ nghĩa dân tộc,” tức là, một cách xác định và đạt được những lợi ích dân tộc thông qua xung đột với lợi ích của các dân tộc khác. Việc này đã tạo thành một sự rời khỏi rành rành di sản khối cộng đồng gồm ba dân tộc của Ba Lan, nhưng cũng đã là một sản phẩm của một thời đại mới, một thời đại của các cuộc đấu tranh vì chủ quyền. Cuộc xung đột đã cả là tự nhiên và không thể tránh khỏi. Là đủ để nhớ lại rằng cả những người Ba Lan và những người Lithuania, Vilna đã là một phần không thể thiếu được của một nhà nước độc lập tương lai. Cuộc xung đột về Vilna đã là một xung đột giữa hai chủ nghĩa dân tộc trẻ, mà kết quả của nó sẽ được xác định bởi vũ lực.

Động học của những khát vọng dân tộc chủ nghĩa đã được định hình bởi các nhóm xã hội với một bản sắc dân tộc mới, không có một nền truyền thống hay một sự hiểu biết về lợi thế của sự thỏa hiệp, những người đã cảm thấy thoải mái tại một cuộc tụ tập lớn, hơn là tại bàn đàm phán. Vùng thôn quê đã là cơ sở cho những tham vọng dân tộc chủ nghĩa này. Chính xe ngựa chở hàng của nông dân đã là cái được dùng như phương tiện truyền bá nền độc lập Ba Lan, và không phải là xe ngựa chở người từ điền sản của nhà quý tộc, nơi trong quá khứ đội ưu tú của các nhà cách mạng tương lai và những người phát ngôn cho những người bảo thủ hữu sản đã trưởng thành. Chính nông dân Ba Lan, Lithuania, hay Ukrain đã là những người chi phối phương châm hành động của các nhà lý luận, và như thế đã không ngạc nhiên rằng nhận thức chính trị mà được hình thành giữa những xung đột lãnh thổ, ngôn ngữ, hay tôn giáo đã có ít cái chung với câu thần chú Ba Lan truyền thống “vì quyền tự do của chúng tôi và của các bạn.” Điều này cũng đã áp dụng cho dân cư Do thái, mà trong cấu trúc xã hội của Vương quốc Ba Lan đã chiếm vị trí của đẳng cấp thứ ba. Xét đến sự thiếu một giai cấp tư sản Ba Lan và thành tích kém của những người Ba Lan trong thương mại và các nghề tự do, theo ý kiến của các nhà dân chủ dân tộc đây đã là một mối đe dọa thực sự cho tương lai của một quốc gia hiện đại như nó được định hình.

Một sự Lạc đề về Những người Xã hội chủ nghĩa

Những dịch thù của các nhà dân chủ dân tộc, các nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan, cũng đã biết về những thay đổi bên trong của dân tộc. Trong khi các

nhà ND đã coi nông dân như người thừa kế truyền thống dân tộc, thì các nhà xã hội chủ nghĩa đã coi giai cấp vô sản công nghiệp như người thừa kế các tư tưởng của một khối cộng đồng độc lập. Ta phải nhận thấy quy mô của hiện tượng này: Cả các nhà dân chủ dân tộc và các nhà xã hội chủ nghĩa thoát đầu đã chỉ là các nhóm nhỏ của những người trẻ rải rác khắp đất nước và trong các trung tâm lưu vong ở nước ngoài, tìm kiếm những hình thức mới của hoạt động chính trị. Các cuộc xung đột của thời đại đó đã đụng đến các vấn đề thứ yếu mà đã có ít tầm quan trọng; những người này đã tìm kiếm chủ yếu những thứ mà họ có thể chia sẻ. Cả hai nhóm đã muốn một Ba Lan độc lập; cả hai đã bác bỏ tính thụ động và các chính sách hòa giải. Đã không phải ngẫu nhiên rằng cả hai nhóm đã tham gia vào các cuộc biểu tình kỷ niệm Kilinski và đã cùng nhau kéo đến Thành (Warsaw). Họ đã không phôi bày những bất đồng của họ trong những tuyên bố công khai thực dụng của họ, và là những thành viên của Liên đoàn Quốc gia trong thời gian thuộc về ban lãnh đạo của đảng Xã hội Chủ nghĩa Ba Lan (PPS).

Các sử gia của hai đảng đưa ra những tường thuật khác nhau về những xung đột đầu tiên giữa Liên đoàn Quốc gia và đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan. Stanislaw Kozicki, tác giả của một lịch sử về Liên đoàn Quốc gia và bản thân ông là một nhà dân chủ dân tộc, cho rằng sự bất đồng ý kiến ngoạn mục đã nổi lên về thái độ tiêu cực của Dmowski đối với gợi ý từ các sinh viên Đại học Moscow, gửi cho các học giả ở Warsaw, để phối hợp một hoạt động phản đối. Dmowski đã biện minh cho sự phản đối của ông đối với ý tưởng bằng quyết tâm của ông để tách các vấn đề Ba Lan ra khỏi các vấn đề Nga nói chung, để tách cuộc đấu tranh Ba Lan vì độc lập rời khỏi cuộc chiến đấu của Nga vì những cải cách dân chủ. Vấn đề này đã được cho là để tiết lộ những bất đồng về ứng xử của “các nhà dân tộc chủ nghĩa” và “các nhà quốc tế chủ nghĩa” cái tên sau được các nhà ND gán cho những người xã hội chủ nghĩa muốn hoạt động cùng với “các bạn Muscovite” của họ.

Các sử gia gắn kết với đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan không gán nhiều tầm quan trọng cho sự cố này, mặc dù đã là đặc trưng tâm tính của tác giả của *Những Tư tưởng của người Ba Lan Hiện đại*. Theo các sử gia này, sự thể hiện công khai đầu tiên của những bất đồng giữa hai đảng đã xảy ra trong thời gian khánh thành tượng Mickiewicz ở Warsaw. Tượng, được dựng lên theo sáng kiến của phe hòa giải, được hiểu như là cây cầu biểu tượng giữa các nhà yêu nước những người đã trả tiền để xây tượng và chính quyền Nga người đã cho phép. Liên đoàn Quốc gia đã ủng hộ ý

tướng và các thành viên của nó đã tham gia vào lễ kỷ niệm. Đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan đã tẩy chay lễ khánh thành. Các lý lẽ của cả hai phía đã rõ ràng và logic. Các nhà ND đã cho rằng một khía cạnh dân tộc nên được ghi sâu vào việc đảm nhiệm hòa giải này. Đảng PPS (trong các bài viết của Józef Pilsudski đã lên án hành động này, diễn giải nó như một cố gắng để đưa Adam Mickiewicz vào hàng ngũ của những người chủ trương xu hướng ủng hộ Nga. Trò lừa bịp yêu nước giả này, các nhà xã hội chủ nghĩa viết, đã nhằm khoác lên những kẻ bợ đỡ từ phe hòa giải những bộ áo của truyền thống lãng mạn. Tôi nghĩ cả hai thái độ chứa đựng những tính chất quan trọng của chân lý dân tộc.

Ở đây, trong thủ đô của “Nước bên sông Vistula,” trong thành phố nơi các tác phẩm của Mickiewicz đã bao lần trở thành nạn nhân của các nhà kiểm duyệt Nga, một bức tượng được xây dựng cho thi sĩ vĩ đại nhất của sự phản đối chống-Nga. Việc này sẽ có một tác động lên ý thức xã hội, làm cho nhân dân yêu thích nhà thơ và các tác phẩm của ông, hầu như hợp pháp hóa ông trong một nước nơi cảnh sát Nga trong các cuộc lục soát nhà thường xem xét kỹ nhà vệ sinh để tìm các bản sao Thi ca của Mickiewicz được xuất bản ở Paris hay Cracow. Việc xây dựng tượng đài này, các nhà ND lập luận, là sự bắt đầu của một tiên trình nào đó, tiên trình nói lỏng những hạn chế, mở rộng các lĩnh vực của các quyền tự do dân tộc, làm cho công chúng cùng với những người Nga bảo vệ trật tự quen với sự hiện diện của Mickiewicz trong mỗi gia đình Ba Lan. Nó đã được dùng như một bước trong việc thực hiện một chương trình dài hạn về đấu tranh cho các trường học Ba Lan, cho việc sử dụng chính thức ngôn ngữ Ba Lan, và sự tự trị cho Vương quốc.

Kịch bản này đã phải thừa nhận những hình thức và phương tiện hành động khác nhau, những thỏa hiệp và những liên minh tạm thời, một sự kết hợp của áp lực lên và những cuộc thương lượng với chính quyền. Nó đã phải cho phép các cuộc biểu tình đường phố và các cuộc bãi khóa của các học sinh trung học cũng như các cuộc đàm phán và những thỏa thuận với chính phủ Nga. Các nhà xã hội chủ nghĩa đã nghĩ khác; họ đã là những người đòi hỏi tối đa. Từ quan điểm của họ mọi thỏa hiệp với Nga sa hoàng đều là không thể, và những người Ba Lan đã có nghĩa vụ đấu tranh không ngừng, mọi lúc, vì mỗi chút tự do, trong từng phút giành giật từ ngày làm việc. Không tại bất cứ bàn đàm phán nào có thể bàn bạc về các quyền của giai cấp vô sản Ba Lan và của nhà nước sa hoàng Nga.

Chủ nghĩa xã hội Ba Lan của những năm đó sau khi đã từ bỏ cách nói chống độc lập của “Proletarians-những người vô sản”³ đã là một sự tổng hợp khác thường của học thuyết xã hội Marxist, đặc tính của những người âm mưu Nga, và truyền thống khởi nghĩa-lãng mạn của nền dân chủ Ba Lan thuộc loại của người quý tộc. Lý luận đấu tranh giai cấp đã đan xen với những khổ thơ từ những bài thơ của Mickiewicz. Tại các cuộc biểu tình, các công nhân đã hát “Ngọn Cờ Đỏ,” trong khi những lá cờ đỏ-và-trắng mà họ rút ra từ dưới áo jacket của họ lại đã phô bày hình ảnh của Đức Mẹ đồng trinh Czestochowa. Nhiều thời gian đã trôi qua kể từ cuộc hội nghị Geneva nơi Warynski đã tuyên bố đoạn tuyệt với truyền thống khởi nghĩa. Vào cuối thế kỷ thứ mười chín, “cách mạng xã hội” đã ký một hiệp ước với “thuyết phục hồi lãnh thổ vì độc lập.” Nhiều năm sau, trong năm 1919, Roman Dmowski đã vẫn cảm thấy Pilsudski như một “sự pha trộn của một người Ba Lan cổ lãng mạn và một nhà bolshevik Muscovite.” Một số sử gia đã nghi ngờ liệu Pilsudski đã có bao giờ là một người xã hội chủ nghĩa. Họ cho rằng chủ nghĩa xã hội và phong trào công nhân đã phục vụ ông như một tấm bạt nhảy (bàn đạp) cho hoạt động theo hướng độc lập. Bỏ qua một bên cuộc tranh cãi khá hàn lâm về bản chất của những kinh nghiệm tâm lý của Pilsudski, là khó để không chú ý rằng trong những ngày đó hầu như toàn bộ nhóm lãnh đạo của PPS (Wojciechowski, Grabski, Jodko-Narkiewicz, Wasilewski, Sulkiwicz, và Studnicki và ta có thể thêm những tên khác vào danh sách này) đã tin vào cùng mô hình về tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Luận điểm rằng những người lãnh đạo phong trào xã hội chủ nghĩa đã là những người xa lạ đối với nó không chống lại sự xem xét kỹ lưỡng, trừ phi người ta định nghĩa chủ nghĩa xã hội một cách hẹp và tùy ý. Chủ nghĩa xã hội Ba Lan đã phải trả lời cho những câu hỏi của thời đại của nó, một thời khi quốc gia hiện đại đang được hình thành dưới những điều kiện phi tự nhiên của sự xâm chiếm nước ngoài. Như thế, tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã phải tổng hợp những cố gắng cho giải phóng xã hội và những khát vọng dân tộc chủ nghĩa, để tạo một chiếc cầu giữa cuộc khởi nghĩa vừa qua và cuộc cách mạng đầu tiên.

Cương lĩnh tối đa “chủ nghĩa xã hội và độc lập” đã đề ngỏ những câu hỏi về các ưu tiên, các liên minh, những chiến thuật, và những mục tiêu trung hạn. Tất cả những người xã hội chủ nghĩa đã đồng ý về việc

³ Proletariat (Giai cấp vô sản) đã là đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan đầu tiên, được lập ra bởi Ludwik Warynski trong năm 1882.

cương quyết cự tuyệt chế độ sa hoàng Nga, nhưng họ đã có những viễn cảnh khác nhau. Một số đã coi các nhà cách mạng Nga như những đồng minh và đã có khuynh hướng nhấn mạnh đến số phận và những khát vọng chung của họ, để tìm kiếm những thỏa thuận cụ thể và thảo luận những sáng kiến và kế hoạch. Họ đã sẵn lòng coi đòi hỏi về các cuộc bầu cử dân chủ Hội đồng Lập hiến như một bước cơ bản trên con đường thực hiện các mục tiêu của họ. Những người khác đã nhận biết sự yếu kém của nền dân chủ Nga và sự ô nhiễm của phong trào cách mạng Nga với xu hướng “đại Nga.” Họ cũng đã nhấn mạnh rằng các truyền thống chính trị và văn hóa Ba Lan đã khác với những truyền thống Nga. Họ đã tìm kiếm các đồng minh cho “sự nghiệp Ba Lan” ở các nước thù địch với Nga, đặc biệt ở nền quân chủ Áo-Hung. Trong bản thân đế chế Nga họ đã coi như các đồng minh các phong trào giữa các quốc gia bị xâm chiếm, những người Lithuania, Ukrain, Georgia hơn là phong trào Nga vì cải cách dân chủ. Họ đã tính không đến sự dân chủ hóa đế chế mà đến sự tan rã của nó. Từ những tư tưởng này đã phát triển một tầm nhìn về một cộng đồng liên bang xã hội chủ nghĩa bao gồm các quốc gia sống ở phía tây biên giới của đế chế Nga.

Một trong những đặc trưng của những cương lĩnh xã hội chủ nghĩa, không chỉ ở Ba Lan, đã là đặc tính khá trừu tượng của chúng. Ngôn ngữ của học thuyết đã thay thế ngôn ngữ thực tế. Pilsudski, Perl, và Daszynski tất cả đều đã có ý thức thực dụng tuyệt vời và sự hiểu biết các cơ chế chính trị, nhưng những thành tựu thực tiễn của họ đã thường bị bỏ ngoài lĩnh vực suy ngẫm lý thuyết. Như thế, đã có học thuyết xã hội chủ nghĩa và những thực tiễn của những người xã hội chủ nghĩa, nhưng đã không có tư tưởng xã hội chủ nghĩa Ba Lan nào, mà đã có thể sử dụng các giả thiết lý thuyết để đạt kết quả trong thực tiễn hàng ngày. Đã chẳng có nhà văn xã hội chủ nghĩa nào tìm được cách để trình bày các luận điểm và các thành tựu của phe mình một cách rõ ràng và nhất quán như Dmowski đã làm cho đảng ông trong cuốn sách *The Politics and Reconstruction of the Polish State (Chính trị và việc Khôi phục Nhà nước Ba Lan)* của ông.

Không tưởng Xã hội và Mầm mống Toàn trị

Các lý tưởng xã hội chủ nghĩa đã bao gồm hy vọng về một xã hội phi giai cấp dựa trên tự do, bình đẳng và tình anh em. Sự không tưởng này đã hòa với một sự diễn giải giai cấp về các sự kiện lịch sử. Lý luận về đấu tranh giai cấp đã định vị nguồn của sự thay đổi lịch sử ở sự biến đổi của hệ

thống kinh tế và các cuộc xung đột nảy sinh giữa những người kiểm soát tư liệu sản xuất và những người bị tước mất tài sản và chỉ còn sở hữu sức lao động của họ. Cuộc đấu tranh giữa những tư tưởng đã được coi như một phái sinh của đấu tranh giai cấp. Mọi tư tưởng từ quá khứ đã có thể được giải thích và đặt vào bối cảnh lịch sử của nó. Đã chỉ có những sự không tưởng của chính họ mà những người xã hội chủ nghĩa đã không có khả năng khảo sát. Theo những tuyên bố của họ, đây là lần đầu tiên mà hòn đá của nhà triết học đã được khám phá ra mà sẽ tái định hình sự không tưởng thành một cương lĩnh hành động khoa học, và biến những mơ ước thành hiện thực. “Đấu tranh này là trận cuối cùng, sẽ hết cực khô bản hàn,” họ đã hứa trong quốc tế ca họ hát trong ngày lễ của họ.

Nhưng cũng đã có cuộc sống hàng ngày: cảnh sát Nga, trường Nga, quyền lực đế quốc Nga, cũng như sự yếu kém riêng của họ và sự tuân thủ của đồng bào họ. Đã chỉ có một nhóm các nhà xã hội chủ nghĩa, và họ đã biết điều đó. Cho nên họ đã tìm thấy cho chính họ một thuyết mặt thể phi giáo hội mà đã giúp họ chịu đựng các năm lưu đày, thời gian trải giữa Thành và giá treo cổ. Họ đã phải tin rằng họ đang hy sinh đời họ cho cái gì đó vô giá và thiêng liêng. Huyền thoại về một Ba Lan của “các tòa nhà thủy tinh,” của một nước Ba Lan công bằng, thuần khiết, và nồng nhiệt, đã lấy cảm hứng từ ý chí này để tin tưởng. Nhưng cuộc sống có quy luật của nó và chính trị cũng vậy. Đã là một con đường cong queo dẫn đến Ba Lan này, và các phương pháp mà phải sử dụng đã không luôn luôn có thể là tinh khiết. Một lỗ hồng bắt đầu xuất hiện giữa lý tưởng xã hội chủ nghĩa và thực tiễn hàng ngày, một lỗ hồng mà đã không thể được lấp đầy bằng sự suy ngẫm chính trị. Chủ nghĩa xã hội đã hứa hẹn sự thay đổi hoàn toàn, xây dựng lời hứa này trên sự phủ định hoàn toàn một thế giới dựa trên sự bóc lột và đàn áp các dân tộc và các cá nhân. Lời hứa ý thức hệ này đã phải trở thành thực tế sau cuộc cách mạng; một thời đại sẽ bắt đầu mà trong đó các đức hạnh của ngày hôm nay sẽ được tưởng thưởng. Chính tại điểm này mà lời hứa ý thức hệ đã bắt đầu thay thế sự chẩn đoán khách quan về xung đột xã hội và một chương trình cải cách rõ ràng. Một phẩm chất mới được hình thành. Mầm mống của chủ nghĩa toàn trị đã bắt đầu cưỡng ép con đường của nó vào ý thức hệ dân chủ, đấu dân tộc chủ nghĩa hay quốc tế chủ nghĩa.

Chủ nghĩa toàn trị của những người xã hội chủ nghĩa Ba Lan đã có hai bộ mặt. Nó nằm, một mặt, trong bản chất của bản thân học thuyết, mà đã thử bao hàm và ôm toàn bộ sự phong phú của đời sống xã hội trong các phạm trù và khái niệm của nó. Nó cũng nằm trong bản chất của

tổ chức, mà hình thức của nó được cho là để đảm bảo thành công trong cuộc chiến tranh thần thánh của những người lao động Ba Lan chống lại chế độ chuyên quyền Nga.

Để diễn đạt theo cách khác: “các nhà lý luận có chấp” đã xem tương lai như một thế giới huy hoàng nổi lên từ cơn lũ cách mạng. Cơn lũ tràn ngập cách mạng đã là một sản phẩm không thể tránh khỏi của sự tiến hóa xã hội, một tất yếu lịch sử. Nhưng sau cơn lũ lớn, các dân tộc cãi cọ nhau sẽ trở thành một đại gia đình. Người dân sẽ là tự do và bình đẳng và mọi người sẽ là anh em của mọi người khác, bất chấp chủng tộc hay màu da. Tất cả cái cần đã là một sự cố gắng lớn: Cách mạng. Mục tiêu rạn vỡ này đã cho phép các nhà lý luận có chấp từ chối hoàn toàn hiện tại và thế giới đương thời của các giá trị, để coi tất cả những thành tựu của nó như các sản phẩm không quan trọng của một nền văn hóa thối nát. Bản thân kỹ thuật của hành động cách mạng đã trung lập về mặt đạo đức: châm ngôn nói, “Bạn không thể làm món trứng trắng mà không làm vỡ những quả trứng.” Ân đấng sau châm ngôn này đã không chỉ là sự tán thành chủ nghĩa tương đối đạo đức mà cũng là một bước nhảy tinh thần từ một lý luận tất định triệt để sang thuyết ý chí hoàn toàn của thực tiễn. “Chủ nghĩa xã hội là kết quả tự nhiên của sự tiến hóa của các lực lượng sản xuất và của mối quan hệ sản xuất,” các thầy tu cao cả tây Âu của chủ nghĩa Marx nói. Điều này, được dịch sang ngôn ngữ chính trị, đã tạo ra chủ nghĩa cải lương của các nhà dân chủ xã hội Đức. Trong tình hình Ba Lan quan điểm tất định triệt để về lịch sử đã chỉ là một sự giả đảm bảo, giả khoa học, mà kết quả của cuộc đấu tranh đã không là một ảo tưởng ý thức hệ mà đúng hơn là sản phẩm tất yếu của các hiện tượng xã hội, hết như mưa đến từ những đám mây đen bao phủ bầu trời. Nhưng thực tiễn chính trị đã cho biết rằng nhịp hành quân của tinh thần lịch sử sẽ phụ thuộc vào chúng ta và vì thế tất cả những phương pháp đã đều chấp nhận được, vì chúng ta đang “lay chuyển trái đất trong nền tảng của nó.” Chúng ta hãy lặp lại: đó đã là cơ sở của niềm tin chắc rằng tất cả nhu cầu của xã hội phải phục tùng một mục tiêu tối thượng: cách mạng. Các suy nghĩ này gây ra một loại tâm tính cá biệt.

Florian Znaniecki gọi người với kiểu tâm tính này là “một kẻ cuồng tín của những tư tưởng của mình.” Ông phác họa chân dung người đó trong cuốn sách *Người dân Hôm nay và Nền Văn minh Ngày mai*. Người này gán một tầm quan trọng văn hóa tuyệt đối cho sứ mệnh riêng của mình, và nhận thức toàn bộ cộng đồng từ cách nhìn về vai trò tích cực hay tiêu cực của nó trong những cố gắng đó của mình.

Sự cô lập tinh thần kéo dài . . . sự sắp đặt một mình các nhiệm vụ mục tiêu của mình, một sự tập trung ngày càng tăng của mọi hoạt động vào những nhiệm vụ này và sự sao lãng tất cả những nhiệm vụ khác . . . , đi ngược với trật tự hiện tồn nhằm thực hiện những nhiệm vụ này, mà thường xuyên bị trầm trọng thêm bởi những thái độ của xã hội bình thường mà thường có xu hướng gán cho nó các ý định phá hoại hơn là xây dựng; tất cả điều này đóng góp cho một sự mất nhận biết về tính tương đối của các hành động con người. Những sự cố gắng riêng của mình, mà toàn bộ nhân cách của người đó tập trung vào, mà là thứ duy nhất có ý nghĩa (vì các vai trò công thông thường là vô nghĩa) cho đời sống của người đó, nhận được tầm quan trọng tuyệt đối không thể so sánh với bất cứ thứ gì. . . . Người đó trở thành một kẻ cuồng tín của những tư tưởng của mình, nếu cần sẵn sàng hy sinh vì chúng mọi hệ thống văn hóa sao cho chúng có thể được thực hiện. . . . Vì người đó sống hàng năm dài lang thang trong sự hoang tàn của cuộc nổi loạn, chạm trán với sự kháng cự thụ động và sự phản kháng tích cực khi phát triển và mở rộng các hoạt động của mình, gặp gỡ những người bình thường, đánh giá sự công nhận và sự hợp tác của những người ủng hộ hiếm hoi . . . , người đó dần dần chia người dân thành bạn và thù. Sự phân chia này, cùng với sự hiến dâng hoàn toàn cho sứ mệnh của mình và niềm tin cuồng tín vào các tư tưởng riêng của mình, trở thành nguyên tắc chỉ đạo chính trong cuộc sống của người đó bên trong xã hội. . . . Cuộc sống của người đó càng khó khăn . . . , thì sự tương phản giữa người đó, nhóm của người đó và phần còn lại của xã hội càng dễ phân biệt. Những người ủng hộ người đó cũng tin vào thái độ này. . . . Ngoài ra, vì hoạt động của nhóm thật sự giành được đặc tính của một cuộc đấu tranh với những kẻ thù, nhóm thường thu hút các chiến sĩ điển hình mà củng cố tăng cường hoạt động này và biến nhóm thành một đội chiến đấu.

Đó đã là chân dung tâm lý của nhà cách mạng do một nhà xã hội học phác họa. Tâm lý này đã đi cùng với lý luận. Lý luận đã không cần mạch lạc về mặt nội bộ. Lòng tin vào “sự sụp đổ tự động của chủ nghĩa tư bản” đã đi cùng những lời kêu gọi “tổng đình công” lặp đi lặp lại, mà sẽ làm cho sự “sụp đổ” và “cuộc cách mạng” gần nhau hơn. “Cách mạng” và “tổng đình công” đòi hỏi những cán bộ có hiệu lực và có kỷ luật. Nếu kế hoạch lật đổ chủ nghĩa tư bản được bộ máy áp bức sa hoàng ủng hộ phải được thực hiện một cách hiệu quả, thì những cán bộ này hay, chính xác hơn, các nhà hoạt động đảng phải trở thành “một đội quân của các nhà cách mạng chuyên nghiệp.” Nhận thức của họ phải khác với suy nghĩ của người dân “bình thường,” công nhân hay thợ thủ công những người sống cuộc sống của những người ăn bánh mì bình thường và xem xét thế giới theo cùng cách, với mức độ khá bảo thủ và tuân thủ. Những người ăn bánh mì mà được thuê làm trong các nhà máy và các xưởng chịu gánh nặng của “tính tầm thường” và không có khả năng ngoi lên trên mức chính trị của chủ nghĩa nghiệp đoàn. Vì thế, cán bộ cách mạng chuyên

nghiệp phải đưa ý thức chính trị từ bên ngoài vào hàng ngũ giai cấp lao động. Nó phải là đội tiên phong của giai cấp lao động, sự biểu lộ của những phẩm chất tốt nhất và những lợi ích dài hạn thật nhất của nó, cho dù hiện nay các công nhân không biết về điều này. Nhưng chỉ bằng cách này thì cán bộ cách mạng của giai cấp vô sản mới có thể đồng nhất với bản thân giai cấp vô sản, bởi vì lợi ích lịch sử thực của giai cấp vô sản là cùng như lợi ích của đảng của các nhà cách mạng chuyên nghiệp, mà đã đưa khẩu hiệu giải phóng giai cấp vô sản lên ngọn cờ của nó.

Đó là bản chất thế giới quan chính trị của các nhà lý luận cổ chấp, những người cũng biện minh cho các công thức này bằng trích dẫn một cách quá hào phóng Marx, Engels, và các nhà lý luận khác của phong trào.

“Các nhà tổ chức” như tôi sẽ gọi những người đề xướng một xu hướng khác đã không quan tâm nhiều đến những bí mật của lý luận Marxist hay đến những tranh luận chè sợi làm tư của các nhà lý luận cổ chấp về một “cuộc tổng đình công” hay “sự sụp đổ tự động của chủ nghĩa tư bản.” Lãnh tụ của họ đã thú nhận một lần rằng ông ta đã chẳng bao giờ tìm được cách để lợi qua lập luận rắc rối của *Das Kapital (Tư bản Luận)* của Marx. Các nhà tổ chức đã quan tâm đến hoạt động cụ thể đánh vào hệ thống sa hoàng Nga, hoạt động mà thành công của nó được đo bằng sự lấy lại nền độc lập hoặc, chí ít, bằng một sự thừa nhận rõ ràng của thế giới về khát vọng của những người Ba Lan để có một nhà nước có chủ quyền. Vì mục đích này họ đã cần một tổ chức mà giống một đội chiến đấu hơn là một đảng của những người lao động hoạt động bí mật được vận hành một cách dân chủ. Đối với các nhà tổ chức, các nhóm nhỏ của các chiến sĩ được huấn luyện, có khả năng đảm nhận hoạt động vũ trang nhiều rủi ro, đã có giá trị hơn các mạng lưới của các tổ chức nhà máy. Nhưng nếu hoạt động vũ trang không mang lại những kết quả lập tức thì sao? Nếu hôm nay là không thể lật đổ chế độ sa hoàng thì sao? Nếu cần đợi thì sao? Nếu cần tìm kiếm sự giúp đỡ giữa các kẻ thù của kẻ thù chính của chúng ta thì sao? Trong tình hình này một kỷ luật kiểu quân đội càng cần thiết hơn, một kỷ luật mà tạo ra sự tin cậy vô điều kiện vào các lãnh tụ. Tâm tính của “kẻ cuồng tín của các tư tưởng của mình,” đặc trưng của các nhà lý luận cổ chấp, xuất hiện giữa các nhà tổ chức trong một cái lột khái niệm khác. Cán bộ lãnh đạo, các nhà tổ chức sẽ nói, không thể để ý đợi chờ tính khí của công chúng tuân thủ, những người “không thể chịu nghe kính bị cửa xước, thế nhưng kiên nhẫn chịu đựng roi da Nga quất vào mặt mình.” Ngược lại, những cán bộ này phải tin

rằng bản thân Chúa đã giao phó cho họ vinh dự của tất cả những người Ba Lan, rằng chính họ là những người thực sự thực hiện những khát vọng của dân tộc, ngay cả cho dù bản thân dân tộc không biết về điều đó và không trao cho các cán bộ một sự ủy nhiệm để làm vậy. Dưới sự chia cắt, dân tộc này đã mất bản năng tự bảo toàn của nó và lý trí chính trị của nó. Đó là vì sao dân tộc này phải ở dưới quyền của những người biết kỹ hơn, nhìn xa hơn, và quan trọng nhất sẵn sàng “quăng cuộc sống của họ lên giàn thiêu.”

Đây đã là hai bộ mặt của những sự cám dỗ tiền toàn trị trong phe phái xã hội chủ nghĩa Ba Lan. Một trong số đó sẽ trở nên rõ hơn cả trong lý thuyết lẫn trong thực tiễn của đảng Cộng sản Ba Lan, đảng mà đã thử bolshevik hóa Ba Lan trong Đệ nhị Cộng hòa; bộ mặt khác được thể hiện trong thực tiễn chính trị của chế độ Sanacja, mà đã được tôn lên bởi Hiến pháp 1935 và tuyên bố cương lĩnh của Phe Thống nhất Quốc gia.

Chủ nghĩa xã hội và Tư tưởng Chống Toàn trị: Tầm nhìn và Trục giác

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa Ba Lan đã không biết về những mối nguy hiểm này. Daszynski và Kelles-Krauz trong các tác phẩm của mình đã cho rằng liên minh lâu dài của Ba Lan với nước Nga, ngay cả sau khi lật đổ hệ thống sa hoàng, sẽ mang lại cho Ba Lan một sự giạt lùi văn hóa, và rằng các truyền thống lịch sử Ba Lan và các mô hình văn hóa đã phải dẫn tới một kiểu giải pháp chính trị khác trong nhà nước hậu cách mạng. Chế độ chuyên quyền đã là một truyền thống Nga và chế độ tự do cao quý là một truyền thống Ba Lan. Như thế, lý lịch tinh thần khác nhau của các dân tộc này đã phải tạo mô hình một cách khác nhau những tầm nhìn cương lĩnh về những thay đổi chính trị. Lý lẽ này đã tấn công Rosa Luxemburg và lý thuyết của bà về “sự hợp nhất hữu cơ” Vương quốc Ba Lan vào Nga. Luxemburg đã được coi là nhà lý luận hàng đầu của đảng Dân chủ Xã hội của Vương quốc Ba Lan và Lithuania [SDKPiL], đảng công nhân bị chi phối bởi tinh thần của các nhà lý luận cô chấp, mà với nhiệt tình lý luận cô chấp thực sự, đã đấu tranh với ý tưởng về một Ba Lan có chủ quyền và thay vào đó đã thích một sự không tương phổ quát hơn. Đảng SDKPiL đã chọn sự hợp tác chặt chẽ với phong trào công nhân Nga, đặc biệt với cánh cách mạng do Lenin đứng đầu.

Một cách đặc trưng, chính với Lenin mà Rosa Luxemburg đã có một tranh cãi về mô hình cho đảng công nhân. Thực vậy đây đã là một

tranh cãi về đặc tính của quyền lực sau cách mạng. Lenin đã thích một chế độ cho đảng dân chủ-xã hội mà trên thực tế sẽ biến nó thành một tổ chức của các nhà cách mạng chuyên nghiệp; đây đã là quan niệm Leninist về một đảng “kiểu mới,” Luxemburg đã lên án lãnh tụ của những người Bolshevik của “chủ nghĩa Blanqui,” của việc chấp nhận một cách vô ý thức các tư tưởng của cách mạng Pháp đầu thế kỷ thứ mười chín. (Blanqui đã sống hầu hết đời mình trong tù; ông đã tin rằng hệ thống tư bản chủ nghĩa có thể bị lật đổ bởi một âm mưu bí mật.) Những tư tưởng Blanquist đã tương phản sắc nét với lý luận về cách mạng vô sản, mà đã phải là nhiệm vụ của quần chúng lao động có ý thức về những khát vọng của họ, chứ không phải công việc của một nhóm các nhà âm mưu, những người suy nghĩ và hành động thay cho quần chúng. “Hoạt động âm mưu có ít khả năng thành công,” Rosa Luxemburg lập luận; nhưng lý lẽ của bà đã không liên quan chi tới cơ hội. Cho dù những người âm mưu có tìm được cách nắm quyền trong nước, bà xác nhận, đây không phải là sự cai trị của giai cấp lao động mà là sự cai trị của bản thân các nhà âm mưu. Sẽ không phải là dân chủ vô sản chiến thắng mà là chủ nghĩa Jacobin của thời đại mới, mà sẽ sinh ra một chế độ đế quốc-bonapartist. Chế độ này sẽ đặt nền tảng trên sự thụ động của quần chúng lao động bị tước mất các quyền dân sự của họ. Ban chấp hành Trung ương sẽ trở thành một hoàng đế tập thể loại nào đó trong nhóm tháp tùng của một đội quân cận vệ bảo vệ sự an toàn và trật tự. Ngân ấy về ý tưởng của nhà nước công nhân.

Luxemburg đã thấy tất cả những mối nguy hiểm này trong quan niệm Leninist về đảng của “các nhà cách mạng chuyên nghiệp” một đảng bao gồm “những kẻ cuồng tín tư tưởng,” những người được lựa chọn một cách đặc biệt và đến từ bên lề xã hội, một đảng tách hẳn khỏi tính nghiêm khắc của trật tự xã hội và tách rời cuộc sống hàng ngày của các nhóm người ở nhà máy, mặc dù nó nói nhân danh họ. Một đảng loại này sống cuộc sống riêng của nó, lệ thuộc vào các cơ chế chi phối các bè phái, và tạo ra các lợi ích và mục tiêu cá biệt riêng của nó. Những lời buộc tội này, được trình bày năm 1908, đã được Luxemburg lặp lại mười năm sau trong cuốn sách nhỏ nổi tiếng của bà về cách mạng Bolshevik, trong đó bà đã lại tiếp tục cuộc tranh luận cơ bản của bà với Lenin về giá trị của dân chủ tư sản trong hoàn cảnh sau cách mạng. Cả lần này nữa, bà đã nói về sự đe dọa chết người bày ra cho giai cấp lao động, thụ động và bị tước đoạt các quyền của nó bởi bộ máy đảng độc quyền quyền lực.

Điều lý thú rằng Rosa Luxemburg đã chẳng bao giờ hiểu tầm quan trọng của quá trình tạo-quốc gia, và rằng bà đã thấy mục tiêu của những

người Ba Lan về nền độc lập chỉ như việc lỗi thời của giới quý tộc. Tuy thế mà, cũng chính Luxemburg này với sự sắc sảo hiếm có đã có khả năng nhìn thấy những đường nét của chiếc mũ Napoleonic dưới cái mũ Phrygian [mũ tự do thời cách mạng Pháp] của các nhà Jacobin Nga, mà sẽ lập tức biến thành mũ của Monomakh [biểu tượng của chế độ chuyên quyền Nga] với ngôi sao đỏ. Tinh thần của nước Nga ngày hôm qua và thậm chí sớm hơn đã làm tiêu tan sự không tưởng về chủ nghĩa quân bình và dân chủ.

Rosa Luxemburg đã bị lôi cuốn đến những người Bolshevik bởi thuyết cấp tiến cách mạng của họ và bởi niềm tin chắc của bà rằng hành động Ba Lan-Nga thống nhất đã là cần thiết. Các lãnh đạo và các nhà lý luận của Đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan đã tìm các giải pháp khác. Edward Abramowski, người trong một thời gian đã gắn mật thiết với PPS, đã tập trung vào những phương pháp được dùng trong hoạt động chính trị xã hội chủ nghĩa. Ông đã tin rằng các phương pháp có một ảnh hưởng quyết định lên hình thù của sự thay đổi chính trị. Nhằm để hiểu khái niệm của Abramowski ta phải phân tích ý tưởng của ông về “cách mạng quan liêu.” Chính với cách nói này ông đã mô tả mọi chính sách thử sự thay đổi không thông qua các hoạt động cách mạng của giai cấp vô sản, mà thông qua những việc làm của giới tinh hoa lãnh đạo các đảng xã hội chủ nghĩa. “Cách mạng quan liêu” vì thế được nhận làm bởi cả những người chủ trương mô hình đảng của “các nhà cách mạng chuyên nghiệp” và bởi các nhà hoạt động dân chủ-xã hội Đức, những người đã thay hoạt động vô sản trực tiếp cho trò chơi nghị viện và những nỗ lực ngoại giao. Những thay đổi được tiến hành theo cách này là ngắn và hời hợt; chúng không cách mạng hóa ý thức xã hội. Các chính trị gia xã hội chủ nghĩa phải từ bỏ tất cả cải cách “từ trên xuống”: họ phải bỏ tất cả những chiến lược mọi cải cách từ các chính phủ tư sản bằng áp lực nghị viện hay đảng sau sân khấu. Chiến lược này che đậy một thái độ thờ bái vật đối với định chế của nhà nước, với toàn bộ bộ máy áp bức chính trị của nó. Nó cũng đưa đến lòng tin rằng bộ máy này có thể được biến đổi, thông qua những thay đổi “từ trên xuống,” từ là một công cụ đàn áp chống công nhân thành người bảo vệ của một nhà nước được cải cách. Một cải cách được ban bố bằng sắc lệnh bởi chính phủ có nghĩa rằng giới tinh hoa chính trị vẫn nắm quyền lực và giai cấp vô sản vẫn chỉ là một đối tượng chính trị. Nhằm để có khả năng cai trị, các công nhân phải có được kinh nghiệm trong tiến trình đấu tranh vì quyền lực. Chỉ trong cuộc đấu tranh này họ có thể học việc tự-tổ chức, để đạt được một sự tự-ý thức chính trị, và hiểu

bản chất của vũ khí quan trọng nhất của họ sự đoàn kết công nhân. Abramowski đã đặt tên cho lòng tin vào sự thay đổi áp đặt bởi nhà nước là một lý luận về “quý tộc hóa, chuộc lại ảnh hưởng của roi da của cảnh sát, khi roi da này nằm trong bàn tay được làm sinh động bởi các lý tưởng về quyền tự do và phúc lợi của nhân dân.”

Bộ máy quan liêu cách mạng nhìn hơi khác khi nó là đảng của các nhà cách mạng chuyên nghiệp. Khi đó, cách mạng là công việc của giới trí thức đảng mà “sau khi giành được sự ủng hộ của quần chúng bằng bất cứ phương pháp sẵn có nào đã chiếm được quyền lực nhà nước,” và với sự giúp đỡ của chế độ độc tài đã xây dựng được một xã hội mới. Chủ nghĩa Jacobin xã hội chủ nghĩa này tìm thấy đất màu mỡ ở các nước như Ba Lan mà đã bị tước mất quyền tự do chính trị. Nó là kết quả của sự tập trung các hoạt động chính trị lên cuộc chiến đấu không ngừng nghỉ chống lại sự áp bức cảnh sát. Trong những điều kiện này động lực thúc đẩy của đảng Xã hội chủ nghĩa không đến từ các nhà máy mà từ các chi bộ âm mưu của các nhà cách mạng chuyên nghiệp. Đảng trở thành bên ngoài trong mối quan hệ với cơ sở xã hội của nó. Trong một tình huống thuộc loại này, Abramowski nói, “chủ nghĩa Jacobin” có vẻ như

là một sự cần thiết thậm chí nhiều hơn, là phương tiện nhân tạo của việc tiến hành một cuộc cách mạng. Quả thực, nó trở thành phương tiện khả dĩ duy nhất, vì các khẩu hiệu của cách mạng bằng cách nào đó phải được duy trì khi cuộc cách mạng này không có khả năng bén rễ trong tâm hồn người dân. Nếu nó không có lực thật thì nó phải cho họ một lực giả. Không ngạc nhiên khi đó rằng các chiến thuật “khủng bố,” mà trong con mắt của nhân dân tô điểm cho đảng với mệnh trời ần ần nào đó chiến đấu cho nhân dân, rất thường xuyên quay lại với đầu óc của các nhà hoạt động.

Chiến thuật này có thể chứng tỏ là tai hại. Nếu việc giải phóng từ bên ngoài không là công việc của bản thân các công nhân, thì sự thoái hóa là không tránh khỏi. Abramowski đã viết:

Chúng ta hãy tạm thời giả sử trong một lát rằng xuất hiện loại nào đó của mệnh trời cách mạng, một nhóm các nhà âm mưu những người tin vào các lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đã thành công tiếp quản cơ chế nhà nước, và những người, nhờ sự giúp đỡ của cảnh sát mặc sắc phục mới của họ, thi hành các cơ chế cộng sản. Chúng ta giả sử rằng ý thức của nhân dân không đóng vai trò nào trong việc này, và rằng tất cả xảy ra thông qua sức lực của bản thân bộ máy quan liêu. Thế cái gì xảy ra sau đó . . . Các định chế mới loại bỏ thực tế của quyền sở hữu tư nhân ra ngoài vòng pháp luật, nhưng quyền sở hữu vẫn còn như nhu cầu đạo đức của nhân dân. Chúng thanh toán sự bóc lột chính thức trong lĩnh vực sản xuất, nhưng tất cả những nhân tố bên ngoài tạo ra sự khốn khổ con người vẫn còn đó. . . . Tô

chức công sản sẽ phải sử dụng sức mạnh nhà nước rộng rãi để chặn các lợi ích của quyền sở hữu. Cảnh sát sẽ phải thay thế những nhu cầu tự nhiên đó mà nhờ chúng các định chế xã hội sống và phát triển một cách tự do. Việc bảo vệ các định chế mới chỉ có thể được đảm nhiệm bởi một nhà nước dựa trên những nguyên tắc của chính thể chuyên chế quan liêu, bởi vì trong một xã hội mà trong đó một hệ thống mới được áp đặt bằng bạo lực, thì dân chủ sẽ đe dọa hệ thống này với sự sụp đổ tức thì. Nó sẽ quay lại tất cả các quy luật xã hội mà tiếp tục sống trong tâm hồn người dân không bị cách mạng đụng chạm đến. Theo cách này chủ nghĩa cộng sản sẽ không chỉ là thiên cận và yêu mà, hơn nữa, sẽ biến thành một hệ thống kiểm chế quyền tự do của các cá nhân và tạo ra hai giai cấp thay cho các giai cấp cũ: các công dân và các nhà quan liêu, mà sự đối kháng của chúng sẽ hiển nhiên trong mọi lĩnh vực của đời sống công. Như thế, cho dù chủ nghĩa cộng sản có thể sống sót dưới hình thức nhân tạo này, mà không có sự biến đổi đạo đức của nhân dân, trong mọi trường hợp nó sẽ là tự mâu thuẫn và trở thành đúng là một quái vật xã hội, mà về nó không giai cấp bị bóc lột nào, đặc biệt không phải giai cấp vô sản giai cấp đứng lên vì các quyền con người và được lịch sử chỉ định để giải phóng con người, đã từng mơ ước.

Sự trích dẫn rộng này minh họa tốt những sự e sợ của Abramowski cho tương lai của phong trào xã hội chủ nghĩa. Điều quan trọng là, trong khi ông xác định những mối nguy hiểm dưới dạng tương tự như của Rosa Luxemburg, ông đã tìm phương thuốc chữa ở nơi khác. Trong thảo luận với Lenin, Luxemburg đã bảo vệ các giá trị của dân chủ tư sản. Bà đã giải thích rằng bất cứ phong trào nào mà chà đạp quyền tự do (dưới dạng đơn giản nhất, quyền tự do cho các nhà đối lập đối với ý kiến của họ) thì nhất thiết tự kết án mình cho sự tha hóa và cần cỗi. Abramowski đã nghĩ khác; ông đã hiểu quyền tự do tư sản như một đặc ân cho tầng lớp ưu tú mà có thể cùng tồn tại với sự nô dịch hóa giai cấp lao động. Ông đã tìm những sự bảo vệ chế định trong sự phủ nhận thực tiễn nhà nước, mà ông đã coi như bộ máy cho việc áp bức nhân dân lao động và một công cụ cho việc bảo vệ các đặc quyền của các giai cấp hữu sản. Vì thế, Abramowski đã cho rằng, người ta nên tẩy chay các định chế của nhà nước (lực lượng cảnh sát, các tòa án, sự giáo dục) và tạo ra các định chế độc lập mà trong chính quá trình đấu tranh với cường quốc chia cắt sẽ làm cho nó có thể để xây dựng các cơ chế xã hội dựa trên sự đoàn kết và các mối quan hệ của tình hữu nghị. Ông đã gắn tầm quan trọng đặc biệt cho các định chế kinh tế (các hợp tác xã), mà được hình thành như một dạng thay thế khả dĩ của các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Những bài viết của Rosa Luxemburg và Edward Abramowski trình bày hai hướng suy nghĩ về sự cám dỗ toàn trị chứa đựng trong tư duy xã hội chủ nghĩa, trong những cương lĩnh đảng mà kết hợp một kế hoạch

thay đổi xã hội với cuộc đấu tranh vì quyền lực nhà nước. Chúng ta hãy gọi các hướng này là “nghị trường” và “tự-quản.” Những người theo phái nghị trường đã coi sự tồn tại của các định chế nhà nước là cho trước; họ đã quan tâm đến nội dung giai cấp của nhà nước và các cơ chế dân chủ của nó. Luxemburg đã không phê phán Lenin vì việc không đưa vào thực tiễn tầm nhìn xã hội được trình bày trong cuốn sách *Nhà nước và Cách mạng* của ông, mà trong đó ông tiên đoán rằng người nấu bếp sẽ cai trị đất nước. Bà đã phê phán ông vì cách nhà nước Bolshevik được tổ chức, vì việc hủy hoại mọi quyền tự do dân sự, và vì việc chấp thuận hệ thống chuyên quyền của bộ máy đảng được tổ chức thành một nhà nước. Chế độ độc tài được tuyên bố của giai cấp vô sản (chuyên chính vô sản) thực tế biến thành chế độ độc tài của đảng đối với nhân dân và của bộ máy quan liêu đối với đảng.

Abramowski đã sử dụng lưỡi kiếm sắc của sự phê phán của ông để tới sâu hơn. Ông đã cho rằng chính tham vọng tiếp quản nhà nước đã giả định trước sự tin tưởng rằng bộ máy nhà nước có quyền vô hạn sẽ trở thành nô bộc và công cụ của giới lao động. Thế nhưng ông đã cảm thấy rằng những thay đổi xã hội được ban bố theo sắc lệnh “từ trên,” các cuộc cải cách được áp đặt bởi quân đội và cảnh sát cho dù những lực lượng này được quốc hội kiểm soát, nhất thiết sẽ dẫn đến một loại mới của tình trạng gian cầm. Nó có thể được ngăn cản bởi việc xây dựng sự tự quyết trong xã hội dân sự, bằng tạo ra các hiệp hội từ dưới lên và tránh vai trò trung gian của các định chế nhà nước trong đời sống công.

Sự giống nhau của những suy ngẫm này với những ý tưởng của Roman Dmowski là nổi bật. Những sự khác nhau của họ nằm ở thuyết giá trị. Theo quan điểm của Abramowski sự phát triển của các định chế tự quản là để dẫn đến “tự do của Ba Lan và quyền tự do của cá nhân ở Ba Lan.” Trong cách nói này ta có thể dễ dàng nhận thấy sự sợ hãi (cũng được Stefan Zeromski bày tỏ) rằng trong một Ba Lan tự do, cảnh sát với con đại bàng hai đầu của Romanov trên mũ sẽ chỉ được thay thế bằng gendarme (sen đầm) với con đại bàng đội mũ vương miện Ba Lan.

Chính trị của Chủ nghĩa tích cực và Tranh luận về các Giá trị

Trong *Những Tư tưởng của Người Ba Lan Hiện đại*, Dmowski đã nói rõ một cách cục súc rằng người mà muốn một nước Ba Lan sống hài hòa với tất cả láng giềng của nó; người mà được chỉ dẫn bởi lý tưởng trừu tượng về công bằng và không bởi sự bành trướng lãnh thổ; người mà sẽ gọi nó

là “chủ nghĩa số vanh” hơn là một bản năng dân tộc lành mạnh mà bất cứ người Ba Lan nào chiến đấu với những người Ukrain, Lithuania, hay Do thái; người mà nói rằng anh ta yêu một nước Ba Lan nhưng nhìn mặt vào suy nghĩ về một cảnh sát Ba Lan và các nhà tù Ba Lan, thì người đó chỉ chế nhạo tư tưởng chủ quyền.

Không nghi ngờ gì lý lẽ này ám chỉ đến Abramowski và các nhà xã hội chủ nghĩa khác. Đối với họ Dmowski đã là một nhà lý luận của một chủ nghĩa dân tộc hung hăng, người phát ngôn của các giai cấp hữu sản và lợi ích của họ trong thế giới xung đột xã hội mãnh liệt. Từ quan điểm của Dmowski các nhà xã hội chủ nghĩa đã là các nhà thẩm mỹ vô trách nhiệm những người đã tạo ra những ảo tưởng không tưởng mà, khi được chuyển sang ngôn ngữ chính trị cụ thể, đã phục vụ những kẻ thù của Ba Lan; chẳng hạn, họ đã đặt chiến lược của riêng họ lệ thuộc vào lợi ích của các nhà dân chủ xã hội Đức.

Chúng ta hãy ngẫm nghĩ về ý nghĩa ẩn dấu trong những lời buộc tội lẫn nhau này. Có phải Dmowski đã là nhà lý luận của các gia cấp hữu sản? Dmowski đã là nhà lý luận của chủ nghĩa dân tộc Ba Lan, lý thuyết gia của học thuyết mà xác định lợi ích dân tộc dưới dạng sự xung đột của nó với các dân tộc khác và nguyên tắc đoàn kết sắt đá bên trong dân tộc của riêng ông. Đối với Dmowski dân tộc được tạo thành bởi các địa chủ và nông dân, các nhà công nghiệp và công nhân, các thợ thủ công và thầy giáo tất cả những người mà thử xây dựng một nhà nước-quốc gia bất chấp những lợi ích và những người thù địch. Hình thức cấu trúc dân tộc này đã là tự nhiên đối với Dmowski. Những kế hoạch cho sự chấn động xã hội đã là những hành động của bọn gây rối và là một cách phá hủy sự thống nhất dân tộc. Sự thống nhất dân tộc, đối với ông, đã có nghĩa là sự tập trung tất cả những người Ba Lan quanh phe chính trị của các nhà dân chủ dân tộc và việc thực hiện cương lĩnh của họ. Hoạt động cách mạng của các đảng công nhân đối với Dmowski đã có vẻ là một “bệnh,” “công việc của những người điên,” “trò ăn cướp chính trị,” “bệnh giang mai của đời sống công.” Chủ nghĩa dân tộc đã là kẻ thù của cách mạng xã hội, nhưng nó chẳng bao giờ được đồng nhất hoàn toàn với lợi ích của giai cấp tư sản hay các địa chủ. Nó đã tôn trọng những lợi ích đó, nhưng nó đặt chúng lệ thuộc vào mục tiêu tối thượng, chiến lược chính trị của chính nó, mà nó đánh đồng với lợi ích dân tộc. Dmowski đã sai trong đánh giá của ông về xu hướng xã hội chủ nghĩa. Các nhà hoạt động PPS, kể cả Abramowski, đã thường xuyên tiến hành tranh luận với các nhà xã hội chủ nghĩa Đức và Nga về nền độc lập Ba Lan. Các lý lẽ của các đối thủ

của họ rằng mục tiêu độc lập đã là lỗi thời, được những người Xã hội chủ nghĩa cảm thấy hoặc như chủ nghĩa độc đoán ngu dân hoặc như đạo đức giả rõ rệt che đậy tâm tính của chủ nghĩa dân tộc đế quốc dưới nước sơn bóng của những khẩu hiệu có tính phổ quát. Trong khía cạnh này sự phê phán của Dmowski đã không trúng vấn đề.

Bản chất của tranh luận, tuy vậy, đã có vẻ nằm ở những nhận thức khác nhau về chính trị. Đối với các nhà xã hội chủ nghĩa, chính trị đã là một phương tiện để đưa lý tưởng xã hội chủ nghĩa vào thực tiễn; đối với các nhà dân chủ dân tộc nó đã là nghệ thuật để thực hiện các mục tiêu cụ thể trong những tình huống cụ thể. Đây đã là hai triết lý về chính trị.

Các nhà xã hội chủ nghĩa đã thích trích dẫn Marx, nhưng họ đã đưa những trích dẫn của họ từ các công trình của ông theo cách các nhà thần học trích Kinh Thánh. Họ đã đổi chỗ một cách hơi máy móc mạng các khái niệm Marxist vào địa thế của thực tế Ba Lan, đã trau chuốt nhằm để phân tích các đại khác (về mặt địa lý). Trong khi tinh thần của những phân tích mạnh mẽ nhưng vô tư của Marx, như có thể thấy trong *Brumaire Thứ Mười tám* [của Louis Bonaparte] của ông, thì bị mất. Những nghiên cứu của họ đã bị làm ô ứ với một sự mù quáng kỳ lạ mà làm cho họ “nhìn mọi thứ một cách tách rời.” Các xung đột xã hội rõ ràng đã dồn vào lưới với những xúc cảm dân tộc. Đó đã là cái giá phải trả cho sự trung thành với ngôn ngữ của học thuyết. Đã là khó để diễn đạt điều quy định cho chủ quyền trong ngôn ngữ này. Khi các nhà xã hội chủ nghĩa nói về độc lập dân tộc, họ đã quay lại ngôn ngữ của các ông của họ, ngôn ngữ của thuyết phục hồi lãnh thổ phiến loạn. Các xuất bản phẩm của các nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan đầy sự tích tụ chiết trung của đấu tranh giai cấp và khởi nghĩa dân tộc, của các cuộc đình công công nhân và súng hai nòng của những kẻ phiến loạn. Sự pha trộn này đã tạo thành một toàn bộ xúc cảm hoàn hảo, nhưng về mặt trí tuệ nó đã che dấu một lỗ hổng, một sự chia tách bên trong giữa đòi hỏi cho cuộc đấu tranh kinh tế hàng ngày và một tầm nhìn về cách mạng như một đường phân nước, giữa quan điểm về một nhà nước có chủ quyền và quan điểm về một thế giới xã hội chủ nghĩa mới can đảm: một Cộng hòa của Địa cầu.

Dmowski đã có thể thấy sự chia tách này rất kỹ. Ông đã hiểu rằng tư tưởng về chủ nghĩa xã hội là một sản phẩm của xung đột xã hội, rằng sự tin tưởng vào bản chất xung đột của các xã hội tư bản chủ nghĩa là nền tảng lý thuyết của ý thức hệ này. Quả thực, xung đột xã hội đã có thể được thấy với con mắt trần, vì nó đã là vốn có trong chính bản chất của sự tồn tại Ba Lan. Nhưng các nhà dân chủ dân tộc đã giải thích xung đột

này như một cuộc đấu tranh dân tộc, cuộc đấu tranh của những người Ba Lan chống lại những người ngoài: những người Nga, Đức, Ukrain, Do thái. Như thế, giải pháp nằm ở việc nhắm tới một nhà nước Ba Lan có chủ quyền, chứ không phải ở cuộc cãi cọ giết người thân giữa những người Ba Lan mà các nhà xã hội chủ nghĩa đã muốn khi họ tuyên bố đấu tranh giai cấp, và một Ba Lan có chủ quyền đã không thể được xây dựng phù hợp với giấc mơ ban ngày trừu tượng của các nhà xã hội chủ nghĩa về công lý và chủ nghĩa nhân đạo. Một Ba Lan có chủ quyền đã phải là “một Ba Lan cho những người Ba Lan,” hoặc chính xác hơn, “một nước Ba Lan cho những người Ba Lan có kỷ luật.” Dmowski đã xây dựng những cơ hội cho độc lập trên phân tích địa lý và sắc tộc, trên một chẩn đoán chi tiết về các lợi ích xung đột nhau của Nga và Đức, trên sự quan sát cẩn trọng những chủ nghĩa dân tộc trẻ đang tăng lên trên lãnh thổ của khối cộng đồng trước kia. Ngày nay làm sao người ta không thán phục sự dễ hiểu của các bài viết của Dmowski hay Poplawski? Có lẽ không có ai trong toàn bộ lịch sử tư tưởng chính trị Ba Lan lại đã viết một cách rõ ràng và súc tích về bản chất xung đột của các mối quan hệ của Ba Lan với các nước láng giềng của nó [như họ]. Không ai khác đã giải quyết một cách can đảm những ảo tưởng và những sự tự lừa dối, như những sự tính toán rằng châu Âu cả hoàng thân quốc thích lẫn dân thường sẽ đưa ra sự giúp đỡ không vụ lợi. Không ai khác đã thách thức một cách thuyết phục đến vậy lòng tin ngây thơ rằng khẩu hiệu “Vì quyền tự do của các bạn và của chúng tôi” có thể thay thế tư duy chính trị, hoặc cũng ấu trĩ ngang thế là niềm tin chắc rằng các chủ nghĩa dân tộc non trẻ phấn đấu cho các nhà nước có chủ quyền trong những vùng đất pha trộn sắc tộc này lại có thể không đi đến xung đột.

Bất chấp những xác tín ý thức hệ của Dmowski, những phân tích thực tiễn của ông đã chính xác. Thế nhưng, đọc các công trình của ông hôm nay, thỉnh thoảng người ta hầu như không thể cưỡng lại một cảm giác lúng túng trí tuệ và xấu hổ đạo đức. Người ta thấy không chỉ tính lớn lao mà cả sự nghèo nàn của tư tưởng của Roman Dmowski, và không chỉ sự nghèo nàn của tư tưởng của ông mà cả xu hướng chính trị lớn này. Một nhà ngoại giao Anh một lần đã gọi Dmowski là sự hiện thân của không chỉ cái tốt nhất mà cả cái tồi nhất trong đặc tính dân tộc Ba Lan, và tôi nghĩ rằng người Anh này đã không hoàn toàn sai.

Roman Dmowski đã là một nhà phân tích xuất sắc, nhưng ông đã là tù nhân của những nỗi ám ảnh của ông. Ông đã là đồng sáng lập viên của tư tưởng ủng hộ độc lập Ba Lan và đồng phạm của tính nhỏ nhen Ba Lan.

Ông đã gieo những hạt giống của tính duy lý trong tư duy chính trị, thế nhưng đã mang những mầm mống của tính bài ngoại mà đã gây ra chứng hoại tử trong các lĩnh vực rộng của đời sống trí tuệ. Ông đã uốn nắn đầu óc Ba Lan và đã làm sa đọa lương tâm Ba Lan. Ông đã uốn nắn họ bằng việc phát triển ý tưởng về chính trị của chủ nghĩa hành động, bằng việc dạy địa chính trị, bằng việc đưa chủ nghĩa hiện thực khắt khe vào; ông đã làm sa đọa họ bằng việc trình bày một khái niệm về dân tộc và một ý tưởng về tính Ba Lan mà đã dẫn thẳng đến các giải pháp toàn trị. Chúng ta hãy ngó vào việc Dmowski mô tả về và biện minh cho chủ nghĩa yêu nước.

Nền tảng cơ bản của nó là sự hợp nhất của nó với dân tộc, một sự hợp nhất mà độc lập với ý chí của các cá nhân. Điều này có nghĩa rằng cá nhân, người mà đã pha trộn thành một với dân tộc trong toàn bộ các thể hệ, không có ý chí tự do nào trong một dải rộng nhất định của các hành động, mà phải tuân theo ý chí tập thể của dân tộc, của tất cả các thể hệ của nó, bày tỏ bản thân chúng thông qua các bản năng riêng rẽ.

Đồng thời ông đã bác bỏ mọi liên hệ của những khát vọng dân tộc và quyền đối với tư cách nhà nước với nguyên tắc phổ quát rộng hơn về quyền con người đối với tự do và tự quyết. Đối với Dmowski chỉ có bản năng và quyền lực được tính.

Sự tranh cãi này về bản chất liên quan không chỉ đến địa vị đầu tiên của các giá trị dân tộc đối với các giá trị cá nhân mà cũng đến vấn đề làm thế nào dân tộc có thể được uốn nắn, nó sẽ được tổ chức về nội bộ ra sao, các lý tưởng hàng đầu của nó là những gì. Khi ông xác định lợi ích dân tộc Ba Lan, Dmowski đã chủ trương sự bành trướng ra ngoài: Chỉ có cái phục vụ cho sự bành trướng Ba Lan đã trùng với lợi ích dân tộc. Chúng ta biết từ lịch sử rằng sự bành trướng dân tộc có nhiều hình thù khác nhau. Đối với Dmowski tất cả mọi sự bành trướng đều đã tương đương với Ba Lan hóa: càng nhiều người trở thành những người Ba Lan (ngay cả bằng vũ lực), thì lợi ích dân tộc Ba Lan sẽ được thực hiện càng có hiệu quả. Dân tộc phát triển thông qua sự tăng lãnh thổ; sự tăng xảy ra qua các cuộc đấu tranh với các dân tộc khác. Vì thế, một thái độ tiêu cực đối với những người nước ngoài, những người có thể làm dưng sự tăng này, là tiêu chuẩn đánh giá về tư thế dân tộc chủ nghĩa.

Khung cảnh của những luận điểm dân tộc chủ nghĩa này đã hiển nhiên: chiến đấu với sự Đức hóa và Nga hóa, xung đột với các phong trào dân tộc chủ nghĩa Lithuania và Ukrain. Các nhà dân tộc chủ nghĩa đã tin giải pháp duy nhất là một cuộc đấu tranh toàn bộ của dân tộc Ba Lan với

các dân tộc khác. Họ đã xem tất cả những cố gắng thỏa hiệp là ấu trĩ, yếu kém, và chủ nghĩa thất bại có hại. Những lý lẽ chứng tỏ các quyền của các dân tộc phù hợp với tiêu chuẩn của các giá trị Kitô giáo hay phóng khoáng Âu châu đã không được tính đến, chỉ vũ lực được tính. Vì một dân tộc để có thể bành trướng ra bên ngoài, nó đã phải được tổ chức ở bên trong. Sự tự quyết đã không đủ; hình thức của nó đã là cái có ý nghĩa. Vì thế, các nhà dân chủ dân tộc đã cho là, lợi ích dân tộc đòi hỏi rằng những người Ba Lan chấp nhận kỷ luật như nguyên tắc của tổ chức nội bộ của họ. Người dân tự đặt mình dưới những người “cảm thấy tính Ba Lan mạnh mẽ nhất bên trong họ”: tức là, họ phải đặt mình phụ thuộc vào các nhà dân chủ dân tộc. Chiến tranh phải được tuyên bố với những người từ chối. Những người này là những ai? Ai tạo thành các yếu tố này mà “không đủ tính dân tộc bên trong dân tộc,” mà tạo thành những trở ngại trên con đường dân chủ dân tộc đến triều đại của các linh hồn? Làm thế nào các yếu tố này có thể bị lộ ra và làm sao có thể biến công chúng chống lại họ? Có một cách để làm việc này. Người ta phải tìm “những người đứng sau nó.” Người ta phải tìm những người Do thái. Chủ nghĩa dân chủ dân tộc bài Do Thái đã nhắm vào cộng đồng Do thái cũng như vào phân của xã hội Ba Lan mà đã có gốc rễ trong ghetto (biệt khu người Do thái). Bất cứ ai đã không chấp nhận tầm nhìn dân chủ dân tộc về tính Ba Lan đã được coi là một người Do thái, hay chí ít bị buộc tội “rơi vào ảnh hưởng Do thái.” Các nhà dân chủ dân tộc đã cho phép tranh luận về chiến thuật, đây đã là bản chất của những luận chiến của họ với những người bảo thủ. Nhưng họ đã không cho phép tranh luận về ý nghĩa của tính Ba Lan. Họ đã xem các đối thủ ý thức hệ của họ chỉ như “những người nửa-Ba Lan.” Vấn đề Do thái đã là một vấn đề phức tạp và không là chủ đề thảo luận ở đây. Đối với chúng ta cái quan trọng là, trong học thuyết của Dmowski chủ nghĩa bài Do thái đã được dùng như xi măng cho việc xây dựng quốc gia Ba Lan hiện đại. Chính trong cuộc đấu tranh với mối đe dọa Do thái mà sự thống nhất dân tộc Ba Lan đã được rèn đúc. Trong cuộc đấu tranh này giới quý tộc Ba Lan đã tình cờ đến để gặp với người quý phái Ba Lan, công nhân Ba Lan với nhà công nghiệp Ba Lan, thợ thủ công Ba Lan với nhà buôn Ba Lan. Họ đã đến để gặp, liên kết, và tổ chức để chiến đấu dưới sự chỉ huy của các nhà dân chủ dân tộc.

Thái độ của các nhà dân chủ dân tộc đối với những người Đức hay những người Nga đã là kết quả của phân tích của họ về tình hình quốc tế. Thái độ của họ đối với những người Lithuania hay Ukrain đã xuất phát từ quan miệm của họ về tương lai của hình thức lãnh thổ của nhà nước. Thái

độ của họ đối với những người Do thái đã tìm thấy nguồn gốc từ tầm nhìn của họ về hình thức nội bộ của dân tộc Ba Lan. Mẫu số chung trong tất cả những thái độ này đã là tính bài ngoại. Các nhà dân chủ dân tộc đã huấn luyện hàng thế hệ những người Ba Lan hiện đại về định kiến và sự ngờ vực bất cứ thứ gì liên quan đến các dân tộc khác. Họ đã dạy một sự sùng bái bạo lực trần trụi dẫu vô nhân đạo đến thế nào, khinh bỉ sự yếu kém dẫu không đáng đến thế nào. Bản thân họ là các nhà tư tưởng độc đáo và độc lập, họ đã dạy những người khác suy nghĩ theo lệnh, theo những đường mòn. Dmowski đã không nhất quán: thí dụ, ông đã lên án tính tàn bạo của những kẻ thù Đức của những người Ba Lan. Ông đã đòi để có “bản năng đạo đức của người văn minh,” thế nhưng đã bỏ sự tinh khiết học thuyết và chiếu cố đến các tập quán Ba Lan truyền thống dựa trên tinh thần của chủ nghĩa phổ quát và đặc tính của những đức hạnh nghĩa hiệp. Cùng đặc tính này đã được bao gồm trong chương trình giáo dục quốc gia của các nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan. Chủ nghĩa phổ quát vô sản của họ đã gắn với một tầm nhìn của Ba Lan Jagellonian, một Ba Lan mà đã là tổ quốc chung của tất cả các dân tộc sống trên các vùng đất của khối cộng đồng trước kia. Đây đã là một Ba Lan cởi mở và khoan dung, một Ba Lan tự hào là một “nước mà không có những dàn thiêu,” tự hào về nguyên tắc của nó, “Vì tự do của chúng tôi và của các bạn.” Nó cũng là một Ba Lan bành trướng nữa. Nhưng mô hình của họ đã là một mô hình bành trướng khác với mô hình của các nhà Dân chủ Dân tộc. Các nhà dân chủ dân tộc đã đề xuất một loại chủ nghĩa bành trướng cướp bóc mà dựa trên sức mạnh của thanh kiếm; các nhà xã hội chủ nghĩa đã muốn một chủ nghĩa bành trướng văn hóa dựa trên sự tỏa sáng của các giá trị văn hóa dân tộc. Lý tưởng của Pilsudski, vì ông đã là kiến trúc sư chính, đã có sức mạnh đặc biệt của một huyền thoại dân tộc. Và nó đã đạt được những thắng lợi theo cách một huyền thoại đạt được. Những phần tử thông minh nhất của thế hệ trẻ đã tập trung vào lý tưởng này.

Các nhà dân chủ dân tộc đã tấn công huyền thoại tư tưởng do Pilsudski xây dựng với tất cả sự hăng hái của một phong trào khao khát “ngự trị tâm hồn.” Họ đã lên án ông vì “sự lỗi thời” và “ấu trĩ” của ông, vì ông “từ bỏ con đường thực tế.” Đối với “Ba Lan của các dân tộc” của Pilsudski, họ đã để cạnh huyền thoại riêng của họ về một “Ba Lan dân tộc,” một Ba Lan thuần khiết về sắc tộc, không bị pha trộn của các chủng tộc, tôn giáo, và dân tộc khác. Cương lĩnh dân chủ dân tộc đã không đốt cháy những sự tưởng tượng đến cùng mức, nhưng đã dễ hơn để chuyển nó sang ngôn ngữ của kinh nghiệm hàng ngày; nó đã hữu ích hơn về mặt

xã hội và kỹ thuật. Bằng cách này nó đã là một cương lĩnh thực tế hơn. Nhưng nó đã là một bóng ma của tính Ba Lan đầy các ý tưởng độc hại. Thắng lợi lớn của chúng đã xô đẩy văn hóa Ba Lan vào hướng nội, vào những vùng sâu thẳm của tính bài ngoại và sự phẫn uất.

Dmowski đã luôn luôn tin rằng Ba Lan thuộc về châu Âu và rằng với tư cách một dân tộc có lịch sử vĩ đại nó phải làm giàu văn hóa Âu châu với những giá trị mới. Thế nhưng, tất cả những thành tựu văn hóa đích thực Ba Lan mà đã trở thành một phần lâu bền của kinh nghiệm văn hóa Âu châu đã được hình thành trong sự phản kháng chống lại tầm nhìn về tính Ba Lan của các nhà dân chủ dân tộc.

Theo Dmowski, từ quan điểm văn hóa nước Ba Lan đã thuộc về phương Tây, nhưng từ một quan điểm chính trị nó đã bị xử phạt để bị liên kết thường xuyên với nước Nga. Chẩn đoán này giải thích nhiều thứ. Nó chứa đựng sự thừa nhận những thực tế chính trị cay nghiệt: Không có sự trợ giúp nào có thể được kỳ vọng từ phương Tây. Từ phía Đức, những người Ba Lan đã bị đe dọa một cách tai họa với sự làm mất tính dân tộc. Nga đã chế ngự Ba Lan với sức mạnh quân sự của nó, trong khi Ba Lan đã vượt Nga với mức văn minh của nó. Từ Nga, vì thế, đã không có sự đe dọa nào đối với bản sắc dân tộc. Dmowski đã khinh thường Nga, nhưng đồng thời ông đã bị mê hoặc bởi sức mạnh của đế chế. Ông đã cảm thấy mình là một phần của thế giới phương Tây mà đã bị ném sâu vào nhà nước dã man của các sa hoàng. Ông đã theo dõi châu Âu một cách kỹ lưỡng, nhưng ông đã khinh miệt nó vì nó đã quy lưng lại với Ba Lan. Ông đã thấy trong việc này một âm mưu của những người Đức, các hội viên Tam điểm, những người Do thái, và các nhà xã hội chủ nghĩa.

Dmowski đã tin vào âm mưu như lực thúc đẩy, dấu ẩn giấu của lịch sử. Ông đã nghĩ rằng bọn mafia đã cai trị thế giới và đã tiến hành một thỏa thuận để làm hại những người Ba Lan. Ngày nay, những phản xạ của ông về sức mạnh của mafia Do thái-hội Tam điểm gây bối rối ngay cả cho những người ủng hộ nhiệt tình nhất của ông. Này ra câu hỏi: Làm sao một người hết sức miễn cảm và đã phân tích tình hình quốc tế hết sức thông minh lại đã có thể tin vào sự vô nghĩa ngớ ngẩn như vậy? Không sự duy lý hóa nào sẽ giải thích điều này. Câu đố sẽ không được giải bằng lý lẽ rằng những người Do Thái và các hội viên Tam điểm đã thực sự tồn tại và rằng Dmowski đã ma quỷ hóa vai trò của họ. Chúng ta bắt lực khi đối mặt với sai lầm bí ẩn này mà đã trở thành một căn bệnh của tâm hồn Ba Lan.

Giá trị kỹ thuật xã hội của lòng tin vào âm mưu nằm ở tính đơn giản của việc xây dựng nó. Tôi nghèo, bị áp bức và bị kiệt sức; tôi không có khả năng hiểu các cơ chế của thế giới này mà đã làm cho tôi bất hạnh; tôi bị lạc trong mớ bòng bong của những hình ảnh, thông tin và diễn giải. Tôi đơn độc. Và ở đây ai đó đến, yêu cầu tôi là một phần của một cộng đồng và đồng thời giải thích cho tôi những nguyên nhân gây ra sự bất hạnh của tôi. Ông đã giải thích cả hai thứ theo cách tôi có thể hiểu. Ông bảo tôi rằng tôi là một người Ba Lan, rằng đây là giá trị tối cao, một giá trị tự thân, mà tôi phải bảo vệ khỏi những thứ khác. Đây là nghĩa vụ của đời tôi. Tôi phải thực hiện nó nếu đôi xứng đáng để được gọi là một người Ba Lan. Và như thế tôi phải chiến đấu chống các kẻ thù của Ba Lan, bọn chúng cũng là nguyên nhân của sự bất hạnh của tôi. Chúng là các hội viên Tam điểm và những người Do thái. Chính chúng là những người âm mưu hại chúng ta; chính chúng là những người bí mật dẫn chúng ta đến bất hạnh. Không sao nếu tôi chưa bao giờ thấy, nếu tôi sẽ không biết làm sao để nhận ra một hội viên Tam điểm. Các hội viên Tam điểm hoạt động một cách bí mật, gian dối, nhưng các bạn của tôi, “những người Ba Lan đích thực,” đã khám phá ra những trò gian trá của chúng. Họ sẽ vạch chúng ra cho tôi. Thực ra, có thể thấy những người Do thái. Họ dạo trên các phố của các thành phố của chúng ta, họ hủy hoại việc buôn bán của chúng ta với sự cạnh tranh của họ, họ là các luật sư, bác sĩ, nhà tài chính. Và họ là người ngoài. Họ nói cách khác. Họ mặc khác. Họ cầu nguyện khác. Khi bạn để ý về họ, họ kiêu ngạo và hỗn xược. Họ đang làm gì trên đất của chúng ta dù sao đi nữa? Vì sao họ đấu tranh với chúng ta? Vì sao họ lại kích động tình hình, phá hủy tinh thần dân tộc, phổ biến những tư tưởng thế giới chủ nghĩa mang tính phá hoại mà đã bị ép lên Ba Lan từ nước ngoài?

Đây đã là tâm tính mà các nhà lãnh đạo dân chủ dân tộc đã phú cho một chiều kích ý thức hệ. Tư tưởng của Dmowski cho một sự phản chiếu chính xác về phức cảm chống-phương Tây của Ba Lan, phức cảm về tình yêu bị từ chối, về đứa em họ đáng thương bị đuổi khỏi bàn ăn gia đình sau một vụ phá sản được mọi người chú ý. Đó là bệnh tâm thần phân liệt của ông bầu mơ về chỉ đạo nhà hát nhạc kịch Paris nhưng thay vào đó lại bị bố trí làm ở nhà hát công cộng ở một tỉnh lẻ Nga heo hút. Vì một xung đột như vậy một chủ nghĩa dân tộc hung hăng đã được sinh ra. Nó đã lôi kéo lực lượng từ sự yếu kém và lạc hậu. Nó đã chỉ trích việc bắt chước các mô hình ý thức hệ phương Tây, sự yếu kém vì chuyện tầm phào phóng khoáng và trí thức xã hội chủ nghĩa. Tất cả những thứ đó phỏng có

ích gì trong nước của các sa hoàng? Nó có thể mang lại lợi ích gì? Ở Nga các trào lưu phóng khoáng và xã hội chủ nghĩa đã giống một bông hồng đỏ thanh tú mọc ra từ một nhà xí hôi hám, một nhà xí mà đã không được sửa trong hàng trăm năm, mà đang sụp đổ, nhưng vẫn được vận hành bởi một cánh sát tàn ác.

Dmowski đã quen với nước Nga và giới chính trị Nga. Ông đã thấy những cơ hội cho việc cứu nước đó mà với nó ông đã gắn bó số phận của mình không trong những cải cách phóng khoáng, mà trong sự tăng cường sức mạnh của nó. Đây là vì sao ông đã thấy dễ hơn để tiến hành những thỏa thuận với “[Hiệp hội] Trăm Đen - черные сотни” hơn là với các nhà dân chủ hợp hiến. Với “Trăm Đen” ông đã chỉ khác ở một vấn đề: thái độ của họ đối với vấn đề Ba Lan. Họ đã chia sẻ những ám ảnh sợ hãi, như sự tin vào các âm mưu Do thái-Tam điểm. Họ đã có chung cuộc thánh chiến mà mỗi trong số họ đã tuyên bố chống lại những người theo thể giới chủ nghĩa và những người vô chính phủ. Nghịch lý làm sao: chính trị gia này người đã có dáng điệu của một chính khách Âu châu, đã gặp các thủ tướng và các bộ trưởng, đã lui tới các văn phòng và salon đỉnh cao ở Paris và London, lại đã kết hợp trong một sự loạn trí ý thức hệ với các giới chống-Ba Lan nhất ở Nga. Vì các lý do hiển nhiên nó đã là một liên minh chiến thuật. Dmowski đã ủng hộ chủ nghĩa dân tộc Đại Nga trong những cố gắng của nó để bành trướng để hế sa hoàng để bao gồm phần còn lại của các lãnh thổ Ba Lan. Và đây đã là nơi liên minh của họ chấm dứt. Thử thuyết phục các chính trị gia Nga rằng sự khôi phục một Ba Lan có chủ quyền là lợi ích của Nga đã giống như giải thích cho một người khỏe mạnh rằng cắt một cánh tay là cần thiết để cứu cuộc sống của anh ta. Những tình huống như vậy có xảy ra, nhưng sự thuyết phục giống thế này hiếm khi có kết quả.

Dmowski đã biết rất kỹ rằng trong việc chọn một chính sách thân Nga dài hạn ông đã đi ngược lại những kỳ vọng bình dân. Chiến thuật này đã bị không chỉ các nhà xã hội chủ nghĩa thách thức; giữa các nhà Dân chủ Dân tộc cũng đã nổi lên các cuộc tranh cãi dữ dội. Làm sao đã có thể ngăn chặn những sự chia rẽ thêm? Dmowski đã nhận ra lời giải trong việc tổ chức kỷ luật trong quốc gia sao cho để đảm bảo việc thực hiện mọi mệnh lệnh. Ông đã quy việc thiếu kỷ luật cho đặc tính dân tộc Ba Lan, được kế thừa từ tính quý phái. Ông đã coi “chủ nghĩa nhân đạo” và “sự khoan dung” đối với những người khác là những lỗi nghiêm trọng nhất của những người Ba Lan. Ông đã khinh bỉ “tính thụ động truyền thống” của họ và sự không sẵn sàng chiến đấu của họ. Trong những cố

gắng Galician tại một sự thỏa thuận Ba Lan-Ukrain Dmowski đã thấy chỉ “sự lười biếng tinh thần” và một lối ra dễ dàng. Những thiếu sót này, ông cảm thấy, đã dẫn đến những nhượng bộ đối với các phần tử thù địch, cùng với một tâm lý nô lệ và sự từ bỏ những khát vọng dân tộc. Lý thú rằng Pilsudski cũng đã tấn công những nhược điểm dân tộc Ba Lan. Ông đã xác định những thiếu sót này như chủ nghĩa tuân thủ, chủ nghĩa bảo thủ trí tuệ, và sự hèn nhát tinh thần. Các phẩm chất nào những người Ba Lan phải có? Theo Dmowski, đây đã là yêu công việc khó khăn và kỷ luật tự giác, sự điềm đạm (từ bỏ đặc tính lãng mạn-khởi nghĩa), và tính ích kỷ dân tộc (tách lợi ích dân tộc Ba Lan khỏi những lợi ích của các dân tộc khác). Theo Pilsudski, những người Ba Lan phải tiếp tục truyền thống khởi nghĩa và chuyển nó sang ngôn ngữ hiện thời, quảng bá các đức hạnh anh hùng và nghĩa vụ để hy sinh đời mình cho tổ quốc, tìm các lực lượng mà sẽ tổ chức hiệu quả nhất sự kháng cự tích cực chống lại sự áp bức sa hoàng (giai cấp vô sản), tìm các đồng minh giữa các láng giềng trong cuộc đấu tranh chống lại chế độ sa hoàng và vì sự xây dựng một khối cộng đồng thích đáng của nhiều quốc gia trong tương lai.

Lại lần nữa, hai kiểu tư duy, hai hệ thống giá trị, hai tầm nhìn về tính Ba Lan đã đụng độ nhau. Cái nào đã thực tế hơn?

Lý tưởng về một khối cộng đồng của nhiều quốc gia đã chưa bao giờ được thực hiện. Theo nghĩa này Dmowski đã là người có óc thực tế hơn. Nhưng bản thân Dmowski đã thích lặp lại rằng hoạt động chính trị của một quốc gia phải được lên kế hoạch trước không chỉ cho hàng năm mà cho hàng thập niên. Từ viễn cảnh đó chúng ta có thể thấy các ý tưởng của Pilsudski như một phiên bản của cộng đồng chống toàn trị của các dân tộc của khối cộng đồng trước kia, được thành lập trên những giá trị chung, cốt yếu.

Dmowski và Pilsudski, các nhà Dân chủ Dân tộc và các nhà xã hội chủ nghĩa có thiên hướng độc lập, đã đưa ra các khái niệm tư tưởng của họ cho một xã hội mà trong nhiều năm đã sống trong sự thụ động. Các đảng này đã có chung ý tưởng về xây dựng sự tự quyết xã hội. Những sự khác biệt của họ là ở hình thức của sự tự quyết. Nhiều bộ sách đã được viết về những sự khác biệt giữa các chính trị gia này. Vì thế chúng ta sẽ tập trung vào một vài sự giống nhau.

Mặc dù đoạn tuyệt với tâm lý bị giam cầm, cả hai đã vẫn bị nó lây nhiễm. Hệt như “người chủ” lây nhiễm “đầy tớ” phiền loạn với tâm tính của ông, nước Nga sa hoàng đã để lại những vết tích vĩnh cửu trên tâm tính của các đối thủ của nó. Hệ thống sa hoàng đã được mô tả nhiều lần.

Nó đã được xây dựng trên sự ép buộc, chuyên quyền, coi thường luật pháp; nó đã sử dụng sự hăm dọa, và đã làm nhục nhân phẩm con người. Nó đã không quen với khái niệm tư cách công dân: mỗi người đã là một thần dân. Các thần dân của nó được dạy sự vâng lời tuyệt đối và được huấn luyện để tỏ sự tôn kính nghi lễ. Đây là vì sao họ đã sống trong một thế giới tâm thần phân liệt, nơi sự thật của đời sống chính thức đã khác với sự thật của đời sống tư. Các thần dân bị làm cho ngu muội: tự do ngôn luận, tự do báo chí, và khoa học tất cả bị quy định nghiêm ngặt. Hệ thống đã sử dụng những sự dối trá, luôn luôn và ở mọi nơi, đối với các thần dân của nó và đối với các đại sứ nước ngoài. Sức mạnh của nền ngoại giao Nga và bí mật thành công của nó nằm ở đây. Hệ thống đã hoàn thiện những kỹ thuật khiêu khích chính trị. Chính trong các văn phòng của Okhrana [cảnh sát mật] Nga mà ý tưởng về kiểm soát những kẻ khủng bố bằng cây các đặc vụ vào đã được nghĩ ra đầu tiên. Các tài liệu tạo ra các tư tưởng mới, như “Các Nghị định thư của các Bô lão Zion,” đã có nguồn gốc của chúng ở đó, cùng với các kế hoạch để đưa các tư tưởng này vào thực tiễn. Chính ở Nga mà các cuộc tàn sát chống-người Do thái đã được sử dụng lần đầu tiên như một kỹ thuật tháo gỡ những căng thẳng xã hội,

Đó là hệ thống mà những người Ba Lan đã phải đấu tranh với. Kẻ thù đặt các quy tắc cho cuộc chiến đấu này. Nga đã là thủ đô và Ba Lan là một tỉnh lẻ. Không chỉ các chỉ thị cho Cảnh sát trưởng, Polizeimeister, mà cả những một tư tưởng nữa đã đi từ Petersburg đến Warsaw. Các tư tưởng của cách mạng xã hội và chủ nghĩa dân tộc hung hăng đã đến từ Nga. Chủ nghĩa xã hội đã nhuộm màu thuyết mật thế và chủ nghĩa khủng bố; chủ nghĩa dân tộc đã là hệ tư tưởng của dân chúng ngu dốt mà đối với họ cộng đồng dân tộc đã có nghĩa là sự căm ghét các nhóm khác. Người ta có thể dễ dàng nhận ra những dấu vết của những ảnh hưởng này của thủ đô trong chủ nghĩa dân tộc Dân chủ Dân tộc và chủ nghĩa xã hội Ba Lan. Có phải nó đã có ý nghĩa rằng cạnh sắc chính trị của những cương lĩnh này đã là chống-Nga khi hình thù bên trong của chúng đã được tạc bằng cuộc sống hàng ngày dưới chế độ chuyên quyền Nga? Vì lý do này chủ nghĩa dân tộc Ba Lan đã chứa tâm lý khác thường của những người vương mắc trong một trò chơi với triều đình Petersburg, với giới tinh hoa quan liêu của đội quân của các quan chức Nga. Nếu bạn đã muốn chơi tốt trong trò chơi này, bạn đã phải học các quy tắc của nó và ngôn ngữ của nó; bạn đã phải mang mặt nạ của một người từ các giới đó, một người chơi hợp pháp trong trò chơi. Nhưng ứng xử như vậy đòi hỏi cái giá của

nó. Vì mặt nạ khớp chặt lên mặt của bạn, đã là khó để xé toạc nó đi. Bạn đã học ngôn ngữ của họ kỹ lưỡng đến mức bạn quên ngôn ngữ của riêng mình; bạn đã bắt đầu sử dụng các quy tắc trò chơi của họ trong cuộc sống hàng ngày, thậm chí với bạn bè của bạn. Đó đã là con đường từ “Calvary của Chúa Christ [nơi Chúa bị đóng đinh trên Thập ác] đến Kremlin.”

Trong đế chế Nga nhà xã hội chủ nghĩa đã bị lên án là một kẻ âm mưu vĩnh viễn. Tâm lý của những người “hoạt động ngầm” được tạo hình bởi nỗi sợ bị bắt và sợ khiêu khích. Tâm lý này gây ra sự cuồng tín và sự ngờ vực. Nó tạo ra sự khinh bỉ sự bình thường, khinh bỉ một cuộc sống không có âm mưu. Nó dẫn đến một niềm tin trong sự hoàn hảo và sự thông suốt mọi sự của chính người ta, và đến sự tin chắc nguy hiểm rằng tất cả nỗi thống khổ hôm nay sẽ được tưởng thưởng bằng toàn bộ quyền lực ngày mai.

Tình trạng bị câu thúc làm sa đọa tất cả mọi người: các ông chủ, các nô lệ, và những người phiến loạn, các cá nhân và các cộng đồng, các phe phái chính trị và các quốc gia. Nhiều năm sau Karl Jaspers viết:

Người chiến đấu đôi khi hóa ra giống kẻ thù của mình. Nếu trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa toàn trị ta dùng các phương pháp toàn trị, một cách không thể cảm thấy được ta làm thay đổi hình thù của sự nghiệp của mình. Trong cuộc đấu tranh chống một quái vật, bản thân người ta có thể trở thành quái vật. Trong trường hợp như vậy, cho dù người ta đạt được một thắng lợi, cuộc đấu tranh đã bị thua bởi vì một vương quốc của những quái vật đã được tạo ra cho chính mình. Giả như nó xảy ra thì thứ bên ngoài mà ta chiến đấu với sẽ phá hủy ta từ bên trong, cuộc chiến đấu sẽ không có ý nghĩa gì.

Dmowski và Pilsudski đã hoàn toàn coi khinh tâm lý nô lệ, sản phẩm của sự cai trị sa hoàng. Việc này dần dần đã biến thành sự coi khinh những người mà vẫn chịu tâm lý này. Thế nhưng họ chẳng phải cũng những người mà các lãnh tụ đã muốn giáo dục về sự tự quyết? Những nét nguy hiểm đã hiện diện trong những cương lĩnh chính trị của ngày đó; những nét mà từ viễn cảnh hôm nay là dễ để thấy biểu hiện của chủ nghĩa tiên toàn trị. Quả thực, đây đã là những khái niệm về tự quyết mà đã phải được áp đặt từ trên xuống bởi chính bản chất của chúng (và ngoài sự cần thiết). Đây đã phải là sự tự quyết của một dân tộc mà phải được tổ chức thành một thành lũy được củng cố, được chuẩn bị cho trận đánh liên miên. Vì vậy sự tự quyết như thế phải có hình thức định chế của một tổ chức có kỷ luật và có thứ bậc mà trong đó sự tuân lệnh và sự hy sinh, chứ không phải sự đa nguyên và khoan dung, đã là những đức hạnh chính. Nói cách khác, các quy tắc mà theo đó cuộc sống của dân tộc được tổ

chức về mặt nội bộ đã giống gần hơn với các quy định của quân đội hơn là các tiêu chuẩn của một cộng đồng được cai quản một cách dân chủ.

Việc này đã có thể hiểu được, nhưng nó cũng đã có nhiều hệ quả. Một quân đội cai trị trong thời chiến. Trong thời bình nó phải ở trong các doanh trại. Thời bình đòi hỏi những nguyên tắc khác về cùng tồn tại xã hội so với thời chiến. Những quan niệm của Dmowskis và Pilsudski đi đến một sự kết thúc tự nhiên với việc lấy lại nền độc lập, nhưng logic của các sự kiện chính trị đã khác. Trong Đế nhị Cộng hòa hai phe này đã chi phối đời sống công. Trong tiến trình của cuộc đấu tranh vì quyền lực những sự căm dỗ tiên toàn trị đã nhận những chiêu kích khác nhau. Phe dân tộc của Dmowski, mà được tạo hình thù trong cuộc đấu tranh vì sự tự quyết, đã trở thành Phe của Đại Ba Lan, một tổ chức với một cấu trúc bên trong toàn trị và một cương lĩnh toàn trị, dự định để chiến đấu vì toàn bộ quyền lực nhà nước. Phe có xu hướng độc lập của [Thống chế] Pilsudski, mà được hình thành bởi âm mưu và bởi hoạt động vũ trang của các quân đoàn, đã biến thành một phe trên đảng của những người đi theo Thống chế những người đã muốn phá hủy hệ thống nghị viện và đề xướng chủ nghĩa độc đoán. Trong cả hai trường hợp các cương lĩnh chính trị đã dựa trên những tâm nhìn về quyền tự trị của nhà nước, tức đoạt quyền tự chủ của nhân dân của nó. Lại lần nữa, quốc gia đã phải được tổ chức thành một pháo đài quân sự. Sức mạnh của nhà nước đã được tạo ra với cái giá của các quyền dân sự và sự tự quyết của xã hội.

Edward Abramowski sớm hơn đã cảnh báo một sự quay lại như vậy của các sự kiện. Vào lúc chuyển giao thế kỷ ông đã đối sánh kế hoạch riêng của ông cho việc đạt được sự tự quyết với các tư tưởng của Dmowski và Pilsudski. Kế hoạch của ông một phần đã ngược lại với của họ, một phần đã bổ sung. Chương trình hợp tác xã của ông đã hướng cả đến những thực tiễn của các nhà Dân chủ Dân tộc và chương trình của các nhà xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta hãy nhớ lại rằng theo quan điểm của Abramowski cả hai hệ thống tổ chức chính trị này đã tiến hành những chính sách nhắm tới việc chiếm lấy quyền lực nhà nước. Các chính sách như vậy đã được điều khiển bởi giới tinh hoa chính trị mà trở thành tự trị, còn quần chúng xã hội rộng lớn biến thành đối tượng để thao túng. Các cuộc cải cách được áp đặt từ trên đã không trao quyền lực cho nhân dân mà đúng hơn cho giới tinh hoa mới sử dụng quyền lực đó thông qua các phương pháp truyền thống, kể cả roi da. Các đảng chính trị cũng như các tổ chức quân sự là các phương tiện truyền thống để chiếm quyền lực nhà nước.

Abramowski đã đối sánh việc này với ý tưởng về một hợp tác xã, hiệp hội tự nguyện của các nhà sản xuất mà sẽ hoạt động bên trong những cấu trúc hiện tồn. Hợp tác xã đã là để nuôi dưỡng việc tạo ra các hình thức quản lý mới, một đạo đức lao động mới, các giá trị đạo đức mới. Một phong trào hợp tác xã rộng rãi, được xây dựng từ dưới, dựa trên sự tự quyết hoàn toàn của cá nhân kết nối theo chuỗi, đã là để tạo ra một kiểu mới của sự tự quyết xã hội và một ý thức đạo đức mới. Việc này sẽ cho phép một sự tẩy chay nhà nước, với bộ máy áp bức của nó. Đây đã là những thuộc tính thiết yếu của một phong trào giải phóng xã hội, một phong trào của nhân dân, do nhân dân bầu, và được cai quản vì nhân dân.

Nó cũng đã là một chương trình phục sinh và giải phóng dân tộc. Chống lại tư tưởng Dân chủ Dân tộc thù địch với các dân tộc khác, Abramowski đã đưa ra một chương trình đối ngược về làm phong phú dân tộc thông qua các tổ chức hợp tác xã và nhắm tới công việc tích cực. Việc này đã để dẫn tới việc giải phóng Ba Lan khỏi sự chế ngự kinh tế của vốn ngoại, đặc biệt vốn Đức và Do thái. Để đạt điều này Abramowski đã trách mắng các nhà Dân chủ Dân tộc “đã không đủ để tổ chức các cuộc tẩy chay hàng hóa ngoại và để khuyên răn nhân dân Ba Lan.” Không giống các nhà Dân chủ Dân tộc, Abramowski đã muốn nhúng phong trào hợp tác xã vào tinh thần của “các mối quan hệ hữu nghị.” Nhân danh các giá trị nhân đạo ông đã muốn khắc phục bầu không khí tàn nhẫn của thời ông; cùng bầu không khí tàn nhẫn mà Dmowski đã sử dụng như hòn đá tảng của thế giới quan của ông.

Abramowski đã ngây thơ. Ông đã tỏ ra như vậy đối với các nhà Dân chủ Dân tộc và các nhà xã hội chủ nghĩa, và ông đã thế trong thực tế. Kế hoạch của ông cho một “cộng hòa hợp tác” đã bị nghiền nát trên chiến trường của chiến tranh thế giới. Ba Lan đã lấy lại được chủ quyền của nó bằng các phương tiện khác và hình thù chính trị đã khác. Nhưng Abramowski đã có thể được mô tả theo cách khác: ông đã đang tin cậy. Ông đã tin cậy cái thiện trong thân phận con người, ông đã tin cậy ý nghĩa của những giá trị nhân đạo, ông đã tin cậy tiềm năng của lao động con người, ông đã tin cậy tình hữu nghị. Ông đã không tin các ý thức hệ dựa trên sự thù hận hoặc trên những tập quán chính trị mà làm sa đọa con người xuống vai trò của một sinh vật không biết nghĩ, phải bị cai trị bởi sự ép buộc và được tạo hứng khởi bởi những sự nhiệt tình bộ lạc hay giai cấp.

Ngày nay chúng ta cần sự tin cậy và sự không tin của Edward Abramowski đến bao nhiêu!

Giáo hội Công giáo và Hoạt động chính trị tích cực

Xã hội, mà các nhà lý luận như Dmowski, Pilsudski, và Abramowski kêu gọi, đã là xã hội Công giáo La Mã. Điều này đã có nghĩa rằng nhân dân, trong đời sống hàng ngày của họ, cũng như vào Chủ nhật, đã tin vào hệ thống giá trị Công giáo và vào sứ mệnh giáo dục của các định chế nhà thờ. Họ đã tin vào vai trò tích hợp của một cộng đồng tôn giáo mà thực tế đã phục vụ chức năng của một pháo đài của ý thức dân tộc. Sự đoàn kết của quốc gia với giới tăng lữ và của giới tăng lữ với quốc gia bị chinh phục đã gây ra một bản chất tâm lý mới: mô hình đạo đức của Công giáo-Ba Lan, một hỗn hợp của niềm tin tôn giáo và sự nhận thức yêu nước. Đây đã là phiên bản đặc thù Ba Lan của sự quy giản chính trị của Kitô giáo. Đã không phải là lần đầu tiên sự quy giản chính trị đã xảy ra. Ryszard Przybylski, trong một tiểu luận về thi ca Ba Lan, thuật kỹ lại:

Trong thế kỷ thứ mười sáu bản thân các giáo hoàng đã thực hành nó; trong thế kỷ thứ mười tám các cường quốc chia cắt đã thực hành nó. Việc chia cắt đã được tiến hành nhân danh Thánh Ba ngôi. Liên minh Thần thánh, mà đã gây ra một thắng lợi độc ác và không thể chịu nổi của sự giả dối, sự tầm thường, và tội ác, đã lạm dụng tên của đấng Christ (Kitô). Nó đã là một quá trình đặc biệt ghê tởm và nguy hiểm. Đạo Kitô đã bị biến thành một công cụ của các chính sách đế quốc chuyên chế. Sự ngược đãi con người và toàn bộ các dân tộc đã được biện minh bằng các nguyên tắc tôn giáo, mà đã che đậy sự vô pháp luật của các nhà nước chuyên chế. Lúc đó, La Mã đã không có khả năng hiểu thách thức này. Xung đột giữa Tòa thánh và các nhà thơ Ba Lan, phần lớn giống như sự đoạn tuyệt với chủ nghĩa xã hội Tây Âu, đơn giản đã góp phần vào sự khám phá lại Đạo Kitô.

Với chủ nghĩa xã hội Tây phương Giáo hội đã bất đồng về các vấn đề xã hội; Nó đã đứng về phe các hoàng triều trong cuộc xung đột của họ chống lại những đòi hỏi bình dân. Với các nhà thơ Ba Lan nó đã bất đồng về vấn đề Ba Lan. Đó đã là thời của “Syllabus”⁴ và cuộc chiến đấu thất bại cho một nhà nước do nhà thờ chi phối; một thời của những khát vọng chính trị không bị tiết lộ của Rome và cuộc tranh luận về loại các chính sách của Tòa Thánh. Các phong trào bình dân đã nhắm đánh Giáo hội này. Các tư tưởng của họ đã đẩy các khía cạnh chống giáo hội và phản

⁴ Một sưu tập chứa những những sai lầm chủ yếu của thời đại chúng ta như được lưu ý trong *Allocutions, Encyclicals* và *Các bức thư Giáo hoàng của Đức thánh Cha của chúng ta*, Giáo hoàng Pius IX. 8, tháng Mười hai, 1864.

tôn giáo, như các đòi hỏi về một đời sống công được thể tục hóa và cho sự tách Giáo hội và nhà nước. Và Công giáo Ba Lan đã là một phần của Giáo hội La Mã này. Nhưng ở Ba Lan mọi thứ đã khác. Ở Ba Lan Giáo hội đã bị ngược đãi. Người Công giáo-Ba Lan đã bảo thủ và thù nghịch đối với tất cả tư duy tự do và tính mới mang tính cách mạng. Anh ta đã là một người bảo vệ cứng cỏi của niềm tin Công giáo và địa vị giới hữu sản Ba Lan, mà đối với anh ta đã bị đe dọa bởi các hành động đàn áp của các cường quốc chia cắt và sự tuyên truyền Vô thần mang tính lật đổ mà đã được kéo từ phương Đông hay phương Tây vào các vùng đất Ba Lan. Người Ba Lan này đã được đúc bởi Giáo hội trong những ngày lễ tôn giáo mà đã thường xuyên biến thành các cuộc biểu tình yêu nước. Đôi khi các thầy tu bị đày đi Siberia.

Ở Ba Lan lòng trung thành đã có khuynh hướng liên kết Giáo hội với tinh thần của những hầm mộ mà trong đó các Kitô hữu bị ngược đãi đã ảm nấp, không phải với một liên minh giữa bàn thờ và ngai vàng. Nhưng nó đã không phải là một Giáo hội của các hầm mộ. Thực tiễn chính trị của Giáo hội Công giáo tại Vương quốc Ba Lan đã gồm việc tạo ra một sự cân bằng giữa những đòi hỏi do các nhà chức trách Nga đưa ra và những khát vọng dân tộc của nhân dân, giữa triều đình Petersburg và những cuộc gặp gỡ âm mưu trên những điền sản Ba Lan. Chỉ theo cách này thì tính liên tục của định chế tôn giáo và xã hội hùng mạnh này có thể được bảo đảm. Giáo hội đã là định chế độc lập xác thực duy nhất trong nhà nước chuyên quyền. Tính độc lập này đã chọc tức chính quyền Nga. Trong cuộc đấu tranh chống lại những mưu toan tiếp tục để Nga hóa các nghi lễ tôn giáo và để tách Giáo hội ra khỏi Rome, thái độ nhất quán của giới tăng lữ và của những người ngoan đạo đã tạo thành một mô hình rõ ràng của sự tự quyết và phản kháng dân tộc. Sự tự quyết đã có nghĩa là tập hợp xung quanh Giáo hội và Thánh Nữ Đồng Trinh Czestochowa, bà Chúa của Ba Lan, bất chấp áp lực của các thầy tu Chính thống giáo và các quan chức chính phủ, các thầy giáo và cảnh sát. Sự phản kháng dân tộc đã có nghĩa là việc bảo vệ niềm tin, ngôn ngữ và các phong tục của cha ông; nó đã có nghĩa là sự ngăn chặn, thông qua sự phản kháng thụ động, những cuộc tấn công dai dẳng lên bản sắc dân tộc.

Các nhà xã hội chủ nghĩa và các nhà Dân chủ Dân tộc đã đấu tranh chống lại mô hình này của sự tự quyết dân tộc, đưa ra thế chỗ của nó một khái niệm về nền chính trị Ba Lan của chủ nghĩa tích cực. Bohdan Cywinski đã viết về lịch sử và biện chứng của cuộc tranh luận này vài năm trước trong *Bảng Phả hệ của kẻ Không bị Sĩ nhục*, một cuốn sách

phải bắt buộc đọc đối với mọi người Ba Lan những người đánh vật với lịch sử của mình và với hiện tại bao quanh mình. Tôi đồng ý với hầu hết các luận đề của Cywinski, và tôi sẽ chỉ nói về hai vấn đề thứ yếu.

Các nhà xã hội chủ nghĩa đã coi Giáo hội như một cột trụ của trật tự xã hội mà họ muốn lật đổ, đồng minh của những kẻ áp bức và các ông chủ, một kẻ thù của tiến bộ và sự khai sáng công chúng, một pháo đài của Thành phố Đen tối và Ngu dốt. Giáo hội đã đáp trả lại họ bằng hiện vật. Nó đã nguyện rửa họ từ các bực giảng, bảo vệ các con chiên khỏi chó sói đội mũ cưỡi ngựa màu đỏ của ý thức hệ xã hội chủ nghĩa. Một hỗn hợp kỳ dị của những ám ảnh sợ lẫn nhau như thế đã nảy sinh, nhưng nó đã tiết lộ mình theo một cách trong các cuộc tranh cãi chính trị và thế giới quan và theo cách khác trong kinh nghiệm hàng ngày.

Lưu ý một cách mỉa mai hình Đức Mẹ Đồng Trinh Czestochowa trên những ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, Dmowski đã chỉ ra sự chia rẽ kỳ dị trong tâm lý của các nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan. Vì họ đã trưởng thành về mặt tinh thần tại ngã tư của hai truyền thống, của hai hệ thống tư tưởng. Với tư cách những người chủ trương lý luận về đấu tranh giai cấp và các chiến sĩ tích cực trong đó, họ đã tin vào chủ nghĩa phổ quát xã hội chủ nghĩa và đã lặp lại cương lĩnh của Warynski: “Đả đảo khởi nghĩa dân tộc; cách mạng xã hội muôn năm.” “Cách mạng xã hội” Ba Lan, tuy vậy, đã chẳng là gì khác mà là một cuộc khởi nghĩa khác; trong việc tiến hành đó các nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan đã lấy chỗ của họ trong hàng dài của những anh hùng của cuộc đấu tranh dân tộc, chấp nhận đạo đức hào hiệp, các biểu tượng, và bầu không khí tinh thần của nó. Những người ủng hộ trẻ của chủ nghĩa xã hội, đoạn tuyệt với điền sản của giới quý tộc hay nhà cửa của các nhà tư sản (Stefan Zeromski đã viết về việc này trong nhật ký của ông) đã có thể được coi là tuyệt đối cần để làm nổ tung tu viện Czestochowa bởi vì họ đã xem nó như pháo đài của sự ngu dốt và lạc hậu. Các sách nhỏ của họ đã bày tỏ thế giới quan duy vật, đã phủ nhận sự tồn tại của Chúa và tôn giáo, và đã tuyên bố rằng cuộc sống con người là giá trị tối cao. Họ đã dạy đặc tính giai cấp của đạo đức và đã tuyên bố sự lỗi thời của những khát vọng dân tộc. Nhưng trong thực tiễn các nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan đã trao tính mệnh của họ cho sự nghiệp mà họ đã coi là lớn hơn bản thân cuộc sống. Phù hợp với đạo lý của các đức hạnh hào hiệp họ đã dửng dưng cảm bỏ mình trong các xà lim của Thành hay đã đi Siberia theo bước chân của cha ông họ những người đã tham gia vào các cuộc khởi nghĩa Ba Lan thất bại.

Vào đầu thế kỷ thứ hai mươi, Stanislaw Brzozowski đã viết trong cuốn sách của ông, *Những Ngọn lửa*, về một cuộc gặp gỡ giữa nhà cách mạng Nga Zhelabov và công nhân Warsaw, Tur, một nhà hoạt động của Giai cấp Vô sản.

Họ đã nói chuyện về các huyền thoại.

Zhelabov đã cau mày và nói với sự thù oán: “Luôn luôn là bà Chúa của Ba Lan, Đức Bà Đồng Trinh Czestochowa.”

Nghe thấy một tiếng răng rắc; Tur đang đè tay ghế của mình. . . . Anh đứng lên trước Zhelabov, nhìn hắn với con mắt bốc lửa. Lỗ mũi anh phồng lên, thân anh nghiêng ra phía trước, sẵn sàng nhảy.

“Bỏ tay ra, thằng vô lại,” anh rống lên.

Zhelabov nhắc mình lên. Đã hầu như có vẻ rằng họ sẽ lao vào nhau. Một nụ cười lạ, cả buồn lẫn giễu cợt, đã lóe lên ngang mặt Zhelabov.

“Tôi hiểu,” anh ta nói, “anh muốn sự tha thứ.” Tur chộp lấy tay tôi.

“Mày bảo nó, mày thằng nhãi Muscovite, đừng có nói với tao về sự tha thứ. Nó! Tao vẫn có thể nghe tiếng răng rắc của giá treo cổ. Bỏ tay ra! Bỏ tay ra! Của tao! Nó có thể nghe, nó là của tao! Tao không cầu xin, nhưng Bà là của tao. Đồ khốn kiếp,” và anh ta đập nắm tay mình xuống bàn nặng đến mức kính kêu lách cách.

Đặc trưng làm sao! Đoạn đối thoại ngắn này cho một sự minh họa xuất sắc về thái độ kỳ lạ của nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan đối với biểu tượng dân tộc-tôn giáo. Các nguyên mẫu truyền thống dân tộc đã là vĩnh cửu; đã là không thể để loại bỏ chúng khỏi ý thức Ba Lan. Nói cách khác, cùng với những tuyên bố về học thuyết đã là tâm tính của nhân dân. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội Ba Lan đã được đánh dấu với con dấu của truyền thống Ba Lan, hào hiệp, theo hướng tự do mà đã tái xuất hiện một cách nhất quán trong tư tưởng của cách mạng công nhân. Bầu không khí này đã vẫn còn trong đảng PPS chừng nào đảng còn tồn tại.

Mối quan hệ của các nhà Dân chủ Dân tộc (ND) với Giáo hội đã hoàn toàn khác. Biểu tình đường phố để kỷ niệm Kilinski (mà tôi đã nhắc tới trước đây) đã bắt đầu với một lễ Mass cho việc giải phóng “đứa trẻ ốm yếu.” Đứa trẻ ốm yếu đã là Ba Lan. Linh mục người đọc lễ Mass đã dính líu đến kế hoạch biểu tình yêu nước [mà đã tiếp sau lễ Mass]; ông đã bị giám mục của mình phạt vì tham gia trong sơ đồ ND. Tại cơ sở của mối quan hệ giữa các nhà ND và Giáo hội có xung đột. Sự xung đột này đã có nhiều mặt. Không nghi ngờ gì giám mục bảo thủ đã coi hoạt động của các ND trẻ như hành động kinh suât, một tiếng vọng của các ý tưởng khởi nghĩa cũ, một sự phản ánh các trào lưu chính trị đương thời. Giám mục bảo thủ đã không thích sự đổi mới xã hội, mà ông đã thấy, chẳng

hạn, trong các xuất bản phẩm ND về các chủ đề nông nghiệp. Giám mục bảo thủ đã không muốn phơi Giáo hội ra cho những xung đột mới với chính quyền Nga trong tình hình đã phức tạp rồi mà Giáo hội đối mặt. Vì sao ông phải làm việc đó, dù sao đi nữa? Vì những sự gánh vác của một số người trẻ không thận trọng mà đối với họ ông đã không thấy trước tương lai nào? Ngoài ra, giám mục bảo thủ hẳn đã rất bị chọc tức bởi những lời gở trách thường xuyên của các nhà báo ND.

Năm 1898 *Przeгляд Wszechpolski* đã viết công khai rằng “một phần quan trọng của giới tăng lữ trong khu vực Nga đã bị sa ngã về mặt đạo đức và chính trị và đã lâm lạc. Lời trách móc vì sự sa đọa này phần lớn là ở cấu trúc thứ bậc của Giáo hội, một phần là ở Curia [bộ máy hành chính của Tòa Thánh] tại Rome, và chủ yếu là ở các nhà lãnh đạo và các tông đồ tu hành và thể tục của hoạt động chính trị hòa giải.” Nguồn của việc này đã là niềm tin viển vông vào các thỏa thuận ngoại giao của Giáo hội Công giáo với chính phủ Nga, trong khi thực ra chính phủ Nga đã khai thác mọi thỏa thuận như một phương tiện mới đấu tranh với Công giáo.

Chúng tôi không né trách chiến đấu; thực ra chúng tôi cho rằng nó là đáng mong muốn không chỉ cho sự nghiệp dân tộc mà cả cho sự nghiệp của Công giáo nữa. Giáo hội chiến đấu đôi khi đã chịu những tổn thất to lớn, nhưng nó đã chẳng bao giờ bị đánh bại bởi chính phủ áp bức, còn Giáo hội mà đã thử các phương pháp ngoại giao và đã ký các hiệp ước với kẻ thù đã luôn luôn bị thua. Các chính sách thỏa thiệp và nhượng bộ là ngược với các nguyên tắc và tinh thần tuyệt đối của Giáo hội Công giáo, mà được bày tỏ một cách mạnh mẽ nhất bởi non possumus [chúng tôi không thể] đáng ghi nhớ. Một cuộc chiến đấu không thể xảy ra mà không có sự hy sinh, mất mát và đau đớn, nhưng những sự hy sinh và mất mát sẽ được đền bù lại mười lần bởi sự tăng cường tinh đoàn kết của sự nghiệp dân tộc và sự nghiệp của Giáo hội. Quả thực, sau mỗi cuộc chiến đấu, Giáo hội Công giáo ở khu vực Nga về mặt nội bộ đã trở nên mạnh hơn trước đó. Nó đã được tôi luyện, được tẩy sạch trong lửa của cuộc chiến đấu với những sự yếu kém và sai lầm của nó.

Không nghi ngờ gì rằng chính phủ Nga sẽ trả thù giới tăng lữ cứng đầu cứng cổ, trên hết các giám mục. Họ sẽ bị quấy rầy theo cách khác nhau, có thể cả việc lưu đày. Nhưng đây là các giám mục được nặn bằng một loại đất sét khác với các bậc tiền bối của họ những người đã chịu cùng số phận, hàng trăm thầy tu và dân thường đó những người, vì sự nghiệp dân tộc và sự nghiệp của Giáo hội, đã vào nhà tù, bị tra tấn, bị lưu đày khốn khổ và đã lang thang vô gia cư giữa những người nước ngoài? Họ được gọi là các lãnh tụ tinh thần, cho nên hãy để họ dẫn các đội quân của họ ra chiến trường. Thực ra, sự lưu đày sang Nga và cắt lương vẫn chưa đồng nghĩa với sự chịu đọa đày, mà vì nó những người hầu của Christ và những người Ba Lan ngay thẳng phải sẵn sàng. Đây là nghĩa vụ công dân của chúng ta, mà chúng ta phải thực hiện mà không có sự tự hào hoặc sợ hãi. . . Hãy

để chính phủ Nga bắt đầu cuộc chiến đấu mà nó tất yếu sẽ thua; cộng đồng Ba Lan không sợ nó và giới tăng lữ cũng chẳng phải sợ.

Đây là một thí dụ về những sự quả trách các giám mục Công giáo bởi các nhà Dân chủ Dân tộc. Đồng thời Dmowski đã công khai bác bỏ giáo phái bên kia núi (ultramontanism), đã lên án các mưu toan đặt các lợi ích Ba Lan lệ thuộc vào các chính sách của Rome Công giáo, và đã vạch ra những ý định phi thần thánh giữa một số hoạt động chính trị của Tòa Thánh. Các giám mục Công giáo đã đồng nhất các lợi ích Ba Lan với các lợi ích của Tòa Thánh. Đã có, vì thế, một sự tranh cãi về làm thế nào để xác định các lợi ích dân tộc Ba Lan. Nhưng ngoài điều đó ra, nó cũng đã là một cuộc tranh cãi về hai tầm nhìn của Kitô giáo. Dmowski về mặt cá nhân đã thờ ơ với tôn giáo. Đối với ông Giáo hội đã là một định chế có thứ bậc hùng mạnh mà đã không thể trở thành người đảm bảo sự thống nhất tinh thần của những người Ba Lan. Theo tư tưởng của ông Giáo hội đã là để “cai trị linh hồn” còn các nhà Dân chủ Dân tộc đã là để cai quản chính trị. Việc này đã đi cùng đức tin, thường xuyên được lãnh tụ ND nhắc lại, theo cặp đặc trưng của chuẩn mực đạo đức: đời sống cá nhân được cai trị bởi Mười Lối Răn và đời sống công bởi chuẩn mực đạo đức của “tính ích kỷ dân tộc.” Chúng ta đã thảo luận các chuẩn mực này trước đây. Như thế, sự phê phán Dân chủ Dân tộc đối với đường lối chính trị của các giám mục đã bao gồm sự đề nghị một liên minh. Bên trong liên minh này Giáo hội đã phải công khai từ bỏ lòng tin rằng các nguyên tắc kinh thánh liên quan đến chính trị. Nó đã phải từ bỏ tinh thần phổ quát của nó và các khái niệm chính trị được thừa nhận của chủ nghĩa dân tộc mà đã được xây dựng trên sự thù hận và tính bài ngoại. Về phần mình các nhà Dân chủ Dân tộc đã đề xuất để tham gia vào một cuộc thập tự chinh chống lại những kẻ theo thuyết chống giáo hội, những kẻ vô thần, và những kẻ phá hoại trật tự đạo đức mà là những người điều hành với cờ đỏ trong Ngày [Một] tháng Năm. Lời chào mời đã hấp dẫn nhưng không thể chấp nhận hoàn toàn. Các nhà ND đã không thể tính đến sự chú ý thuận lợi của các ông trùm của Giáo hội nhưng đã chẳng bao giờ đến sự đồng nhất của họ với hoạt động chính trị Dân chủ Dân tộc.

Vấn đề đã là gì? Sự quy giản chính trị Kitô giáo của Công giáo-Ba Lan đã biến Giáo hội thành một định chế dân tộc thực sự. Nó đã thực hiện nhiều chức năng phi tôn giáo bởi vì nó đã là thành lũy duy nhất công khai và hợp pháp của những khát vọng dân tộc, của dân tộc bị giam cầm. Nhưng theo quan niệm ND sự quy giản chính trị Kitô giáo đã sâu hơn và đã lấy một hướng khác. Giáo hội đã phải biến thành một công cụ cho việc

thực hiện các chính sách cá biệt; trên thực tế nó đã phải lệ thuộc vào các chính sách của các nhà Dân chủ Dân tộc. Đường lối chính trị này giả định trước một sự từ bỏ đòi hỏi để áp dụng các giá trị kinh thánh vào đời sống chính trị và đặt Mười Điều Răn xuống dưới chiến lược chính trị của các nhà Dân chủ Dân tộc.

Giáo hội đã không thể làm điều này bởi vì nó đã vướng vào các chiến thuật riêng của nó phản kháng lại kẻ xâm lược; bởi vì bản chất sứ mệnh của nó, nó đã phải chiếm vị trí trên đảng phái trong đời sống dân tộc; bởi vì các mệnh lệnh của đức tin khiến cho giám mục lặp lại: “Vương quốc của tôi không phải là thế giới này.” Các nhà Dân chủ Dân tộc đã buộc tội các giám mục vì các xu hướng hòa giải thái quá. Nhưng làm sao Giáo hội có thể quăng quyền lực của nó và sứ mệnh tôn giáo dài hạn của nó lên bàn cân của một cuộc đua chính trị cá biệt? Đây là thế lưỡng nan khó xử luôn luôn đối mặt với người chủ chốt mà các con chiên của ngài mong muốn sự giải phóng khỏi sự khủng bố áp bức. Giáo hội phải đoàn kết với người bị ngược đãi. Nhưng Giáo hội phải tồn tại mãi mãi, ngay cả khi một cuộc chiến đấu bị thất bại, bởi vì các con chiên cũng cần người chủ chốt của họ sau một sự thất bại. Chính kiến của Giáo hội luôn luôn lơ lửng giữa bằng chứng đạo đức và sự tính toán lạnh lùng. Không có lời giải sẵn có nào cho thế lưỡng nan này. Một thứ là chắc chắn, tuy vậy: khi bày con chiên đứng thẳng lưng để chiến đấu vì nhân phẩm và quyền tự do, chủ chốt phải không được làm như Pilate đã làm.* Điều cũng chắc chắn là, Giáo hội có thể bảo vệ các quyền tự nhiên của các con chiên của nó theo những cách khác nhau, nhưng việc quy giản Kitô giáo về một cương lĩnh chính trị chẳng bao giờ là thích đáng.

Những sự khác biệt đã là đáng kể. Nhưng các nhà Dân chủ Dân tộc đã ghi được một thắng lợi quan trọng. Lợi dụng điểm yếu trí tuệ và quan niệm của giới tăng lữ, họ đã có khả năng làm thảm nhuần dần một nội dung cá biệt vào Công giáo Ba Lan. Trong những thực hành của đoàn mục sư của Giáo hội, nội dung này, dịch sang ngôn ngữ cụ thể của chính trị, gần *Những Tư tưởng của một người Ba Lan Hiện đại* của Dmowski hơn là lời giáo huấn của sách phúc âm. Liên minh của Công giáo và chủ nghĩa dân tộc đã có một nền tảng thuần túy phủ định. Họ đã có những kẻ thù chung: nhà tự do vô thần và nhà cách mạng xã hội, những người nước ngoài và những người tin vào thần thánh khác. Các lý lẽ đã có thể thay thế cho nhau; khi được hiệu chỉnh cho quần chúng, chúng đã được biến

* Thái thú Pontus Pilate được biết đến như thẩm phán trong vụ xử Jesus bị đóng đinh trên thập giá.

thành thơ sơ một cách thích hợp. Như thế, sự tự quyết đã dựa trên sự quy giản một phần quan trọng của dân cư xuống địa vị những người đáng thương. Những người đi theo đã bị đối xử như một cục đất sét dễ nhào nặn, và các đối thủ đã được xem như rác rưởi của Satan. Chính trong bầu không khí trí tuệ này mà các pamphlet (sách nhỏ) tiết lộ sự cai trị của một “mafia Do thái-Tam điểm” được tạo ra và được đọc.

Nhưng đã không chỉ các nhà Dân chủ Dân tộc đã tương tác với Công giáo Ba Lan. Bản thân họ một cách tình cờ đã chịu thua ảnh hưởng của nó, quan niệm của nó về con người, nguyên tắc chống toàn trị của nó về tách cái đã là của Chúa khỏi cái đã là của Caesar. Tôi tin rằng đây đã là một trong những lý do quan trọng vì sao tư tưởng cương lĩnh ND đã không trở thành hoàn toàn toàn trị, không ngay cả trong các năm 1930, khi nọc độc của chủ nghĩa chauvin và mưu mô của chủ nghĩa toàn trị đã có vẻ thâm nhập toàn bộ đội ngũ thanh niên có kỷ luật, khi vũ lực đã được dùng để giải quyết những tranh cãi chính trị, khi các nhà ND trẻ đã công khai đồng cảm với chủ nghĩa phát xít, lên án chế độ Sanacja trong thời đại của Brzesc và Bereza là chủ nghĩa tự do thối nát. Ngay cả khi đó, một trong những người sáng tạo ra tư tưởng Dân chủ Dân tộc, Roman Rybarski, đã viết: “Không có sự thống nhất bên trong của sự xúc cảm và sự cố gắng, dân tộc sẽ không còn trong một vị trí dẫn đầu. Nhưng sức mạnh của dân tộc liệu có đòi hỏi sự thống nhất hoàn toàn của các thành viên của nó? Có là cần đối với mỗi người để có cùng lòng tin chính trị và mặc cùng đồng phục? Hoặc các tranh cãi nội bộ, dựa trên nền tảng của sự thống nhất dân tộc, có phải không dẫn một cách thành công hơn đến sự trở hoa của dân tộc?”

Kết luận

Tôi đã không muốn dành những suy ngẫm này để giảng hòa, theo cách trên lịch sử nào đó, các truyền thống của các nhà Dân chủ Dân tộc với các truyền thống của các nhà xã hội chủ nghĩa theo hướng độc lập. Tôi đã định diễn giải những truyền thống này một lần nữa, để giải mã thông điệp của chúng, để phản ánh các bài học vốn gắn liền với các xung đột đó. Cuốn sách của Barbara Torunczyk, mà tôi đã trích suýt, đã tạo cảm hứng cho tôi; nhưng sự phản ánh như vậy cũng được kích thích bởi sự hiểu biết về các sự kiện đến sau, về những người nói nghiệp, về sự trở hoa và sự suy đồi của những hệ tư tưởng đó. Tôi cũng được dẫn dắt đến những tư tưởng này bởi lòng tin rằng vài năm vừa qua ở Ba Lan đời sống công đã

được đánh dấu bởi một sự phục hưng của những thái độ không tuân thủ. Mẫu số chung của chúng là mục tiêu về sự tự quyết và sự hình thành một cương lĩnh cho một nền chính trị Ba Lan theo chủ nghĩa tích cực. Suy ngẫm về những cố gắng tương tự từ khoảng tám mươi năm trước có thể tạo ra một chiếc cầu trí tuệ giữa thời đại của tổ tiên chúng ta và bây giờ, khi đến lượt chúng ta để phân đấu cho nền độc lập. Còn hơn thế nữa, bởi vì một yếu tố quan trọng của cuộc đấu tranh vì sự tự quyết cốt ở sự hiểu biết xác thực của chúng ta về lịch sử của chính chúng ta. Là cần thiết để phát triển cách tiếp cận của ta đến di sản dân tộc, để hình thành truyền thống tư tưởng của riêng ta và đặt bản thân ta vào trong đó. Những cuộc tranh cãi về lịch sử là thường xuyên tương đương với những sự cãi cọ về bản sắc của chúng ta. Đôi khi, chúng ta đã bị hạn chế đối với hình thức thảo luận này bởi cái kéo của nhà kiểm duyệt, đôi khi bởi chứng liệt của chính cái lưỡi của chúng ta. Điều này cũng áp dụng cho những suy nghĩ của tôi ở đây. Chúng cũng phải đóng góp cho cuộc thảo luận về hình thù của số phận dân tộc chúng ta.

Có vẻ đối với tôi rằng có thể rút ra nhiều cảm hứng chi tiết và một ít bài học tổng quát từ các vấn đề quá khứ. Tôi sẽ thử tóm tắt chúng.

Đặc trưng chính của các cương lĩnh chính trị mà tôi đã mô tả đã là mục tiêu đã đạt: Ba Lan đã lấy lại sự độc lập của nó. Những cố gắng và những thành tựu của tất cả những người tham gia vào các cuộc bút chiến, mà tôi đã mô tả, đã đóng góp cho nó. Chính họ đã là những người đã tạo hình dân tộc mà đã có khả năng, sau 120 năm bị giam cầm và chia cắt, để tự tồn tại. Họ đã phát triển nhận thức chính trị của nó, các hệ tư tưởng hiện đại của nó, cấu trúc đa nguyên bên trong của nó. Bất chấp tình trạng giam cầm, chủ nghĩa đa nguyên này đã xác định tính phong phú và tính trưởng thành của đời sống Ba Lan, cho dù không phải tất cả những người tham gia vào nó đã nhận biết điều này. Nhưng hình thức và cường độ của các cuộc tranh luận Ba Lan quả thực đã gây buồn bã. Mỗi người thảo luận đã đòi lý do chính trị và tính yêu nước chân thật chỉ cho mình và phe của mình. Những sự lên án lẫn nhau đã thô bạo và không công bằng. Chúng đã đè nặng lên đời sống chính trị Ba Lan. Là quan trọng để luôn luôn nhớ sự thật này, đặc biệt bây giờ khi chúng ta tham gia vào một cuộc tranh luận nội bộ về chúng ta cần những chính sách nào bây giờ.

Chúng ta cần sự tự quyết. Chúng ta phải cứu sự tự tổ chức của chúng ta, các cấu trúc nghiệp đoàn của chúng ta, các báo không bị kiểm duyệt của chúng ta, những quy tắc đạo đức bất thành văn của chúng ta. Chúng ta phải cứu tiến trình của đời sống dân sự của chúng ta mà độc lập

với chính phủ. Việc này sẽ bắt chúng ta trả giá như nó đã có nhiều hy sinh rồi, nhưng đó là cái giá của quyền tự do. Đời sống không chính thức của chúng ta là đời sống xác thực của chúng ta. Chừng nào chúng ta có sự tự tổ chức chúng ta sẽ giữ được sự tự hiểu biết và linh hồn của một dân tộc tự do, cho dù chúng ta bị giữ trong trạng thái giam cầm.

Chúng ta cần hoạt động chính trị của chủ nghĩa tích cực. Điều này có nghĩa là hoạt động chính trị mà sẽ cho phép chúng ta kháng cự lại sự cám dỗ do quyền lực toàn trị chào mời và để kiên quyết làm việc nhằm đạt những mục tiêu dân tộc quan trọng nhất. Một chính sách như vậy đòi hỏi sự quyết tâm và tính kiên nhẫn, dũng khí và một năng lực sắc sảo để thỏa hiệp, một sự phân tích địa chính trị điềm tĩnh và một chiến thuật mềm dẻo thúc đẩy những thay đổi bên trong. Một hoạt động chính trị của chủ nghĩa tích cực có nghĩa là một sự đánh giá thực tế về vị trí của ta trên thế giới. Nó có nghĩa là giữ vững những thực tế của cuộc sống và loại bỏ những ảo tưởng duy tâm. Nó có nghĩa là sự sẵn sàng chiến đấu quên mình vì quyền cho một sự tồn tại có chủ quyền cho cộng đồng dân tộc của chính ta. Nhưng điều này không cùng như sự tin chắc rằng lợi ích của dân tộc riêng của tôi đòi hỏi việc chiến đấu với các dân tộc khác. Nó cũng không cùng như quan điểm, được diễn đạt nhiều năm trước, rằng “tư tưởng về đấu tranh là cốt lõi của cuộc sống, vì cuộc sống tiếp tục chỉ nhờ vào sự thực rằng cuộc sống khác tàn lụi trong cuộc đấu tranh. . . . Trong cuộc xung đột này những kẻ mạnh hơn và có tài hơn chiến thắng và những người yếu và kém tài hơn bị thua. Đấu tranh là cha đẻ của vũ trụ. . . . Con người sống và có khả năng sống sót bên cạnh thế giới động vật không phải bởi vì các nguyên tắc nhân đạo mà bằng việc sử dụng một cách duy nhất và độc nhất các phương pháp đấu tranh tàn bạo nhất.”

Chúng ta hãy đọc những từ này một cách cẩn trọng. Đây là những lời không do một chính trị gia Ba Lan nói, mặc dù nhiều người đã có thể đọc chúng. Những lời này được phát ra từ miệng Adolf Hitler. Chúng ta phải nghĩ về các hệ quả của chúng.

Hoạt động chính trị tích cực không phải là cùng như sự cuồng tín và tàn ác. Hoạt động chính trị của chủ nghĩa tích cực là sự cố gắng có ý thức để khắc phục cái vòng luẩn quẩn của Ba Lan, vòng “từ một 'sự đổi mới' sang 'sự đổi mới' tiếp sau,” từ một sự bùng nổ sang một cuộc nổi dậy. Chúng ta cần Giáo hội Công giáo một Giáo hội mà sẽ dạy chúng ta các giá trị đạo đức, bảo vệ nhân phẩm dân tộc và con người, cung cấp một nơi trú ẩn cho những hy vọng bị gày xéo. Nhưng chúng ta không kỳ vọng Giáo hội để trở thành đại diện chính trị của dân tộc, để trình bày những

cương lĩnh chính trị và đề ký các hiệp ước chính trị. Bất cứ ai muốn một Giáo hội như vậy, bất cứ ai kỳ vọng những thứ này từ các linh mục Công giáo, là người, bất luận anh ta thích hay không, đòi sự quy giản chính trị của tôn giáo Kitô. Vì chúng ta không cần một Giáo hội bị giam giữ, bị che dấu ở đằng sau các bức tường của một hệ tư tưởng chính trị cá biệt. Chúng ta cần một Giáo hội mở, mà “đưa toàn bộ thế giới lên trên cánh Chũ Thập.” Một Giáo hội như vậy, tôi nghĩ, mà tất cả những người Ba Lan cần hôm nay: những người tin vào “chúng điên của Chũ Thập,” đang tìm kiếm một cách mù quáng ý nghĩa của tính siêu việt Kitô, những người mà xác định ý nghĩa của cuộc đời họ theo các phạm trù của chủ nghĩa nhân đạo thế tục.

Chúng ta cần sự đoàn kết dân tộc. Như cơ sở của nó chúng ta phải tôn trọng những sự khác biệt, tính đa dạng, và chủ nghĩa đa nguyên. Như một điều kiện cho nó chúng ta phải lo cho sự phát triển tích cực của dân tộc chúng ta, cho đặc tính tập thể của nó và chiều kích tinh thần của nó. Mối đe dọa lừng lợ trên nó là sự thù hận đối với các dân tộc khác, sự coi khinh các nền văn hóa khác, và một niềm tin hoang tưởng tự đại vào sự hoàn hảo của chính mình. Sự đoàn kết dân tộc cung cấp một nơi trú ngụ cho tình trạng vô gia cư tinh thần; nó là sự tuyên bố chiến tranh chống lại tình trạng cô đơn con người đối mặt với Leviathan (Quái vật) cộng sản. Nhưng nó phải chẳng bằng cách nào dẫn đến việc hình thành các mối quan hệ xã hội theo mô hình của một hệ thống thứ bậc quân sự. Đoàn kết không phải là cùng như kỷ luật. Không thể có sự đoàn kết dân tộc nào mà không có sự khoan dung và chủ nghĩa đa nguyên, mà không có lòng tin rằng chính xác chủ nghĩa đa nguyên là cái phục vụ như bằng chứng cho sự phong phú của văn hóa của một dân tộc. Chúng ta cần chủ nghĩa xã hội. Leszek Kolakowski đã viết một cách khéo léo:

Chúng ta cần một truyền thống sinh động của tư tưởng xã hội chủ nghĩa mà, trong tuyên bố các giá trị truyền thống về công bằng xã hội và quyền tự do, kêu gọi duy nhất đến sức mạnh con người. Nhưng ở đây chúng ta không cần các tư tưởng của bất cứ chủ nghĩa xã hội nào. Chúng ta không cần những giấc mơ điên rồ về một xã hội mà tất cả những cảm dỗ xấu đều bị loại bỏ khỏi nó, hay những giấc mơ về một cuộc cách mạng toàn bộ mà ngay lập tức sẽ mang lại cho chúng ta hạnh phúc của sự cứu thế cuối cùng trong một thế giới không có xung đột. Cái chúng ta cần, là một xã hội chủ nghĩa mà sẽ giúp chúng ta tìm ra con đường của chúng ta trong thực tế phức tạp của các lực tàn bạo hoạt động trong lịch sử loài người, một chủ nghĩa xã hội mà sẽ tăng cường sự sẵn sàng của chúng ta để đấu tranh chống nghèo đói và bất công xã hội. Chúng ta cần một truyền thống xã hội chủ nghĩa biết rõ về những hạn chế của chính nó, bởi vì giấc mơ về sự cứu thế cuối cùng là sự tuyệt vọng đối lốt hy vọng, là lòng tham quyền lực được mặc chiếc áo công lý.

Chúng ta cần quyền tự do. Khi chúng ta đi tới tự do chúng ta mang trong mình những hạt giống của sự giam cầm. Không ai đi ra vô tội từ cuộc chiến tranh được tuyên bố chống lại Chúa trùm Bóng tối. Quyền tự do có thể bị đe dọa theo những cách khác nhau. Một số trong chúng ta đòi quyền tự do của những người khác, còn những người khác lại sợ gánh nặng của quyền tự do của chính họ. Đó là di sản của những năm dài nô lệ, và không có cách nào mà điều này có thể được khắc phục một sớm một chiều. Người ta phải đủ trưởng thành cho quyền tự do. Người ta phải học quyền tự do. Đúng: quyền tự do đã được ghi khắc vào trái tim và khối óc chúng ta. Nhưng làm thế nào người ta có thể đọc bên trong mình một cách chính xác?

Quyền tự do là sự tự sinh. Tôi nặn bản thân mình, tôi rèn số phận của mình vì cái giá của cuộc đời của chính tôi. Nó có thể là số phận của một nô lệ hay số phận của một người tự do. Trong trường hợp sau tôi có quyền tự do lựa chọn. Tôi có thể xóa đi tất cả truyền thống của cha ông tôi. Tôi có thể khạc nhổ lên mọi đài kỷ niệm của nền văn hóa của tôi. Tôi có thể làm tất cả các việc trên.

Đồng thời, toàn bộ quá trình lịch sử này về sự nhận biết và các lựa chọn của con người lại gắn mật thiết với truyền thống sinh động của dân tộc anh ta, mà trong đó những lời của đức Kitô, lời chứng của sách phúc âm, văn hóa Kitô, các phong tục sinh ra từ đức tin, hy vọng và tình yêu vang dội với một tiếng vang sinh động ngang qua các thế hệ. Con người chọn một cách có ý thức, thông qua quyền tự do bên trong của mình. Truyền thống không tạo ra một giới hạn, nó là một kho báu, một nguồn lực tinh thần, một lợi ích chung to lớn, mà tất cả chúng được xác nhận bởi mỗi sự lựa chọn, bởi mỗi việc làm cao quý, bởi mỗi cuộc sống được sống theo cách Kitô chân thật. Người ta có thể đẩy tất cả thứ này sang bên? Người ta có thể nói không? Người ta có thể từ chối đáng Kitô và tất cả những thứ mà Ngài đã đóng góp cho lịch sử loài người?

Tất nhiên người ta có thể. Con người là tự do. Con người có thể nói không với Chúa. Nhưng, và đây là câu hỏi thực chất, người ta có được phép làm? Và “được phép là” nhân danh cái gì? Lý lẽ nào của lý trí, giá trị nào của ý chí và trái tim mà người ta có thể đưa ra cho chính mình, cho những người thân yêu của mình, cho đồng bào mình, cho dân tộc, để bác bỏ và nói không với tất cả điều đó cho phép chúng ta sống một ngàn tuổi?! Hay với tất cả điều đó đã tạo thành nền tảng bản sắc của chúng ta và đã luôn luôn ở đó? (John Paul II)

Đây là vì sao trong một dân tộc tự do, lý tính được hoàn thành thật sự. Nó là tinh thần sống động và hiện hữu, mà trong đó cá nhân đã tìm thấy vận mệnh của mình, sự tồn tại cá thể chung của mình, không chỉ cái gì đó mà được bày tỏ và cho trước như một vật, mà tự nó là sự tồn tại riêng của nó, và mà đã thực hiện được sứ mệnh của mình. Đây là vì sao người vĩ đại nhất của những người khôn

ngoan cổ xưa đã nói rằng sự khôn ngoan và đức hạnh có nghĩa là sống hài hòa với các phong tục của dân tộc mình. (G. W. F. Hegel)

Tháng Bảy 1982

Lời bạt

Tôi đã viết “Đôi thoại trong Thành” trong hoàn cảnh đặc biệt. Tôi đã chỉ có vài đồng nghiệp mà tôi có thể yêu cầu bình luận. Tất cả họ đã có đủ [việc] để khiến họ bận rộn, nhưng tuy vậy đã giành cho tôi nhiều thời gian và sự chú ý. Hãy cho tôi cảm ơn Jacek Kuron, Anatol Lawina, Janusz Onyszkiewicz, và Henryk Wujec.

Phê bình đầu tiên liên quan đến tổ chức văn bản và tỷ lệ không cân xứng của nó. Theo lời của một trong những bạn tôi, “một bức tranh cực kỳ tích cực về các nhà Dân chủ Dân tộc nổi lên từ văn bản, trong khi di sản của phe xã hội chủ nghĩa đã không được giới thiệu. Thế mà nó cũng đã phát triển một tầm nhìn về sự tự quyết và một hoạt động chính trị của chủ nghĩa tích cực. Nó đã tổ chức việc giáo dục, một nền văn hóa bất hợp pháp, một phong trào hợp tác xã, vân vân.”

Nhưng tôi đã không có ý định vẽ một bức tranh sách giáo khoa, đầy đủ của thời đại đó. Từ quan điểm như vậy văn bản của tôi là vô ích. Tôi đã thử hỏi những câu hỏi mới được trình bày từ viễn cảnh hôm nay về thời đại đó, về bằng chứng và tư liệu của nó. Đây là vì sao luận chứng của tôi được trình bày dưới dạng một tiểu luận, có lẽ quá lộn xộn. Sản phẩm trí tuệ của các nhà xã hội chủ nghĩa được biết khá kỹ; người ta đã viết nhiều về nó, một cách khách quan và thành thạo. Những quan điểm riêng của tôi về nó đã được bày tỏ hàng năm trước trong tiểu luận của tôi “Những cái Bóng của Tổ tiên bị Quên,” mà trong đó tôi đã vẽ một phác họa tư tưởng về Józef Pilsudski. Theo bản chất của tôi, theo sự lựa chọn hệ tư tưởng và truyền thống tiểu sử của tôi, tôi coi đặc tính của Đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan là của riêng tôi. Tôi đã đồng nhất hóa một cách công khai, trong nhiều dịp, bằng lời và thành văn, với truyền thống của chủ nghĩa xã hội theo xu hướng độc lập và dân chủ. Ý định đằng sau “Đôi thoại trong Thành” đã là hơi quá đáng: tôi đã muốn, qua con mắt của một người đã được đào tạo theo truyền thống cánh tả, diễn giải theo cách khác nội dung trong các khái niệm chính trị của các nhà Dân chủ Dân tộc và để làm lộ ra những giá trị được ẩn giấu bên dưới các lớp dày của sự lảng mạ, sự oán giận, và sự lừa dối. Một cách tự nhiên tôi đã tập trung vào các motif mà đặc trưng cho sự khôn ngoan và sự sắc sảo của tư

tương chính trị của các nhà Dân chủ Dân tộc. Các cuộc luận chiến ý thức hệ, logic của các tranh luận chính trị luôn luôn làm cho người ta thổi phồng các sai lầm của các đối thủ và tẩy trắng những sai lầm của chính họ. Đây có thể là vì sao tôi đã áp dụng phương pháp ngược lại trong bài này: tôi đã thấy truyền chống của riêng tôi trong một chiếc gương cong có những nguy hiểm và biến dạng của nó, và truyền thống Dân chủ Dân tộc trong sự sáng ngời của các đức hạnh của nó. Nhưng tôi cũng đã chỉ ra những bóng tối trong suy nghĩ của các nhà Dân chủ Dân tộc, mặc dù phải thú nhận tôi đã thử hiểu những nguồn gốc của chúng thay cho việc vạch ra những triệu chứng của chúng. Vì thế tôi đã thử moi ra từ các tác phẩm của Dmowski một chẩn đoán sắc sảo cho xung đột giữa các chủ nghĩa dân tộc Ba Lan và Lithuania hay Ukrain hơn là xem những kết luận được lãnh tụ ND rút ra chỉ như sản phẩm của những niềm tin dân tộc chủ nghĩa của riêng ông. Là khó trong các tác phẩm của ông để tách hướng của chẩn đoán khách quan ra khỏi sự kích động tư tưởng và chính trị; hai cái được liên kết, đan xen vào nhau. Nhìn vào chúng từ viễn cảnh hôm nay, tuy vậy, ta phải kết luận rằng các thông điệp ý thức hệ sai không loại trừ một chẩn đoán đúng về các tình huống chính trị.

Dân chủ Dân tộc đã không là một tạo tác đồng dạng. Nó đã là một phe phái được tạo thành từ nhiều luồng, trải qua một sự tiến hóa, đầy căng thẳng nội bộ. Nhưng tôi đã quan tâm đến các đặc trưng phổ quát của nó, điển hình của một phong cách suy nghĩ chính trị. Đây có lẽ là vì sao tôi đã tránh vấn đề quan trọng của tuyên truyền ND, bị chi phối bởi một chính sách mị dân thô thiển và rẻ tiền mà đã đánh thức những đam mê và giành được phiếu bầu. Sự biến đổi của tư tưởng chính trị này như kết quả của sự phân cực quần chúng của nó là một chủ đề cho nghiên cứu khác. Cương lĩnh ND được bày tỏ ở các trang của tờ *Przegląd Wszechpolski* đã có vẻ rất khác với cách nó được dùng trong các bài phát biểu của những người kích động quần chúng được phát biểu tại các cuộc mít ting lớn trước bầu cử. Cách nói cực súc của sự hận thù dân tộc đã thay thế sự phân tích địa chính trị tinh tế. Một hiện tượng tương tự xảy ra ở phe xã hội chủ nghĩa: khái niệm “đấu tranh giai cấp” đã không còn là công cụ cho việc phân tích các quá trình lịch sử vì nó đã biến thành một khẩu hiệu mị dân, thường để biện minh cho sự tước đoạt tài sản của những người khác. Những xúc cảm và những kỳ vọng bình dân đã có một tác động lên các nhà lý luận chính trị: họ đã quy giản chúng và đã dẫn đến sự cuồng tín và hận thù. Kiểu nhà lý luận cuồng tín được Florian Znaniecki mô tả đã không xuất hiện chỉ giữa các nhà xã hội chủ nghĩa.

Theo ý kiến của các bạn của tôi, tôi đã không đối sánh đủ rõ sự đánh giá tích cực của tôi về phe Dân chủ Dân tộc với mối đe dọa toàn trị được sinh ra từ ý thức hệ Dân chủ Dân tộc. Theo họ, tôi đã lưu ý mằm mống toàn trị chỉ giữa những người xã hội chủ nghĩa.

Tôi tin sự tiên hóa của các phong trào dân tộc chủ nghĩa sang chủ nghĩa toàn trị đã được mô tả nhiều lần, chủ yếu về thí dụ Đức và Hitler. Những thứ này được nhiều người biết đến, cho nên tôi thích hơn nếu ai đó, người công khai xác nhận ủng hộ truyền thống ND (thí dụ Wojciech Wasiutynski, Wieslaw Chrzanowski, hay Aleksander Hall) tìm hiểu mằm mống toàn trị chứa trong các cương lĩnh và các tư tưởng dân tộc chủ nghĩa. Henryk Wujec đã viết cho tôi:

Anh cho thấy sự làm suy đồi của Dmowski và Pilsudski, cùng với ý tưởng của họ về sự tự quyết, mà đã bị trong cuộc đấu tranh với hệ thống sa hoàng. Tôi tin rằng ở tâm điểm của tư tưởng của Dmowski về sự tự quyết, mà anh mô tả theo một cách tích cực như vậy, là một bệnh thực sự mà phủ nhận sự tự quyết này. Đối với Dmowski, sự tự quyết là liên quan chỉ đến những người Ba Lan, còn các nhóm khác là lệ thuộc, thấp kém. Theo Dmowski, sự tự quyết không chạm đến tất cả công dân của nhà nước Ba Lan. Nó là một tai họa nguy hiểm hơn những thứ gây ra bởi cuộc đấu tranh với hệ thống sa hoàng và các thói quen do các chiến sĩ nhiệm phải, bởi vì nó nằm ở nguồn của học thuyết.

Tôi coi những suy nghĩ trên là cơ bản đúng đắn. Khía cạnh này của học thuyết Dân chủ Dân tộc đã là một gánh nặng đặc biệt xấu lên đời sống công của Đệ nhị Cộng hòa. Nhưng chúng ta hãy nhớ lại tâm của vấn đề. Dmowski, bản thân ông là một nhà dân tộc chủ nghĩa và bản thân ông hiểu động học của các chủ nghĩa dân tộc khác, đã không tin vào một sự dàn xếp không có xung đột của các mối quan hệ Ba Lan-Lithuania hoặc Ba Lan-Ukrain trong nhà nước Ba Lan tương lai. Những kết luận chính trị ông rút ra đã là tồi một cách không thể chối cãi được, mặc dù bản thân chẩn đoán của ông đã đúng. Những người Ukrain đã không thể được thỏa mãn với bất kỳ sự bình đẳng nào trước luật trong một nhà nước Ba Lan; họ đã muốn một Ukraine có chủ quyền. và người ta hầu như không thể ngạc nhiên về điều này. Vì lý do này tôi tin rằng để tạo ra một cương lĩnh cho một liên bang đã là cần thiết để công nhận những khát vọng dân tộc Ukrain. Đã là không đủ để sống bằng tầm nhìn về một “Ba Lan Jagellonian” khoan dung và tư tưởng về một “nhà nước mà không có những giàn thiêu.” Nói cách khác, Dmowski đã mắc tội với tính tàn bạo của chương trình Ba Lan hóa của ông và với tính hẹp hòi của tầm nhìn

của ông về tính Ba Lan, còn các địch thủ của ông trong PPS và trong phe Belvedere đã mắc tội qua tính ấu trĩ của họ.

Một người bạn đã hỏi tôi: “Anh đã không bỏ qua tầm quan trọng của cương lĩnh ‘không thực tế’ và lãng mạn của Đảng Xã hội chủ nghĩa Ba Lan cho việc giành lại nền độc lập?” Đối với tôi câu hỏi này dựa trên một sự hiểu lầm ngữ nghĩa học. Ý tưởng mà đã chiến thắng trong năm 1918 đã là hoàn toàn không thực tế vào đầu của thế kỷ. Nhưng trong mục tiêu của nó về phấn đấu cho nền độc lập, các nhà Dân chủ Dân tộc đã không khác với PPS. Tranh cãi của họ đã liên quan đến các phương pháp và phương tiện để đạt độc lập. Các phương tiện này đã khác nhau, nhưng người ta đã không thể chứng tỏ rằng những hoạt động của Pilsudski đã là không thực tế và được tính toán. Điểm cốt yếu là, sự thực hành chính trị thực tế này đã không đi cùng với một tư tưởng chính trị được trình bày một cách rõ ràng, như đã có ở Dmowski. Những người Ba Lan mang ơn Pilsudski nhiều thứ: một ý thức về nhân phẩm, niềm tin vào độc lập, sự sẵn sàng chịu những hy sinh, sự quen biết với các giá trị. Nhưng họ không mang ơn ông nhờ một tư tưởng chính trị có hệ thống được trình bày trong các tác phẩm của ông. Từ Roman Dmowski, tuy vậy, những người Ba Lan đã có thể học làm thế nào để nghĩ về chính trị.

“Chủ nghĩa xã hội là một thuật ngữ hoàn toàn bị tai tiếng. Có là tốt rằng anh dùng nó trong những kết luận của anh?” Janusz Onyszkiewicz đã viết cho tôi.

Tôi không biết làm sao để đưa ra một câu trả lời rõ rệt cho câu hỏi này, ngay cả cho chính tôi. Bởi vì, quả thực, ở Ba Lan từ chủ nghĩa xã hội là cả bị tai tiếng lẫn mơ hồ. Từ quan điểm này nó phải được bỏ đi. Tuy nhiên, phong trào công nhân Ba Lan và đảng của nó, đảng PPS, mà đã ủng hộ các lý tưởng về các quyền của nhân dân lao động và của sự độc lập dân tộc, các nguyên tắc của “quyền tự do của Ba Lan và quyền tự do của con người ở Ba Lan,” đã sử dụng từ này hàng thập kỷ. Đúng là, chủ nghĩa xã hội của PPS đã là con đẻ của một thời đại khác, là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội và trí tuệ khác. Nhưng có phải toàn bộ hình thức của những xung đột ý thức hệ đó [chi] là một hiện tượng lưu trữ? Chúng ta không thường tranh luận về quá khứ, nghĩ rằng chúng ta đang tranh cãi về những sự thật của hiện tại? Chẳng phải đúng là từ nồi nấu chảy của quá khứ, những chương trình mới, những tư tưởng mới, những cách diễn đạt mới của các xung đột cũ nhất định nổi lên? Chẳng phải đúng là những kế hoạch mà được đưa ra hôm nay cho một cộng hòa tự quản phải là một sự tổng hợp của các motif mà đã đụng chạm hôm qua và đã không thể được

hòa giải, nhưng ngày nay chúng là bổ sung và là đồng minh tự nhiên, làm phong phú lẫn nhau ư?

Tôi tin rằng điều này chính xác đúng thế hôm nay. Đó là vì sao tôi đã sử dụng khái niệm “truyền thống xã hội chủ nghĩa,” mà trong đó tôi thấy một nhân tố không thể thiếu được của những hy vọng hiện nay của chúng ta.

Và đây là vì sao tôi đã viết “Cuộc nói chuyện trong Thành.”

Warsaw, 1982

INDEX